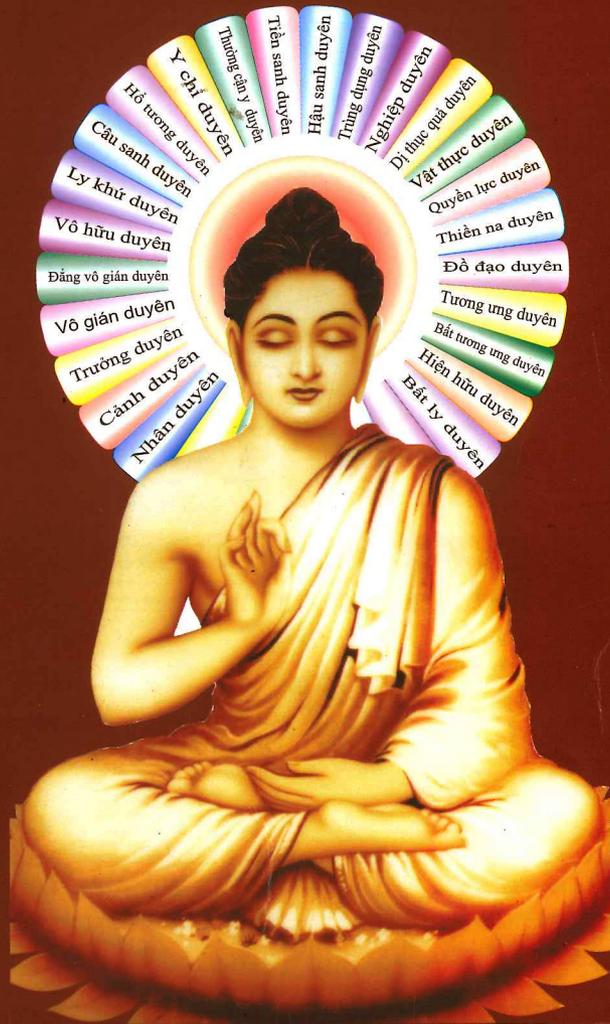


THERAVĀDA  
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

# ABHIDHAMMAPĪṬAKA

Đại Đức Thiện Minh  
Cư Sĩ Nguyễn Đức Tài  
Biên soạn



Tự Học

# VI DIỆU PHÁP

Tập 3



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



*Tự Học*

# VI DIỆU PHÁP

## Tập 3

Đại Đức THIÊN MINH  
Cư Sĩ NGUYỄN ĐỨC TÀI  
Biên soạn

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO  
HÀ NỘI - 2010

YÊN GIANG NGUYỄN THỤY  
THERAVADA  
AMBAHARMA

DỰA THEO  
TÁC PHẨM, DỊCH PHẨM, TÀI LIỆU, TƯ LIỆU, CHÚ GIẢI CỦA  
CỐ ĐẠI TRƯỞNG LÃO ÂN SƯ TỊNH SỰ  
*MAHĀTHERO SAṆTAKICCO*

Tập 3

Đại Đức THIÊN MINH  
Cơ-Bí NGUYỄN ĐỨC TÀI  
Biên soạn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN GIÁO  
HÀ NỘI - 2018

Kính Dâng Thầy -

**Đại Trưởng Lão Ân Sư – Ngài Tịnh Sự**  
(*Mahāthero Santakicco*)



Kính Dâng:      Cha – Mẹ.



***Namo Tassa Bhagavato Arahato  
Sammāsambhuddhassa***

Xin cung kính Đức Thế Tôn, Bạc Ứng Cúng,  
Đấng Chánh Biến Tri

***Namatthu Sugatassa***

Xin Cung Kính Đức Thiện Thệ

***Namatthu Ratanattayassa***

Xin nghiêm tịnh Thân, Khẩu, Ý Kính Lễ đến Tam Bảo

## LỜI TỰA

Do sự giúp sức của nhiều vị, nên Quyển Tự Học Vi Diệu Pháp 3 - biên soạn được thành tự. Trong đó phần lớn nhờ vào tư liệu, tài liệu, chú giải, hình thành qua dịch phẩm, soạn phẩm của Ngài Đại Trưởng Lão Ân Sư Tịnh Sự.

Mà chúng tôi đã hết sức cố gắng phần nào, dựa vào Dịch phẩm - Tác phẩm của Ngài để tiếp tục biên soạn phần Tự Học Vi Diệu Pháp giáo lý cao siêu của nhà Phật. Bởi vì, trong phần Tự Học Vi Diệu Pháp – Quyển 3 này là những điều pháp hay phần pháp xem như then chốt liên quan mở khiếp (tạng). Tức là bao gồm:

- ✓ Thọ Nhiếp (*Vedanāsaṅgaha*)
- ✓ Sự Nhiếp (*Kiccaṅgaha*)
- ✓ Môn Nhiếp (*Dvārasaṅgaha*)
- ✓ Vật Nhiếp (*Vatthusaṅgaha*)
- ✓ Nhân – Sở Hữu Nhiếp (*Hetu – Cetasikāsaṅgaha*)
- ✓ Cảnh Nhiếp (*Ārammaṅgaha*)
- ✓ Người và Cõi (*Puggala Bheda Bhūmi*)

❖ **Đến Quyển 4 sẽ trình bày các phần:**

- Lộ Tâm (*Cittavithi*)
- Lộ Sắc (*Rūpavithi*)
- Tương Tập Nhiếp (*Samuccayaṅgaha*)
- Mẫu Đề Tam (*Tikamātikā*)
- Mẫu Đề Nhị (*Dukamātikā*)
- Nhị Đề Kinh (*Suttaṅgamātikā*)

Trong đó mỗi một phần được chia ra theo dạng bài học, mỗi bài học có hình thức và nội dung như sau:

- I. Định nghĩa
- II. Điều pháp và Chi pháp
- III. Bảng niêu
- IV. Bảng đồ
- V. Phân giải
- VI. Kết luận

Đây là lối tự học uyển chuyển rất nhiều phần và đa cách, giúp cho người học cũng như nghiên cứu nhận định theo thứ tự:

- **Định Nghĩa:** Là nói rõ về nghĩa từ, hay giải thích hoặc chú giải về nghĩa từ đó trên ý nghĩa bản thể pháp (bao gồm điều pháp và chi pháp).
- **Điều pháp và Chi pháp:** Là phần nêu bày tên gọi của pháp đó có mấy điều – đặng mấy chi pháp, và đồng thời phải biết thêm các vị trí của những phần pháp và chi pháp đó, để tiện việc nhận định chỗ nơi của pháp ấy trong “Bảng Nêu Chi Pháp”.
- **Bảng đồ:** Là phần phân bố gọn, tức là gom dón lại để dễ dàng nhận định, so sánh, đối chiếu các pháp bản thể lại với nhau, như khi nói về Thọ nhiếp – Phần Lạc Thọ thì vị trí của pháp này là nằm ở Sở Hữu Thọ, với pháp câu sanh như: Xúc, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và Tâm Thân Thức Lạc Thọ v.v... .
- **Phân giải:** Đây là phần trọng yếu vì là phần giải bày và phân tích những yếu lý - nghĩa pháp mà điều pháp và chi pháp đã nêu, làm cho người học và nghiên cứu hiểu thêm những lý lẽ uyên thâm của phần pháp đó.
- **Kết luận:** Là phần cuối cùng trình bày bằng cách đúc kết, tức là nhắc lại những gì mà bài học đã phân ra, đặng người học và nghiên cứu để nhận định được với tầm nhìn tổng quát của phần pháp đang học.

Mong các bậc hiền trí trợ duyên.  
Mong lợi ích cùng nhau tiến hóa.

Hồi hướng và chia phước đến Đức Tứ Đại Thiên Vương và tất cả chúng sanh, nhứt là các Vị Chư Thiên có oai lực hộ trì Tạng Vô Tỷ Pháp đặng thành hành.

Cẩn Bút:

Cư Sĩ Nguyễn Đức Tài

## Phụ Trách

Thiện Siêu

Tịnh Minh

Quang Khanh

Quang Mai

Phước Vân

Bạch Huệ

Phước Thanh

Phước Mai

Quang Kiều

Và các vị khác ...



**Bài 16:****THỌ NHIẾP**  
**(VEDANĀSAṄGAHA)****I. ĐỊNH NGHĨA:**

Thọ có nghĩa là: Nhận lấy, thọ nhận, thọ hưởng, cảm nhận, hứng chịu ...

Thọ có nhiều nghĩa, nhưng ở đây chỉ lấy những nghĩa sát trong “Thọ Nhiếp” mà thôi, tức là Thọ theo nghĩa từ và Thọ theo lý Pháp của *Vedanāsaṅgaha* như sau:

**Thọ:** Hưởng cảnh, nhận lấy đối tượng, cảm nhận cảnh, cách hứng chịu, hoặc dung nạp hưởng cảnh. Những cách này gọi là Thọ. Thọ có nghĩa là cách tiếp theo sau liền kề của Xúc, thành sự đụng chạm cho ra cảm nhận, có thể nói Thọ là thành tựu của Xúc. Đặng thành tựu cảm nhận, trạng thái đó gọi là **Thọ**. Đây nên hiểu như:

Sắc cảnh sắc (cảnh) đụng vào, đối chiếu vào, dội vào, chạm vào – Nhãn Vật (hoặc các cảnh: Thính, Khí, Vị, Xúc, Pháp đối chiếu Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý Vật). Thức uẩn nương vật đó biết cảnh, Thọ uẩn cùng hiện khởi và các Pháp câu sanh khác là Tướng uẩn, Hành uẩn cùng phát sanh.

Theo Chánh Tạng:

- Thọ nói theo phần Thiện, Bất Thiện - Bộ Pháp Tụ - *Dhammasaṅgani*, thuộc tạng Vô Tỷ Pháp - *Abhidhammapiṭaka*:

*Thọ trong khi ấy ra sao?*

Khi nào có sở hữu Thọ làm cho tâm hưởng vui, hưởng sướng sanh từ nơi sự xúc chạm của Ý Thức Giới. Cách hứng chịu Hỷ, Lạc của Tâm sanh từ Ý - Xúc, thái độ dung nạp lãnh lấy: Hỷ, Lạc của Tâm sanh từ Ý - Xúc. Như thế gọi là Thọ có trong khi ấy.

- Thọ nói theo Bộ Phân Tích – *Vibhaṅga*:

*Thọ Uẩn đó ra sao?*

Mỗi Thọ nào như là: Quá khứ, hiện tại, vị lai, bên trong, bên ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc gần, hoặc xa gồm chung cho đón gọn thành nhóm. Như thế gọi là Thọ (Thọ uẩn).

Cũng trong Bộ Phân Tích, phần Phân theo Vô Tỷ Pháp<sup>1</sup> – trang 111 – Đức Phật có giảng dạy thêm về Thọ uẩn như sau:

*Thọ uẩn đó ra sao?*

- Thọ uẩn phân phần - thành 1 tức là Thọ uẩn tương ứng Xúc.
- Thọ uẩn phân phần - thành 2 như là Thọ uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân.
- Thọ uẩn phân phần - thành 3 như là Thọ uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký ...

Thọ uẩn phân phần - thành nhiều thứ theo như cách này. Đây gọi là Thọ uẩn.

<sup>1</sup> Theo bản dịch của Đại Trưởng Lão Tịnh Sự - Māhathero Saṅgacikco

*Như Vậ:*

Thọ có nghĩa là cách tiếp theo liền kề của xúc, nghĩa là thành sự đụng chạm cho ra cảm nhận, hứng chịu cảnh, tức là có thể nói Thọ là thành tựu của Xúc.

**NHIẾP – SAṄGAHA:** Đã định nghĩa.

**Tho Nhiếp:**

Là phần phân định Pháp trên phương diện cảm nhận mà phân theo cách gom Tâm và sở hữu tương ứng với Thọ, tức là một trong năm Thọ khởi sanh được thể hiện đặng bao nhiêu Pháp câu sanh, đồng sanh ra. Đặc tính của Thọ Nhiếp là dựa trên cảm giác hay sự hứng chịu, sự dung nạp cảnh giới (cảnh Sắc, cảnh Thinh, cảnh Khí, cảnh Vị, cảnh Xúc, cảnh Pháp) khi xúc chạm với lục căn, mà bên trong gồm có nhiều Pháp cùng câu sanh hiện khởi.

**II. ĐIỀU PHÁP và CHI PHÁP:**

a. Theo Chánh Tang là Tam Thọ:

1. Khổ Thọ (*Dukkavedanā*).
2. Lạc Thọ (*Sukhavedanā*).
3. Phi Khổ Phi Lạc Thọ (*Adukkhāma asukhāyavedanāya*).

Hoặc:

1. Ưu Thọ (*Domanassavedanā*).
2. Hỷ Thọ (*Somanassavedanā*).
3. Phi Ưu Phi Hỷ Thọ (*Adomanassa asomanassavedanāya*).

b. Theo Chú Giải thì Thọ phân ra thành 5:

1. Khổ Thọ (*Dukkavedanā*).
2. Lạc Thọ (*Sukhavedanā*).
3. Ưu Thọ (*Domanassavedanā*).
4. Hỷ Thọ (*Somanassavedanā*).
5. Xả Thọ (*Upekkhāvedanā*).

Thọ phân theo cảnh của người thường và người tu Tuệ tính trên 3 thời, đặng 108 Thọ:

	2 dạng Người:		Cộng 6 CẢNH: (Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Pháp)	Nhân cho 3 THỜI: (Quá Khứ, Hiện Tại, Vị Lai)	Thọ Của Hai Dạng Người		Cộng Thọ:
	Thường	Tu Tuệ			Người Thường	Người Tu Tuệ	
<b>Khổ Thọ</b>	1	1	6	3	<i>18</i>	<i>18</i>	36
<b>Lạc Thọ</b>	1	1	6	3	<i>18</i>	<i>18</i>	36
<b>Xả Thọ</b>	1	1	6	3	<i>18</i>	<i>18</i>	36
<b>Cộng Chung:</b>							<b>108</b>

Sắp theo ngũ Thọ, cách nói về sự hưởng cảnh dựa trên 5 cách hứng chịu, dung nạp là:

1) Khổ Thọ:

Hưởng cảnh xúc không tốt, thân đau đớn, khổ thân, tức sở hữu Thọ hiệp với thân thức câu hành Khổ và Pháp câu sanh.

2) Lạc Thọ:

Hưởng cảnh xúc thích hợp, thân sướng, tức sở hữu Thọ hiệp với Thân Thức câu hành Lạc và Pháp câu sanh.

3) Ưu Thọ:

Hưởng cảnh không ưa thích, không vừa ý, tức sở hữu Thọ hiệp với tâm Sân câu hành khuyển và Pháp câu sanh.

4) Hỷ Thọ:

Hưởng cảnh đáng mong mỏi, vừa lòng, phơi phơi, tức sở hữu Thọ hiệp với các thứ tâm câu hành Hỷ và Pháp câu sanh.

5) Phi Khổ Phi Lạc Thọ (tức là Xả Thọ):

Hưởng cảnh trung bình, ly Pháp hỷ, cách điều hòa của danh Pháp, tức sở hữu Thọ hiệp với các thứ Tâm câu hành xả và Pháp câu sanh.

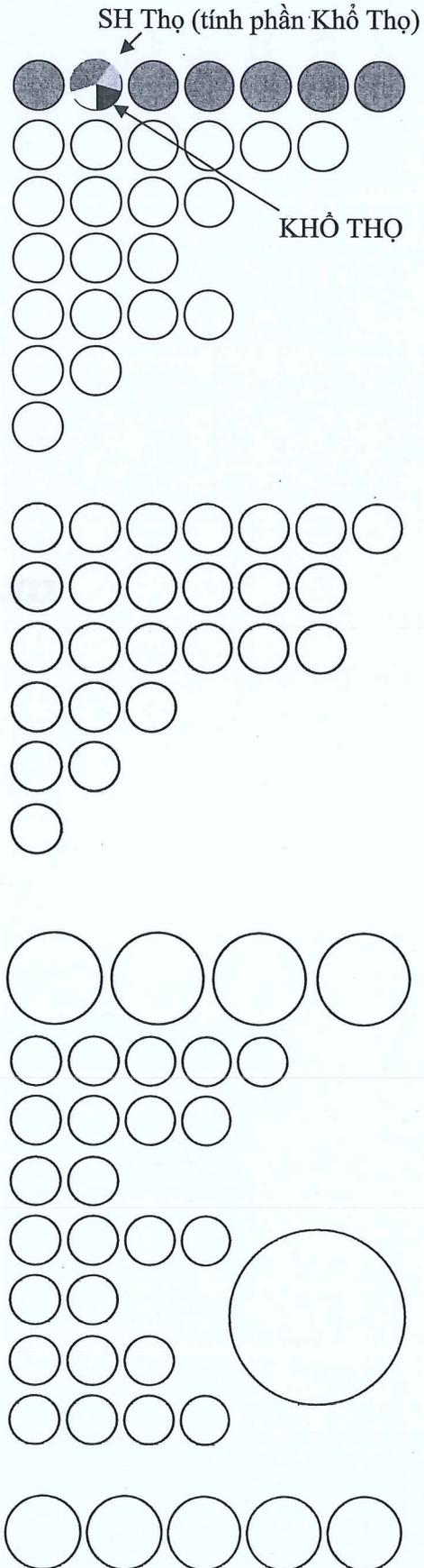
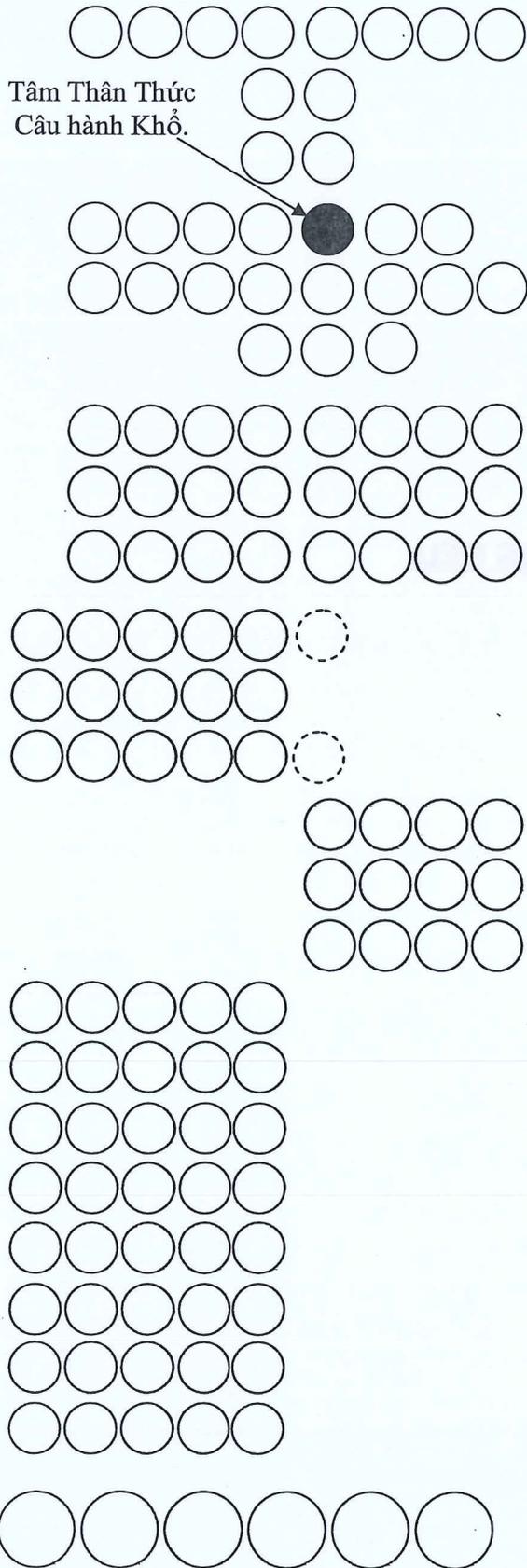
**Bảng Gom Dón Gọn Điều Pháp – Chi Pháp Thọ Nhiếp**

NGŨ THỌ (5 Thọ)	DANH PHÁP ĐỒNG SANH	
	TÂM	SỞ HỮU TÂM
<b>1. Khổ Thọ</b>	Tâm Thân Thức Khổ Thọ	Sở Hữu Biến Hành (Bớt Thọ)
<b>2. Lạc Thọ</b>	Tâm Thân Thức Lạc Thọ	Sở Hữu Biến Hành (Bớt Thọ)
<b>3. Ưu Thọ</b>	2 thứ Tâm Sân	Sở Hữu Biến Hành (6) Sở Hữu Biệt Cảnh (6) Sở Hữu Si Phần (4) Sở Hữu Sân Phần (4) Sở Hữu Hôn Phần (2) <b>= 22 Sở Hữu</b>
<b>4. Hỷ Thọ</b>	Tham câu hành Hỷ (4) + Vô Nhân câu hành Hỷ (2) + Dục giới Tịnh Hào câu hành Hỷ (12) + Tâm Sơ, Nhị, Tam, Tứ Thiền (44) <b>= 62 thứ Tâm</b>	Có <b>46 Sở Hữu</b> (đã trừ Sở Hữu: - Thọ (1) - Sân Phần (4) - Hoài Nghi (1)) (52 – 6 = 46 Sở Hữu)
<b>5. Xả Thọ</b>	Bất Thiện câu hành Xả (6) + Tâm Vô Nhân câu hành Xả (14) + Tâm Dục Giới Tịnh Hào câu hành Xả (12) + Tâm Ngũ thiền (23) <b>= 55 thứ Tâm</b>	Có <b>46 Sở Hữu</b> (đã trừ Sở Hữu: - Thọ (1) - Hỷ (1) - Sân Phần (4)) (52 – 6 = 46 Sở Hữu)

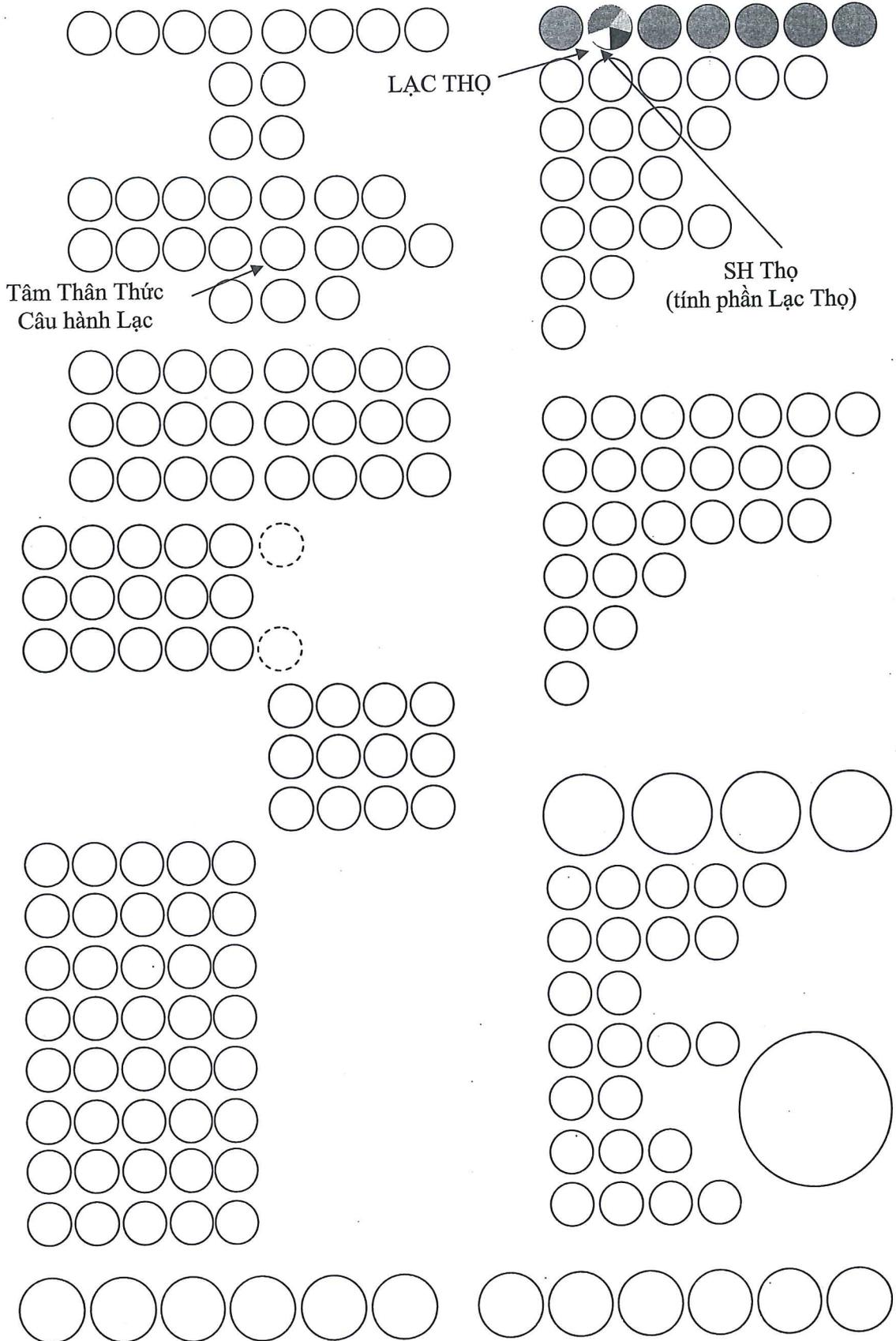


**III. BẢNG NÊU:**

**Khổ Thọ Nhiếp** dạng: 1 thứ Tâm là Thân Thức Câu hành Khổ, Sở Hữu biến Hành (6), đã bớt Thọ.

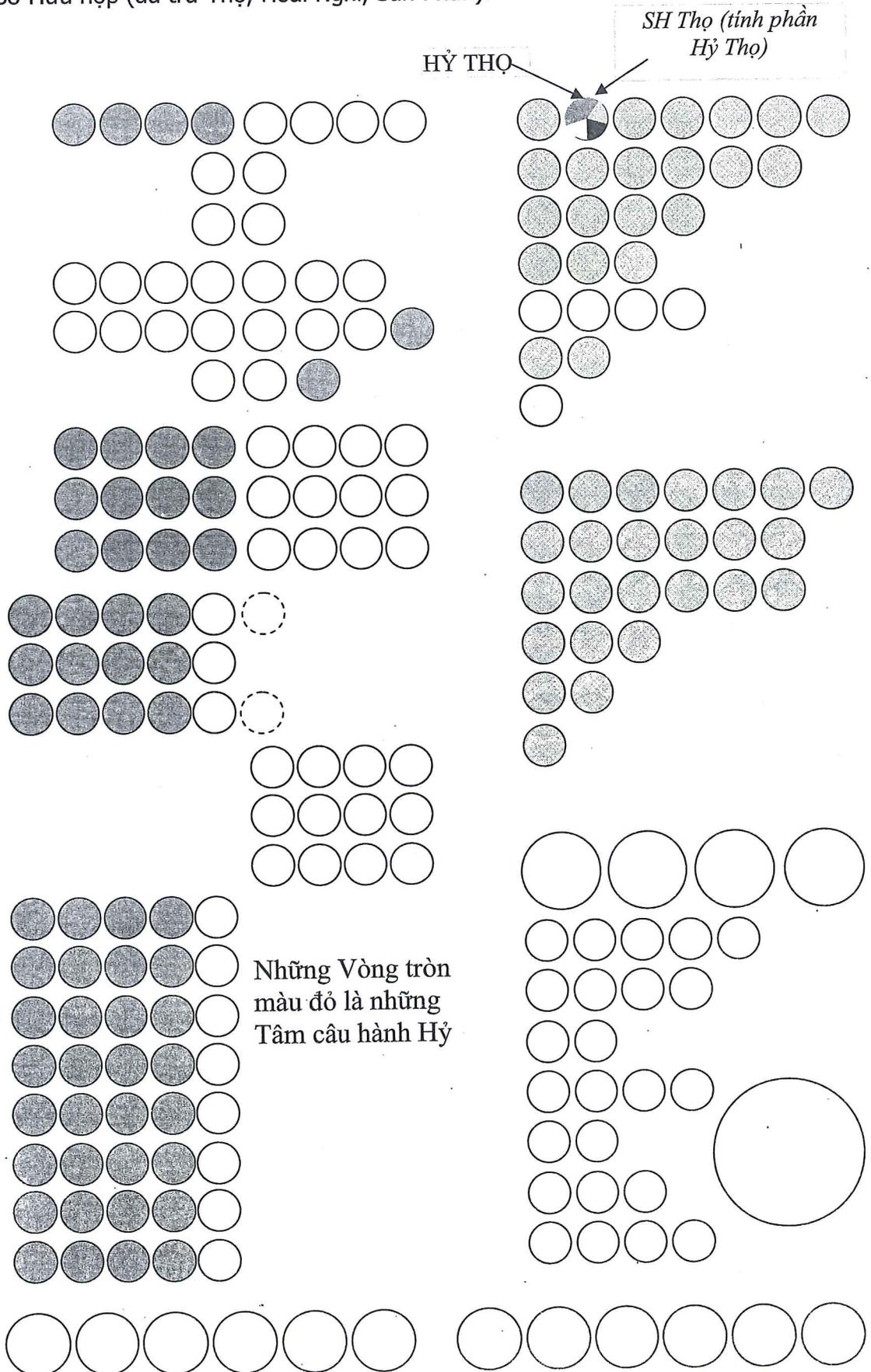


Lạc Thọ Nhiếp dạng 1 thứ Tâm là: Thân Thức câu hành Lạc, Sở Hữu biến Hành (6), đã bớt Thọ.

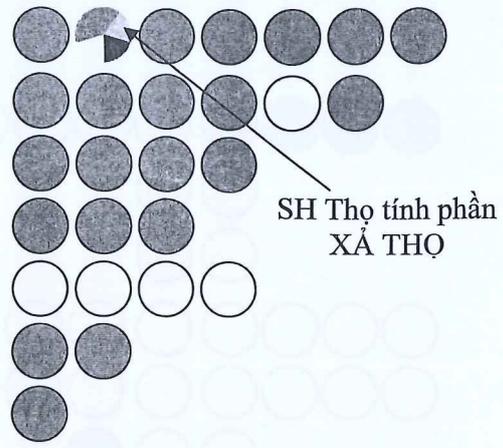
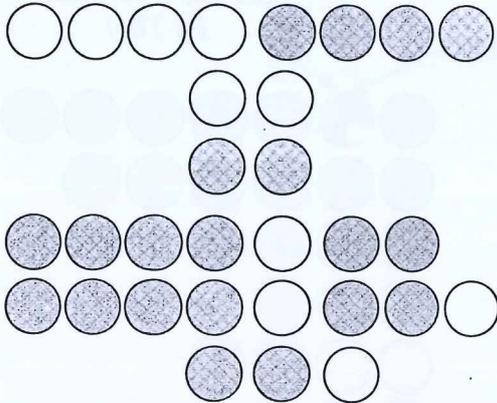




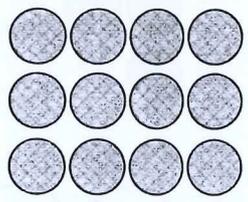
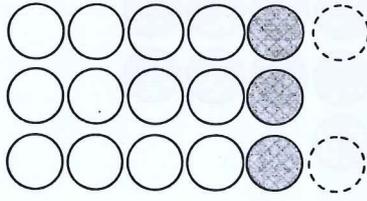
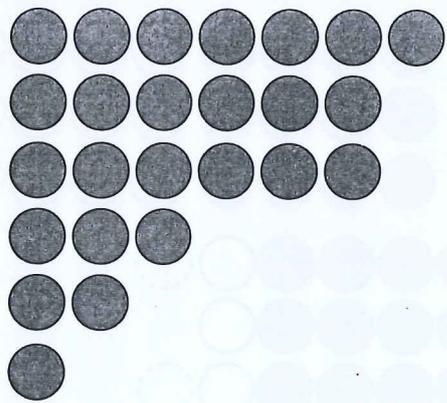
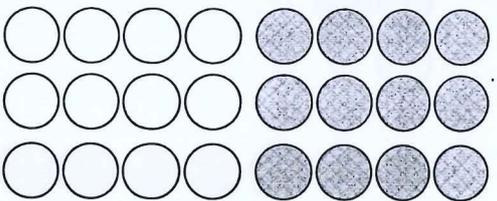
Hỷ Thọ Nhiếp đặng 62 thứ Tâm: Tham câu hành Hỷ (4) + Vô Nhân câu hành Hỷ (2) + Dục Giới Tịnh Hào câu hành Hỷ (12) + Sơ, Nhị, Tam, Tứ Thiên (44) = 62 thứ Tâm.  
 46 Sở Hữu hợp (đã trừ Thọ, Hoài Nghi, Sân Phần).



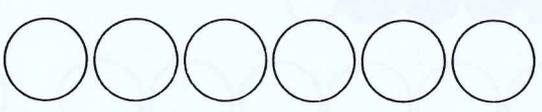
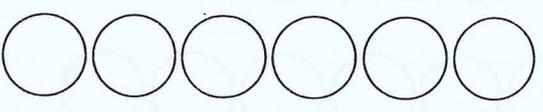
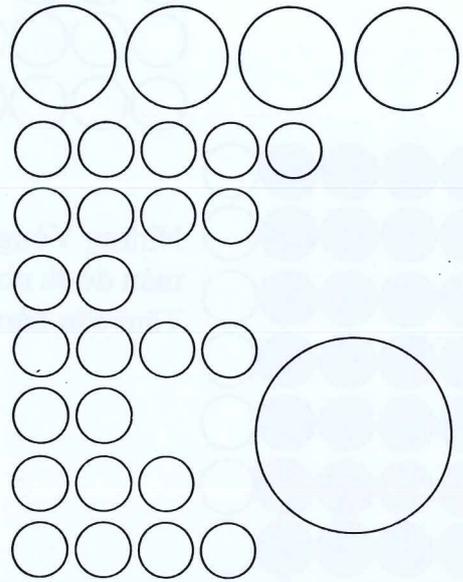
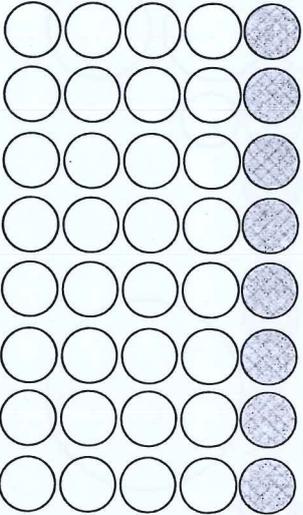
Xả Thọ Nhiếp đặng 55 thứ Tâm là: Tham câu hành Xả (4) + Si (2) + Vô Nhân câu hành Xả (14) + Dục Giới Tịnh Hảo câu hành Xả (12) + Ngũ Thiên (23) = 55 thứ Tâm. 46 Sở hữu hợp (đã bớt Thọ, Hỷ, Sân phần).



SH Thọ tính phần XẢ THỌ

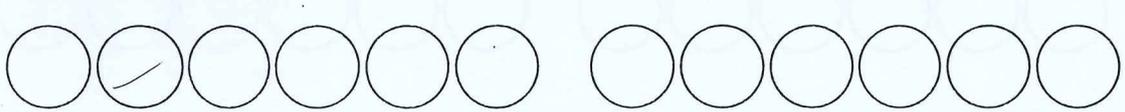
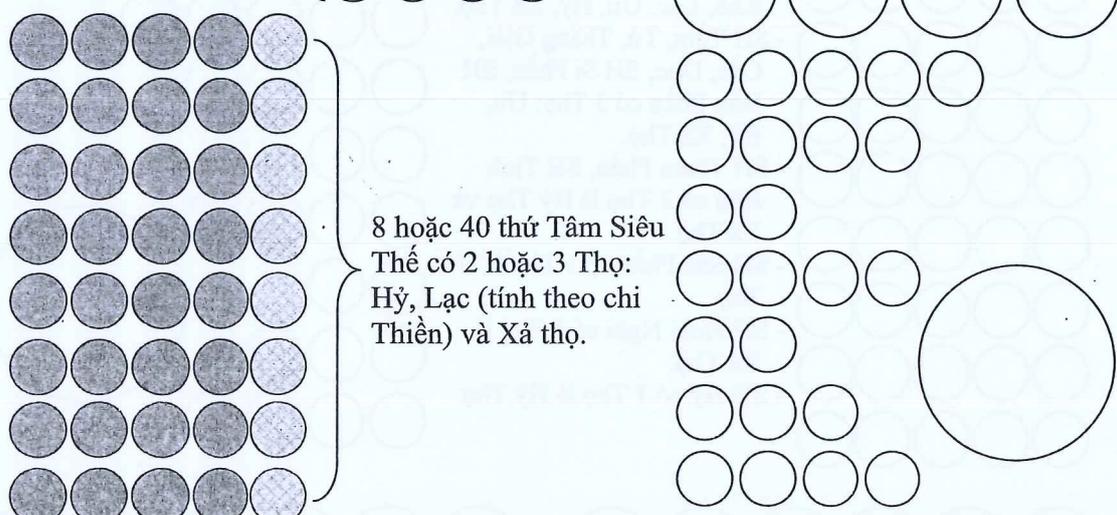
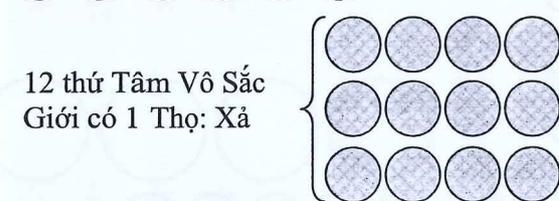
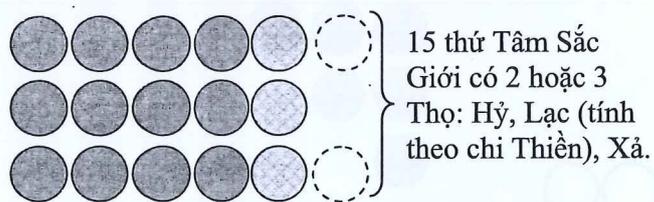
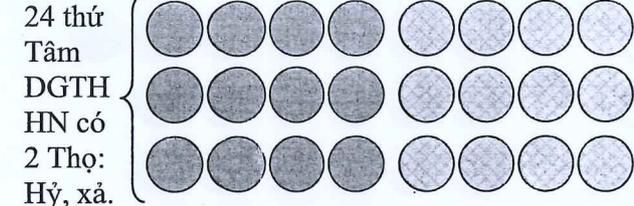
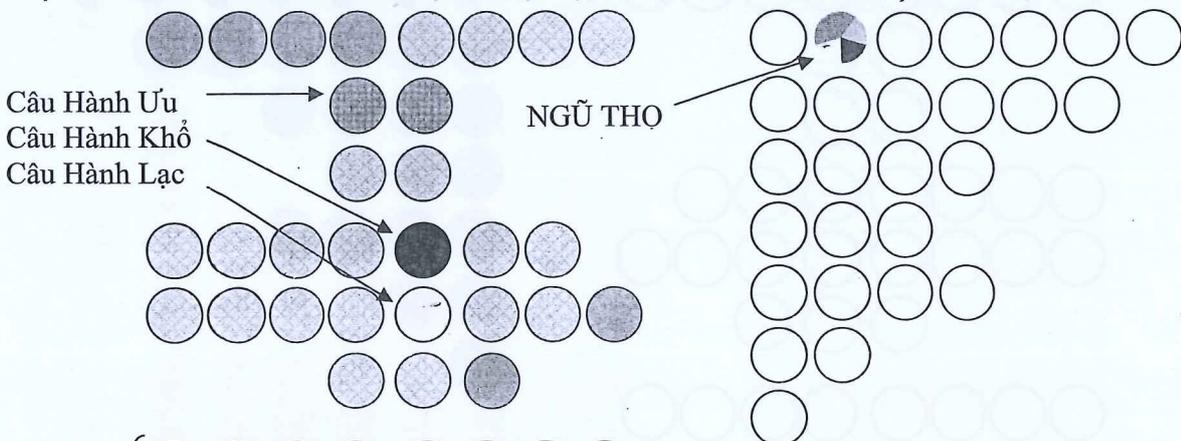


Những Vòng Tròn màu xanh là những Tâm Câu Hành Xả.





Tâm có mấy Thọ: - Tâm **Tham** có 2 Thọ: Hỷ Thọ và Xả Thọ. - Tâm **Sân** có 1 Thọ: Ưu Thọ. - Tâm **si** có 1 Thọ: Xả thọ. - Tâm **vô nhân** có 4 Thọ: Khổ, Lạc, Hỷ, Xả Thọ. - Tâm **DGTH HN** có 2 Thọ: Hỷ, xả. - Tâm **Sắc Giới** có 2 hoặc 3 Thọ: Hỷ, Lạc (tính theo chi Thiên), Xả. - Tâm **Vô Sắc Giới** có 1 Thọ: Xả. - Tâm **Siêu Thế** có 2 hoặc 3 Thọ: Hỷ, Lạc (tính theo chi Thiên) và Xả thọ.



**IV. BẢN ĐỒ:**

BẢN ĐỒ THỌ NHIẾP (VEDANĀSAṄGAHA)	NGŨ THỌ					SỞ HỮU TÂM (52)	SỞ HỮU CÓ MẤY THỌ
	KHỔ THỌ	LẠC THỌ	ƯU THỌ	HỖ THỌ	XẢ THỌ		
Tâm Tham Hỷ Thọ (4)				A		(6)	5
Tâm Tham Xả Thọ (4)	B	B	B	B	A B	Sở Hữu Xúc, Tướng, Tư, Nhất Hành, Mạng Quyền, Tác Ý.	
Tâm Sân (2)			A			(4)	3
Tâm Si (2)			B	B	A B	Sở Hữu Tâm, Tứ, Thăng Giải, Cần.	
Tâm Thân Thức Khổ Thọ (1)	A			B		Sở Hữu Hỷ (1)	1
Tâm Thân Thức Lạc Thọ (1)		A	B	B	B	Sở Hữu Dục (1)	3
Tâm Vô Nhân Xả Thọ (14)			B	B	A B	Sở Hữu Si Phần (4)	3
Tâm Vô Nhân Hỷ Thọ (2)				A B	B	Sở Hữu Tham Phần (3)	2
Tâm Dục Giới Tịnh Hào Hỷ Thọ (12)			B	A		Sở Hữu Sân Phần (4)	1
Tâm Dục Giới Tịnh Hào Xả Thọ (12)			B	B	A B	Sở Hữu Hôn Phần (2)	3
Tâm Sơ, Nhị, Tam, Tứ, Thiền (44)				A	B	Sở Hữu Hoài Nghi (1)	1
Tâm Ngũ Thiền (23)				B	A B	Sở Hữu Tịnh Hào (25)	2
<b>THỌ ĐẲNG MẤY TÂM</b>	1	1	2	62	55		
<b>THỌ ĐẲNG MẤY SỞ HỮU</b>	6	6	21	46	46		

Chữ **A** là Ký Tự cho các thứ Tâm. Chữ **B** là Ký Tự các thứ sở hữu Tâm.

**V. PHÂN GIẢI:**

- Về mặt Pháp câu sanh (đồng sanh) ta thấy:
  - **Khổ Thọ hay Lạc Thọ** đều đồng sở hữu và đồng thứ.  
Đồng Sở Hữu là 6: Xúc, Tướng, Tư, Nhất Hành, Mạng Quyền, Tác Ý.  
Đồng Thứ: Có 1 thứ Tâm, như khi phối hợp với Thân Thức câu hành Khổ thì gặp Khổ Thọ, còn khi phối hợp với Tâm Thân Thức câu hành Lạc thì gặp Lạc Thọ.
  - **Ưu Thọ**: Là nói đến sở hữu gặp Thọ Ưu đều là những sở hữu phối hợp với Tâm Sân, mà Tâm Sân nhiếp đặng 22 sở hữu, còn ở Thọ Nhiếp, lấy sở hữu Thọ làm

Pháp chánh (tức là vì gặp Ưu Thọ), nên không đăng kể thọ vào, mới còn 21 sở hữu.

- **Hỷ Thọ:** Đề cập sở hữu gặp Thọ Hỷ rất nhiều chỗ (nhiều thứ Tâm) như: Tâm Tham (4), Vô Nhân (2), Dục Giới Tịnh Hào (12) và Sơ, Nhị, Tam, Tứ Thiền (44). Nhiều khi không cần kể nêu ra hết, ở đây chỉ nói lý do những sở hữu nào không gặp Hỷ Thọ như là: Sân phần và Hoài Nghi không phối hợp với Tâm câu hành Hỷ hay Tâm câu hành Lạc (vì các loại Tâm này thuộc về Ưu Thọ và Xả Thọ), còn sở hữu Thọ tất nhiên không được kể, nên còn 46 sở hữu, ngoài ra hợp đăng Hỷ Thọ.
- **Xả Thọ:** Khi sở hữu gặp Xả Thọ cũng phối hợp rất nhiều Tâm, chỉ trừ ra sở hữu Hỷ phối hợp với Tâm Hỷ Thọ, và Sân phần phối hợp với Tâm Sân (Ưu Thọ). Vì vậy, đây là lý do mà những sở hữu không hợp với xả Thọ. Ngoài ra, 46 sở hữu khác đều có hợp với Xả Thọ.

*Riêng về sở hữu Thọ không tính vào vì là phần nêu danh (Thọ Nhiếp tức đã kể) là phần chánh, nên khi phối hợp nhớ bớt ra.*

❖ Ở đây, chúng ta tìm hiểu Thọ Nhiếp - *Vedanāsaṅgaha* hay gọi Thọ Yếu Hiệp là tính trên phương diện Pháp hữu vi với nghĩa lý như vậy: Khi một Pháp hiện khởi mà mang tính chất hay dựa vào trạng thái cảm nhận, dung nạp, hứng chịu cảnh, hưởng cảnh, với 5 cách: Khổ, Lạc, Ưu, Hỷ, Xả. Nghĩa là Pháp mà đang phát sanh (Thọ) có bao nhiêu Pháp câu sanh cùng với trạng thái ấy, nên đây gọi là Thọ Nhiếp hoặc còn gọi Thọ Yếu Hiệp. Các chơn tướng của sự cảm nhận hay hứng chịu cảnh gồm có các điều cảm Thọ như sau:

1. Thọ mà hứng chịu cảnh thân đau đớn là Khổ Thọ (*Dukkhavedanā*).
2. Thọ mà hưởng cảnh sướng thân (dễ chịu) là Lạc Thọ (*Sukhavedanā*).
3. Thọ mà dung nạp cảnh với cách khổ Tâm là Ưu Thọ (*Domanassavedanā*).
4. Thọ mà cảm nhận cảnh vui lòng là Hỷ Thọ (*Somassavedanā*).
5. Thọ mà thường hưởng cảnh trung bình, bình thường là Xả Thọ (*Upekkhāvedanā*).

**Những trạng thái trên đang khởi sanh, phát sanh, thì Thọ có trong khi ấy (trừ ra khi ngủ quên hoặc không để ý đến).**

#### **Cần Biết Thêm:**

Khi Thọ đối chiếu với Lục Môn (6 Môn) là Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý Môn thì dung nạp được lục cảnh (6 Cảnh) - Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc và cảnh Pháp, tức là:

Nhãn Môn dung nạp Cảnh Sắc.  
 Nhĩ Môn dung nạp Cảnh Thinh.  
 Tỷ Môn dung nạp Cảnh Khí.  
 Thiệt Môn dung nạp Cảnh Vị.  
 Thân Môn dung nạp Cảnh Xúc.  
 Ý Môn dung nạp Cảnh Pháp.

Ta có: Sáu môn dung nạp sáu cảnh (lục môn – lục cảnh).  
 Từ đây: Thọ được kể là lục Thọ (sáu Thọ), dựa trên sáu môn dung nạp sáu cảnh. Nghĩa là Thọ - *Vedanā* sắp theo cảnh (*ārammaṇa*) có 6 là: Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc và Pháp. Gọi là lục nhập ngoại. Còn lục nhập nội là: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Thức (Ý). Ta thấy:

Nhãn nhập hứng chịu cảnh Sắc.  
 Nhĩ nhập hứng chịu cảnh Thinh.  
 Tỷ nhập hứng chịu cảnh Khí.  
 Thiệt nhập hứng chịu cảnh Vị.  
 Thân nhập hứng chịu cảnh Xúc.  
 Ý nhập hứng chịu cảnh Pháp.

\* Với các ý nghĩa trên, gọi đây là lục Thọ.

Còn tính trên 3 cảm Thọ: Hỷ, Ưu, Xả của người thường và người tu Tuệ (Huệ), ám chỉ người bình thường và người tu chỉ tịnh hay quán xứ, có cách tính như sau (đây lấy lục nhập nội dung nạp lục nhập ngoại):

HỖ THỌ	Của Người Thường có 6 (do nhơn theo sáu cảnh)	TÍNH theo hứng chịu cảnh là 36 (6 cảnh x 3 Thọ x 2 dạng người) x 3 (thời) = 108 cảm thọ, hoặc 108 dung nạp cảnh hay 108 cách hưởng cảnh.
	Của Người Tu Tuệ có 6 (do nhơn theo sáu cảnh)	
ƯU THỌ	Của Người Thường có 6 (do nhơn theo sáu cảnh)	
	Của Người Tu Tuệ có 6 (do nhơn theo sáu cảnh)	
XẢ THỌ	Của Người Thường có 6 (do nhơn theo sáu cảnh)	
	Của Người Tu Tuệ có 6 (do nhơn theo sáu cảnh)	

#### Điều lưu tâm:

Khổ hoặc Lạc trong thân, thường đối với cảnh lúc nào cũng có (ngoài khi ngủ quên không để ý đến). Như là khi ta tắm lạnh quá (Khổ Thọ), nóng quá cũng là khổ Thọ, ngồi lâu nhức mỏi cũng là Khổ Thọ v.v... Ngược lại, khi lạnh được sưởi ấm (hơ lửa) là lạc Thọ, nóng ta được quạt mát là cảm nhận lạc Thọ v.v... .

- Khi khổ Thọ sanh ra phần nhiều tiếp theo sau có ưu thọ liền kề, như vật chạm thân nhức nhối làm tâm khó chịu.
- Khi lạc Thọ cũng phần nhiều là có hỷ Thọ sau gần đó.
- Còn khi ưu Thọ: Buồn, rầu, than, khóc hoặc trong khi muốn gặp (người ...) mà không gặp đặng nhớ, nghĩ đến hoàn cảnh mà đau lòng v.v... là ưu Thọ. Ưu Thọ thuộc về tâm (hai thứ tâm sân), còn khổ Thọ thuộc về thân, nên ưu Thọ không có liên quan với khổ Thọ (Ngược lại khổ Thọ phần nhiều tiếp nối ưu Thọ).
- Hỷ Thọ cũng thuộc về Ý là vui mừng khi nghĩ, nhớ hoặc tính đến sự vật, sự việc ưa thích.
- Xả thọ là hưởng cảnh không vui không buồn hay là ngoài ra khổ, lạc, ưu, và hỷ, tức phi khổ phi lạc thọ.

**VI. KẾT LUẬN:**

Tam Thọ: Lạc, khổ, xả chi  
 Ngũ Thọ: Ưu, hỷ thêm thì đủ năm.  
 Nhiếp chia khéo tính chớ lầm  
 Phân bày ngũ Thọ đã hàm cả ba.

Diệu Pháp Lý Hợp  
 Đại Trưởng Lão Tịnh Sự (*Māhathero Saritakicco*)

Đây nói ngũ Thọ thì đã tính trùm hết hai cách tam Thọ là: Khổ, lạc, xả hay ưu, hỷ, xả. Tức khổ Thọ với ưu Thọ chung lại mà kêu khổ hay ưu cũng đặng. Còn lạc Thọ và hỷ Thọ kêu chung lại cũng như thế. Riêng xả Thọ dù chia năm hay ba thì cũng không khác, do cách phân theo Kinh Tạng hoặc tùy trường hợp mà phân ra tam hay ngũ Thọ.



**BÀI 17:****SỰ NHIỆP**  
**(KICCASAṄGAHA)****I. ĐỊNH NGHĨA:**

Tìm hiểu về Sự Nhiếp – *Kiccasaṅgaha*.

- **SỰ:** Dịch từ phạn ngữ *Pāli* "Kicca" có nghĩa là: Việc, việc làm, nhiệm vụ, sự vụ, công việc, công tác, tức nhiệm vụ hay phần việc phải làm. Đây ám chỉ cho việc làm của danh Pháp, ở đây là việc làm của tâm và sở hữu như: Việc làm của cách Thấy, việc Nghe, sự Ngủ v.v... . Sự ở đây nói gọn là việc làm của Tâm Pháp hay Danh Pháp.

- **NHIỆP:** Nhắc lại từ Phạn Ngữ *Pāli* "Saṅgaha", chiết tự ra phiên dịch – chữ "Saṅ" là tóm gọn, chữ "Gaha" là gom, gom góp hợp lại. Từ *Saṅgaha* dịch có nhiều cách như: Chiếu cố, chu tể, tư trợ, tán trợ, phù trợ hoặc tập yếu hay yếu hiệp, tức là nhiều mà gom lại, hiệp lại – gọi chung là "Nhiếp" nghĩa là ít từ mà nhiều nghĩa, chữ ít mà nghĩa nhiều. Ở đây, ám chỉ là Pháp chung hiệp lại với nhau, mà về nghĩa hay lý do những Pháp có phần đồng gom lại đặng kêu chung cho đón gọn, nên dịch là Nhiếp hay Yếu Hiệp (gọn chữ mà đầy đủ nghĩa lý).

*Vậy:*

**Sự Nhiếp hay Sự Yếu Hiệp là:** Cách gom tâm và sở hữu theo phần công việc gọi là Sự Nhiếp hay Sự Yếu Hiệp (*Kiccasaṅgaho = Kiccabhedena citta cetasikaṇam saṅgaho*). Hay nói cách khác, Sự Nhiếp là phần công tác của tâm và sở hữu để chỉ bày cho 14 tác dụng như: Làm việc Khai - môn, thấy, nghe, ngủ, nếm, đụng, tiếp thân, thăm tẩn, phân đoán, đồng lực, na cảnh, hộ kiếp, tử và tái tục.

*Như lúc:*

Tâm là biết cảnh, nhưng đặc tính của mỗi thứ tâm có khác nhau, nên tính cách việc làm phải khác nhau nên có sự phân ra. Vì vậy việc làm đó gọi là Sự tức Sự Nhiếp.

Có *Pāli* chú giải như vậy: *Karaṇam = Kiccaṃ*. Việc làm gọi là Sự, phần này chỉ bày có 14 việc, mỗi việc có đặc tính khác nhau và mỗi việc đặng mấy thứ tâm làm, sở hữu hợp cũng làm theo và sau tính đến tâm làm mấy sự, sở hữu đặng mấy sự.

**II. ĐIỀU PHÁP và CHI PHÁP:****a) Sự có bao nhiêu Tâm.**

<b>Sự có 14 điều như sau:</b>	<b>CHI PHÁP:</b>
1. Sự Khai Môn	Có 2 thứ Tâm: Tâm Khai ngũ và Khai ý môn.
2. Sự Thấy	Có 2 thứ Tâm: Đôi Nhãn thức.
3. Sự Nghe	Có 2 thứ Tâm: Đôi Nhĩ thức.
4. Sự Ngửi	Có 2 thứ Tâm: Đôi Tỷ thức.
5. Sự Nếm	Có 2 thứ Tâm: Đôi Thiết thức.
6. Sự Đụng	Có 2 thứ Tâm: Đôi Thân thức.
7. Sự Tiếp thân	Có 2 thứ Tâm: Đôi Tiếp thân.
8. Sự Thẩm tẫn	Có 3 thứ Tâm: 3 Thứ Tâm Thẩm tẫn.
9. Sự Phân đoán	Có 1 thứ Tâm: Tâm khai ý môn.
10. Sự Đồng lực	Có 87 thứ Tâm: 12 thứ tâm bất thiện, tâm tiểu sinh, 16 thứ tâm đồng lực dục giới tịnh hảo, 18 thứ tâm đồng lực đáo đại và 40 thứ tâm siêu thế.
11. Sự Na cảnh	Có 11 thứ Tâm: 3 thứ tâm thẩm tẫn và 8 thứ tâm đại quả
12. Sự Hộ kiếp	Ba sự - Hộ kiếp, Tử, Tái tục có đồng thứ tâm là 19: Đôi thẩm tẫn câu hành xả, 8 thứ tâm Đại quả và 9 thứ tâm Quả đáo đại.
13. Sự Tử	
14. Sự Tái Tục	

**b) Tâm làm mấy Sự (việc).**

<b>Số thứ Tâm có tác dụng làm đặng bao nhiêu sự hay việc như sau:</b>	<b>Sự (hay việc làm):</b>
1. Tâm thẩm tẫn xả thọ	5 sự: Thẩm tẫn, Na cảnh, Tái tục, Hộ kiếp và Tử.
2. Tâm Đại quả	4 sự: Na cảnh, Tái tục, Hộ kiếp và Tử.
3. Tâm Quả Đáo đại	3 sự: Tái tục, Hộ kiếp và Tử.
4. Tâm Thẩm tẫn hỷ thọ	2 sự: Thẩm tẫn và Na cảnh.
5. Tâm Khai ý môn	2 sự: Khai môn và phân đoán.
6. Tâm Khai Ngũ môn	1 sự: Khai môn.
7. Tâm Nhãn thức	1 sự: Thấy.
8. Tâm Nhĩ thức	1 sự: Nghe.
9. Tâm Tỷ thức	1 sự: Ngửi.
10. Tâm Thiết thức	1 sự : Nếm.
11. Tâm Thân thức	1 sự : Đụng.
12. Tâm Tiếp thân	1 sự : Tiếp thân.
13. Tâm Đại thiện, Bất thiện, Tiểu sinh, Đại tố, Thiện đáo đại, Tố đáo đại và Siêu thế.	1 sự : Đồng lực.

**c) Sở hữu Tâm làm mấy sự (việc).**

<b>Thể hiện của các thứ Sở hữu Tâm đối với sự:</b>	<b>Sự (hay việc làm):</b>
1. Sở hữu Bất thiện và sở hữu Ngăn trừ phần	1 sự: Đồng lực.
2. Sở hữu Vô lượng phần	4 sự: Đồng lực, hộ kiếp, tử và tái tục.
3. Sở hữu Tịnh hảo biến hành, sở hữu Trí tuệ và sở hữu Dục	5 sự: Đồng lực, na cảnh, hộ kiếp, tử và tái tục.
4. Sở hữu Hỷ	6 sự: Thấm tấn, đồng lực, na cảnh, hộ kiếp, tử và tái tục.
5. Sở hữu Cần	7 sự: Khai môn, thấm tấn, đồng lực, na cảnh, hộ kiếp, tử và tái tục.
6. Sở hữu Tâm, sở hữu Tứ và sở hữu Thăng giải	9 sự: (14 sự trừ sự thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng).
7. Sở hữu Biến hành	14 sự.

❖ Nhân đây trình bày điều pháp và chi pháp của Sự Nhiếp trên 3 phương diện, theo một cách nữa - như sau:

1. **SỰ (VIỆC) CÓ MẤY TÂM.**
2. **TÂM LÀM MẤY SỰ (VIỆC).**
3. **SỞ HỮU LÀM MẤY SỰ (VIỆC).**

**1. SỰ (VIỆC) CÓ MẤY TÂM:**

- Sự Khai Môn có 2 thứ Tâm là: Tâm Khai Ngũ Môn và Tâm Khai ý Môn
- Sự Thấy có 2 thứ Tâm là: Đôi Nhãn Thức.
- Sự Nghe có 2 Thứ Tâm là: Đôi Nhĩ Thức.
- Sự Ngửi có 2 Thứ Tâm là: Đôi Tỷ Thức.
- Sự Nếm có 2 thứ Tâm là: Đôi Thiệt Thức.
- Sự Đụng có 2 thứ tâm là: Đôi Thân Thức.
- Sự Tiếp Thâu có 2 thứ Tâm là: Đôi Tiếp Thâu.
- Sự Thấm Tấn có 3 thứ Tâm là: 3 Tâm Thấm Tấn.
- Sự Phân Đoán có 1 thứ Tâm là: 1 Tâm Khai Ý.
- Sự Đồng Lực có 55 hoặc 87 thứ Tâm là:
  - Tâm Bất Thiện (12),
  - Tâm Tiểu Sinh (1),
  - Tâm Đại Thiện (8),
  - Tâm Đại Tố (8),
  - Tâm Thiện Đáo Đại (9),
  - Tâm Tố Đáo Đại (9),
  - Tâm Siêu Thế (8 hoặc 40).
- Sự Na Cảnh có 11 thứ Tâm là:
  - Tâm Thấm Tấn (3),
  - Tâm Đại Quả (8).

- Sự Hộ Kiếp, Sự Tử, Sự Tái Tục có cùng 19 thứ Tâm là:

- Tâm Thấm Tẫn Xả Thọ (2),
- Tâm Đại Quả (8),
- Tâm Quả Đáo Đại (9)

## 2. TÂM LÀM MẤY SỰ (VIỆC):

• Tâm Thấm Tẫn câu hành Xả làm 5 việc là:

- Thấm Tẫn,
- Na Cảnh,
- Hộ Kiếp (Hữu Phần),
- Tử
- Tái Tục.

• Tâm Đại Quả làm 4 Việc là:

- Na Cảnh,
- Hộ Kiếp (Hữu Phần),
- Tử
- Tái Tục.

• Tâm Quả Đáo Đại làm 3 việc là:

- Hộ Kiếp (Hữu Phần),
- Tử
- Tái Tục.

• Thấm Tẫn câu hành Hỷ làm 2 việc là:

- Thấm Tẫn
- Na Cảnh.

• Tâm Khai Ý Môn làm 2 việc là:

- Khai Môn (Lộ Ý)
- Phân Đoán (Đoán Định).

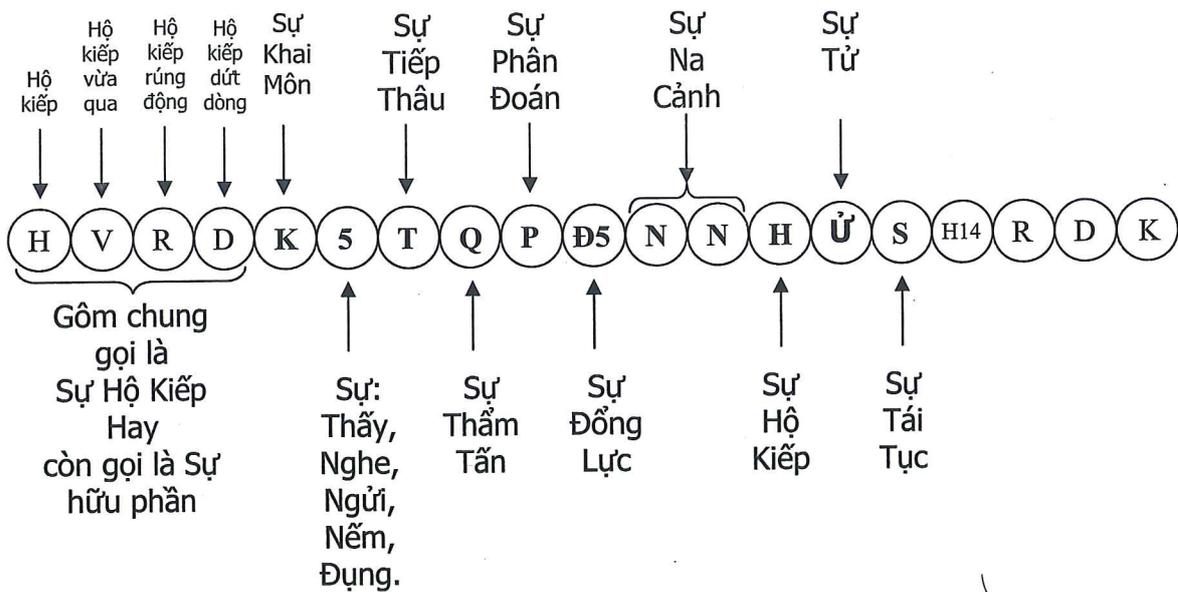
- Tâm Khai Ngũ Môn                      làm 1 việc: Khai Môn (Lộ Ngũ).
- Tâm Nhãn Thức                          làm 1 việc: Thấy.
- Tâm Nhĩ Thức                            làm 1 việc: Nghe.
- Tâm Tỷ Thức                              làm 1 việc: Ngửi.
- Tâm Thiệt Thức                         làm 1 việc: Nếm.
- Tâm Thân Thức                         làm 1 việc: Đụng.
- Tâm Tiếp Thâu                         làm 1 việc: Tiếp Thâu.
- Tâm Bất Thiện, Tiểu Sinh, Đại Thiện, Đại Tố, Thiện Đáo Đại, Tố Đáo Đại, Siêu Thế làm việc Đồng Lực.

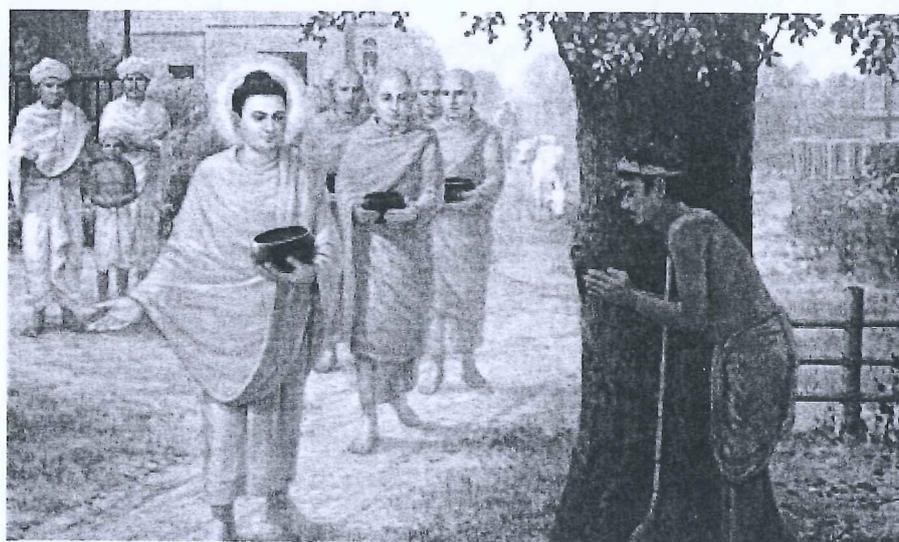
## 3. SỞ HỮU LÀM MẤY SỰ (VIỆC):

- Sở hữu Bất Thiện và Ngăn Trừ Phần chỉ làm Sự Đồng Lực.
- Sở hữu Vô Lượng Phần làm bốn Sự là Đồng Lực, Hộ Kiếp (Hữu Phần), Tử, Tái Tục.
- Sở hữu Tịnh Hảo Biến Hành, Trí, Dục làm năm Sự là Đồng Lực, Na Cảnh, Hộ Kiếp (Hữu Phần), Tử, Tái Tục.
- Sở hữu Hỷ làm sáu Sự là Thấm Tẫn, Đồng Lực, Na Cảnh, Hộ Kiếp (Hữu Phần), Tử, Tái Tục.

- Sở hữu Cần làm bảy Sự là thêm việc Khai Môn. (Khai Môn, Thẩm Tẩn, Đồng Lực, Na Cảnh, Hộ Kiếp (Hữu Phần), Tử, Tái Tục).
- Sở hữu Tầm, Tứ, Thăng Giải làm chín Sự (Trừ năm Sự: Thấy, Nghe, Ngủi, Nấm, Đụng).
- Còn Sở hữu Biến Hành làm đủ mười bốn Sự.

**14 Sự** (Mười bốn sự): Được trình bày qua Lộ Trình Tâm, trích một lộ trong bốn trăm năm mươi lăm (455) Lộ là *Lộ tứ ngũ môn, chót na cảnh có xen hộ kiếp* (Mười bốn sự đó là: Khai Môn, Thấy, Nghe, Ngủi, Nấm, Đụng, Tiếp Thâu, Thẩm Tẩn, Phân Đoán (Đoán Định), Đồng Lực, Na cảnh, Hộ Kiếp, Tử, Tái Tục.



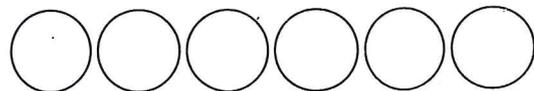
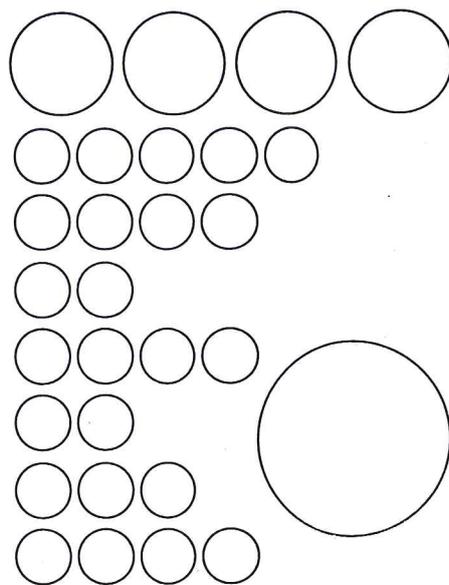
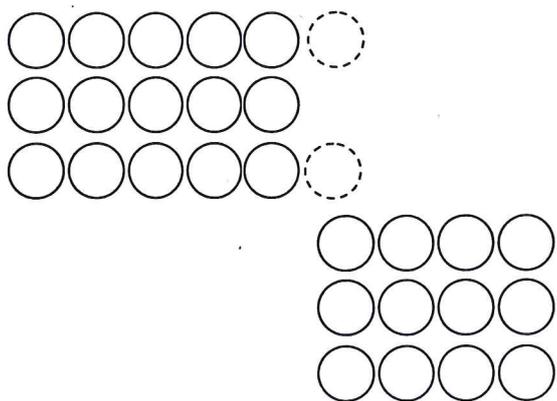
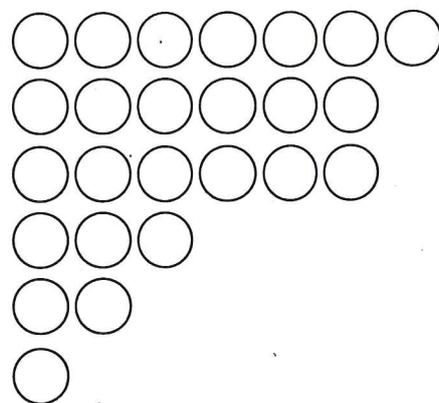
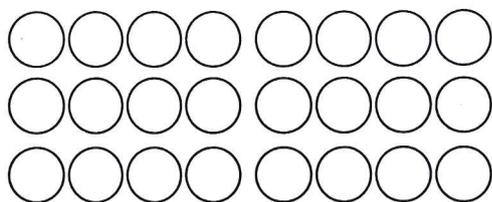
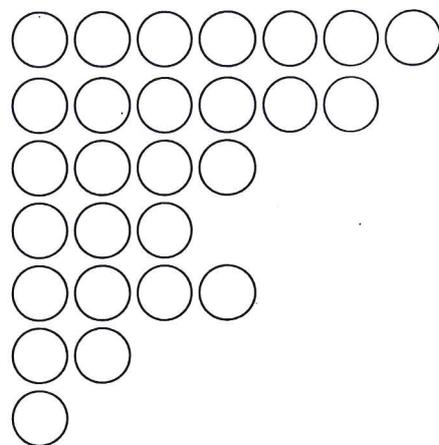
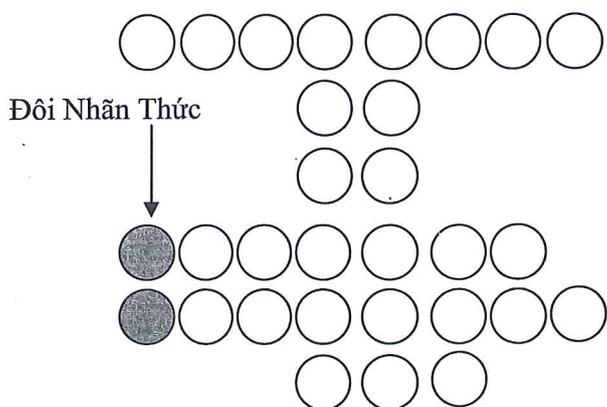


**III. BẢNG NÊU:**

Xin xem những trang kể →

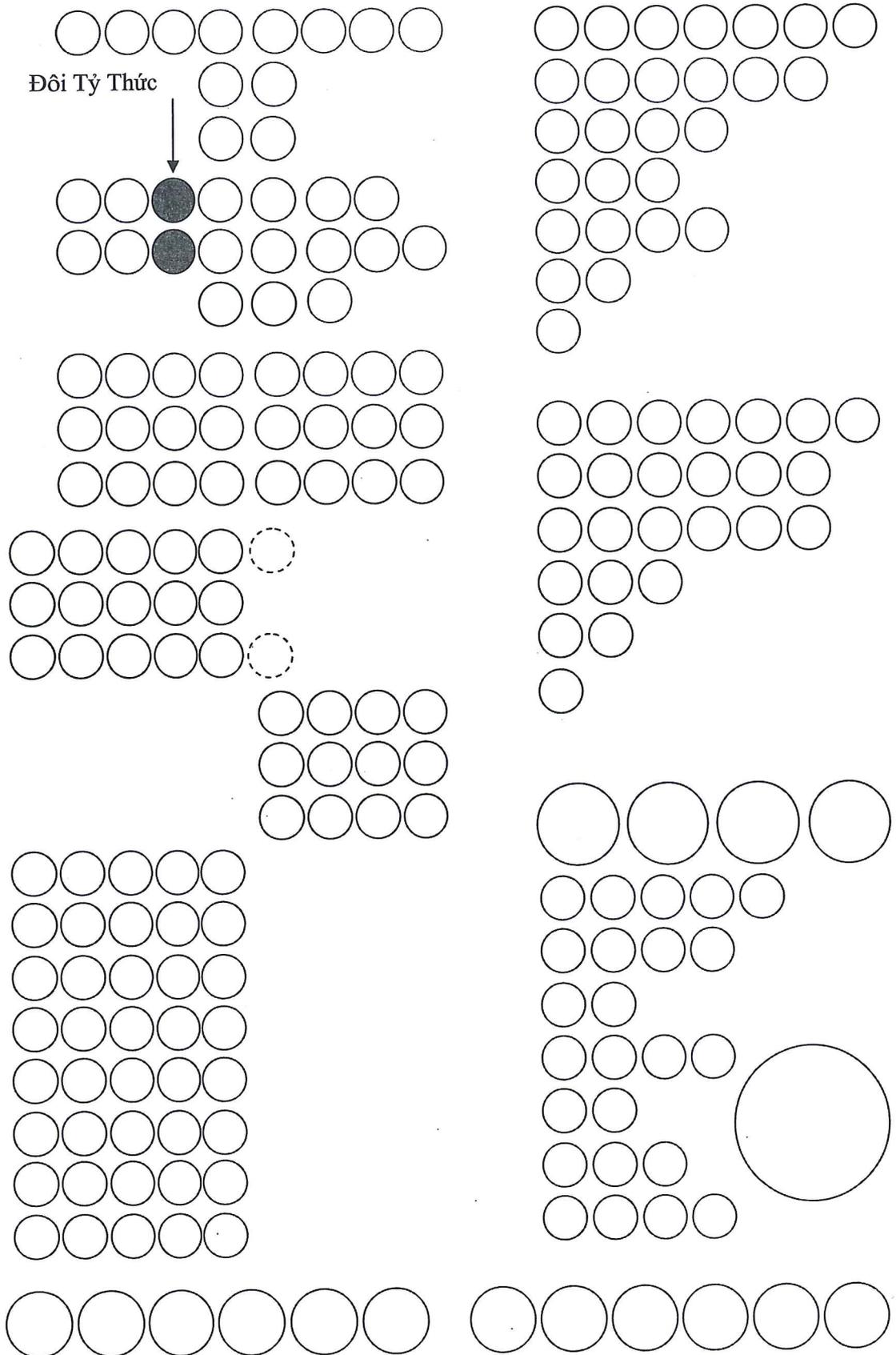


Sự Thấy có hai thứ Tâm là: Đôi Nhãn Thức

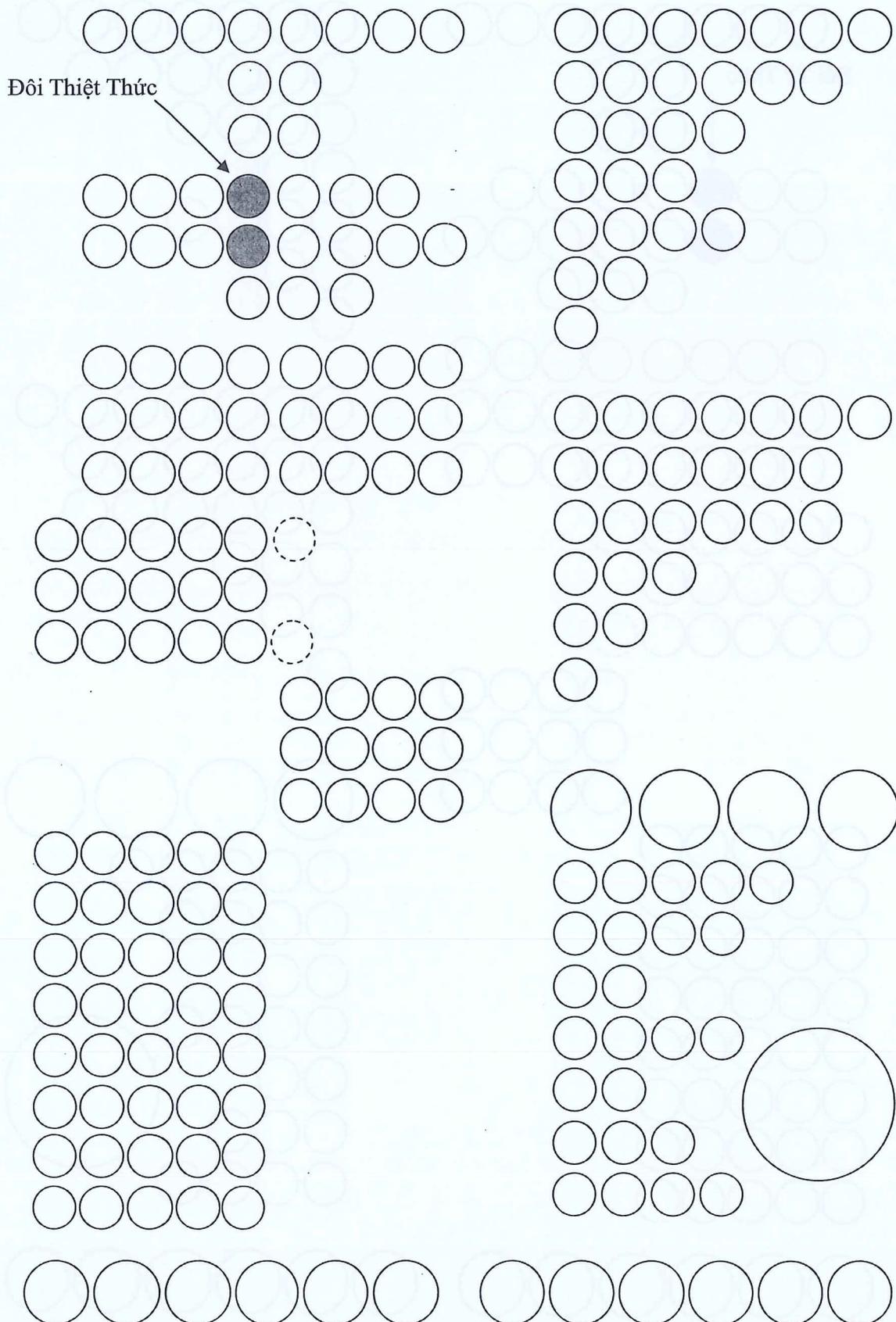




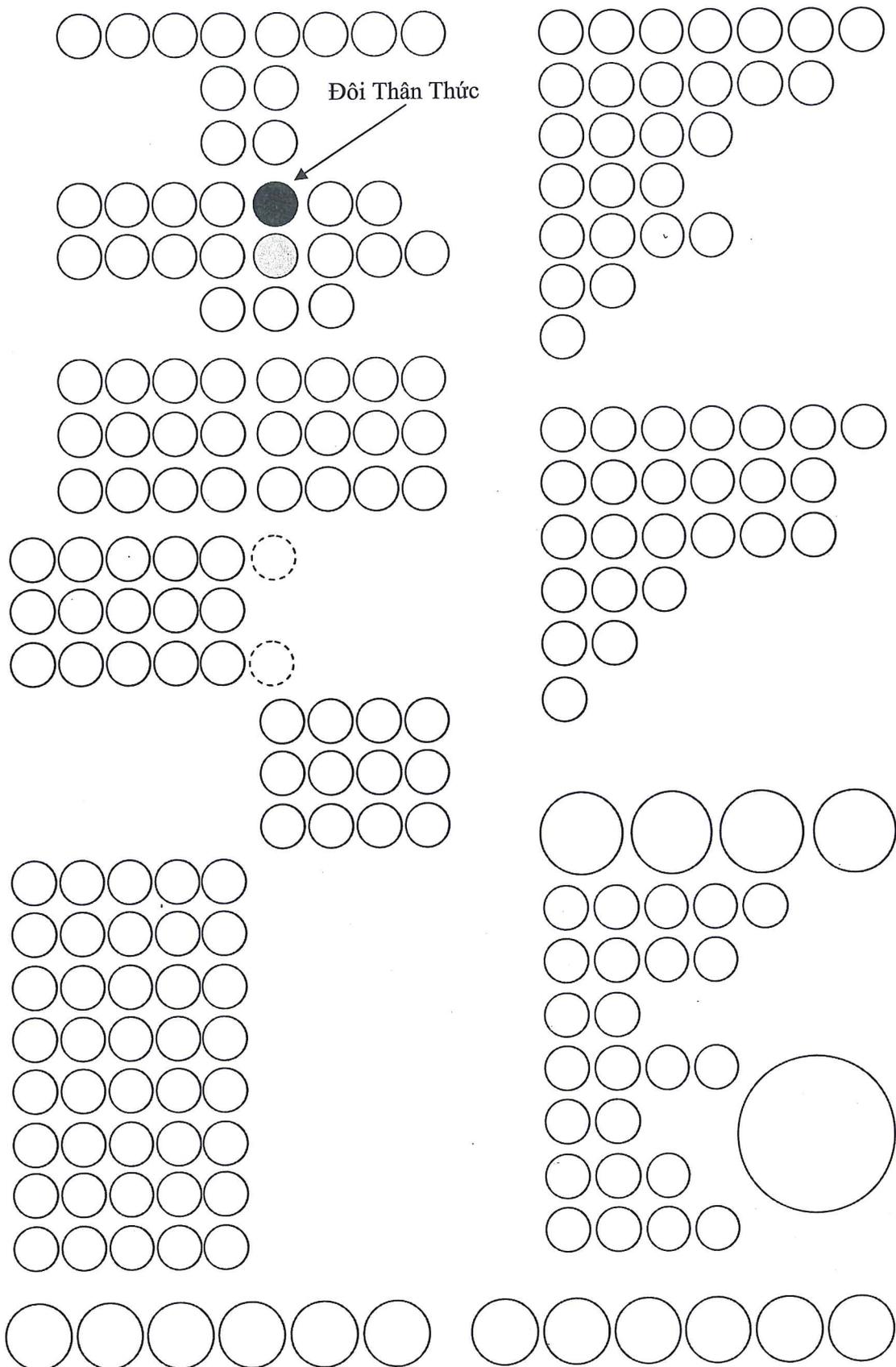
Sự Ngủ có hai thứ Tâm là: Đôi Tỷ Thức



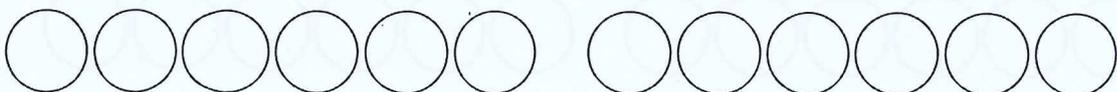
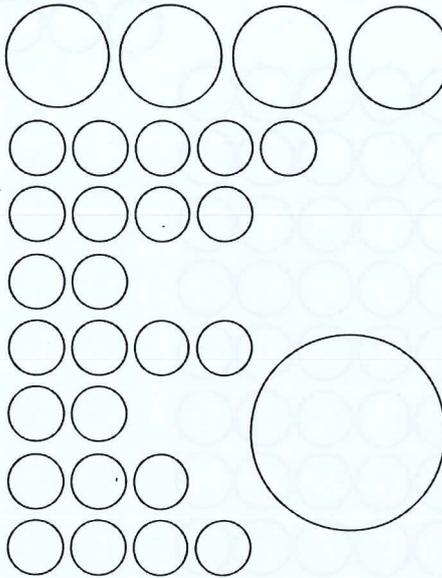
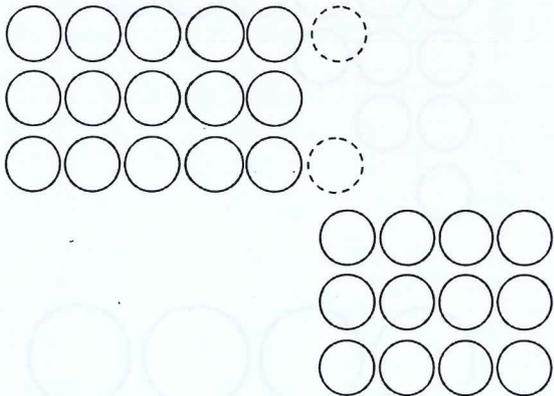
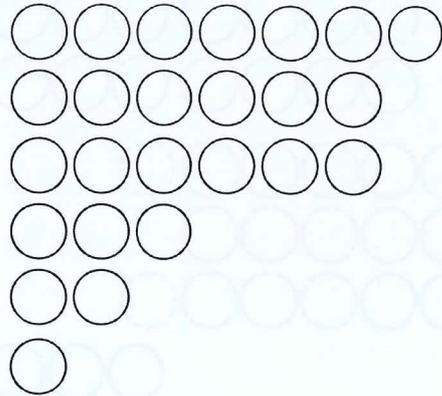
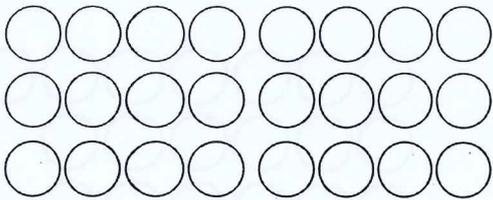
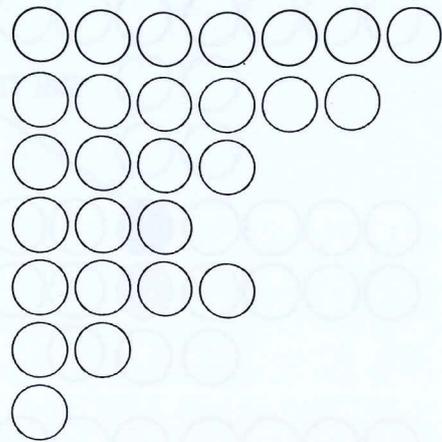
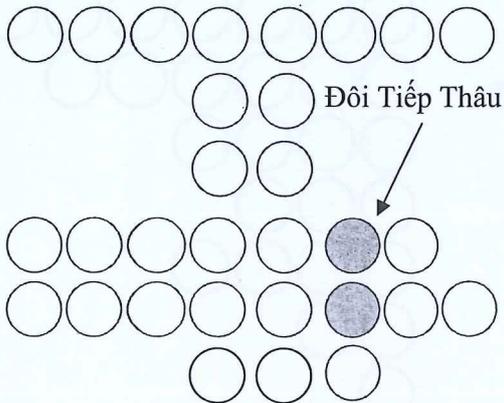
Sự Nắm có hai thứ Tâm là: Đôi Thiết Thức.



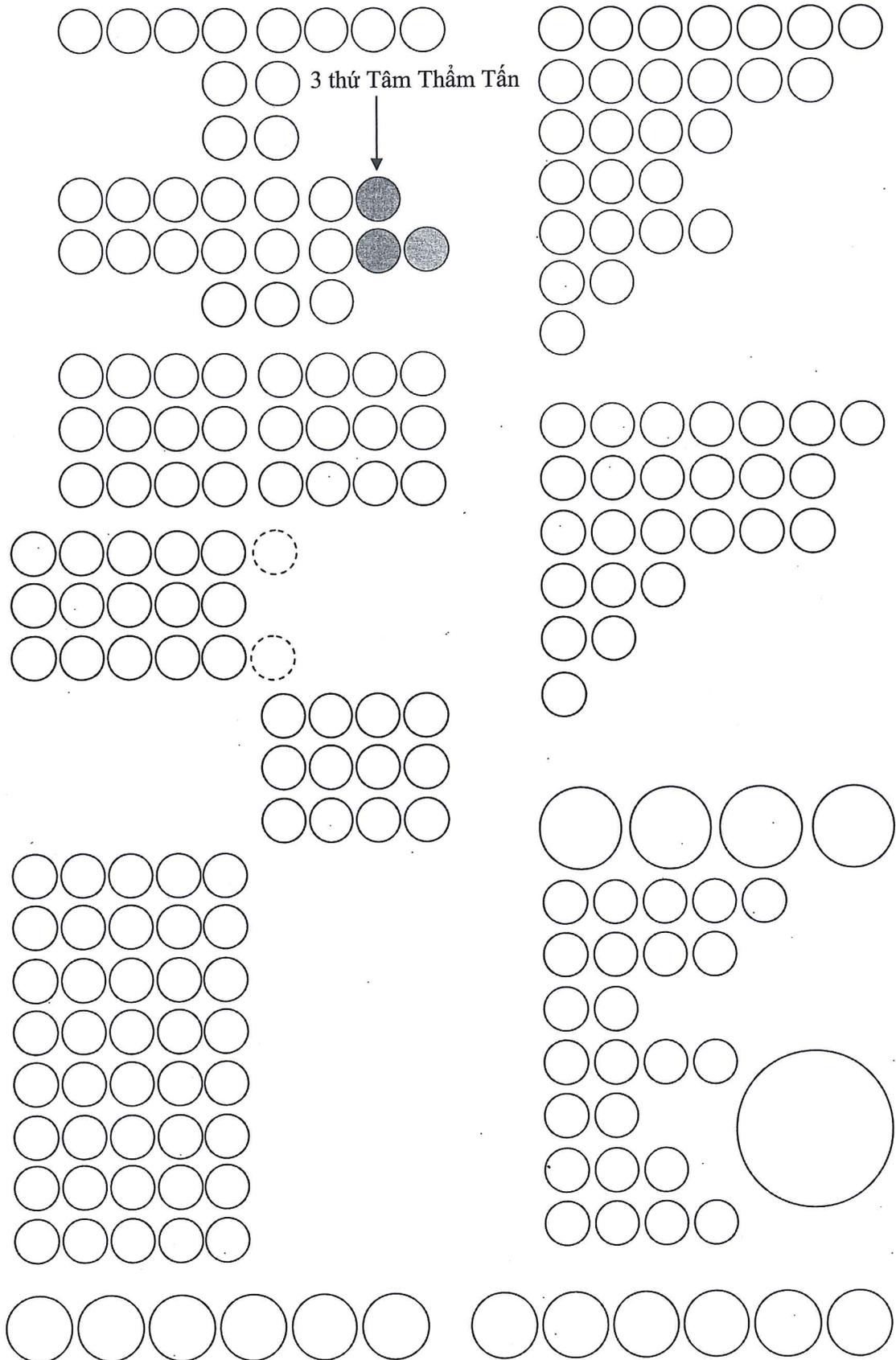
Sự Đụng có hai thứ Tâm là: Đôi Thân Thức.



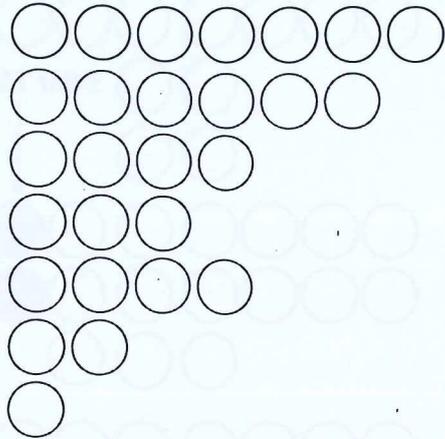
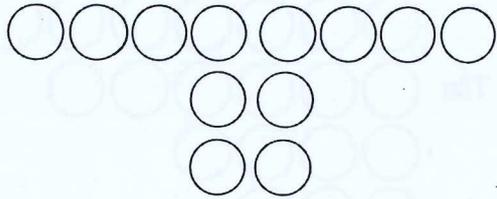
Sự Tiếp Thâu có hai thứ Tâm là: Đôi Tiếp Thâu.



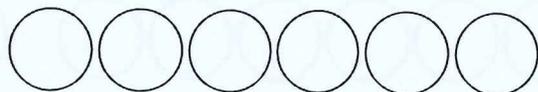
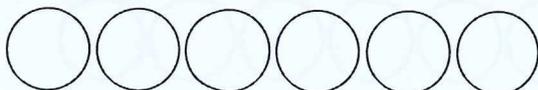
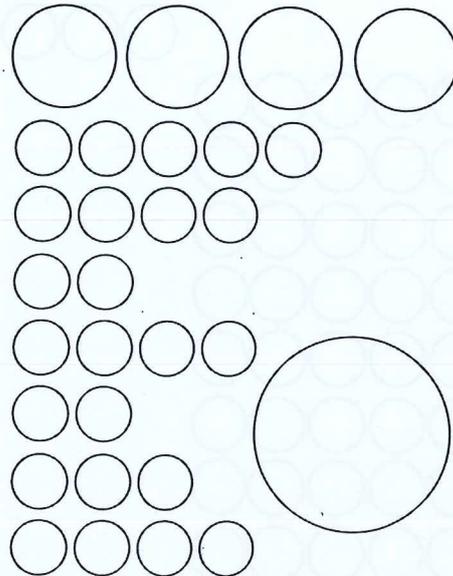
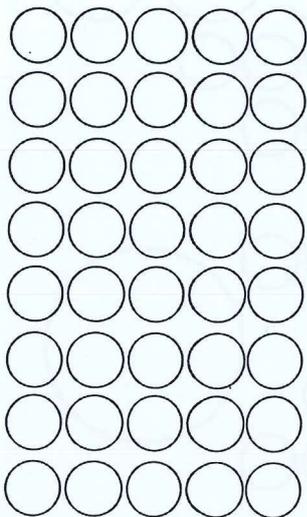
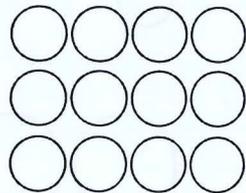
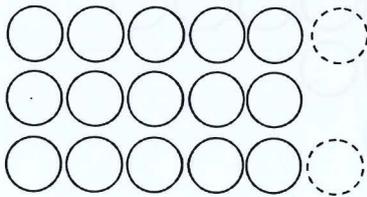
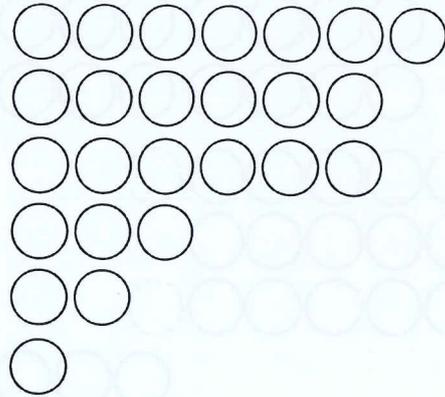
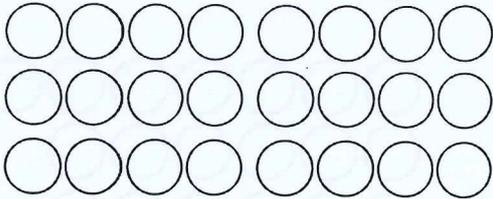
Sự Thâm Tấn có 3 thứ Tâm là: 3 thứ Tâm Thâm Tấn



Sự Phân Đoán (Đoán Định) có 1 Tâm là: Tâm Khai Ý Môn



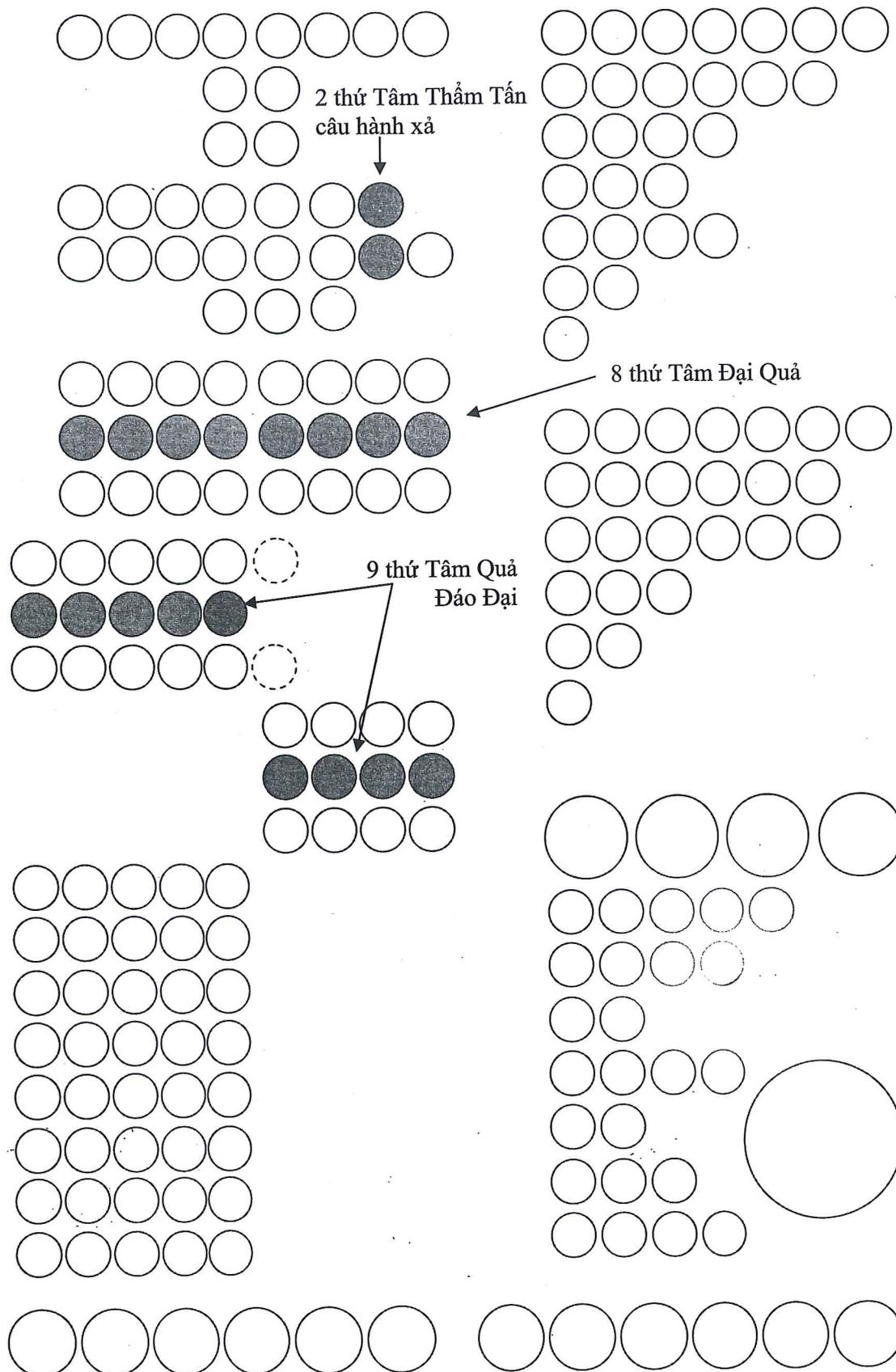
Tâm Khai Ý Môn





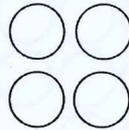
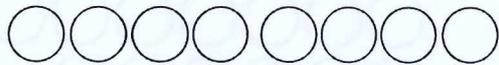


Sự Hộ Kiếp (Hữu Phần), Tử, Tái Tục có mười chín thứ Tâm là: Tâm Thâm Tấn Xả thọ (2), Đại Quả (8), Quả Đáo Đại (9).

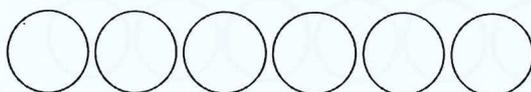
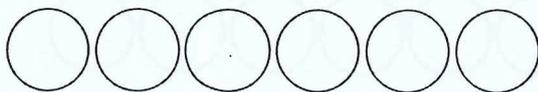
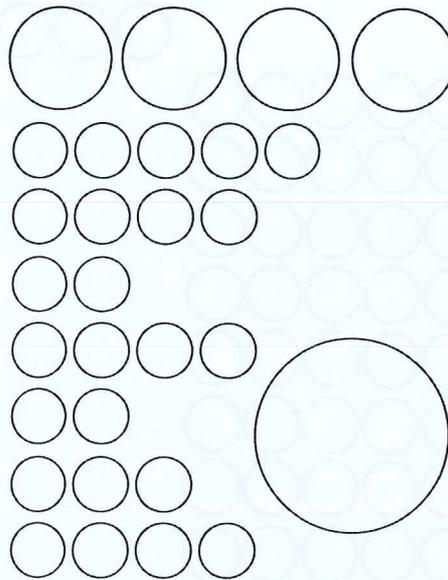
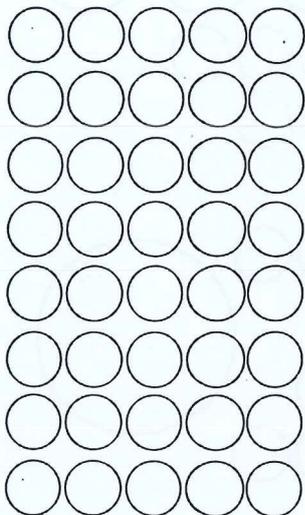
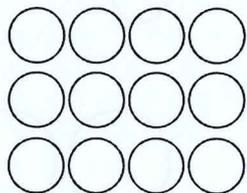
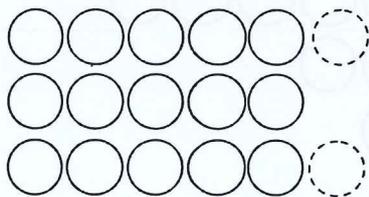
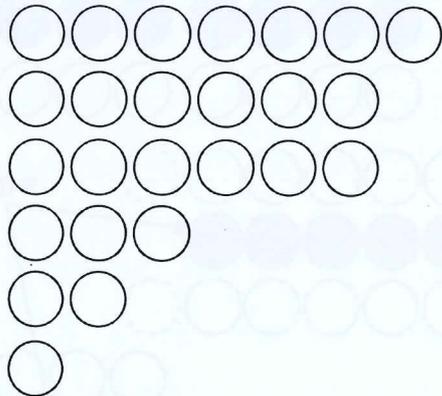
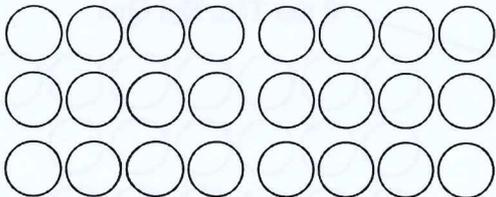
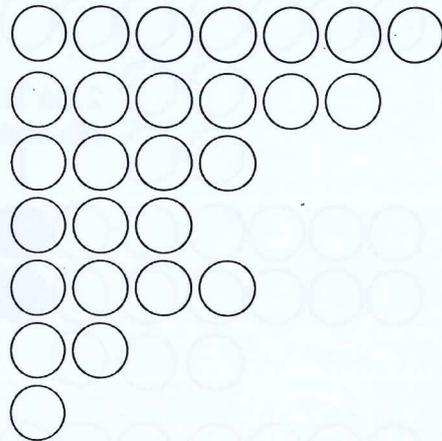
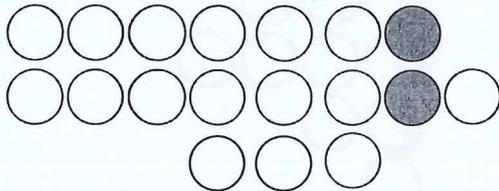


**2. TÂM LÀM MẤY SỰ (VIỆC):**

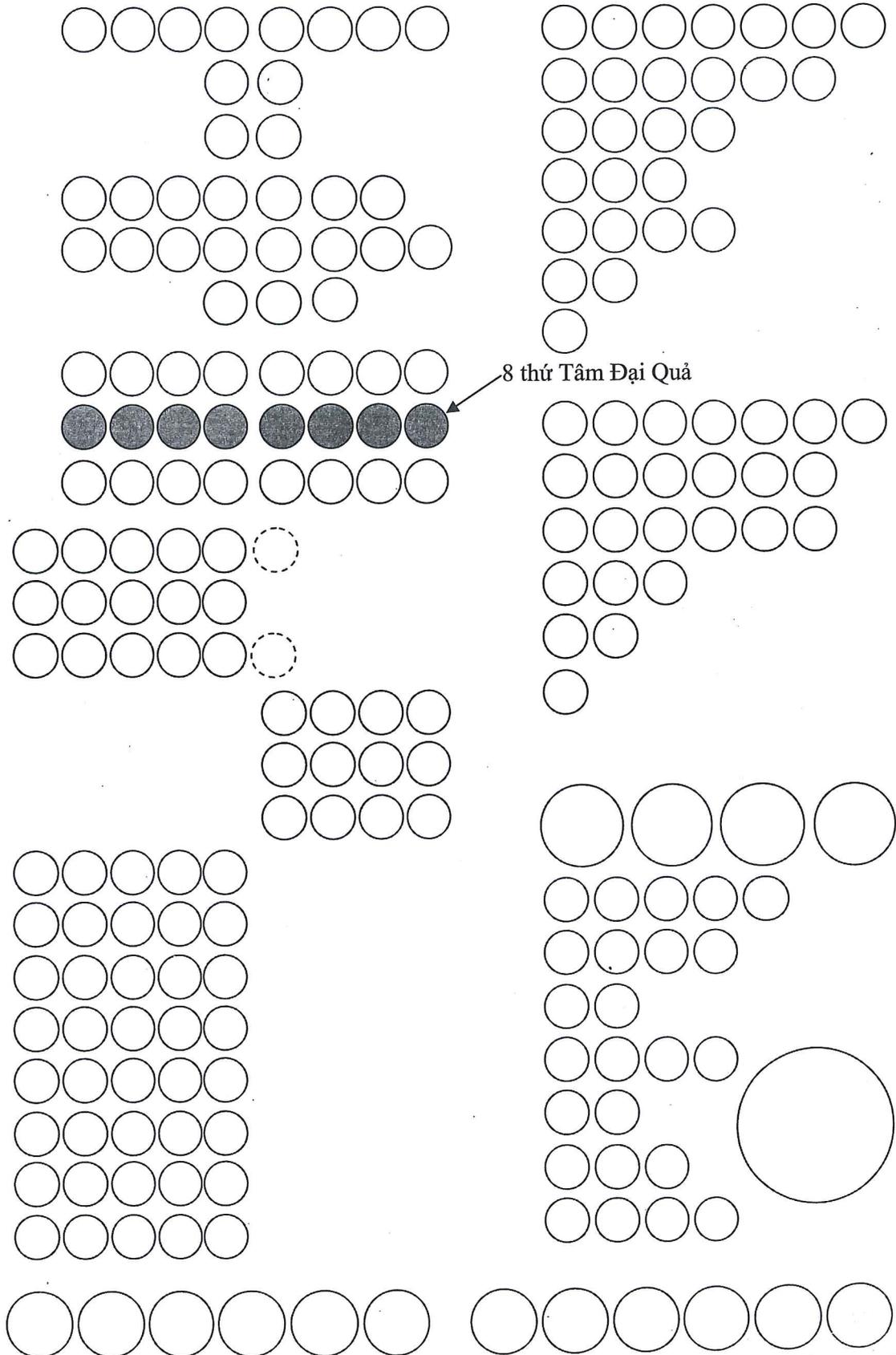
Thẩm Tẩn Xả Tho làm năm Việc là Thẩm Tẩn, Na Cảnh, Hộ Kiếp, Tử, Tái Tục.



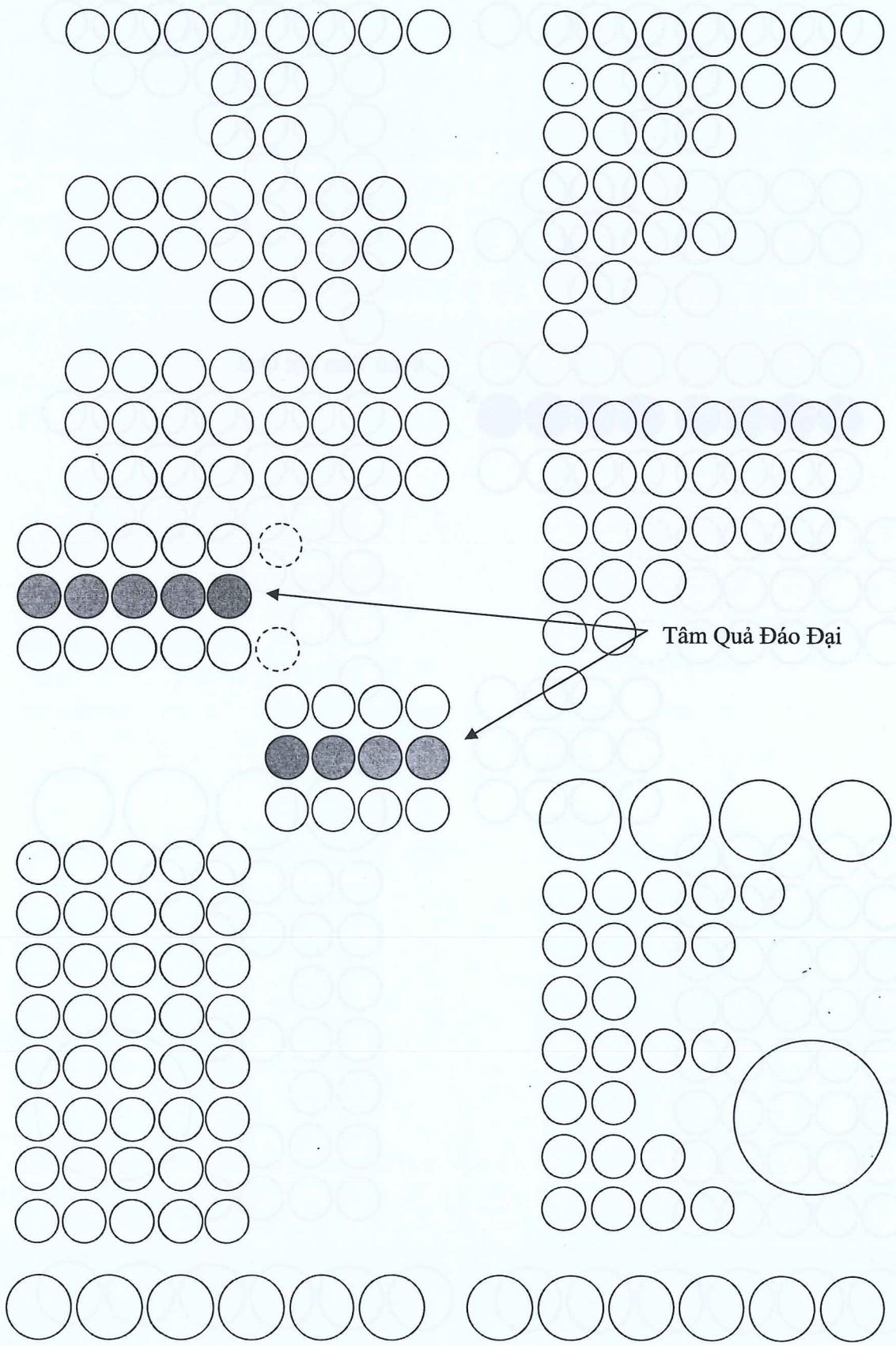
Đôi Thẩm Tẩn xả  
Tho



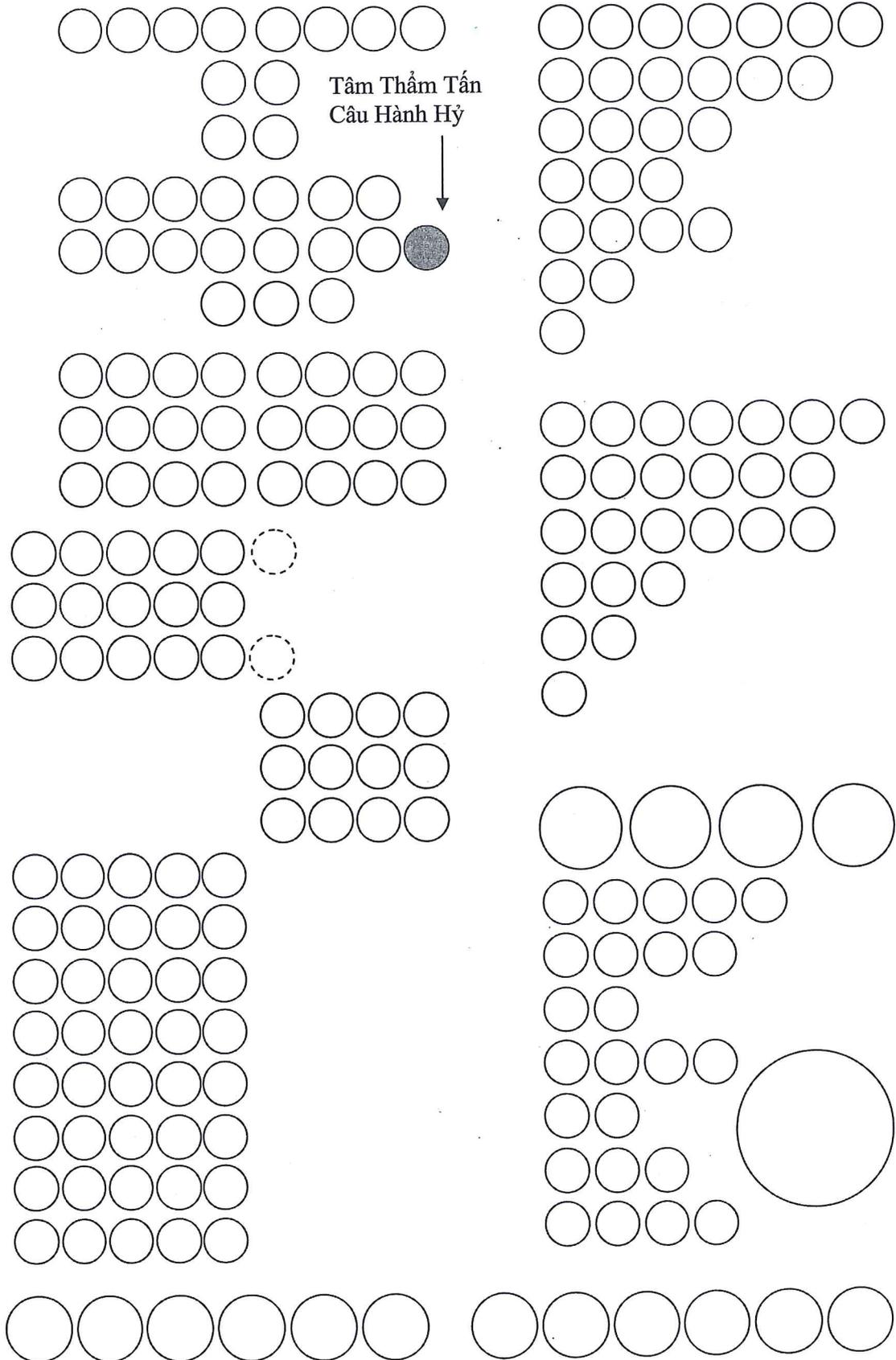
Đại Quả làm bốn việc là Na Cảnh, Hộ Kiếp, Tử, Tái Tục.



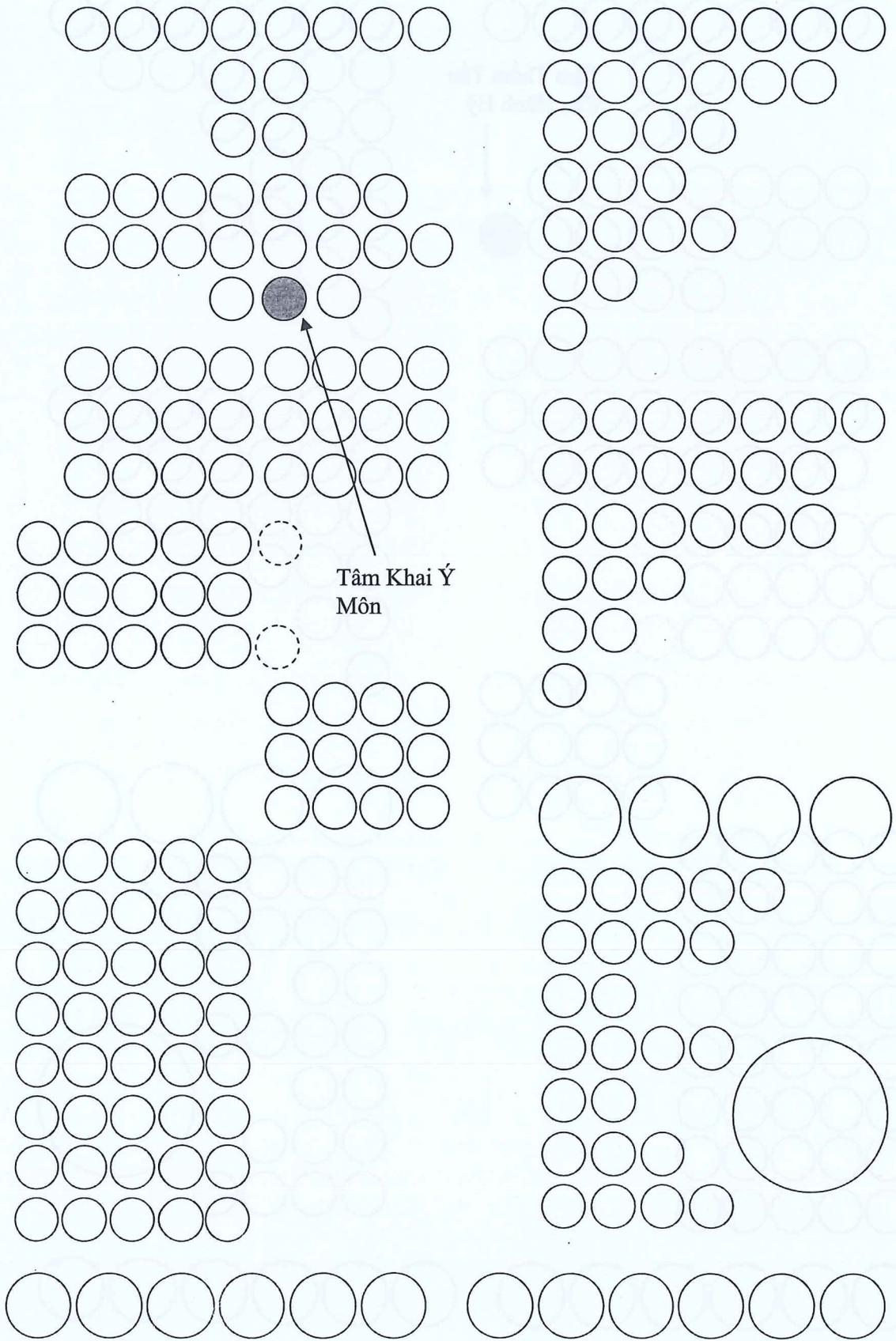
Quả Đáo Đại làm ba việc là Hộ Kiếp, Tử, Tái Tục



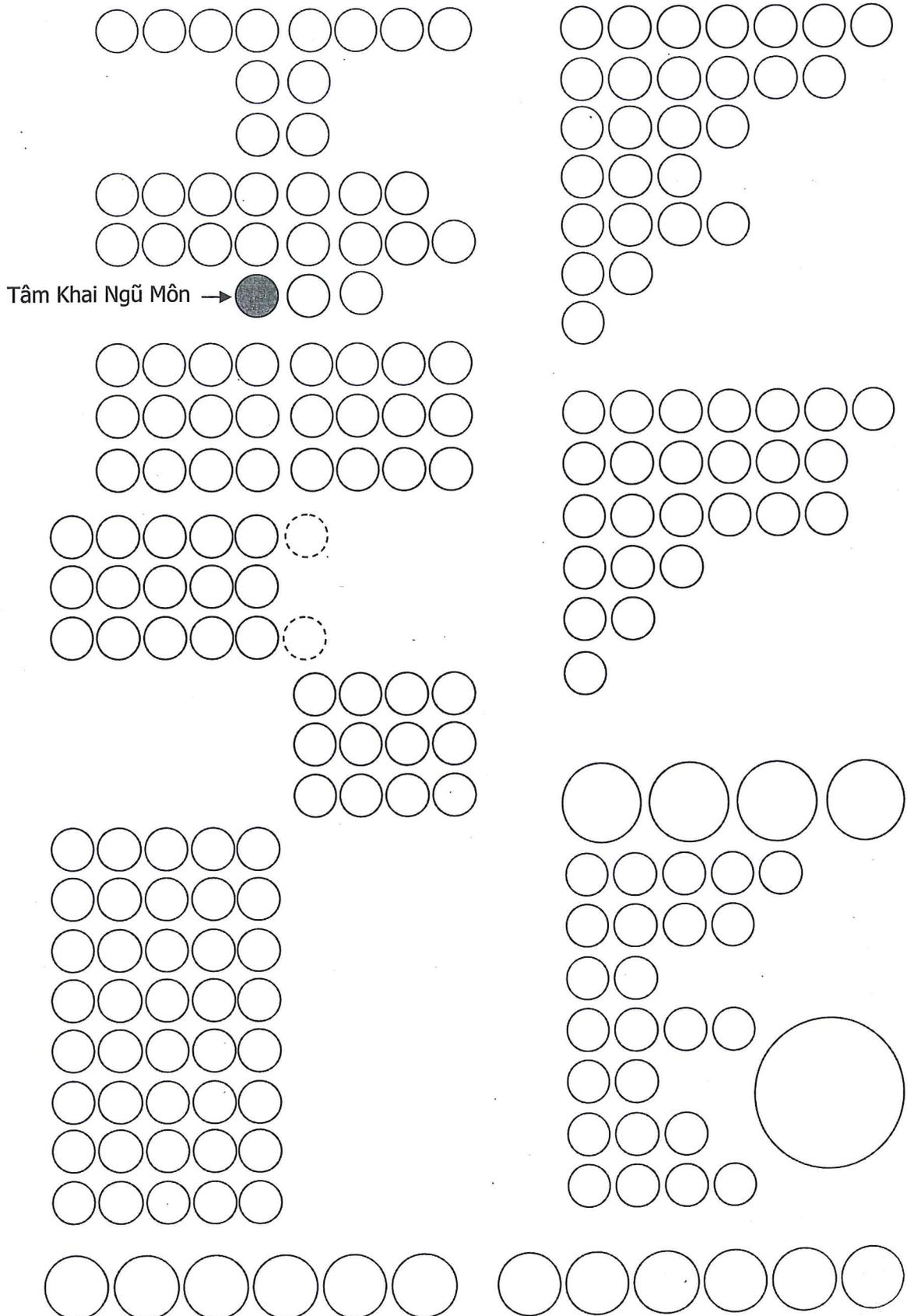
Thẩm Tấn Hỷ Tho làm hai việc là Thẩm Tấn và Na Cảnh.



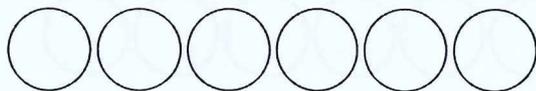
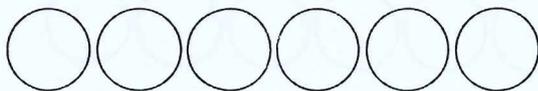
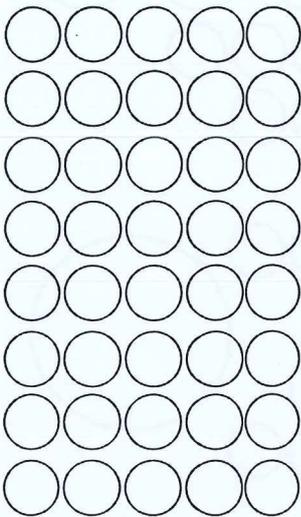
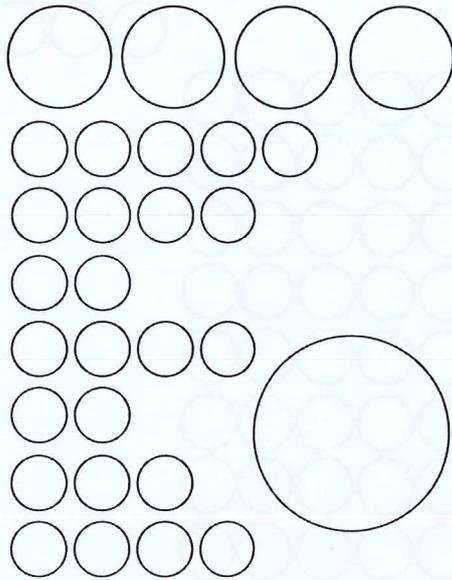
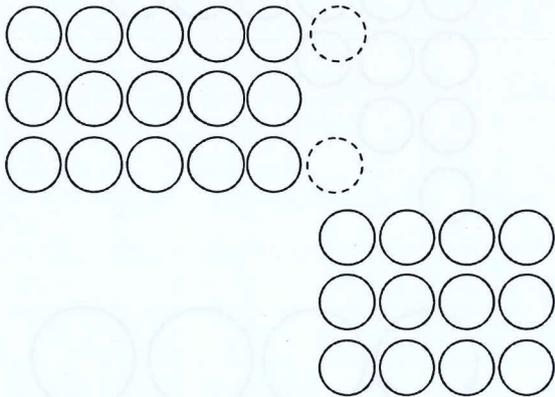
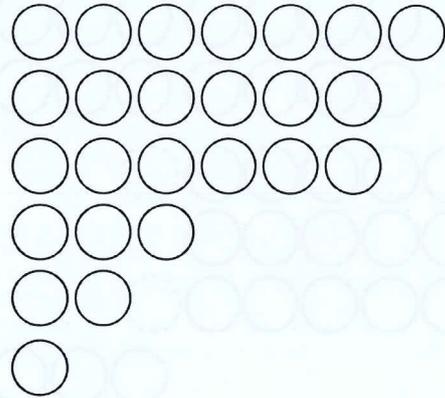
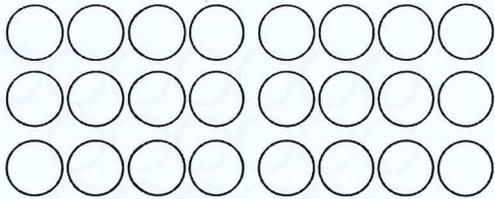
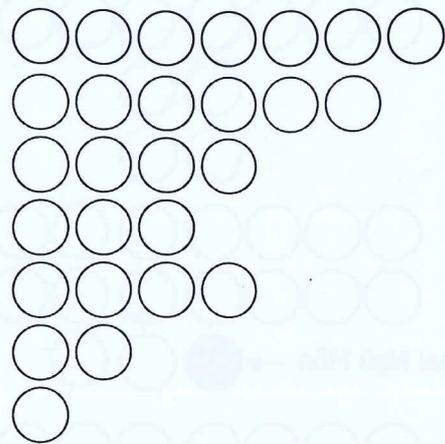
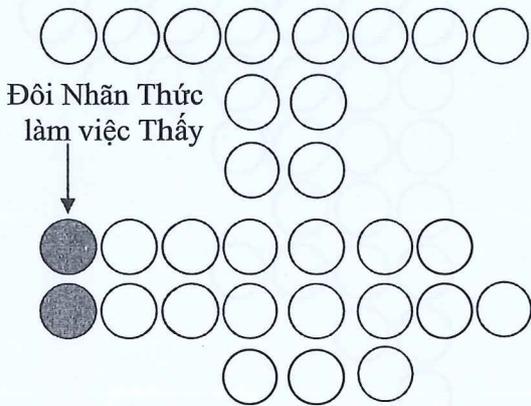
Khai Ý Môn làm hai việc là Khai Môn và Phân Đoán (Đoán Định).



Tâm Khai Ngũ Môn làm một việc là Khai Môn (Khai Ngũ Môn)



Đôi Nhãn Thức làm việc Thấy

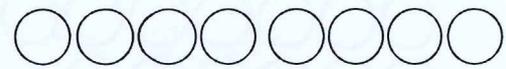


Nhĩ Thức làm việc Nghe

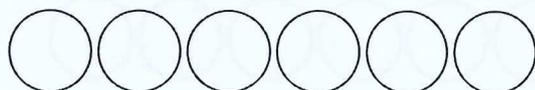
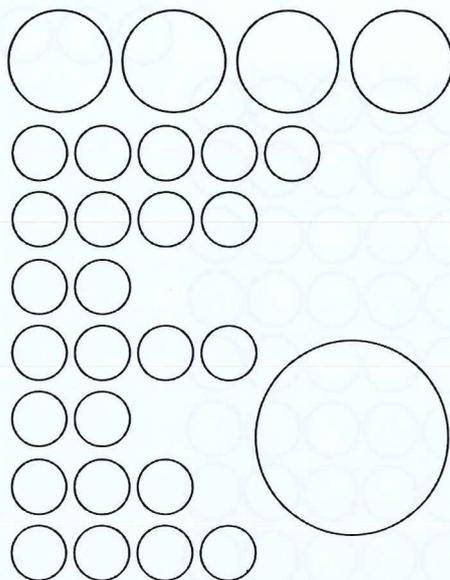
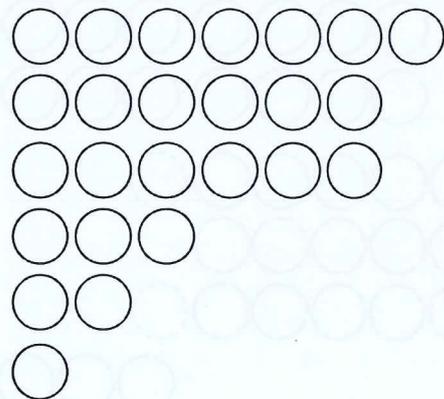
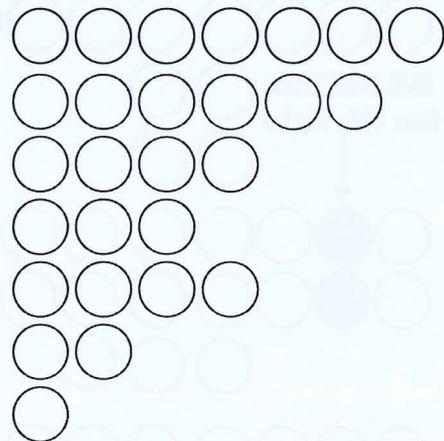
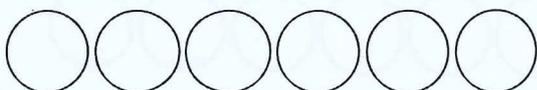
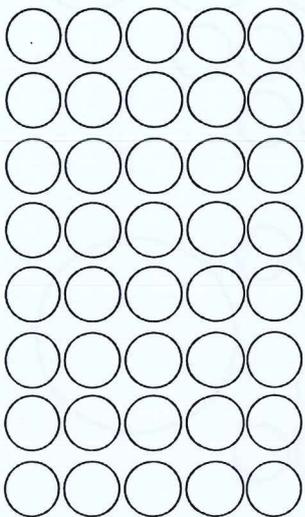
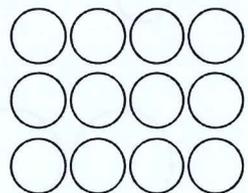
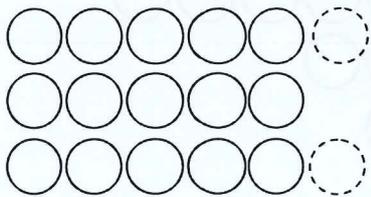
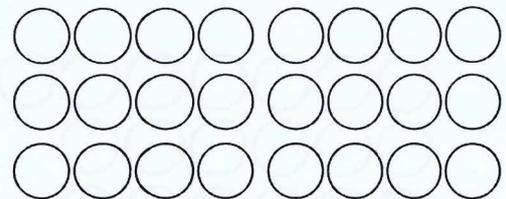
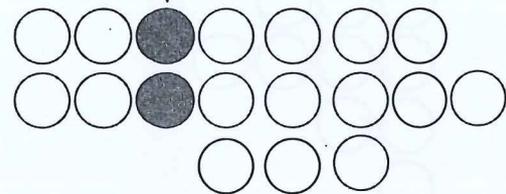
Đôi Nhĩ Thức  
làm việc Nghe

The exercises consist of various arrangements of circles. Some are solid, some are dashed, and some are shaded. The exercises are arranged in two columns. The left column starts with a row of 8 circles, followed by a 2x2 grid of circles with an arrow pointing to the top-left circle. Below this are several rows of circles in various patterns, including a 3x5 grid with dashed circles, a 3x4 grid, and a 10x5 grid. The right column starts with a 5x6 grid of circles, followed by a 5x4 grid, a 3x3 grid, a 2x2 grid, and a single circle. Below these are a 3x6 grid, a 3x4 grid, a 4x4 grid, a 4x5 grid, a 4x4 grid with a large circle, and a row of 6 circles.

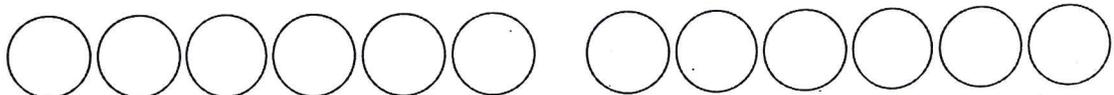
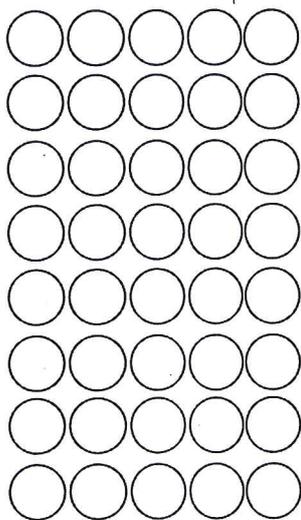
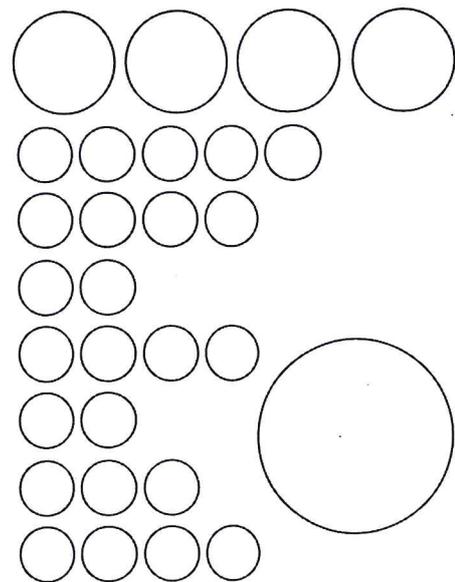
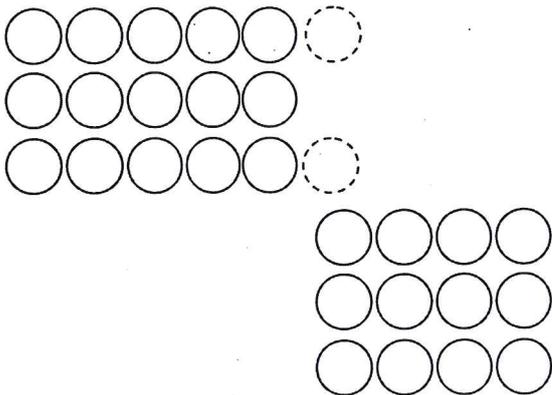
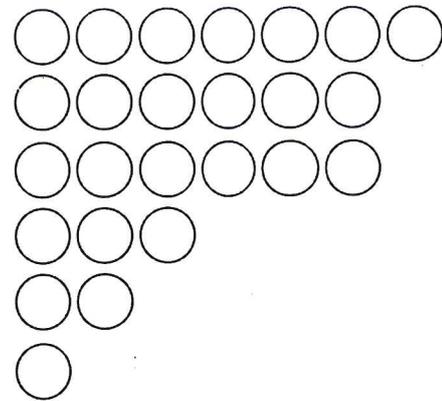
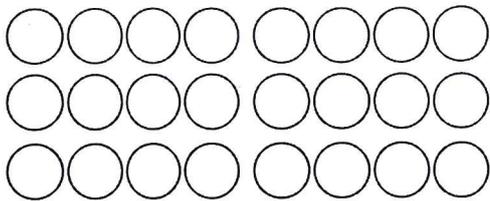
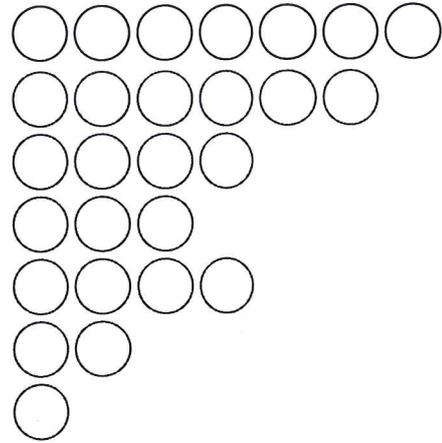
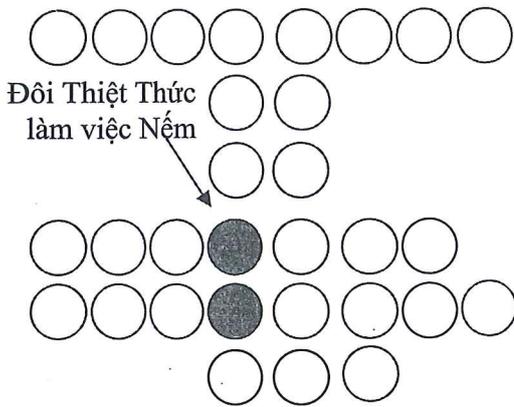
Tỷ Thức làm việc Ngủ



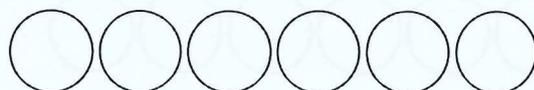
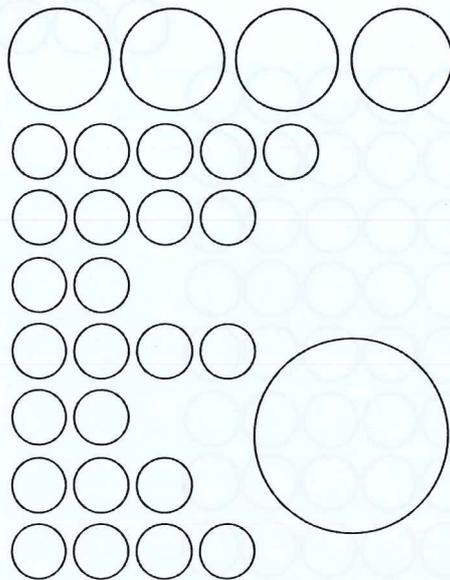
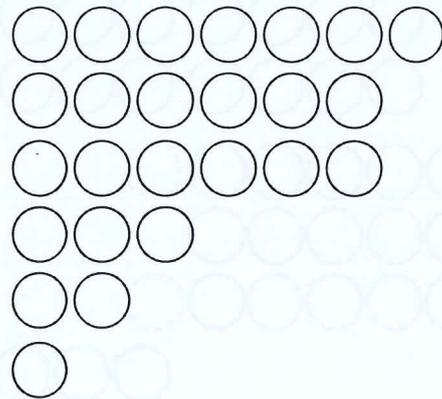
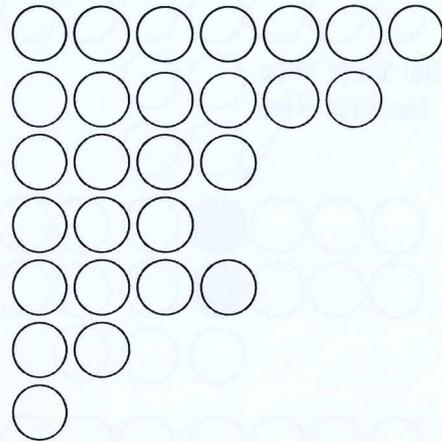
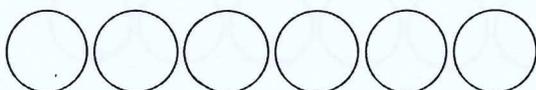
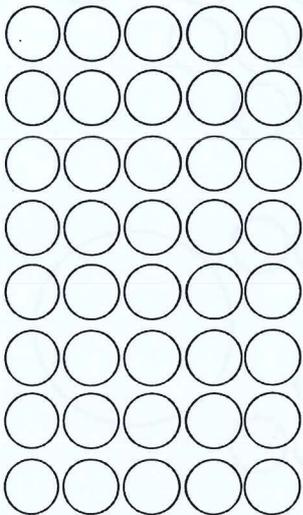
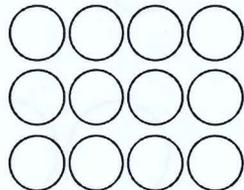
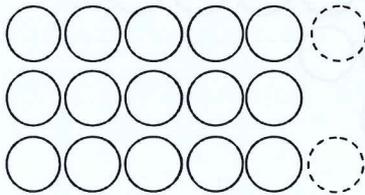
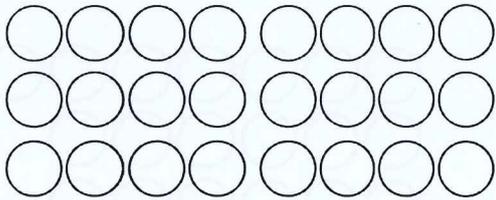
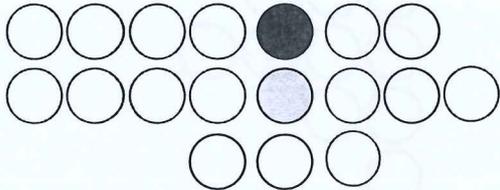
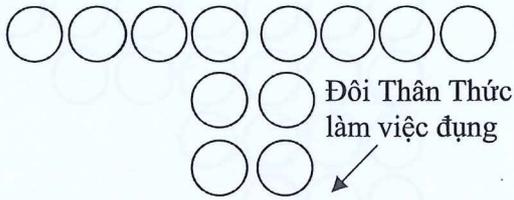
Đôi Tỷ Thức  
làm việc Ngủ



Thiết Thức làm việc Nấm



Thân Thức làm việc Đụng.



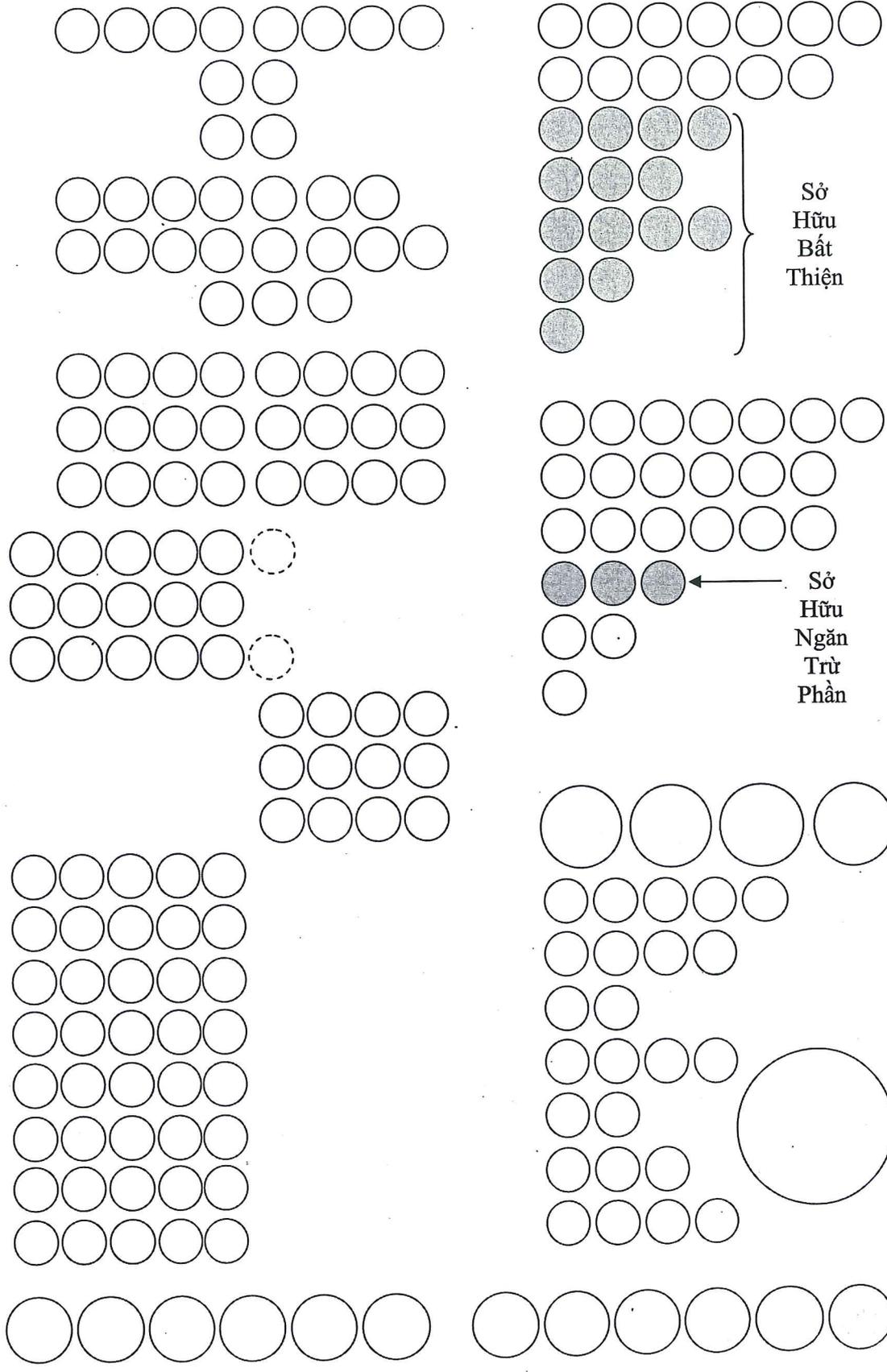


- Tâm Bất Thiên, Tiểu Sinh, Đại Thiên, Đại Tố, Thiên Đáo Đại, Tố Đáo Đại, Siêu Thế (8 hoặc 40) làm việc Đồng Lực.

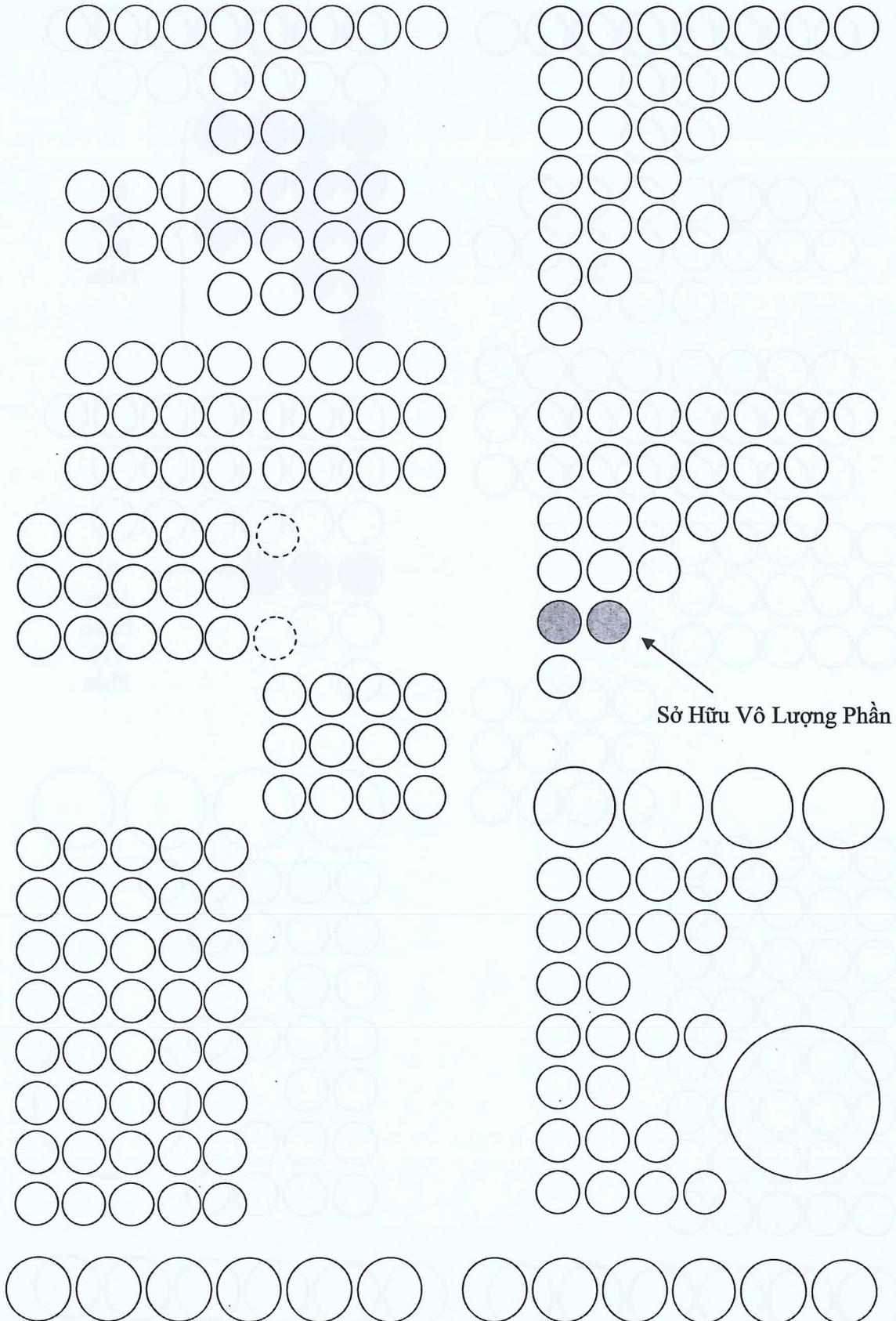
The image contains several groups of circles arranged in patterns. On the left side, there are several groups of circles, some shaded grey and some white, arranged in various configurations. On the right side, there is a large grid of white circles, some of which are missing, and a large circle at the bottom right. At the bottom, there are two rows of six white circles each.

### 3. SỞ HỮU LÀM MẤY SỰ (VIỆC)

Sở hữu Bất Thiên và Ngăn Trừ Phần chỉ làm Việc Đồng Lực

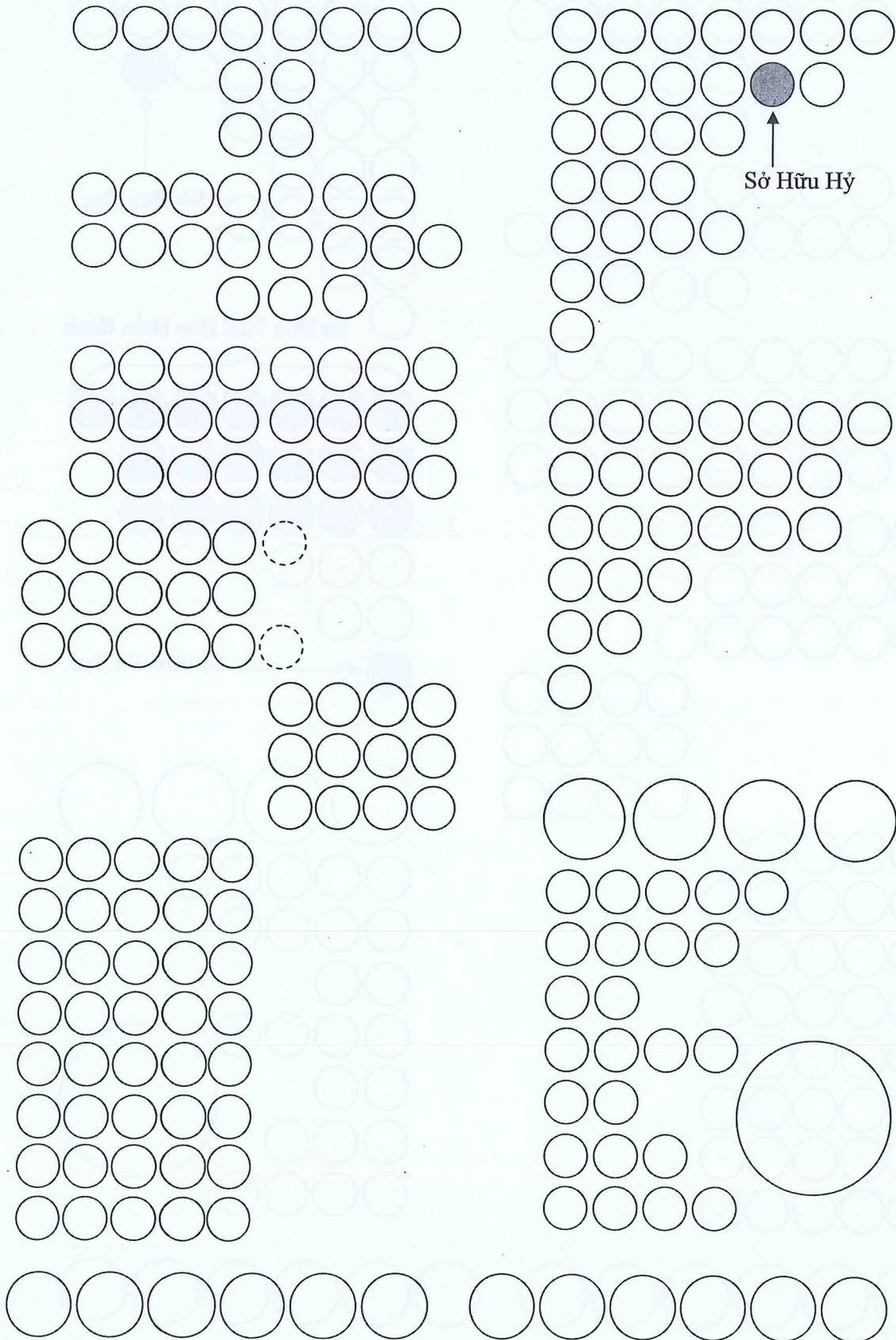


Sở hữu Vô Lượng Phần làm bốn việc là Đồng Lực, Hộ Kiếp, Tử, Tái Tục.

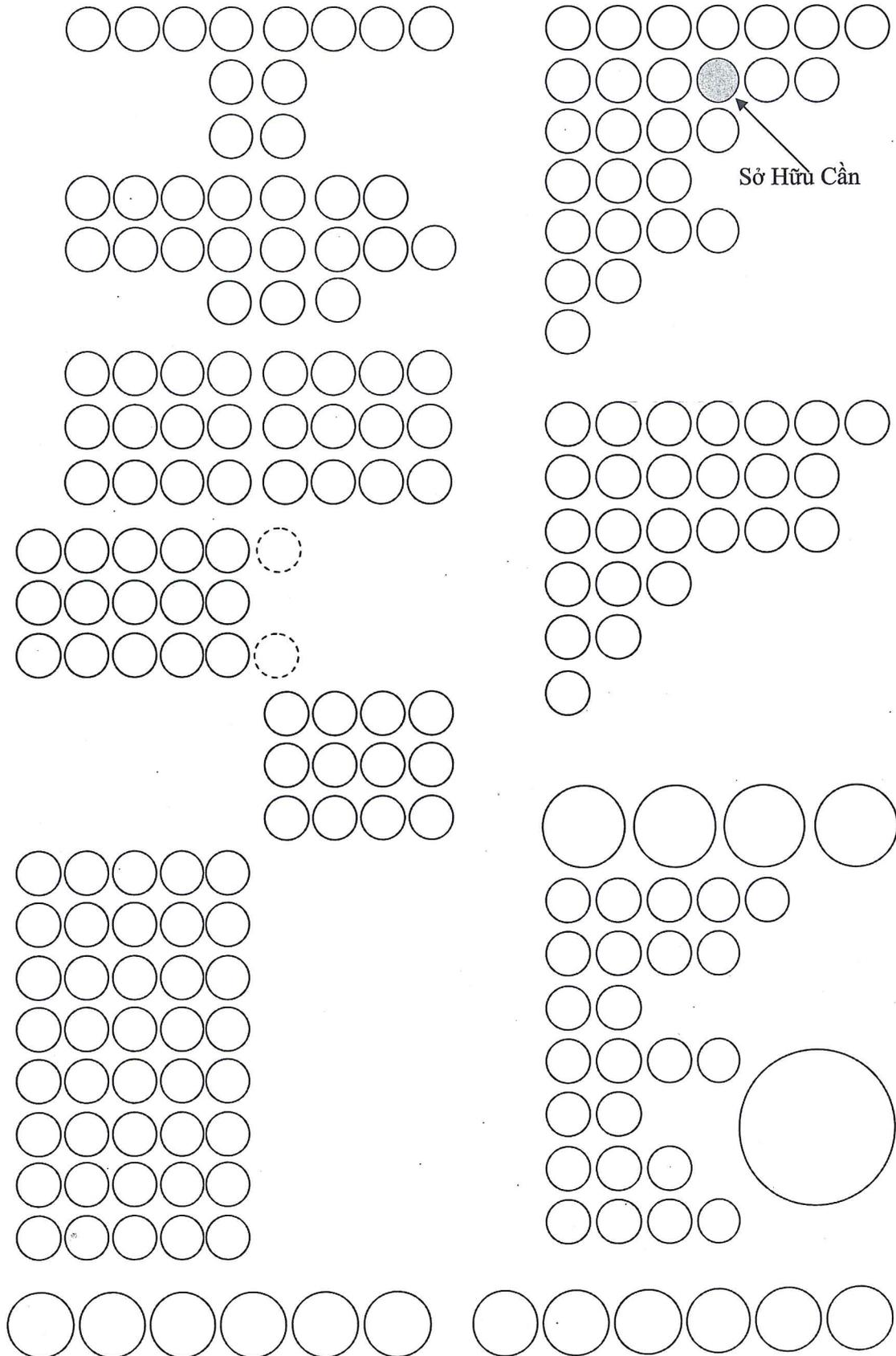




Sở Hữu Hỷ làm sáu Việc là Thăm Tẩn, Đồng Lực, Na Cảnh, Hữu Phần, Tái Tục, và Tử



Sở Hữu Cần làm 7 việc và làm thêm việc Khai Môn





Còn bảy Sở Hữu Biến Hành làm đủ mười bốn việc.

Sở Hữu Biến Hành


## IV. BẢNG ĐỒ:

<b>BẢNG ĐÓN GỌN SỰ NGHIỆP</b>			
SỰ	CHỨC NĂNG	TÂM	SỞ HỮU
1. Sự Khai Môn	Làm việc mở cửa	Khai ngũ môn + Khai ý môn	Tợ tha (Trừ hỷ, dục)
2. Sự Thấy	Làm việc thấy	Tâm nhãn thức	Biển hành
3. Sự Nghe	Làm việc nghe	Tâm nhĩ thức	Biển hành
4. Sự Ngửi	Làm việc ngửi	Tâm tỷ thức	Biển hành
5. Sự Nếm	Làm việc nếm	Tâm thiệt thức	Biển hành
6. Sự Đụng (Xúc)	Làm việc xúc, chạm	Tâm thân thức	Biển hành
7. Sự Tiếp Thâu	Làm việc thu nhận	Tâm tiếp thâu	Biển hành, tâm, tứ, thẳng giải
8. Sự Thấm Tấn	Làm việc quan sát, xét tra	Tâm thẩm tấn xả + hỷ thọ	Tợ tha (Trừ dục, cần)
9. Sự Phân Đoán	Làm việc phân định, quyết đoán	Tâm khai ý môn	Biển hành, tâm, tứ, thẳng giải, cần
10. Sự Đồng Tốc	Làm việc tạo: Cầu sinh nghiệp, Di thời nghiệp, Vô gián nghiệp.	Bất thiện (12) + Tiểu sinh (1) + Đại thiện, Tố (16) + Thiện, Tố đảo đại (18) + Siêu thế (40) = <b>87 Tâm</b>	<b>52 Sở hữu</b>
11. Sự Na Cảnh	Làm việc mót cảnh (hưởng cảnh dư Tâm đồng lực)	Thấm tấn (3)+Đại quả (8) = <b>11 Thứ Tâm</b>	Tợ tha (13) + Tịnh hảo BH (19) + Trí tuệ = 33 Sở hữu
12. Sự Tái Tục	Làm việc khởi đầu kiếp sống	Thấm tấn xả thọ (2)	Tợ tha (13)
13. Sự Hộ Kiếp	Làm việc duy trì kiếp sống	Đại quả (8)	Tịnh hảo BH (19)
14. Sự Tử	Làm việc chấm dứt kiếp sống	Quả đảo đại (9)	Vô lượng (2); Trí tuệ (1)
		<b>19 Thứ Tâm</b>	<b>35 Sở Hữu</b>

## V. PHÂN GIẢI:

### 1) Sự Khai Môn (*Āvajjanakicca*):

- ❖ Sự khai môn là tháo bắt cảnh mới trước hơn hết (*Āvajjate = Āvajjanam*), nghĩa là: Bắt cảnh mới gọi là khai, ám chỉ là mở cửa ngũ hoặc cửa ý. Tức là chặn đứng cơ quan của hộ kiếp không cho nổi lại, còn gọi là Chỉ lưu (ngăn không cho chảy nữa, ý nói chặn không cho tâm hộ kiếp sanh trở lại).

*Hay nói cách khác, Khai môn (Āvajjana) hay sự Khai môn là trạng thái tâm hướng đến đối tượng, nếu đối tượng là ngoại cảnh thì tâm khai ngũ môn phát sanh. Còn nếu đối tượng là bên trong hay cảnh ngũ quá khứ thì đó là nhiệm vụ của tâm khai ý môn mở lộ ý.*

- ❖ Sự khai môn (việc khai ngũ và việc khai ý) là tâm lộ sanh trước hơn hết để làm việc:
  - Khi ngũ song thức sanh khởi cũng như kẻ mở năm cửa cho những người cần thiết mới bước ra đặng, hay là chẳng khác chi kẻ gác năm cửa gặp khách trước hơn hết.

*Trong Atthasālinī giải: Idam panapañcamavāre valañcana pavattikāla sabbesam pure uppajjati: Tâm khai ngũ môn này đối với lộ ngũ môn đều sanh trước hơn hết để bắt 5 cảnh mới hiện tại.*

- Tâm này cũng đặng gọi là Tác ý thành lộ (*Vithipatipādakamanasikāra*) vì tất cả tâm sanh theo lộ ngũ nếu không có tâm này sanh ra thì tâm lộ ngũ môn đều không sanh. Cho nên có *Pāli* chú giải như sau:  
*Vithi patipadayatīti = Vithipatipādako: Làm cho Tâm lộ thành trật tự, thứ lớp nên gọi là Tác ý thành lộ.*
- Tâm Khai ý môn là thứ tâm làm việc Khai môn (mở cửa) nương theo lộ ý, nếu sanh theo lộ ngũ thì làm việc phân đoán - phán quyết cảnh. Cho nên có câu *Pāli* chú giải như sau:  
*Uppajjamānam pana pañcadvāre voṭṭhabbanam hoti nanodvāre āvajjanam: Tâm này nếu sanh theo Lộ Ngũ thì Phán quyết hay Phân đoán còn sanh theo Lộ ý thì làm việc Khai ý môn.*
- Tâm Khai ý môn cũng gọi là Tác ý thành Đồng lực (*Javanapaṭi pādakamanasikāra*) bởi vì có *Pāli* chú giải như vậy: *Javanam paṭipadayatīti Javanapaṭipādako: Làm dịp cho Tâm Đồng lực phát sanh thì cũng đặng gọi là Tác ý thành Đồng lực tức là Tâm Khai ý môn.*

### 2) Sự Thấy (*Dassanakicca*):

Đây là việc làm của đôi nhãn thức biết đặng các màu, tức là nhãn thức biết cảnh sắc, nghĩa là cách nối tiếp theo Sự khai môn.

Sự thấy là chỉ bày hành vi, tác dụng do nhãn thức nhận ra cảnh sắc, hay là tư cách nhận ra các màu.

Nói về phần nhãn có giải thích như sau: Pháp nào có sự thực tính, thực tướng là sự trong ngần của tứ đại nghiệp để thấu cảnh sắc đặng, là sự trong ngần của sắc tứ đại hiển nên tiếp xúc cảnh sắc hay do nguyên nhân sanh từ nghiệp muốn thấy, quở ôm cảnh sắc, tìm kiếm cảnh sắc, hay là đạo trong cảnh sắc. Chỗ nương của Nhãn thức có sắc tứ đại nghiệp tức có sắc tứ đại tham ái cảnh sắc chấp trước hay là sanh từ nguyên nhân của nghiệp muốn thấy. Các phần trên đây là phần trợ duyên cho *sự muốn thấy*.

### 3) **Sự Nghe** (*Savanakicca*):

Là nhiệm vụ hay phần việc làm, mà tác động do đôi nhĩ thức thực hiện. Hay là tư cách nhận ra cảnh thính bởi chức năng hành động của tâm nhĩ thức, phần việc ấy gọi là Sự nghe.

*Theo chú giải của Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimaggakathā) nói về phần Nhĩ có giải thích như sau:*

Pháp nào có sự thực tánh, thực tướng, là sự trong ngần của sắc tứ đại nghiệp để thấu cảnh thính đặng, là sự trong ngần của tứ đại hiển tiếp xúc cảnh thính hay do nguyên nhân sanh từ nghiệp muốn nghe, quở hốt cảnh thính (đưa đến hứng chịu cảnh Thính đối chiếu) đạo trong cảnh thính. Cũng là chỗ nương của nhĩ thức. Bởi có sắc tứ đại nghiệp sanh từ nghiệp tham ái thính, hay nguyên nhân sanh từ nghiệp muốn nghe. Các phần vừa nêu trên là sự trợ duyên *cho sự nghe*.

### 4) **Sự Ngửi** (*Ghayanakicca*):

Đây là việc làm hay tư cách nhận ra cảnh khí mà do tâm tỷ thức thực hiện.

Tỷ thức biết đặng cảnh khí, tức là việc làm biết được các mùi, như là hơi còn gọi là khí hay nói cách khác là nhiệm vụ biết đặng, ngửi đặng gọi là Sự ngửi.

Theo chú giải Thanh Tịnh Đạo (*Visuddhimaggakathā*) nói về phần Tỷ có giải thích như sau:

Pháp nào có sự thực tánh, thực tướng, là sự trong ngần của sắc tứ đại nghiệp để thấu cảnh khí đặng, là sự trong ngần của tứ đại hiển tiếp xúc cảnh khí hay do nguyên nhân sanh từ nghiệp muốn ngửi, quở hốt cảnh khí (đưa đến hứng chịu cảnh khí đối chiếu) đạo trong cảnh khí. Cũng là chỗ nương của tỷ thức. Bởi có sắc tứ đại nghiệp sanh từ nghiệp tham ái khí, hay nguyên nhân sanh từ nghiệp muốn ngửi. Các phần vừa nêu trên là sự trợ duyên *cho sự ngửi*.

### 5) **Sự Nếm** (*Sāyanakicca*):

Là Thiệt Thức biết đặng cảnh vị tức là cái biết được mặn, ngọt, chua, cay, đắng, chát, lạt ... Hay nói cách khác nhiệm vụ mà biết đặng, nếm đặng gọi là sự nếm. Hoặc là phần việc phải làm để biết đặng các vị, nên gọi là sự nếm.

Theo chú giải Thanh Tịnh Đạo (*Visuddhimaggakathā*) nói về phần Thiệt có giải thích như sau:

Pháp nào có sự thực tính, thực tướng, là sự trong ngần của tứ đại nghiệp để thấu cảnh vị, là sự trong ngần của sắc tứ đại hiển tiếp xúc cảnh vị hay do nguyên nhân sanh từ nghiệp muốn nếm (quở hốt cảnh vị) đưa đến hứng chịu cảnh vị đối

chiếu, hay là đạo trong cảnh vị, cũng là chỗ nương của thiết thức có sắc tứ đại nghiệp tạo sanh từ nghiệp tham ái muốn nếm, bởi có sắc tứ đại hiển nguyên nhân sanh từ nghiệp muốn nếm. Các phần vừa nêu trên là sự trợ duyên *cho sự nếm*.

6) **Sự Đụng** (*Phusanakicca*):

Sự Đụng là do đôi thân thức biết dạng cảnh xúc, tức là phần việc làm hay sự vụ biết nóng - lạnh, cứng- mềm, lay động – căng ra (chỉ bày cho sắc đất, sắc lửa, sắc gió. Còn sắc nước không tính vì đây là sắc tế - tính trên bản thể Siêu Lý). Hoặc là tư cách nhận ra sự cứng - mềm, nóng - lạnh, dòn - thẳng v.v... . Gọi đây là sự đụng.

Theo chú giải Thanh Tịnh Đạo (*Visuddhimaggakathā*) có giải thích cảnh xúc (đụng, chạm) như sau:

Pháp nào có sự thực tính, thực tướng, là sự trong ngần của sắc tứ đại hiển nên tiếp xúc cảnh xúc, hay là sự trong ngần của sắc tứ đại hiển do nguyên nhân sanh từ nghiệp muốn đụng, chạm, quố hốt cảnh xúc, soi theo, chiếu đến cảnh xúc, sự đạo trong các cảnh xúc. Cũng là chỗ nương của thân thức. Bởi có sắc tứ đại nghiệp tạo, hoặc sắc tứ đại hiển sanh từ nguyên nhân muốn tiếp xúc, đụng chạm. Các phần vừa nêu trên là sự trợ duyên cho sự đụng, sự muốn đụng (nghĩa là cái biết, phần việc biết dạng cảnh xúc).

7) **Sự Tiếp Thâu** (*Sampaticchanakicca*):

Đây là việc làm hay phần việc mà tác dụng thâu bắt cảnh ngũ khi hiện vào lộ ngũ môn thuộc lộ trình tâm để chuyển sang tâm thẩm tấn. Hay là tiếp nhận, thâu nạp cảnh, phần việc phải làm tiếp theo sau ngũ song thức bằng cách rành rẽ với nhiệm vụ chuyển sang hay chuyển qua cho tâm thẩm tấn ... tức là nhận lãnh chắc chắn cảnh ngũ còn lại (một trong năm cảnh Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc) chuyển cho các tâm sau chung một lộ, việc làm như thế gọi là Sự Tiếp Thâu.

Hoặc với trạng thái hay hành động mà phần việc phải làm là tiếp nhận và thâu bắt cảnh bằng lối thông thạo để chuyển qua cho tâm thẩm tấn. Việc làm này gọi là Sự Tiếp Thâu.

Theo *Pāli* có chú giải như sau:

*Sampaticchiyate = sampaticchanam*: Sự tiếp nhận năm cảnh từ ngũ song thức ấy gọi là tâm tiếp thâu, hay là bảo đảm năm cảnh ngũ còn lại chuyển cho các tâm sau chung một lộ, đây gọi là Tiếp Thâu.

Như: Tai nghe tiếng - nhĩ thức nhận lấy, thâu nạp cảnh thinh ấy rồi tâm tiếp thâu chuyển cho tâm sanh sau tâm thẩm tấn ... Trong *Paramatthadīpanītikā* – Siêu Lý Từ Giải và *Suṭṭhuparimukham ichatīti = Sampaticchana*: Tâm mà khéo tiếp bắt lấy cảnh liên tiếp với (năm thức) trước, gọi là Tiếp Thâu.

- Nói gọn: Sự tiếp thâu là do tâm tiếp thâu thực hiện thâu bắt cảnh rành rẽ, thông thạo để chuyển cho tâm sanh kế sau – là tâm thẩm tấn.

### 8) **Sự Thăm Tẩn** (*Santīraṇakicca*):

Đây là loại tâm với chức năng, việc làm thăm định bằng cách quan sát, tra xét đối tượng (cảnh) rất hoàn mỹ. Hoặc cách thăm tra, xét kỹ cảnh ngũ (1 cảnh trong 5 cảnh như: Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc), với nhiệm vụ tra xét bằng cách thăm tra, xét định làm cho cảnh ngũ đặng hoàn toàn, việc làm này gọi là thăm định cảnh, quan sát cảnh hay sự thăm tẩn cảnh.

Theo *Pāli* chú giải như vầy: *Sammātiranaṃ = Santīraṇaṃ*: Cách khám xét, điều tra, thăm tra, xét kỹ năm cảnh từ tâm tiếp thu chuyển sang gọi là Thăm Tẩn. Hay là việc làm quan sát, xét tra cảnh ngũ đặng hoàn toàn gọi là Thăm Tẩn.

- Tâm thăm tẩn như một người thư ký hỏi tên, họ, địa chỉ người khách tỷ mỹ ... để chuyển giao cho nhân viên có chức năng trong văn phòng định đoạt.
- Như vậy: Sự, hay việc làm mà có tính cách khám xét điều tra để tìm hiểu đối tượng của tiếp thu vừa thọ lãnh từ ngũ song thức, phần việc làm này gọi là Sự Thăm Tẩn.

### 9) **Sự Phân Đoán** (*Voṭṭhabbanakicca*):

Đây là công việc, việc làm với tính chất phân quyết cảnh mà Tâm Thăm Tẩn chuyển sang. Nhiệm vụ của sự này là phân chia và quyết đoán cảnh tốt, xấu. Hoặc Tâm xác định cảnh, phân định cảnh, phân đoán cảnh bằng cách đoán quyết tốt, xấu, nên gọi là Phân đoán. Hay nói cách khác phần việc làm quyết đoán, phân chia cảnh tốt, cảnh xấu theo phận sự, nhiệm vụ của mình. Nên gọi là Sự Phân đoán.

Đây cũng là phần việc làm cho tâm đồng lực phát sanh liền kề sau. Theo *Pāli* có chú giải như vầy: *Vavaṭṭhapiyate = voṭṭhabbanāṃ*: Cách quyết đoán phân định cảnh tốt, xấu gọi là Phân đoán hay Đoán định.

- Sự Phân đoán như nhân viên có trách nhiệm định đoạt cho người khách đến gặp người cần gặp.
- Như vậy: Với phần việc làm là sự quyết đoán, xác định, mở đầu cho mọi hành vi của nghiệp Dị thời mà cảnh trước đó thiện hoặc bất thiện sanh trong lộ, cũng chính giai đoạn này mà tâm Đồng lực phát sanh liền kế để tiến hành, hành động trong hành vi thiện hay bất thiện đó.

### 10) **Sự Đồng Lực** (*Javanakicca*):

Sự Đồng Lực đây là nhiệm vụ hay phần việc phải làm, với trạng thái quan trọng là tạo nghiệp do mãnh lực (*Kamma*) của sở hữu Tư điều phối sắp xếp câu sanh để đốc các pháp khác để đặng hành vi thực hiện dị thời nghiệp duyên sẽ cho dị thực quả duyên. Tức là cách sử lý, giải quyết việc làm bằng vào sức mạnh tạo tác, thông qua hành động thực hiện cho đặng thành quả.

Hay nói cách khác, phần việc phải làm mà để lại dị thực quả tốt hoặc xấu bởi có sức mạnh đở mãnh lực hưởng dùng cảnh, chính sự đồng lực này là chánh yếu hơn hết, vì đây là sát na tạo nghiệp thiện hay bất thiện cho quả lành, quả xấu hoặc đây

là phần hành động của nghiệp dị thời. Phần việc làm này do tác động tâm phân đoán chuyển qua đặng.

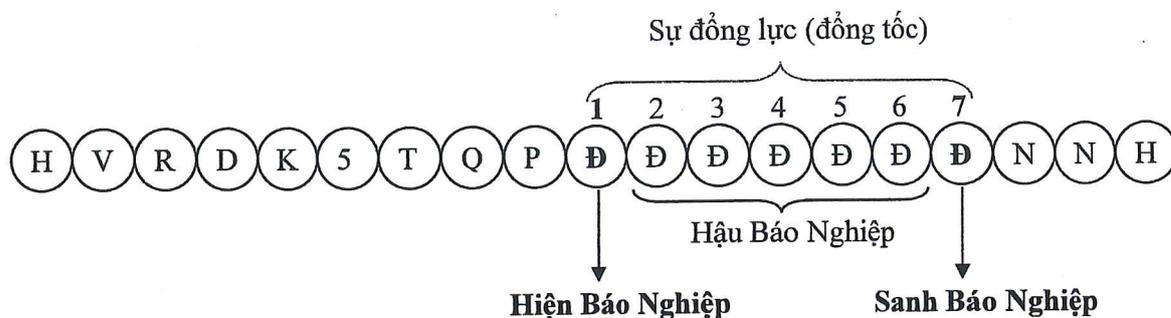
Hay với việc làm quan trọng có mãnh lực tạo nghiệp, chính giai đoạn này các hành vi thiện ác được tạo tác. Sự đồng lực tồn tại được 7 sát na trong lộ bình nhật hoặc 5 cái sát na trong lộ cận tử.

Theo *Pāli* có chú giải như vầy:

*Javatīti = Javanam*: Có mãnh lực đủ sức hưởng dùng cảnh gọi là đồng lực hay đồng tốc (Câu sinh nghiệp, Dị thời nghiệp, Vô gián nghiệp).

• **Tìm hiểu sự Đồng lực của 1 lộ, trong lộ trình tâm như sau:**

Đơn cử 1 Lộ là: Lộ ngũ môn cảnh rất lớn chót na cảnh như sau.



Thích giải:

- ❖ Chữ Đ là ký hiệu của sự đồng lực, còn số: 1, 2, 3 cho đến 7 là 7 sát na đồng lực.
- ❖ Sát na thứ nhất của sự đồng lực, tức đồng tốc thứ nhất hay đồng lực thứ nhất:

Gọi là Hiện báo nghiệp trả quả hoặc  
trở quả trong kiếp hiện tại bằng 2 cách:

{ - Cho Quả trong vòng 7 ngày.  
} - Cho Quả sau 7 ngày.

- ❖ Sát Na thứ 7, tức tâm đồng lực thứ 7:  
Gọi là Sanh báo nghiệp cho quả đời kế sau (tính tái tục đời kế tiếp).
- ❖ Sát na đồng lực thứ hai (2) đến sát na đồng lực thứ sáu(6):  
Gọi là Hậu báo nghiệp tức các tâm đồng lực hai, ba, bốn, năm và sáu (2, 3, 4, 5 và 6) cho quả đời thứ 2 trở về sau, cho đến khi vô dư Níp Bàn.

**Phần tóm tắt về nghiệp theo: Nương đổ, thời gian, mãnh lực và việc làm (công năng) hay là 16 thứ Nghiệp phân thành 4 phần như sau.**

A. Nghiệp nương đổ có 4:

- |                             |   |
|-----------------------------|---|
| 1. Bất thiện nghiệp         | (Là nghiệp nương đổ với tâm bất thiện).         |
| 2. Dục giới thiện nghiệp    | (Là nghiệp nương đổ với tâm đại thiện).         |
| 3. Sắc giới thiện nghiệp    | (Là nghiệp nương đổ với tâm thiện sắc giới).    |
| 4. Vô sắc giới thiện nghiệp | (Là nghiệp nương đổ với tâm thiện vô sắc giới). |

**B. Nghiệp tạo theo thời gian (hay nghiệp tạo qua thời kỳ) có 4:**

1. Hiện báo nghiệp: Quả hiện tại (trong và sau 7 ngày).
2. Sanh báo nghiệp: Quả đời kế sau.
3. Hậu báo nghiệp: Quả đời thứ 2 đến vô sanh.
4. Bất báo nghiệp: Không còn năng lực để lại quả, hoặc dị thực không có cơ hội trở quả (vô hiệu nghiệp): Theo thời gian, mà vẫn chưa cho quả, hay quả bị ngăn chặn không đăng khởi sanh.

**C. Nghiệp tạo theo mãnh lực (sức mạnh) có 4:**

1. Đại trọng nghiệp: Giết cha, giết mẹ, giết La Hán, đả thương Đức Phật, chia rẽ Tăng (Ngũ nghiệp Vô Giá) và Thiên.
2. Cận Tử Nghiệp: Việc nhớ (hồi tưởng) lúc cận tử (tốt, xấu) hiện bày.
3. Thường nghiệp: Nhớ lại Thiên – Bất Thiên thường làm (Thường cận y duyên).
4. Khinh thiếu nghiệp: Nghiệp nhẹ, do vô ý, rất ít cơ hội thành tựu (vài trường hợp việc làm vô ý nhưng oan trái nặng).

**D. Nghiệp Tạo Theo Việc Làm (Công năng) có 4:**

1. Sanh nghiệp: Kết quả - Danh uẩn + Sắc thủ = Nghiệp, tức quả dị thực sanh lên (các uẩn tiếp nối luân chuyển).
2. Trì nghiệp: Sự duy trì uẩn, nối tiếp luân hồi (nghiệp trợ nghiệp), hoặc nuôi dưỡng nghiệp (uẩn trợ uẩn).
3. Chướng nghiệp: Nghiệp thiện ngăn nghiệp bất thiện và ngược lại, hay ngăn chặn, cản trở các uẩn trở lại (lấn áp cách trở lại nối tiếp của uẩn).
4. Đoạn nghiệp: Sự tiêu diệt, tuyệt trừ sanh nghiệp (Chướng nghiệp chỉ gây trở ngại cho sanh nghiệp, còn đoạn nghiệp là đối lập hẳn với sanh nghiệp).

**Lưu Ý:****Phân sự của nghiệp có 6:**

1. Nghiệp là sự sản, tài vật của chúng sanh.
2. Nghiệp là tài sản, lưu truyền của chúng sanh.
3. Nghiệp là nơi chỗ, tái tục, tục sinh, tái sinh, đầu thai... của chúng sanh.
4. Nghiệp là anh em, của chúng sanh.
5. Nghiệp là nơi nương, dựa của chúng sanh.
6. Nghiệp nó phân định, chúng sanh tốt xấu.

**11) Sự Na Cảnh (Tadāmbanakkicca)**

Đây là việc làm của các loại tâm thức: Thẩm tẩn và tâm đại quả, có nhiệm vụ hay phần việc là sự bắt cảnh của tâm đồng lực còn dư lại. Phần việc làm này gọi là Sự Na Cảnh, có tên gọi khác: Sự Mót, Sự Thập Di.

Na Cảnh được *Pāli* chú giải như sau:

*Tassa ārammanam yassāti = Tadārammanam*: Tâm nào bắt cảnh hoặc hưởng cảnh dư của tâm đồng lực, gọi là Na Cảnh.

Hay nói cách khác những cảnh còn dư (ám chỉ tâm đồng lực), mà tâm khác biết đăng với chức năng sự vụ làm việc là mót lại bằng sáu sát na tiểu, cách ấy – việc

đó gọi là Na Cảnh. Nên mới có hai cái tâm sanh ra hưởng cảnh dư ấy (do vậy gọi là Tâm Na Cảnh – *Tadāmbana*). Đây chỉ cho hai loại Tâm Thảm Tấn và Đại Quả thay nhau sanh khởi làm việc này.

➤ Ta thấy:

- Nếu cảnh xấu thì thuộc về năm thức, tiếp thâu và thẩm tấn - quả bất thiện.
- Cảnh tốt vừa vừa thời thuộc về năm phần thức (5 thức), Tiếp Thâu và Thẩm Tấn Xả Thọ - quả thiện.
- Còn cảnh rất tốt thì tâm thẩm tấn câu hành xả không đặng hưởng, chỉ có thẩm tấn câu hành hỷ để hưởng mà thôi.

➤ Như vậy:

Tâm thẩm tấn và tâm đại quả sanh đặng 2 cái sát na (1 thứ) nối với tâm đồng lực để mót cảnh còn dư, nên gọi là sự na cảnh. Hay là sự hưởng cảnh dư còn lại mà tâm đồng lực là đối tượng trợ sanh.

Lưu Ý:

*Tâm na cảnh cùng cảnh với Javana (đồng lực) nhưng không để lại nghiệp, chỉ với tư cách nhận ra và mót lại kinh nghiệm của đối tượng mà thôi.*

## 12) Sự Tử (*Cutikicca*)

*Cuti* = **Tử**: Là việc chấm dứt một kiếp sống (hiện tại) hay sự cùng tận của 1 đời người.

*Cavanam* = *cuti*: Dứt đời sống cũ, hoặc tắt dứt kiếp sống hiện tại gọi là tử.

*Marana* = **Tử**: Hay là chết tức là trong khi cuối cùng của mỗi đời sống, của tất cả chúng sanh.

Giải thích theo *Paṭiccasamuppāda* thì Tử là – sự hiện bày (dời, rời) khỏi đời cũ, lướt tới đời mới. Hay là việc lìa mạng sống, rời khỏi thế giới cũ. Có danh và sắc đang diệt.

- Nói theo Pháp Siêu Lý (*Paramattha Dhamma*) – thì tử là thành quả của sanh, tức là tư cách đang diệt của tâm quả hiệp thể và sắc nghiệp (*Kammacarūpa*) gọi sát na diệt (*Bhāṅgakhana*). Sự chết là cách diệt của tâm quả hiệp thể và sắc nghiệp. Đây còn gọi là sự tử (*Marāṇakicca*).
- Tử - cũng đồng chi pháp với sanh (tái tục), chỉ khác sát na sanh, trụ, diệt. Nên hiểu cả 3: Sanh, lão và tử đều xấp vào quả luân hồi (*Vipakavaṭṭa*).
- Sự tử ở đây là chỉ bày cái chết chế định của tất cả chúng sanh. Bởi thế cho nên Đức Phật Ngài có nói: “ Tất cả chúng sanh có sanh ra ắt phải có chết”. Trong khi tất cả chúng sanh chết thì phần việc phải làm này gọi là Sự Tử.
- Hoặc là sự tử chỉ bày tất cả chúng sanh mất do Pháp nào, Pháp ấy gọi là Tử (*Maranti sattā etenāti = Maranam*).
- Khi nói đến sự chết hay việc tử thì theo *Paṭiccasamuppāda* – Liên Quan Tương Sinh (Siêu Lý Cao Học của Đại Trưởng Lão Tịnh Sự) có trình bày như sau:

**Cửu Tử (*Marana*):**

1. Tỷ dụ tử: Như là Người chết, thú chết v.v... (*Sammutimarana*).
2. Biến dị tử: Chỉ bày Thân, Tâm thay đổi từng chặng ... (*Santatimarana*).
3. Sát na tử: Đây là nói sát na diệt của Danh và Sắc (*Khaṅkamarana*).
4. Đoạn tuyệt tử: Đề cập Bạc Quả tột (Alahán) Níp Bàn (*Samucachedamarana*).

5. Mãn kiếp tử: Hay còn gọi chế định tử, là nói khi bỏ đời cũ của mỗi chúng sanh (*Jātikakhayamarāṇa*).
6. Cương tử: Chỉ cho chúng sanh tự tử hay bị áp bức mà chết ... (*Upakkamarāṇa*).
7. Lưỡng tận tử: Nghĩa là chết khi hết nghiệp và tội mạng thọ (*Sarasamarāṇa*).
8. Thọ tận tử: Nêu bày chết do hết tuổi thọ (thọ mạng) (*Āyukakkayamarāṇa*).
9. Khước tận tử: Dứt kiếp sống đời hiện tại bởi do hết phước hay chết do phước đã hết, như người, chư thiên v.v... (*Puññakkhayamarāṇa*).

### Như Vậy:

*Tattha katamaṃ maraṇaṃ? Yā tesam tesam sattānaṃ taṃhā taṃhā sattanikāyā cuti vacanātā bhedo antaradhānaṃ muccu maraṇaṃ kēlaṃkiriyā khandhānaṃ bhedo kalevarassa nikkhepo jīvitindriyassa upacchedo idaṃ vuccati maraṇaṃ?:*

Nói về tử, mà tử ra sao? Ở đây, chúng ta nên hiểu theo chế định (*Paññatti*) là:

- Tử là chết, tức là tử trần, qua đời, mãn phần, du tiên, tịch diệt, băng hà, quá vãng, đổi đời, tắt hơi, tuyệt mạng, tạ thế, về quê, theo ông theo bà cho đến viên tịch đều cũng có nghĩa là tử hay chết.

Nói về tử, mà tử ra sao? Ở đây, chúng ta nên hiểu theo Siêu Lý (*Pāramattha*)

là:

- Tử là cách diệt của tâm quả hiệp thế, sắc nghiệp, sắc tâm và sắc vật thực.
- Việc làm mà gọi là tử nghĩa là cách chết mà biểu lộ trong khi cuối cùng của mỗi đời sống của tất cả chúng sanh.
- Hoặc là, sự tử là công việc cuối cùng của mỗi đời sống chúng sanh (việc làm này thuộc về ngoại lộ).
- Hay là cơ quan dứt lìa kiếp sống gọi là tử hoặc sự chấm dứt kiếp sống của một đời. Việc làm này gọi là sự tử.

### 13) Sự Tái Tục (*Patisandhikicca*)

Đây là phần việc làm của các loại tâm thức với trạng thái nổi lại cái tâm khởi đầu của đời mới, mà nổi theo sau cái sát na diệt của tâm tử đời trước, là công việc đời mới nối với đời cũ. Việc làm này nên gọi là Sự Tái Tục.

Sự tái tục còn gọi là sự tục sinh, sự đầu thai, sự tái sanh ... nghĩa là sơ khởi của mỗi kiếp sống. Việc làm tự giao dẫn cho mỗi kiếp sống hay sanh ra đời mới bỏ đời cũ. Có danh và sắc sanh sơ khởi đời sống.

Nói theo Siêu Lý có *Pāli* giải thích như sau:

- *Jananaṃ = Jāti*: Cách sanh của uẩn, gọi là sanh.
- *Cāvanti pattubhavanti dhammā etāyāti = cāti*: Tất cả Pháp Hữu vi có đặng do nương Pháp chi, Pháp ấy gọi là sanh.

Sanh (*Jāti*) nói theo danh sắc có 2:

Một là Danh sanh (*NāmaJāti*) tức là Tâm và sở hữu sanh ra.

Hai là Sắc Sanh (*RūpaJāti*) tức là sự sanh ra của sắc nghiệp (*Kammajarūpa*)

Nói đến sự tái tục, thời phải biết cảnh của tái tục. Cảnh của tái tục có 3:

➤ 1 là Cảnh Nghiệp (Kammārammaṇa):

Là cảnh hiện ra in như việc ta đã làm, từng làm, từng hành động, nay lại hiện đến. Ý nói: Cảnh nghiệp là sự hiện ra cảnh mà trước đây ta đã từng hành động nay nhớ lại sự hành động chuyên môn đã làm, như công việc thường ngày thành thường cận. Giống như xem lại sự tái diễn mà hành động diễn viên đã từng hành động trong phim, trong tuồng hát, quay lại, chiếu lại cảnh trước của ta (như người thường làm việc buôn bán, làm việc văn phòng, hành động nghề nghiệp tốt xấu ... nay trạng lại thành cảnh nghiệp - lúc cận tử).

➤ 2 là Điềm nghiệp (Kammanimitta):

Đây là ẩn chứng của nghiệp thiện hay bất thiện đã từng tạo tác nay hiện ra lúc lâm chung, như là: Người giết thú nhiều - thời thấy thú đến đòi mạng hoặc cắn rút v.v...

Còn điềm nghiệp tốt như là: Người năng tạo phước, phúc đức – bố thí, trì giới ... khi gần chết thấy người đem đồ tặng, cho.

➤ 3 là Điềm sanh (Gatinimitta):

Là ẩn chứng tiêu biểu – hiện tượng chỗ sẽ tái tục như: Sắp hóa sanh về cõi chư thiên thì thấy cung điện hoặc thiên cung ... hoặc thấy lừng sáng là biểu hiện sanh làm người. Hoặc thấy đường tối tăm thì sẽ sanh làm thú. Hoặc thấy ngọn lửa, hoặc nóng, hoặc lạnh ... thì là điềm sẽ sanh vào cõi Địa Ngục v.v... .

Nên nhớ rằng:

*Những cảnh hiện ra lúc sắp chết (Tử) diệt đồng thời với tâm tử. Còn Tâm tái tục nương theo những cảnh ấy mà trạng lại, nghĩa là chỉ bắt tinh hoa của những cảnh ấy mà thôi, đừng tái tục.*

**Như vậy:**

- ✓ Sự Tái Tục (*Patisandhikicca*) là phần việc phải làm hay là trạng thái tâm tiếp nối đời này sang đời khác, đây là sát na Tâm đầu tiên của đời sống mới. Tâm Tái Tục được coi là nguồn gốc của kiếp sống hiện tại, tồn tại một sát na rồi được thay thế bằng hộ kiếp (*Bhavanga*).
- ✓ Hoặc là sự tái tục và việc làm hay cách nối lại của đời sống cũ đi đến tiếp diễn đời sống mới.
- ✓ Hay là nhiệm vụ, công việc đời mới nối với đời cũ.

**14) Sự Hộ Kiếp (*Bhavangakicca*)**

Hộ: Gìn giữ, bảo hộ, canh phòng ...

Kiếp: Đời, khoảng thời gian của kiếp sống chúng sanh ...

Hộ Kiếp: Là sự gìn giữ không cho đứt đoạn, nhân quan trọng nối liền cho còn một đời sống, một kiếp sống.

Sự hộ kiếp là sự chính yếu tối cần để gìn giữ đời sống chúng sanh, tức là từ cái tâm kể sau Tâm tái tục cho đến kể trước Tâm tử, trừ khi tâm lộ phát sanh thì thứ tâm này chỉ nương trong thời gian ấy, ngoài ra hoàn toàn là tâm hộ kiếp, luôn cả trong khi ngủ không chiêm bao thì chỉ là Tâm hộ kiếp.

Theo *Pāli* có chú giải như vậy: *Bhavassa arigam = bhavarigam* – cách làm cho liên tục, sự cần thiết để gìn giữ đời sống chúng sanh – Từ cái tâm kể sau tái tục cho đến trước tâm tử, gọi là hộ kiếp, hoặc gọi là tâm hữu phần. (Tâm này diễn

biển ngoài lộ). Hay là việc làm – Nhân quan trọng của đời sống làm cho không đứt đoạn, thì gọi là sự hộ kiếp (Sự hữu phần).

Nói về Tâm Hộ kiếp hay hữu phần còn gọi là Tâm chủ quan, nghĩa là sau khi cảnh Ngũ đã vào cũng như xe đồ chạy ngoài lộ. Cảnh đến giống như bộ hành từ nhà bước ra khỏi lộ, cái xe thứ nhất chạy qua luôn, cái xe thứ nhì tránh người ra đường cũng chạy luôn, đến xe thứ ba. Về sau những khoảng cách này cách xa nhau nên có xe rước khách xẹt qua rước người qua đường ấy.

- Xe qua mặt người qua đường: Là hộ kiếp vừa qua.
- Xe tránh người ấy: Là Hộ kiếp rúng động.
- Xe chót trong khoảng cách xa đó: Là hộ kiếp dứt dòng.

**Cách trình bày 14 sự hay 14 việc trên phương diện ngắn gọn và cô đọng, như sau:**

1. Sự Khai Môn (Sự Khai ngũ và sự Khai ý)

Như người gác cửa ngõ. Sự Khai môn là Tâm sơ khởi của mỗi lộ và làm dịp cho tâm lộ phát sanh cũng gọi là tác ý thành lộ.

Cho nên có *Pāli* chú giải như sau:

- ✓ *Vithinpaṭipadayatīti vithinpaṭipadaco*: Tâm mà làm cho tâm lộ hiện khởi hay phát sanh đó gọi là tác ý thành lộ, bao gồm Tâm Khai Ngũ Môn và Tâm Khai Ý Môn.

Riêng về Sự Khai Ý Môn tức là chỉ bày cho Tâm Khai Ý làm dịp cho Tâm Đồng Lực (Đồng tống) phát sanh cũng gọi là tác ý thành đồng lực. Cho nên, có *Pāli* chú giải như sau:

- ✓ *Javanam Patipadayatīti = Pavanatītipavaco* Tâm mà làm cho tâm đồng lực phát sanh đó gọi là Tâm Khai Ý Môn, hay là phần việc phải làm khai mở Lộ Ý (Sự Khai Môn).

Dù Sự Khai Ý (Tâm khai ý môn) Hay Sự Khai Ngũ (Tâm khai ngũ môn) gom chung cũng gọi là Sự Khai Môn, tức là tính một sự (việc)

2. Sự Thấy là việc làm của Nhãn Thức biết đặng cảnh Sắc.
3. Sự Nghe là việc làm của Nhĩ Thức biết đặng cảnh Thinh.
4. Sự Ngửi là việc làm của Tỷ Thức biết đặng cảnh Khí.
5. Sự Nếm là việc làm của Thiệt Thức biết đặng cảnh Vị.
6. Sự Đụng là việc làm của Thân Thức biết đặng cảnh Xúc, chạm.

❖ **Thấy, Nghe, Ngửi, Nếm, Đụng (Ngũ Song Thức) như người tiếp khách.**

7. Sự Tiếp Thâu chỉ làm việc tiếp thâu như người chỉ dẫn khách đến thư ký.
8. Sự Thăm Tẩn là việc làm của Tâm Thăm Tẩn, cách phát sanh ra là làm việc gạn xét cảnh. Như thư ký hỏi tên, họ (ghi chép).
9. Sự Đoán định (Phân Đoán) là việc làm của Tâm Khai Ý Môn đoán quyết cảnh, như định đoạt cho người khách tiếp xúc với nhân viên trong văn phòng.

10. Sự Đồng Lực (Đồng Tốc - *Javanakicca*) là chỉ bày cho các thứ Tâm: Tiểu Sinh luôn cả Bất Thiện, Đại Thiện, Đại Tố, tử như nhân viên chánh thức trong văn phòng để tiếp xúc đầy đủ việc làm đối với khách – tức là bảy (7) cái sát na Tâm Đồng Lực (một trong 29 thứ Tâm vừa kể). Đây là chỉ bày trong lộ Ngũ Môn.

Riêng về Đồng lực trong Lộ Ý Môn hay việc làm đồng tốc trong Lộ ý, được chia thành 2 phần là Lộ ý thông thường và Lộ ý kiên cố.

- Lộ ý thông thường là phần Đồng Lực Dục Giới.
- Lộ ý kiên cố là các thứ Tâm Thiện Đáo Đại, Tố Đáo Đại, Thiện Siêu Thế, và Tâm Quả Siêu Thế.

11. Sự Na Cảnh

Là Trạng thái Tâm làm việc hưởng cảnh dư (đồng lực). Đây là chỉ bày các thứ Tâm như Tâm Thẩm Tấn và Tâm Đại Quả, tùy trường hợp thay nhau sanh làm việc này. Ở đây là nêu phạm sự làm việc chỉ hưởng cảnh thừa hay mót lại (đồng tốc).

12, 13, 14. Sự Tái Tục, Sự Hộ Kiếp, Sự Tử:

Là chung một kiếp sống. Do các thứ tâm làm việc này là đôi Thẩm Tấn Xả Thọ, Đại Quả, Quả Đáo Đại. Về mặt lý và nghĩa thì:

- Sự Tử là cái tâm chót của kiếp sống.
- Sự Tái Tục chỉ cho cái Tâm sơ khởi của kiếp sống mới.
- Riêng về Sự Hộ Kiếp thì tính vô số cái - vì sự sanh diệt nối nhau luôn cả một đời sống, một kiếp sống.

Cổ Đại Trưởng Lão Tịnh Sự - *Mahāthero Saritakicco* có trình bày văn lục bát như sau:

Tái Tục, Hộ Kiếp, Xả thân  
 Ba Tâm một thứ, mỗi lần in nhau  
 Vẫn đồng làm việc chung trào  
 Cảnh Thời Giống cảnh trước sau cũng là.  
 (Điều Pháp Lý Hợp)

Đại ý bài này trình bày 3 việc: Hộ Kiếp, Tử, Tái Tục chung một kiếp sống, tâm một thứ nhưng khác cái, nghĩa là tái tục chỉ một cái tâm sơ khởi, Tâm Tử là cái tâm chót. Còn hộ kiếp hay Sự Hộ Kiếp tính theo vô số cái, bởi vì sanh diệt nối nhau luôn cả một đời sống, còn **Cảnh** thì Tái Tục biết cảnh nào thì Tâm Hộ Kiếp và Tử cũng biết y như vậy, về sau Tâm Hộ Kiếp tự trạng như thế luôn đến Tâm Tử.

Nói về Tử là sự chết chế định của tất cả chúng sanh đều đặn, tức là nối sau sự sanh ra của tất cả chúng sanh. Cho nên Đức Phật Ngài có dạy: Tất cả chúng sanh có sanh ra ắt phải có chết, đây là sự chỉ bày cách cũ của Tâm Quả hiệp thế. Sắc nghiệp, sắc tâm, sắc quý tiết và sắc vật thực.

Chết chế định thường được gọi dưới nhiều dạng như là từ trần, qua đời, mãn đời, du tiên, tạ thế, băng hà, quá vãng, đổi đời, về quê, theo ông theo bà, khuất núi, tịch diệt, viên tịch đều có nghĩa là chết.

Theo *Pāli* chú giải có giải thích về Sự Tử như vầy: *Maranti satta etenati = maranam*: Tất cả chúng sanh mất do pháp nào, Pháp ấy gọi là Tử. Hay gọi là chết tức là trong khi cuối cùng của mỗi đời sống tất cả chúng sanh.

Nói Về Sự Tái Tục đây là việc làm sanh ra của Sắc Thân sanh và Danh Thân sanh:

- Sắc Thân Sanh (*Rūpakayacati*) tức là sự sanh ra của Sắc Pháp.
- Danh Thân Sanh (*Nāmakayacati*) tức là sự sanh ra của Danh Pháp.

Sự Tái Tục hay sự sanh nói theo thời (*Kala*) có 3 là:

1. Là Tái Tục Sanh (*Paṭisandhicati*).
2. Là Đẳng Vô Giác Sanh (*Santatiijati*).
3. Là Sát Na Sanh (*Kanichatchati*).

Ở đây chỉ lấy Tái Tục sanh (Sự Tái Tục). Nghĩa là khi tái tục tức tính ban sơ của một đời – là Tâm, Sở hữu và Sắc Nghiệp sanh ban đầu của mỗi kiếp sống.

Nói về Sự Hộ Kiếp:

Đây là lúc cảnh chưa đến (Cảnh nội và cảnh ngoại chưa đối chiếu vào vật) đến Tâm Hộ Kiếp, thì Tâm hộ kiếp phát sanh luôn không gián đoạn, chẳng khác chi nối liền nhau tợ gìn giữ cơ tâm trong một đời sống.

Đến khi có cảnh, đơn cử:

- Cảnh sắc đối chiếu vào Nhãn Thanh Triệt, thì Tâm Hộ Kiếp đang sanh diệt đó gọi là Hộ kiếp vừa qua.
- Tâm Hộ Kiếp sau gọi là Hộ kiếp rúng động.
- Cái thứ 3 (Hộ Kiếp) kể đó thì không còn hộ kiếp nối nữa thì gọi là Hộ kiếp dứt dòng.

Đến lúc này thì Tâm Khai Môn sanh ra bắt cảnh sắc rồi diệt ... lần lượt các phận sự, việc làm của các thứ Tâm Thức khác tiếp theo sau hiện khởi.

Xin nêu thí dụ của Cổ Đại Trưởng Lão Tịnh Sự về mười bốn sự “*Người Tiểu Phu Đốn Củi*” riêng từng phần phận sự như sau:

- Cây: tỷ như cảnh.
- Người gặt cây: tỷ như Hộ kiếp vừa qua.
- Người đốn cây: tỷ như Hộ kiếp rúng động.
- Người đem cây ra khỏi rừng: tỷ như Hộ kiếp dứt dòng.
- Người chở cây về sở: tỷ như Tâm Khai ngũ môn.
- Chủ nhận cây: tỷ như Ngũ song thức.
- Người đem cây vô: tỷ như Tâm Tiếp thân.
- Người đo cây: tỷ như Tâm Thẩm tẩn.
- Người cưa cây: tỷ như Tâm Đoán quyết (Phân Định).
- Cưa cây đem giao-cho vựa cây: tỷ như Tâm Đồng lực.
- Còn lại da (Cây), có hai người đến xin: Tỷ như các thứ tâm làm việc Na Cảnh (hai cái sát na Tâm).

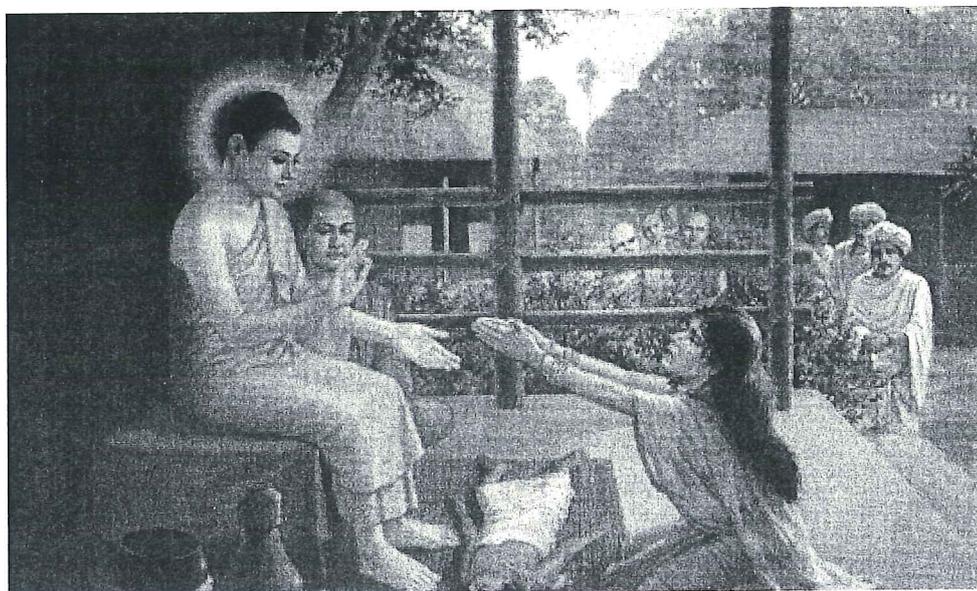
## VI. Kết Luận:

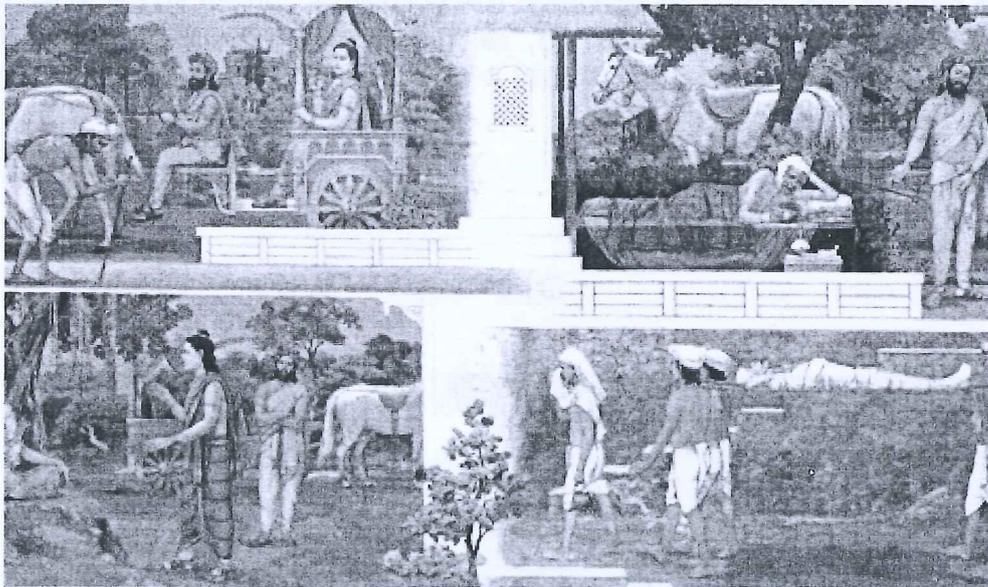
Cũng theo tập chú giải thứ nhứt của Đại Trưởng Lão Tịnh Sự, có trích thí dụ của nhiều vị A Xà Lê (Luận Sư) trước, có thí dụ như sau:

Người nằm ngủ dưới gốc xoài. Có một trái xoài chín rụng xuống. Giật mình nghiêng qua ngồi dậy, xoay ngó thấy trái xoài. Lượm lấy bấm ngửi. Đưa vào miệng cắn 7 lần vừa hết. Vì còn dính trong sơ nên mút thêm hai cái. Nằm ngủ trở lại. So sánh hợp theo 14 sự ta thấy:

- Trái Xoài rụng: tỷ như 5 cảnh đến.
- Người ngủ còn nằm: tỷ như Hộ kiếp vừa qua.
- Nghiêng qua: tỷ như Hộ kiếp rung động.
- Ngồi dậy: tỷ như Hộ kiếp dứt dòng.
- Xoay ngó 4 phía thấy trái xoài: tỷ như Sự Khai Môn.
- Lượm lấy trái xoài: tỷ như Ngũ song thức (Sự Thấy, Nghe, Ngửi, Nếm, Đụng).
- Đưa vào mũi: tỷ như Sự Tiếp thu.
- Ngửi, bắm thử: tỷ như Sự Thẩm tẩn.
- Đưa vào miệng: tỷ như Sự Phán đoán.
- Cạp 7 cái: tỷ như Sự Đồng lực.
- Mút 2 cái: tỷ như Sự Na cảnh.
- Rồi nằm ngủ trở lại: tỷ như Sự Hộ kiếp.

**Như vậy,** *Kiccasaṅgaha* là sự nhiếp hay sự yếu hiệp mà trước đây Đại Trưởng Lão Tịnh Sự có dịch lúc khởi đầu là sự Hợp đồng hay là công tác, nhiệm vụ các phần việc phải làm như: Thấy, nghe, ngửi ... cho đến Tử, Tái Tục, Hộ Kiếp. Đây là sự gom Tâm và Sở hữu theo công việc hay công tác để chỉ bày 14 việc làm hay 14 tác dụng hoặc 14 nhiệm vụ.





**BÀI 18:****MÔN NHIẾP**  
**(DVĀRASAṄGAHA)****I. ĐỊNH NGHĨA:**

Môn: Môn là cửa, chỗ để ra vào, lối đi, lối vào ...

Môn: Được dịch từ Phạn ngữ *Pāli* "Dvāra" là cửa, cửa cái, ngõ đi vô, cửa cổng, lối ra – vào, cửa nẻo ...

Môn: *Dvāra* xuất phát từ căn ngữ "Du" có nghĩa là 2, đây ám chỉ chỗ đi ra đi vào, lối hay là dùng từ tương đương của chữ Môn là cửa tức dùng cho cả lối ra và lối vào.

- Theo chú giải *Pāli* có giải thích như vậy: *Dvāraṃ viyati = Drāraṃ*: Pháp mà tự như cửa nên gọi là Môn.
- Nói theo trạng thái thì những pháp nào có thể làm nhân, làm dịp cho Lộ Tâm sanh ra đặng nên gọi là Môn.

NHIẾP (*Saṅgaha*) đã giải.

**Vậy:**

Môn Nhiếp là phần gom, dón gọn các pháp làm môn (6 Môn) có đặng bao nhiêu thứ Tâm và Sở hữu, hay Tâm nương đặng môn nào hoặc số Tâm nương môn là bao nhiêu (của từng môn).

Như khi tai nghe tiếng, thì Nhĩ Vật (Sắc Nhĩ Thanh Triệt) làm việc tự cửa, lối vào để cảnh thính đối chiếu nhĩ môn, mà Nhĩ thức nương môn ấy biết đặng các tiếng, âm thanh. Nghĩa là Nhĩ vật làm môn, làm cửa cho cảnh thính, mà tâm nhĩ thức nương môn đặng biết được các tiếng. Vì vậy, Nhĩ vật (sắc Nhĩ thanh) làm cửa Nhĩ cho tâm nương biết cảnh thính.

**II. ĐIỀU PHÁP và CHI PHÁP:**

Theo đây, Môn (Môn Nhiếp *Pāli* gọi là *Dvārasaṅgaha*) có 6:

1. Là Nhãn Môn: Tức - Sắc Nhãn thanh triệt (*Cakkhupasāda*).
2. Là Nhĩ Môn: Tức - Sắc Nhĩ thanh triệt (*Sotāpasāda*).
3. Là Tỷ Môn: Tức - Sắc Tỷ thanh triệt (*Ghānapasāda*).
4. Là Thiệt Môn: Tức - Sắc Thiệt thanh triệt (*Jivhāpasāda*).
5. Là Thân Môn: Tức - Sắc Thân thanh thiệt (*Kāyapasāda*).
6. Là Ý Môn: Tức - Sắc Ý Vật (*Hadaya vatthurūpa*) hoặc Tâm Hộ kiếp hay gọi Tâm Hữu phần – *Bhavaṅga*) làm ý môn.

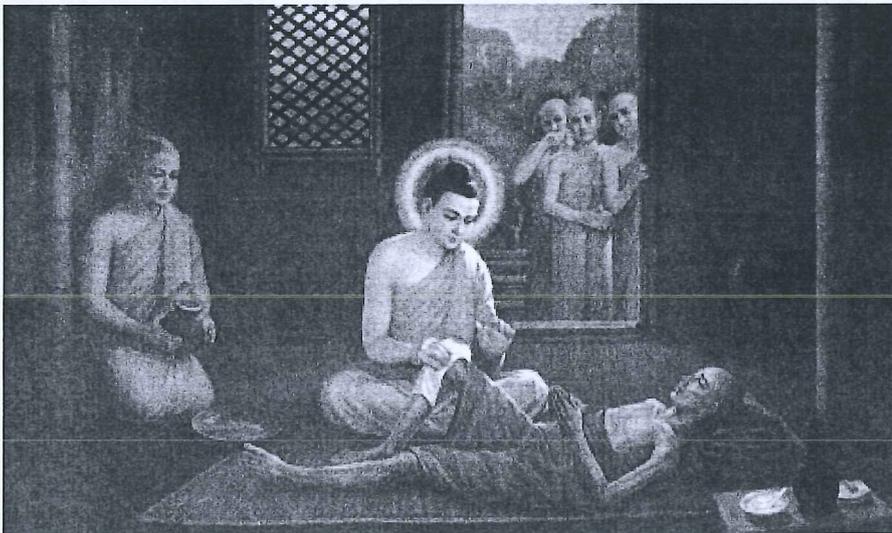
***Môn có bao nhiêu Tâm nương hay Môn đặng mấy thứ Tâm?***

1. Nhãn Môn là Sắc Nhãn Thanh Triệt có 46 thứ Tâm Dục Giới nương (đã trừ 4 đôi thức ngoài ra Nhãn Thức).
2. Nhĩ Môn là Sắc Nhĩ Thanh Triệt có 46 thứ Tâm Dục Giới nương (đã trừ 4 đôi thức ngoài ra Nhĩ Thức).

3. Tỷ Môn là Sắc Tỷ Thanh Triệt có 46 thứ Tâm Dục Giới nương (đã trừ 4 đôi thức ngoài ra Tỷ Thức).
4. Thiệt Môn là Sắc Thiệt Thanh Triệt có 46 thứ Tâm Dục Giới nương (đã trừ 4 đôi thức ngoài ra Thiệt Thức).
5. Thân Môn là Sắc Thân Thanh Triệt có 46 thứ Tâm Dục Giới nương (đã trừ 4 đôi thức ngoài ra Thân Thức).
6. Ý Môn được phân ra 2 phần:
  - Ý Môn là Ý Vật có 67 hoặc 99 thứ Tâm nương là đã trừ Ngũ Song Thức, Ý Giới (3) và Quả Đáo Đại (9).
  - Ý Môn là 19 thứ tâm Hộ Kiếp (Tâm Hữu phần) làm môn cho 67 hoặc 99 thứ tâm nương là đã trừ Ngũ Song Thức, Ý Giới (3) và Quả Đáo Đại (9).

**b) Tâm Nương Mấy Môn:**

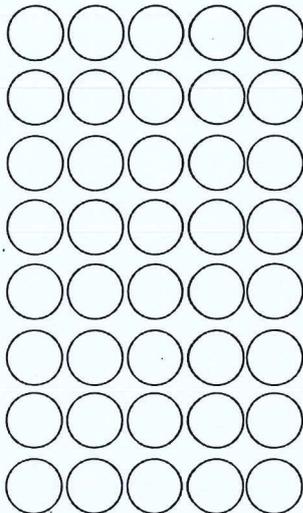
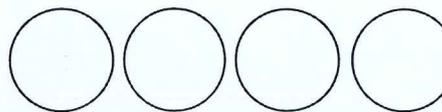
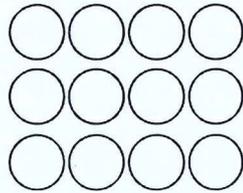
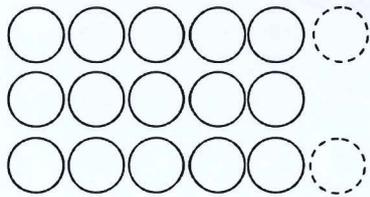
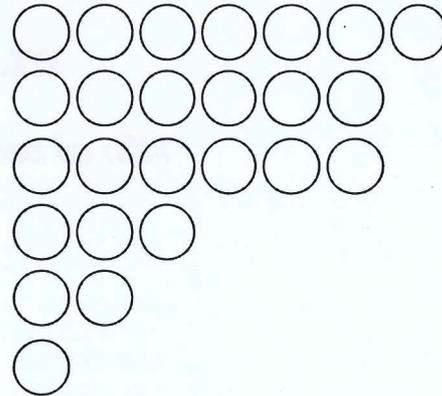
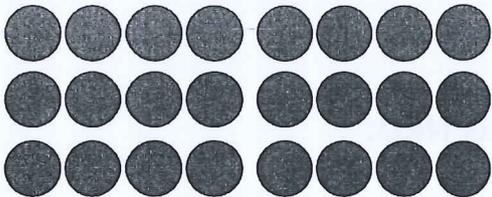
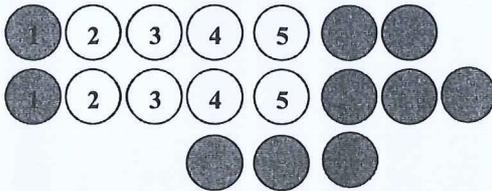
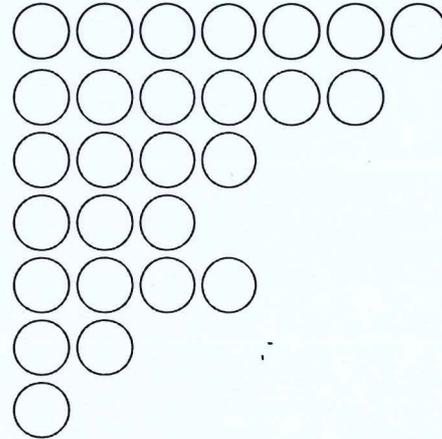
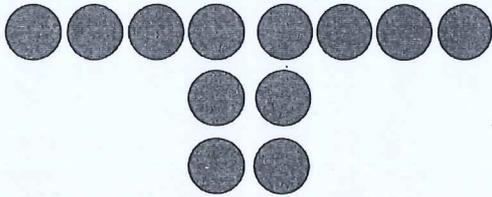
- Mỗi đôi thức (Ngũ Song Thức) nương mỗi môn (Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân môn).
- Đồng Lực kiên cố nương Ý Môn
- Ý Giới nương 5 Môn (Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân môn).
- 29 thứ Tâm Đồng Lực Dục Giới, Khai Ý Môn, Thẩm Tấn Hỷ Thọ nương 6 Môn.
- Đại Quả, đôi Thẩm Tấn Xả Thọ nương 6 Môn hoặc khởi (bất định)
- Ngoại Môn: 9 thứ Tâm Quả Đáo Đại.



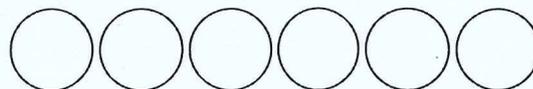
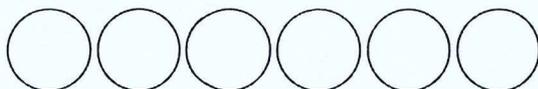
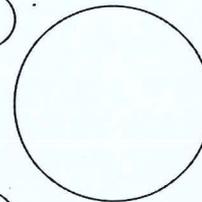
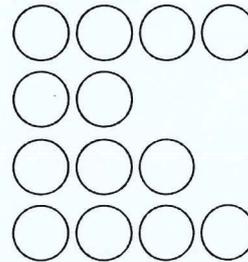
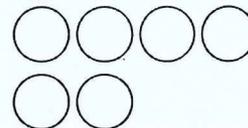
**III. BẢNG NÊU:**

*\*Môn có bao nhiêu Tâm nương. →*

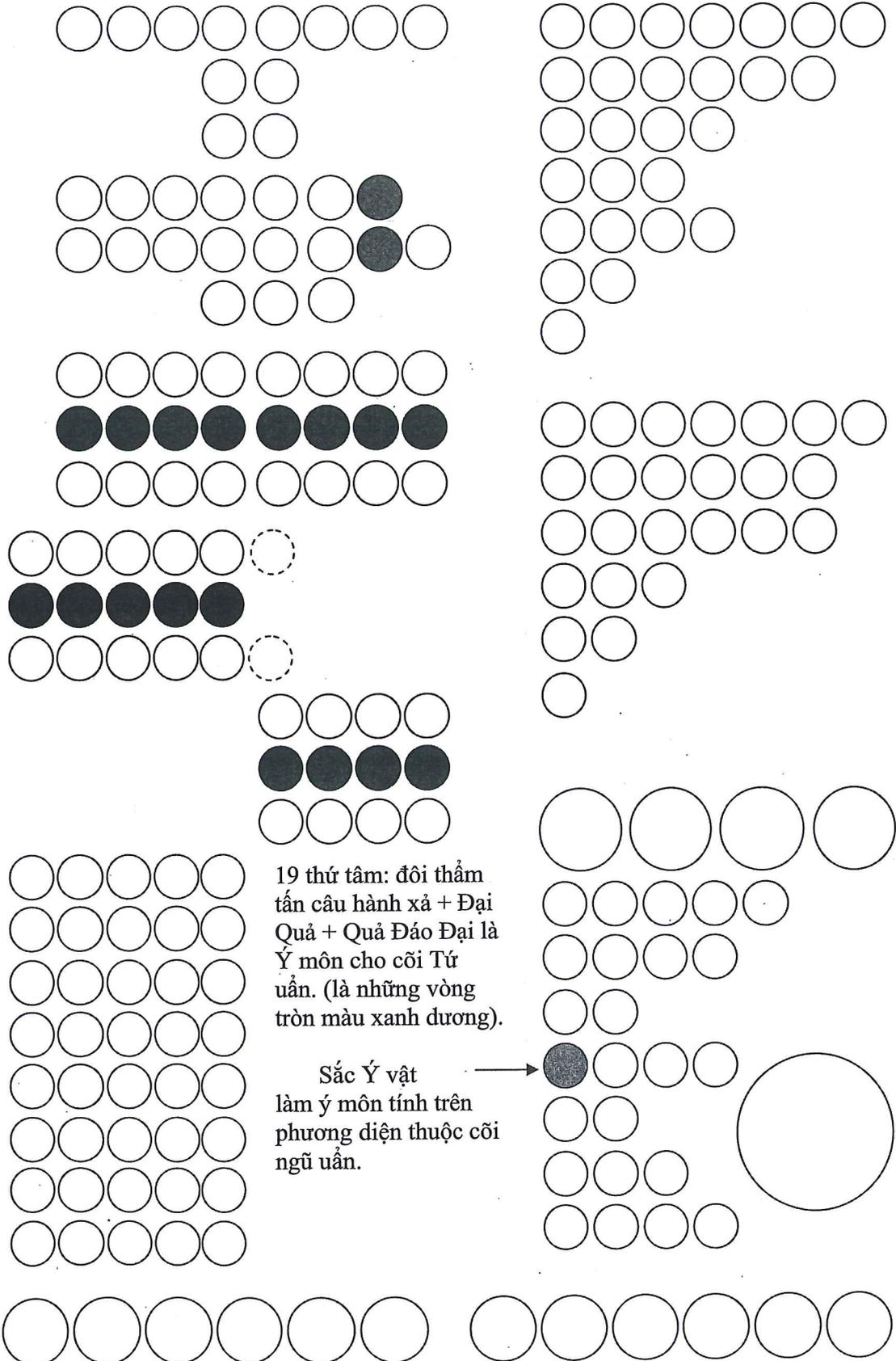
Nhãn Môn là Nhãn Thanh Triệt có 46 Tâm Dục Giới nương (Trừ 4 Đôi Thức ngoài ra Nhãn) – 4 Môn sau đều đồng số Tâm mà trừ đôi thức trước.



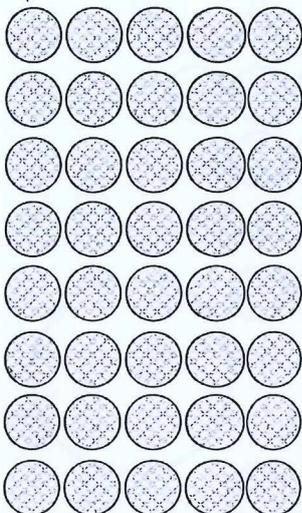
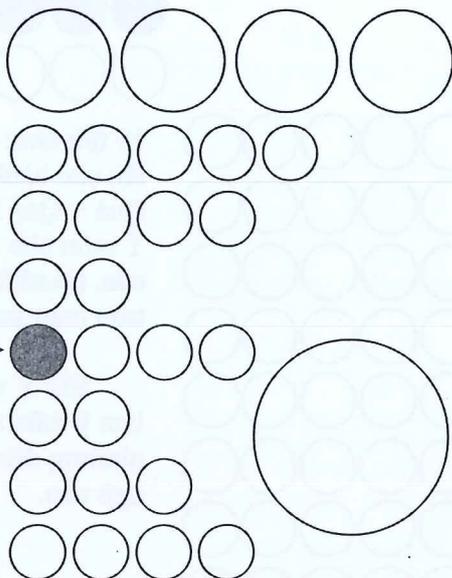
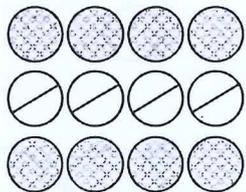
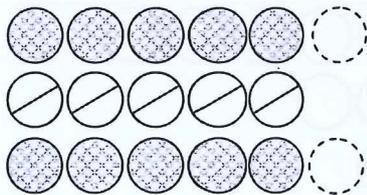
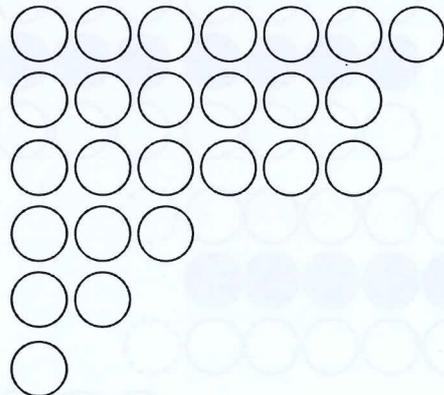
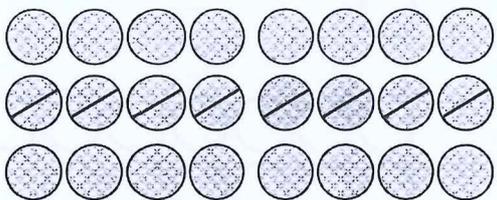
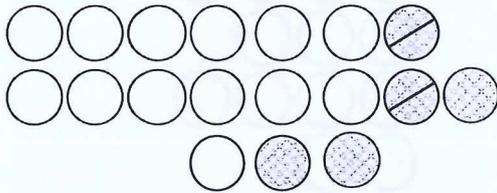
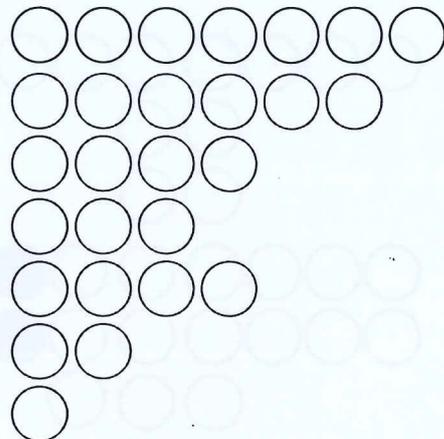
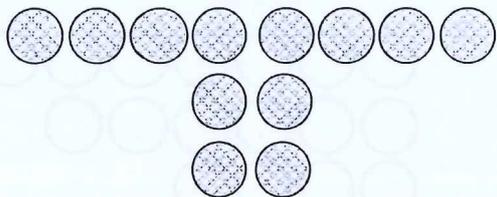
1. Sắc Nhãn thanh làm nhãn môn.
2. Sắc Nhĩ thanh làm nhĩ môn.
3. Sắc Tỷ thanh làm Tỷ môn.
4. Sắc Thiệt thanh làm Thiệt môn.
5. Sắc Thân thanh làm Thân môn.



Ý Môn là Ý Vật có 67 hoặc 99 thứ Tâm nương là đã trừ Ngũ Song Thức, Ý Giới (3) và Quả Đáo Đại (9); Ý Môn là 19 thứ tâm Hộ Kiếp (Tâm Hữu phần) làm môn cho 67 hoặc 99 thứ tâm nương là đã trừ Ngũ Song Thức, Ý Giới (3) và Quả Đáo Đại (9).

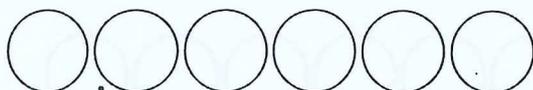
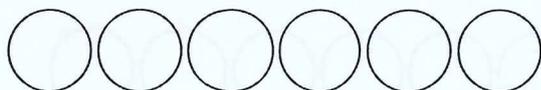
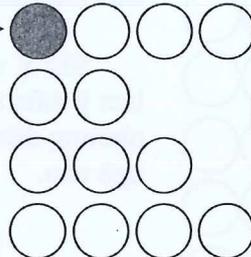


Ý Môn là Sắc ý vật và đồng thời Tâm Hộ Kiếp cũng làm Ý môn. Có 67 hoặc 99 Tâm nương là trừ Ngũ Song Thức, Ý Giới và Quả Đáo Đại.



Vừa nương môn, và cũng vừa tự mình làm môn

Sắc ý vật →

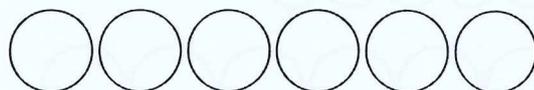
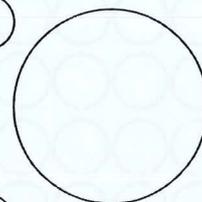
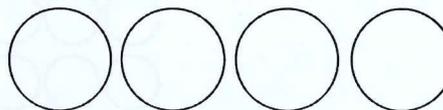
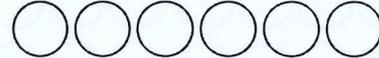
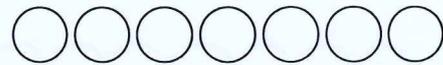
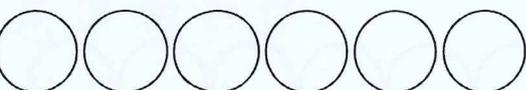
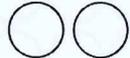
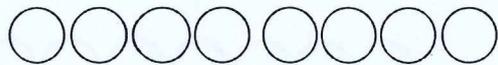


**\*Tâm Nương Mấy Môn:**

Mỗi đôi thức (Ngũ Song Thức) nương mỗi môn (Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân môn).

1. Nhãn Môn.  
 2. Nhĩ Môn.  
 3. Tỷ Môn.  
 4. Thiệt Môn.  
 5. Thân Môn.

Đồng Lục Kiên Cố nương Ý Môn



Chú Thích:  
Màu đỏ phần Tâm,  
Là các thứ Tâm làm  
Ý Môn.  
Màu đỏ phần sắc  
làm Ý môn.  
Những Tâm màu  
xanh dương là 57  
thứ Tâm Đồng Lục  
Kiên Cố.

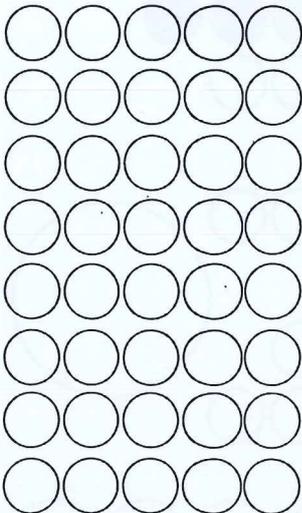
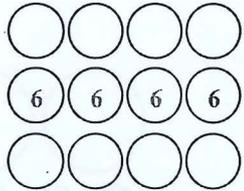
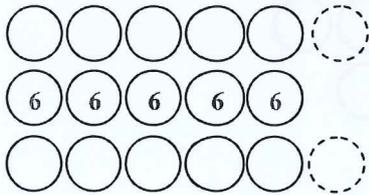
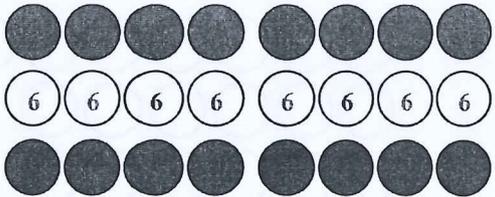
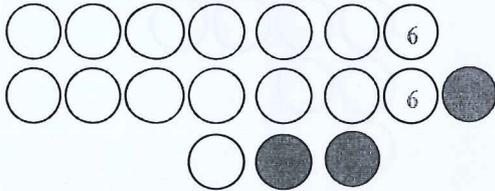
Ý Giới nương 5 Môn

Ý Giới (3)

5 Môn:

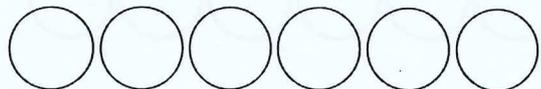
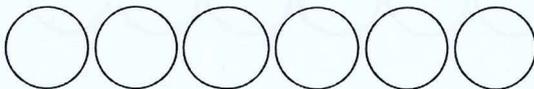
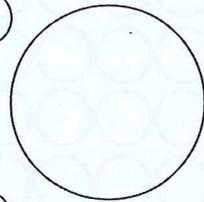
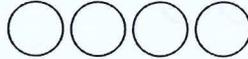
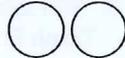
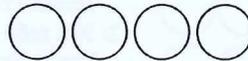
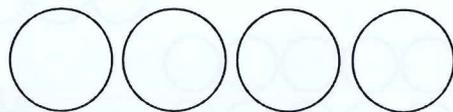
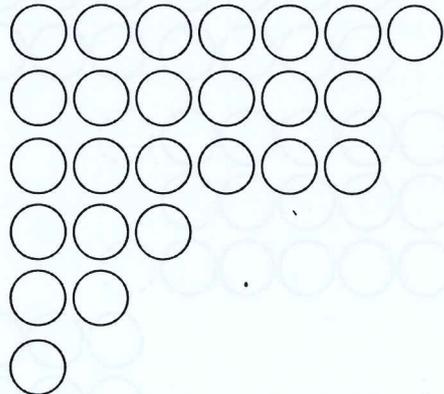
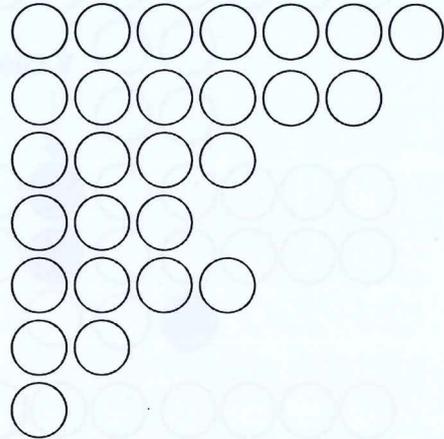
- 1: Nhân môn là Sắc Nhân Thanh Triệt.
- 2: Nhĩ môn là Sắc Nhĩ Thanh Triệt.
- 3: Tỷ môn là Sắc Tỷ Thanh Triệt.
- 4: Thiết môn là Sắc Thiết Thanh Triệt.
- 5: Thân môn là Sắc Thân Thanh Triệt.

29 thứ Tâm Đồng Lực Dục Giới, Khai Ý Môn, Thẩm Tẩn Hỷ Thọ nương 6 Môn.



**Chú thích:**

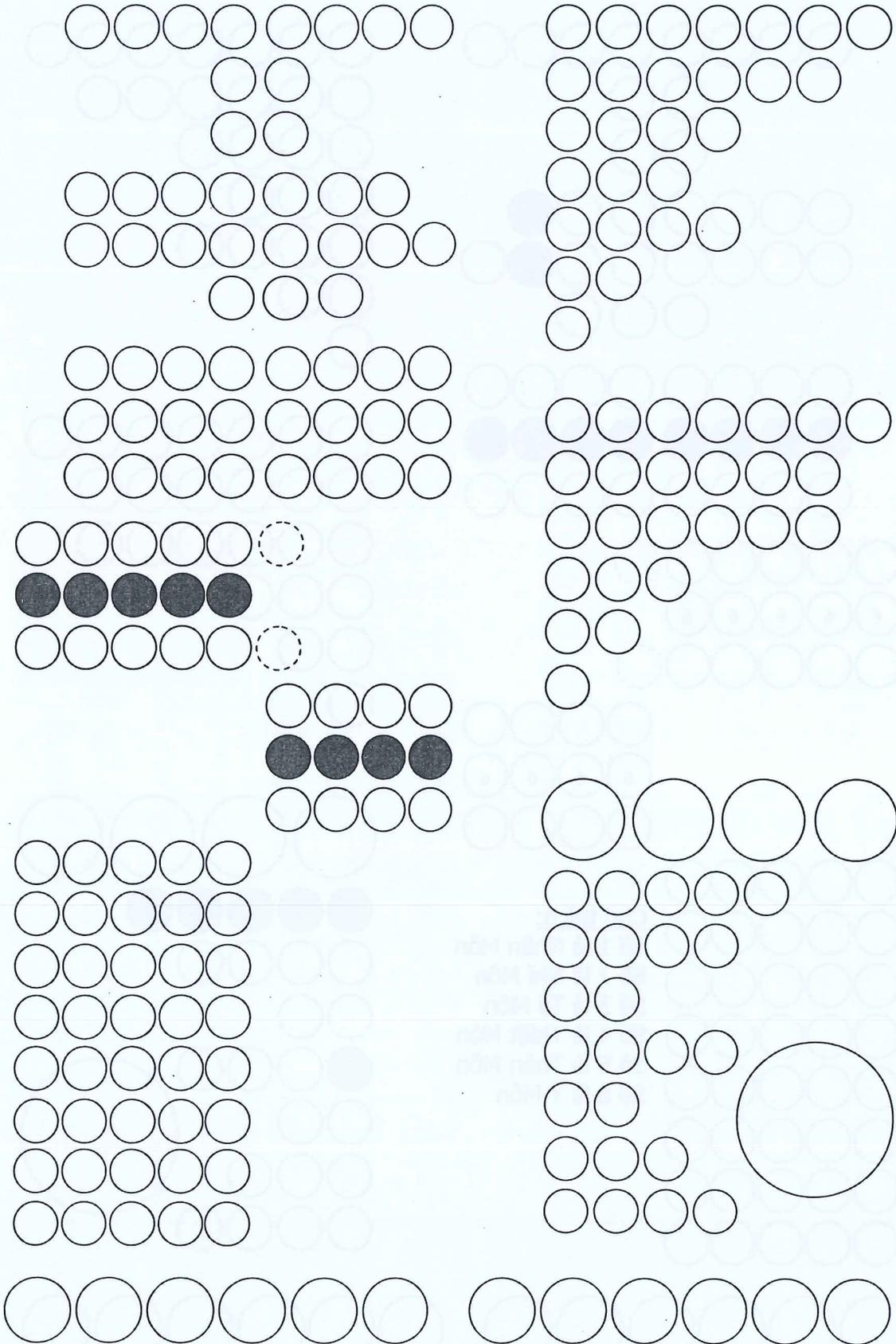
- Số 1 là Nhãn Môn
- Số 2 là Nhĩ Môn
- Số 3 là Tỷ Môn
- Số 4 là Thiệt Môn
- Số 5 là Thân Môn
- Số 6 là Ý Môn



Đại Quả, đôi Thảm Tấn Xả Thọ nương 6 Môn hoặc khởi (bất định)

**Chú thích:**  
 Số 1 là Nhân Môn  
 Số 2 là Nhĩ Môn  
 Số 3 là Tỷ Môn  
 Số 4 là Thiệt Môn  
 Số 5 là Thân Môn  
 Số 6 là Ý Môn

Ngoại Môn: 9 thứ Tâm Quả Đáo Đại.



**IV. BẢNG ĐỒ:**

<b>BẢN ĐỒ MÔN NHIẾP (DVĀRASAṄGAHA)  (LỤC MÔN NHIẾP)</b>	<b>Nhãn Môn (Nhãn Thanh Triệt)</b>	<b>Nhĩ Môn (Nhĩ Thanh Triệt)</b>	<b>Tỷ Môn (Tỷ Thanh Triệt)</b>	<b>Thiệt Môn (Thiệt Thanh Triệt)</b>	<b>Thân Môn (Thân Thanh Triệt)</b>	<b>Ý Môn (Ý vật hay Tâm Hộ Giáp)</b>	<b>TÂM NƯƠNG MÔN</b>	<b>Nhất Môn</b>	<b>Ngũ Môn</b>	<b>Lục Môn Nhất Định</b>	<b>Lục Môn Bất Định</b>	<b>Ngoại Môn</b>
Tâm Bất Thiện (12)	12	12	12	12	12	12	<b>6</b>			X		
Tâm Nhãn Thức (2)	2						<b>1</b>	X				
Tâm Nhĩ Thức (2)		2					<b>1</b>	X				
Tâm Tỷ Thức (2)			2				<b>1</b>	X				
Tâm Thiệt Thức (2)				2			<b>1</b>	X				
Tâm Thân Thức (2)					2		<b>1</b>	X				
Tâm Tiếp Thâu (2)	2	2	2	2	2		<b>5</b>		X			
Tâm Thẩm Tấn Xả Thọ (2)	2	2	2	2	2	2	<b>6</b>				X	
Tâm Thẩm Tấn Hỷ Thọ (1)	1	1	1	1	1	1	<b>6</b>			X		
Tâm Khai Ngũ Môn (1)	1	1	1	1	1		<b>5</b>		X			
Tâm Khai Ý Môn (1)	1	1	1	1	1	1	<b>6</b>			X		
Tâm Tiểu Sinh (1)	1	1	1	1	1	1	<b>6</b>			X		
Tâm Đại Thiện (8)	8	8	8	8	8	8	<b>6</b>			X		
Tâm Đại Quả (8)	8	8	8	8	8	8	<b>6</b>				X	
Tâm Đại Tố (8)	8	8	8	8	8	8	<b>6</b>			X		
Tâm Thiện Sắc Giới (5)						5	<b>1</b>	X				
Tâm Quả Sắc Giới (5)												X
Tâm Tố Sắc Giới (5)						5	<b>1</b>	X				
Tâm Thiện Vô Sắc Giới (4)						4	<b>1</b>	X				
Tâm Quả Vô Sắc Giới (4)												X
Tâm Tố Vô Sắc Giới (4)						4	<b>1</b>	X				
Tâm Siêu Thế (40)						40	<b>1</b>	X				
<b>MÔN CÓ TÂM NƯƠNG</b>	46	46	46	46	46	99						
<b>SỐ TÂM NƯƠNG MÔN</b>								68	3	31	10	9

## V. PHÂN GIẢI:

### 1) Nhãn môn (*Dvāracakkhu*):

Lấy Sắc Nhãn Thanh Triệt (*Cakkhupasāda*) làm cửa mắt để cảnh sắc hiện vào, hoặc đối chiếu hay dội vào Môn và Nhãn Thức nương cửa đặng biết cảnh sắc ấy. Nhãn Môn là chỗ làm cửa tạo lối vào để Nhãn Thức sanh biết đặng cảnh sắc và đồng thời các pháp câu sanh khác cũng nương vào để biết, nhận biết cảnh sắc đó (Lộ Nhãn).

### 2) Nhĩ Môn (*Dvārasotā*):

Lấy Sắc Nhĩ Thanh Triệt (*Sotāpasāda*) làm cửa tai để cảnh thanh hiện vào, hoặc đối chiếu hay dội vào Môn và Nhĩ Thức nương cửa đặng biết cảnh thanh ấy. Nhĩ Môn là chỗ làm cửa tạo lối vào để Nhĩ Thức sanh biết đặng cảnh thanh ấy và đồng thời các Pháp câu sanh khác cũng nương vào để biết, nhận biết cảnh thanh đó (Lộ Nhĩ).

### 3) Tỷ Môn (*Dvāraghāna*):

Lấy Tỷ Thanh Triệt (*Ghānapasāda*) làm cửa mũi để cảnh khí hiện vào, hoặc đối chiếu hay dội vào Môn và Tỷ Thức nương cửa đặng biết cảnh khí ấy. Tỷ Môn là chỗ làm cửa tạo lối vào để Tỷ Thức sanh biết đặng cảnh khí và đồng thời các Pháp câu sanh khác cũng nương vào để biết, nhận biết cảnh khí đó (Lộ Tỷ).

### 4) Thiệt Môn (*Dvārajivhā*):

Lấy Thiệt Thanh Triệt (*Jivhāpasāda*) làm cửa lưỡi để cảnh vị hiện vào, hoặc đối chiếu hay dội vào Môn và Thiệt Thức nương cửa đặng biết cảnh vị ấy. Hay là Thiệt Môn chỗ làm cửa tạo lối vào để Thiệt Thức sanh biết đặng cảnh vị và đồng thời các pháp câu sanh khác cũng nương vào để biết, nhận biết cảnh vị đó (Lộ Thiệt).

### 5) Thân Môn (*Dvārakāya*):

Lấy Thân Thanh Triệt (*Kāyapasāda*) làm cửa Thân để cảnh xúc hiện vào, hoặc đối chiếu hay dội vào Môn và Thân Thức nương cửa đặng biết cảnh Xúc ấy. Thân Môn là chỗ làm cửa tạo lối vào để Thân Thức sanh biết đặng cảnh xúc và đồng thời các pháp câu sanh khác cũng nương vào để biết, nhận biết cảnh xúc đó (Lộ Thân).

\* Nhãn Thức chỉ nương Nhãn Môn chớ không nương đặng Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân Môn và ngược lại, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân Thức cũng như thế. Cho nên 5 đôi Thức, đôi nào nương môn nấy là nhất định.

### 6) Ý Môn (*Dvāramano*):

Ý Môn ở đây là chỉ hai phần Pháp làm ý môn đó là:

- a. Sắc Ý Vật.
- b. Tâm Hộ Kiếp (19 thứ tâm: Đôi Thẩm tấn câu hành xả + Đại quả + Quả đáo đại).

Nghĩa là sắc ý vật làm ý môn ở cõi ngũ uẩn, còn cõi tứ uẩn vì không có sắc Pháp (sắc uẩn) nên lấy 19 thứ tâm hộ kiếp đã kể trên làm ý môn.

Đây nêu bày hai cách sử dụng làm ý môn, như là Tâm Hộ kiếp hay tâm hữu phần làm cửa ý (cách nói nôm na) để cho Ý thức khởi lên đặng thấu bắt cảnh pháp (tất cả pháp mà ngoài cảnh ngũ đặng gọi là cảnh Pháp. Nói rộng có các cảnh như:

Siêu lý, chế định, dục giới, đáo đại, níp bàn, danh pháp, sắc pháp, quá khứ, hiện tại, vị lai, ngoại thời, nội phần, ngoại phần, nội và ngoại phần).

Trong phần nói về Ý môn, ngoài sắc ý vật làm môn, còn trường hợp Tâm Hộ kiếp làm môn "*Bhavaṅga*", là do khi cảnh đến được rúng động và chỉ lưu, ngăn dòng hữu phần hoặc chuẩn bị dứt hẳn tâm hộ kiếp (*Bhavaṅga*). Giai đoạn này thì Khai Môn khởi lên, đây là lấy cảnh hay đối tượng ở ngoài ngang qua 5 môn thì chính khai ngũ môn được phát sanh hay sanh ra. Nếu do nội Tâm khởi lên thì chính Tâm khai ý môn khai mở cửa cho lộ ý và Tâm Hộ kiếp dứt dòng trước khai ý môn gọi là ý môn (để mở cửa ý), nghĩa là chỗ nơi hay cơ quan làm dịp cho lộ ý phát sanh ra. Nên nhớ những Tâm Quả khi làm việc Tái tục, Hộ kiếp, Tử thì không nương môn bởi chính chúng làm Môn rồi và đồng thời cũng gọi **trong lúc này** là những Tâm Ngoại Môn.

- ❖ Những pháp vừa nêu trên có thể làm dịp cho lộ Tâm phát ra đặng, nên gọi là Môn "*Dvāra*". Hay nói cách khác Pháp mà có trạng thái tự như cửa gọi là Môn. Như vậy Môn đây tức là 6 pháp nói trên làm cửa cho lộ Tâm sanh.
- ❖ Như phần điều pháp và chi pháp đã trình bày thì Ý Giới có thể nương 5 môn vì sanh với lộ ngũ môn, còn Ý Thức Giới mà thuộc dục giới có thể nương cả 6 môn, nên hai phần này đối với mỗi một Môn trong 5 Môn đều bất định là thay đổi sanh đặng cả, cũng như Nhãn thức chỉ nương Nhãn môn chứ không nương Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân môn. Cũng vậy Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân thức cũng như thế. Cho nên 5 đôi thức đôi nào nương đôi nấy là nhất định.
- ❖ Môn thuộc về Thanh Triệt hay Sắc Thanh Triệt, Môn rộng hơn vật "*Vatthu*" về Tâm nương môn, có đến 46 thứ Tâm. Nhưng nương Vật thì chỉ lấy phần Tâm nương Môn chánh thức nhất định mà Thôi, như là hai Tâm Nhãn thức nương Nhãn Vật. Khi so sánh ta thấy nếu nương Nhãn Môn thì có tới 46 thứ Tâm.

Thí dụ:

Vật như cái nhà, Môn như cửa ra vào. Số người trong nhà vẫn ít và được nhất định hơn số người đi qua một cửa.

Nói về Ý Môn, thì Tâm Thiền trên phương diện Đồng Lực (Đồng Lực Thiền) luôn luôn phải nương Môn, nên gọi là nương Ý Môn nhất định. Còn về 41 thứ Tâm Ý thức Giới Dục Giới cũng có thể nương Ý Môn, nên thuộc phần nương Ý Môn bất định. Theo văn lục bát (Điều Pháp Lý Hợp – của Đại Trưởng Lão Tịnh Sự) có trình bày như sau:

Một cửa ba chục sáu tao,  
Ngũ môn ba thứ lục hào bắm dư,  
Hoặc sáu hoặc khởi có mười,  
Không nương cửa nẻo lối từ chín Tâm.

Nghĩa là:

- Tâm nương một cửa: có 36 hoặc 68 là 5 đôi thức, mỗi đôi sanh đặng một cửa như đã đề cập hay 26 hoặc 58 Thiền Đồng lực chỉ nương một cửa là Ý Môn.
- Ngũ Môn ba thứ: tức là 3 thứ Tâm Ý Giới nương đặng 5 Môn.
- Lục hào bắm dư: Nghĩa là 31 thứ Tâm nương đủ 6 cửa. Các thứ Tâm đó là Đồng Lực Dục Giới (29) Tâm Thẩm Tấn Câu Hành Hỷ và Tâm Khai Ý Môn.
- Hoặc sáu hoặc khởi có mười: Nghĩa là Đôi Thẩm Tấn Câu Hành Xả và 8 thứ Tâm Đại Quả làm việc Na Cảnh nương 6 môn. Còn tái tục khởi nương môn.

- Không nường cửa nẻo lối từ chín Tâm: Nghĩa là 9 thứ Tâm Quả Đáo Đại chỉ làm việc = Tái Tục, Hộ Kiếp, Tử mà thôi. Cho nên không bao giờ làm việc theo khách quan nên khỏi nường môn (vì chính nó làm Môn).

<b>BẢN DÓN GỌN – MÔN NGHIỆP</b>		
<b>MÔN</b>	<b>SỐ TÂM NƯƠNG</b>	<b>TÂM NƯƠNG MÔN &amp; NGOẠI MÔN</b>
Nhãn Môn (Nhãn Thanh Triệt)	Dục Giới (Trừ 4 đôi Thức) = 46	Nhất Môn: Ngũ Song Thức (Mỗi Đôi nường đặng một môn), Tâm Đồng Lực Kiên Cố (58) – Đặng Ý Môn
Nhĩ Môn (Nhĩ Thanh Triệt)	Dục Giới (Trừ 4 đôi Thức) = 46	
Tỷ Môn (Tỷ Thanh Triệt)	Dục Giới (Trừ 4 đôi Thức) = 46	
Thiệt Môn (Thiệt Thanh Triệt)	Dục Giới (Trừ 4 đôi Thức) = 46	
Thân Môn (Thân Thanh Triệt)	Dục Giới (Trừ 4 đôi Thức) = 46	
<b>Ý Môn</b> (Ý Vật hay Tâm Hộ Kiếp) <b>SỐ THỨ TỰ HỘ KIẾP</b>	Dục Giới (Trừ Ngũ Song Thức, Ý Giới): 41 + Tâm Thiên (Trừ Quả Đáo Đại) 58 = 99	
		Lục Môn: phân 2 -Nhất Định: Thấm Tấn Hỷ Thọ, Tiểu Sinh, Khai Ý, Đại Thiên, Đại Tố, Tâm Bất Thiên -Bất định: Thấm tấn Xả Thọ, Đại Quả. -Ngoại Môn: Tâm Quả Đáo Đại

## **VI. KẾT LUẬN:**

Môn nhiếp đây là phần pháp gom dón gọn mà dựa vào các sắc vật làm môn, như: Nhãn Môn, Nhĩ Môn, Tỷ Môn, Thiệt Môn, Thân Môn và Ý Môn, mà tính bên trong đó khi một pháp sanh khởi (nương môn) có dạng bao nhiêu thứ tâm và sở hữu, hay là khi tâm hiện khởi thì nương dạng môn nào. Khi nói về môn nhiếp là đề cập đến quá trình của những pháp mà làm dạng thành môn cho các pháp khác nương sanh và đồng thời khiến cho lộ trình tâm phát sanh. Mà dựa vào các yếu tố làm nền tảng như sắc Nhãn thanh, sắc Nhĩ thanh, sắc Tỷ thanh, sắc Thiệt thanh, sắc Thân thanh, sắc Ý vật và các thứ tâm làm môn như: Đôi Thẩm tấn câu hành xả, Đại quả, Quả đáo đại làm cửa hay làm dịp cho các thứ tâm khác nương vào và sanh ra dạng.



**BÀI 19:**

**VẬT NHIẾP**  
(*VATTHUSAṄGAHA*)

**I. ĐỊNH NGHĨA:**

Chữ Vật ở đây là dịch từ Phạn ngữ *Pāli* "Vatthu", do từ căn ngữ "Vas" có nghĩa nương ở, tức trú xứ của các căn quyền hay chỗ trụ nương nhờ của các thức.

Vật "Vatthu" ở đây nói theo chế định là con mắt, lỗ tai, lỗ mũi, cái lưỡi, cái thân, trái tim. Tàu gọi là Phù Căn hay Phù Trần Căn, vì nó hiện tượng ra như từ Vật.

Nhưng đây chỉ mượn mà kêu, chớ kỳ thật là ám chỉ năm sắc Thanh Triệt và sắc nghiệp nương trái tim, vì nói theo Siêu Lý (bản thể, bản chất, thực tính) chớ chẳng phải dùng như chế định. Cho nên có câu *Pali* chú giải như sau:

- *Vasanti patitthahanti cittacetāsikā etthāti = Vatthu*: Tâm và sở hữu nương với sắc nào, thì sắc ấy gọi là Vật, tức là Vật bản thể (hay bản thể của 6 Vật: Nhãn thanh, Nhĩ thanh, Tỷ thanh, Thiệt thanh, Thân thanh và sắc Ý Vật).

Nhiếp: Đã định nghĩa.

**Vật:**

Vật Nhiếp (*Vatthusaṅgaha*) là tính xem mỗi pháp hữu vi khi hiện khởi, mà phải nương vào Vật, thì có bao nhiêu thứ tâm, sở hữu nương sanh. Tức là trạng thái (Pháp) phát sanh thì trong lúc đó Vật là chỗ nương mà dựng có bao nhiêu Pháp cấu sanh phối hợp cùng sanh khởi, nghĩa là được thứ Tâm nào nương và nương trên phương diện bất định hay nhất định, hoặc có thứ tâm nào không nương Vật. Đồng thời cũng hiểu thêm khi một pháp sanh khởi thì Vật làm chỗ nương, hoặc tính theo giới, như nhãn thức giới nương nhãn giới, nhĩ thức giới nương nhĩ giới v.v... thì sẽ có được mấy thứ Tâm nương. Vật Nhiếp cũng cho chúng ta biết thêm mỗi cõi có bao nhiêu Vật, bao nhiêu Giới.

**II. ĐIỀU PHÁP và CHI PHÁP :**

a) Điều Pháp:

<b>Vật (<i>Vatthu</i>) có sáu thứ:</b>	<b>Pháp Bản Thể:</b>
1. Nhãn vật bản chất ( <i>Cakkhuvatthu</i> ):	Sắc Nhãn Thanh Triệt
2. Nhĩ vật bản chất ( <i>Sotavatthu</i> ):	Sắc Nhĩ Thanh Triệt
3. Tỷ vật bản chất ( <i>Ghānavatthu</i> ):	Sắc Tỷ Thanh Triệt
4. Thiệt vật bản chất ( <i>Jivhāvatthu</i> ):	Sắc Thiệt Thanh Triệt
5. Thân vật bản chất ( <i>Kāyavatthu</i> ):	Sắc Thân Thanh Triệt
6. Ý vật bản chất ( <i>Hadayavatthu</i> ):	Sắc Nghiệp nương trái tim (Sắc Ý Vật)

b) Chi Pháp:

<b>Tâm nương Vật:</b>	<b>Ghi chú:</b>
1. Đôi Nhãn Thức nương Nhãn Vật	} Nương Nhất định. (tức đôi thức nào nương theo Vật đó)
2. Đôi Nhĩ Thức nương Nhĩ Vật	
3. Đôi Tỷ Thức nương Tỷ Vật	
4. Đôi Thiệt Thức nương Thiệt Vật	
5. Đôi Thân Thức nương Thân Vật	
6 { Tâm: Sân (2) + Đại Quả (8) + Sắc Giới (15) + Sơ Đạo (5) + 7 thứ Tâm Vô Nhân (đã trừ Ngũ Song Thức và Khai Ý Môn) = 37 thứ Tâm. Tâm: Tham (8) + Si (2) + Khai ý môn (1) + Đại Thiện (8) + Đại Tố (8) + Đồng Lực Vô Sắc (8) + 7 Bậc Thánh sau (35) = 70 thứ Tâm.	} Nương ý vật nhất định } Nương ý vật bất định } Nương Ý Vật (107 thứ Tâm)
<b>Lưu ý:</b> Tâm Quả Vô Sắc Giới (4) không nương Vật ( $121 - 4 = 107 + 10$ ) • 121 thứ Tâm trừ Quả Vô Sắc (4) và trừ 10 (Ngũ Song Thức) nương 5 Vật (theo từng đôi). → còn lại 107 thứ Tâm (nương Ý Vật)	

<b>Vật (Vatthu) có Tâm nương:</b>	<b>Số thứ Tâm:</b>
1. Nhãn vật	có Đôi Nhãn Thức nương.
2. Nhĩ Vật	có Đôi Nhĩ Thức nương.
3. Tỷ Vật	có Đôi Tỷ Thức nương.
4. Thiệt Vật	có Đôi Thiệt Thức nương.
5. Thân Vật	có Đôi Thân Thức nương.
6. Ý Vật	có 107 thứ Tâm nương (đã trừ Quả Vô sắc và Ngũ - song thức).

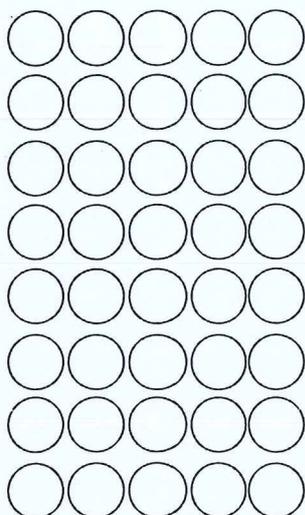
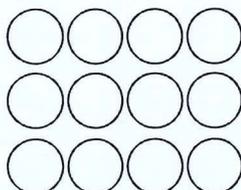
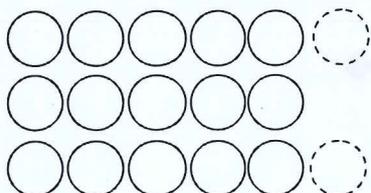
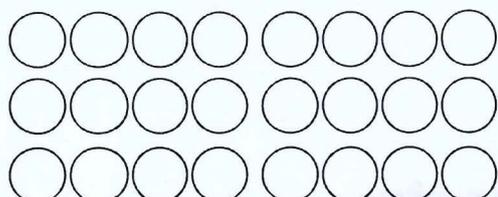
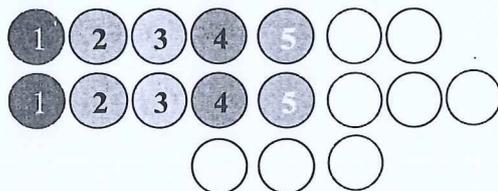
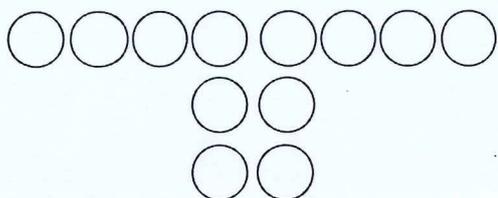
<b>Vật nương theo giới có 7:</b>	<b>Số thứ Tâm:</b>
1. Nhãn vật → Nhãn thức giới	Đôi Nhãn Thức.
2. Nhĩ Vật → Nhĩ thức giới	Đôi Nhĩ Thức.
3. Tỷ Vật → Tỷ Thức giới	Đôi Tỷ Thức.
4. Thiệt Vật → Thiệt thức giới	Đôi Thiệt Thức.
5. Thân Vật → Thân thức giới	Đôi Thân Thức.
6. Ý Vật → Ý giới	Đôi Tiếp Thân + khai ngũ môn (3).
7. Ý Vật → Ý thức giới	108 thứ Tâm (đã trừ Ngũ song thức và ý giới).
<b>Cõi đặng bao nhiêu Vật:</b>	<b>Vật (Vatthu):</b>
1. Cõi Dục Giới	Có 6 Vật: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân và Ý Vật.
2. Cõi Sắc Giới Hữu Tướng	Có 3 vật: Nhãn, Nhĩ và Ý Vật.
3. Cõi Vô Sắc Giới	Không có Vật.

<b>Cõi có bao nhiêu Giới:</b>	<b>Giới (Dhātu)</b>
1. Cõi Dục Giới	Có 7 Giới: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân Thức - Giới, Ý Giới và Ý Thức Giới.
2. Cõi Sắc Giới Hữu Tướng	Có 4 Giới: Nhãn, Nhĩ Thức Giới, Ý Giới và Ý Thức Giới.
3. Cõi Vô Sắc Giới	Có 1 Giới: Ý Thức Giới.

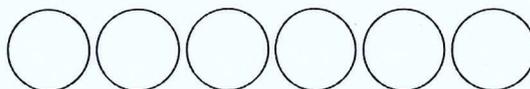
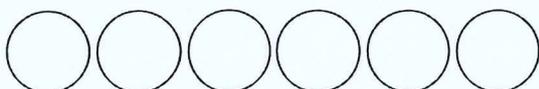
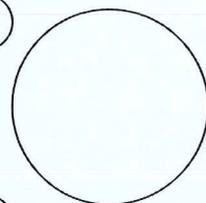
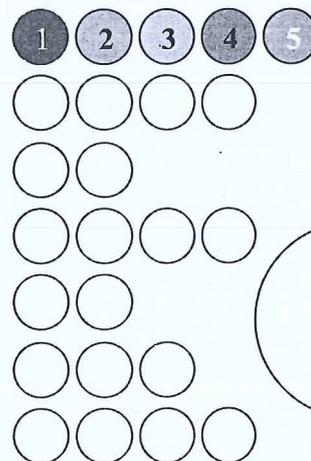
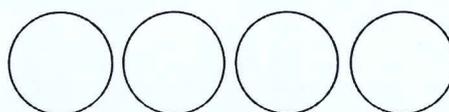
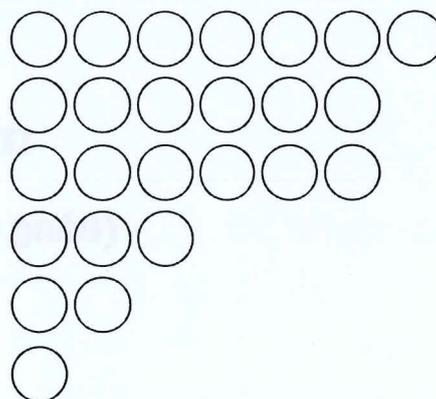
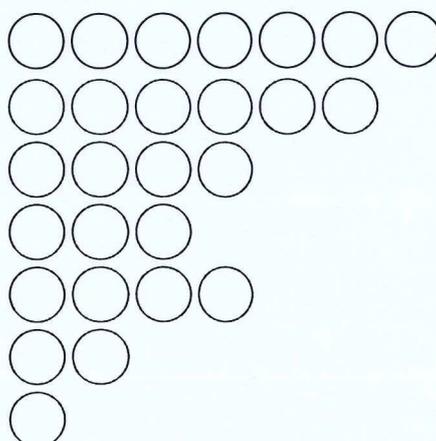
**III. BẢNG NÊU:**

**(Bảng Nêu Vật Nhiếp) →**

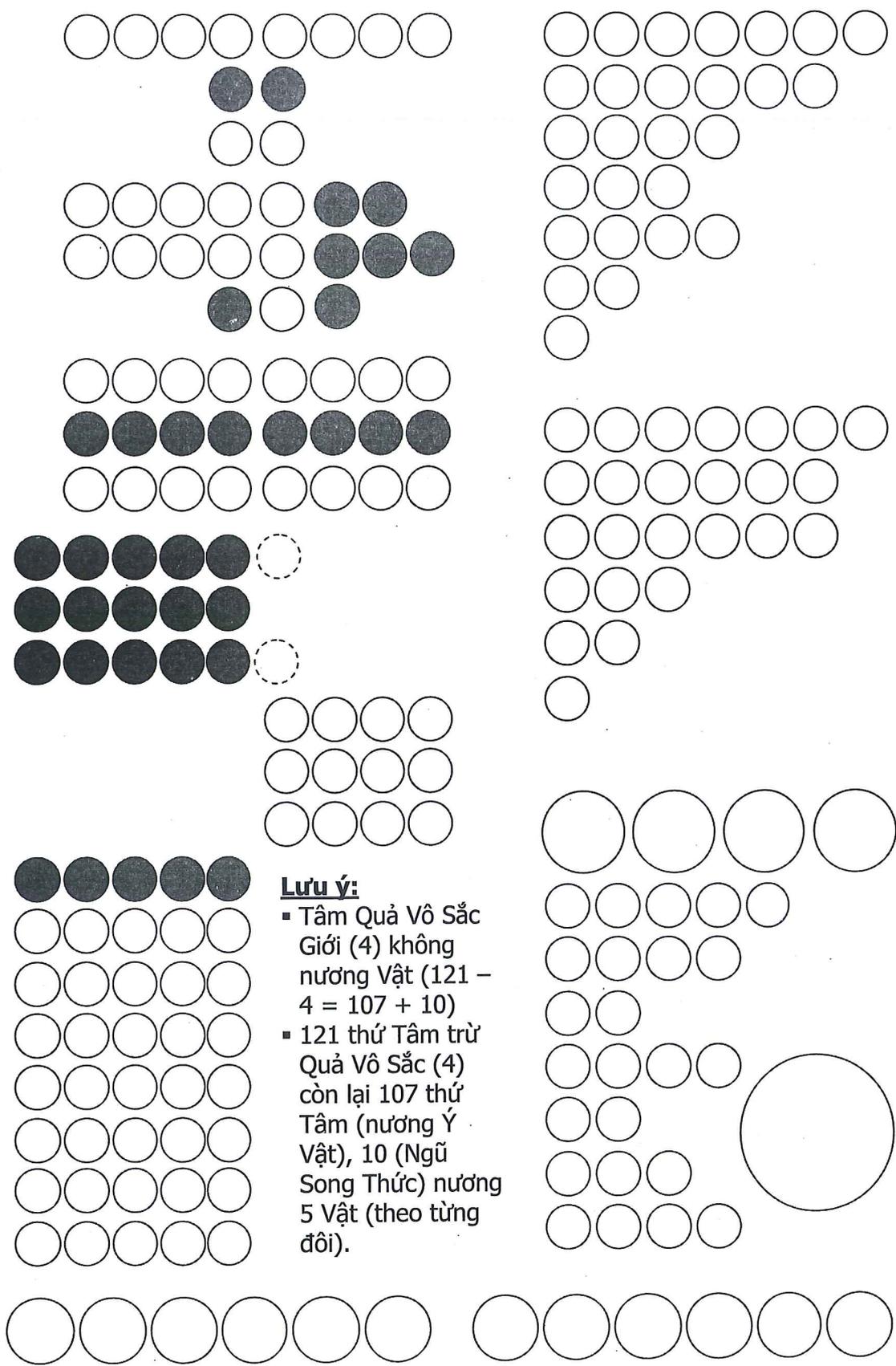
Ngũ Song Thức nương Vật Nhất Định (Đôi Thức nào nương theo Vật đó)



- Số 1:** Đôi Nhãn Thức nương Nhãn Vật.
- Số 2:** Đôi Nhĩ Thức nương Nhĩ Vật.
- Số 3:** Đôi Tỷ Thức nương Tỷ Vật.
- Số 4:** Đôi Thiệt Thức nương Thiệt Vật.
- Số 5:** Đôi Thân Thức nương Thân Vật.



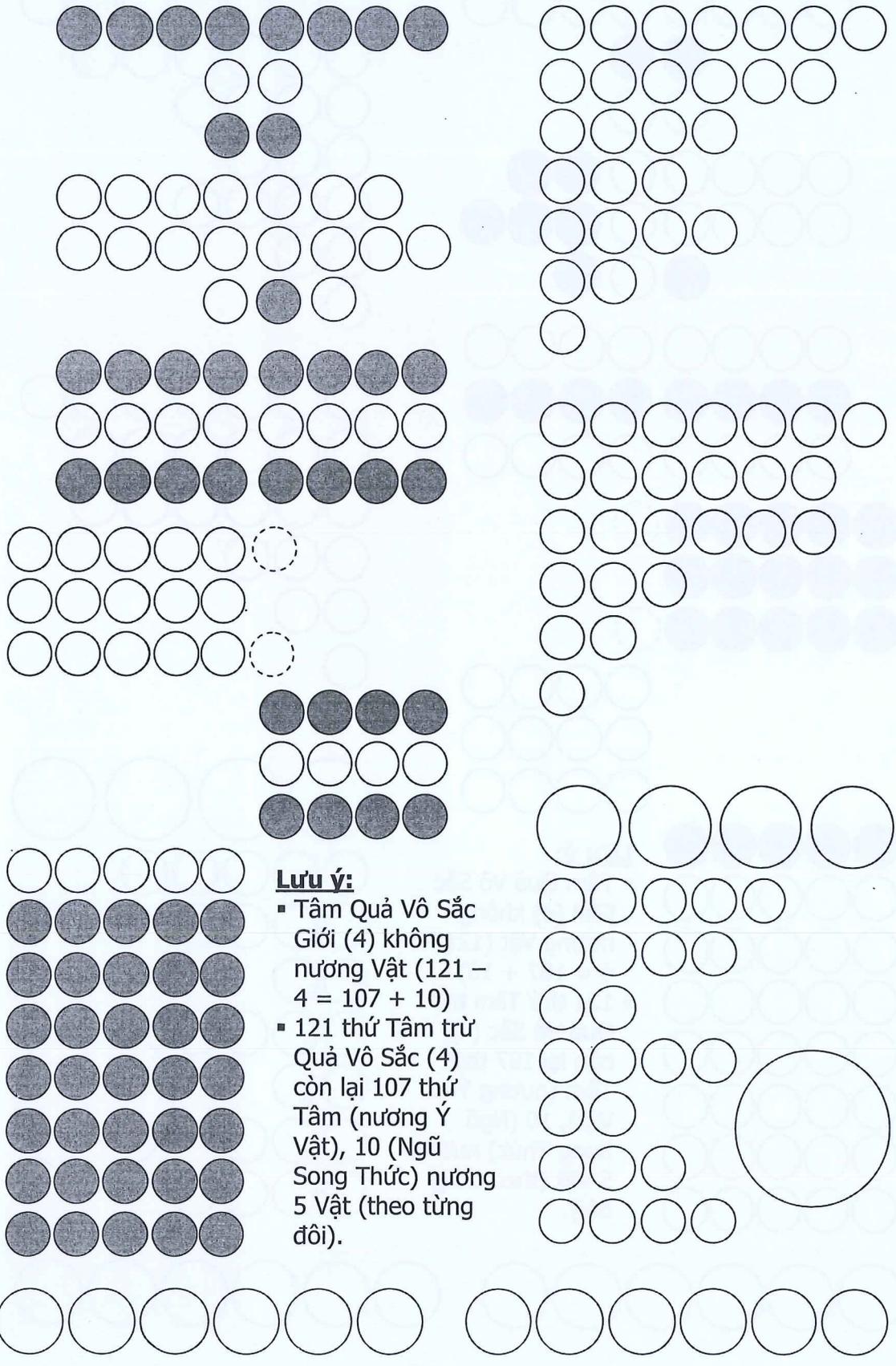
**Tâm Nương Ý Vật Nhất Định:** Sân (2) + Đại Quả (8) + Sắc Giới (15) + Sơ Đạo (5) + 7 thứ Tâm Vô Nhân (đã trừ Ngũ Song Thức và Khai Ý Môn) = 37 thứ Tâm



**Lưu ý:**

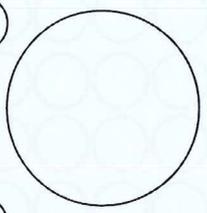
- Tâm Quả Vô Sắc Giới (4) không nương Vật ( $121 - 4 = 107 + 10$ )
- 121 thứ Tâm trừ Quả Vô Sắc (4) còn lại 107 thứ Tâm (nương Ý Vật), 10 (Ngũ Song Thức) nương 5 Vật (theo từng đôi).

**Tâm nương Ý Vật Bất Định:** Tham (8) + Si (2) + Khai ý môn (1) + Đại Thiện (8) + Đại Tố (8) + Đồng Lực Vô Sắc (8) + 7 Bậc Thánh sau (35) = 70 thứ Tâm.



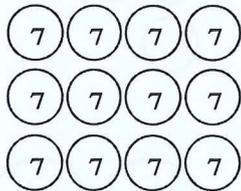
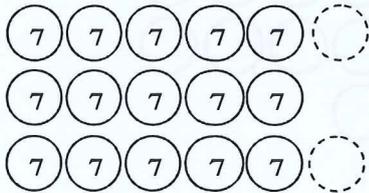
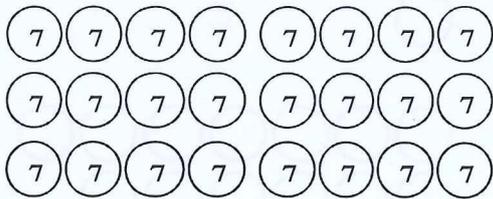
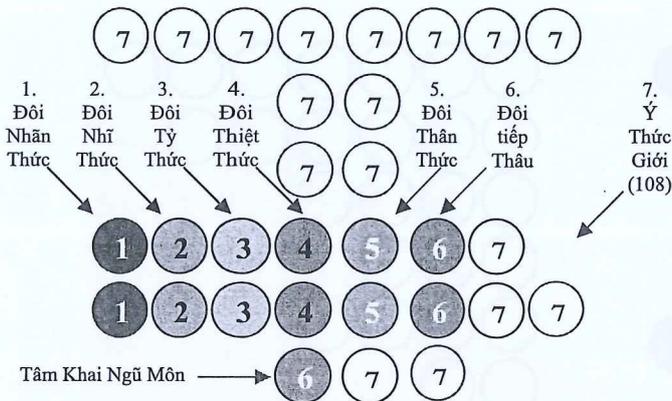
**Lưu ý:**

- Tâm Quả Vô Sắc Giới (4) không nương Vật ( $121 - 4 = 107 + 10$ )
- 121 thứ Tâm trừ Quả Vô Sắc (4) còn lại 107 thứ Tâm (nương Ý Vật), 10 (Ngũ Song Thức) nương 5 Vật (theo từng đôi).

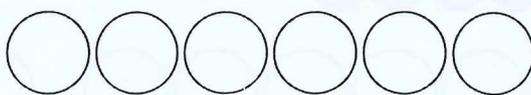
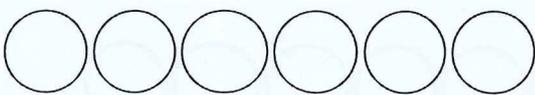
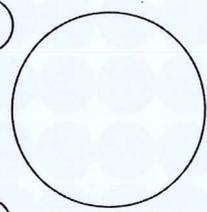
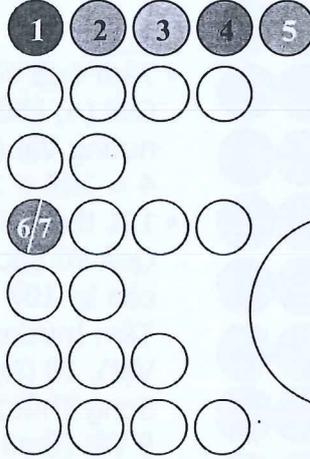
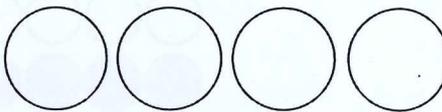
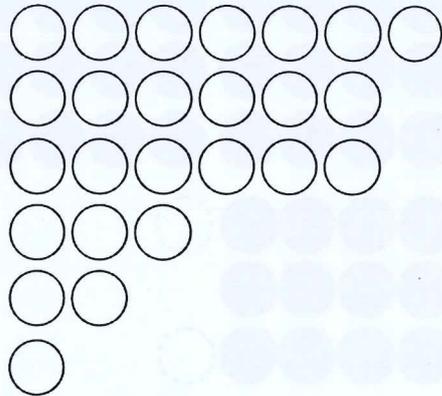
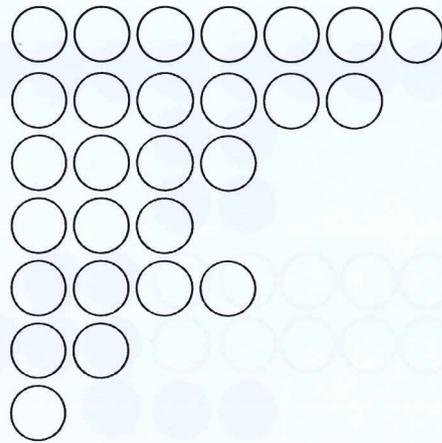




**Vật nung theo Giới có 7**



- Vật nung theo Giới có 7:**  
**Số 1:** Nhân Vật → Nhân Thức Giới.  
**Số 2:** Nhĩ Vật → Nhĩ Thức Giới.  
**Số 3:** Tỷ Vật → Tỷ Thức Giới.  
**Số 4:** Thiệt Vật → Thiệt Thức Giới.  
**Số 5:** Thân Vật → Thân Thức Giới.  
**Số 6:** Ý Vật → Ý Giới (Ý vật là ý giới nung, nhưng chỉ bắt cánh Ngũ).  
**Số 7:** Ý Vật → Ý Thức Giới. (bắt cánh Pháp).



**IV. BẢN ĐỒ:**

BẢN ĐỒ VẬT NHIỆP VATTHUSANGHA	Nhân Vật	Nhĩ Vật	Tỷ Vật	Thiệt Vật	Thân Vật	Ý Vật	TÂM NƯỚNG VẬT →	Nhất Định	Bất Định	Không Nướng	VẬT (Vatthu) nướng theo giới có 7	tính từ Nhân thức đến Ý thức giới có dạng mấy Tâm								
												1. Nhân Thức Giới	2. Nhĩ Thức Giới	3. Tỷ Thức Giới	4. Thiệt Thức Giới	5. Thân Thức Giới	6. Ý Giới	7. Ý Thức Giới		
Tâm Tham (8)							BĐ		X											
Tâm Sân (2)							NĐ	X												
Tâm Si (2)							BĐ		X											
Tâm Nhân Thức (2)	2						NĐ	X				2								
Tâm Nhĩ Thức (2)		2					NĐ	X					2							
Tâm Tỷ Thức (2)			2				NĐ	X						2						
Tâm Thiệt Thức (2)				2			NĐ	X							2					
Tâm Thân Thức (2)					2		NĐ	X								2				
Tâm Tiếp Thủ (2)						2	NĐ	X									2			
Tâm Thẩm Tấn (3)						3	NĐ	X										3		
Khai Ngũ Môn (1)						1	NĐ	X										1		
Khai Ý Môn (1)						1	BĐ		X										1	
Tâm Tiểu Sinh (1)						1	NĐ	X											1	
Tâm Đại Thiện (8)						8	BĐ		X										8	
Tâm Đại Quả (8)						8	NĐ	X												
Tâm Đại Tố (8)						8	BĐ		X										8	
Thiện Sắc Giới (5)						5	NĐ	X											5	
Quả Sắc Giới (5)						5	NĐ	X											5	
Tổ Sắc Giới (5)						5	NĐ	X											5	
Thiện Vô Sắc (4)						4	BĐ		X										4	
Quả Vô Sắc (4)										K									4	
Tổ Vô Sắc (4)						4	BĐ		X										4	
Tâm Sơ Đạo (5)						5	NĐ	X											5	
Tâm Nhị Đạo (5)						5	BĐ		X										5	
Tâm Tam Đạo (5)						5	BĐ		X										5	
Tâm Tứ Đạo (5)						5	BĐ		X										5	
Quả Siêu Thế (20)						20	BĐ		X										20	
<b>VẬT →</b> có Tâm nướng	2	2	2	2	2	107	NĐ BĐ	47	70	4			2	2	2	2	2	3	108	
Cõi Dục Giới	X	X	X	X	X	X	6						x	x	x	x	x	x	7	
Cõi Sắc Giới Hữu Tướng	X	x				X	3						x	x				x	4	
Cõi Vô Sắc							/												x	1
CỐI dạng bao nhiêu VẬT →											CỐI có bao nhiêu Giới									

## V. PHÂN GIẢI:

### Tâm nương Vật:

Khi trạng thái Tâm Nhãn thức - nương Nhãn Vật là chỉ bày phần Tâm nương Nhãn Môn nhất định, bởi vì nương bằng cách nương sanh cũng có phần tương tự như nương ở và đồng thời cũng nương nhờ Nhãn Thanh Triệt giúp cho biết dạng Cảnh Sắc. Bốn đôi thức còn lại cũng đều nương Vật như ý nghĩa nêu trên, chỉ khác cảnh là: Thinh, Khí, Vị, Xúc.

### **Chúng ta nhận định và tìm hiểu về các Vật như sau:**

1. **Nhãn Vật** (*Cakkhuvatthu*) là bản chất hay tinh chất của Tứ đại, thuộc phần nhạy của mắt có sắc thái nằm chính giữa con người với hình dáng như đầu con chó đực, râu bắt Cảnh Sắc (các màu).
2. **Nhĩ Vật** (*Sotavatthu*) là bản chất hay tinh chất của Tứ đại, có hình thức như lông con cừu khoanh tròn trong lỗ tai để râu bắt Cảnh Thinh (các tiếng).
3. **Tỷ Vật** (*Gānavatthu*) là bản chất hay bản thể của Tứ đại, thuộc phần nhạy của mũi có đặc điểm trạng thái tựa giống móng chân con dê nằm trong lỗ mũi, dạng râu bắt Cảnh Khí (các mùi, hơi).
4. **Thiệt Vật** (*Jivhāvatthu*) là bản thể chân tướng của Tứ đại, thuộc phần quan trọng thọ mạng và cũng là phần nhạy của lưỡi, có hình thức như đầu lông con nhím nằm trên cái lưỡi, râu bắt Cảnh Vị (mặn, ngọt, chua, cay v.v...).
5. **Thân Vật** (*Kāyavatthu*) là có tính chất, pháp bản thể, chơn tướng - thực tính của Tứ đại hiển phần nhạy của Thân. Thân Vật trải dài hay nằm khắp châu thân (trừ tóc, móng) chớ không có vị trí riêng biệt, râu bắt Cảnh Xúc (đụng, chạm).
6. **Ý Vật** (*Hadayavatthu*) là bản thể thực tính thuộc về loại sắc nghiệp nương vào Nhục Đoàn Tâm (trái tim). Trái tim có hình thức tương tự như bông sen búp, ý vật là nơi nương của ý giới và ý thức giới và là cơ quan râu bắt Cảnh Pháp.

Còn Tâm Dục giới ngoài ra Ngũ Song Thức chỉ nương Sắc Thanh Triệt bằng lối nương Môn, nghĩa là khi có dịp sanh chung với Lộ Ngũ, nên hiểu cũng như người đi theo qua cửa, chẳng khác như cầu quay cho tàu qua thì ghe xuống theo sau cũng qua luôn dạng.

Riêng về Ý Vật, thì ở đây chỉ bày giúp cho những thứ Tâm nương không quá chặt chẽ như sắc Thanh Triệt với Ngũ Song Thức – cho nên dạng nhiều thứ Tâm nương. Tạm thí dụ cũng như đồ đưa rước người từ trong một xứ, chỉ trừ ra kẻ ở nhà bè hay xứ khác (Nhà bè là chỉ cho Ngũ Song Thức, Xứ khác là chỉ cho 4 Quả Vô Sắc).

Những thứ Tâm nào trong phần nương ý vật đây mà có thể sanh đến cõi Vô sắc thì khi đó khỏi nương Ý Vật (Ý Quyền). Nên gọi là nương Ý Vật bất định.

Phân Vật theo Tâm – Cõi:

Cõi Dục Giới:

Do chúng sanh nương sanh nương ở nương nhờ cõi Dục giới còn Tham ái và lục dục nên có đủ 6 Vật (*Vatthu*) và 7 giới (*Dhātu*).

Cõi Dục giới có đủ 6 Vật (*Vatthu*) là: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Trái Tim (theo chế định). Còn theo bản thể Siêu lý là: Nhãn Vật, Nhĩ Vật, Tỷ Vật, Thiệt Vật, Thân Vật và Ý Vật, tức là Sắc Nhãn Thanh, Sắc Nhĩ Thanh, Sắc Tỷ Thanh, Sắc Thiệt Thanh, Sắc Thân Thanh, Sắc Ý Vật (Sắc Nghiệp nương trái tim).

Tính nương theo giới thì có 7 là: Nhãn thức giới, Nhĩ thức giới, Tỷ thức giới, Thiệt thức giới, Thân thức giới, ý giới và ý thức giới. Nghĩa là Nhãn thức giới nương Nhãn vật, Nhĩ thức giới nương Nhĩ vật, Tỷ thức giới nương Tỷ vật, Thiệt thức giới nương Thiệt vật, Thân thức giới nương Thân vật, Ý giới và Ý thức giới nương Ý vật.

Cõi Sắc Giới:

Còn Cõi Sắc giới: Đây nói 15 cõi Sắc giới hữu tướng. Chúng sanh nơi đây do năng lực thiên định mạnh nên không có tâm sân sanh (Tâm Sân không sanh ở Cõi Thiên), bởi do sự tham ái: Khí, Vị, Xúc không có, nên Tỷ, Thiệt, Thân vật cũng không sanh đặng, vì thế đã khổng chế phần lớn bất toại nguyện như khí xấu, mùi hơi không thích hợp, vị không vừa ý, xúc trái lòng, mà những điều nghịch như vậy là điều kiện dễ dàng cho tâm sân sanh. Điều quan trọng là những Phạm thiên ở cõi này sống là nhờ vào Pháp hỷ, mà Pháp hỷ là Pháp đối nghịch với sân. Riêng nhãn Vật và Nhĩ Vật có sanh nơi cõi này hay có được là do sự tầm, cầu thần thông (thiên nhãn, thiên nhĩ) – như nghe, thấy ... Vì vậy nơi đây có đủ 3 vật và 4 giới (*Rūpe catubbidhā tivatthum nissitā*).

Cõi Vô Sắc:

Cõi Vô Sắc Giới không có Vật (*Vatthu*) vì nơi đây không có hình sắc nên không có vật nào cả, chỉ có Tâm thức là Ý thức giới mà thôi. Có *Pāli* chú giải như vậy: *Arūpe dhavekānissikā*: Có một Ý thức giới sanh cõi Vô Sắc khỏi nương Vật.

Chúng ta nên hiểu rằng, những thứ Tâm không thể sanh cõi vô sắc thì phải nương vật nhất định. Còn những tâm nương cõi vô sắc thì nương vật bất định. Cho nên theo văn lục bát (Điều Pháp Lý Hợp) của Đại Trưởng Lão Tịnh Sự - *Mahāthero Saritakicco* nói như sau:

Bốn mươi ba lẽ hằng hằng  
Nương nhờ căn sắc làm bằng chỗ mong  
Bốn mươi hai lẽ hoặc không  
Tứ quả vô sắc khỏi vòng dựa ai.

Nghĩa là:

➤ **Bốn mươi ba lẽ:**

Là 43 hoặc 47 thứ Tâm nương vật nhất định. 43 thứ tâm này nương vật mới sanh ra đặng (*Tecattāsisa nissāya Jāyate*): 2 thứ Tâm Sân + 1 hoặc 5 thứ tâm sơ đạo + 15 thứ tâm sắc giới + 8 thứ tâm đại quả + 17 thứ tâm vô nhân (trừ Khai ý môn).

➤ **Bốn mươi hai lẽ hoặc không:**

Là 42 thứ Tâm hoặc 70 thứ Tâm nương vật bất định (*Devacattāsisa nissāya ca anissāya Jāyate*): 8 thứ Tâm tham + 2 thứ tâm Si + khai ý môn + 8 thứ tâm đại thiện + 8 thứ tâm đại tố + 8 thứ tâm đồng lực Vô sắc + 7 hoặc 35 thứ Tâm Siêu Thể (đã trừ Sơ Đạo).

➤ **Tứ Quả Vô sắc khỏi vòng dựa ai:**

Nghĩa là 4 thứ Tâm quả Vô sắc giới sanh ra luôn luôn khỏi nương vật chi cả. Vì 4 thứ tâm này tái tục làm người vô sắc. Tâm nào sanh theo cõi nấy (Quả không vô biên tái tục cõi không vô biên, Quả thức vô biên sanh cõi thức vô biên ...) chớ không bao giờ sanh theo cõi hữu sắc, nên hoàn toàn không nương vật nào cả. Tóm lại 4 thứ Tâm Quả Vô Sắc luôn luôn sanh ra khỏi nương vật. Tâm nào cõi nấy, bởi do Tâm Vô sắc không thể nào sanh đặng cõi hữu sắc được.

## VI. KẾT LUẬN:

Vật Nhiếp hay gọi Vật Yếu Hiệp hoặc trước đây gọi Vật Hiệp Đồng (*Vatthusaṅgaha*) là phần Pháp chỉ bày khi hiện khởi hay sanh lên mà có Vật (Sắc Pháp) thành cơ quan hay trú điểm cho Tâm thức nương gá như Tâm nương Nhãn Vật biết Cảnh Sắc, Tâm nương Nhĩ Vật biết Cảnh Thanh v.v... .

Hay là những Pháp phát sanh qua lộ ngũ phải nhờ nương nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân vật và tiến trình Lộ Ý phải nương nhờ Ý Vật mới đủ sức đặng hiện khởi (đây nói Cõi Ngũ Uẩn), do có những trạng thái, phận sự, việc làm đưa đến thành tựu như thế thì gọi là Vật Nhiếp, nghĩa là phần gom dón gọn các Pháp nương vật đặng sanh ra: Biết cảnh, làm việc ... thì đây cũng gọi là Vật Yếu Hiệp vậy.



**BÀI 20:****NHÂN – SỞ HỮU NHIẾP**  
**(HETUCETASIKĀSAṄGAHA)****I. ĐỊNH NGHĨA:**

- ✓ **Nhân**: nói theo thường thức là nguyên nhân, nói tắt: Quan hệ giữa nhân và quả. Hoặc có nơi nói Nhân là hột giống ...<sup>1</sup>
- ✓ **Nhân**: Dịch từ Phạn Ngữ *Pāli* - "*Hetu*" có nghĩa là nguyên nhân, lý do ...
- ✓ **Nhân**: Cũng từ Phạn ngữ *Pāli* "*Hetu*" dịch theo lý là căn, gốc rễ, nhân sanh quả, kể cả những gì làm cho thành tựu bằng cách nhân.
- ✓ **Nhân**: Dịch theo lý Pháp thì đây là nhân tương ứng, tức "*hetuhetu*" (nhân nhân) = Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân và Vô Si cấu sanh với Tâm hữu nhân để giúp những Tâm ấy thành tựu có sức mạnh.
- ✓ **Nhân**: Theo một lý nghĩa nữa là trạng thái hay là Pháp mà giúp cho quả cấu sanh với nó gọi là Nhân.
- ✓ **Nhân**: Hay Nhân Nhân hoặc Nhân tương ứng, ở đây là ám chỉ cho những Pháp làm căn gốc của Tâm tốt lành hoặc Tâm xấu ác.
- ✓ **Nhân**: Cũng gọi là nhân sanh tức nguyên do sanh ra của một Pháp hay nhân sanh của một trạng thái.
- ✓ **Sở Hữu**: Là phần thuộc về, đi theo, hợp về ... chữ Sở hữu được dịch từ Phạn ngữ *Pāli* - "*Cetasika*" có nghĩa là luôn phối hợp với Tâm và cấu sanh với Tâm, đồng thời cũng đặng Tâm yếu hiệp. Gọi đủ là sở hữu tâm, nghĩa là những Pháp hợp với Tâm và thuộc về sở hữu của Tâm. Hay nói cách khác, một Pháp nào khi cấu sanh với Tâm (phần danh) mà thuộc quyền sở hữu, thì Pháp ấy gọi là sở hữu hay sở hữu Tâm.
- ✓ **Sở Hữu**: Ở đây là chỉ phần Pháp hiệp với Tâm luôn luôn bằng mãnh lực không lìa nhau, nên gọi là sở hữu Tâm. Hoặc là hợp với Tâm rất khăng khít, cũng đặng gọi là sở hữu Tâm. Trên bốn phương diện: đồng sanh, đồng diệt, đồng cảnh, đồng nương.
- ✓ **Nhiếp**: Đã định nghĩa.

**Nhân – Sở Hữu Nhiếp**: Là đề cập đến Tâm Pháp hay Danh Pháp khi sanh lên sẽ có Nhân tương ứng nào cùng hợp, tức nói về mỗi loại Tâm có nhân tương ứng hợp hoặc không (Tâm Vô nhân, Tâm Hữu nhân) và Nhân yếu hiệp hay nhiếp về phần sở hữu nghĩa là tính mỗi sở hữu có đặng bao nhiêu Nhân, cách tính này hay cách gom dón gọn này trên phương diện Nhân đi theo Tâm và Nhân đi theo sở hữu, nên gọi là Nhân – Sở Hữu Nhiếp.

<sup>1</sup> Theo Đại Từ Điển Tiếng Việt của Nguyễn Như Ý.

## II. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP:

### a) Sở Hữu có mấy Nhân:

- **Sở Hữu Vô Nhân**, lấy hai trường hợp:
  - Sở hữu tợ tha (bớt Dục) khi phối hợp với Tâm vô nhân,
  - Sở hữu Si khi hợp với Tâm Si.
- **Sở Hữu Nhất Nhân**:
  - Sở hữu tham, sở hữu sân, sở hữu hoài nghi = 3 sở hữu.
- **Sở Hữu Nhị Nhân**:
  - Sở hữu Si, Tật, Lận, Hối, Tà kiến, Ngã mạn và 3 nhân Thiện = 9 sở hữu.
- **Sở Hữu Tam Nhân**:
  - Sở hữu Vô tâm, Vô úy, Điều cử, Hôn phần và sở hữu tịnh hảo (bớt 3 nhân thiện) = 27 sở hữu.
- **Sở Hữu Ngũ Nhân**:
  - Sở hữu Hỷ = 1 sở hữu.
- **Sở Hữu Lục Nhân**:
  - Sở hữu tợ tha (bớt Hỷ) = 12 sở hữu. (Tính lúc không hợp với Tâm vô nhân).

### b) Nhân có bao nhiêu Sở Hữu:

- **Nhân Tham** có 21 sở hữu là:
  - Sở hữu tợ tha (13) + Si phần (4) + Tà kiến + Ngã mạn + Hôn phần (2).
- **Nhân Sân** có 21 sở hữu là:
  - Tợ tha bớt Hỷ (12) + Si phần (4) + Tật + Lận + Hối + Hôn phần (2).
- **Nhân Si** có 26 sở hữu là:
  - Tợ tha (13) + Sở hữu bất thiện bớt Si (13).
- **Nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si**:
  - Mỗi nhân đặng 37 sở hữu (tợ tha + sở hữu Tịnh Hảo) chỉ thay đổi nhân tương ứng Thiện của nhân gốc đó, tức lấy nhân tương ứng nào thì trừ sở hữu của nhân đó ra (Nhân vô tham bớt sở hữu vô tham v.v...).

Bảng Dón Gọn Phân Loại Nhân – Sở Hữu:

<b>Loại Sở Hữu có mấy Nhân:</b>	<b>Số Sở Hữu Tâm</b>
<i>Sở Hữu Vô Nhân:</i>	Sở hữu tợ tha (bớt Dục) khi phối hợp với Tâm vô nhân, sở hữu Si khi hợp với Tâm Si.
<i>Sở Hữu Nhất Nhân:</i>	Sở hữu tham, sở hữu sân, sở hữu hoài nghi = 3 sở hữu.
<i>Sở Hữu Nhị Nhân:</i>	Sở hữu Si, Tật, Lận, Hối, Tà kiến, Ngã mạn và 3 nhân Thiện = 9 sở hữu.
<i>Sở Hữu Tam Nhân:</i>	Sở hữu Vô tâm, Vô úy, Điều cử, Hôn phần và sở hữu tịnh hảo (bớt 3 nhân thiện) = 27 sở hữu.
<i>Sở Hữu Ngũ Nhân:</i>	Sở hữu Hỷ = 1 sở hữu.
<i>Sở Hữu Lục Nhân:</i>	Sở hữu tợ tha (bớt Hỷ) = 12 sở hữu.

<b>Loại Nhân</b>	<b>Số Sở Hữu Tâm</b>
<i>Nhân Tham:</i>	Sở hữu tợ tha (13) + Si phần (4) + Tà kiến + Ngã mạn + Hôn phần (2) = 21 sở hữu.
<i>Nhân Sân:</i>	Tợ tha bớt Hỷ (12) + Si phần (4) + Tật + Lận + Hối + Hôn phần (2) = 21 sở hữu.
<i>Nhân Si:</i>	Tợ tha (13) + Sở hữu bất thiện bớt Si (13) = 26 sở hữu.
<i>Nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si:</i>	Mỗi nhân đặng 37 sở hữu (tợ tha + sở hữu Tịnh Hảo) chỉ thay đổi nhân tương ứng Thiện của nhân gốc đó, tức lấy nhân tương ứng nào thì trừ sở hữu của nhân đó ra (Nhân vô tham bớt sở hữu vô tham v.v...).



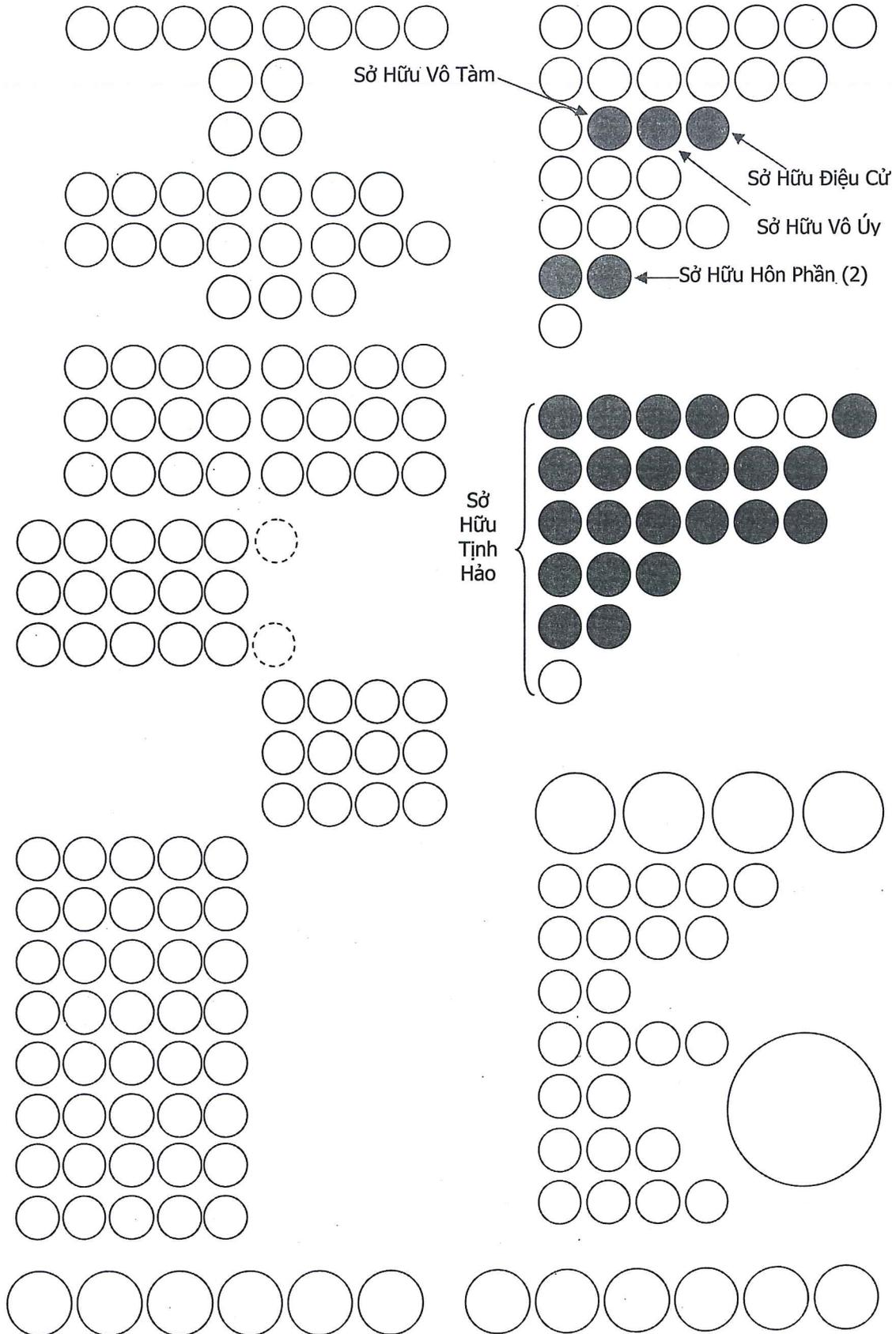
**III. BẢNG NÊU:**



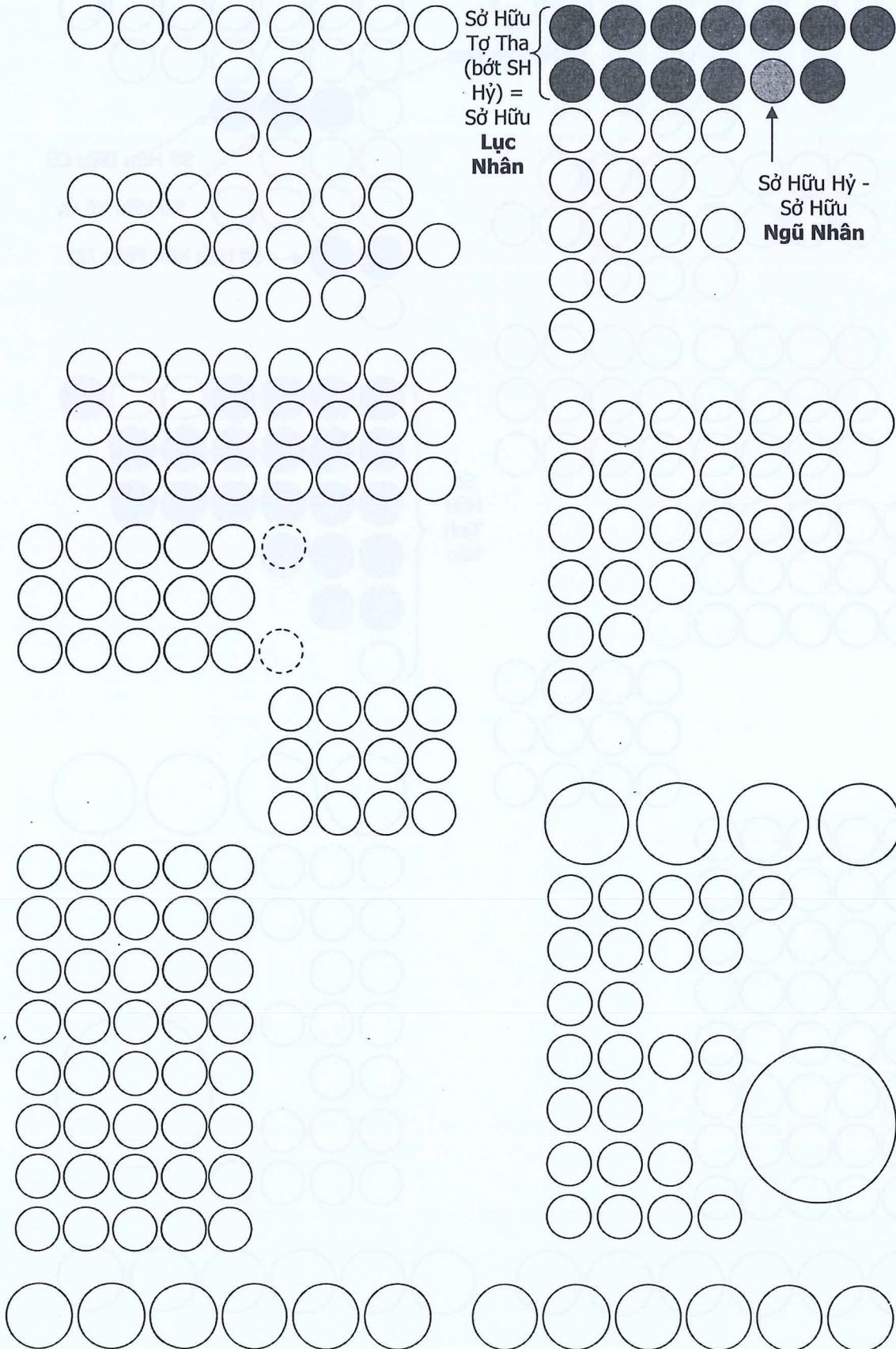




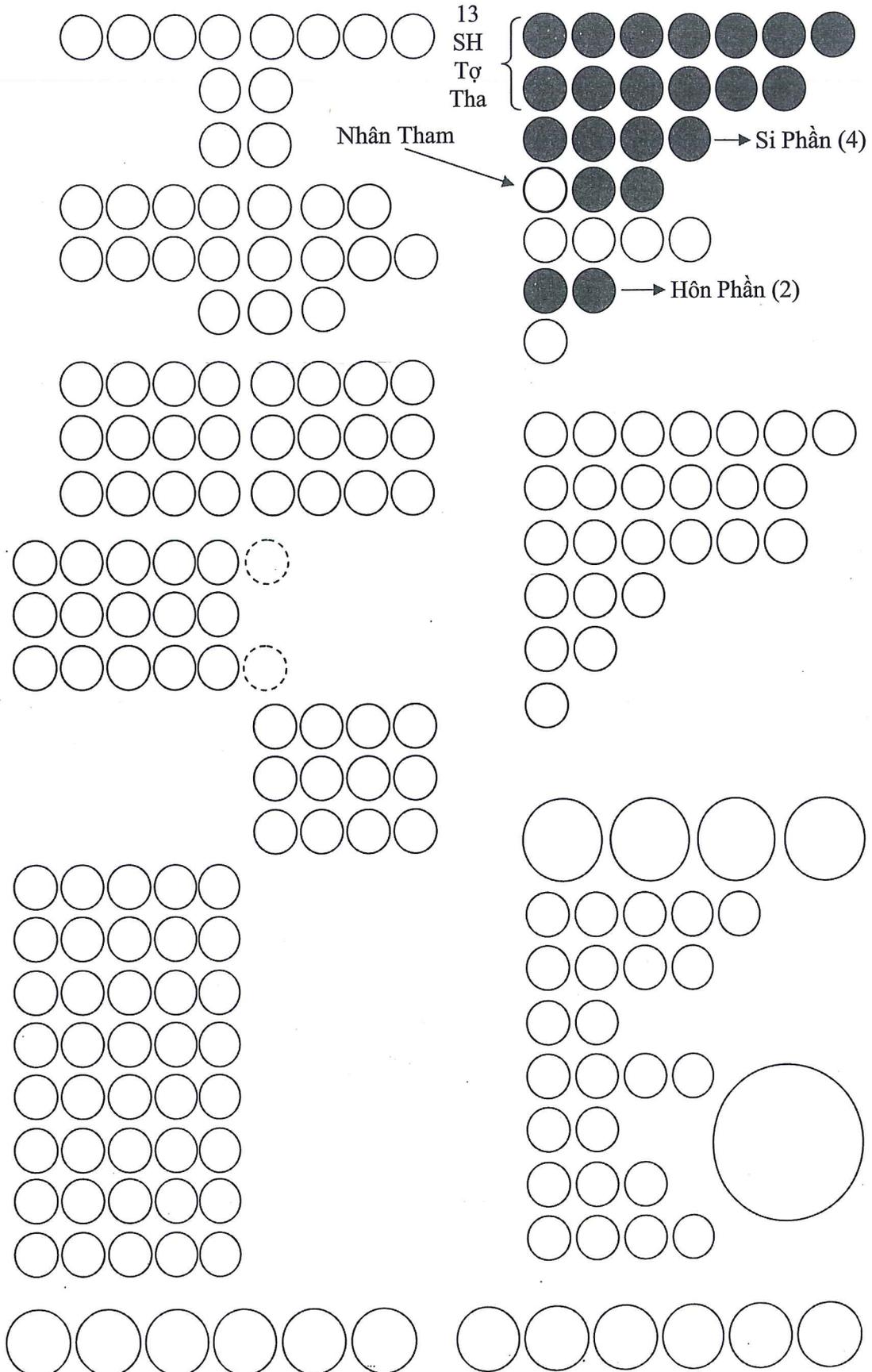
- **Sở Hữu Tam Nhân:** Sở hữu Vô tà, Vô úy, Điều cử, Hôn phần và sở hữu tịnh hảo (bớt 3 nhân thiện) = 27 sở hữu.



- *Sở Hữu Ngũ Nhân*: Sở hữu Hỷ = 1 sở hữu.
- *Sở Hữu Lục Nhân*: Sở hữu tợ tha (bớt Hỷ) = 12 sở hữu.

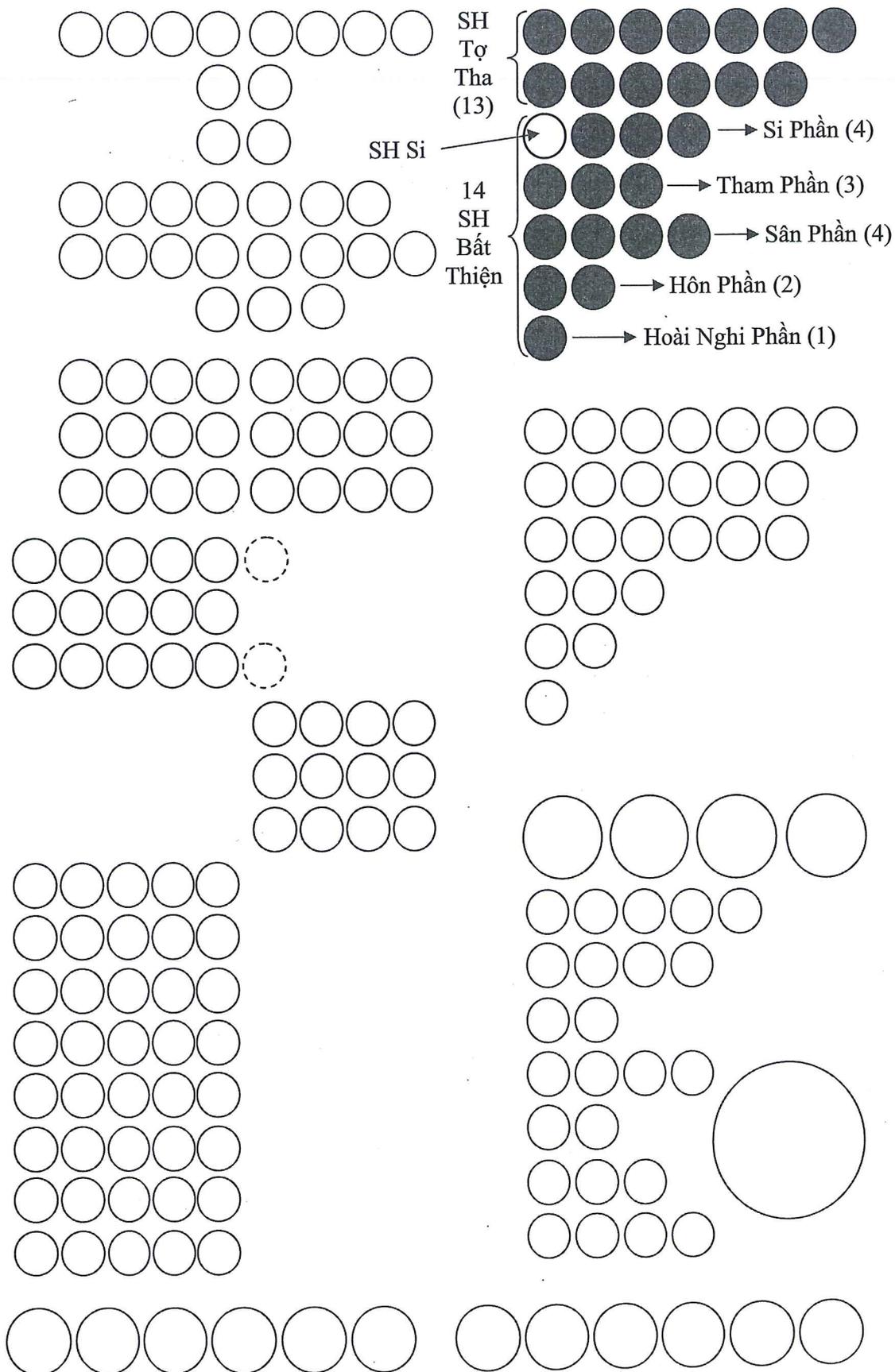


**Nhân Tham** câu sinh các loại sở hữu là: Sở hữu tợ tha (13) + Si phần (4) + Tà kiến + Ngã mạn + Hôn phần (2) = 21 sở hữu.

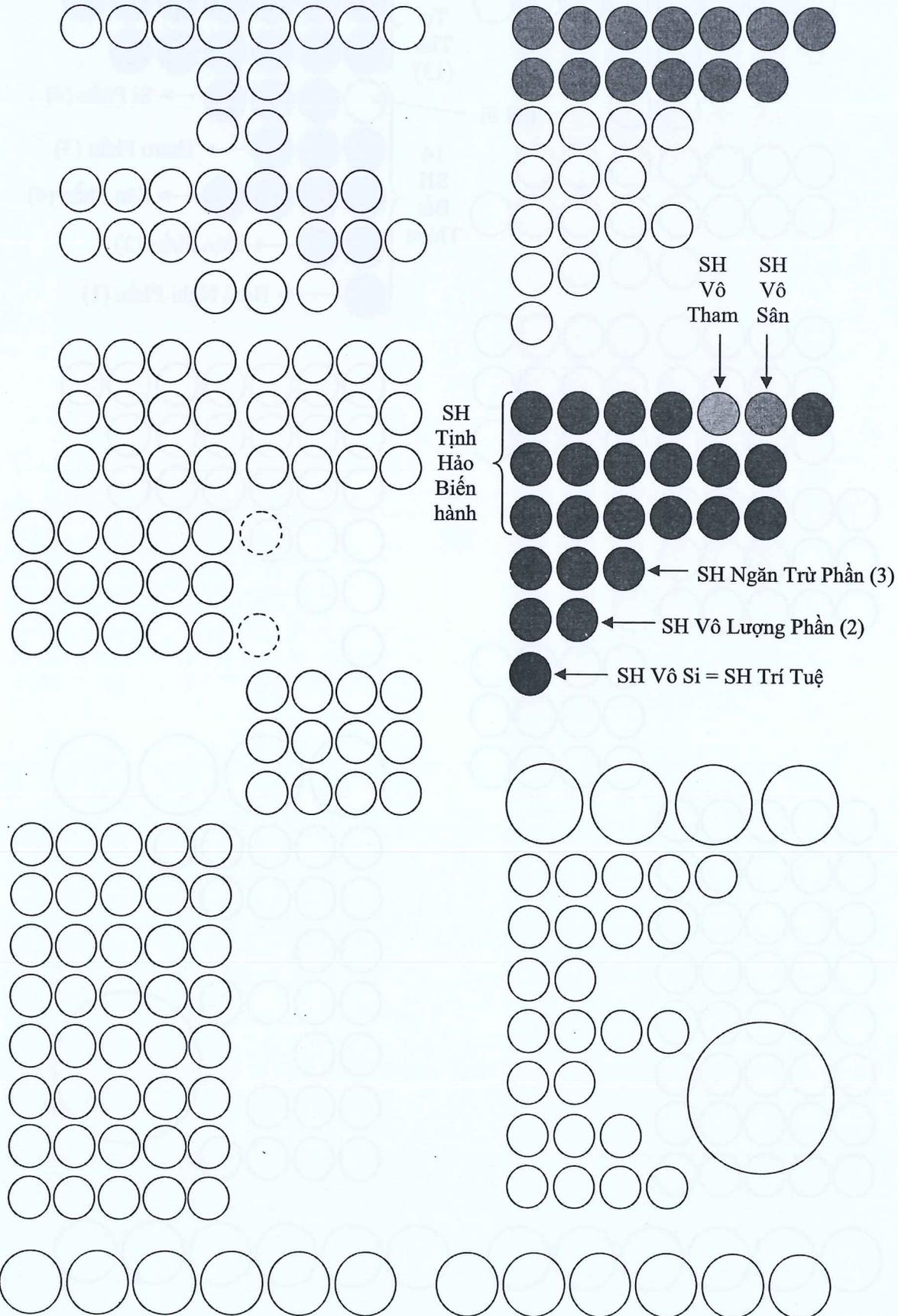




**Nhân Sĩ** cấu sinh các loại sở hữu là: Tợ tha (13) + Sở hữu bất thiện bớt Sĩ (13) = 26 sở hữu.



**Nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si** – Mỗi nhân Thiện câu sinh các loại sở hữu là: Sở hữu tự tha (13) + sở hữu tịnh hảo (25), chỉ thay đổi nhân tương ứng Thiện của mỗi nhân gốc đó, tức lấy nhân tương ứng nào thì trừ sở hữu của nhân đó ra (như nhân vô tham bớt sở hữu vô tham = 37 SHH v.v...)



**IV. BẢN ĐỒ:**

BẢN ĐỒ NHÂN – SỞ HỮU NHIỆP (HETUCETASIKĀSAṄGAHA)	LỤC NHÂN TƯƠNG ỨNG						Sở Hữu đặng mấy Nhân ↓
	NHÂN THAM	NHÂN SÂN	NHÂN SI	NHÂN VÔ THAM	NHÂN VÔ SÂN	NHÂN VÔ SI	
Sở Hữu Vô Nhân (Tợ tha bớt Dục khi hợp Tâm Vô Nhân , Si hợp Tâm Si)	/	/	/	/	/	/	
Sở Hữu Tợ Tha (bớt sở hữu Hỷ)	X	X	X	X	X	X	6
Sở Hữu Hỷ	X		X	X	X	X	5
Sở Hữu <i>Si</i>	X	X					2
Sở Hữu <i>Vô Tâm</i>	X	X	X				3
Sở Hữu <i>Vô Úy</i>	X	X	X				3
Sở Hữu <i>Điều Cử</i>	X	X	X				3
Sở Hữu <i>Tham</i>			X				1
Sở Hữu <i>Tà Kiến</i>	X		X				2
Sở Hữu <i>Ngã Mạn</i>	X		X				2
Sở Hữu <i>Sân</i>			X				1
Sở Hữu <i>Tật</i>		X	X				2
Sở Hữu <i>Lận</i>		X	X				2
Sở Hữu <i>Hôi</i>		X	X				2
Sở Hữu <i>Hôn Phần</i>	X	X	X				3
Sở Hữu <i>Hoài Nghi</i>			X				1
Sở Hữu Tịnh Hào (trừ 3 nhân thiện)				X	X	X	3
Sở Hữu Vô Tham					X	X	2
Sở Hữu Vô Sân				X		X	2
Sở Hữu Trí Tuệ				X	X		2
Mỗi phần có bao nhiều Sở Hữu →	21	21	26	37	37	37	

**V. PHÂN GIẢI:**

*Nhân (Hetu):* Nhân là cách hiểu như là nguyên nhân, là lý do, là căn, là gốc rễ, là nhân sanh quả, là tất cả những gì làm cho thành tựu bằng cách nhân. Đồng thời Nhân được phân tích và giải thích theo nhiều cách như sau:

- Nhân nhân (*Hetuhetu*): Sáu nhân tương ứng.
- Duyên Nhân (*Paccayohetu*): Sắc Tứ Đại trợ cho Sắc Y Đại Sinh.
- Nhân Duyên (*Hetupaccayo*): Sáu nhân tương ứng làm mãnh lực trợ giúp , trợ sanh và ủng hộ cho các Pháp hữu nhân ... .
- Phổ Biến Nhân (*Sadhāraṇahetu*): Tức là Vô minh duyên Hành – Hành duyên Thức v.v... .
- Chí Thượng Nhân (*Uttamahetu*): Tức là Nghiệp thiện – bất thiện tạo Quả tốt xấu v.v... .

Ở đây nói về Lục Nhân tương ứng, tức Nhân nhân là phần Pháp trợ giúp trong giống câu sanh (*Sāhajāta Jāti*).

Trên phương diện phân loại thì Nhân được phân thành 2 loại:

- a. **Nhân sanh** (*Upattihetu*): Nghĩa là loại nhân tạo hay nguyên do hoặc nguyên nhân làm cho Pháp hữu vi sanh ra đặng. Như chúng ta thấy tâm, sở hữu và sắc Pháp đều có nhân sanh, như:

Tứ Nhân sanh Tâm

- Một là Nghiệp quá khứ.
- Hai là Cảnh.
- Ba là Sở hữu tâm.
- Bốn là Vật hay Môn.

Nhân sanh Sắc Pháp

- Một là Nghiệp.
- Hai là Tâm.
- Ba là Quý tiết
- Bốn là Vật Thực.

- b. **Nhân tương ứng** (*Sampayuttahetu*): Là loại nhân trợ hay cách giúp làm nòng cốt thúc đẩy hoặc nền móng cốt lõi trợ bằng cách vững vàng mạnh như gốc rễ.

Nên biết rằng giữa nhân sanh và Nhân tương ứng cũng có sự liên quan nhưng mỗi phần lại khác nhau, tính chất cũng khác nhau, như: Mỗi cái Tâm hoặc mỗi thứ Tâm khi phát sanh, sanh lên không thể thiếu nhân sanh (tợ giống như Mẹ sanh ra con). Còn đối với Nhân tương ứng thì khi có khi không (Tâm vô nhân, Tâm hữu nhân) vì đó là loại nhân trợ, chỉ có trong phần khía cạnh trợ giúp mà thôi. Nhân tương ứng bản thể Pháp được tính hay xuất xứ từ sở hữu. Vì vậy, sở hữu có nhiều thứ nhưng chỉ có 6 loại sở hữu làm căn làm gốc, làm nhân để trợ giúp cho Pháp thiện và Pháp bất thiện cấu sanh với chúng nó.

Nói về Nhân tương ứng thì ta thấy được Đức Phật giải thích, dẫn chứng đều có trong các phần pháp như Đầu Đề Tam (*Tikamātikā*), Đầu Đề Nhị (*Dukkamātikā*), Bộ Song Đối (*Yāmakam*) và Bộ Đại Vị Trí (*Mahāpatthāṇa*).

Nhân tương ứng có 6 loại Nhân, thường được biết với các tên gọi là nhân tham, nhân sân, nhân si, nhân vô tham, nhân vô sân và nhân vô si (lục nhân tương ứng), đây nói về nhân trên phương diện tính hẹp. Còn khi nhân đối qua căn ở khía cạnh Song Đối (*Yāmakam*) thì có tới 283 Nhân (tức 283 căn) như:

- Nhân (căn) bất thiện rộng là 22 (tham 8 nhân + sân 2 nhân + si 12 nhân)
- Nhân thiện rộng là 107 (Vô tham 37 nhân + Vô sân 37 nhân + Vô si 33 nhân)
- Nhân vô ký rộng là 154 (Vô tham 54 nhân + Vô sân 54 nhân + Vô si 46).

Tổng cộng chúng ta có cả thảy 283 nhân (căn).

Trong Bộ Vị Trí (*Patthāṇa*) thì nhân tức Nhân duyên (*Hetupaccayo*) được Đức Thế Tôn đề cập đầu tiên (1 trong 24 Duyên). Chính Phật Ngài muốn ta nhìn vào Nhân để hiểu rằng Nhân là nền tảng trợ phát sanh ra Tâm và sở hữu. Nếu không có Nhân tương ứng làm gốc, rễ, nền tảng thì Tâm + sở hữu và Sắc Tâm nương vào đâu mà phát sanh.

Theo Pāli có chú giải về Nhân như sau:

*Hinoti phalaṃ pavattetīti = Hetu:* Giúp cho Quả sanh ra, gọi là Nhân.

Như đã trình bày một vài phía cạnh lý ở phần định nghĩa, nay phân tích thêm về tính chất kết hợp của Nhân – Sở Hữu Nhiếp.

Gom gọn các nhân tương ứng (6 nhân) cùng Pháp câu sanh (ám chỉ sở hữu) sẽ có thuận và nghịch như:

- Sở Hữu Hỷ nghịch với Sân, nên không có nhân Sân tương ứng và ngược lại. Cho nên sở hữu Hỷ chỉ tính đặng năm nhân (Sở Hữu 5 nhân).
- Sau khi bớt Hỷ, thì các thứ sở hữu tợ tha còn lại thuận theo cả 6 nhân tương ứng, (trường hợp không hợp với Tâm Vô nhân) tức có đủ lục nhân tương ứng, nghĩa là khi sở hữu tợ tha tương ứng với các loại sở hữu khác đã bớt Hỷ, thì gọi lúc này là sở hữu lục (6) nhân.
- Sở Hữu Tham, Sân và Hoài Nghi có nhân tương ứng là Si, tức nhân tham hoặc nhân sân hay hoài nghi chỉ gặp nhân si nên gọi là sở hữu 1 nhân (gặp nhân si).
- Sở Hữu Si gọi là sở hữu hai nhân bởi vì khi tương ứng với Tâm tham thì gặp nhân tham và câu sanh với tâm sân thì gặp nhân sân.
- Sở Hữu Tật, Lận, Hối có: Nhân sân, nhân si tương ứng, nên gọi sở hữu 2 nhân.
- Sở Hữu Tà Kiến, Ngã mạn có: Nhân tham, nhân si tương ứng nên gọi sở hữu 2 nhân.
- Sở Hữu Vô Tham có: Nhân vô sân + vô si tương ứng nên gọi sở hữu 2 nhân.
- Sở Hữu Vô Sân có: Nhân vô tham + vô si tương ứng nên gọi sở hữu 2 nhân.
- Sở Hữu Vô Si có: Nhân vô tham + vô sân tương ứng nên gọi sở hữu 2 nhân.

Còn các thứ sở hữu 3 nhân là loại có đủ 3 nhân tương ứng Thiện, hoặc 3 nhân tương ứng bất thiện, như:

Sở Hữu Tịnh Hào (bớt: Vô Tham, Vô Sân, Vô Si) có đủ tam nhân thiện: Nhân vô tham, nhân vô sân, nhân vô si - gọi là sở hữu 3 nhân.

Sở Hữu: Vô tà, vô úy, điều cử và hôn trầm tương ứng đủ nhân tham, nhân sân và nhân si vì phối hợp tất cả Tâm bất thiện, nên gọi là sở hữu 3 nhân.

Riêng về Sở Hữu tợ tha (bớt Dục) gọi sở hữu vô nhân là khi những sở hữu này câu sanh với tâm vô nhân, mà đã phối hợp với vô nhân tất nhiên gọi sở hữu vô nhân.

Si hay sở hữu si khi phối hợp với Tâm si vẫn là sở hữu vô nhân, bởi do nhân gốc là "Nhân Si" tức sở hữu si, mà tâm si cũng do từ tính năng của sở hữu Si mà ra, nên Si gặp Si không tính nhân Si gốc. Vì vậy, trường hợp này gọi là sở hữu Vô nhân. Hay nói cách khác, không thể tự mình hòa trộn với mình. Cho nên trường hợp sở hữu Si hợp tâm Si gọi là vô nhân (không thể tự mình gặp mình).

Phần nhân hay nhân tương ứng có đặng bao nhiêu sở hữu, là cách gạn lọc lại xem trong mỗi nhân tương ứng sinh khởi nhiếp được sở hữu nào và loại nào không yếu hiệp được, như:

- **Nhân Tham:** Do đặc tính nhiễm đắm, ham muốn, bắt theo cảnh thuận, nên trong nhân Tham không có sân, tật, lận, hối (do Sân Phần đều bắt cảnh nghịch – cảnh trái với Tâm), vì là nhân tham, nên không tính sở hữu tham vào.
- **Nhân Sân:** Bởi tính năng phiền muộn, không vừa lòng, thì làm sao có vui mừng (hỷ), nên sở hữu hỷ không có trong nhân Sân, còn Tham phần là Pháp nghịch với nhân Sân (như phần lý giải nhân Tham). Do đây là nhân Sân, không kể sở hữu Sân vào.
- **Nhân Si:** Căn nguyên là đây, tức nhân Si, nguồn gốc của bất thiện, bị tối mờ như chui vào hang hõ (không ánh sáng), bản chất đó là cách của sở hữu Si, mà sở hữu Si tức nhân Si, do vậy có mặt trong 26 sở hữu (tợ tha (13) + sở hữu Bất Thiện bớt Si (13)). Bớt sở hữu Si, vì sở hữu Si tính trên phương diện làm nhân si, nên khi tính chỉ đề cập đến các Pháp câu sanh mà thôi (tức 26 sở hữu đã đề cập trên).

- *Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân, Nhân Vô Si*: Gọi là nhân tương ứng thiện, nên lấy hết phần sở hữu Tịnh hảo (chỉ bớt sở hữu nào đang làm nhân tương ứng như: Nhân vô tham bớt sở hữu vô tham, nhân vô sân bớt sở hữu vô sân và nhân vô si bớt sở hữu Trí Tuệ) và cùng tương tác cấu sinh là sở hữu tợ tha (13). Vậy, mỗi nhân tương ứng Thiện có 37 sở hữu ( $13 + 24 = 37$ ).

*Sở hữu gập sở hữu phải được hiểu như sau:*

- Sở hữu Bất thiện và sở hữu Tịnh hảo không gập nhau.
- Sở hữu tợ tha gập hết sở hữu Tịnh Hảo và Bất thiện.
- Nhưng Thăng giải và Dục không gập Hoài nghi.
- Còn sở hữu Hỷ không gập Sân phần và Hoài Nghi.

*Lưu Ý: Các thứ sở hữu bất thiện không gập nhau như sau:*

- Tà Kiến với Ngã Mạn không gập nhau.
- Tham Phần không gập Hoài Nghi và Sân Phần.
- Sân Phần không gập tham Phần và Hoài Nghi
- Hoài Nghi không gập Hôn Phần.

## VI. KẾT LUẬN:

Cho nên trong phần Lý Pháp vừa trình bày trên. Ta thấy: Sở hữu tợ tha gập với Tâm hữu nhân dạng 6 và 5 Nhân. Sở hữu tịnh hảo gập 3, 2, hoặc 1 nhân. Còn sở hữu bất thiện gập 3, hay 2 nhân về phần kể chung, tức cũng có 2 nhân, 1 nhân theo riêng và Tâm Si không gập Nhân nào.

Như vậy, nói Nhân Sở Hữu Nhiếp là trình bày phần Pháp phân cách gom Tâm và sở hữu tương ứng với Nhân, gọi là Nhân – Sở Hữu Nhiếp. Hoặc là nói về những phần Pháp giúp cho Quả sanh ra gọi là Nhân. Nhân ở đây được kết hợp - cấu sanh - hiện khởi, phát sanh tương ứng giữa Tâm và sở hữu dạng gập mấy Nhân. Hay là gọi Nhân – Sở Hữu Nhiếp là trình bày phần cốt lõi Nhân tương ứng mà tìm xem Tâm và sở hữu gập dạng mấy Nhân tương ứng.

Hay nói cách khác:

*Hetūnaṃ bhedenā taṃ sampayuttānaṃ cittacetāsikakānaṃ saṅgaho = Hetu-cetasika-saṅgaho*: Phân cách gom Tâm và sở hữu tương ứng với Nhân, gọi là Nhân sở hữu nhiếp, nghĩa là phần chỉ bày Tâm và sở hữu gập Nhân mà có dạng bao nhiêu, hay Danh pháp gập dạng mấy Nhân tương ứng.

**BÀI 21:****CẢNH NHIẾP**  
**(ĀRAMMAṆASAṄGAHA)****I. ĐỊNH NGHĨA:**

- Ở đây, chữ **Cảnh**: Được dịch từ phạn ngữ *Pāli* "*Ārammaṇa*" có nghĩa là bám víu, dính mắc, đeo níu. Tàu gọi là sở tri, nghĩa là bị biết. Cảnh là tất cả Pháp, còn nói theo cách gọi là đối tượng, trên phương diện triết học thì đề cập Cảnh thường gọi là đề mục bởi liên quan đến những Tâm Thiền, nghĩa là làm Cảnh cho các thứ Tâm tu đến Thiền. Còn ý nghĩa dính mắc, bám víu, đeo níu là ám chỉ mà Tâm và Sở hữu dính vào, bám vào, đeo vào hay thỏa thích, đó là "*Ārammaṇa*": **Cảnh**.
- Cảnh: "*Ārammaṇa*" là Cảnh giới của lục căn như: Sắc, thính ...
- Cảnh: Dịch từ Phạn ngữ *Pāli* – "*Ārammaṇa*" có nghĩa là đối tượng, đề mục, sở tri của Biết (tức là sở tri của Tâm). Hay nói cách khác, những gì bị Tâm biết đều là Cảnh.
- Cảnh theo cách dẫn giải của Đại Trưởng Lão Tịnh Sự - (*Mahāthero Santakicco*) như sau:
  - **Cảnh** là phần sở tri của Tâm, tức là những chi bị Tâm "Biết" đặng đều là Cảnh (*Ārammaṇa*).
  - Cảnh được dịch theo Phật Học Đại Từ Điển, trang 2489 nói: "Tâm Chi Sở Du Lý Phàn Viên Dã Dị Chi Cảnh" có nghĩa là: Chỗ mà Tâm dạo, đeo, leo, níu, gọi là **Cảnh**.
  - Căn cứ theo Phật Học Đại Từ Điển gọi là Cảnh, cũng được dịch từ Phạn ngữ *Pāli* là: "*Viśaya*" và được *Pāli* chú giải về Cảnh như sau:
    - *Cittacetasihehi ālambiyatīti = Ālambanaṃ*: Bị Tâm và Sở hữu cầm, nắm, níu, quố - gọi là **Cảnh**.
    - *Cittacetasihe ālambanatīti = Ālambanaṃ*: Lôi cuốn Tâm và Sở hữu gọi là **Cảnh**.
- Nhiếp: Đã định nghĩa.
- Cảnh nhiếp (*Ārammaṇasaṅgaha*): Là lấy tất cả Pháp thành một Cảnh, khi chúng ta học về Cảnh nên phân biệt 2 phần rõ rệt:
  - \* Cảnh là tất cả Pháp.
  - \* Những Tâm và Sở hữu biết Cảnh.
 Hoặc là, thế nào là Cảnh nhiếp? Cảnh nhiếp hay Cảnh yếu hiệp là gồm tất cả Cảnh tính trên mỗi Cảnh có bao nhiêu Pháp và mỗi Cảnh có được bao nhiêu Tâm biết. Nên hiểu Cảnh nhiếp khi nói hẹp có 2, còn khi tính trên lục thức có 6, hay nói rộng có 21 được phân chia theo nhiều khía cạnh khác nhau:
  - 1 là trên phương diện tính Cảnh theo **6**: Cảnh sắc, cảnh thính, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc và cảnh pháp.
  - 2 là trên phương diện tính Cảnh theo **21**: Cảnh sắc, cảnh thính, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh ngữ, cảnh pháp, cảnh siêu lý, cảnh chế định, cảnh dục giới, cảnh đáo đại, cảnh níu bàn, cảnh danh pháp, cảnh sắc pháp, cảnh quá khứ, cảnh hiện tại, cảnh vị lai, cảnh ngoại thời, cảnh nội phần, cảnh ngoại phần, cảnh nội và ngoại phần.

## II. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP:

### A. Điều Pháp:

#### Cảnh phân 2:

- Cảnh là tất cả pháp: Tâm, sở hữu tâm, sắc pháp, níp bàn và chế định.
- Cảnh là bị những tâm và sở hữu biết: 121 thứ tâm + 52 sở hữu.

#### Cảnh phân 6: Là lấy những trạng thái thành cảnh mà tâm và sở hữu biết.

- Cảnh sắc, cảnh thính, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc và cảnh pháp.

#### Cảnh phân 21:

- Cảnh sắc, cảnh thính, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh ngũ, cảnh pháp, cảnh siêu lý, cảnh chế định, cảnh dục giới, cảnh đáo đại, cảnh níp bàn, cảnh danh pháp, cảnh sắc pháp, cảnh quá khứ, cảnh hiện tại, cảnh vị lai, cảnh ngoại thời, cảnh nội phần, cảnh ngoại phần, cảnh nội và ngoại phần.

### B. Chi Pháp:

- Trình bày trong phần cảnh rộng (21 cảnh), có 3 phần như sau:
  - a. Là cảnh có đặng bao nhiêu tâm.
  - b. Là tâm biết mấy cảnh.
  - c. Là sở hữu biết mấy cảnh.

#### a. Cảnh có đặng bao nhiêu Tâm:

##### 1. Cảnh Sắc (Rūparammaṇa):

- Cảnh sắc về nghĩa pháp tức là các màu, chỉ bày tương ứng với nhãn thức là tất cả màu.
- Về mặt chi pháp có 48 thứ Tâm biết:
  - Biết nhất định: Đôi nhãn thức (2) = 2 thứ Tâm.
  - Biết bất định: Tâm dục giới (trừ ngũ song thức (10)), tâm thông (2) = 46 thứ Tâm.
  - Số Tâm biết: 2 + 46 = 48 thứ Tâm.

##### 2. Cảnh Thính (Saddārammaṇa):

- Cảnh thính về mặt nghĩa pháp tức là các tiếng, chỉ bày tương ứng với nhĩ thức là tất cả tiếng.
- Về mặt chi pháp có 48 thứ Tâm biết:
  - Biết nhất định: Đôi nhĩ thức (2) = 2 thứ Tâm.
  - Biết bất định: Tâm dục giới (trừ ngũ song thức (10)), tâm Thông (2) = 46 thứ Tâm.
  - Số Tâm biết: 2 + 46 = 48 thứ Tâm.

##### 3. Cảnh Khí (Ghandhārammaṇa):

- Cảnh khí về mặt nghĩa pháp tức là các hơi hôi, thúi, thơm v.v... Chỉ bày tương ứng với tỷ thức là tất cả các mùi, hơi.
- Về mặt chi pháp có 48 thứ Tâm biết:

TĐ.  
13/1/13

- Biết nhất định: Đôi tỷ thức (2) = 2 thứ Tâm.
- Biết bất định: Tâm dục giới (trừ ngũ song thức (10)), tâm thông (2) = 46 thứ Tâm.
- Số Tâm biết:  $2 + 46 = 48$  thứ Tâm.

4. Cảnh Vị (Rasārammaṇa):

- Cảnh vị về mặt nghĩa pháp tức là cay, chua, mặn, lạt v.v... Chỉ bày tương ứng với thiết thức là tất cả vị ...
- Về mặt chi pháp có 48 thứ Tâm biết:
  - Biết nhất định: Đôi thiết thức (2) = 2 thứ Tâm.
  - Biết bất định: Tâm dục giới (trừ ngũ song thức (10)), tâm thông (2) = 46 thứ Tâm.
  - Số Tâm biết:  $2 + 46 = 48$  thứ Tâm.

5. Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa):

- Cảnh xúc về mặt nghĩa pháp tức là nóng, lạnh, cứng, mềm, dùn, thẳng và lay động. Chỉ bày tương ứng với thân thức là tất cả sự đụng, chạm ...
- Về mặt chi pháp có 48 thứ Tâm biết:
  - Biết nhất định: Đôi thân thức (2) = 2 thứ Tâm.
  - Biết bất định: Tâm dục giới (trừ ngũ song thức (10)), tâm thông (2) = 46 thứ Tâm.
  - Số Tâm biết:  $2 + 46 = 48$  thứ Tâm.

6. Cảnh Ngũ (Pañcārammaṇa):

- Cảnh ngũ về mặt nghĩa pháp tức là 5 Cảnh trên nói chung lại gọi là Cảnh Ngũ và vì là Cảnh của 5 căn nên thuộc phần hiện tại.
- Về mặt chi pháp có 46 thứ Tâm biết:
  - Biết nhất định: Ý giới (3) = 3 thứ Tâm.
  - Biết bất định: Tâm thông (2) và 41 tâm dục giới (trừ ngũ song thức) <sup>ý giới</sup> = 43 thứ Tâm.
  - Số Tâm biết:  $3 + 43 = 46$  thứ Tâm.

7. Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa):

- Cảnh pháp về mặt nghĩa pháp tức là ngoài ra Cảnh Ngũ đều gọi là Cảnh Pháp. Cảnh Pháp tương ứng với ý thức giới là tất cả Pháp trừ Cảnh Ngũ,
- Về mặt chi pháp có 110 thứ Tâm biết:
  - Biết nhất định: 67 thứ Tâm-Thiền = 67 thứ Tâm.
  - Biết bất định: Tâm Thông (2) và 41 tâm dục giới (trừ ngũ song thức) <sup>ý giới</sup> = 43 thứ Tâm.
  - Số Tâm biết:  $67 + 43 = 110$  thứ Tâm.

8. Cảnh Siêu Lý (Paramatthārammaṇa):

- Cảnh siêu lý về mặt nghĩa pháp tức là Tâm, Sở hữu, Sắc pháp, Níp bàn đây là chỉ bày Cảnh mà thuộc về trạng thái bản thể thật, không thay đổi tính chất vô thường của nó theo thời gian và không gian.
- Về mặt chi pháp có 102 thứ Tâm biết:
  - Biết nhất định: Tâm Siêu thể (40), Tâm Thức vô biên (3), Tâm Phi tướng phi phi tướng (3), Tâm Đại quả (8) và Tâm Vô nhân (17 - đã trừ Khai ý môn) = 71 thứ Tâm.

(T' Vô Biên 3)

- Biết bất định: Tâm Bất thiện (12), Tâm Khai ý môn (1), Tâm Đại thiện (8), Tâm Đại tổ (8), Tâm Thông (2) = 31 thứ tâm.
- Số Tâm biết:  $71 + 31 = 102$  thứ Tâm.

9. Cảnh Chế Định (Paññattīrammaṇa):

- Cảnh chế định về mặt nghĩa pháp là ngoài ra Tâm, Sở hữu, Sắc pháp và Níp bàn, tức là chúng sanh, vũ trụ và sự vật v.v... Vậy Cảnh chế định hay Cảnh tục đế là chỉ bày trạng thái chế định do mượn bản thể siêu lý mà chế biến, định đặt ra tùy theo từng trường hợp. Cảnh chế định là nêu bày cảnh giả tạo nương theo siêu lý hay chơn đế mà định đặt chỗ không có thật.
- Về mặt chi pháp có 52 thứ Tâm biết:
  - Biết nhất định: Tâm sắc giới (15), Tâm Không vô biên (3), Tâm Vô sở hữu (3) = 21 thứ Tâm.
  - Biết bất định: Đồng lực dục giới hữu nhân (28), Tâm Khai ý môn (1), Tâm Thông (2) = 31 thứ Tâm.
  - Số Tâm biết:  $21 + 31 = 52$  thứ Tâm biết.

10. Cảnh Dục Giới (Kammārammaṇa):

- Cảnh dục giới về mặt nghĩa pháp tức là Tâm dục giới, Sở hữu hợp và Sắc pháp. Hay là 54 thứ Tâm dục giới, 52 sở hữu, 28 sắc pháp - hợp thành làm cảnh, nên cảnh này gọi là Cảnh dục giới.
- Về mặt chi pháp có 56 thứ Tâm biết:
  - Biết nhất định: Tâm đại quả (8), Tâm Vô nhân (17 – đã trừ tâm khai ý môn) = 25 thứ Tâm.
  - Biết bất định: Tâm thông (2), Tâm đại thiện (8), Tâm đại tổ (8), Tâm bất thiện (12) và Tâm khai ý môn = 31 thứ Tâm.
  - Số Tâm biết:  $25 + 31 = 56$  thứ Tâm biết.

11. Cảnh Đáo Đại (Mahagghatārammaṇa):

- Cảnh đáo đại về mặt nghĩa pháp tức là Tâm sắc giới, Tâm vô sắc giới và sở hữu hợp, chỉ bày cảnh thiền rộng lớn, là Tâm trụ để mục đặng rất lâu.
- Về mặt chi pháp có 37 thứ Tâm biết:
  - Biết nhất định: Tâm Thức vô biên (3), Tâm Phi tưởng phi phi tưởng (3) = 6 thứ Tâm.
  - Biết bất định: Đồng lực dục giới hữu nhân (28), Tâm khai ý môn (1), tâm thông (2) = 31 thứ Tâm.
  - Số Tâm biết:  $6 + 31 = 37$  thứ Tâm biết.

12. Cảnh Níp Bàn (Nibbānārammaṇa):

- Cảnh níp bàn về mặt nghĩa pháp tức là Níp Bàn, đây chỉ bày Níp bàn làm cảnh khi có Tâm biết (tâm đạo và tâm quả siêu thế), hay là trạng thái tự nhiên, vắng lặng, an vui tuyệt đối, cảnh Níp bàn là đối tượng ngoài ngũ uẩn, ngoài tam giới, ngoài hạn cuộc thế gian không còn một pháp hữu vi nào dư sót.
- Về mặt chi pháp có 51 thứ Tâm biết:
  - Biết nhất định: Tâm siêu thế (40) = 40 thứ Tâm.
  - Biết bất định: Tâm đại thiện, Tâm đại tổ tương ứng (8), Tâm khai ý môn (1), tâm thông (2) = 11 thứ Tâm.

- Số Tâm biết:  $40 + 11 = 51$  thứ Tâm biết.

**13. Cảnh Danh Pháp (Nāmarammaṇa):**

- Cảnh danh pháp về mặt nghĩa pháp tức là Tâm, Sở hữu và Níp bàn.
- Về mặt chi pháp có 89 thứ Tâm biết:
  - Biết nhất định: Tâm Siêu thế (40), Tâm Thức vô biên (3), Tâm Phi tưởng phi phi tưởng (3) = 46 thứ Tâm.
  - Biết bất định: Tâm thông (2), Tâm Dục giới (41 – đã trừ ngũ song thức và ý giới) = 43 thứ Tâm.
  - Số Tâm biết:  $46 + 43 = 89$  thứ Tâm biết.

**14. Cảnh Sắc Pháp (Rūparammaṇa):**

- Cảnh sắc pháp về mặt nghĩa pháp tức là 28 thứ Sắc pháp làm Cảnh.
- Về mặt chi pháp có 56 thứ Tâm biết:
  - Biết nhất định: Ngũ song thức (10), ý giới (3) = 13 thứ Tâm.
  - Biết bất định: Tâm Thông (2), Tâm Dục giới (41 – đã trừ ngũ song thức và ý giới) = 43 thứ Tâm.
  - Số Tâm biết:  $13 + 43 = 56$  thứ Tâm biết.

**15. Cảnh Quá Khứ (Atītārammaṇa):**

- Cảnh quá khứ về mặt nghĩa pháp tức là Tâm, Sở hữu, Sắc pháp đã diệt hay là những cảnh đã diệt đối với Tâm biết Cảnh đó, hoặc là Tâm, sở hữu, sắc pháp đã qua (pháp hữu vi đã diệt) nay làm cảnh hay đối tượng.
- Về mặt chi pháp có 49 thứ Tâm biết:
  - Biết nhất định: Tâm Thức vô biên (3), Tâm Phi tưởng phi phi tưởng (3) = 6 thứ Tâm.
  - Biết bất định: Tâm thông (2), Tâm Dục giới (41 – đã trừ ngũ song thức và ý giới) = 43 thứ Tâm.
  - Số Tâm biết:  $6 + 43 = 49$  thứ Tâm biết.

**16. Cảnh Hiện Tại (Paccupannārammaṇa):**

- Cảnh hiện tại về mặt nghĩa pháp là Tâm, Sở hữu và Sắc pháp đang sanh đang còn, tức có mặt đối với Tâm biết (Cảnh) ngay trong thời hiện tại (tức chỉ ngay sát na hiện tại đang còn).
- Về mặt chi pháp có 56 thứ Tâm biết:
  - Biết nhất định: Tâm ngũ song thức (10), ý giới (3) = 13 thứ Tâm.
  - Biết bất định: Tâm thông (2), Tâm Dục giới (41 – đã trừ ngũ song thức và ý giới) = 43 thứ Tâm.
  - Số Tâm biết:  $13 + 43 = 56$  thứ Tâm biết.

**17. Cảnh Vị Lai (Anāgatārammaṇa):**

- Cảnh vị lai về mặt nghĩa pháp tức Tâm, Sở hữu và Sắc pháp sẽ sanh, hay là những Cảnh chưa đến đối với Tâm biết Cảnh đó, pháp hữu vi chưa sanh hay sẽ sanh, mà làm đối tượng cho Tâm biết thời vị lai.
- Về mặt chi pháp có 43 thứ Tâm biết:
  - Biết nhất định: Không có.
  - Biết bất định: Tâm Thông (2), Tâm Dục giới (41 – đã trừ ngũ song thức và ý giới) = 43 thứ Tâm.
  - Số Tâm biết:  $0 + 43 = 43$  thứ Tâm biết.

**18. Cảnh Ngoại Thời (*Kālavimuttīrammaṇa*):**

- Cảnh ngoại thời về mặt nghĩa pháp tức là Níp bàn và Chế định. Vì Níp bàn không sanh diệt, còn chế định chẳng phải sanh diệt nghĩa là hai cảnh này Níp bàn và chế định chẳng phải thật sanh diệt. Nên khi Tâm biết Cảnh này không thể so sánh được cảnh đó đã qua, đang còn hay chưa đến đối với Tâm. Vì vậy cảnh đó mới được gọi là ngoại thời. Hoặc gọi cảnh ngoại thời vì nghĩa là vượt ngoài thời gian không bị khống chế sự sanh diệt, cho nên níp bàn và chế định nằm trong nghĩa lý ấy.
- Về mặt chi pháp có 92 thứ Tâm biết:
  - Biết nhất định: Tâm Siêu thế (40), Tâm Không vô biên (3), Tâm Vô sở hữu (3), tâm sắc giới (15) = 61 thứ Tâm.
  - Biết bất định: Đồng lực dục giới hữu nhân (28), Tâm khai ý (1), Tâm Thông (2), = 31 thứ Tâm.
  - Số Tâm biết:  $61 + 31 = 92$  thứ Tâm.

**19. Cảnh Nội Phần (*Ajjhattārammaṇa*):**

- Cảnh nội phần về mặt nghĩa pháp tức là Tâm, Sở hữu và Sắc pháp sanh theo Thân Tâm ta (nội Thân).
- Về mặt chi pháp có 62 thứ Tâm biết:
  - Biết nhất định: Tâm Thức vô biên (3), Tâm Phi tưởng phi phi tưởng (3) = 6 thứ Tâm.
  - Biết bất định: Tâm Thông (2), Tâm Dục giới (54) = 56 thứ Tâm.
  - Số Tâm biết:  $6 + 56 = 62$  thứ Tâm biết.

**20. Cảnh Ngoại Phần (*Bahiddhārammaṇa*):**

- Cảnh ngoại phần về mặt nghĩa pháp tức là Tâm, Sở hữu, sắc pháp và Níp bàn đang sanh ngoài Thân Tâm ta (ngoại Thân).
- Về mặt chi pháp có 114 thứ Tâm biết:
  - Biết nhất định: Tâm Siêu thế (40), Tâm Sắc giới (15), Tâm Không vô biên (3) = 58 thứ Tâm.
  - Biết bất định: Tâm thông (2), Tâm Dục giới (54) = 56 thứ Tâm.
  - Số Tâm biết:  $58 + 56 = 114$  thứ Tâm biết.

**21. Cảnh Nội và Ngoại Phần (*Ajjhattabahiddhārammaṇa*):**

- Cảnh nội phần và ngoại về mặt nghĩa pháp tức là Cảnh Nội phần và cảnh Ngoại phần gồm chung, nói chung lại gọi là Cảnh nội và ngoại phần chứ không có cảnh riêng.
- Về mặt chi pháp có 56 thứ Tâm biết:
  - Biết nhất định: Không có.
  - Biết bất định: Tâm Thông (2), Tâm Dục giới (54) = 56 thứ Tâm.
  - Số Tâm biết:  $0 + 56 = 56$  thứ Tâm biết.

**Bảng gom dón gọn Cảnh đặng bao nhiêu Tâm biết:**

<i>Cảnh:</i>	<i>Số Tâm biết:</i>
1. Cảnh sắc	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: Đôi nhãn thức.</li> <li>• Bất định: Tâm dục giới (trừ ngũ song thức (10)), Tâm thông (2).</li> <li>• Số Tâm: <math>2 + 46 = 48</math>.</li> </ul>
2. Cảnh thính	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: Đôi nhĩ thức.</li> <li>• Bất định: Tâm dục giới (trừ ngũ song thức (10)), Tâm thông (2).</li> <li>• Số Tâm: <math>2 + 46 = 48</math>.</li> </ul>
3. Cảnh khí	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: Đôi tỷ thức.</li> <li>• Bất định: Tâm dục giới (trừ ngũ song thức (10)), Tâm thông (2).</li> <li>• Số Tâm: <math>2 + 46 = 48</math>.</li> </ul>
4. Cảnh vị	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: Đôi thiệt thức.</li> <li>• Bất định: Tâm dục giới (trừ ngũ song thức (10)), Tâm thông (2).</li> <li>• Số Tâm: <math>2 + 46 = 48</math>.</li> </ul>
5. Cảnh xúc	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: Đôi thân thức.</li> <li>• Bất định: Tâm dục giới (trừ ngũ song thức (10)), Tâm thông (2).</li> <li>• Số Tâm: <math>2 + 46 = 48</math>.</li> </ul>
6. Cảnh ngũ	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: Ý giới.</li> <li>• Bất định: Tâm thông (2) và 41 Tâm dục giới (trừ ngũ song thức và ý giới)</li> <li>• Số Tâm: <math>3 + 43 = 46</math></li> </ul>
7. Cảnh pháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: 67 thứ Tâm Thiên.</li> <li>• Bất định: Tâm Thông (2) và 41 Tâm dục giới (trừ ngũ song thức và ý giới).</li> <li>• Số Tâm: <math>67 + 43 = 110</math>.</li> </ul>
8. Cảnh siêu lý	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: Tâm Siêu thế (40), Tâm Thức vô biên (3), Tâm Phi tướng phi phi tướng (3), Đại quả (8) và Tâm vô nhân (17 - đã trừ khai ý môn).</li> <li>• Bất định: Tâm bất thiện (12), khai ý môn (1), đại thiện (8), đại tố (8), Tâm thông (2).</li> <li>• Số Tâm: <math>71 + 31 = 102</math>.</li> </ul>
9. Cảnh chế định	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: Tâm sắc giới (15), Tâm không vô biên (3), Tâm vô sở hữu (3).</li> <li>• Bất định: Đồng lực dục giới hữu nhân (28), khai ý môn (1), tâm thông (2).</li> <li>• Số Tâm: <math>21 + 31 = 52</math>.</li> </ul>

10. Cảnh dục giới	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: Đại quả (8), Tâm vô nhân (17 – đã trừ khai ý môn).</li> <li>• Bất định: Tâm thông (2), Đại thiện (8), Đại tổ (8), Bất thiện (12) và Khai ý môn.</li> <li>• Số Tâm: <math>25 + 31 = 56</math>.</li> </ul>
11. Cảnh đảo đại	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: Thức vô biên (3), Phi tướng phi phi tướng (3).</li> <li>• Bất định: Đồng lực dục giới hữu nhân (28), khai ý môn (1), tâm thông (2).</li> <li>• Số Tâm: <math>6 + 31 = 37</math>.</li> </ul>
12. Cảnh Níp bàn	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: Tâm siêu thế (40).</li> <li>• Bất định: Đại thiện, Đại tổ tương ứng (8), khai ý môn (1), tâm thông (2).</li> <li>• Số Tâm: <math>40 + 11 = 51</math>.</li> </ul>
13. Cảnh danh pháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: Tâm siêu thế (40), thức vô biên (3), phi tướng phi phi tướng (3).</li> <li>• Bất định: Tâm thông (2), tâm dục giới (41 – đã trừ ngũ song thức và ý giới).</li> <li>• Số Tâm: <math>46 + 43 = 89</math>.</li> </ul>
14. Cảnh sắc pháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: Tâm ngũ song thức (10), ý giới (3).</li> <li>• Bất định: Tâm thông (2), tâm dục giới (41 – đã trừ ngũ song thức và ý giới).</li> <li>• Số Tâm: <math>13 + 43 = 56</math>.</li> </ul>
15. Cảnh quá khứ	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: Tâm thức vô biên (3), tâm phi tướng phi phi tướng (3).</li> <li>• Bất định: Tâm thông (2), tâm dục giới (41 – đã trừ ngũ song thức và ý giới).</li> <li>• Số Tâm: <math>6 + 43 = 49</math>.</li> </ul>
16. Cảnh hiện tại	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: Tâm ngũ song thức (10), ý giới (3).</li> <li>• Bất định: Tâm thông (2), tâm dục giới (41 – đã trừ ngũ song thức và ý giới).</li> <li>• Số Tâm: <math>13 + 43 = 56</math>.</li> </ul>
17. Cảnh vị lai	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: Không có.</li> <li>• Bất định: Tâm thông (2), tâm dục giới (41 – đã trừ ngũ song thức và ý giới).</li> <li>• Số Tâm: <math>0 + 43 = 43</math>.</li> </ul>
18. Cảnh ngoại thời	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: Tâm siêu thế (40), không vô biên (3), vô sở hữu (3), tâm sắc giới (15).</li> <li>• Bất định: Đồng lực dục giới hữu nhân (28), khai ý (1), tâm thông (2).</li> <li>• Số Tâm: <math>61 + 31 = 92</math>.</li> </ul>
19. Cảnh nội phần	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: Tâm thức vô biên (3), phi tướng phi phi tướng (3).</li> <li>• Bất định: Tâm thông (2), dục giới (54).</li> <li>• Số Tâm: <math>6 + 56 = 62</math>.</li> </ul>

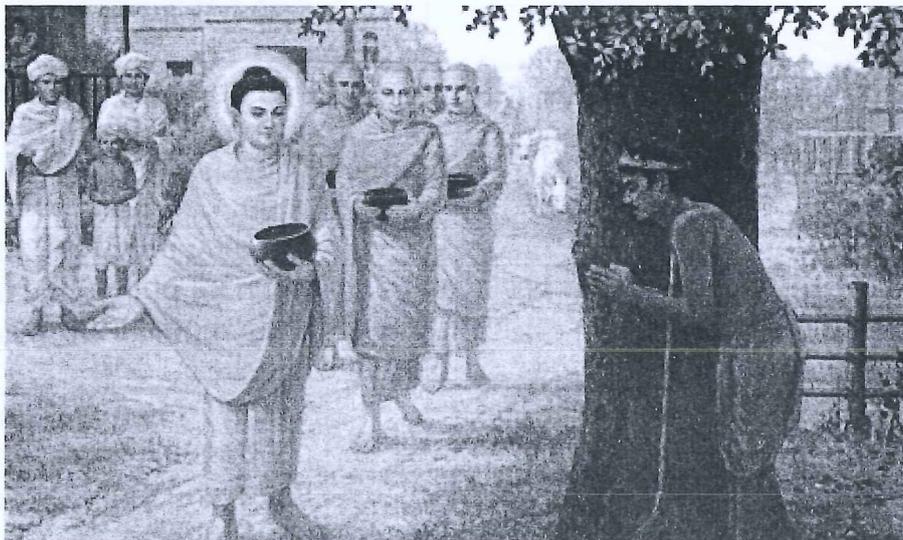
20. Cảnh ngoại phần	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: Tâm siêu thế (40), sắc giới (15), không vô biên (3).</li> <li>• Bất định: Tâm thông (2), Dục giới (54).</li> <li>• Số Tâm: <math>58 + 56 = 114</math></li> </ul>
21. Cảnh nội và ngoại phần.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: Không có.</li> <li>• Bất định: Tâm thông (2), Dục giới (54).</li> <li>• Số Tâm: <math>0 + 56 = 56</math></li> </ul>

**b. Tâm Biết Mấy Cảnh:**

<i>Các thứ Tâm biết:</i>	<i>Cảnh:</i>	<i>Chú thích:</i>
➤ Tâm thông (2), tâm khai ý (1), tâm đại thiện và đại tố tương ứng (8) = 11	21	Biết đặng 21 Cảnh Tùy trường hợp.
➤ Tâm bất thiện (12), tâm đại thiện và đại tố bất tương ứng = 20	20	Trừ Đạo Quả và Níp bàn.
➤ Tâm na cảnh và tâm tiểu sinh = 12	17	Trừ Cảnh Níp bàn, Đáo Đại, Chế định và Ngoại thời.
➤ Tâm ý giới = 3	13	Biết 13 Cảnh là: Sắc, thính, khí, vị, xúc, cảnh ngũ, siêu lý, dục giới, sắc pháp, hiện tại, nội phần, ngoại phần, nội và ngoại phần.
➤ Tâm Ngũ song thức = 10	8	Cảnh sắc, hiện tại, dục giới, siêu lý, sắc pháp, nội phần, ngoại phần, nội và ngoại phần. Còn sắc, thính, khí, vị, xúc theo mỗi đôi thức.
➤ Tâm siêu thế = 40	6	Níp bàn, pháp, siêu lý, danh pháp, ngoại thời, ngoại phần.
➤ Tâm thức vô biên, tâm phi tướng phi phi tướng = 6	6	Siêu lý, đáo đại, pháp, danh pháp, quá khứ và nội phần.
➤ Tâm sắc giới, tâm không vô biên = 18	4	Pháp, chế định, ngoại thời, ngoại phần.
➤ Tâm vô sở hữu = 3	3	Pháp, chế định, ngoại thời.

**c. Sở Hữu Biết Mấy Cảnh:**

<i>Sở hữu:</i>	<i>Cảnh:</i>	<i>Chú thích:</i>
Sở hữu tột	Biết Cảnh ngoại phần nhất định	Còn 19 Cảnh kia bất định. Không biết Đạo quả níp bàn.
13 thứ sở hữu bất thiện (ngoài Tật)	Biết 20 Cảnh bất định	Trừ Cảnh đạo quả Níp bàn.
Sở hữu ngăn trừ phần	Biết Cảnh siêu lý nhất định	Còn 19 Cảnh kia (trừ quả khứ) không nhất định.
Bi, tùy hỷ	Biết Cảnh pháp, chế định, ngoại thời, ngoại phần nhất định.	Còn 33 sở hữu ngoài ra biết 21 Cảnh bất định.



### **III. BẢNG NÊU**

**Phần Bảng Nêu Phân Ra 3 Phần:**

- ❖ **Cảnh Có Bao Nhiêu Tâm.**
- ❖ **Tâm Biết Đặng Bao Nhiêu Cảnh.**
- ❖ **Sở Hữu Biết Được Bao Nhiêu Cảnh.**

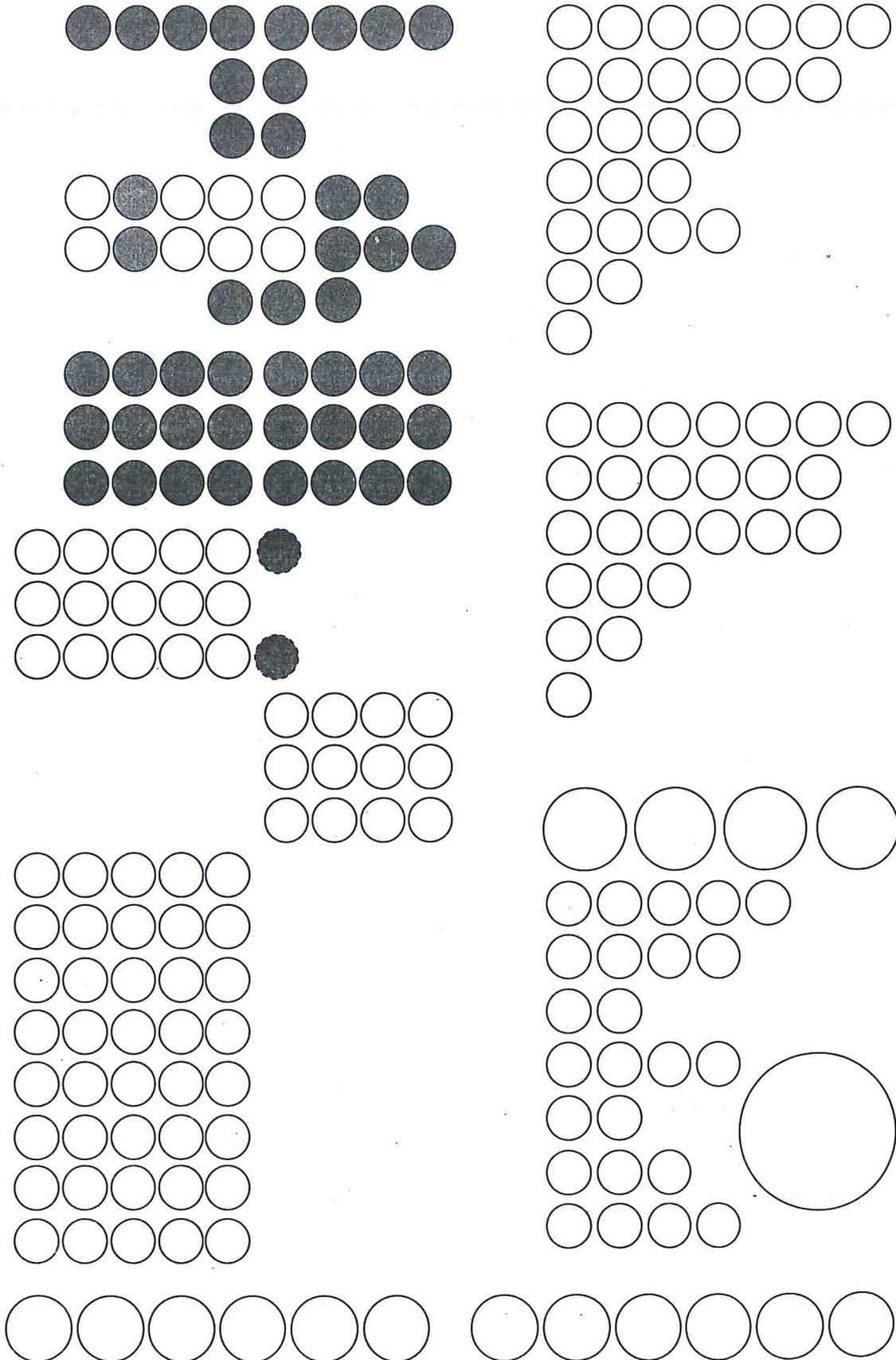
**❖ Phần thứ nhất: Cảnh Có Bao Nhiêu Tâm.**

**1. Cảnh Sắc:** Biết Nhất định: Đôi nhãn thức. – Biết Bất định: Tâm dục giới (trừ ngũ song thức (10)), Tâm thông (2). Số Tâm:  $2 + 46 = 48$ .

**Chú Thích:**

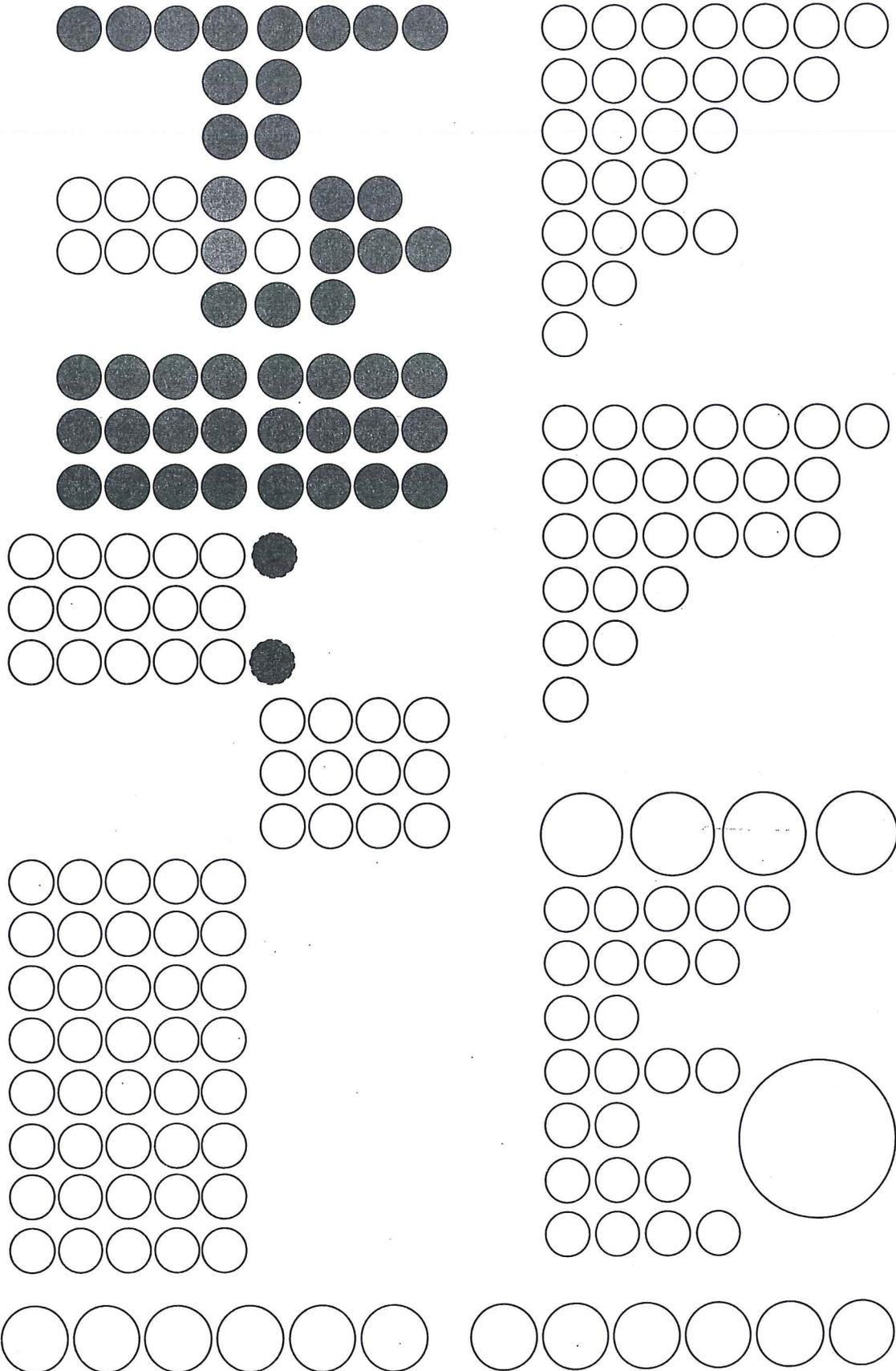
- Vòng tròn màu xanh Lục là thứ Tâm biết **Nhất Định**.
- Vòng tròn màu Xanh Dương là thứ Tâm biết **Bất Định**.

**2. Cảnh Thịnh:** Biết Nhất định: Đôi nhĩ thức. Biết Bất định: Tâm dục giới (trừ ngũ song thức (10)), Tâm thông (2). Số Tâm:  $2 + 46 = 48$ .

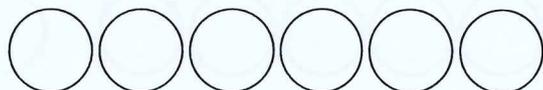
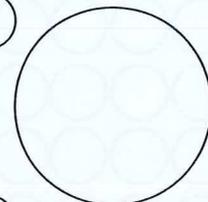
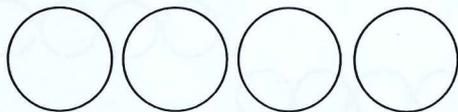
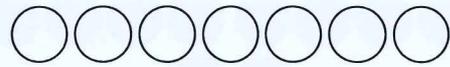
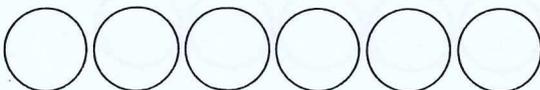
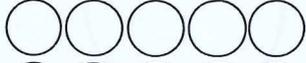
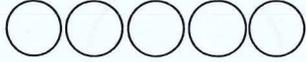
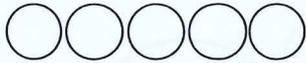
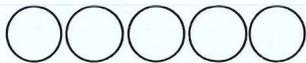
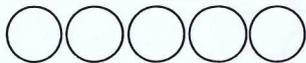
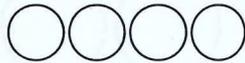
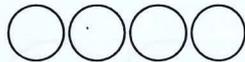
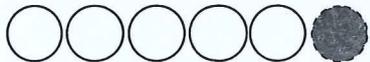
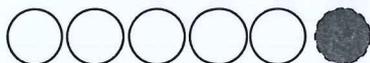
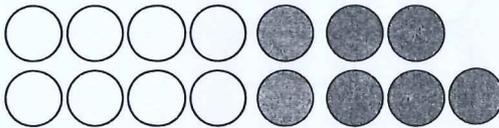




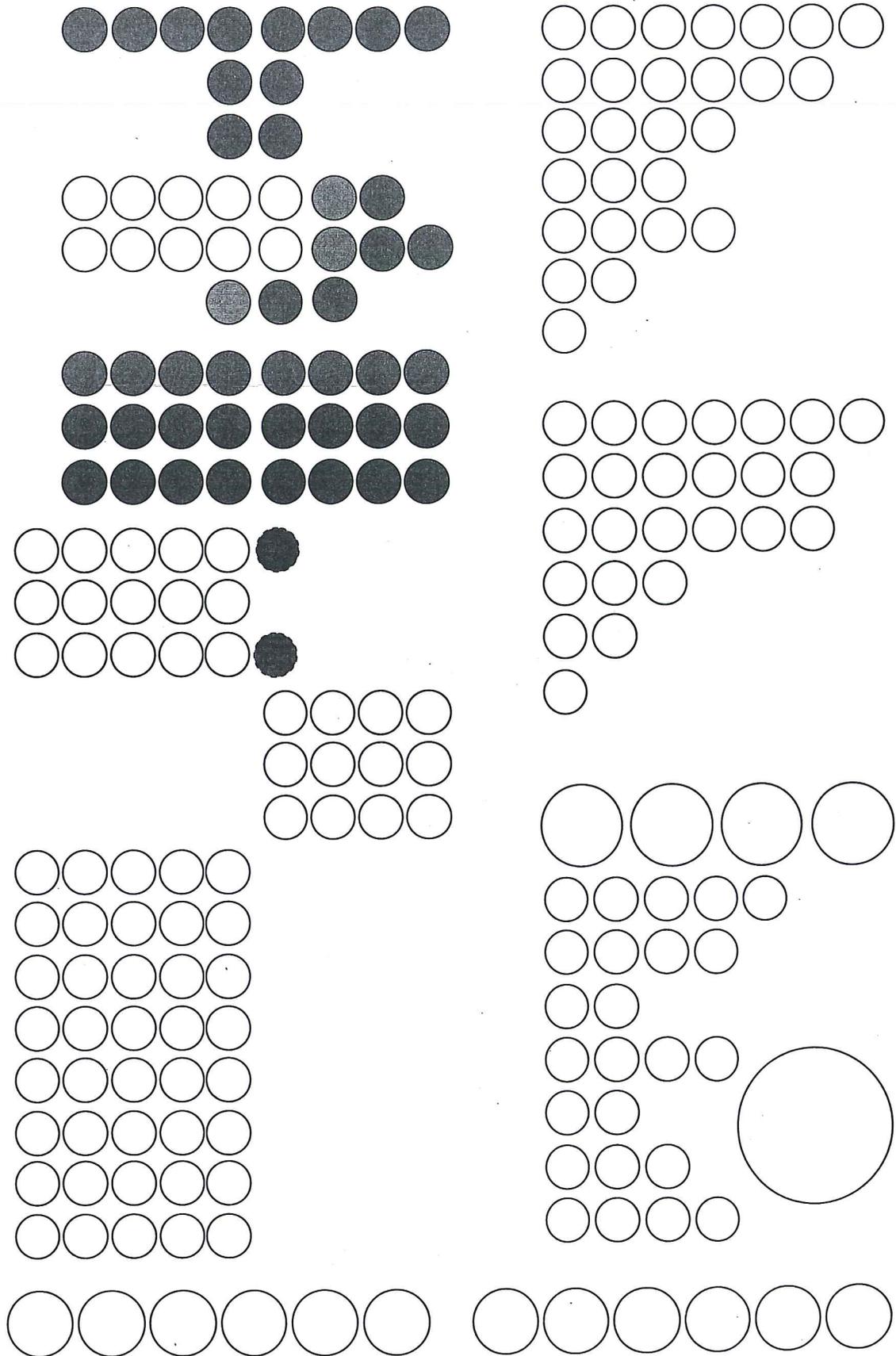
**4. Cảnh Vị:** Biết Nhất định: Đôi thiết thức; Biết Bất định: Tâm dục giới (trừ ngũ song thức (10)), Tâm thông (2). Số Tâm:  $2 + 46 = 48$ .



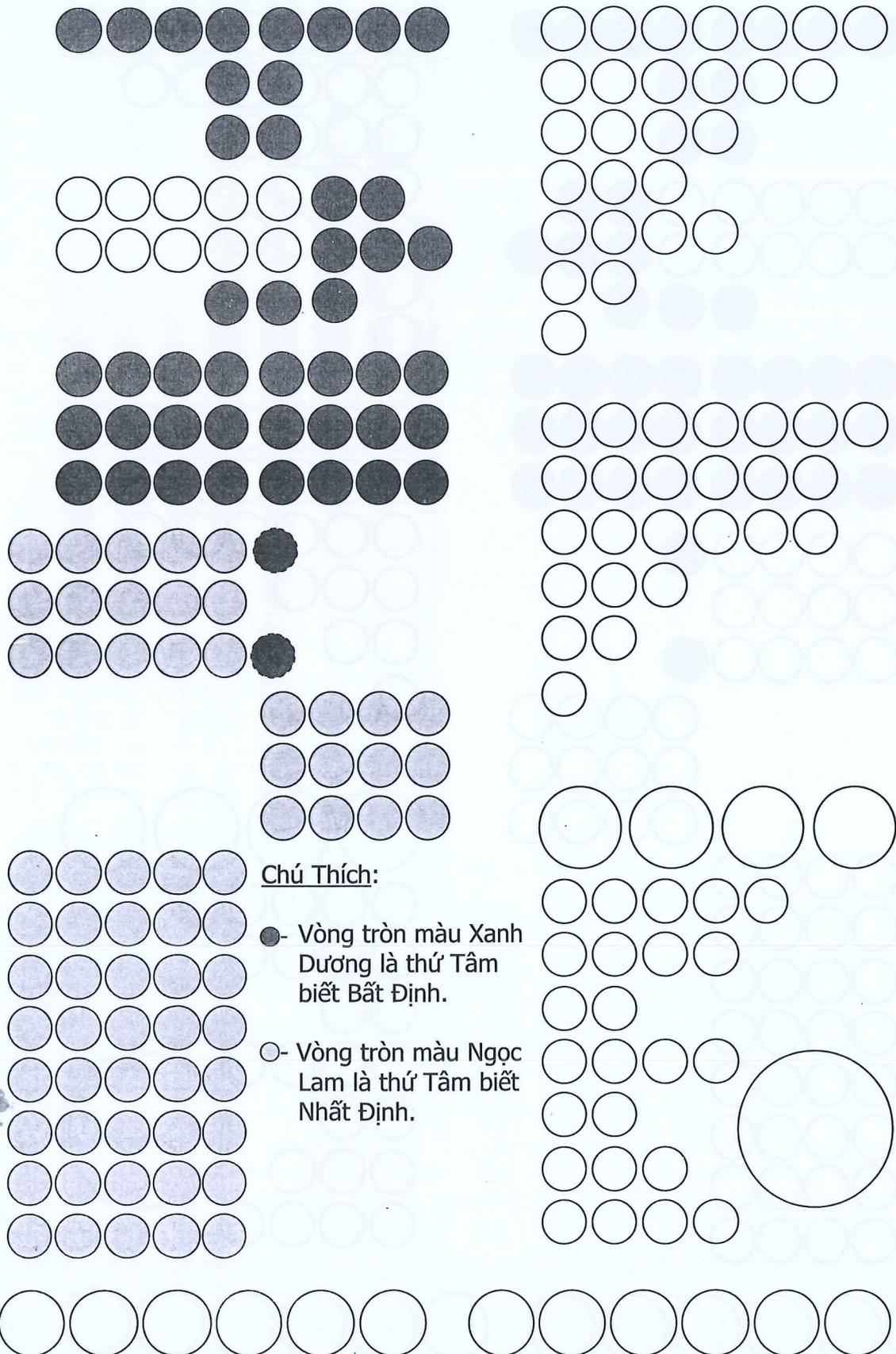
5. **Cảnh Xúc:** Biết Nhất định: Đôi thân thức - Biết Bất định: Tâm dục giới (trừ ngũ song thức (10)), Tâm thông (2). Số Tâm:  $2 + 46 = 48$ .



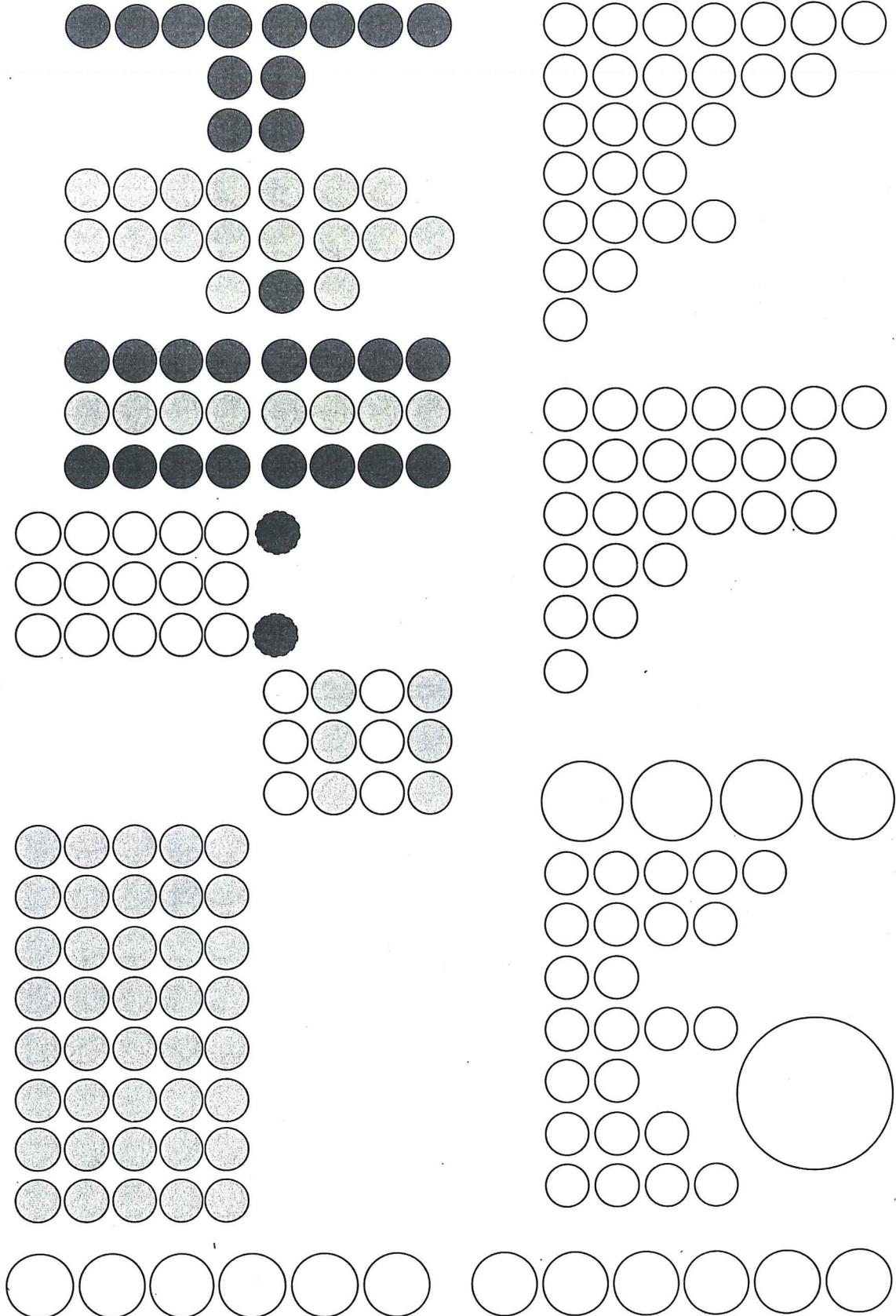
**6. Cảnh Ngũ:** Biết Nhất định: Ý giới. - Biết Bất định: Tâm thông (2) và 41 Tâm dục giới (trừ ngũ song thức) - Số Tâm:  $3 + 43 = 46$



**7. Cảnh Pháp:** Biết Nhất định: 67 thứ Tâm Thiên. - Biết Bất định: Tâm Thông (2) và 41 Tâm dục giới (trừ ngũ song thức và ý giới). - Số Tâm: 67 + 43 = 110.

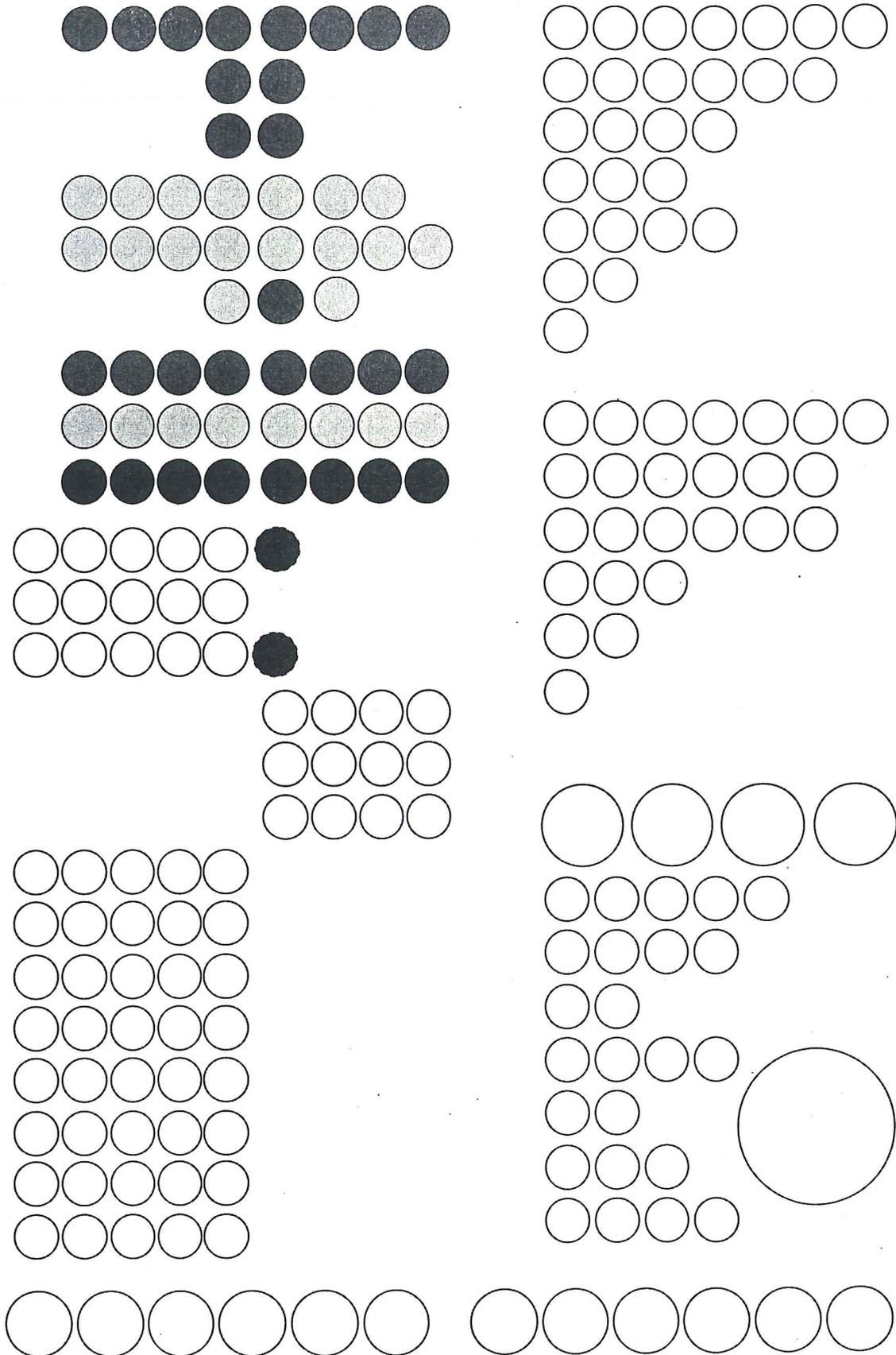


**8. Cảnh Siêu Lý:** Biết nhất định: Tâm siêu thế (40), Tâm thức vô biên (3), Tâm phi tưởng phi phi tưởng (3), đại quả (8) và Tâm vô nhân (17 - đã trừ khai ý môn) = 71 thứ Tâm. - Biết bất định: Tâm bất thiện (12), khai ý môn (1), đại thiện (8), đại tố (8), Tâm thông (2) = 31 thứ tâm.

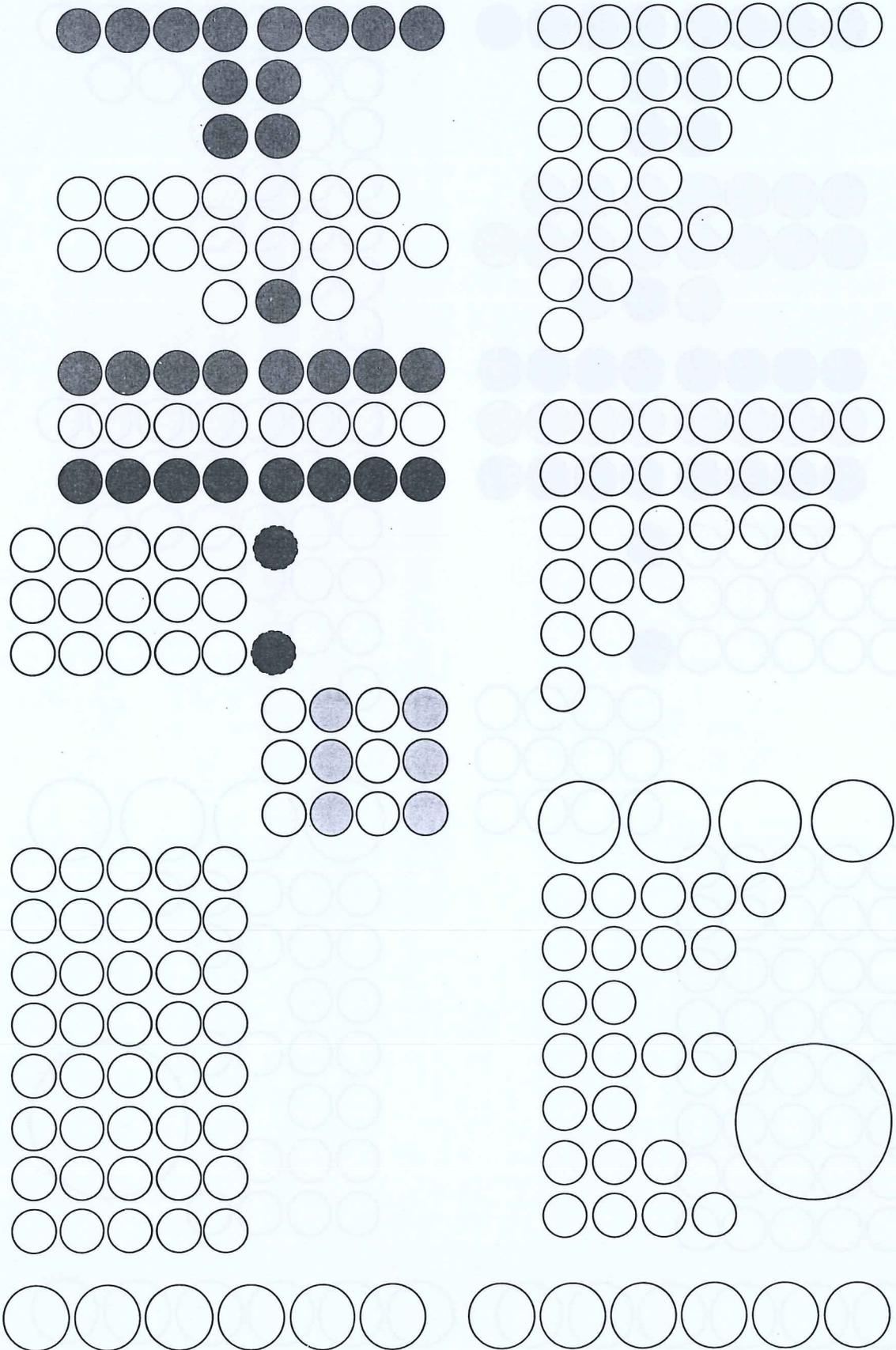




**10. Cảnh Dục Giới:** Biết nhất định: Đại quả (8), tâm vô nhân (17 – đã trừ khai ý môn) = 25 thứ Tâm. - Biết bất định: Tâm thông (2), đại thiện (8), đại tử (8), bất thiện (12) và khai ý môn = 31 thứ Tâm. - Số Tâm biết: 25 + 31 = 56 thứ Tâm biết.

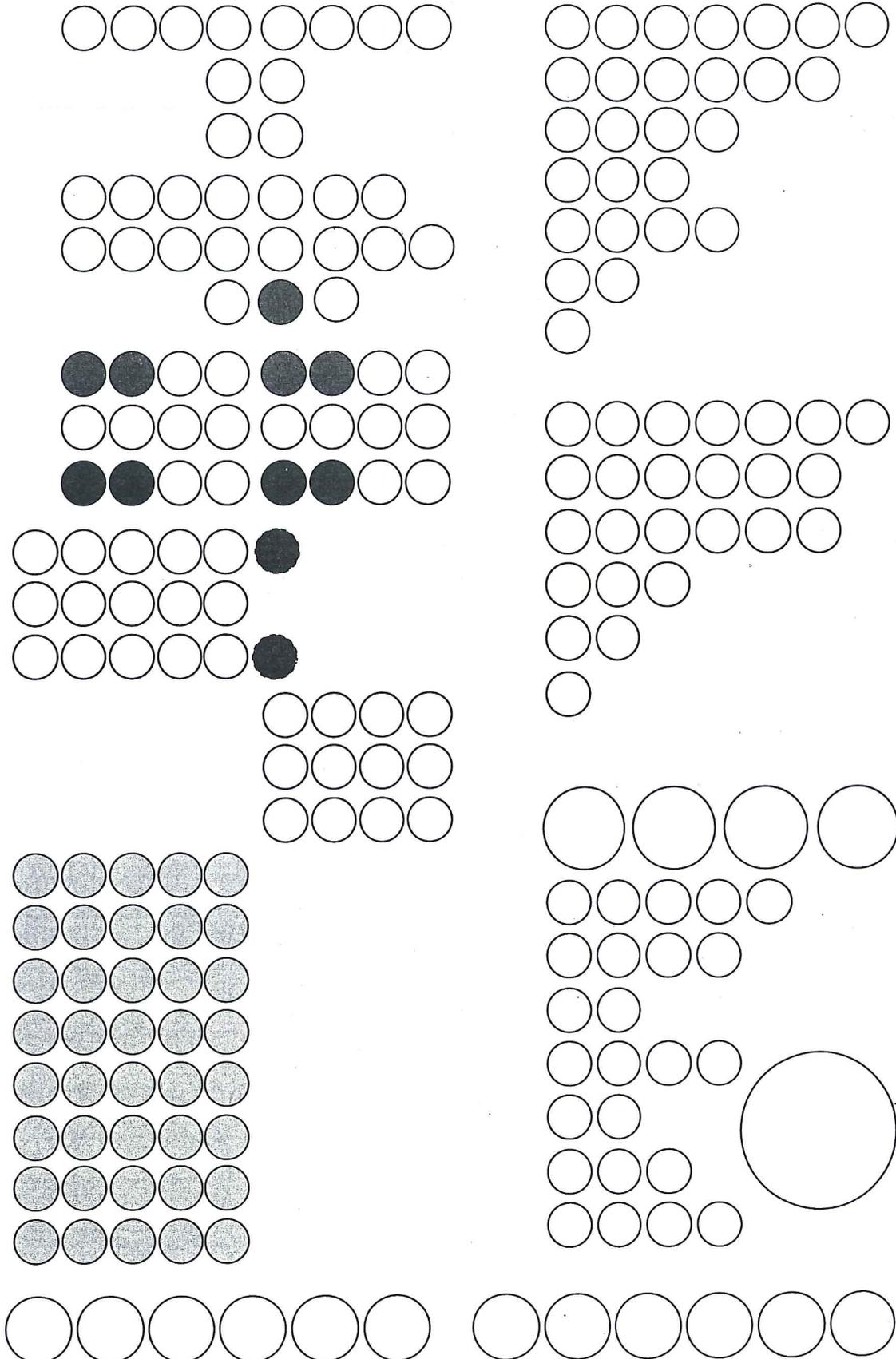


**11. Cảnh Đáo Đại:** Biết nhất định: Thứ vô biên (3), phi tướng phi phi tướng (3) = 6 thứ Tâm. - Biết bất định: Đồng lực dục giới hữu nhân (28), khai ý môn (1), tâm thông (2) = 31 thứ Tâm. - Số Tâm biết: 6 + 31 = 37 thứ Tâm biết.

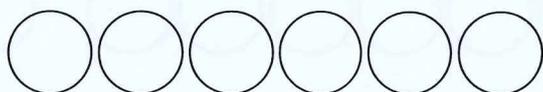
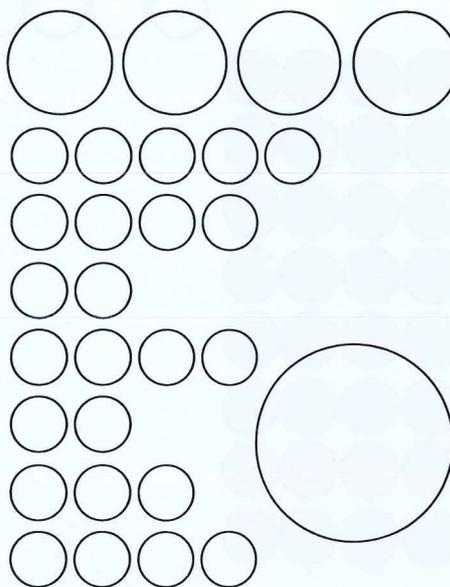
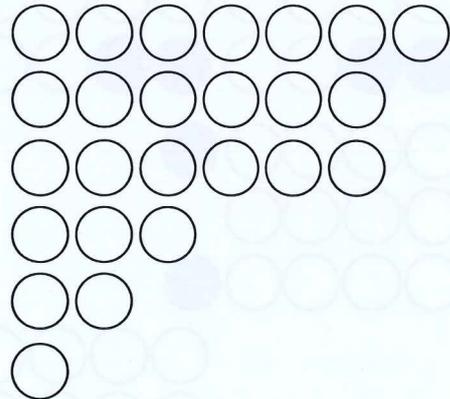
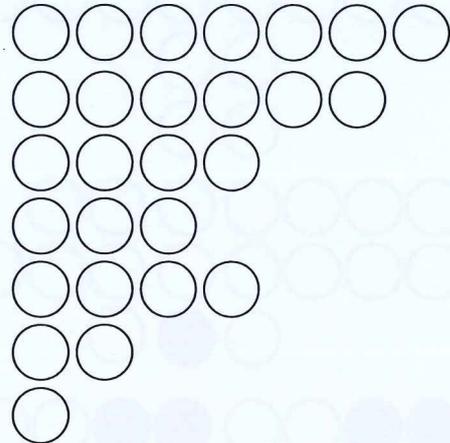
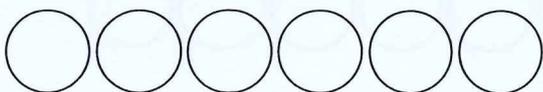
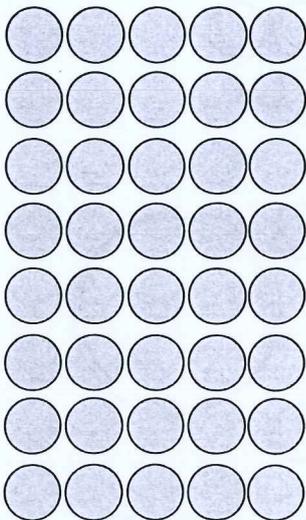
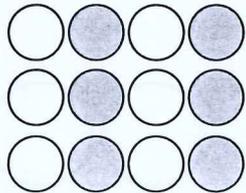
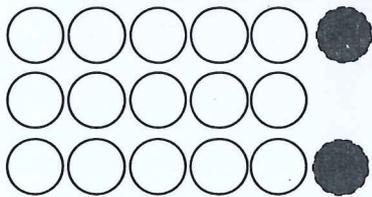
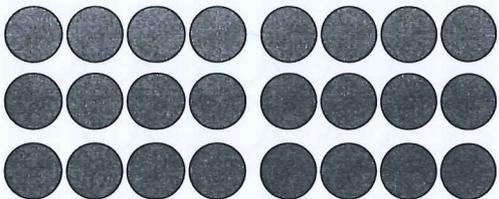
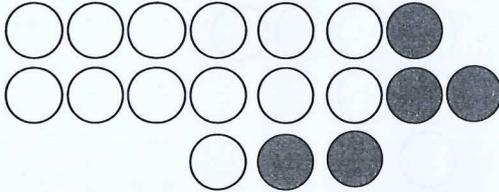
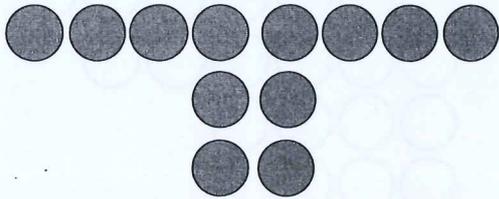


**12. Cảnh Níp Bàn:** Biết nhất định: Tâm siêu thế (40) = 40 thứ Tâm.

Biết bất định: Đại thiện, Đại tố tương ứng (8), khai ý môn (1), tâm thông (2) = 11 thứ Tâm. Số Tâm biết:  $40 + 11 = 51$  thứ Tâm biết.

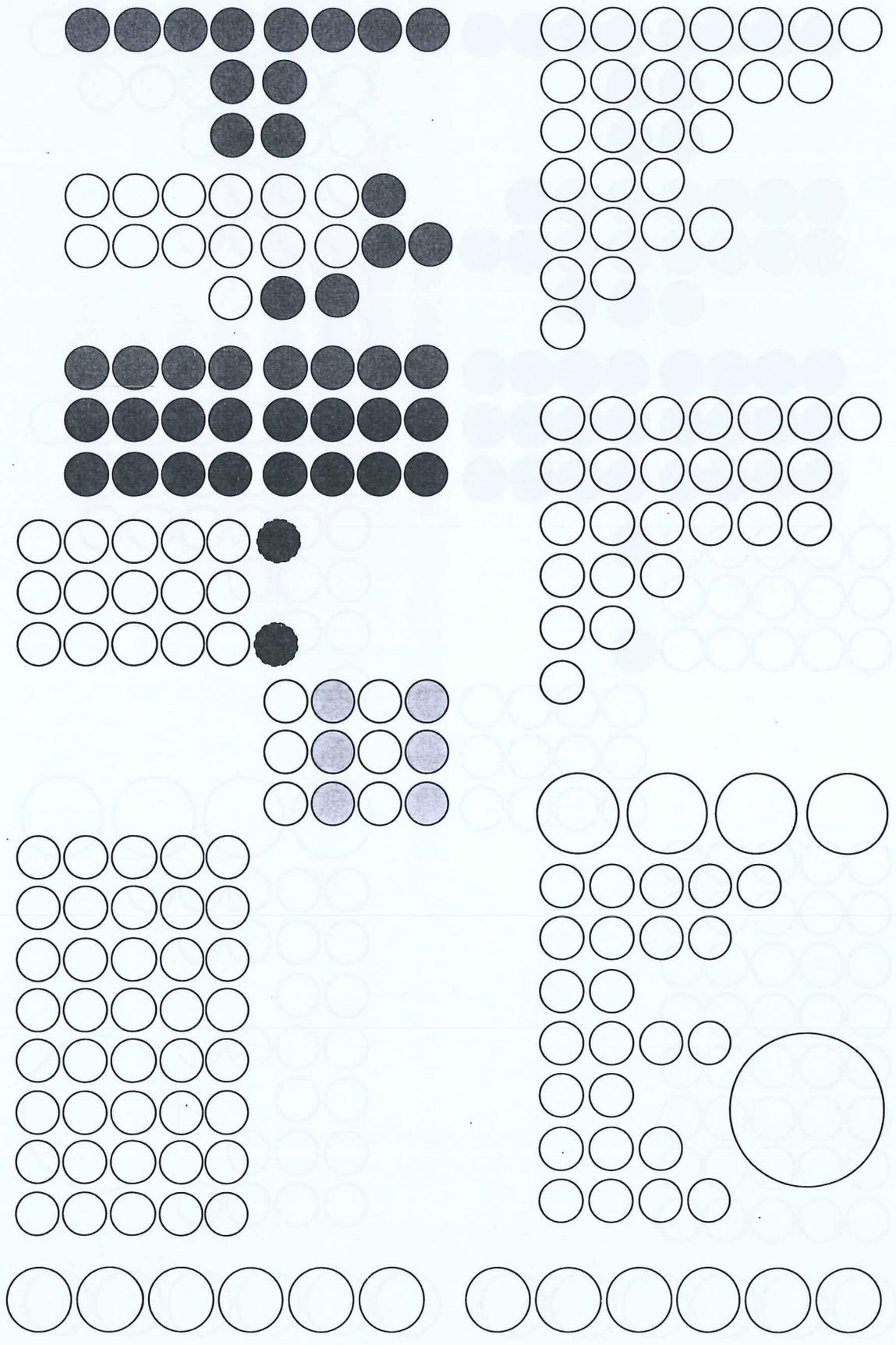


**13. Cảnh Danh Pháp:** Biết nhất định: Tâm siêu thế (40), thức vô biên (3), phi tướng phi phi tướng (3) = 46 thứ Tâm. - Biết bất định: Tâm thông (2), tâm dục giới (41 – đã trừ ngũ song thức và ý giới) = 43 thứ Tâm. - Số Tâm biết: 46 + 43 = 89 thứ Tâm biết.

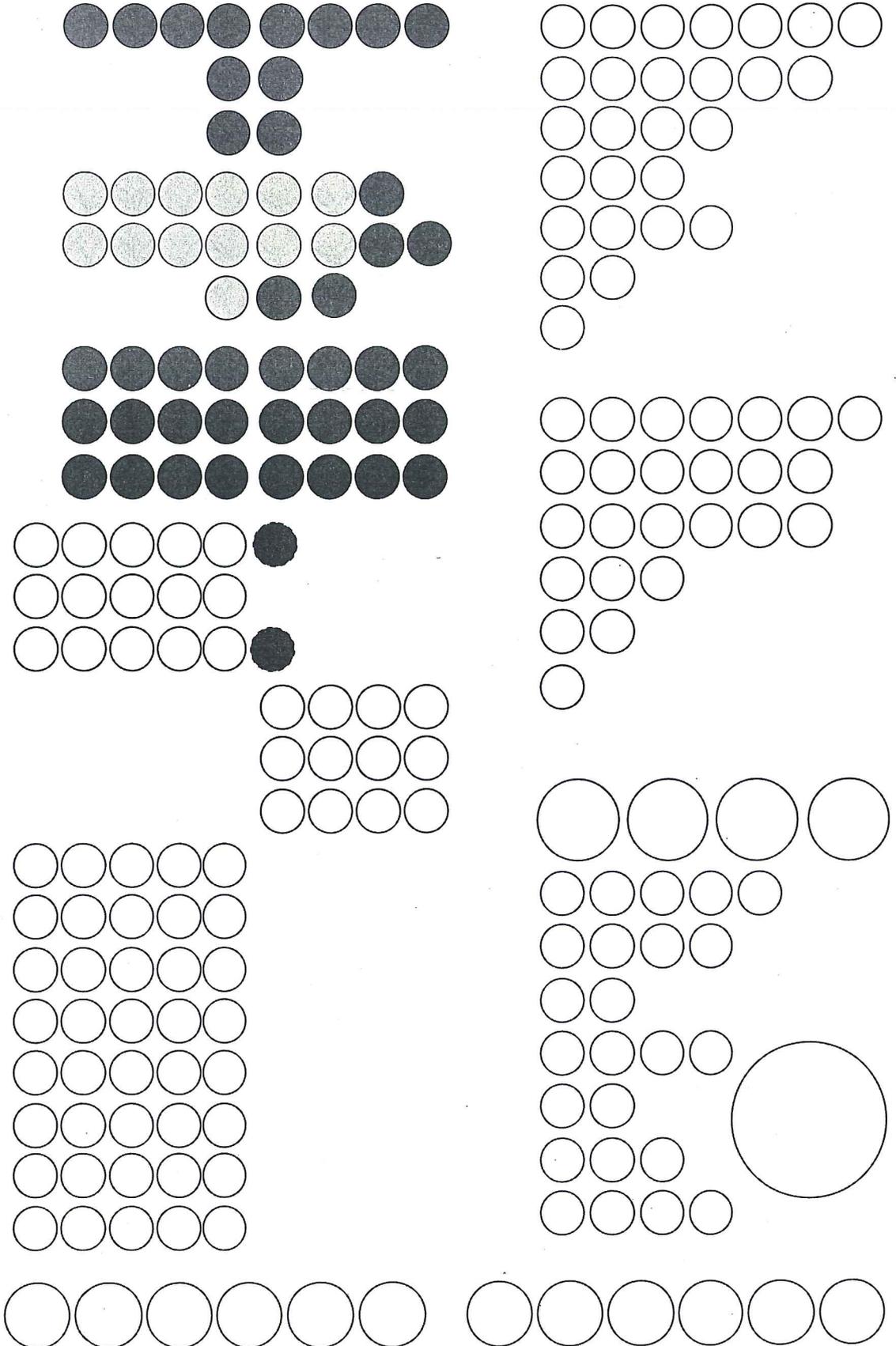




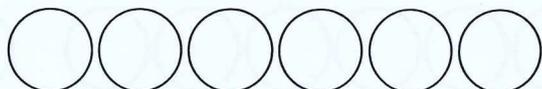
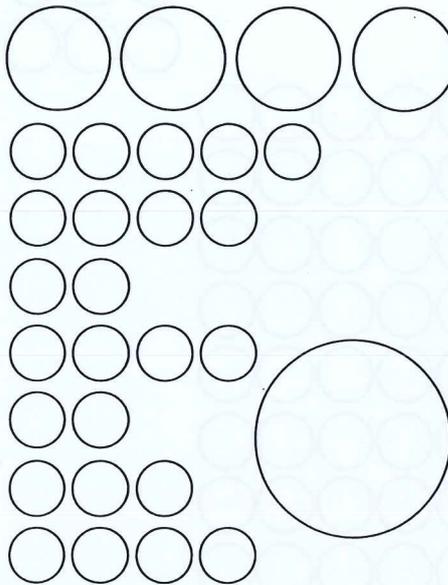
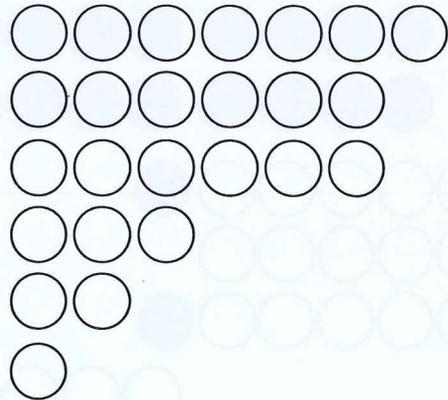
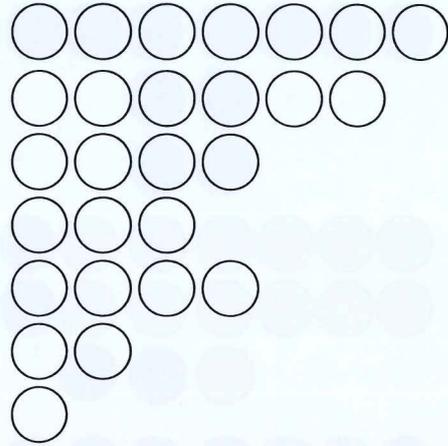
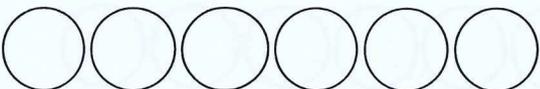
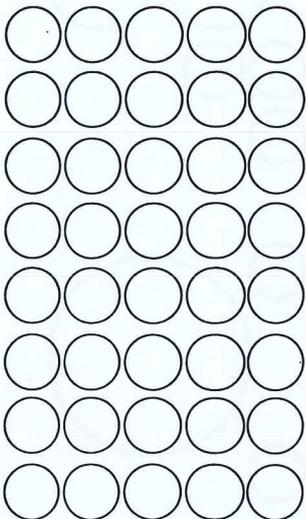
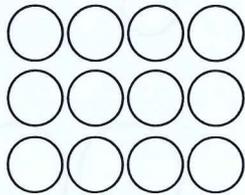
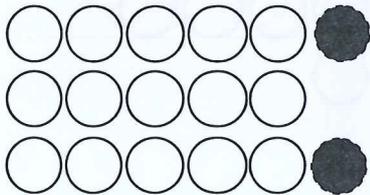
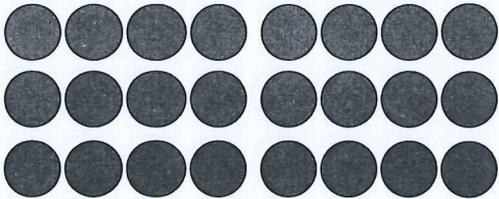
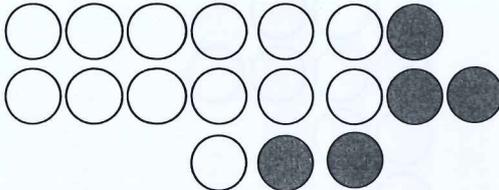
**15. Cảnh Quá Khứ:** Biết nhất định: Tâm thức vô biên (3), tâm phi tướng phi phi tướng (3) = 6 thứ Tâm. Biết bất định: Tâm thông (2), tâm dục giới (41 – đã trừ ngũ song thức và ý giới) = 43 thứ Tâm. Số Tâm biết: 6 + 43 = 49 thứ Tâm biết.



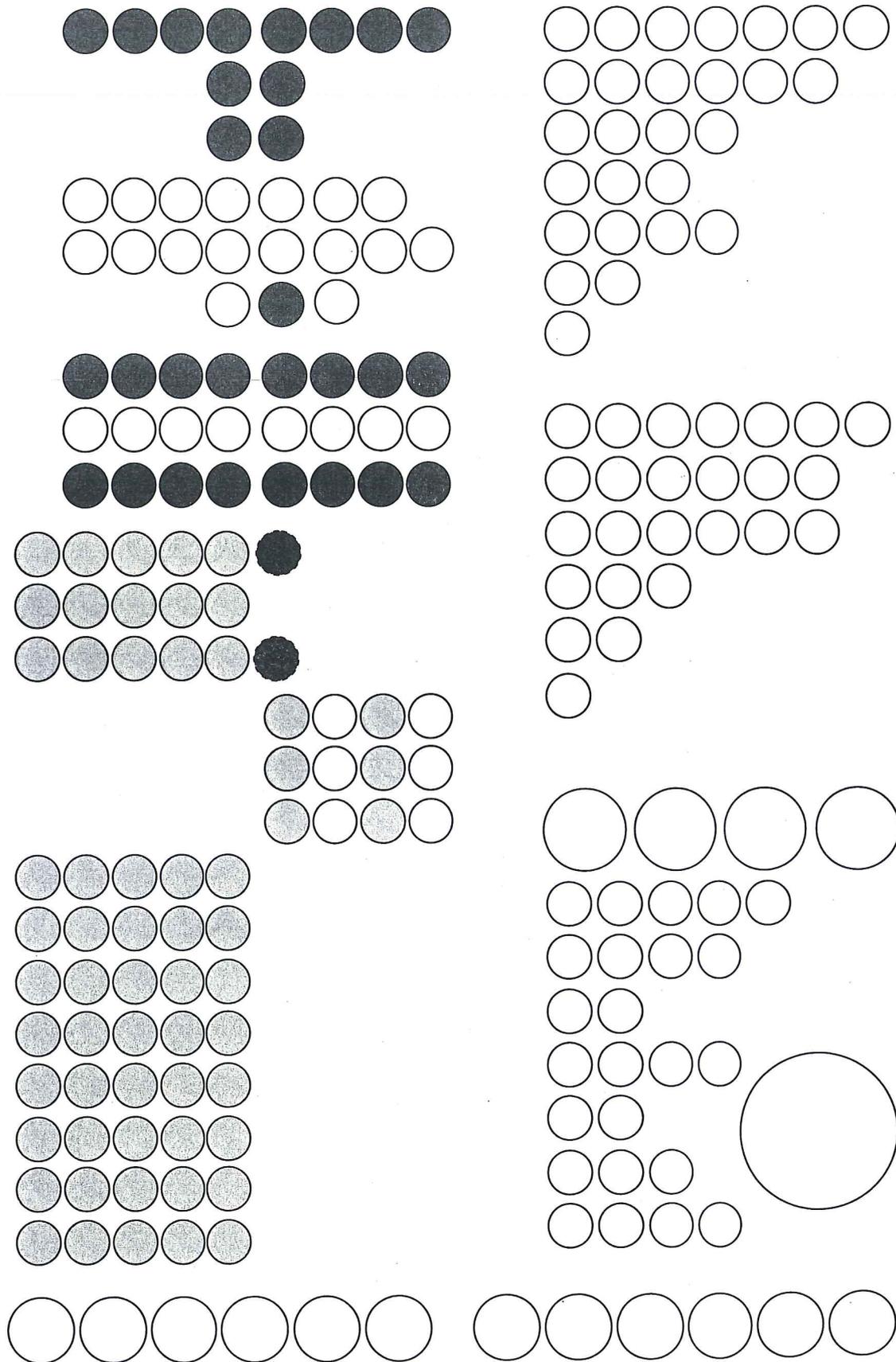
**16. Cảnh Hiện Tại:** Biết nhất định: Tâm ngũ song thức (10), ý giới (3) = 13 thứ Tâm.  
Biết bất định: Tâm thông (2), tâm dục giới (41 – đã trừ ngũ song thức và ý giới) = 43 thứ Tâm.  
 Số Tâm biết:  $13 + 43 = 56$  thứ Tâm biết.



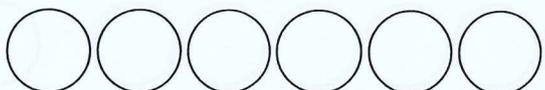
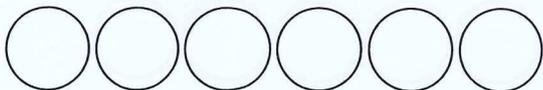
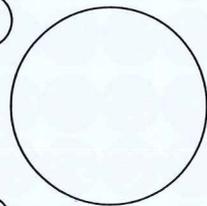
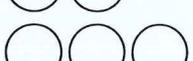
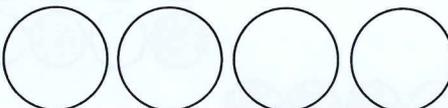
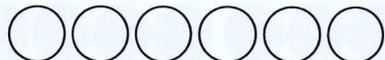
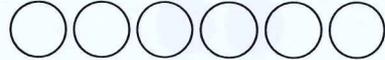
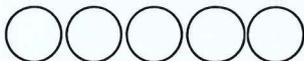
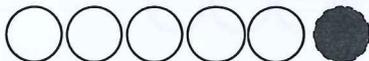
17. Cảnh Vị Lai: Biết nhất định: Không có. Biết bất định: Tâm thông (2), tâm dục giới (41 – đã trừ ngũ song thức và ý giới) = 43 thứ Tâm.



**18. Cảnh Ngoại Thời:** Biết nhất định: Tâm siêu thế (40), không vô biên (3), vô sở hữu (3), tâm sắc giới (15) = 61 thứ Tâm. Biết bất định: Đồng lực dục giới hữu nhân (28), khai ý (1), tâm thông (2), = 31 thứ Tâm. Số Tâm biết: 61 + 31 = 92 thứ Tâm.

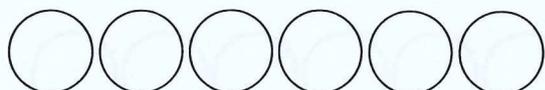
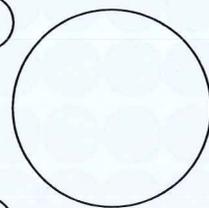
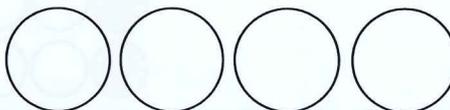
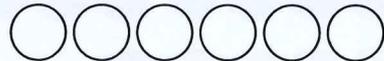
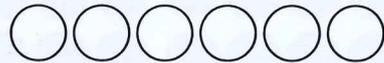
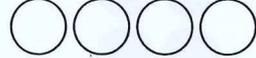
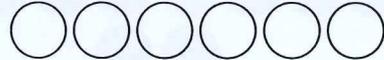
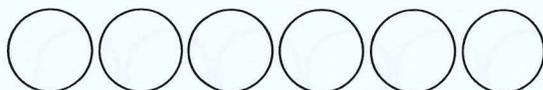
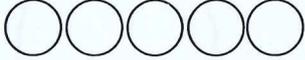
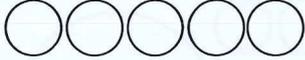
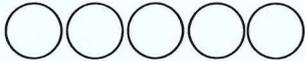
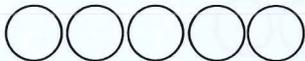
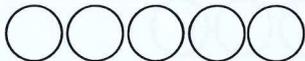
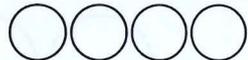


**19. Cảnh Nội Phần:** Biết nhất định: Tâm thức vô biên(3), phi tướng phi phi tướng (3) = 6 thứ Tâm. Biết bất định: Tâm thông (2), Dục giới (54) = 56 thứ Tâm. Số Tâm biết: 6 + 56 = 62 thứ Tâm biết.





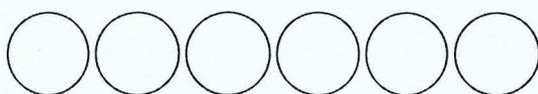
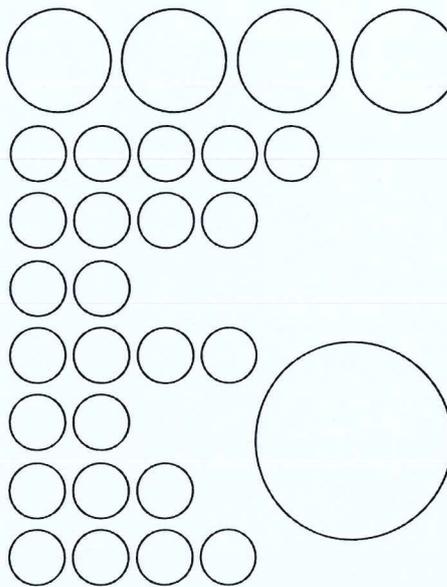
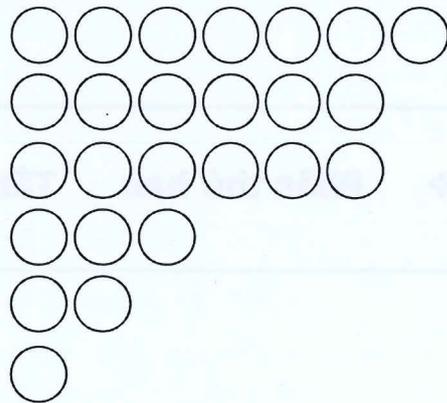
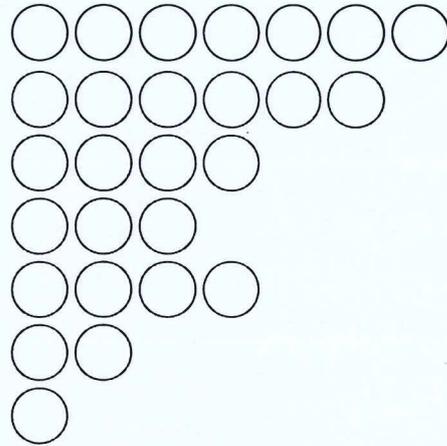
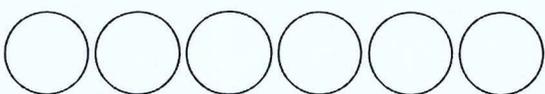
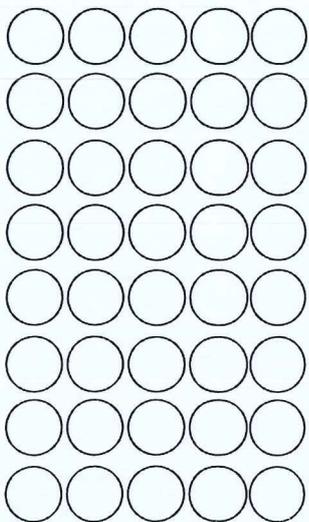
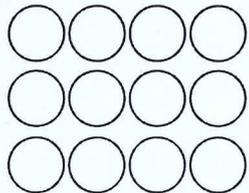
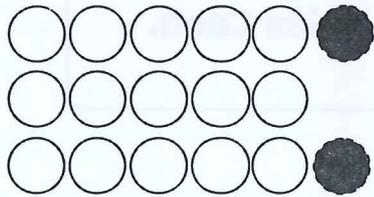
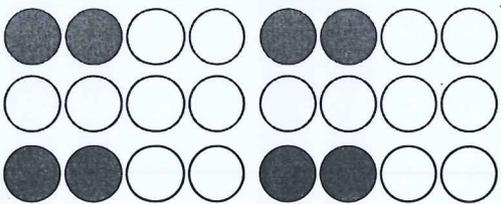
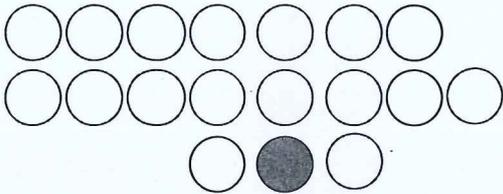
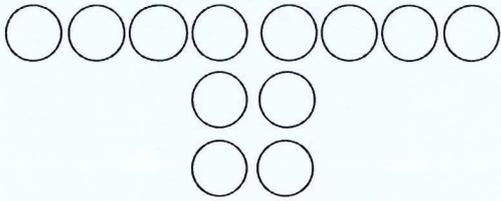
**21. Cảnh Nội Ngoại Phần:** Biết nhất định: Không có. Biết bất định: Tâm thông (2), Dục giới (54) = 56 thứ Tâm. Số Tâm biết:  $0 + 56 = 56$  thứ Tâm biết.



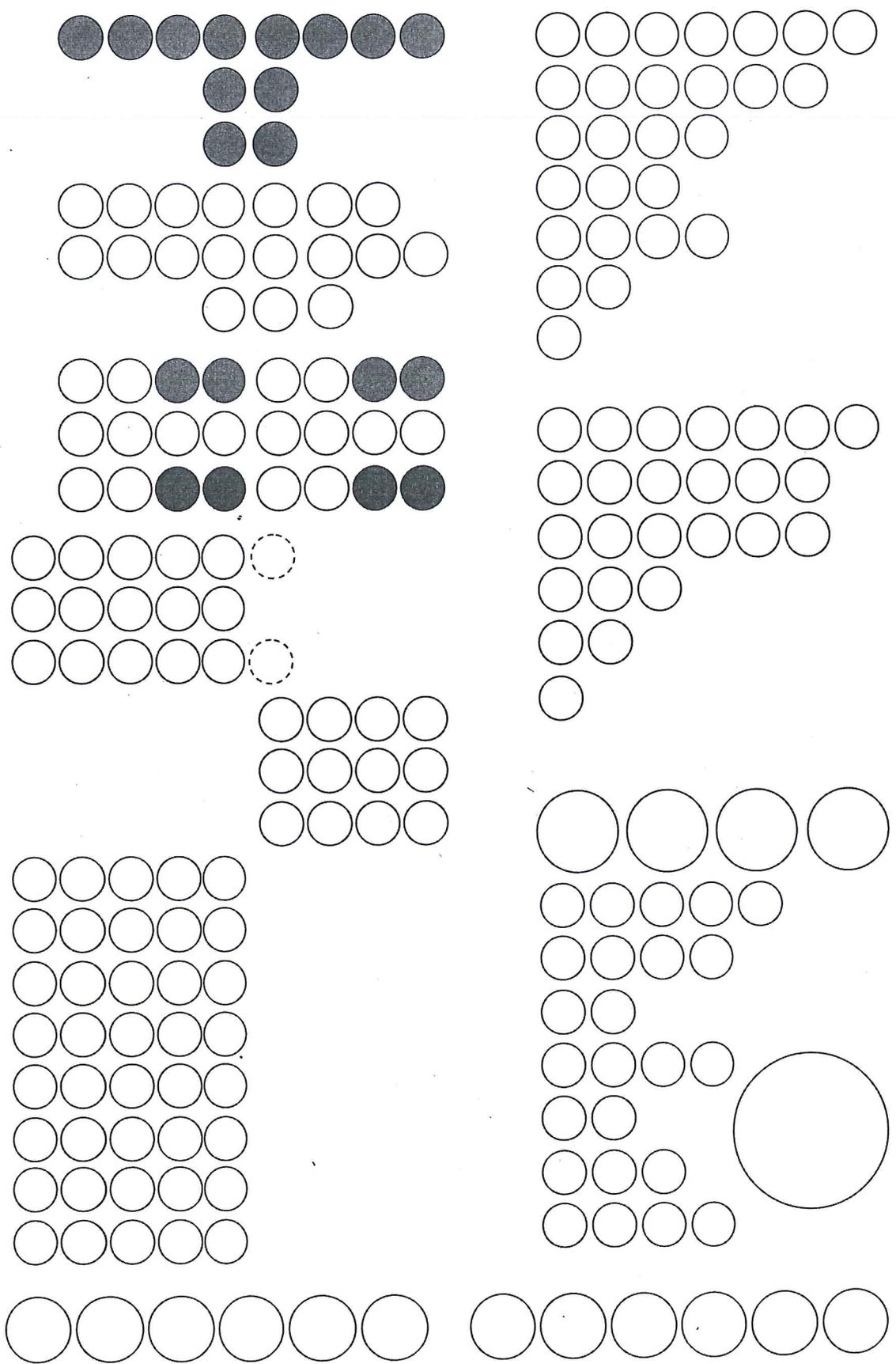
❖ **Phần thứ hai: Tâm Biệt Đặng Bao Nhiêu Cảnh.**

**b). Tâm Biệt Mấy Cảnh:**

Tâm thông (2), tâm khai ý (1), tâm đại thiện và đại tố tương ứng (8) = 11  
thứ Tâm Biệt dạng 21 Cảnh Tùy trường hợp



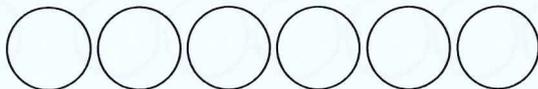
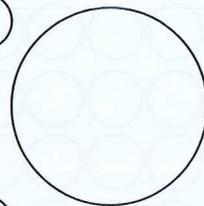
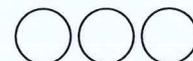
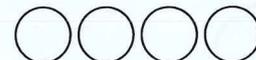
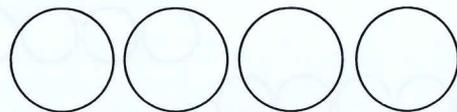
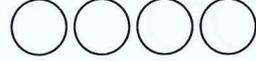
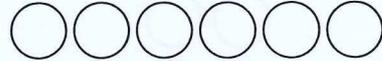
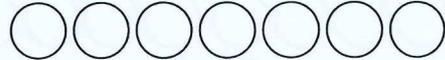
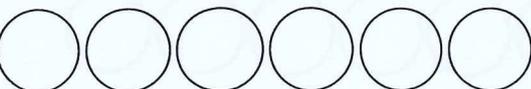
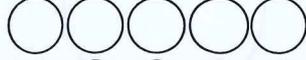
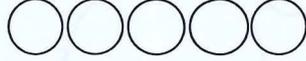
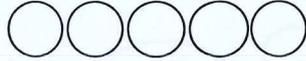
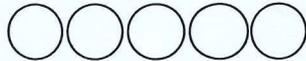
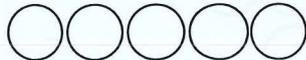
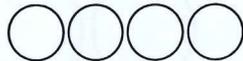
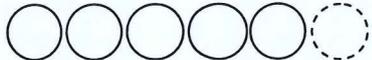
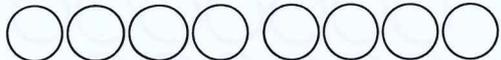
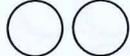
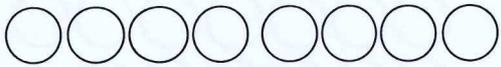
Tâm bất thiện (12), tâm đại thiện và đại tố bất tương ứng = 20 thứ Tâm Biết  
đặng 20 Cảnh Trừ Cảnh Níp bàn luôn Đạo Quả.



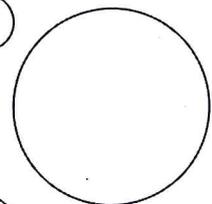
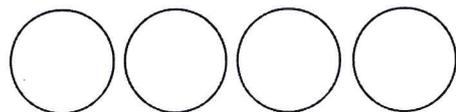
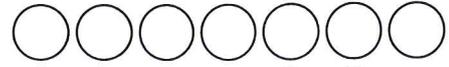
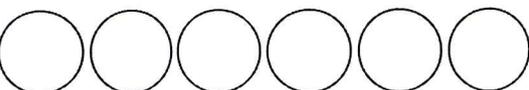
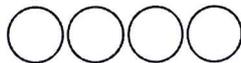
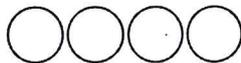
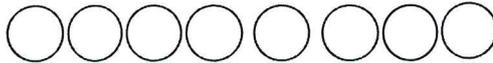
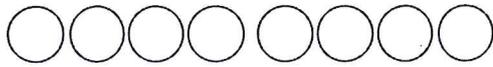




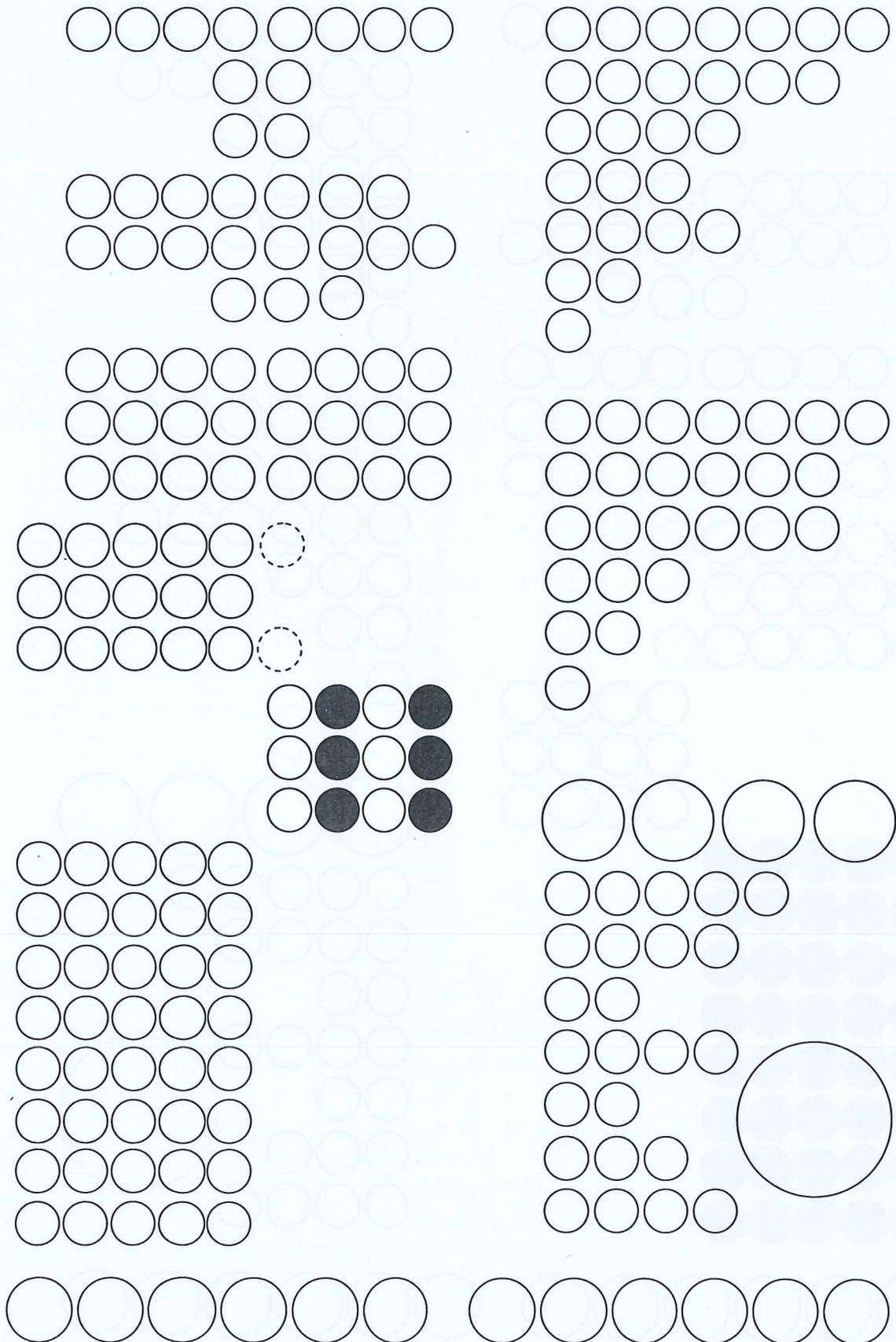
Tâm Ngũ Song Thức biết đặng 8 Cảnh: Cảnh sắc, hiện tại, dục giới, siêu lý, sắc pháp, nội phần, ngoại phần, nội và ngoại phần. Còn sắc, thính, khí, vị, xúc theo mỗi đôi thức.



Tâm Siêu Thế biết dạng 6 Cảnh: Níp bàn, pháp, siêu lý, danh pháp, ngoại thời, ngoại phần.

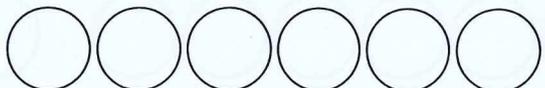
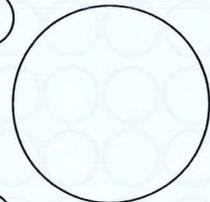
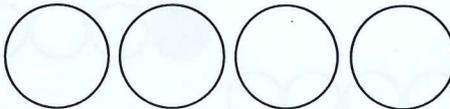
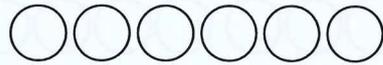
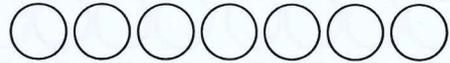
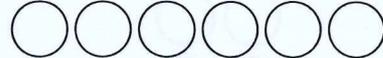
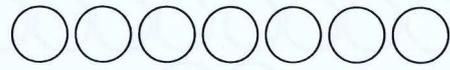
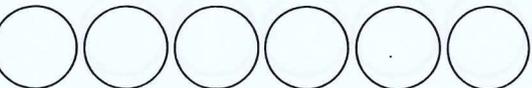
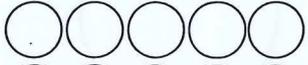
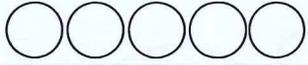
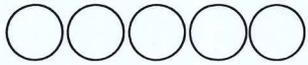
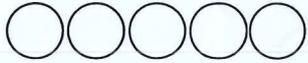
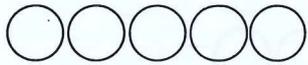
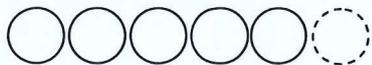
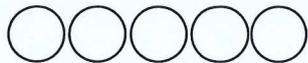
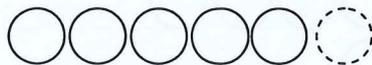
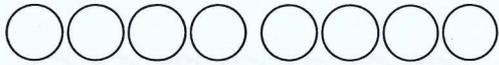
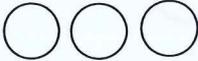
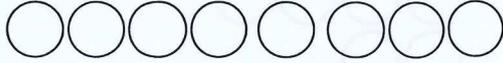
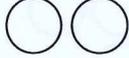
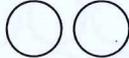
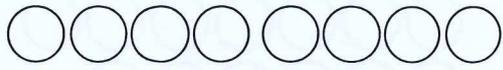


Tâm Thức vô biên, tâm Phi tướng phi phi tướng biết đặng 6 Cảnh: Siêu lý, đảo đại, pháp, danh pháp, quá khứ và nội phần.





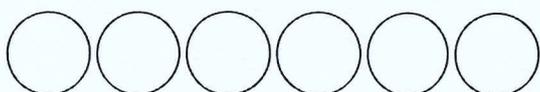
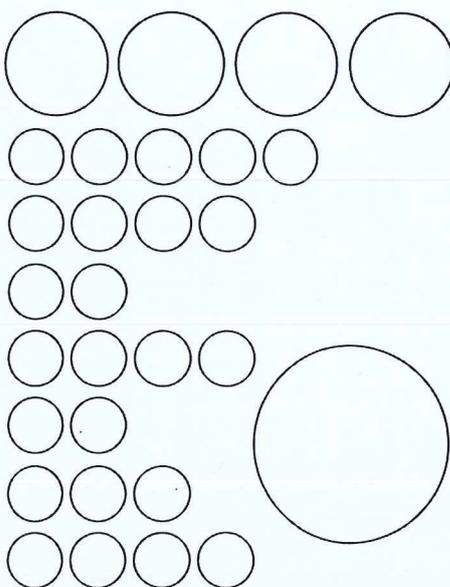
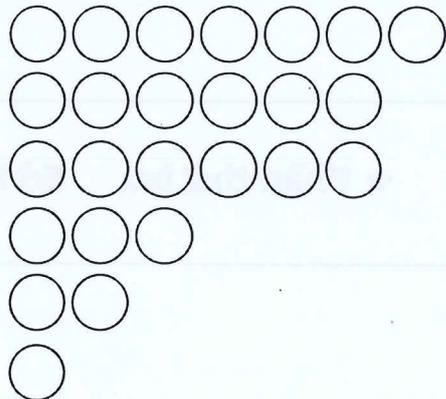
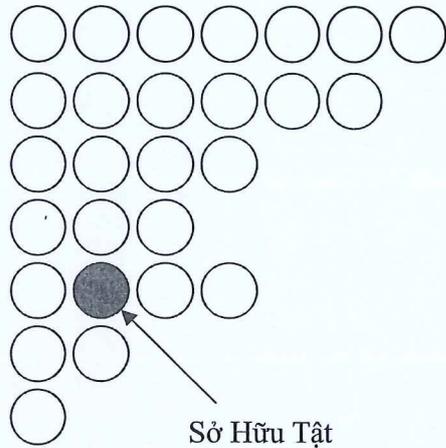
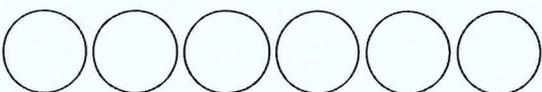
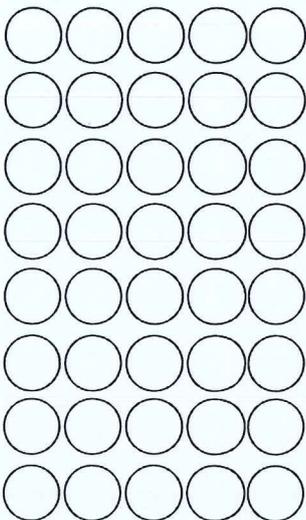
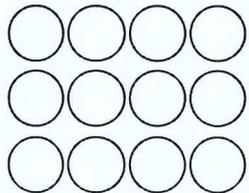
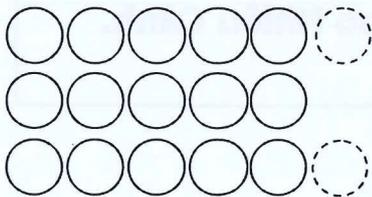
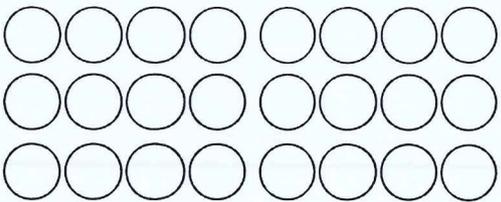
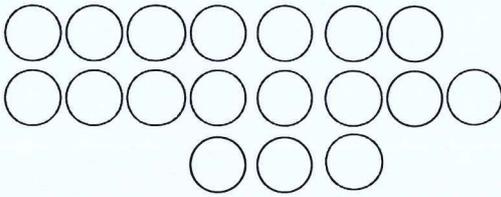
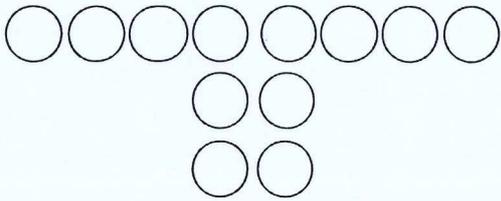
Tâm Vô Sở Hữu biết đặng 3 Cảnh: Pháp, chế định, ngoại thời



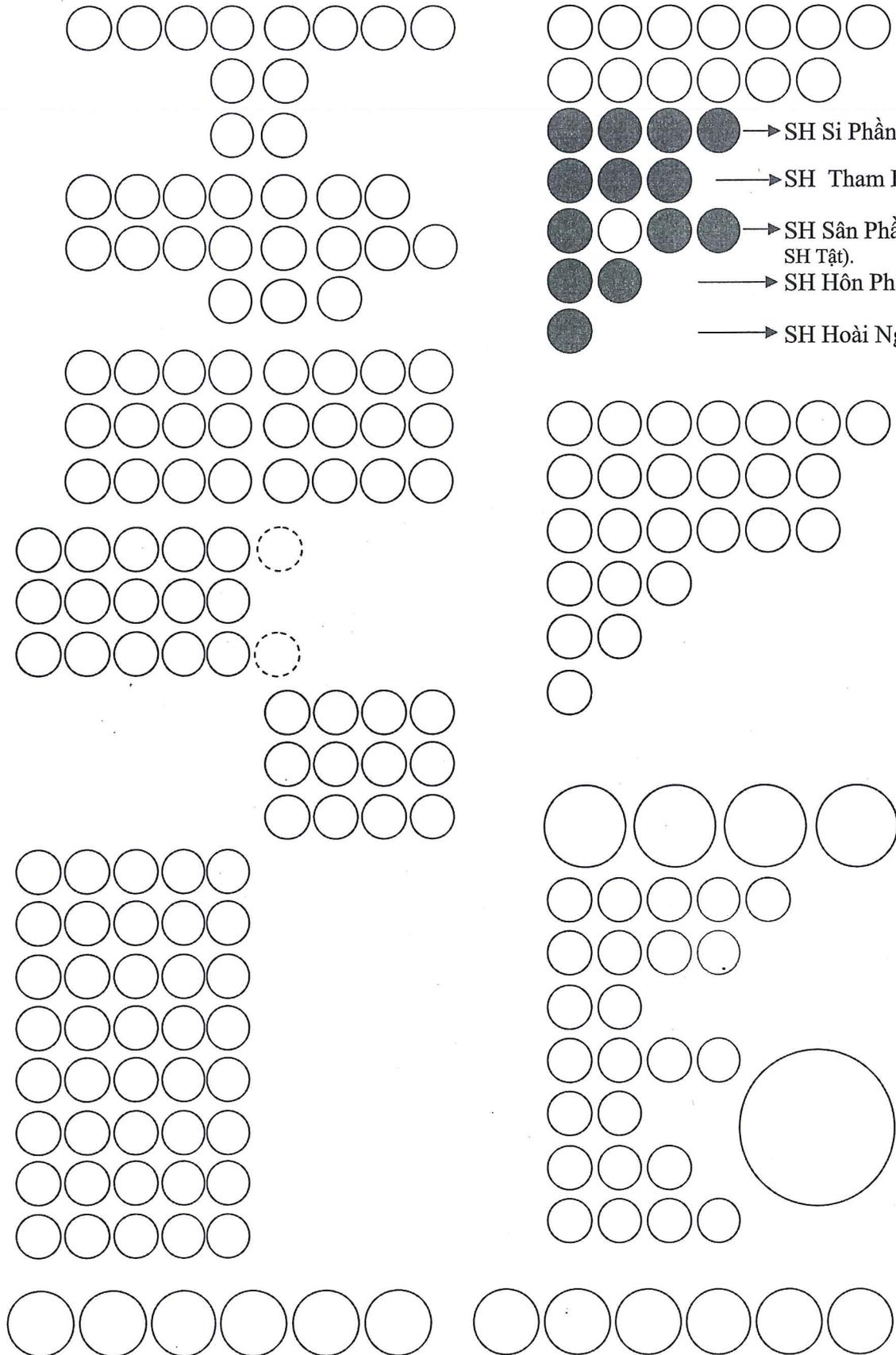
❖ **Phần thứ ba: Sở Hữu Biệt Đạng Bao Nhiêu Cảnh.**

**c). Sở Hữu Biết Mấy Cảnh:**

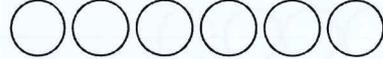
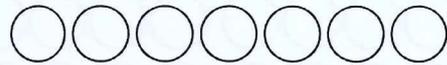
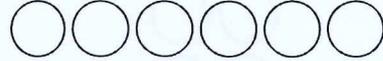
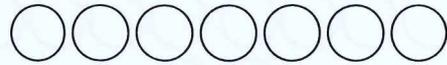
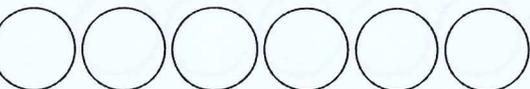
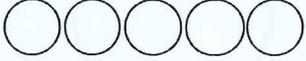
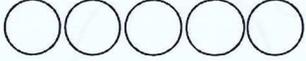
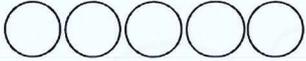
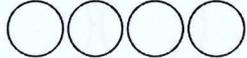
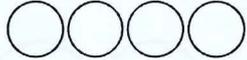
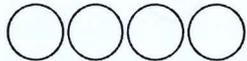
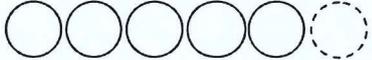
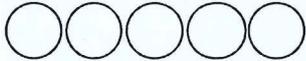
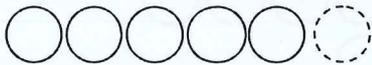
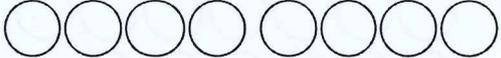
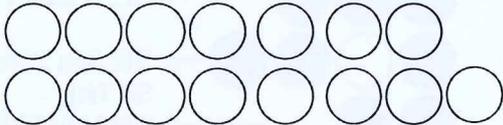
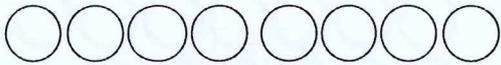
Sở Hữu Tật: Biết Cảnh ngoại phần nhất định, không biết Đạo Quả Níp Bàn. Còn 19 cảnh kia đều bất định.



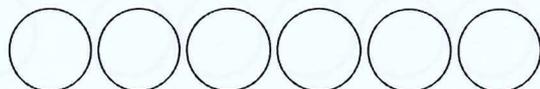
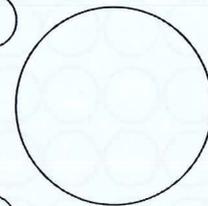
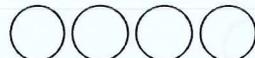
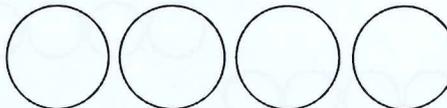
13 thứ sở hữu bất thiện (ngoài Tật) Biết 20 Cảnh bất định Trừ Cảnh Đạo Quả, Níp bàn.



Sở hữu ngăn trừ phần Biết Cảnh siêu lý nhất định Còn 19 Cảnh kia (trừ quá khứ) không nhất định.

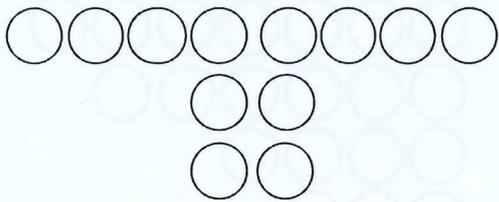


SH Ngăn Trừ Phần

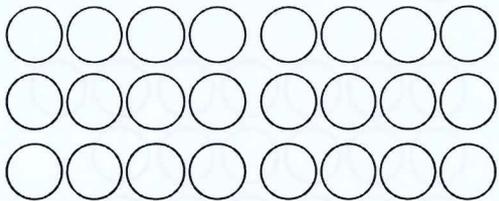
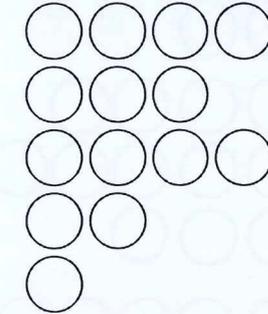
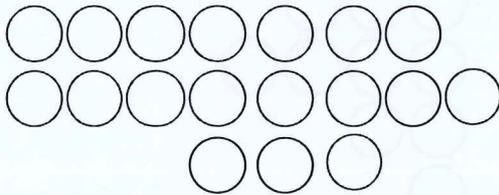




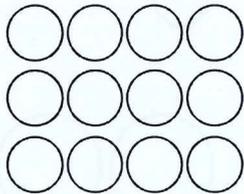
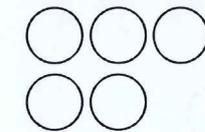
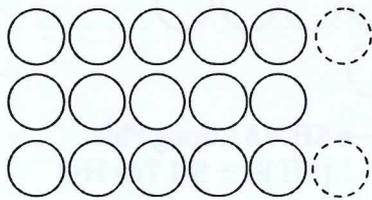
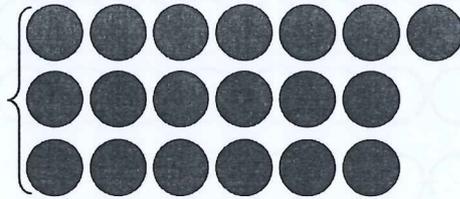
Còn 33 sở hữu ngoài ra biết 21 Cảnh bất định.



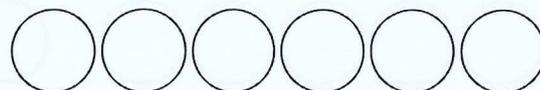
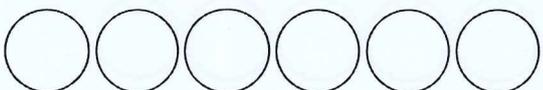
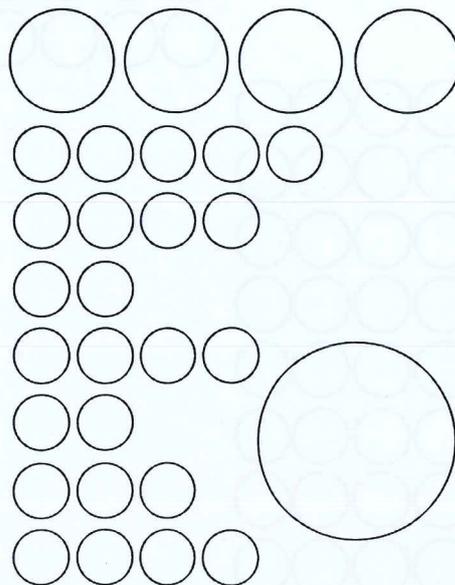
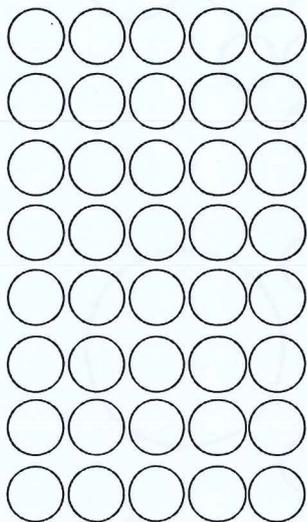
SH  
Tợ  
Tha  
(13)



SH  
Tịnh  
Hảo  
Biến  
Hành  
(19)



● → SH Trí Tuệ



**IV. BẢNG ĐỒ:**

**BẢNG ĐỒ:**

**(Xin Xem Bảng Đồ Cảnh Nghiệp Phần Tổng Lược Trang Kế Bên)**

CẢNH NHIỆP GHI CHÚ: Ký hiệu X: Tâm biệt I định Ký hiệu X: Tâm biệt bất định	01.	02.	03.	04.	05.	06.	07.	08.	09.	10.	11.	12.	13.	14.	15.	16.	17.	18.	19.	20.	21.	TÂM BIỆT MÂY CẢNH
	Cảnh Sắc	Cảnh Thịnh	Cảnh Khí	Cảnh Vị	Cảnh Xúc	Cảnh Ngữ	Cảnh Pháp	Cảnh Siêu Lý	Cảnh Chế Định	Cảnh Đức Giới	Cảnh Đáo Đại	Cảnh Níp Bàn	Cảnh Danh Pháp	Cảnh Sắc Pháp	Cảnh Quả Khứ	Cảnh Hiện Tại	Cảnh Vị Lai	Cảnh Ngoại Thời	Cảnh Nội Phần	Cảnh Ngoại Phần	Cảnh Nội Phần	
01. Tâm Bất Thiện (12)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	20
02. Đồi Nhãn Thức (2)	X							X		X						X			X	X	X	8
03. Đồi Nhĩ Thức (2)		X						X		X						X			X	X	X	8
04. Đồi Tỷ Thức (2)			X					X		X						X			X	X	X	8
05. Đồi Thiệt Thức (2)				X				X		X						X			X	X	X	8
06. Đồi Thân Thức (2)					X			X		X						X			X	X	X	8
07. Đồi Tiếp Thủ (2)	X	X	X	X	X	X		X		X						X			X	X	X	13
08. Tâm Tiềm Tấn (3)	X	X	X	X	X	X	X	X		X			X			X			X	X	X	17
09. Tâm Khai Ngữ Môn (1)	X	X	X	X	X	X		X		X						X			X	X	X	13
10. Tâm Khai Ý Môn (1)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	21
11. Tâm Tiểu Sinh (1)	X	X	X	X	X	X	X	X		X						X			X	X	X	17
12. Tâm Đại Thiện Tự (4)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	21
13. Tâm Đại Thiện B.T.Ư (4)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	20
14. Tâm Đại Quả (8)	X	X	X	X	X	X	X	X		X						X			X	X	X	17
15. Tâm Đại Tố Tự (4)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	21
16. Tâm Đại Tố B.T.Ư (4)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	20
17. Tâm Sắc Giới (15)							X											X				4
18. Tâm Thông (2)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	21
19. Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ (3)							X		X									X		X		4
20. Tâm Thiện Thức Vô Biên Xứ (3)							X	X			X								X			6
21. Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ (3)							X		X									X				3
22. Tâm Thiện PTPTT Xứ (3)							X	X			X								X			6
23. Tâm Siêu Thế							X	X													X	6
CẢNH CÓ MÂY TÂM: →	48	48	48	48	48	46	78/110	70/102	52	56	37	19/51	57/89	56	49	56	43	60/92	62	82/114	56	
Sở Hữu (SH) Tật	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	20
13 SH Bất Thiện (ngoại SH Tật)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	20
SH Ngăn Trừ Phần	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	20
SH Vô Lượng Phần	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	21
33 SH ngoài những SH trên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	21

SỞ HỮU BIỆT MÂY CẢNH →

## V. PHÂN GIẢI:

Qua phần trình bày 21 Cảnh trên, chúng ta rút ra được, hay đối chiếu đặng các điều như sau:

- Cảnh là tất cả Pháp.
- Cảnh Siêu lý cộng cảnh Chế định là tất cả Pháp.
- Cảnh Ngũ cộng Cảnh Pháp là tất cả pháp.
- Cảnh Danh pháp cộng Cảnh Sắc pháp là Cảnh Siêu lý hay Cảnh Chơn đế.
- Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc gồm chung lại đặng gọi là Cảnh Ngũ.
- Cảnh Quá khứ, Hiện tại, Vị lai gồm chung lại là pháp nội thời tức là pháp hữu vi còn sanh diệt.
- Cảnh Chế định, Cảnh Níp bàn gồm chung lại là pháp ngoại thời tức là vượt ngoài thời gian hay thoát ly thời gian (ngoài tam giới và ngũ uẩn).
- Cảnh Dục giới, Cảnh Đáo đại, Cảnh Níp bàn gồm chung lại thuộc phần cảnh giới.
- Cảnh Nội, Cảnh Ngoại gồm chung lại gọi là Cảnh Nội và Ngoại.

### PHÂN GIẢI CẢNH - THEO 3 PHẦN:

- a. Tìm Hiểu Cảnh Có Bao Nhiêu Tâm.
- b. Tìm Hiểu Tâm Biết Đặng Mấy Cảnh.
- c. Tìm Hiểu Sở Hữu Biết Đặng Mấy Cảnh.

#### a. Tìm Hiểu Cảnh Có Bao Nhiêu Tâm:

##### ➤ Nói về 5 Cảnh:

Cảnh Sắc, thinh, khí, vị và xúc, ta nên biết mỗi cảnh mỗi đôi thức như là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân. Đôi nào theo cảnh nấy, phải **nhứt định** như thế, vì nhãn thức nếu không có cảnh sắc thì không bao giờ sanh ra. Nếu gặp cảnh sắc tốt thì phần nhãn thức quả thiện phát sanh, còn khi gặp cảnh sắc xấu thì thuộc về phần quả bất thiện lãnh lấy, không khi nào bắt cảnh khác. Bốn đôi – tám thức sau cũng như thế (tùy theo cảnh thinh, khí, vị, xúc).

Ba thứ tâm ý giới cũng biết đủ 5 cảnh. Nếu nói riêng ý giới biết **không nhất định**, vì sanh 1 lộ với nhãn thức chỉ biết cảnh sắc theo phần nhãn thức, sanh 1 lộ với nhĩ thức thì cũng biết cảnh thinh theo nhĩ thức v.v... *ngũ song thức và ý giới luôn luôn biết cảnh hiện tại.*

##### ➤ Nói về Cảnh Ngũ:

Nếu gom chung 5 cảnh trên (sắc, thinh, khí, vị, xúc) gọi là cảnh ngũ (*Pañcarammaṇa*), thì ý giới biết nhất định, do Tâm này phát sanh ra biết do sanh theo lộ ngũ môn, còn ngoài ra cảnh ngũ không có.

Về Tâm thông (*Abhiññā*) và 41 thứ Tâm Dục giới (đã trừ ngũ song thức và ý giới) đối với 6 cảnh nói trước đều **bất định** cả, vì cũng biết cảnh Pháp.

➤ Nói về Cảnh Pháp:

Hai thứ Tâm thông (*Abhiññā*) và 41 thứ Tâm Dục giới (đã trừ ngũ song thức và ý giới) vì những Tâm này biết Cảnh Ngũ nên biết Cảnh pháp **bất định**.

Tâm Thiên hiệp thể dù đề mục nào cũng là Cảnh Pháp.

➤ Nói về Cảnh Níp Bàn:

Tâm siêu thể (*Lokuttarācitta*) sanh ra luôn luôn chỉ bắt Níp Bàn làm Cảnh **nhất định**.

➤ Nói về Cảnh Đáo đại:

Ba thứ Tâm Thức vô biên sanh ra đặng do bắt đề mục Thức vô biên làm Cảnh. Thức đây là Tâm không vô biên tức là nhận định cho rằng: Tâm Không vô biên ấy rỗng rang vô cùng, vô tận không bờ mé.

Ba thứ Tâm Phi tưởng phi phi tưởng phát sanh ra chỉ bắt Cảnh đề mục cho rằng: Tâm Vô sở hữu ấy, chẳng phải có – chẳng phải không.

- Hay nói cách khác: 3 thứ Tâm Thức vô biên + 3 thứ Tâm Phi tưởng phi phi tưởng không bao giờ quán được những Tâm Thiên đang phát sanh, mà phải đợi khi thiên kia đã có và diệt rồi. Vì vậy 6 thứ Tâm này không bắt cảnh hiện tại mà cũng không bắt cảnh vị lai, chỉ bắt cái vừa diệt rồi nên **nhất định** là Cảnh quá khứ.
- Hiện tại có nhất định, quá khứ có nhất định, mà vị lai thì tuyệt nhiên không có, chỉ có phần **bất định**.

➤ Nói về Cảnh Siêu lý:

8 thứ Tâm Đại quả và 17 thứ Tâm Vô nhân (đã trừ Khai ý môn) sanh ra không bao giờ biết Cảnh Chế định. Giống như câu nói: "Trợn quờ cảnh dục hăm lăm", nghĩa là 25 thứ Tâm này sanh ra hoàn toàn biết Cảnh Siêu lý thuộc về Dục giới.

➤ Nói về Cảnh chế định:

Cảnh Chế định thuộc về ngoại thời hay thoát ly thời gian không còn tính quá khứ, hiện tại, vị lai nữa. Cho nên trong văn lục bát của Ngài Đại Trưởng Lão Tịnh Sự có nói như vậy: "Hơn hăm chế bày" là chỉ 21 thứ Tâm hoàn toàn biết Cảnh Chế định **nhất định**, không bao giờ biết Cảnh siêu lý.

*Bởi vì :*

- 15 thứ Tâm Sắc giới biết trong vòng 26 đề mục đều là chế định cả, như: Thập hoàn tịnh, Thập bất mỹ, Tứ vô lượng tâm, phụ niệm thể trước và đếm số tức quan tức đếm hơi thở cho đến khi biết hơi thở đứng môi hoặc mũi cũng đều chế định.
- 3 thứ Tâm Không vô biên chỉ bắt đề mục chế định hư không không cùng tột, không bờ mé (Cảnh giả định).

- 3 thứ Tâm Vô sở hữu cũng bắt cảnh đề mục chế định, nghĩa là cũng chế biến ra cho thấy rằng: Không có chi, vì thế cho nên có những Phái thiên kiến chấp rằng “Chấp không” do giả định này.
- Còn 2 thứ Tâm thông, khai ý môn và 28 thứ Tâm đồng lực dục giới hữu nhân là biết cảnh Chế định bất định, vì cũng có khi bắt Pháp Siêu lý đặng tùy trường hợp.

➤ Nói về Cảnh Dục giới:

Cảnh dục giới là pháp biết cảnh nhỏ nhoi (hy thiếu). Như trong văn lục bát (Điều Pháp Lý Hợp của Đại Trưởng Lão Tịnh Sự) nhắc lại câu: “Trọn quố Cảnh dục hăm lăm”, nghĩa là 25 thứ Tâm biết Cảnh dục giới **nhất định** là 8 thứ Tâm đại quả và 17 thứ Tâm vô nhân (trừ khai ý môn) vì luôn luôn biết cảnh siêu lý thuộc về dục giới.

Còn 2 thứ Tâm thông, khai ý môn và 28 thứ Tâm đồng lực dục giới hữu nhân cũng biết cảnh ngoài ra pháp dục giới hoặc siêu lý hoặc chế định và Đáo đại: Nghĩa là các thứ tâm nêu trên nếu suy xét đến những Tâm Thiên, mới biết Cảnh Đáo đại nên thuộc về **bất định**.

➤ Nói về Cảnh Danh pháp:

Chúng ta thấy 6 thứ Tâm (Thức vô biên (3), Phi tướng PPT (3)) chỉ biết Cảnh đáo đại và Tâm siêu thể thì không bao giờ biết Cảnh Sắc pháp và Chế định cho nên biết Danh pháp **nhất định**.

Còn riêng về 41 thứ Tâm dục giới (đã trừ Ngũ song thức và ý giới) do các loại Tâm này cũng biết cảnh Sắc pháp và cảnh Chế định, nên đối với cảnh Danh pháp là **bất định**.

➤ Nói về Cảnh Sắc pháp và Cảnh hiện tại:

Ta thấy năm đôi thức và ý giới khi sanh ra không bao giờ biết Cảnh ngoài Sắc pháp và Hiện tại (**nhất định**).

Còn 41 thứ tâm dục giới ngoài ra (ngũ song thức và ý giới) khi sanh theo lộ ngũ thì phải biết cảnh Sắc pháp, hiện tại và kể chung 2 thứ Tâm thông khi suy xét đến sắc pháp cũng biết đặng, cho nên 43 thứ Tâm biết Cảnh Sắc pháp không nhất định (**bất định**).

➤ Nói về Cảnh Quá khứ:

Ta thấy 3 thứ Tâm Thức vô biên và 3 thứ Tâm Phi tướng phi tướng bắt Cảnh Thiên thấp hơn kể đó, tức là khi muốn đắc thiên Vô sắc giới cao thì phải đặng thiên Vô sắc giới thấp. Nghĩa là muốn đắc thiên thức vô biên thì trước đó phải đặng Thiên Không vô biên, tức là Bạc tu tiến nhớ lại và lấy không vô biên làm cảnh tu, nói cho rõ là phủ nhận không phải hư không không bờ mé mà chỉ có cái thức hay cái biết mới không bờ mé. Như vậy, phải đắc Không vô biên, lấy cách phủ nhận không vô biên làm cảnh để tu lên Thiên Thức vô biên. Cho đến Thiên Phi tướng phi tướng cũng vậy, hai thứ Thiên vô sắc thấp là Không vô biên và Vô sở hữu nhất định phải là thiên của chính mình (nội phần). Đây cũng lấy thêm lý vì những thiên sở tri đã diệt rồi nên 6 thứ Tâm này biết cảnh trái với quá khứ là không có (**nhất định**).

Còn 43 thứ Tâm: 2 thứ Tâm thông, 41 thứ tâm dục giới (ngoài ra ngũ song thức và ý giới) do cũng biết đặng Cảnh hiện tại và Cảnh vị lai, đồng thời đối với Cảnh quá khứ vẫn biết nên là **bất định**.

➤ Nói về Cảnh Vi lai:

Do cảnh chưa xảy ra tức Tâm, Sở hữu, Sắc pháp chưa sanh chỉ sẽ sanh nên số Tâm biết nhất định không có. Chỉ có số Tâm biết **bất định** (số thứ Tâm biết giống như 43 thứ Tâm biết Cảnh quá khứ bất định).

➤ Nói về Cảnh Ngoại thời:

Cảnh Ngoại thời thực sự là lấy Cảnh Níp bàn và Cảnh chế định gom lại. Tức là:

- Níp Bàn không sanh diệt.
- Còn Chế định chẳng phải thật sanh diệt.
- Bởi vì Níp Bàn cùng với Chế định là những trạng thái vượt thoát thời gian, không có sự khống chế của thời gian, có thể nói phi thời gian tức ngoài Tam Giới – ngoài Ngũ Uẩn. Chúng ta thấy Tâm chỉ biết Níp Bàn, biết Chế định luôn luôn do không có quá khứ, hiện tại, vị lai chi cả (vì Chế định không phải thật có).

Ta thấy số Tâm trên phương diện biết Cảnh Ngoại thời **nhất định**: Tâm Siêu thể biết Cảnh Níp bàn là chắc chắn rồi, vì theo lộ Đắc đạo và lộ nhập Thiền Quả thì chỉ có 20 thứ Tâm Đạo và 20 thứ Tâm Quả sanh ra lấy Níp Bàn làm cảnh đặng biết.

Riêng 21 thứ Tâm (Sắc giới (15), Không vô biên (3), Vô sở hữu (3)) đều lấy Cảnh tu bằng cách định đặt cảnh, tức chế biến mà ra như đề mục đất, nước, lửa, gió ... hoặc định đặt về hư không, không cùng tận v.v... . Vì vậy hoàn toàn thuộc về cảnh Chế định cả.

- Còn 31 thứ Tâm: 2 thứ Tâm thông, khai ý môn và 28 thứ Tâm đồng lực dục giới hữu nhân do các loại Tâm này còn biết nhiều Cảnh khác như: Cảnh Chế định, dục giới, đáo đại, siêu lý v.v... nên biết cảnh Ngoại thời **bất định**.

➤ Nói về 3 Cảnh - Nội phần, ngoại phần, nội và ngoại phần:

- Biết cảnh nhất định quá khứ cũng đồng thời là biết Cảnh nhất định của Nội phần, tức những thứ tâm nào biết cảnh Quá khứ nhất định thì cũng biết cảnh Nội phần nhất định. Bởi vì 3 thứ Tâm Thức vô biên và 3 thứ Tâm Phi tướng phi phi tướng sanh cho người nào chỉ bắt Tâm Thiền không vô biên và Tâm Thiền vô sở hữu của người ấy, chớ không bao giờ bắt cảnh của người khác mà đắc thiền được, vì thế 6 thứ tâm này biết cảnh nội phần **nhất định**.

Còn 2 thứ tâm thông và tâm dục giới do cũng biết ngoài ra thân tâm ta được, cho nên đối với cảnh nội phần không nhất định (**bất định**).

- Về phương diện Cảnh Ngoại phần và Níp bàn thì ta thấy những Tâm nào biết Cảnh Níp bàn nhất định Tâm ấy biết Cảnh ngoại phần cũng nhất định.

**Lưu ý:** Tâm siêu thể chỉ biết Níp bàn là chẳng phải trong Thân Tâm ta, có người hiểu lầm, chấp sai cho rằng Níp bàn tự Tâm là rất không - đúng, quá sai.

- Ba thứ tâm Không vô biên đối về đề mục Hoàn Tĩnh (*Kasina*) hữu hình cho là không có, mà lại định cái không ấy lớn lao, vô cùng - vô tận không bờ mé thì cái chế định như thế hẳn là ngoài phạm vi Thân Tâm ta.
- Còn 15 thứ Tâm Sắc giới không kể Tâm Thông cũng bắt theo đề mục chớ chẳng phải thứ nào có trong Thân Tâm ta, cho nên đều thuộc về Cảnh ngoại phần **nhất định** cả.
- \* Riêng các thứ Tâm dục giới và Tâm thông ngoài Thân tâm ta cũng có thể biết đặng, cho nên đối với Cảnh ngoại phần là **bất định**.
- Ở đây lấy Cảnh Ngoại phần và cảnh nội phần chung lại, nên mới có Cảnh Nội và ngoại phần, chớ không có Cảnh như thế vì chúng ta lấy Tâm biết cảnh nội phần cũng được và biết ngoại phần cũng được, mà kể nêu ra nên chỉ có phần bất định mà thôi.

Tóm Lược Phần Cảnh có bao nhiêu Tâm biết. Chúng ta thấy, được chia thành 3 phần như sau:

- 1 là Tâm biết cảnh nhất định có 67 thứ Tâm.
- 2 là Tâm biết cảnh bất định có 31 thứ Tâm.
- 3 là Tâm biết cảnh nhất định và bất định có 25 thứ Tâm.

Trình bày phần gọn lại của 123 thứ Tâm (đã tính luôn 2 thứ Tâm Thông) phân theo 21 Cảnh, ta nắm phần yếu lý của 3 phần ấy như sau:

- **1 là phần biết cảnh nhất định**, tức là mỗi khi sanh vẫn biết những Cảnh đồng như thứ Tâm ấy mà đã sanh trước, dù sau này sanh mấy lần biết Cảnh không khác. Như là:
  - Tâm Sắc giới, Tâm Không vô biên và Tâm Vô sở hữu luôn luôn biết Cảnh Chế Định.
  - 3 thứ Tâm Thức vô biên và 3 thứ Tâm Phi Tưởng Phi Phi Tưởng vẫn biết cảnh Đáo Đại v.v... . Dù thay đổi chi cũng không ngoài những Tâm ấy.
  - Tâm Siêu Thể luôn luôn biết Níp Bàn và những cảnh tính chung như là Cảnh Pháp, Cảnh Siêu Lý v.v... .
- **2 là phần những Tâm biết cảnh bất định** như Tâm thông, Tâm đồng lực dục giới hữu nhân và Tâm khai ý môn do vì biết rất nhiều cảnh, mà không có một Cảnh nào nhất định.
- **3 là phần những tâm biết nhất định và bất định**, nghĩa là có lúc các thứ Tâm đó biết một loại cảnh hay nhiều loại cảnh mà nhất định và cũng có khi biết các loại Cảnh bất định, như:
 

Ngũ song thức khi biết cảnh ngoại phần thời không biết cảnh nội phần, còn khi biết cảnh nội phần thời không biết cảnh ngoại phần. Những đôi thức đều biết Cảnh nhất định theo nó – như cảnh sắc, thanh, khí, vị, xúc và đồng thời Ngũ song thức cũng biết nhất định các cảnh khác: Cảnh Siêu lý, cảnh Dục giới, cảnh Sắc pháp, cảnh Hiện tại.

Còn các Cảnh khác thì bất định: Như cảnh nội phần, cảnh ngoại phần, cảnh nội và ngoại phần (đã giải thích phần lý ở trên).

**Như vậy:**

- Ngũ song thức (tính theo từng đôi thức) thì biết đặng năm cảnh nhất định, như:
- Đôi nhãn thức biết: Cảnh Sắc, Cảnh Siêu lý, cảnh Dục giới, cảnh Sắc pháp, cảnh Hiện tại. Đôi nhãn thức biết bất định: Cảnh nội phần, cảnh Ngoại phần, cảnh Nội và ngoại phần.
  - Đôi Nhĩ thức biết: Cảnh thính, Cảnh Siêu lý, cảnh Dục giới, cảnh Sắc pháp, cảnh Hiện tại. Đôi nhãn thức biết bất định: Cảnh nội phần, cảnh Ngoại phần, cảnh Nội và ngoại phần.
  - Đôi tỷ, thiệt, thân thức biết cũng như đôi nhãn, đôi nhĩ thức. Chỉ đổi lại cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc mà thôi.

**Ba thứ Tâm Ý Giới biết:**

- Sáu (6) Cảnh nhất định là Cảnh Ngũ, Cảnh Siêu Lý, Cảnh Sắc Pháp, Cảnh Dục Giới, Cảnh Nội Phần và Cảnh Hiện Tại.
- Bảy (7) Cảnh không nhất định (bất định) là Cảnh Sắc, thính, khí, vị, xúc, ngoại phần và nội ngoại phần.

**Tâm Thâm Tấn, Tâm Tiểu Sinh và Tâm Đại quả biết:**

- Hai (2) Cảnh Nhất định là: Cảnh Dục Giới, Cảnh Siêu Lý.
- Mười lăm (15) Cảnh Bất Định là: Cảnh Sắc, Thính, Khí, Vị, Xúc, Ngũ, cảnh Pháp, Danh Pháp, Sắc Pháp, Quá Khứ, Hiện Tại, Vị Lai, cảnh Nội, cảnh Ngoại, cảnh Nội Ngoại.

**BẢNG TÓM TẮT: Phần biết Cảnh.** (Cảnh có bao nhiêu Tâm biết)

<b>Cảnh:</b>	<b>Tâm Biệt:</b>	<b>Nhất Định:</b>	<b>Bất Định:</b>	<b>Nhất Định và Bất Định:</b>	<b>Tổng công:</b>
Chế định	Tâm sắc giới, Không vô biên và Vô sở hữu	21			<u>21</u>
Cảnh pháp, đảo đại, quá khứ, nội phần, siêu lý, danh pháp,	Thức vô biên, phi tướng phi phi tướng	6			<u>6</u>
Níp bàn, ngoại phần, ngoại thời, siêu lý, cảnh pháp, danh pháp	Tâm siêu thế	40			40
21 Cảnh	Tâm thông, đồng lực dục giới hữu nhân, khai ý môn		31		31
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: Cảnh sắc, thính, khí, vị, xúc, siêu lý, dục giới, sắc pháp, hiện tại = 9</li> <li>▪ Bất định: Cảnh Nội phần, ngoại phần, nội và ngoại phần = 3</li> </ul>	Tâm ngũ song thức			<ul style="list-style-type: none"> <li>• 9</li> <li>▪ 3</li> </ul> } =10	10
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất định: Cảnh Ngũ, siêu lý, dục giới, sắc pháp, hiện tại, Nội phần = 6</li> <li>▪ Bất định: Sắc, thính, khí, vị, xúc, ngoại phần và Nội Ngoại Phần = 7</li> </ul>	Ý giới			<ul style="list-style-type: none"> <li>• 6</li> <li>▪ 7</li> </ul> } =3	3
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhất Định: Dục Giới, Siêu Lý = 4</li> <li>▪ Bất Định: Cảnh: Sắc, Thính, Khí, Vị, Xúc, Cảnh Ngũ, Quá Khứ, Hiện Tại, Vị Lai, Danh Pháp, Sắc Pháp, Đảo Đại, Cảnh Nội, Cảnh Ngoại Phần, Cảnh Nội Ngoại = 15</li> </ul>	Tâm: Thẩm Tấn, Tiểu Sinh, Đại Quả			<ul style="list-style-type: none"> <li>• 2</li> <li>▪ 15</li> </ul> } =12	12
<b>CÔNG SỐ TÂM:</b>		67	31	25	<b>123</b>

**Tìm Hiểu Tâm Biết đặng Mấy Cảnh:**

Nương vào 3 phần vừa nêu trên, ta thấy các thứ Tâm biết đặng số Cảnh như sau:

1. **Tâm Vô Sở Hữu Xứ**, 3 thứ Tâm này biết cảnh Pháp, Cảnh Chế Định, Cảnh Ngoại Thời.

Các thứ Tâm này chỉ bắt Cảnh thuộc về đề mục Chế Định, nghĩa là giả định cảnh – chế bày cảnh, định đặt cảnh là phần tự chế - biến đặt ra rằng: Không có chi, lấy ý nghĩa này làm cảnh tu thiền vô sắc Vô sở hữu xứ.

Vì có quan niệm như thế nên có những tôn phái (Giáo Phái) vịn vào đây và đưa ra chủ thuyết "chấp không" từ giả định đề mục này.

Trở lại phần biết Cảnh của Tâm Vô sở hữu xứ, do biết Cảnh theo Chế định và quan niệm như thế, nên chỉ biết có 3 Cảnh: Cảnh Pháp (trong đó có phần chế định), Cảnh chế định và Cảnh ngoại thời (có cả Pháp tục để tức Chế Định).

2. **Tâm Không Vô Biên Xứ và 15 thứ Tâm Sắc Giới**, những Tâm này biết đặng 4 Cảnh: Cảnh Pháp, Cảnh Chế Định, Cảnh Ngoại Thời và Cảnh Ngoại Phần.

Vì Tâm Sắc Giới biết trong vòng 26 đề mục đều là Chế Định cả như: Thập hoàn tịnh (10) + Thập bất mỹ (10) + Tứ Vô lượng tâm (4) + Thân thể trước (1) + Đếm hơi thở (Đếm số tức quan (1)) = 26 (nói về đếm hơi thở - nên biết là: Hơi thở đưng môi, hoặc đưng lưỡi cũng đều chế định định cả).

Tâm không vô biên xứ (3) cũng chỉ bắt đề mục chế định "Hư không – Không cùng tột" làm cảnh.

\* Nên các thứ Tâm này biết 4 Cảnh: Cảnh Pháp, Cảnh Chế Định, Cảnh Ngoại Thời và Cảnh Ngoại Phần. (Do Pháp Hữu Vi sanh ngoài thân tâm ta làm Cảnh nên các thứ Tâm vừa kể trên biết đặng).

**Tóm lại:** 21 thứ Tâm vừa nêu (Sắc Giới (15) + Không vô biên (3) + Vô sở hữu (3)), hoàn toàn biết cảnh Chế Định (trong 21 cảnh, Cảnh nào có Chế Định hoặc liên quan đến Tục Đế là các thứ Tâm này đều biết, chẳng những biết mà còn Biết Nhất Định) cho nên không bao giờ biết Cảnh Siêu Lý.

3. **Ba thứ Tâm thức Vô Biên và 3 thứ Tâm Phi Tướng Phi Phi Tướng**, 6 thứ Tâm này biết đặng 6 Cảnh: Cảnh Pháp, Cảnh Siêu Lý, Cảnh Đáo Đại, Cảnh Danh Pháp, Cảnh Quá Khứ, Cảnh Nội Phần.

Tâm thức Vô biên sanh ra đặng do bắt đề mục Thức vô biên làm Cảnh, tức nhận định cho rằng "Tâm Không vô biên ấy rộng, vô cùng, vô tận không bờ mé (3 thứ Tâm này "Tâm thức vô biên bắt cảnh không ngoài Không vô biên".

Tâm Phi tướng phi phi tướng cũng chỉ bắt Cảnh bằng " Tâm Vô sở hữu xứ" cho rằng: " Tâm Vô sở hữu ấy chẳng phải có, chẳng phải không" hoặc Tâm Phi tướng phi phi tướng xứ khi phát sanh ra là chỉ bắt Cảnh đề mục với quan niệm cho rằng "Chẳng phải có, chẳng phải không". Vì thế nên 6 thứ Tâm này luôn luôn phát sanh ra đều biết Cảnh Đáo Đại nhất định và các Cảnh Pháp (có tâm đáo đại), danh Pháp (có Tâm Thiên hiệp thể), Siêu Lý – Quá khứ - Nội Phần (3 Cảnh này có Danh Sắc hiện tại hoặc đã qua, mang theo phần Tâm - Sắc - Vô Sắc giới) nên Tâm Thức Vô biên và Phi tướng phi phi tướng đều biết chắc nhất định.

4. **Tâm Siêu Thế**, Những Tâm này biết 6 Cảnh là: Cảnh Pháp, Cảnh Siêu Lý, Cảnh Níp Bàn, Cảnh Danh Pháp, Cảnh Ngoại Thời, Cảnh Ngoại Phần.

Tâm Siêu Thế luôn luôn hưởng Cảnh Níp Bàn, nên chắc chắn biết Cảnh Níp Bàn nhất định. Còn 5 Cảnh kia: Siêu Lý, Ngoại Thời, Ngoại Phần, Cảnh Pháp và Danh Pháp cũng được Tâm Siêu Thế biết đặng nhất định, do các Cảnh này đều có Phần Chi Pháp là "Níp Bàn" như:

- Cảnh Siêu Lý (hay còn gọi Cảnh chơn Đẽ) là: Tâm + Sở Hữu + Sắc Pháp + Níp Bàn.
- Cảnh Ngoại thời tức: Níp Bàn và chế định
- Cảnh Ngoại phần tức: Tâm, Sở hữu, Sắc pháp, Níp Bàn sanh ngoài thân ta.
- Cảnh Pháp tức: Tâm, Sở hữu, Sắc Pháp, Níp Bàn, chế định. (ngoài cảnh ngũ)
- Cảnh Danh pháp tức: Tâm, sở hữu, Níp Bàn.

Hễ Cảnh nào có chi Pháp là Níp Bàn là Tâm Siêu Thế biết tất. Tức là loại Tâm có các thứ Tâm thù thắng khi sanh khởi hay sanh lên là "luôn luôn chỉ có đối tượng Níp Bàn làm Cảnh" hoặc "*Lokuttaracitta* – Tâm Siêu Thế, thứ tâm vượt ngoài hạn định thế gian (Tam thế), Tâm đặc biệt phi thường khi sanh ra luôn luôn chỉ bắt Níp Bàn làm Cảnh.

5. **Ngũ Song Thức** – 10 thứ tâm này biết đặng 12 Cảnh:

- Nhất định:  
Cảnh sắc, thính, khí, vị, xúc, siêu lý, dục giới, sắc pháp, hiện tại = 9 .
- Bất định:

Cảnh Nội phần, ngoại phần, nội và ngoại phần = 3.

Mười thứ Tâm này gom thành 5 đôi thức, do tính chất và đặc tính của loại Tâm khi sanh ra không bao giờ biết Cảnh ngoài Sắc Pháp. Vì vậy Cảnh nào có chi Pháp thuộc về Sắc, tức có Sắc Pháp thì Tâm Ngũ Song Thức sẽ đặng biết, gọi đặng biết vì trong đó có Cảnh mà 5 đôi thức biết nhất định và có Cảnh biết bất định (Xem lại phần: Cảnh Sắc, Thính, Khí, Vị và Xúc).

6. **Ba thứ Tâm Ý Giới** biết 13 Cảnh:

- Nhất định:  
Cảnh Ngũ, siêu lý, dục giới, sắc pháp, hiện tại, Nội phần = 6
- Bất định:

Sắc, thính, khí, vị, xúc, ngoại phần và Nội Ngoại Phần = 7

Cũng như Tâm Ngũ Song Thức, Tâm Ý Giới (Tiếp Thâu (2), Khai Ngũ Môn (1)) khi sanh ra, khởi lên không bao giờ biết Cảnh ngoài Sắc Pháp. Bởi Ngũ Song Thức và Ý Giới sanh theo lộ Ngũ và bắt Cảnh Ngũ thuộc về Sắc Pháp hiện tại, mà Cảnh có Sắc đang sanh thì có Cảnh siêu lý, Cảnh dục giới, Cảnh sắc Pháp và Cảnh hiện tại nên Ý Giới biết các Cảnh trên nhất Định.

*Riêng Cảnh:* Sắc, thính, khí, vị, xúc thì không thể biết cùng một lúc (Tâm chỉ biết một Cảnh), nếu biết Cảnh Sắc thì không thể bắt Cảnh Thính – biết Cảnh Thính thì không biết cảnh sắc, bốn đôi thức và bốn Cảnh kia cũng vậy, chỉ Tâm Ý Giới biết đủ 5 Cảnh trên. Tuy nhiên nếu nói riêng ra từng Cảnh thì Ý Giới biết không nhất định, vì sanh một lộ phải đồng thức – đồng Cảnh, tức với Lộ Nhãn (Nhãn thức) chỉ biết Cảnh Sắc theo phần Nhãn Thức, còn sanh một lộ với Nhĩ thức cũng phải theo Cảnh đồng là Cảnh Thính ...

**Như Vậ:**

Nếu nói chung 5 Cảnh gọi là Cảnh Ngũ, thì Ý giới biết nhất định. Khi tách ra từng Cảnh: Sắc, thính, khí, ... Ý Giới biết bất định.

Còn 3 Cảnh ý giới biết bất định tiếp theo là: Nội phần, ngoại phần, và nội ngoại phần, cũng giống phần lý giải trên, khi biết Cảnh nội phần thì không biết Cảnh ngoại phần, mà biết Cảnh ngoại phần thì không biết 2 Cảnh kia ...

7. **Ba Tâm Thâm Tấn, Tâm Tiểu Sinh, 8 thứ Tâm Đại Quả**, những thứ Tâm này biết đến 17 Cảnh là: Trong 21 Cảnh trừ ra 4 Cảnh, Níp Bàn, Đáo Đại, Chế Định và Ngoại Thời.

Trong đó có:

- Nhất Định: 2 Cảnh là Cảnh Siêu Lý và Cảnh Dục Giới.
- Bất Định: Cảnh Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Ngũ, cảnh Pháp, Danh Pháp, Sắc Pháp, Quá Khứ, Hiện Tại, Vị Lai, cảnh Nội, cảnh Ngoại, cảnh Nội Ngoại.
  - Tâm Na Cảnh [(Đại Quả (8), Thâm Tấn (3) = 11]. Tiểu Sinh, vì luôn luôn biết Cảnh Siêu Lý thuộc dục giới, tức các thứ Tâm sanh ra hoàn toàn bắt cảnh thật "Tâm, sở hữu, sắc Pháp" (gọi Cảnh Siêu Lý hay chơn đế) mà thuộc về Cõi Dục giới, nên biết đặng Cảnh Siêu Lý và Cảnh Dục Giới nhất định.
  - Còn 15 Cảnh kia (ngoài Cảnh: Chế Định, Đáo Đại, Níp Bàn, Ngoại Thời) thì Tâm Na Cảnh, Tiểu Sinh, khi suy xét đến mới đặng biết, nên thuộc về bất định.

8. **12 thứ Tâm Bất Thiện và 8 thứ Tâm Đồng Lực Dục Giới Tịnh Hào Bất Tương Ưng** biết 20 Cảnh là trong 21 Cảnh trừ ra Cảnh Níp Bàn luôn Đáo Quả.

Những thứ Tâm thuộc về bất thiện, và dù là Thiện nhưng không có sở hữu Trí Tuệ hợp tức bất tương ưng trí, thì làm sao mà biết đặng Cảnh Níp Bàn (Níp Bàn là Cảnh của Tuệ cao).

**Như vậy:**

- Tâm bất thiện có 12 thứ chỉ biết 20 Cảnh (đã trừ Cảnh Níp Bàn).
- Tâm Đại Thiện, Đại Tố bất tương ưng Trí cũng biết 20 Cảnh (bớt Cảnh Níp Bàn).  
Các thứ Tâm trên biết 20 Cảnh là tùy trường hợp khi suy xét đến mới biết, hay biết Cảnh này thì không biết Cảnh kia, nên thuộc về biết bất định tất cả.

9. **Khai Ý Môn, 8 thứ Tâm Đồng Lực Dục Giới Tịnh Hào Tương Ưng và 2 thứ Tâm Thông**, những thứ Tâm này biết đủ 21 Cảnh. Nhưng tùy Bậc khác nhau. Chỉ có 6 thứ Tâm là 4 thứ Tâm Đại Tố Tương ưng, Tâm Thông Tố, Khai Ý Môn sanh cho Bậc Toàn Giác thời biết đặng tất cả 21 Cảnh, cho nên trong văn Lục Bát có nói "Nuốt trọn có đặng 6 Tâm" (Điều Pháp Lý Hợp của Đại Trưởng Lão Tịnh Sự - *Mahāthero Saritakicco*).

- Đây là 11 thứ Tâm biết tất cả 21 Cảnh, từ Cảnh Sắc ... cho đến Cảnh Nội Ngoại Phần, do biết rất nhiều Cảnh mà không có một Cảnh nào nhất Định, cho nên đối với 21 Cảnh đều biết bất định.
- Đối với Đại Thiện tương ưng trí, do đặc tính của các thứ Tâm này làm được rất nhiều việc, hành vi biết rộng rãi, nhân cho đặng sanh nhiều Người, nhiều Cõi. Như (8 thứ tâm nói chung đại thiện) nói riêng 4 thứ (đang đề cập) tâm Thiện tương ưng Trí (Dục Giới) khi tạo tác: Nhân cho Thập hạnh phúc, rồi nhân cho 6 Cảnh (Cảnh tính hẹp), nhân tiếp Tứ Trưởng (Dục, Cần, Tâm, Thâm), lại nhân tiếp 3 nghiệp (Thân, Khẩu, Ý) và tiếp đến nhân 3 bậc (Thượng, Trung, Hạ) thành 17.280 điều (8x10x6x4x3x3). Với đa chức năng lại cộng thêm tương ưng trí, nên biết rất nhiều Cảnh là điều tất nhiên.

Điều Cần Lưu Ý:

- Tâm Khai Ý Môn + 8 thứ Tâm đồng lực dục giới tịnh hảo tương ứng và 2 thứ Tâm Thông, những Tâm này biết tất cả 21 Cảnh, nhưng tùy Bậc có khác nhau (Phàm, Thánh hữu học, Thánh Alahán, Thánh văn, Độc giác và Toàn giác).
- Đặc biệt chỉ có Tâm Khai Ý Môn, 4 thứ Tâm Đại Tổ tương ứng và Tâm thông tổ sanh cho Bậc Toàn Giác thời biết đặng tất cả pháp, tức 21 Cảnh đều biết rõ thông, thông suốt, thấu đáo.

Bảng Tóm Tắt Tâm Biết Đặng Mấy Cảnh:

THỨ TÂM: → ↓ <b>BIẾT ĐẶNG</b> ↓ <b>CẢNH:</b> ↓		Vô Sở Hữu Xứ	Không Vô Biên Xứ và Sắc Giới	Thức Vô Biên và PTPPT	Siêu Thế	Ngũ Song Thức	Ý Giới	Thẩm Tấn, Tiểu Sinh, Đại Quả	Bất Thiện và Đồng Lực DGTH B.T.U	Khai Ý Môn, Đồng Lực DGTH TƯ và Thông
		(3)	(18)	(6)	(40)	(10)	(3)	(12)	(20)	(11)
1	Sắc					x	x	x	x	x
2	Thinh					x	x	x	x	x
3	Khí					x	x	x	x	x
4	Vị					x	x	x	x	x
5	Xúc					x	x	x	x	x
6	Ngũ						x	x	x	x
7	Pháp	x	x	x	x			x	x	x
8	Siêu Lý			x	x	x	x	x	x	x
9	Chế Định	x	x						x	x
10	Dục Giới					x	x	x	x	x
11	Đáo Đại			x					x	x
12	Níp Bàn				x					x
13	Danh Pháp			x	x			x	x	x
14	Sắc Pháp					x	x	x	x	x
15	Quá Khứ			x				x	x	x
16	Hiện Tại					x	x	x	x	x
17	Vị Lai							x	x	x
18	Ngoại Thời	x	x		x				x	x
19	Nội Phần			x		x	x	x	x	x
20	Ngoại Phần		x		x	x	x	x	x	x
21	Nội Ngoại Phần					x	x	x	x	x
<b>TÂM BIẾT ĐƯỢC MẤY CẢNH →</b>		<b>3</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>8 hoặc 12</b>	<b>13</b>	<b>17</b>	<b>20</b>	<b>21</b>

### A. Tìm Hiểu Sở Hữu Biết Đẳng Mấy Cảnh:

Phần Sở hữu biết đẳng bao nhiêu Cảnh, tức là cho ta thấy Sở hữu biết đẳng Cảnh là do cùng câu sanh chung với Tâm trên phương diện phối hợp (*Sampayoga*), nghĩa là cách nêu bày Sở hữu phối hợp với Tâm cùng sanh chung (cùng đồng sanh), ý nói - khi Tâm biết Cảnh tất nhiên Sở hữu cũng biết Cảnh (Tứ đồng: Đồng sanh, đồng diệt, đồng nương và **đồng biết cảnh**), ngoài ra khi biết đẳng mấy Cảnh Sở hữu phải dựa trên đặc tánh riêng với nhiều nghĩa lý được phân bày như sau:

➤ Sở hữu Bất thiện không bao giờ biết Đạo Quả và Níp bàn. Còn đối với 20 Cảnh kia thì bất định. Nói chung Sở hữu Bất thiện chúng ta nhận định thấy quá rõ ràng, bởi vì tính chất Bất thiện như bóng tối còn đạo quả níp bàn như ánh sáng rực rỡ, vậy thì ắt nhiên khi có ánh sáng bóng đêm sẽ mất hẳn. Nên nhớ phần Sở hữu Bất thiện vừa nêu là phải trừ Sở hữu Tật, bởi vì Sở hữu Tật là đố kỵ hay ganh tỵ mà đã đố kỵ và ganh tỵ thì chẳng bao giờ Tật đố với chính mình, nên nhất định biết cảnh ngoại phần, còn 19 Cảnh (trừ Cảnh Níp bàn) biết không như định tức bất định.

- **Vậy:** Sở hữu Bất thiện(14) (trừ Tật) còn 13 sở hữu, biết 20 Cảnh (đã trừ Cảnh níp bàn) nghĩa là 19 Cảnh kia biết bất định tức tùy trường hợp mà biết.

➤ Riêng Sở hữu Tật nằm trong Sân phần biết một Cảnh nhất định là Cảnh ngoại phần, do bản chất là ganh tỵ, đố kỵ, ganh ghét ... Nên những gì ngoài ta tức ngoài Thân tâm của ta mà có phần hơn về: Lợi lộc, danh tiếng, sự hiểu biết (trí tuệ), danh thơm ... là sanh lòng Tật đố, cho nên sở hữu Tật biết Cảnh ngoại phần là nhất định (biết riêng chắc chắn về cảnh này). Còn 19 Cảnh kia (bớt Cảnh Níp bàn) thì sở hữu Tật biết bất định.

➤ Ba thứ Sở hữu Ngăn trừ phần biết Cảnh siêu lý nhất định, bởi vì Cảnh siêu lý thuộc về chơn đế, bản chất thật, chơn tướng thật tính ... Nghĩa là do sở hữu này yếu hiệp với Tâm đồng sanh bắt Cảnh có bản thể thật như ngăn chặn pháp Bất thiện (phối hợp Tâm Đại thiện) hoặc cùng hiệp, cùng tương ứng (Tâm Siêu thể) đoạn tận pháp ác (Phiền não), tức là bắt cảnh cố định, mà cảnh cố định thực tướng ở đây là Cảnh Siêu lý, mà Cảnh siêu lý thì có bản thể thật chơn tướng thật không thay đổi dù quá khứ, hiện tại hay vị lai vẫn như nhiên, thực tính pháp.

Còn Cảnh Níp bàn nói trên phương diện đang thành tựu, đã thành tựu, thì sở hữu Ngăn trừ phần lúc ấy hợp cùng hay tương ứng với pháp câu sanh trong đó có Tâm Siêu thể để sát trừ Phiền não nghĩa là khi suy xét đến, do hội đủ yếu tố chúng đắc Đạo Quả mới biết Cảnh Níp bàn, còn lúc khác thì phối hợp Đại thiện để ngăn chặn pháp bất thiện, nên biết Cảnh níp bàn và 19 cảnh kia (trừ Cảnh quá khứ) bất định. Trường hợp nêu đây tại sao lại trừ Cảnh quá khứ, bởi vì do thích hợp với việc đang xảy ra và tương lai (vị lai) tức là ngăn ngừa hay trừ các pháp ác xấu bằng Ngũ, nghiệp, mạng, chớ đã xảy ra rồi (quá khứ) thì không thể ngăn hoặc trừ, nên sở hữu Ngăn trừ phần không biết Cảnh quá khứ.

➤ Hai thứ Sở hữu Vô lượng phần biết 4 Cảnh nhất định là Cảnh pháp, Cảnh chế định, Cảnh ngoại thời và Cảnh ngoại phần. Ở đây Sở hữu Vô lượng phần do đặc tính cảnh của nó là lấy chúng sanh làm đối tượng, nghĩa là do mượn cảnh bên ngoài chế định cho mình, nên sở hữu Bi và tùy hỷ biết 4 Cảnh nhất định. Trên

phương diện khác Cảnh chế định và Cảnh Níp bàn thuộc ngoại thời, tức ngoài thân tâm ta cũng thuộc ngoại phần.

Hay nói cách khác 4 Cảnh vừa nêu bao gồm nhiều chi pháp, mà trọng Tâm là có chi pháp chế định, tức có phần định đặt, chế biến, như lấy tất cả chúng sanh làm Cảnh thương xót (Bi) ... và vui theo lợi lành của người khác (Tùy hỷ) nghĩa là lấy việc thành tựu tốt đẹp của chúng sanh làm Cảnh thì đúng vào đặc tính của sở hữu vô lượng phần, thế nên sở hữu này biết 4 Cảnh trên là nhất định.

Còn 17 Cảnh khác thì biết bất định (lúc biết cảnh này khi thì biết cảnh kia).

➤ 33 sở hữu ngoài ra, biết 21 Cảnh đều bất định, tùy trường hợp.

Bảng Tóm Tắt Sở Hữu Biết Đẳng Mấy Cảnh:

<u>Sở hữu:</u>	<u>Cảnh:</u>	<u>Nhất định:</u>	<u>Bất định:</u>
13 thứ Sở hữu Bất thiện (đã trừ Tật)	Biết 20 Cảnh (đã trừ Cảnh Níp bàn)		20
Sở hữu Tật	20 Cảnh (đã trừ cảnh Níp bàn)	Ngoại phần	19
Sở hữu Ngăn trừ phần	20 Cảnh (đã trừ cảnh quá khứ)	Siêu lý	19
Sở hữu Vô lượng phần	21 Cảnh	Cảnh pháp, chế định, ngoại thời, ngoại phần	17
33 Sở hữu ngoài ra các Sở hữu kể trên.	21 Cảnh		21

## VI. KẾT LUẬN:

Trong phần *pāli* - *Abhidhammatthasaṅgahakathā* (Vô Tỷ Pháp Yếu Hiệp Chú Giải) có trình bày phần tóm tắt "Cảnh Nhiếp" như sau:

*Pañcavisa parittamhi  
Cha cittāni mahaggate  
Ekavīsati vohāre  
Attha nibbānagacare  
Visamuttaramuttamhi  
Aggamaggaphujjite  
Pañca sabbattha cha ceti  
Sattadhā tattha saṅgaho.*

Ngài Đại Trưởng Lão Tịnh Sự dịch theo lối văn lục bát (Vô Tỷ Pháp nhiếp) như sau:

Trọn quả cảnh dục hăm lăm (25),  
Sáu leo đáo đại hơn hăm chế bày (6, 27),  
Níp bàn có tám quyết nay (8),  
Ẩn chứa siêu thể hơn rày hai mươi (21),  
Chỉ trừ La hán Đạo cư (20),  
Cùng là Quả tột nữa mười là năm (5),  
Nuốt trọn đặng có sáu Tâm (6),  
Yếu hiệp cảnh giới nhiếp trong bảy phần

CẢNH NHIẾP (*ĀRAMMANASAṄGAHA*) được gom dón gọn ở bảy nhóm Tâm như sau:

- NHÓM MỘT: **Trọn quớ cảnh dục hăm lăm** (25), tức là 25 thứ Tâm "lấy Dục giới làm Cảnh", gồm có: Tâm Vô nhân (đã trừ Khai ý môn) + Đại quả (8).
- NHÓM HAI: **Sáu leo đáo đại hơn hăm chế bày** (6, 27), tức là 6 thứ Tâm "lấy Đáo đại làm Cảnh", gồm có: Tâm Thức vô biên (3) + Tâm Phi tướng phi phi tướng (3).
- NHÓM BA: **Níp bàn có tám quyết nay** (8), tức là 8 thứ Tâm "lấy Níp bàn làm Cảnh", gồm có: Tâm Đạo (4) + Tâm Quả (4). Hoặc là Tâm Đạo (20) + Tâm Quả (20).
- NHÓM BỐN: **Ăn chùa siêu thể hơn rày hai mươi** (21), tức là 21 thứ Tâm "lấy Chế định làm Cảnh", gồm có: Tâm Sắc giới (15) + Tâm Không vô biên (3) + Tâm Vô sở hữu (3).
- NHÓM NĂM: **Chỉ trừ La hán đạo cư** (20), tức là 20 thứ Tâm "lấy Pháp làm Cảnh (hiệp thể)", gồm có: Tâm Bất thiện (12) + Tâm Đại thiện, Đại tố bất tương ưng trí (8).
- NHÓM SÁU: **Cùng là quả tốt nữa mười là năm** (5), tức là 5 thứ Tâm "lấy tất cả Pháp làm cảnh" (trừ Đạo Quả Ứng Cúng Toàn Giác), gồm có: Đại thiện tương ưng (4) + Tâm Thông thiện (1).
- NHÓM BẢY: **Nuốt trọn đặng có sáu Tâm** (6), tức là 6 thứ Tâm "lấy tất cả Pháp làm cảnh đặng" nghĩa là Bạc thông thấu biết hết trọn vẹn tất cả Pháp, phần này chỉ dành riêng cho Bạc Toàn Giác mà thôi, gồm có: Tâm Đại Tố tương ưng (4) + Thông tố (1) + Khai ý (1).

*Lưu ý:*

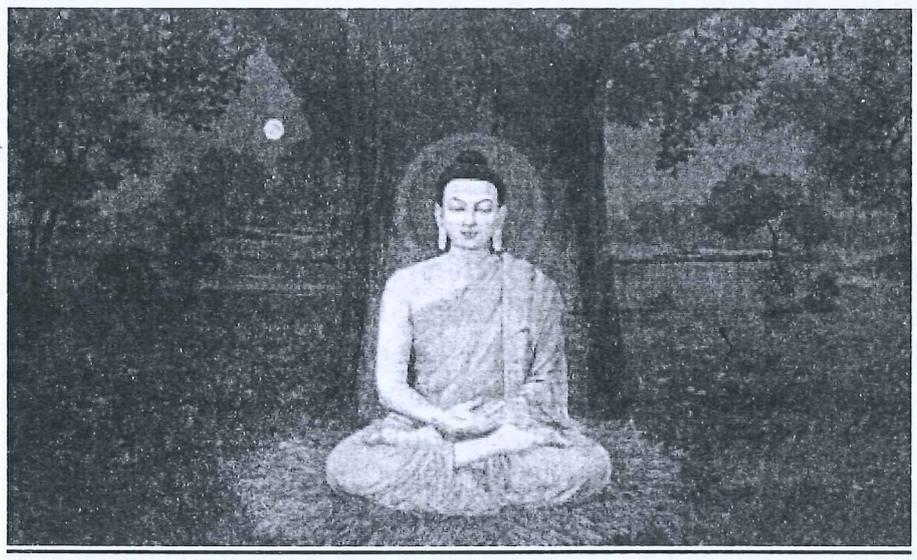
Nhóm sáu và nhóm bảy gom chung đặng biết 21 Cảnh, tức là: Tâm Khai ý môn (1) + Tâm Đồng lực dục giới Tịnh Hào hữu nhân Tương Ứng Trí (8) + Tâm thông (2): 1 + 8 + 2 = 11 thứ Tâm. Lấy Pháp (*Dhammā*) làm Cảnh, nhưng do tùy Bạc khác nhau nên phân ra thành 2 nhóm (sáu và bảy), phân ra để dễ nhận.

**BẢNG TÓM LƯỢC CẢNH NHIẾP:**

<b><i>Nghĩa lý:</i></b>	<b><i>Tâm:</i></b>	<b><i>Cảnh:</i></b>
1. Trọn quố cảnh dục hăm lăm (25),	Tâm Vô nhân (đã trừ Khai ý môn) + Đại quả (8).	17 Cảnh (đã trừ chế định, đáo đại, ngoại thời, níp bàn).
2. Sáu leo đáo đại hơn hăm chế bày (6, 27),	Tâm Thức vô biên (3) + Tâm Phi tướng phi phi tướng (3).	6 Cảnh: Cảnh pháp, siêu lý, đáo đại, danh pháp, quá khứ và nội phần
3. Níp bàn có tám quyết nay (8),	Tâm Đạo (4) + Tâm Quả (4). Hoặc là Tâm Đạo (20) + Tâm Quả (20).	6 Cảnh: Cảnh pháp, siêu lý, níp bàn, danh pháp, ngoại thời và ngoại phần.
4. Ăn chừa siêu thể hơn rày hai mươi (21),	Tâm Sắc giới (15) + Tâm Không vô biên (3) + Tâm Vô sở hữu (3).	4 Cảnh: Cảnh pháp, chế định, ngoại thời và ngoại phần.
5. Chỉ trừ La hán Đạo cư (20),	Tâm Bất thiện (12) + Tâm Đại thiện, Đại tổ bất tương ưng trí (8).	20 Cảnh (đã trừ Cảnh Níp bàn do không biết đặng).
6. Cùng là Quả tốt nữa mười là năm (5),	Đại thiện tương ưng (4) + Tâm Thông thiện (1).	21 Cảnh
7. Nuốt trọn đặng có sáu Tâm (6),	Tâm Đại Tổ tương ưng (4) + Thông tổ (1) + Khai ý (1).	21 Cảnh
Yếu hiệp cảnh giới nhiếp trong bảy phần	1. lấy Dục giới làm Cảnh, 2. lấy Đáo đại làm Cảnh, 3. lấy Níp bàn làm Cảnh, 4. lấy Chế định làm Cảnh, 5. lấy Pháp làm Cảnh (hiệp thể) (ngoài Đạo Quả và Níp Bàn), 6. lấy tất cả Pháp làm cảnh, 7. lấy tất cả Pháp làm cảnh, (sanh cho Bạc Toàn Giác).	

BẢNG TỌA LỤC CẢNH NHẬP

Cảnh	Tâm	Nghĩa (T)
1. Cảnh (Đ) từ đời đời, đời đời, ngày đời, ngày đời.	Tâm Vô niệm (Đ) từ đời (Đ) (Đ) + Đời đời (Đ)	1. Tâm quán niệm đức Phật tâm (Đ)
2. Cảnh: Cảnh Phật, sắc từ sắc đời, đời đời, đời đời và đời đời.	Tâm Thức vô biên (Đ) + Tâm Trí không phân biệt (Đ)	2. Sắc lạc đời đời tâm đời đời (Đ, Đ)
3. Cảnh: Cảnh Phật, sắc từ sắc đời, đời đời, ngày đời đời và ngày đời đời.	Tâm Đạo (Đ) + Tâm Quả (Đ) hoặc là Tâm Đạo (Đ) + Tâm Quả (Đ)	3. Tâm tâm có tâm quyết tâm (Đ)
4. Cảnh: Cảnh Phật, sắc từ sắc đời, đời đời và đời đời.	Tâm Đạo (Đ) + Tâm Quả (Đ)	4. Tâm tâm đời đời tâm đời đời
5. Cảnh đời đời		5. Cảnh đời (Đ)
6. Cảnh đời		6. Cảnh đời đời
7. Cảnh đời		7. Cảnh đời đời
8. Cảnh đời		8. Cảnh đời đời
9. Cảnh đời		9. Cảnh đời đời



2, 6  
10

Bài 22:

**NGƯỜI VÀ CỐI**  
(*PUGGALA BHEDA BHŪMI*)

**I. ĐỊNH NGHĨA:**

**PHẦN 1: NGƯỜI (PUGGALA)**

*Puggala* hay *Puggalo* dịch là Người. Người còn gọi là chúng sanh, loài hữu tình, loài có Tâm thức, loài có Thức tánh. Đây là nói theo Chế định. Còn nói theo Siêu lý thì Người là chỉ Danh uẩn và Sắc uẩn, hay là chỉ bày cho Tâm quả hiệp thể, Sắc tâm quả, Sắc nghiệp tái tục ... luân chuyển trong Tam giới.

Hay nói cách khác, tất cả chúng sanh trong Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, bởi vì trình độ hiểu biết, căn cơ khác nhau, do đi theo nghiệp riêng của mình vì hành vi tạo tác trước đó, để lại Di thực quả tức Di Thực Quả Duyên mà sanh tử. Vì vậy sự đi tái tục này, hay tục sinh, hoặc tái sinh cho luôn đến gọi là đầu thai đều do Nghiệp tạo, Tâm tái tục, quý tiết sanh, vật thực khởi. Những ý nghĩa này hiện bày thì được gọi là Người, Chúng sanh ... thực ra là sự tiếp nối sanh diệt của Danh uẩn và Sắc uẩn.

**NGƯỜI:** Chỉ chung cho 12 hạng Người, nghĩa là trong đó có sự chế định, thứ trạng và sắp xếp theo thứ tự - từ hạng thấp nhất và khổ nhất là Người khổ, lên đến Người hay hạng Bạc Thanh Tịnh – An vui thuộc Tứ Đạo và Tứ Quả:

**MƯỜI HAI (12) HẠNG NGƯỜI như sau:**

*Đời ≤ bản chất  
chúng sanh  
vũ trụ*

- A. Là Người Khổ Vô Nhơn (*Ahetuka puggala*).
- B. Là Người Lạc Vô Nhơn (*Sugati ahetukapuggala*).
- C. Là Người Nhị Nhơn (*Davihetukapuggala*).
- D. Là Người Tam Nhơn (*Tihetukapuggala*).
- E. Là Người Đạo Nhập Lưu (*Sotāpattimaggapuggala*).
- F. Là Người Quả Nhập Lưu (*Sotāpattiphalapuggala*).
- G. Là Người Đạo Nhất Lai (*Sakadāgāmimaggapuggala*).
- H. Là Người Quả Nhất Lai (*Sakadāgāmiphalapuggala*).
- I. Là Người Đạo Bất Lai (*Anāgāmimaggapuggala*).
- J. Là Người Quả Bất Lai (*Anāgāmiphalapuggala*).
- K. Là Người Đạo Vô Sanh (*Arahattamaggapuggala*).
- L. Là Người Quả Vô Sanh (*Arahattaphalapuggala*).

**1. Người Khổ Vô Nhơn (*Ahetuka puggala*):**

*cah  
celang saul  
nhân nhân  
vật  
g*

Đây là chỉ cho hạng Người tái tục bằng Tâm Thảm tấn xả thọ quả bất thiện, hạng người này nương sanh ở 4 cõi khổ thú, có hiện tượng như là: Địa Ngục hay Âm Ngục, tức là phần âm mất tự do, nếu nặng thấy nơi trong đất, phía dưới có chỗ hình phạt v.v.... Hay Vạn vật, Bàng sanh, Nga Qui (quỷ đói khát, quỷ dữ), Atula (Atula địa, Atula nhân và Atula thiên). Người Khổ Vô nhân kêu tắt gọi là người Khổ cũng không phải thiếu nghĩa, vì người khổ toàn là vô nhân, không có người khổ hữu nhân, cho nên có thể gọi gọn là Người Khổ.

*đời*

*quy (đời khổ)  
24 phàm gia đình*

Hay nói cách khác, sự hiện bày của tâm quả hiệp thể sắc nghiệp mà qua các trạng thái hiện tượng như: Vạn vật - phi cầm, tẩu thú v.v... Đây gọi người bàng sanh, cho đến quý đối hay ngã quý, hoặc atula – quý dữ và địa ngục là những trạng thái nêu bày chúng sanh nương ở đây mất tự do, và nặng thì phải chịu hình phạt theo nhiều cách khốc liệt v.v...

Như vậy, người khổ là người thường bị khổ đau, là chúng sanh thiếu hạnh phúc, phân ra làm 4 dạng người: Người Địa Ngục, Người Bàng Sanh, Người ngã Quý và Người Atula.

## 2. Người Lạc Vô Nhơn (*Sugati ahetukapuggala*):

Người lạc vô nhơn tức là những người tái tục bằng Tâm phẩm tấn quả thiện vô nhân nương sanh, nương ở cõi nhân loại và chư thiên Tứ thiên vương bậc thấp. Hay nói theo một cách khác người lạc vô nhân là những người có nhiều hạnh phúc hơn những người khổ, chúng sanh này không đến nỗi chịu nhiều khổ hình, đau khổ. Có một điều là hạng người này không thể chứng Thiên hay Đạo Quả được bởi không có nhân vô tham, vô sân và vô si. Gọi người Lạc do hưởng Quả Thiện nhưng thiếu nhân tương ứng tức không có 3 nhân thiện cầu sanh lúc tái tục, vì trong lúc tái tục bằng Tâm Quả Thiện Vô Nhân. Người Lạc được phân ra 3 trường hợp:

- Trường hợp thứ nhất ở cõi Nhân loại thuộc về thai sanh.
- Trường hợp thứ hai ở cõi Tứ thiên vương là hóa sanh.
- Trường hợp thứ ba cõi Vô tướng cũng hóa sanh, nhưng lúc tái tục bằng Sắc mạng quyền cùng sắc nghiệp, sắc quý tiết, sắc vật thực và các sắc câu sanh khác, chớ không có Tâm sanh. Mặc dù gọi là Người Lạc nhưng có một điều là trước khi tái tục Bậc này phải Đắc Ngũ Thiên, vì nhằm chán có cái Tâm, nên nguyện Tâm không sanh, lúc tử do phước nghiệp thiên đặng tái tục sanh về cõi Vô tướng thiên tức thuộc cõi nhất uẩn: Chỉ có Sắc uẩn mà thôi.

## 3. Người Nhị Nhơn (*Davihetukapuggala*) hoặc (*Duhetukapuggala*): 2 tái sinh ở cõi

Là những người tái tục bằng 4 thứ Tâm Quả bất tương ứng trí (không có trí hợp). Nghĩa là lúc tái tục không có Nhân vô si (chỉ có Nhân: vô tham và vô sân), do đó người Nhị nhân cũng không thể Đắc Thiên hay Đạo Quả được. Như vậy, người nhị nhân là người có thân thể đầy đủ như người tam nhân nhưng kém phần trí tuệ, bởi lúc tái tục, do sát na tâm tái tục không có nhân vô si (trí) nương sanh. Những người này nương sống, nương nhờ, nương ở 7 cõi vui dục giới.

Lưu ý:

3 hạng người vừa kể trên: Người khổ, người lạc, người nhị nhân gọi là "phàm phu vô phần" (*Abhabba puthujana*) tức là những hạng người này không có phần Đắc Đạo - Quả, Thiên trong đời sống hiện tại. Nếu có tu tiến thì chỉ trợ cho kiếp sau, hoặc kiếp sau sau.

## 4. Người Tam Nhơn (*Tihetukapuggala*):

Là chúng sanh tái tục bằng 1 trong 13 thứ Tâm Quả tam nhân, trong đó phân ra:

- Người Dục giới Tam nhân thì tái tục bằng 4 thứ tâm đại quả tương ứng.

- Người Sắc giới Tam nhân tái tục bằng tâm quả sắc giới.
  - Người Vô sắc giới Tam nhân tái tục bằng tâm quả vô sắc giới.
- Đây là hạng người đặng nhiều cách, trong đó nếu thường thực hành Thập Phúc Hành Tông (Thập Thiện), thì đặng như sang trọng, tướng tốt, có đầy đủ trí tuệ, bậc này tu tiến có thể chứng quả trong kiếp hiện tại nếu đầy đủ pháp độ và pháp quán hoặc đặc thiên.

Hay nói cách khác, những hạng chúng sanh nào mà có tâm lực mạnh mẽ và trong sáng, sáng suốt do hành vi tạo tác thường quen nếp trí, chúng sanh đó trong quá khứ được 3 nhân thiện tương ứng theo lối thường cận y duyên, nghĩa là đã tích lũy trải dài nhiều đời, làm kiếp thực hành nhân sanh trí (40 nhân sanh Trí Tuệ). Những người này lúc tái tục với đầy đủ Quả Thiện hữu nhân nhất là nhân Vô Si (tức sở hữu Trí Tuệ câu sanh lúc tái tục) sẽ giúp hỗ trợ, đồng thời nếu thuận duyên tu thiền và phát triển nền móng của trí tuệ đó, thúc đẩy tiến tu đến Đạo Quả siêu thế. Còn nếu đời thường thức thì vị này là bậc thông minh đĩnh ngộ, sáng dạ, bác học ...

Người Tam Nhân nương theo 3 cõi có những trường hợp như sau:

- Trường hợp thứ nhất: Người Tam nhân Đặc Thiên Sắc (tùy theo bậc) đồng thời không bị hoại thiên trong đời sống hiện tại (bình nhật) và khi tái tục sẽ bằng 1 trong 5 thứ Tâm Quả Sắc Giới đặng sanh về 1 trong 5 cõi Thiên Sắc Giới.
- Riêng hoại thiên trước tử, tức cận tử (gần kề chết) mà dứt Thiên, e khó lòng có dịp mà tu tiến đề mục để đặc lại thiên sắc giới.
  - Trường hợp thứ hai: Người Tam Nhân Đặc Thiên Vô Sắc tại Cõi Vui Dục Giới, không hoại Thiên trong đời sống bình nhật kiếp hiện tại ngay lúc cận tử - tái tục bằng 1 trong 4 Tâm Quả Vô Sắc ... Nếu dứt Thiên gần cận tử, hoặc chặng mảng sau khi dứt Thiên mà không tu tiến lại đề mục, thì khó mà sanh về cõi Vô Sắc do đặc Thiên Vô Sắc trước đó đã hoại...

#### 5. Người Đạo Nhập Lưu (*Sotāpattimaggapuggala*):

Người Đạo nhập lưu hay còn gọi là Người Sơ Đạo tức là Tâm Sơ Đạo đang sanh, đang còn (trong 3 sát na tiểu). Hoặc là người đang đoạn tận phiền não tử ngộ Níp Bàn lần đầu tiên. Đây là bậc có sát na Sơ Đạo đang sanh cũng là đồng thời đang diệt trừ: Thân Kiến, Hoài Nghi và Giới Cấm Thủ, tức diệt hẳn 2 pháp bản thể bất thiện là: Sở hữu Hoài nghi và sở hữu Tà kiến cùng với pháp câu sanh tuyệt.

Hay nói cách khác, người Sơ Đạo, hay người Đạo Dự Lưu, hoặc Bạc Tu Đà Hườn Đạo là bậc nhập vào dòng Thánh vực lần đầu tiên, mà sát na đó (sát na Sơ Đạo đang sanh và đang còn) với chức năng đoạn diệt phiền não, thấy đặng cảnh Níp Bàn lần đầu tiên, làm suy yếu các pháp bất thiện còn lại, tận diệt chủng tử sanh vào khổ thú, đoạn dứt chủng tử đời thứ 8 cõi vui dục giới.

#### 6. Người Quả Nhập Lưu (*Sotāpattiphalapuggala*):

Người Quả nhập lưu tức là Bạc đã chứng đắc Đạo nhập lưu, người mà thành tựu khi trạng thái Tâm Đặc Đạo sanh lần đầu tiên. Bậc này còn gọi là Sơ Quả, Quả Dự Lưu, Tu Đà Hườn Quả.

Người Sơ Quả là Bạc được tính từ Tâm Sơ Quả phát sanh lần thứ nhất cho đến sát na diệt của tâm dữ tịnh sanh trong lộ Đặc Nhị Đạo.

### 7. Người Đạo Nhất Lai (*Sakadāgāmimaggapuggala*):

Là Bạc chỉ trở lại cõi nhân loại hoặc cõi chư thiên 1 lần mà thôi, vì đang diệt chủng tử (*Bija*) đời thứ hai cõi dục giới vui, hay Tâm Đạo này sanh khởi lần thứ 2 sau khi đã chứng Sơ Quả, nên cũng được gọi là người Nhị Đạo. Lúc sát na này đang sanh đang còn thì làm nhẹ thêm hai phiền não kể Tham Dục và Sân, đồng thời làm suy yếu thêm lần nữa các phiền não bất thiện còn lại. Hay là trong lộ Đắc Nhị Đạo thì người Nhị Đạo sanh trong 3 sát na (tiểu) của Tâm Nhị Đạo đang sanh.

### 8. Người Quả Nhất Lai (*Sakadāgāmiphala-puggala*):

Đây là Bạc Thánh thứ hai, mà Bạc này được tính từ khi Tâm Nhị Quả phát sanh lần thứ nhất cho đến sát na diệt của Tâm Dũ Tịnh sanh trong lộ đắc Tam Đạo. Hay là Bạc này gọi người Nhị Quả tức người đã chứng đắc Nhị Đạo. Bạc này gọi Quả Nhất Lai bởi vì chỉ sanh lại Cõi Dục Giới Vui một lần mà thôi (tức là một kiếp Nhân loại hoặc một kiếp Chư Thiên).

### 9. Người Đạo Bất Lai (*Anāgāmimaggapuggala*).

Là Bạc Thánh đang sát trừ hay đang đoạn tận hai phiền não tham Dục và Sân mà người Nhị Quả đã làm giảm nhẹ trước đây. Bạc này cũng còn gọi là Người Tam Đạo đắc trong 3 sát na. Còn trên phương diện phiền não và các nghiệp quả luân hồi thì vị này đoạn tận chủng tử tái tục Cõi Dục Giới, nghĩa là nếu không đắc tiếp Tứ Đạo Quả và cũng không có Thiên thì vị ấy sau khi tử, sẽ tái tục đặng về Cõi sơ Thiên do thích hợp và **phù hợp cơ tánh Bạc Bất Lai Đạo hết phiền não Sân đặng sanh về Cõi Vô Sân** (Sắc Giới ...). Nếu Vị này có Thiên thì tùy theo Bạc mà sanh về Cõi Thiên đó, như: Sơ, Nhị, Tam, Tứ, Ngũ Thiên. Đồng thời, vị này đang làm giảm thêm nữa các Pháp bất Thiện còn lại.

### 10. Người Quả Bất Lai (*Anāgāmiphala-puggala*).

Là Bạc Thánh thành tựu từ Tam Đạo Bất Lai, hay là gọi người Tam Quả vì được tính từ khi Tâm Tam Quả phát sanh lần thứ nhất cho đến sát na diệt của Tâm Dũ Tịnh sanh trong lộ đắc Tứ Đạo. Người Quả Bất Lai hay người Tam Quả là người đã đắc chứng Tam Đạo. Xét về tam luân hồi thì vị này, bậc ấy nếu không đắc tiếp La Hán Đạo – Quả thì sẽ sanh về các Cõi tùy theo trường hợp, như sau:

- Thánh Tam Quả không Thiên như đã trình bày trong người Tam Đạo tức sẽ sanh về Cõi Sơ Thiên.
- Nếu Đắc từ Nhị, Tam và Tứ Thiên thì sẽ sanh về các cõi tương ứng ấy.
- Còn nếu Bạc Thánh ấy đắc Ngũ Thiên thì dựa trên năm Quyền để làm Căn Nguyên tái tục về Cõi Thánh Cư (Ngũ Tịnh Cư), trong đó như là:
  - Nếu Vị Tam Quả có Tín Quyền mạnh thì tái tục Cõi Vô Phiền Thiên.
  - Nếu Vị Tam Quả có Tấn Quyền mạnh thì tái tục Cõi Vô Nhiệt Thiên.
  - Nếu Vị Tam Quả có Niệm Quyền mạnh thì tái tục cõi Thiện Kiến Thiên.
  - Nếu Vị Tam Quả có Định Quyền mạnh thì tái tục Cõi Thiện Hiện Thiên.
  - Nếu Vị Tam Quả có Tuệ Quyền mạnh thì tái tục Cõi Sắc Cứu Cánh Thiên.

**11. Người Đạo Vô Sanh (Arahattamaggapuggala):**

Là Người đang tuyệt trừ tất cả chủng tử tái tục (Vô sanh), hay Bạc Thánh đang đoạn tận các phiền não còn lại như Sắc ái, Vô Sắc ái, Ngã mạn, Điều cử và Vô minh, đồng thời Bạc Thánh ấy đang tỏ ngộ Níp Bàn lần thứ tư, đang chấm dứt và bẻ gãy bánh xe sanh tử luân hồi, chủng tử luân hồi, đoạn trừ tam luân hồi, diệt tận tất cả Pháp bất thiện còn lại. Người Tứ Đạo đồng nghĩa với Người Đạo Vô sanh, Tâm Tứ Đạo chỉ phát sanh một lần trong 3 sát na tiểu.

**12. Người Quả Vô Sanh (Arahattaphalapuggala):**

Là Bạc từ khi Tâm Tứ Quả phát sanh lần thứ nhất cho đến sát na diệt của Tâm Tử - Níp Bàn, Bạc Thánh này loại Vô Sanh, tức là sau cái sát na diệt của Tâm Tử, Bạc đó sẽ Níp Bàn luôn và không còn sanh nữa, vì vậy gọi là Bạc Thánh Vô Sanh.

Hay nói cách khác, gọi Bạc Thánh Quả vô sanh hay người Quả Vô Sanh, là Bạc đắc Đạo và Quả này rồi không còn tái tục nữa. Tìm hiểu thêm về nghĩa của Thánh Vô Sanh theo 3 cách:

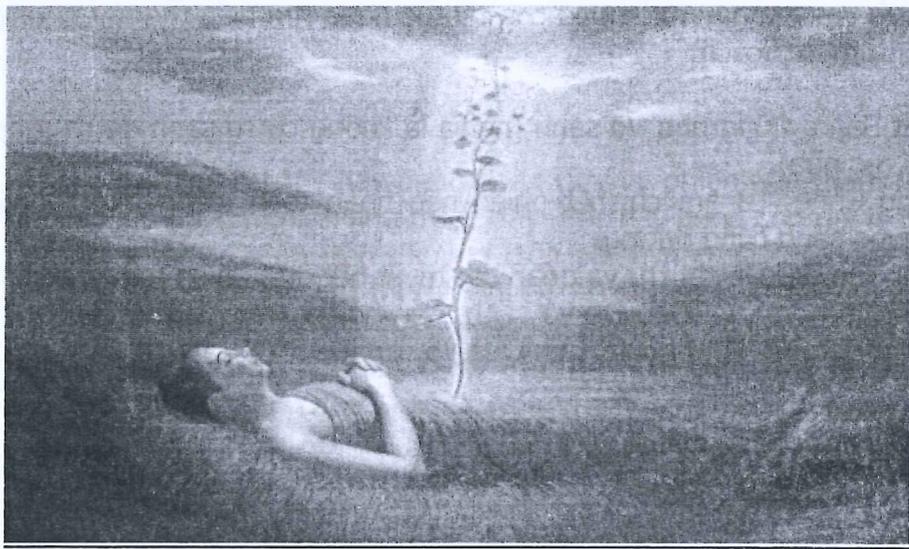
- 1) Bất Sanh: Cũng như Vô sanh (nghĩa là không có sự sanh đẻ ra tức không có sự tái tục nữa).
  - 2) Ứng Cúng: Là ám chỉ hết phiền não hoàn toàn, đáng làm ruộng Phước cho chúng sanh cúng dường.
  - 3) Sát Tặc: Tức là sát trừ và đoạn tận tuyệt hết giặc phiền não v.v...
- ❖ Tâm mà hợp với Đạo Để vô sanh, nên gọi là Tâm Đạo Vô sanh. Thành tựu từ Tâm Đạo Vô Sanh gọi là Tâm Quả Vô sanh.

1.1 Người Đạo Vô Samsa (Anamaya-sammasambuddhi)

là người đang vượt bậc từ cõi chúng sinh là tục (Vũ trụ), hay bậc Thành đạo được các vị Phật nhìn nhận còn lại như sắc, ái, vô sắc, ái, ngã mạn, chấp có và vô minh, đồng thời bậc Thành đạo bằng là ngũ nghiệp thiện là từ từ, bằng chính đức và bằng tâm xa lánh từ trần thế, không bị luân hồi, được từ tâm luân hồi, một đời là Phật bất thiện còn lại người từ Đạo bằng người với người Đạo Vô Samsa, Tâm từ Đạo chỉ phát sinh một đời trong 3 cõi na hữu.

1.2 Người Đạo Vô Samsa (Anamaya-sammasambuddhi)

là bậc từ khi Tâm từ Đạo phát sinh là đời mới cho đến sắc na hữu của Tâm từ - tập Đản, bậc Thành đạo với Đạo, từ là sau đời này na hữu của Tâm từ, bậc đó sẽ tập Đản và không còn sinh nữa, vì vậy gọi là bậc Thành Vô Samsa. Hay nói cách khác là bậc Thành Đạo và sinh lại người Đạo Vô Samsa, là bậc



Đ. Đ  
V. Đ  
1)  
2)  
3)  
4)

**PHẦN 2: CÔI (BHŪMI)**

**CÔI:** Được dịch từ Phạn ngữ *Pāli* "*Bhūmi*" có nghĩa là - Thuộc về chỗ hay phương diện: Nướng sanh, nướng ở, nướng sống hay nướng còn.

Theo *Pāli* có chú giải như sau:

- *Bhavanti sattā etthati = Bhūmi:* Là chỗ nướng nơi đó, đặng sanh ra và nướng ở v.v... . Chỗ ấy gọi là Cõi.

*Bhūmi* nói theo *Gati* (Sự đi, sự đi của nghiệp, sự đi qua cảnh giới khác, tái sanh, tái tục, tục sanh, đầu thai ...) có 4 loại:

1. *Gati gati:* Cõi là nơi tái tục của chúng sanh.
2. *Nibbattigati:* Sự tái tục.
3. *Ajjhāsayagati:* Tức nói căn tánh đang diễn tiến đến Cảnh giới hay cố ý mà cơ tánh đang tái tục đến nơi đó (Cõi).
4. *Vibhavagati:* Sự hiện khởi của Pháp quả hay sanh khởi của thành quả, tài sản.

Từ *Gati* nơi đây là *Gati gati*, như trong *Paṇṇāsa aṭṭhakathā*.

Có chú giải như sau:

- *Sukatadukatakammavasena gantabbāti = Gati:* Nghĩa là Cõi là nơi, chốn cho chúng sanh tái tục đến, mà chúng sanh ấy đi theo mãnh lực của nghiệp đã tạo. Gọi là *Gati*.

**Như vậy:**

Chúng ta thấy giữa chữ *Bhūmi* và *Gati* có sự tương đồng về nghĩa lý trên phương diện nơi, chốn, chỗ, mà chúng sanh nướng và tiến hành với khổ, hoặc tốt đẹp. Tức là do nơi nướng đó có trạng thái hứng chịu khổ (do tạo ác nghiệp, mãnh lực của phiền não đẩy đi, nghiệp chuyển tiếp, quả trở sanh thì chúng sanh ấy phải tiến hành với khổ, gọi là Khổ Cảnh (Cõi Khổ Thú). Ngược lại, nếu chúng sanh tạo các thiện lành thì được tiến hành nơi tái tục tốt đẹp, gọi là Nhân Cảnh (các Cõi vui).

Cũng theo *Paṇṇāsa aṭṭhakathā* có 2 câu chú giải như sau:

- 1) *Dukkkena gantabāti = Duggati:* Cõi, nơi chốn, nơi ở, nhờ nướng mà chúng sanh (đi theo quả luân hồi) phải tiến hành hình phạt khổ.
- 2) *Sudārāgati = Surati* (cũng là) nơi tiến hành, nơi tái tục của chúng sanh nhưng đặng phần tốt đẹp, hưởng quả lành nhiều. Hoặc là chúng sanh đã hành thiện nghiệp (đi theo quả luân hồi) đến Cảnh Giới: Cõi, nơi tái sanh có phần hưởng an vui nhiều hơn.

Trên phương diện nói về Cõi được phân ra 3, 4 hoặc 9, nhưng khi nói rộng thì có đến 31 Cõi. Theo một vài đoạn Kinh khác là phần kinh tâu có thêm 2 Cõi nữa là Phước Sanh Thiên và Phước Ái Thiên, nhưng phần chánh tạng *Pāli* vẫn gồm chung 2 Cõi ấy vào cõi Quảng Quả Thiên.

Chúng ta tìm hiểu cách phân chia về Cõi theo 3, 4 hoặc 9 hay rộng 31 Cõi, như sau:

## A. CÔI PHÂN THEO 3 cũng gọi là TAM GIỚI:

- 1 là Cõi Dục Giới (*Kāmāvacarabhūmi*).
- 2 là Cõi Sắc Giới (*Rūpāvacarabhūmi*).
- 3 là Cõi Vô Sắc Giới (*Arūpāvacarabhūmi*).

### 1) Cõi Dục Giới (*Kāmāvacarabhūmi*):

Là nơi chúng sanh phần lớn hưởng Cảnh Ngũ Dục (Sắc Dục, Thinh Dục, Khí Dục, Vị Dục, Xúc Dục).

Có những câu Pāli chú giải như sau:

- *Kammasahacarati sugati = Kammasugati.*
- *Kammasahacarati Dukkhe = Kammadukkha.*

Nghĩa là, nhân Cảnh mà câu hành với Ái Dục và Khổ Cảnh câu hành với Ái Dục gọi là Cõi Dục Giới. Phần Cõi này phân chia đặng thành 11 Cõi khác nhau:

- 4 Cõi Khổ Thú: Địa Ngục, Bàn Sanh, Ngạ Quỷ và Atula.
- 1 Cõi Nhân Loại: Nam Thiên Bộ Châu, Bắc Cu Lô Châu (Bắc Câu Lưu Châu), Đông Thắng Thần Châu và Tây Ngưu Hóa Châu.
- 6 Cõi Trời Vui Dục Giới: Tứ Thiên Vương, Đạo Lợi Thiên, Dạ Ma Thiên, Đâu Xuất Thiên, Hóa Lạc Thiên và Tha Hóa Tự Tại Thiên.

### 2) Cõi Sắc Giới (*Rūpāvacarabhūmi*):

Là Cõi còn hình Sắc nhưng không phải nhiều sắc thô như cõi trời Dục và chúng sanh trong Cõi này sự sống bằng Pháp hỷ quả của Thiên định, chớ không thọ hưởng ngũ dục lạc như cõi trời Dục giới. Cõi trời Sắc giới được phân thành 16 Cõi dựa theo 4 tầng Thiên:

- a. Tầng thứ nhất gọi là tầng Sơ Thiên có 3 Cõi: Phạm Chúng Thiên, Phạm Phụ Thiên và Đại Phạm Thiên.
- b. Tầng thứ hai gọi là tầng Nhị Tam Thiên có 3 Cõi: Thiếu Quang Thiên, Vô Lượng Quang Thiên và Biến Quang Thiên.
- c. Tầng thứ ba gọi là tầng Tứ Thiên có 3 Cõi: Thiếu Tịnh Thiên, Vô Lượng Tịnh Thiên và Biến Tịnh Thiên.
- d. Tầng thứ tư gọi là tầng Ngũ Thiên có 7 Cõi: Vô Tướng Thiên, Quảng Quả Thiên, Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Kiến Thiên, Thiện Hiện Thiên và Sắc Cứu Cánh Thiên.

Các vị Trời sống trong 16 Cõi như trên gọi là Chư Phạm Thiên Sắc giới (*Brahmadeva*) nghĩa là người tu tiến các đề mục Chỉ Tịnh (Pháp chỉ) khi đặng hay đắc Thiên tùy theo bậc mà sanh về các Cõi này. Hay nói cách khác, những Bậc tu tiến, Chư Thiên phát triển Pháp thù thắng đặc biệt như Thiên ... . Vì vậy, những vị ấy được gọi là Phạm Thiên sắc. Hoặc có sự tăng trưởng Đạo Pháp qua việc là tu tiến rồi thành tựu: Tịnh Giới, Tịnh Tâm, Tịnh Kiến đồng với Thiên Chứng và đạt được Thắng Trí cùng với Phạm Trú Pháp, nên cũng sanh đặng về Cõi sắc giới.

Như vậy, với sự phát triển như Thiên còn đề mục hình tướng, hình sắc mà chúng đắc được thiên ... . Cho nên mới gọi là Phạm Thiên Sắc Giới.

**3) Cõi Vô Sắc (*Arūpāvacarabhūmi*):**

Là nơi chốn mà chúng sanh nương sanh nương ở không có hình sắc, chỉ có Tâm thức mà thôi. Hay là chỉ có Danh Uẩn mà không có Sắc Uẩn. Do các Bậc này tu tiến đề mục Thiền không có Sắc Tướng. Các vị Phạm Thiên Vô Sắc khi đã sanh lên Cõi này là do mãnh lực Tu Tiến Ly Tham, Ly Hỷ trong Sắc, nghĩa là các vị này đã đạt được thành tựu do tu đề mục Thiền không có sắc, tức đề mục vô hình tướng, nên mãnh lực ấy thúc đẩy đặng sanh về Cõi Vô Sắc, đây cũng gọi là Phạm Thiên Vô Sắc.

Theo *Pāli* có chú giải như sau:

▪ *Arūpassa bharoti = Arūpaṃ*: Cõi nào là nơi phát sanh Thức Vô Sắc và phiền não Vô Sắc thì nơi đó gọi là Cõi Vô Sắc.

Cõi Vô Sắc có 4: Không Vô Biên Xứ Thiên, Thức Vô Biên Xứ Thiên, Vô Sở Hữu Xứ Thiên và Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên.

**B. CÕI PHÂN THEO 4:**

1 là Cõi Khổ Thú	( <i>Apāyabhūmi</i> )	có 04 cõi.
2 là Cõi Dục Lạc	( <i>Kāmasugatibhūmi</i> )	có 07 cõi.
3 là Cõi Sắc Giới	( <i>Rūpāvacarabhūmi</i> )	có 16 cõi.
4 là Cõi Vô sắc Giới	( <i>Arūpāvacarabhūmi</i> )	có 04 cõi.

**C. CÕI PHÂN THEO 9 (Cửu Hữu - *Bhāva*):**

1 là Cõi Dục Giới	( <i>Kāmāvacarabhūmi</i> )	có 11 cõi.
2 là Cõi Sắc Giới	( <i>Rūpāvacarabhūmi</i> )	có 16 cõi.
3 là Cõi Vô Sắc Giới	( <i>Arūpāvacarabhūmi</i> )	có 04 cõi.
4 là Cõi Ngũ Uẩn	( <i>khandhapañcakabhūmi</i> )	có 26 cõi.
tức là Cõi Dục Giới và Sắc Giới Hữu Tướng.		
5 là Cõi Nhất Uẩn tức là Cõi Vô Tướng	( <i>Khandha ekabhūmi</i> )	có 01 cõi.
6 là Cõi Tứ Uẩn tức là những Cõi Vô Sắc	( <i>Khandhacātukabhūmi</i> )	có 04 cõi.
7 là Cõi Hữu Tướng, tức là 29 Cõi (trừ Vô Tướng và PTPPT)		có 29 cõi.
8 là Cõi Vô Tướng ( <i>Asaññasattabhūmi</i> )		có 01 cõi.
9 là Cõi Phi Tướng Phi Phi Tướng ( <i>Nevasaññānāsaññāyatanabhūmi</i> )		có 01 cõi.

**D. CÕI PHÂN THEO dạng chúng sanh nương sanh, nương ở (*sattavāsa*) CÓ 9:**

1. Là Thân Dị Tướng Dị (*Sattā nānattakāyanānattasaññīno*) như là nhân loại cũng có hạng chư Thiên và Ngạ Quỷ.
2. Là Thân Dị Tướng Đồng (*Sattā nānattakāyekattasaññīno*) như là Sơ Thiên Phạm Thiên tư tướng giống nhau mà Thân khác nhau.
3. Là Thân Đồng Tướng Dị (*Sattā ekattakāyanānattasaññīno*) như là Chư Thiên Quang Minh ở Cõi Tứ Thiên Vương (*ābhassāra*).
4. Là Thân Đồng Tướng Đồng (*Sattā ekattakāyekattasaññīno*) như là chư Thiên Mỹ Lệ (*Subhakiṇha*) ở Cõi Tam Thiên.
5. Là Vô Tướng Vô Thọ (*Sattā asaññīno appaṭisaṃvedino*), tức là chúng sanh Cõi Trời Vô Tướng (*Asaññasatta*).
6. Là Không Vô Biên Xứ (*Sattā ākāśānañcāyatanūpagā*), tức là chúng sanh Cõi trời Vô Sắc Không Vô Biên Xứ.

7. Là Thức Vô Biên Xứ (*Sattā viññāṇañcāyatanūpagā*), tức là chúng sanh Cõi Trời Thức Vô Biên Xứ.
8. Là Vô Sở Hữu Xứ (*Sattā ākiñcaññāyatanūpagā*), tức là chúng sanh Cõi trời Vô Sở Hữu Xứ.
9. Là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ (*Sattā nevasaññānāsaññāyatanūpagā*), tức là chúng sanh Cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

#### E. CÕI PHÂN THEO 31 (rộng):

- 1 là Địa Ngục hay Âm Ngục (*Nirayo*).
- 2 là Bàn Sanh (*Tiracchāna*).
- 3 là Ngạ Quỷ hay Quỷ Khổ (*Peta*).
- 4 là Atula (*Āsurā*).
- 5 là Nhân Loại (*Manussā*).
- 6 là Tứ Thiên Vương (*Catamāharajika*).
- 7 là Đạo Lợi Thiên (*Tettimsā*).
- 8 là Da Ma Thiên (*Yāmā*).
- 9 là Đầu Xuất Thiên (*Tusitā*).
- 10 là Hóa Lạc Thiên (*Nimmānaratī*).
- 11 là Tha Hóa Tự Tại Thiên (*Paranimmitavasavatti*).
- 12 là Phạm Chúng Thiên (*Brahma parisajjā*).
- 13 là Phạm Phụ Thiên (*Brahmapurohita*).
- 14 là Đại Phạm Thiên (*Mahābrahmā*).
- 15 là Thiếu Quang Thiên (*Parittābhā*).
- 16 là Vô Lượng Quang Thiên (*Appamānābhā*).
- 17 là Biến Quang Thiên (Quang Âm Thiên) (*Ābhassārā*).
- 18 là Thiếu Tịnh Thiên (*Parittasubhā*).
- 19 là Vô Lượng Tịnh Thiên (*Appamānasubhā*).
- 20 là Biến Tịnh Thiên (*Subhakinhā*).
- 21 là Quảng Quả Thiên (*Vehapphalā*).
- 22 là Vô Tướng Thiên (*Asaññasattā*).
- 23 là Vô Phiền Thiên (*Avihā*).
- 24 là Vô Nhiệt Thiên (*Atappā*).
- 25 là Thiện Kiến Thiên (*Sudassā*).
- 26 là Thiện Hiện Thiên (*Sadassī*).
- 27 là Sắc Cứu Cánh Thiên (*Akānitthā*).
- 28 là Không Vô Biên Xứ Thiên (*Akāśānañcāyatana*).
- 29 là Thức Vô Biên Xứ Thiên (*Viññāṇañcāyatana*).
- 30 là Vô Sở Hữu Xứ Thiên (*Akincaññāyatana*).
- 31 là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên (*Nevasaññānāsaññāyatana*).

#### 1) Cõi Địa Ngục hay Âm Ngục (*Nirayobhūmi*):

Là nơi chốn, chỗ ở, nương sanh, nương nhờ, mà không bao giờ có sự hạnh phúc an vui, bất hạnh, lại phải chịu sự khổ não vô cùng vô tận, liên tục không gián đoạn rất kinh hãi khủng khiếp. Đây là nơi mà kẻ tạo nghiệp ác do lòng **"Tham Dục Ác, Sân Hận Ác, Si Mê Ác"** thúc đẩy những hành động:

- ✓ Cướp bóc của Tam Bảo,
- ✓ Phỉ báng Phật, Thánh Tăng, chỉ trích Giáo Pháp,

- ✓ Giết hại Cha Mẹ,
- ✓ Dùng cách chia rời tăng chúng v.v... .

Những kẻ ấy sẽ bị thiêu đốt trong địa ngục vô số kiếp, đây là đại trọng tội. Ngoài ra còn các Cảnh khổ, hình phạt khác cũng thuộc về Địa Ngục.

Theo *Pāli* có chú giải như sau:

- *Natthi ayo etthati = Nirayo*: Sự an vui không có nơi đây, nên gọi là Địa Ngục.

## 2) Cõi Bàng Sanh (*Tiracchānabhūmi*):

Là Cảnh giới của loài Thú, chúng không đi thẳng lưng như người, mà thuộc những loài đi lưng nằm ngang, nên gọi là Bàng Sanh. Hạng chúng sanh này cũng đau khổ quá nhiều do tạo nghiệp ác vì trước kia “**giết hại lẫn nhau**”. Hay nói cách khác, chúng sanh mà gọi là bàng sanh có thân hình đầu đuôi ngang nhau (khi đi).

Theo *Pāli* chú giải như vậy:

- *Tiraccañlantiti = Tiracchāna*: Những loại đi lưng nằm ngang nên gọi là Bàng Sanh tức là: Phi cầm, tẩu thú, kinh ngư, vi trùng v.v... .

## 3) Cõi Ngạ Quỷ hay Quỷ Khổ hoặc Quỷ đói (*Petabhūmi*):

Là Cảnh giới của những chúng sanh hằng chịu đau khổ bằng “**sự đói khát**”. Nghĩa là hạng chúng sanh này lấy sự đói khát làm sự sống, tức kiếp sống luôn luôn trong trạng thái đói và khát rất khổ sở, đây là hình phạt của nghiệp ác trước kia là thiếu nhân bố thí do Tâm quá bòn xén. Cảnh giới Ngạ Quỷ không có riêng biệt, bởi chúng sống trong rừng, bụi cây, hay những chỗ nhấp nhô, mô đất v.v ... . Ngạ Quỷ có nhiều hình thù xấu xí dị tướng, xấu xa đáng ghê sợ. Nhưng mắt người không thể thấy được. Theo trong kinh tạng có 24 hạng Ngạ Quỷ, Ngạ Quỷ có hạng cũng có thể hưởng được Phước báo của Thân quyến khi được hồi hướng đến họ, và cũng có loại không hưởng được. Nhắc lại nguyên nhân sanh làm Ngạ Quỷ vì tiền kiếp không bao giờ họ làm việc bố thí và các điều Phúc Hành Tông khác, bởi họ có Thường Cận Y là Tâm quá lặn sắt tức quá bòn xén.

Theo *Pāli* có chú giải như sau:

- *Cukhasamussayato pākattham entiti = Peta*: Vì xa lìa tất cả sự vui, nên gọi là Quỷ Khổ hay Ngạ Quỷ tức Quỷ đói.

## 4) Cõi Atula (*Āsurābhūmi*):

Là Cảnh giới của những người Tâm tánh hung dữ. Đây là những hạng chúng sanh không có hạnh Phúc, không có hào quang, bất hạnh lấp đầy, tức là không có cơ hội tiến hóa sáng suốt, chẳng mấy gì tự do nên gọi là Atula sa đọa. Có nơi còn gọi là Thần Quỷ Dữ, Atula có 3 hạng: Địa Atula, Nhân Atula, Thiên Atula.

- ✓ Địa Atula là: Hạng quỷ dữ về phần thấp, đây chỉ những Quỷ hung ác.
- ✓ Nhân Atula là: Hạng Atula sa đọa hay bị đọa đày, có khi là những vị dũng cảm, chiến sĩ trung can chết nơi trận mạc, chiến trường, cũng gọi là Thần.
- ✓ Thiên Atula: Đây chỉ hạng Atula hay chống đối với Chư Thiên ở Cõi Đạo Lợi, hạng Atula này có nhân Pháp Bố Thí, nên gọi là Thiên Atula.

Theo *Pāli* có chú giải như sau:

- *Na suganti essariyakīlādihi na dibbantīti = Āsurā*: Những hạng không tiến hóa sáng suốt, chẳng mấy gì tự do, cho nên gọi là Atula (Tàu dịch là Thần Quỷ Dữ).

### 5) Cõi Nhân Loại (*Manussābhūmi*):

Đây là Cảnh Giới của 4 dạng người nương, ở 4 nơi như: Nam Thiện Bộ Châu, Bắc Cu Lô Châu (Bắc Câu Lưu Châu), Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu.

Theo phần chú giải của *Paramatthajotika mahā abhidhammatthasaṅgaha tikā, paṇṇāsa atthakathā* có giải thích như sau:

Tính theo vị trí của bốn châu là lấy trung tâm điểm của đỉnh Tu Di Sơn (*Sineru*). Tu Di sơn thành tựu với bảy loại ngọc báu. Còn bốn mặt hay bốn hướng của núi Tu Di:

- Hướng đông là bạc.
- Hướng bắc là vàng.
- Hướng tây là ngọc pha lê.
- Hướng nam là ngọc bích.

Chính vì thế màu nước trong bốn đại dương của bốn đại châu là màu xanh da trời, màu lá cây do xuất phát từ ánh sáng nơi triền núi của núi tu di, tức là do ánh sáng của vật báu nơi hướng núi Tu Di ấy, khiến ảnh hưởng màu đến đại châu đó:

#### 1 là Nam Thiện Bộ Châu (*Jambūdīpa*):

Nam Thiện Bộ Châu nằm theo hướng nam của núi Tu Di, triền núi là Ngọc bích – nên màu nước đại dương là màu xanh lục (xanh lá cây), bầu trời là màu xanh dương. Người Nam Thiện Bộ Châu có ba đặc điểm thù thắng hơn người Bắc Cu lô châu và chư thiên Đạo Lợi là:

- a. Dũng cảm (*Surabhāva*): Nghĩa là có tâm dũng cảm trong việc hành thí (xả thí, trì giới và tu tiến).
  - b. Chánh niệm (*Satimanta*): Nghĩa là có niệm vững chắc.
  - c. Sống đời phạm hạnh (*Brahmacariyavāsa*): Nghĩa là người nhân loại Nam Thiện có cuộc sống thực hiện phạm hạnh được, hay là xuất gia được (xuất gia hình thức và xuất gia tâm lý, tức chí nguyện vượt thoát tam giới).
- Nhân loại Nam Thiện Bộ Châu về thọ mạng được tính từ mười đến vô số tuổi (tức 1 và 140 số không - tuổi).
  - Về hình dạng khuôn mặt thì người Nam Thiện Bộ Châu (Diêm Phù Đề) có hình dáng như bánh xe bò hay quả trứng.

#### 2 là Bắc Cu Lô Châu (Bắc câu lưu châu - *Uttarakurudīpa*):

Bắc Cu Lô Châu nơi ấy màu nước trong đại dương là màu xanh lục (xanh lá cây), bầu trời có màu vàng vì triền núi hướng bắc của Tu Di sơn (*Sineru*) bằng vàng. Người Bắc Cu Lô Châu có ba đặc điểm thù thắng hơn người Nhân loại và chư thiên đạo lợi là:

- a. Không chấp vàng bạc là của mình.
  - b. Không luyến tiếc chấp vợ con hoặc chồng của ta.
  - c. Có thọ mạng đến một ngàn (1000) năm tuổi.
- Người Bắc Cu Lô Châu thường có giới tự nhiên tức là tự gìn giữ năm giới một cách tốt đẹp mà không nguyện thọ.
  - Về hình dạng khuôn mặt thì người Bắc Cu Lô Châu có dạng hình tứ giác.

**3 là Đông Thắng Thần Châu (Pubbavidehadīpa):**

Màu nước đại dương của Đông thắng là màu xanh dương (màu bầu trời), màu lá cây là màu trắng vì triền núi hướng đông Tu Di sơn bằng bạc. Nhân loại Đông Thắng tuổi thọ trung bình là 700 tuổi cho đến vô số tuổi.

- Về hình dạng khuôn mặt thì người Đông Thắng Thần Châu có hình dạng trắng tròn.

**4 là Tây Ngưu Hóa Châu (Aparagoyānadīpa):**

Châu Tây Ngưu có màu nước đại dương là màu xanh dương (màu bầu trời), màu lá cây có màu ngọc pha lê, vì châu này ở hướng Tây của núi Tu Di (*Sineru*) là màu ngọc pha lê. Nhân loại Tây Ngưu tuổi thọ trung bình là một ngàn cho đến vô số tuổi.

- Về hình dạng khuôn mặt thì người Tây Ngưu Hóa Châu có hình dạng như trăng hình bán nguyệt.

Theo chú giải của *Paramatthajotika mahā abhidhammatthasaṅgaha tikā, paṇṇāsa aṭṭhakathā* có giải thích như sau:

❖ **Người ở Châu nào thì có khuôn mặt dạng Châu ấy.**Lưu Ý:

Nói về người nhân loại nương sanh, nương nhờ, nương ở Nam Thiện Bộ Châu (*Jambūdīpa*) thường được gọi là Cõi Nhân Loại. Bởi Châu này khi mà người nương có những trạng thái đặc biệt như: Tâm mở mang và dững cảm.

Nên biết Nam Thiện Bộ Châu là một trong bốn Châu cũng thuộc về cõi nhân loại, mà chúng sanh nương sống, nương nhờ ở châu này thì gọi là người Nam Thiện Bộ Châu, bởi vì người nương ở đây do di thực nhân thiện - bất thiện đã tạo nên cảnh giới có hạnh phúc, lẫn khổ não hay là nơi nương của chúng sanh mà vừa an lạc, vừa bất hạnh. Châu thuộc cõi này (nhân loại) là nơi để phát triển thiện lành và đồng thời cũng làm lui sụt bởi các hành động ác xấu. Tuy nhiên, về sự phát huy đến cách sáng chói của Trí Tuệ, giải thoát, thì chính người nương Châu Nam Thiện cõi Nhân loại là nơi làm dịp cho việc đó.

Theo truyền thuyết và truyền thống của Ấn Độ thời cổ, thì danh từ *Manussānam* là vị Đạo Sĩ, người khởi đầu của loài người. Nhưng trong giáo lý của Đức Phật, thì *Manussānam* là loại chúng sanh thông minh có sự tiến hóa. Ở điều này, nói theo Tâm Tái Tục thì khi sanh nương Cõi Nhân Loại Nam Thiện Châu phải bằng các thứ Tâm như:

- ✓ Tâm Thẩm Tẩn Quả Thiện Vô Nhân, tái tục bằng tâm này được gọi là Người Lạc Vô Nhân, tức là không có nhân tương ứng phối hợp khi tái tục, được tính vào sát na sanh của tâm ban đầu của kiếp sống đó.
- ✓ Tâm Đại Quả bất tương ứng Trí, tái tục bằng tâm này được gọi là Người Nhị Nhân, tức là vào sát na của tâm tái tục chỉ có hai nhân tương ứng: Nhân vô tham và vô sân.
- ✓ Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí, tái tục bằng tâm này được gọi là Người Tam Nhân, tức là có đầy đủ ba nhân tương ứng thiện: Vô tham, vô sân, vô si câu sanh chung với sát na sanh của tâm tái tục.

Như vậy, chúng ta thấy tính chất rõ ràng của chúng sanh - sanh tử luân hồi khi nương sanh, nương ở, nương nhờ cõi Nhân Loại thì phải có Tâm tái tục là Quả Thiện như vừa kể trên, chớ chẳng phải huyền tượng - mơ hồ về khởi thủy của loài

người. Bởi chúng sanh luân hồi theo Tam Luân là: Phiền Nã, Nghiệp và Quả luân hồi, nếu sanh lại Cõi Nhân Loại, tức loài người thì ắt phải tạo các nhân Thiện mới đặng quả lành.

Đặc biệt nói riêng về người Nhân loại nương sanh, nương ở Nam Thiện Bộ Châu, có nhiều ý nghĩa như sau:

Ý nghĩa thứ nhất (Manussā): Vì có Tâm mở mang và dũng cảm.

Ở đây nên nhận định trạng thái tâm của người Nam Thiện Bộ Châu có phần khác hơn 3 Châu kia, vì do dị thực nhân thiện, bất thiện đang xen nên dị thực quả cũng trở sanh tương đồng như thế, tức là trong đời sống bình nhật người Nam Thiện Bộ Châu thường sử dụng sự dũng cảm, sự vượt trội về cả hai mặt là phần thiện và phần ác.

Như chúng ta thấy:

- Về phần thiện: Những người nương ở Châu này thuộc Cõi Nhân Loại có nhiều điều kiện, khả năng tu tiến Tam phước, Thiền Định hay đặng quả Chuyển luân vương, cho đến đắc Thánh hữu học, Thinh văn, Đại thinh văn, Chí thượng thinh văn, Độc Giác và Chánh Đẳng Giác.
- Về phần ác: Trái ngược với phần trên cũng chính ở Châu này, người Nhân loại bởi do nghiệp bất thiện và sự lấn áp của phiền não luân hồi nên hành xử các đại trọng tội như giết cha, giết mẹ, giết Alahán, làm Phật chảy máu và chia rẽ tăng chúng, cùng với các trọng tội khác, mà 3 Châu còn lại thì không có những hành vi như vậy.

*Theo Pāli có chú giải như sau:*

- *Mano ussannaṃ etesanti = Manussā:* Vì có Tâm mở mang và dũng cảm nên gọi là Nhân Loại Nam Thiện Bộ Châu.

Ý nghĩa thứ hai (Manuso): Vì hiểu biết - điều nên làm và không nên làm.

Ở đây nguyên nhân người Nam Thiện Bộ Châu thường có sự hiểu biết thích hợp theo trạng thái tự nhiên (*Dhammajāti*) mà không cần có sự chỉ dẫn như khi thấy cây Xoài nghĩ biết ngay sanh từ hột Xoài. Thấy cây Sầu riêng cũng nghĩ biết ngay sanh từ giống Sầu riêng v.v... Hay là cây Xoài sanh ra từ hột Xoài chứ không phải sanh ra từ hột Sầu riêng và ngược lại ...

Các pháp hữu vi hoặc những trạng thái trong thế gian này, loài người nương Nam Thiện Bộ Châu thường nhận ra những nguyên nhân sai biệt, khi gặp những sự vật hoặc sự việc thường dùng sự suy xét đơn giản hay cao siêu cũng tìm hiểu theo từng nguyên do, nguyên nhân mà phát sanh sự việc từ vật ấy - việc đó.

*Theo Pāli có chú giải như sau:*

- *Kāraṇāraṇaṃ manatijanātīti = Manusso:* Vì hiểu biết - điều nên làm hay không nên làm. Hoặc có sự suy xét, tìm hiểu theo từng nguyên nhân sai biệt từ vật ấy, việc kia, nên đặng gọi Người Nam Thiện Bộ Châu.

Ý nghĩa thứ ba (Manussam): Vì hiểu biết - những điều lợi ích và không lợi ích. Trước trình bày những điều lợi ích

- Ý nghĩa *sự lợi ích*, tức là do nhận định hai loại lợi ích - lợi ích hiệp thế và lợi ích siêu thế:

- **Lợi ích hiệp thế** đây là lợi ích còn sanh tử, bởi bản chất pháp bám thủ danh lợi, địa vị, khen tặng (tán thán) an lạc mà còn nhốt để trong lao (Tam Giới), hoặc luôn đến tài sản nhân loại, tài sản chư thiên, tài sản phạm thiên.
- **Lợi ích siêu thế** đây là lợi ích thoát tục, không còn ràng buộc, vượt thoát ngoài Tam Giới - Không còn khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ tử, khổ địa ngục, khổ Ngạ quỷ, khổ bàng sanh, khổ Atula. Sự nhận định bởi tri kiến sáng suốt đạt tri pháp, mà những bậc phạm nhân Minh triết sáng suốt đã nhận ra và quyết chí tu tiến để vượt thoát khỏi hiệp thế hoặc là các Bậc Thánh 4 Đạo 4 Quả đang và đã tỏ ngộ, tỏ rõ chân lợi ích siêu thế.

➤ **Kể đến, nói về phần không lợi ích:**

Người Nam Thiện Bộ Châu có sự hiểu biết rằng: Trong thời bình nhật dùng thân, khẩu, ý như vậy sẽ tốt - đặng quả lành. Dùng thân, khẩu, ý như vậy không tốt - ắt gặp quả xấu, như là giết người sẽ bị tù tội, trộm cắp sẽ bị giam cầm, nói dối sẽ bị khinh khi v.v... .

*Theo Pāli có chú giải như sau:*

- *Atthānattham manati jānati = Manusso*: Người Nam Thiện Bộ Châu gọi là *Manussa*, vì hiểu biết điều lợi ích và không lợi ích.

**Ý nghĩa thứ tư (*Manussa*):** Vì hiểu biết - điều thiện, điều bất thiện.

Ở đây ý nghĩa của sự hiểu biết nên hiểu như vậy là sự hiểu biết thường thức hay hiểu biết cao siêu, bởi thường chúng sanh có tam thân hành là: Thân hành, khẩu hành và ý hành. Ba hành này được chúng sanh nương ở Nam Thiện Bộ Châu nhận ra có lợi ích hoặc không có lợi ích, nghĩa là nói theo Thực Tính Pháp (*Dhammasabhāva*) là trạng thái thiện hay trạng thái bất thiện. Vì người nương ở Châu này nhận hiểu ra rằng: Thân hành, khẩu hành, ý hành của chúng sanh, tương ứng với Tín, Giới, Thí, Tu tiến là thiện cho quả lành, còn thân hành, khẩu hành, ý hành của chúng sanh, tương ứng với tham, sân, si, là bất thiện cho quả dữ. Nói theo pháp ngữ là: thân hành, khẩu hành, ý hành của chúng sanh, tương ứng với mười ác hạnh (*sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói lời đâm thọc, nói lời hung dữ, nói nhảm nhí, Tham ác, sân ác, tà kiến ác*) là bất thiện – cho quả dữ.

*Theo Pāli có chú giải như sau:*

- *Kusalākusalam manati jānātīti = Manusso*: Người Nam Thiện Bộ Châu gọi là *Manussa* vì hiểu biết điều thiện, điều bất thiện.

**Như Vây:**

Những ý nghĩa vừa nêu trên, trình bày cho chúng ta thấy Người trong ba châu kia (Bắc Cưu, Đông Thắng, Tây Ngưu) cho đến chư thiên lẫn Phạm thiên, mặc dù có sự hiểu biết trong điều thiện và bất thiện nhưng ít hơn, không so sánh bằng Người Nam thiện bộ châu. Bởi lẽ, người ở Châu Nam thiện này gọi là *Manussa* do có cách nhận định vì hiểu biết:

- Nhân thích hợp và không thích hợp.
- Điều lợi ích và không lợi ích.
- Điều thiện và điều bất thiện.

Như trong Tăng Chi Bộ Kinh (*Navakanipāta aṅguttara*), Đức Thế Tôn có giảng dạy rằng: "*Tīhi bhikkhave thānehi jambudīpakā manussa vittarakuruke manusse adhigaṇhanti deve ca tāvatim se katamebi tīhi tihānehi? Sūrā ca catimanto ca idha brahmacariyavaso cāti*"

*Nghĩa là:*

“Này chư Phích Khú – (*Bikkhu*) ! Những người ở Châu Nam Thiên thuộc cõi Nhân loại thù thắng hơn những người ở Bắc Cu Lô Châu và chư thiên Đạo lợi với ba điều. Thế nào là ba? Tức là sự dũng cảm, có chánh niệm vững và sống đời phạm hạnh được.”

### **Sang phần trình bày về sáu cõi Trời Dục Giới**

- Cõi Trời hay cõi trời dục, hoặc còn gọi là cõi Chư Thiên dục giới là những chúng sanh khi nường sanh nường ở được hưởng ngũ dục lạc, thiên phước.
- Dục giới: Là nơi chốn hay cảnh giới còn sắc dục, thanh dục, khí dục, vị dục, xúc dục, tức là còn phần vật chất phàm tục v.v... .
- Cõi Trời Dục giới là nơi mà chúng sanh khi nường ở đây, được gọi là chư thiên và đặng hưởng đầy đủ dục lạc vật chất thiên giới.
- “Chư thiên” hay “*Deva*” có chín nghĩa và ba loại như sau:

*Chữ “Thiên” hay là chữ “Trời”, có chín nghĩa (Cửu nghĩa Thiên) như sau:*

- 1) Thiên có nghĩa là chơi (*Kilr*).
- 2) Thiên có nghĩa là hy vọng thắng (*Vijigñsa*).
- 3) Thiên có nghĩa là nói năng văn chương (*Yavahāra*).
- 4) Thiên có nghĩa là thanh mậu tốt (*Jut*).
- 5) Thiên có nghĩa là khen ngợi (*Thuti*).
- 6) Thiên có nghĩa là người thương cảm kẻ khác (*Kanti*).
- 7) Thiên có nghĩa là đường đi, sự đi (*Gati*).
- 8) Thiên có nghĩa là đủ sức (*Satti*).
- 9) Thiên có nghĩa là tự chủ (*Tā*).

*Lại nữa, Chư Thiên (Deva) có ba loại:*

1. Chế định chư thiên (*Sammūtidēva*):  
Đây là chỉ cho danh nghĩa đức vua, hoàng hậu, thái tử, công chúa.
2. Chư thiên và Phạm thiên (*Upattidēva*):  
Là ám chỉ chung cho các vị trời ở cõi lục dục thiên và chư phạm thiên ở sắc giới, vô sắc giới.
3. Tịnh chư thiên (*Visuddhidēva*) hay còn gọi là Thanh tịnh chư thiên:  
Đây là chỉ đến các bậc thật sự thanh tịnh đã đoạn tận phiền não, trừ tuyệt lậu hoặc, tức là các bậc Alahán.

#### • **Lục Dục Thiên đó là:**

##### **6) Cõi Tứ Thiên Vương (*Catamāharajikabhūmi*):**

Là nơi nường hay Cảnh Giới của Chư Thiên, dưới quyền cai quản của bốn (4) vị Thiên Vương. Đây là Cõi Trời Dục Giới Vui thấp nhất mà có bốn vị Thiên Vương rất lớn chủ quản. Bốn vị Thiên Vương ấy là:

1. Trì Quốc Thiên Vương (*Dhatarat̥ṭha*), ở hướng đông núi Tu Di (*Sineru*), là Đức cai quản Càn Thát Bà (*Gandhabba*).
2. Tăng Trưởng Thiên Vương (*Virūḥhaka*), ở hướng Nam núi Tu Di (*Sineru*), là Đức cai quản nhóm Chư Thiên bụng to (*Kumbhāṇḍa*).

3. Quảng Mục Thiên Vương (*Virūpakkha*), ở hướng tây núi Tu Di (*Sineru*), là Đức cai quản loài rồng (*Nāga*).
4. Đa Văn Thiên Vương (*Kuvera, Vessuvaṇṇa*), ở hướng bắc núi Tu Di (*Sineru*), là Đức cai quản nhóm Dạ Xoa (*Yakkha*).

Có những *Pāli* chú giải như sau:

- *Attāro harajāno = Catumāharajam*: Cõi có bốn vị chư thiên rất lớn chủ trị, nên gọi là Tứ Thiên Vương.
- *Lokaṃ pālentīti = Lokapālā cattāro mahārājāno*: Chư thiên mà có oai lực hộ trì nhân loại, nên gọi là Chư thiên hộ thế và chính là các đức Tứ Đại Thiên Vương.

### Lưu ý:

Những chúng sanh nào nương sanh nương ở cõi Tứ Thiên Vương được gọi là chư thiên tùy tùng, các vị ở đây dưới quyền lực của Tứ Đại Thiên Vương. Trong *Sammohavinodāni aṭṭhakathā* có giải rằng - Những vị chư thiên tùy tùng của bốn vị vua thiên vương (*Cātumahārajika*) là:

1. Chư Thiên ngự ở núi (*Pabbataṭṭhadevatā*).
2. Chư thiên ngự trên hư không (*Ākāsaṭṭhadevatā*).
3. Chư thiên ở nơi say mê dục lạc, quên dùng vật thực rồi chết (*Khiḍḍāpadosikadevatā*).
4. Chư thiên do sự sân hận đến chỗ chết (*Manopadosikadevatā*).
5. Chư thiên làm mưa (*Sitavalāhakadevatā*).
6. Chư thiên làm trời nóng (*Uṇhavaḥakadevatā*).
7. Chư thiên trú trong mặt trăng (*Candimadevaputtadevatā*).
8. Chư thiên trú trong mặt trời (*Suriyadevaputtadevatā*). Vấn đề này trong Kinh hôm – Kinh mai – *Morafaritta* – được Ngài Đại Ngài Trưởng Lão Tịnh Sự có đề cập và nói lên ý nghĩa về niềm tin các vị chư thiên trú trong mặt trời, bằng lối văn lục bát như sau:

Mặt trời ánh sáng như vàng  
 Chiếu trong thế giới khắp tràn bốn châu.  
 Tự do soi cả đầu đầu  
 Là trông con mắt hoàn cầu sanh linh.  
 Cho nên tôi mới nghiêng mình  
 Cúi đầu cung kính tỏ trình ơn cao.  
 Các ngài luân chuyển cùng nhau  
 Thay phiên trị nhật vị nào ngày nay.  
 Chúng tôi ở dưới quyền này  
 Xin nhờ ủng hộ trọn ngày an vui.  
 Làm cho ác độc phai phui  
 Mặc dù oan trái mưu thù cũng hư.  
 Thiên tăng đạo sĩ các sư  
 Tu hành đắc phép hoặc cư xa gần.  
 Từ bi soi đến kẻ cần  
 Biết nay tôi kính tự thân yêu cầu.  
 Xin nhờ quyền lực phép mầu  
 Ngăn ngừa những các nạn sầu ngày nay.  
 Phạm thiên tiên chúng các ngài  
 Thọ tôi kính lạy hiện nay xin tưởng.  
 Bảo tồn khỏi sự bất lương  
 Trọn ngày cho đặng tránh đường họa tai.

*Cúi đầu lạy cả Như Lai  
Các hàng Bồ tát chư ngài Thánh Tăng.  
Với cùng Pháp Bảo siêu thắng  
Sớm mai nhớ tụng để ngăn các điều.*

❖ Nói theo nhóm thì chư thiên tùy tùng ở cõi Tứ Thiên Vương được chia thành ba nhóm:

1. Nhóm chư thiên ở địa cầu.
2. Nhóm chư thiên ở trên cây.
3. Nhóm chư thiên ngự nơi hư không.

Ngoài ra chư thiên ở cõi này, còn nương ngụ các nơi khác như sông, núi, biển, dưới đất, nhà, đền, tháp, miếu v.v... .

Riêng bốn vị thiên vương và một số chư thiên ngự ở quanh khoảng giữa núi Tu Di (*Sineru*), có thiên cung riêng. Còn Chư Thiên địa cầu mà không có thiên cung riêng, trường hợp vị ấy nương ngụ ở nhà, núi, chùa chiền ... thì cũng được coi nơi ấy là cung điện của mình. Tóm lại phần này có rất nhiều dạng chư thiên hạng có thiên cung và hạng không có thiên cung, hoặc hạng có thiên cung ở trên cây hay hạng ở trên cây mà không có thiên cung v.v... .

Điều cần biết thêm: Những hạng chư thiên nương ở cõi Tứ Đại Thiên Vương cũng có dạng Tâm hung dữ, phần này có bốn loại:

1. Dạ xoa nam, dạ xoa nữ (*Yakkho, Yakkhinī*).
2. Càn thất bà – nam, càn thất bà – nữ (*Gandhabbo, gandhabbī*).
3. Cưu bàn trà – nam, Cưu bàn trà – nữ (*Kumbhāṇḍo, kumbhāṇḍī*).
4. Long vương – nam, long vương – nữ (*Nāgo, nāgī*).

### **Như vậy:**

Cõi mà có bốn vị chư thiên rất lớn cai quản các vị chư thiên khác (tùy tùng chư thiên) như: Chư thiên ở địa cầu, ở trên cây, ngự nơi hư không hoặc chư thiên dạ xoa, chư thiên càn thất bà, chư thiên cưu bàn trà, chư thiên long vương, thì nơi đó gọi là cõi Tứ Đại Thiên Vương. Về thời gian:

- Một ngày một đêm ở cõi này bằng năm mươi (50) năm cõi người (Người Nam Thiên Bộ Châu).
- Thọ mạng thiên đến năm trăm (500) tuổi, tức bằng chín triệu (9.000.000) năm cõi nhân loại Nam Thiên.

### **7) Cõi Đạo Lợi Thiên (*Tāvātimsabhūmi, Tettimsābhūmi*):**

Đây là Cảnh Giới của Chư Thiên hay chỗ nương của ba mươi ba (33) vị trời làm chủ, mà trong đó Đức Đế Thích là đứng đầu. Do đó, cõi này còn được gọi là cõi Tam Thập Tam Thiên, tức ba mươi ba (33) vị kể luôn Đức Đế Thích SAKKA làm vua. Tục gọi cõi này là cõi Ngọc Hoàng Thượng Đế. Thật ra cõi Đạo Lợi Thiên là nơi nương sanh, nương ở, nương nhờ do phần phước của chàng thanh niên Magha hướng dẫn 32 vị thanh niên khác làm những công việc từ thiện, phục vụ cho người bị thiên tai, đắp đường, làm cầu v.v... cũng vì phước ấy, sau khi chết được sanh về cõi này và đồng cai quản cõi ấy (Nhân Thiên Quả Lành).

Có *Pāli* chú giải như sau:

- *Sakkañca dānaṃ dadātīti = Sakko*: Gọi Trời Đế Thích bởi hạnh đứng đầu là bố thí với tâm cung kính.
- *Asura jetuṃ sakkunātīti = Sakko*: Gọi vua trời Đế Thích do bởi năng lực và khả năng chiến thắng Atula dữ (*Asura*).
- *Tettimsājanānibbattanti etthāti = Tettimsā*: Cõi mà có 33 vị sanh lên làm vua, nên gọi là Tam Thập Tam Thiên (Đạo Lợi Thiên) là cõi trời 33 vị vua, tục gọi là cõi Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Người muốn trở thành Đức Đế Thích – vị cai trị lớn nhất ở Đạo Lợi Thiên, ngoài những việc thiện lành đã nêu trên còn cần phải thực hành hội đủ bảy Pháp như sau:

- một. Nuôi dưỡng cha mẹ.
- hai. Tôn kính bậc trưởng thượng trong gia tộc.
- ba. Nói lời cam ngôn, dịu ngọt, êm dịu ... .
- bốn. Không nói lời đâm thọc, hai lưỡi (lưỡng ngữ - ly gián ngữ v.v...).
- năm. Không bỏn xẻn, tức là: Không bỏn xẻn chỗ ở, giồng giống, lợi lộc, sắc đẹp, pháp.
- sáu. Có sự chân thật tức là ngăn hay trừ vọng ngữ, tránh khẩu ác, thoái lui, thoái thoát ác ngữ, không làm khẩu nghiệp ác và có năm ân đức bậc hiền triết: Tín, niệm, tâm, úy, thiếu dục.
- bảy. Chế ngự được Tâm sân hận (lòng tử, tức có chánh niệm tinh táo và Tâm mát mẽ).

#### **Như vậy:**

Đạo lợi Thiên là nơi hưởng phúc của chư thiên, mà trong đó có ba mươi ba vị chủ trị. Khi xưa Đức Phật giảng Vô Tỷ Pháp Tạng (*Abhidhammapiṭaka*) cũng tại cõi này, cho chư thiên nghe trong hạ thứ bảy (tính từ lúc Đức Bồ Tát đắc thành quả Phật). Về thời gian:

- Thọ mạng thiên cõi Đạo Lợi là một ngàn năm tuổi, tức tính theo thời gian nhân loại là ba mươi sáu triệu (36.000.000) năm tuổi.
- Một ngày một đêm cõi Đạo lợi bằng một trăm (100) năm cõi nhân loại Nam Thiên Bộ Châu.

#### **8) Cõi Dạ Ma Thiên (*Yāmābhūmi*):**

Cõi Dạ Ma là âm từ chữ *Pāli* "*Yāmābhūmi*" (Da Ma), là cảnh giới hay chỗ nương nhờ của Chư Thiên được nhiều sự an vui, xa những phần khổ thông thường. Hay là Cảnh giới của các vị trời Da Ma, nơi mà sự khổ đau thông thường không có và có sự vui sướng theo phúc thiện đã tạo.

Được *Pāli* chú giải như sau:

- *Yāmānaṃ nivāsā = Yāmā*: Có sự vui sướng theo Tiên, xa lìa khó khăn, nên gọi là Da Ma (*Yāmā*).
- *Dukkhaṃ yātā apagatāti = Yāmā*: Chúng sanh nương ở cõi này vì đã viễn ly sự nóng bức (phần tâm thông thường), nên gọi là chư thiên Da ma.
- *Dibbasukhaṃ yātā payātā sampattati = Yāmā*: Có nghĩa là chúng sanh nào sanh về đây, thì vị tiên nhân ấy đạt đến thiên lạc đặng nhiều an vui, xa phần khổ thông thường.

**Như vậy:**

Đạ ma thiên là nơi mà các vị chư thiên sống sung sướng hỷ lạc, có phần tiêu sự khổ đau thông thường. Về thời gian:

- Thọ mạng thiên cõi Da ma là hai ngàn năm tuổi, tức tính theo thời gian nhân loại là bốn mươi bốn triệu (44.000.000) năm tuổi.
- Một ngày một đêm cõi Dama bằng hai trăm (200) năm cõi nhân loại Nam Thiên Bộ Châu.

**9) Cõi Đấu Xuất Thiên (*Tusitābhūmi*):**

Cõi Đấu Xuất Thiên là nơi nương của các vị trời thọ hưởng quả phúc nhất là quả phúc của Ba La Mật (*Pārāmi*), điều đặc biệt là các vị Bồ Tát áp chót tức trước khi đắc thành Chánh Đẳng Giác thì các vị ấy tái tục lên đây để chờ dịp hay cơ hội đầy đủ căn duyên liền tái tục kiếp chót tại cõi Nhơn Loại (Nam Thiên Bộ Châu) để hành và thành tựu chứng quả Phật Toàn Giác.

Hay nói cách khác, đây là Cõi Chư Thiên sống sung sướng hỷ lạc và đồng thời là chỗ nương hay cảnh giới thuận lợi cho các vị bồ tát sắp đắc thành Phật Quả. Theo Chú giải thì hiện nay Đức Bồ Tát *Mettaya* hiện đang ở Cõi Trời này.

Được *Pāli* chú giải như sau:

- *Tusitanam nivāsā = Tusitā*: Nơi mà chư thiên đều hưởng sự vui mừng tự tài sản, diễm lành, nên âm trại là Đấu Xuất hoặc Đấu xuất hay có khi gọi là Đấu xuất thiên.
- *Niccām tusanti ettha nibbattā devati = Tusitā*: Gọi Đấu xuất thiên vì các chư thiên ở cõi này hưởng phước thường có sự tươi vui – hỷ lạc, tức là mang lại sự hân hoan về các thiên sản, diễm lành, nên gọi là Đấu xuất thiên.

**Như vậy:**

Đấu xuất thiên cũng được gọi là cõi thù thắng bởi chư vị Bồ tát và các vị Bồ tát kiếp chót đều tái tục về đây để chờ dịp tái sanh về Nhân loại Nam thiên chứng đắc Đạo Quả nhất là Đức Bồ Tát kiếp chót sẽ thành Chánh Đẳng Chánh Giác cũng từ thọ hưởng thiên lạc nơi cõi Đấu xuất này, mới sanh về cõi nhân loại chứng đắc quả vô thượng. Chính cõi Đấu xuất này thù thắng hơn cõi trời khác (*trong - Anāgatavaṃsa atthakathā*). Về thời gian:

- Thọ mạng thiên cõi Đấu xuất thiên là bốn ngàn (4.000) năm tuổi, tức tính theo thời gian nhân loại là năm trăm bảy mươi sáu triệu (576.000.000) năm.
- Một ngày một đêm cõi Đấu xuất bằng bốn trăm (400) năm cõi nhân loại Nam Thiên Bộ Châu.

**10) Cõi Hóa Lạc Thiên (*Nimmānaratībhūmi*).**

Cõi Hóa Lạc Thiên là nơi nương của các vị trời khi nào muốn hưởng dục lạc thì tự hiện ra mà dùng. Hay là, Cảnh Giới của các vị Chư Thiên muốn hưởng ngũ dục tự hóa ra và sống hoang lạc trong những lâu đài tự tạo ra.

Theo *Pāli* có chú giải như sau:

- *Nimmānaratīnam nivāsa = Nimmānaratī*: Chư Thiên thường tự hóa ra ngũ dục để hưởng, nên gọi là Hóa Lạc Thiên.

- *Yathā rucite bhoge sayameva nimminivā nimminivā ramati etthāti = Nimmānarati*: Những chúng sanh nào tái tục trong cõi này khi muốn hưởng ngũ dục thì tự ý hóa ra theo ý thích của mình rồi vui thích hay thỏa thích trong các cảnh ấy. Vì vậy, Người nương cõi này được hưởng phúc thiên lạc theo ý nghĩa đã nêu, nên gọi chư thiên cõi hóa lạc.
- Nói gọn lại thì có chú giải như vầy: *Nimmānaratīnaṃ nivāsā = Nimmānarati*: Chư thiên nào được gọi là Chư thiên hóa lạc bởi do sự hoan hỷ thỏa thích trong ngũ dục thiên mà mình tự hóa ra để hưởng.

### **Như vậy:**

Cõi các vị chư thiên mà khi muốn hưởng ngũ dục lạc mà tự hóa ra và sống hoan lạc trong những lâu đài tự tạo ra, thì cõi ấy gọi là Hóa Lạc Thiên. Về thời gian:

- Thọ mạng thiên cõi Hóa lạc là tám ngàn (8.000) năm tuổi, tức tính theo thời gian nhân loại là hai ngàn ba trăm lẻ bốn triệu (2.304.000.000) năm.
- Một ngày một đêm cõi Hóa lạc bằng tám trăm (800) năm tuổi cõi nhân loại Nam Thiên Bộ Châu.

### **11) Cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên (*Paranimmitavasavattibhūmi*):**

Đây là Cõi Trời cao nhất trong Cõi Dục Giới Vui, là nơi nương của các vị trời khi nào muốn hưởng 5 món dục lạc, tức thì có kẻ đem đến dâng. Hay là, cảnh giới hoặc cõi mà chư Thiên có đầy đủ phước báo khi muốn hưởng ngũ dục lạc thì có vị khác hóa ra để dâng cho, nhất là vị trời chúa cõi này, tức là Ma Vương (Cõi này là trú xứ của Ma Vương).

Có *Pāli* chú giải như sau:

- *Paranimmitavasavattīnaṃ Nivāsā = Paranimmitavasavatti*: Cõi mà chư Thiên hưởng ngũ dục vẫn có vị khác hóa ra, nên gọi là Tha Hóa Tự Tại. Cõi này có một vị là chủ lớn hơn hết, gọi là Ma Vương (*Māra*).
- *Attano ruciṃ ñatvā parehi nimmitesu bhogesu vasaṃ vatthanti etthāti = Paranimmitavasavatti*: Chư vị tiên nhân tái tục trong cõi này thọ hưởng ngũ dục thiên từ nơi các vị trời khác biết được ý muốn đã hóa tạo ra cho. Vì vậy, cõi này có tên gọi là Tha Hóa Tự Tại Thiên.
- *Paranimmitavasavattīnaṃ bhogesu vasaṃ vattenti = Paranimmitavasavattino* : (hay nói cách khác) những chúng sanh nào sanh về tha hóa tự tại thiên, khi muốn hưởng dục lạc thì từ nơi chư thiên khác hóa tạo ra cho.

### **Như vậy:**

Tha hóa tự tại thiên là cõi mà chư thiên có đầy đủ phước báo (do dị thực nhân thiện đã tạo nên), nên khi tái tục về đây, lúc muốn hưởng ngũ dục thì có vị khác hóa ra để dâng cho, nhất là vị trời chúa cõi này - Ma vương. Về thời gian:

- Thọ mạng thiên cõi Tha hóa tự tại là mười sáu ngàn (16.000) năm tuổi, tức tính theo thời gian nhân loại là chín ngàn một trăm hai mươi sáu triệu (9.126.000.000) năm.
- Một ngày một đêm cõi Tha hóa tự tại bằng một ngàn sáu trăm (1.600) năm tuổi cõi nhân loại Nam Thiên Bộ Châu.

**Lưu Ý:**

- ❖ Sáu cõi trời Dục vừa nêu trên (từ cõi Tứ Thiên Vương ... đến Tha Hóa Tự Tại Thiên). Những vị chư thiên nương ở trong sáu cõi trời này còn hưởng vật dục lạc, nhưng có phần thanh nhã hơn cõi người. Điều hơn nữa là không có bệnh tật, vị nào hết tuổi thọ (thọ mạng thiên) phước báo không còn thì khiến tâm buồn bực rồi chết, giai đoạn này hay khi đó cũng tùy theo nghiệp quả mà sẽ tái sanh về cõi khổ hay cõi vui khác. Ở đây, còn vài điều mà chúng ta cần nên biết về chư thiên lục dục:
  - Chư Thiên khi chết thân thể biến mất chớ không còn thi hài như người nhân loại Nam Thiên.
  - Vì thuộc dạng hóa sanh, nên khi tái tục về các cõi trời lục dục thiên thì tự hiện ra thân hình trung bình cỡ thanh niên mười sáu (16) tuổi.
  - Chư Thiên Dục giới không có sự da nhăn má hóp.
  - Điều dễ nhận được sanh về cõi Lục Dục Thiên là do nhân thiện - thành tựu quả tốt của các điều: Xả thí, trì giới, tu tiến v.v... mà làm duyên trợ sanh về cõi trời dục giới này.

- ❖ Từ số 1 đến số 4 là bốn (4) Cõi Khổ Thú. Những hạng chúng sanh ở 4 Cõi Khổ Thú đều tái tục bằng Tâm Thảm Tấn quả bất thiện vô nhân và gọi chung là người Khổ Vô Nhân, những hạng người này do thường quen những hành động, hành vi theo Thập Ác (Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói ác ngữ, nói chia rẽ (nói đâm thọc), nói nhãm nhí (vô bổ, vô ích), tham ác, sân ác, tà kiến ác). Do duyên ấy, nhân ấy bị đọa sanh vào 4 Cõi Khổ Thú.

Từ số 5 đến số 11 gọi là Cõi Dục Giới Vui, gồm: Nhân loại và Chư Thiên ở Lục Dục Thiên tái tục bằng 8 thứ Tâm Đại Quả. Về hình tướng thì người nhân loại mỗi Châu có một hình dạng riêng biệt, nên mẫu người khác nhau ... . Riêng Lục Dục Thiên, về phần hình sắc thì rất tế nhị hơn hình thể người, vì thế mắt người không trông thấy được. Về vật chất Dục lạc thì sướng hơn người, nhưng về trí tuệ thì không thể nào hơn được.

Từ số 1 cho đến số 11 tức 11 Cõi vừa nêu trên, gọi chung là Cõi Dục Giới, nghĩa là Cõi ấy là nơi hưởng dục lạc do phần gốc rễ sanh từ nghiệp Tham Ái ngũ dục. Nên dễ phát sanh phiền não dục, vật chất dục và các Pháp Bất Thiện khác.

Vì vậy Cõi Dục Giới (*Kāravacarabhūmi*) có *Pāli* chú giải như sau:

- *Kamassabhavoti = Kāmo*: Cõi nào là chỗ sanh phiền não dục và vật chất dục, chỗ ấy nơi đó gọi là Cõi dục, hay còn gọi là cõi đa sân Dục Giới.

**12) Cõi Phạm Chúng Thiên (*Brāhma parisajjābhūmi*):**

Đây là Cõi hay Cảnh giới của vị đắc Sơ Thiền mà tu theo Bạc Hạ nên sau khi tử sanh về đây, những vị sanh ra ở đây là đồ chúng của Đại Phạm Thiên (*Mahabrahma*). Vì vậy, Cõi này gọi là Phạm Chúng Thiên. Hay là những hạng thường dân ở tầng Sơ Thiền, tức Cõi Sơ Thiền bậc hạ.

Có *Pāli* chú giải như sau:

- *Parisati bhāvā = Parisajjā*: Những hạng đồ chúng, hay thường dân ở tầng Sơ Thiên, nên gọi là Phạm Chúng Thiên.
- *Brahmānaṃ parisajjā = Brahmāparisajjā*: Hạng chúng sanh sanh về cõi sơ thiên mà đi theo nghiệp thiên quả sơ thiên bậc hạ, hạng đó gọi là Phạm thiên đồ chúng của Đại Phạm Thiên. Hay là được gọi hạng Phạm chúng, tức tùy tùng của Đại Phạm Thiên.

### **13) Cõi Phạm Phụ Thiên (*Brahma purohitabhūmi*):**

Phạm Phụ Thiên, nơi mà những bậc có chức vụ cao, là bậc phụ trách của Đức Đại Phạm Thiên, tức Cõi Sơ Thiên Bậc Trung. Hay là Cảnh giới của những vị đã đắc Sơ Thiên mà tu theo cách vừa (hạng trung) nên sanh về Cõi này.

Theo *Pāli* có chú giải như sau:

- *Pure ucce thane ohanti etekhantīti = Purohitā*: Bậc có chức phận là phụ tá cho Đại Phạm Thiên, nên gọi là Phạm Phụ Thiên.
- *Pure ucce tihāne chanti tittḥantīti = Purohitā*: Phạm Thiên có chức vị, mà chức vị ấy là người phò trợ hay trợ tá cho Đại Phạm Thiên, nên gọi là Chư Thiên Phạm Phụ.
- *Pure ucce dhiyate thapiyatehi = Purohito*: Người mà có chức năng làm việc sắp đặt hay cố vấn cho Đại Phạm Thiên nên gọi là Phạm Phụ Thiên.

### **14) Cõi Đại Phạm Thiên (*Mahābrahmābhūmi*):**

Đây là cõi hay Cảnh giới mà vị đã đắc Sơ thiên thuộc về Bậc Thượng, nên được hưởng sanh về đây, vị này được gọi là Đại Phạm ở Cõi Đại Phạm Thiên, vị ấy có hình thái hưởng nhiều an lạc hạnh phúc và sống lâu hơn các vị trong 2 cảnh giới: Phạm Chúng, Phạm Phụ. Hay là, Cõi Đại Phạm Thiên là Cảnh giới của các vị Đắc Sơ Thiên Bậc Thượng, mà đặng hưởng nhiều lợi lành do quả phước trong Thiên, như là thắng trí, tuổi thọ, dung sắc, an lạc, sức lực nhiều hơn nhân loại cùng với tất cả chư thiên Dục Giới

Như thế, vị Phạm Thiên đó với chức phận lớn hơn hết trong tầng Sơ Thiên nên gọi là Phạm Thiên Đại Phạm sơ thiên.

Có *Pāli* chú giải như sau:

- *Mahanto bhahma = Mahābrahmā*: Ngôi Phạm Thiên lớn hơn hết trong tầng Sơ Thiên, nên gọi là Đại Phạm Thiên.
- *Mahatobrahmā = Mahābrahmā*: Vị Trời trong cõi Phạm Thiên mà lớn hơn cả các vị khác, nên gọi là Đại Phạm Thiên, tức vị Phạm Thiên thù thắng đáng trọng hơn cả Phạm chúng và Phạm Phụ Thiên.

#### **Như vậy:**

*Ba Bậc vừa kể: Phạm Chúng, Phạm Phụ và Đại Phạm (12, 13, 14) đều ở tầng Sơ Thiên.*

Nói gọn lại:

- Cõi nào là chỗ sanh, chỗ nường, chỗ tái tục cho hạng Phạm Chúng Thiên, cõi ấy gọi là cõi Phạm Chúng. Vị Phạm Thiên ở đây có hào quang phát ra xa một ngàn (1.000) đại thế giới (Thiên giới Phạm Thiên - Cakkavāḷa - Sahassabrahmā) và có tuổi thọ mạng thiên là sống đến 1/3 Đại kiếp.

- Cõi nào là chỗ sanh, chỗ nường, chỗ tái tục cho hạng Phạm Phụ Thiên, cõi ấy gọi là cõi Phạm Phụ. Vị Phạm Thiên ở đây có hào quang phát ra xa hai ngàn (2.000) đại thế giới (Nhị Thiên giới Phạm Thiên - *Cakkavāḷa - Sahassabrahmā*) và có tuổi thọ mạng thiên là sống đến 1/2 Đại kiếp.
- Cõi nào là chỗ sanh, chỗ nường, chỗ tái tục cho hạng Đại Phạm Thiên, cõi ấy gọi là cõi Đại Phạm Thiên. Vị Phạm Thiên ở đây có hào quang phát ra xa ba ngàn (3.000) đại thế giới (Tam Thiên giới Phạm Thiên - *Cakkavāḷa - Sahassabrahmā*) và có tuổi thọ mạng thiên là sống đến 1 Đại kiếp.
- *Thiên Giới Phạm Thiên: Chữ "thiên" đầu là một ngàn (1.000). Chữ "Thiên" sau là cảnh giới hay cõi.*

-----XXX-----

### 15) Cõi Thiếu Quang Thiên (*Parittābhābhūmi*):

Đây là Cảnh giới của những vị Phạm Thiên chứng Nhị, Tam Thiên Bạc hạ, những vị trời Cõi này có hào quang ít. Hay gọi là Thiếu Quang Thiên là nơi có những Bạc Phạm Thiên có hào quang ít hơn cấp trên, do lúc tu tập Nhị, Tam Thiên mà tiến hành theo cách thấp, nên khi đắc và sau đó đặng sanh về cõi Nhị, Tam Thiên Bạc Hạ.

Có *Pāli* chú giải như sau:

- *Parittā ābhā etesanti = Parittābhā*: Phạm Thiên có hào quang ít hơn cấp trên (do tu tiến đắc Nhị, Tam Thiên bạc hạ) nên gọi là Thiếu Quang Thiên.
- *Parittānābhānaṃ nibbattāti = Parittābhā*: Nơi tái tục còn gọi là chỗ nường nhờ, nường ở của vị trời Phạm Thiên thiếu quang, nên gọi là Thiếu Quang Thiên.

### 16) Cõi Vô Lượng Quang Thiên (*Appamānābhābhūmi*):

Đây là Cảnh giới của những vị Đắc Nhị, Tam Thiên Bạc trung, nên khi tái tục sanh về cõi Vô Lượng Quang, nghĩa là vị trời này ở Cõi Vô Lượng Quang Thiên có hào quang chiếu sáng không thể đo lường được. Hay là Cõi của những vị Phạm Thiên có hào quang rất nhiều – không đo lường đặng và Cõi này cũng gọi là Cõi Nhị, Tam Thiên bạc trung.

Có *Pāli* chú giải như sau:

- *Appamānābhāmaṃ nibbattāti = Appamanabhā*: Là Phạm Thiên có hào quang không đo lường đặng (do đã tiến hành tu tiến đắc Nhị, Tam Thiên Bạc Trung), nên gọi là Vô Lượng Quang Thiên.
- *Appamānābhānaṃ nibbattāti = Appamānābhā*: Nơi tái tục còn gọi là chỗ nường nhờ, nường ở của vị trời Phạm Thiên vô lượng quang, nên gọi là Vô Lượng Quang Thiên.

**17) Cõi Biển Quang Thiên** (hay gọi Quang Âm Thiên) (*Ābhassārābhūmi*):

Đây thuộc Cảnh giới của những vị Phạm Thiên đặc Nhị, Tam Thiên Bậc Thượng và đồng thời những vị này ở cõi ấy, mỗi khi nói - hào quang tỏa ra rực rỡ. Hay là Cõi Phạm Thiên có hào quang trong ngần tốt đẹp tỏa khắp cả châu thân, cõi này cũng gọi là cõi Nhị, Tam Thiên Bậc Thượng, hoặc Phật Giáo Trung Hoa gọi là cõi Quang Âm Thiên.

Có *Pāli* chú giải như sau:

- *Abhāsarā etesanti = ābhassarā*: Hào Quang phúng ra khắp cả thân người, nên gọi là Biển Quang Thiên (Tàu dịch là Quang Âm Thiên).
- *Sarati nissaratīti = Sarā*. Hay *Ābhā saranti niccaranti etesuti = Ābhasarā*: Hào quang có chỗ chiếu phát (từ thân) gọi là biển quang (*Sarā*). Hay là Phạm Thiên mà có hào quang tỏa chiếu từ châu thân, nên gọi là Phạm Thiên Biển Quang.

➤ Các Phạm Thiên biển quang này bởi do có năng lực thiền định sung mãn, tức sung mãn hỷ ở trong thiền của mình và cũng từ đó phát huy năng lực thiền quả tạo tiến trình cho Pháp hỷ thường xuyên sanh khởi. Chính vì vậy trạng thái tâm của hạng Phạm Thiên này tinh khiết – thuần nhã, mà khi tâm được vắng lặng, an tịnh thuần khiết rồi, thì tạo ra sắc tâm cũng đặng tinh khiết. Bởi thế, do mãnh lực tâm thanh khiết là nhân trợ sắc quý tiết hiện bày nơi thân tạo thành ánh hào quang cũng được biển mãn thuần tịnh.

Vì thế có nơi dựa vào đây dịch và giải ra rằng đây là cõi Quang Âm Thiên liên quan đến một vị gọi là Phật Bà Quan Âm, chớ thật ra chỉ là vị Phạm Thiên do thành quả trước đó đã tu tiến thiền định đặc nhị, tam thiên bậc thượng nên đặng sanh về đây và cũng từ phước báu đó (Thiền quả) vị ấy có hào quang biển mãn khắp châu thân. Chính vì do mãnh lực của tâm thuần tịnh tạo quý tiết nương sắc tâm (Quý tiết do Tâm trợ - *cittapaccaya utujarūpa*) cũng thuần khiết nên ám chỉ vị có tâm tánh thuần khiết là vậy, chớ chẳng phải đây là cõi Phật Quang Âm.

**Như vậy:**

*Ba Bậc vừa kể: Thiếu Quang, Vô Lượng Quang, Biển Quang (15, 16, 17) đều ở tầng Nhị Thiên Thiên, nhưng tính cõi Nhị, Tam Thiên (theo Vô Tỷ Pháp - Abhidhamma).*

- Từ Thiếu Quang, Vô Lượng Quang, Biển Quang Thiên, cả 3 tên cõi này chính là sự tu tiến của chư Phạm Thiên đã đạt Thiền Quả có những ân đức như vừa kể trên, tức là dùng tên cõi để đặt tên cho các Phạm Thiên ở cõi ấy. Tầng Nhị, Tam Thiên này là gọi tên theo *Tihānayūpacānaraya* nghĩa là giống như nhóm Phạm Thiên Cõi tầng Sơ Thiên vậy, chỉ khác là Thiên chứng cao hơn thiền bậc mà thôi.
- Thọ mạng Thiên ở tầng thiên này được phân theo 3 bậc (Thượng, Trung, Hạ):
  - Bậc Hạ tức Phạm Thiên Thiếu Quang có số tuổi thọ mạng thiên là 2 Đại kiếp.
  - Bậc Trung tức Phạm Thiên Vô Lượng Quang có số tuổi thọ mạng thiên là 4 Đại kiếp.
  - Bậc Thượng tức Phạm Thiên Biển Quang có số tuổi thọ mạng thiên là 8 Đại kiếp.

**18) Cõi Thiếu Tịnh Thiên (*Parittasubhābhūmi*):**

Đây là Cảnh Giới của Bậc đặc Tứ Thiên bậc hạ, Cõi Thiếu Tịnh Thiên này là vị trời ở đây có hào quang sáng nhưng chưa phải trong sáng hoàn toàn. Hay là Cõi Phạm Thiên có hào Quang tốt đẹp, trong ngần, nhưng ít hơn hai Bậc trên (Vô Lượng Tịnh Thiên, Biến Tịnh Thiên), Cõi này còn gọi là bậc hạ của Cõi Tứ Thiên .

Có *Pāli* chú giải như sau:

- *Parittā subhā etesanti = Parittāsubhā*: Phạm Thiên có hào quang tốt đẹp trong ngần nhưng ít hơn Bậc trên, nên gọi là Thiếu Tịnh Thiên.
- *Parittasubhānaṃ nibbattāti = Parittasubhā*: Nghĩa là nơi nào là trú xứ hay nơi đến hoặc chỗ tái tục của trời Phạm Thiên Thiếu Tịnh, nơi đó gọi là cõi Thiếu Tịnh Thiên.

**19) Cõi Vô Lượng Tịnh Thiên (*Appamānasubhābhūmi*):**

Là Cảnh giới của những người đặc Tứ Thiên bậc trung sanh về đây và cõi này có hào quang trong sáng không thể lường được.

Hay là, Cõi Phạm Thiên mà có hào quang trong sáng không đo lường được và cũng gọi là bậc trung của Cõi Tứ Thiên (do đã tiến hành tu tiến đặc đề mục Tứ Thiên theo cách hành hạng trung).

Có *Pāli* chú giải như sau:

- *Appamānā subhā etesanti = Appamāna subhā*: Là Phạm Thiên có hào quang tốt đẹp trong ngần không đo lường được, nên gọi là Vô Lượng Tịnh Thiên.
- *Appamānā subhānaṃ nibbattāti = Appamānāsubhā*: Nghĩa là cõi mà làm chỗ tái tục của các Phạm Thiên Vô Lượng Tịnh, cõi đó gọi là Vô Lượng Tịnh Thiên.

**20) Cõi Biến Tịnh Thiên (*Subhakiṇhābhūmi*):**

Biến Tịnh Thiên là cảnh giới của những vị đặc Tứ Thiên thuộc bậc thượng. Vị ấy ở cõi này có hào quang trong sáng biến mãn khắp nơi. Hay là, Cõi Phạm Thiên có hào quang trong ngần tốt đẹp tỏa ra khắp cả châu thân. Đây là Cõi thành tựu của vị đã tiến hành tu tiến đề mục Tứ Thiên theo cách bậc cao, nên cũng còn gọi cõi này là bậc thượng của Cõi Tứ Thiên .

Có *Pāli* chú giải như sau:

- *Subhāhi ākiṇṇāti = Subhākiṇhā*: Là Phạm Thiên có hào quang trong ngần yên tịnh tốt đẹp khắp cả châu thân, nên gọi là Biến Tịnh Thiên.
- *Subhākiṇṇanaṃ nibbattāti = Subhākiṇṇā*: Nghĩa là cõi mà làm nơi tái tục cho các vị trời Phạm Thiên Biến Tịnh, cõi đó gọi là cõi Biến Tịnh Thiên.

- Ở đây, theo từ ngữ *pāli Subhā* là ám chỉ cho sự tốt đẹp mà rất thuần tịnh, phát ra từ châu thân của hàng Phạm Thiên ở cõi Tứ Thiên này. Hào quang biến tịnh có tướng trạng giống ánh hào quang của mặt trăng, tức ánh hào quang ấy gồm lại thành vòng tròn, không có sự rời rạc, chính vì vậy mới gọi là *subhā*, tức là hào quang thuần nhĩ, bởi ánh hào quang ấy xinh đẹp biến mãn khắp thân (trong *mūlatikā*).

**Như vậy:**

*Ba Bậc vừa kể: Thiếu Tịnh, Vô Lượng Tịnh, Biến Tịnh (18, 19, 20) đều ở tầng Tam Thiên Thiên, nhưng tính cõi Tứ Thiên (theo Vô Tỷ Pháp - Abhidhamma).*

- Thọ mạng Thiên ở tầng thiên này được phân theo 3 bậc (Thượng, Trung, Hạ):

- Bậc Hạ tức Phạm Thiên Thiếu Tịnh, bởi vị Phạm Thiên này có hào quang trong ngần nhưng ít hơn hai bậc trên là Vô Lượng và Biến Tịnh, về mặt thọ mạng thiên có số tuổi là 16 Đại kiếp.
- Bậc Trung tức Phạm Thiên Vô Lượng Tịnh, đây là nói Phạm Thiên có hào quang thanh nhã đạt sự trong ngần mà không thể đo lường được, về mặt thọ mạng thiên có số tuổi là 32 Đại kiếp.
- Bậc Thượng tức Phạm Thiên Biến Tịnh, là trời Phạm Thiên đạt đến sự hào quang trong ngần tốt đẹp thuần khiết biến mãn khắp cả châu thân, về mặt thọ mạng thiên có số tuổi là 64 Đại kiếp.

-----XXX-----

**21) Cõi Quảng Quả Thiên (*Vehapphalābhūmi*):**

Đây là Cảnh giới của những vị Đắc Ngũ Thiên (theo Vô Tỷ Pháp - *Abhidhammapiṭaka*. Còn nói theo Kinh Tạng - *Suttapiṭaka* thuộc tầng Tứ Thiên) hưởng quả báo to lớn, hay là Cõi Phạm Thiên có đặng quả phước rất lớn, rất rộng.

Có *Pāli* chú giải như sau:

- *Vephulam etesanti = Vehapphalā*: Là Phạm Thiên mà có quả phước lớn lao rất rộng, nên gọi là Quảng Quả Thiên.
- *Viphulam phalam Etesanti = Vehapphalā*: Quả phước rộng lớn, bất động (năng lực quả ngũ thiên) đến với những vị Phạm thiên cõi này, thì cõi này gọi là Quảng Quả Thiên.

Thông thường Thiên thiện tương ứng câu hành xả là loại thiên thù thắng bất động, cao hơn dạng thiên thiện tương ứng câu hành hỷ. Cho nên, quả thiên sanh nên từ Thiên thiện tương ứng câu hành xả mới là quả thù thắng diễn tiến theo nhân. Vì vậy, cõi Quảng Quả thoát khỏi nạn hủy diệt trong thời kỳ hoại của vũ trụ.

Tuy nhiên, còn các quả sanh từ thiên thiện câu hành hỷ thời không thù thắng và không kiên cố bằng quả sanh từ thiên thiện tương ứng câu hành xả, nhưng cũng diễn tiến theo nhân như nhau.

**Như vậy:**

Cõi Quảng quả thiên (*Vehapphalaa*) là cõi Phạm thiên có đặng quả phước rất lớn, rất rộng. Tuổi thọ mạng thiên cõi này là đến năm trăm (500) đại kiếp.

-----XXX-----

## 22) Cõi Vô Tướng Thiên (*Asaññasattābhūmi*):

Cảnh giới của các Bậc đắc Ngũ Thiền Sắc Giới mà nơi đây vị Phạm thiên ấy “không có Tâm sanh”, do trước khi sanh về cõi này, đã khởi lên ý nghĩ là chán nản Tâm Thức (vì nhiều phiền muộn trong sự biết cảnh), nên nguyện chuyển sang Thiền Tâm không sanh. Vị ở Cõi này giống như hình tượng, nghĩa là chỉ có thể xác nhưng không có Tâm Thức, tức Tâm không sanh trong suốt thời gian thọ mạng Thiên (500 Đại Kiếp). Hay là, cõi mà Bậc Phạm Thiên chỉ có Sắc Uẩn mà không có Thức uẩn, Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn. Còn gọi Vô Tướng thiên là ám chỉ vị trời Phạm thiên này không có sở hữu Tướng.

- Nên có *Pāli* chú giải như sau:
  - *Natthi sañña etesanti = Asañña*: Là sở hữu Tướng không có với Phạm Thiên ấy, nên gọi là Vô Tướng.
- Chớ thật ra nên hiểu vị trời Vô Tướng, giải theo *Pāli* như sau:
  - *Asañña ca te sattā cāti = Asaññasattā*: Vị Phạm thiên khi nương sanh nương ở cõi mà không có Tứ danh uẩn, tức do sở hữu Tướng (Tướng uẩn) là tướng. Nên gọi là Vô tướng Phạm thiên, nhưng Phạm thiên này cũng là chúng sanh, do vậy mới gọi chúng sanh vô tướng.

### Cần biết:

Không nên hiểu sai những vật nào hay sự thể hiện nào hiện bày, mà không có danh uẩn, những vật ấy, sự hiện bày kia không gọi là chúng sanh. Sự hiểu biết như thế nên phân biệt kỹ càng để tránh điều sai lạc. Trường hợp ở cõi Dục giới nếu không có Danh uẩn thì có thể xem là vật chất không có Tâm thức, nhưng đối với cõi Sắc giới thì hoàn toàn nên suy xét lại. Như chẳng hạn cõi Vô tướng đã trình bày trên, mặc dù chỉ có Sắc uẩn, nhưng vẫn có sự sống vì có sắc mạng quyền gìn giữ và hết kiếp thọ mạng tại đây, chúng sanh đó vẫn tái tục ở cõi khác hiện bày trở lại có đầy đủ ngũ uẩn. Sự tiếp nối này là bởi do mãnh lực trợ tạo là Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên ... . Điều này được Đại Trưởng Lão *Anuruddha* giải thích như sau:

*Asaññasattānaṃ Nibbattāti Asaññasattā*: Cõi tái tục cho chúng sanh - sanh lên do mãnh lực Ngũ Thiền và do có sự lắng dịu phiền não Tham là căn bản, đồng thời có định hướng không sử dụng tâm (Tâm không sanh) trong giai đoạn nhất định theo nghiệp quả Thiền, chúng sanh ấy gọi là Phạm Thiên cõi Vô Tướng. Vậy thì, mặc dù không có Tâm thức, chỉ có sắc uẩn duy nhất nhưng vẫn xếp vào loại chúng sanh. Tức chúng sanh Vô Tướng.

- Theo Tạng Kinh, thì Bậc Trời Vô Tướng thuộc hạng người Lạc Vô Nhân.

### Như vậy:

Vô Tướng Thiên (*Asaññasattā*) là cõi mà bậc Phạm Thiên hay chúng sanh nương nhờ ở đây chỉ có sắc uẩn mà không có Thức uẩn và các uẩn danh khác, nên gọi là Vô Tướng Thiên. Tuổi thọ mạng thiên cõi này cũng là đến năm trăm (500) đại kiếp.

**23) Cõi Vô Phiền Thiên (*Avihābhūmi*):**

Là Cảnh giới của những bậc đã chứng Tam Quả tức A Na Hàm quả mà có Tín Quyền mạnh. Đặc điểm của cõi này là không có sự phiền muộn. Hay là, Cõi mà các vị Phạm Thiên Thánh đã đắc Tam Quả đặng Ngũ Thiên, thiên về Tín Quyền mạnh. Đây là Cõi Tịnh Cư thứ nhất dành riêng cho bậc A Na Hàm Quả mà có Tín Quyền mạnh sanh về đây, đồng thời hưởng được quả không bị nạn suy sụp tài sản của mình.

Có *Pāli* chú giải như sau:

- *Attano sampāttiyā na hāyantīti = Avihā:* Là những Phạm Thiên Thánh (Bất Lai quả) không có suy sụp tài sản của mình, nên gọi là Vô Phiền Thiên.
- *Avihānaṃ Nibbattāti = Avihā:* Nơi tái tục của những Phạm Thiên thánh Anahàm Vô Phiền và được thọ hưởng thiên sản tròn đủ suốt Thọ mạng Thiên không hề thay đổi bất luận một loại nào. Do nhân đó mới gọi là cõi Vô Phiền Thiên.

**Như Vây:**

Cõi Vô Phiền Thiên (*Avihā*), nghĩa là cõi mà vị Phạm Thiên thánh này hằng hưởng đặng thiên sản đầy đủ, không bị suy sụp tài sản của mình. Về thời gian thọ mạng Thiên là một ngàn (1.000) đại kiếp.

-----XXX-----

**24) Cõi Vô Nhiệt Thiên (*Atappābhūmi*):**

Đây là Cảnh giới không có sự nóng nảy của bậc đã chứng A Na Hàm đắc Ngũ Thiên Sắc Giới mà có Tấn Quyền mạnh tái tục về đây. Hay là, Cõi mà các Phạm Thiên Thánh (Bất Lai quả) có sự thanh lương, xa lìa sự nóng nảy hay là thoát sự bức bối. Hoặc là Cõi Tịnh Cư thứ hai dành cho vị Thánh A Na Hàm đã đạt Tấn Quyền mạnh nương sanh nương ở.

Có *Pāli* chú giải như sau:

- *Natappantīti = Atappā:* Là Phạm Thiên Thánh Bất Lai Quả không có sự phải nóng nảy Tâm, nên gọi là Vô Nhiệt Thiên thánh cư.
- *Atappānaṃ Nibbattāti = Atappā:* Cõi mà không có sự nhiệt não sôi nổi, nóng nảy, tức dành cho Phạm Thiên thánh Anahàm (có Tấn Quyền mạnh).

**Như vây:**

Cõi Vô Nhiệt thiên (*Atappā*), nghĩa là nơi đây chư Phạm Thiên Vô Nhiệt thường nhập Thiên hoặc nhập Thiên quả, nên các phiền não là nhân khiến cho sanh sôi nổi nóng nảy không có cơ hội phát sanh, mà chỉ có sự an tịnh mát mẻ. Về thời gian thọ mạng Thiên là hai ngàn (2.000) đại kiếp.

-----XXX-----

**25) Cõi Thiện Kiến Thiên (*Sudassābhūmi*):**

Là Cảnh giới mà các vị trời Thánh A Na Hàm quả khi ở Cõi này, những chúng sanh khác trông thấy sẽ được sự an lành. Cõi này là nơi tái tục của vị Thánh

chứng Bất Lai quả mà có Niệm Quyền mạnh sanh về đây. Hay là, những vị Phạm Thiên Thánh ở Cõi này, khi kẻ khác trông thấy sẽ đặng sự an vui. Hoặc gọi Cõi Tịnh Cư thứ ba dành riêng cho vị Thánh A Na Hàm đạt Niệm Quyền mạnh nương sanh - nương ở.

Có *Pāli* chú giải như sau:

- *Sukkhena dissantīti = Sudassā*: Là những Phạm Thiên Thánh mà kẻ khác diện kiến hay gặp thấy đặng có sự an vui nên gọi là Thiện Kiến Thiên. Hoặc gọi Kiến Lạc Thiên, Thiện Lạc Thiên thánh cư.
- *Parisuddhehi pasādadibbadhammapanññā cakkhāhi sampannattā suttu passantīti = Sudassā*: Những ân đức mà vị Thánh Phạm Thiên này được hưởng là do nhờ quả ngũ thiền sắc giới mà có Niệm quyền mạnh, như là thấy mọi vật rất rõ ràng do Nhục nhãn hoặc Thiên nhãn hay Pháp nhãn, Tuệ nhãn thanh tịnh. Vì vậy, chư Phạm thiên ở cõi này có thân hình rất tịnh hảo, xinh đẹp tinh khiết, nên bất luận người nào được nhìn thấy sẽ phát sanh an lạc. Nên gọi là Phạm Thiên Thánh Thiện Kiến.

#### **Như vậy:**

Thiện Kiến Thiên là nơi nương của những vị Phạm Thiên Thánh có Niệm quyền mạnh của Ngũ thiền Sắc giới sanh về đây, đặc điểm là khi kẻ khác trông thấy sẽ đặng sự an vui – lợi lành. Về thời gian thọ mạng Thiên là bốn ngàn (4.000) đại kiếp.

-----XXX-----

### **26) Cõi Thiện Hiện Thiên (*Sudassībhūmi*):**

Thiện Hiện Thiên là Cảnh giới của các vị trời đã đắc Tam Quả đạt Ngũ Thiền và có Định Quyền mạnh. Ở Cõi này, vị Phạm Thiên Thánh ấy nhìn vạn vật trong vũ trụ hoàn toàn xinh đẹp. Hay là, Cõi mà các vị Phạm Thiên Thánh nhìn vạn vật rất dễ dàng, cũng gọi là Cõi Tịnh Cư thứ tư để dành riêng cho vị Thánh Bất Lai Quả có Định quyền mạnh nương sanh - nương ở.

Có *Pāli* chú giải như sau:

- *Sukkhena passantīti = Sudassī*: Là Phạm Thiên Thánh mà ngó thấy vạn vật bằng cách dễ dàng, nên gọi là Thiện Hiện Thiên Thánh cư.
- *Tato atisayena suttu dassanabhāvena samannāgatāti = Sudassī. Sudassīnam nibbattāti = Sudassī*: Quả phước mà vị trời thánh này đạt được là sự thù thắng trong việc thấy, nghĩa là bậc này nhìn vạn vật bằng sự khéo léo, đạt sự thoả mái, với mãnh lực ấy nhìn thấy các vật ở xa hay vật nhỏ bé cũng thuận lợi dễ dàng.

#### **Như vậy:**

Cõi Thiện Hiện Thiên (*Sudassī*) là cõi mà các vị Phạm Thiên nhìn vạn vật rất dễ dàng. Về thời gian thọ mạng Thiên là Tám ngàn (8.000) đại kiếp.

-----XXX-----

**27) Cõi Sắc Cứu Cánh Thiên (*Akānitthābhūmi*):**

Đây là Cảnh giới cuối cùng trong tầng Tứ Thiên và cũng là Cõi Phạm Thiên Ngũ Thiên mà thuộc về Thánh Cư, hay là gọi Cõi Sắc Cứu Cánh Thiên là Cảnh giới chót của Cõi Sắc Giới, là nơi nương của Vị Thánh A Na Hàm Quả đặc ngũ thiên Tuệ Quyền mạnh tái tục về đây, hoặc là Cõi các vị Phạm Thiên Thánh có tài sản an vui, những phần nhỏ nhoi không phát sanh đến vị Phạm Thiên Thánh ấy, đây cũng là Cõi Tịnh Cư thứ năm để cho các vị Bất Lai Quả có Trí Quyền mạnh nương sanh, nương ở. Điều đáng lưu ý hiện nay cõi này có tạo Tháp *Dussa* để thờ đôi giầy của Đức Bồ Tát "*Siddha*" sau khi xuất gia. Cõi Sắc Cứu Cánh Thiên là Cõi cao tột của Sắc Giới đồng thời cũng là Cõi cao nhất của Ngũ Tịnh Cư, các vị Phạm Thiên Thánh khi đã sanh về đây thì chỉ còn tinh tấn tu tiến để đặng đắc Tứ Quả - Níp Bàn chớ không có sanh lại cõi khác nữa.

Có *Pāli* chú giải như sau:

- *Natthi kanittho etesanti = Akanitthā*: Là nơi mà tài sản và an vui, những phần nhỏ nhoi không có với Phạm Thiên Thánh ấy, nên gọi là Sắc Cứu Cánh Thiên Thánh cư.
- *Natthi rūpīnam sattanam majjhe kenaci guṇe kaniṭṭhabhāvo etesanti = Akanitthā*: Trạng thái mà có chút ít, hay phần vừa, hoặc bất luận thiếu thiên sản và an lạc không có phát sanh ở nơi đây, thì nơi đây được gọi là Sắc Cứu Cánh Thiên tức vị trời phạm thiên thánh này được hưởng tài sản an vui trọn vẹn và rất lớn.

**Như vậy:**

Cõi Sắc Cứu Cánh Thiên là nơi mà các vị phạm thiên thánh khi nương ở cõi này thì có tài sản an vui, những phần nhỏ nhoi không phát sanh đến các vị ấy. Về thời gian thọ mạng Thiên là Mười sáu ngàn (16.000) đại kiếp.

-----XXX-----

- ❖ Bảy Bạc vừa kể: Cõi Quảng Quả, Vô Tướng, Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Kiến, Thiện Hiện và Sắc Cứu Cánh Thiên (21, 22, 23, 24, 25, 26, 27) đều ở tầng Sắc Giới Tứ Thiên Thiên.
- ❖ Nhưng năm Bạc Cõi: Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Kiến Thiên, Thiện Hiện Thiên, Sắc Cứu Cánh Thiên đều là nơi nương sanh nương ở của Bạc Tam Quả Ngũ Thiên, cho nên kể chung lại gọi là Ngũ Tịnh Cư hay là Thánh Cư Thiên (*Suddhāvāsa*).
- ❖ 16 Cõi vừa nêu bày kể trên (từ số 12 đến số 27) gồm lại gọi là Cõi Sắc Giới (*Rūpāvaccarabhūmi*). Để nói về Cõi Sắc Giới, có *Pāli* chú giải như sau:  
*Rūpassa Bhavoti = Rūpam*: Nơi, chốn, hay cõi nào là chỗ sanh sắc vật chất và sắc phiến nào gọi là Cõi Sắc, tức là Cõi sắc Giới. Hay nói cách khác, vì trên hơn những cõi hưởng ngũ dục là Dục Giới mà chưa đặng đến Cõi Vô Sắc, nên chỉ gọi là Sắc Giới hay là trong 16 Bạc (16 Cõi đã kể) chỉ có 1 Bạc hoàn toàn là Sắc (*Rūpa*) nên để làm tiêu chuẩn.

-----XXX-----

**28) Cõi Không Vô Biên Xứ Thiên (*Akāsānañcāyatana*):**

Đây là Cảnh giới của những vị đã Đắc Thiên Vô Sắc bằng đề mục Không Vô Biên. Hay là, Không Vô Biên Xứ là quán tưởng “cái không, không cùng tột, không bờ mé”, làm Cảnh đề mục mượn đặc tên Tâm Thiên ban đầu cõi Vô sắc giới.

Có *pāli* chú giải như sau:

- *Akāsānañcāyanassa bhūmi = Ākāsānañcāyatana bhūmi*: Là Cõi làm vị trí cho Tâm Thiên Không Vô Biên nên gọi là cõi Không Vô Biên. Chữ **vị trí** ở đây nghĩa là **Cảnh**. Hoặc là Cõi của thiên Không Vô Biên gọi là Cõi Không Vô Biên và ở Cõi này chẳng có thân sắc cho nên những Tâm nương vật nhất định đều không nương cõi vô sắc.

-----XXX-----

**29) Cõi Thức Vô Biên Xứ Thiên (*Viññānañcāyatana*):**

Đây là Cảnh giới của những vị đã Đắc Thiên Vô Sắc bằng đề mục Thức Vô Biên. Hay là, Thức Vô Biên Xứ là quán tưởng “cái biết không bờ mé” làm cảnh đề mục, mượn Cảnh đặc tên Tâm Thiên thứ hai cõi Vô sắc giới.

Có *pāli* chú giải như sau:

- *Viññānañcāyanassa bhūmi = Viññānañcāyatana bhūmi*: Là Cõi làm vị trí cho Tâm Thiên Thức Vô Biên nên gọi là cõi Thức Vô Biên. Chữ **vị trí** ở đây nghĩa là **Cảnh**. Hoặc là Cõi của thiên Thức Vô Biên gọi là Cõi Thức Vô Biên và ở Cõi này chẳng có thân sắc cho nên những Tâm nương vật nhất định đều không nương cõi vô sắc.

-----XXX-----

**30) Cõi Vô Sở Hữu Xứ Thiên (*Akincaññāyatana*):**

Đây là Cảnh giới của những vị đã Đắc Thiên Vô Sắc bằng đề mục Vô Sở Hữu Xứ. Hay là, Vô Sở Hữu Xứ là quán tưởng cảnh đề mục “không có chi”, phát sanh Tâm Thiên mượn Cảnh đặc tên là bậc Thiên thứ ba cõi Vô sắc giới.

Có *pāli* chú giải như sau:

- *Akincaññāyanassa bhūmi = Akincaññāyatana bhūmi*: Là Cõi làm vị trí cho Tâm Thiên Vô Sở Hữu nên gọi là cõi Vô Sở Hữu. Chữ **vị trí** ở đây nghĩa là **Cảnh**. Hoặc là Cõi của thiên Vô Sở Hữu gọi là Cõi Vô Sở Hữu và ở Cõi này chẳng có thân sắc cho nên những Tâm nương vật nhất định đều không nương cõi vô sắc.

-----XXX-----

**31) Cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên (*Nevaśāññānāsāññāyatana*):**

Đây là Cảnh giới của những vị đã Đắc Thiên Vô Sắc bằng đề mục Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Hay là, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ nghĩa là chẳng phải cái chẳng

phải có tướng, hoặc là nói “có chẳng phải, không chẳng phải” cũng tức là “không cái không”. Đây là sự nhận định để làm đề mục quán tưởng luôn đặc tên Tâm Thiền, chớ chẳng phải Tâm như thế, vì bậc Thiền này phải bắt cảnh như vậy tức là cảnh rất vi tế. Hoặc có người vịnh đề mục này mà biện lý thuyết không có, không không v.v... .

Có *pāli* chú giải như sau:

▪ *Nevasaññānā saññāyatana* *bhūmi* = *Nevasaññānā -*

*Saññāyatana bhūmi*: Là Cõi làm vị trí cho Tâm Thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng nên gọi là cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng. Chữ **vị trí** ở đây nghĩa là **Cảnh**. Hoặc là Cõi của thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng gọi là Cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng và ở Cõi này chẳng có thân sắc cho nên những Tâm nương vật nhất định đều không nương cõi vô sắc.

**Như vậy:**

*Bốn (4) Cõi vừa kể trên: Không vô biên, Thức vô biên, Vô sở hữu, Phi tưởng phi phi tưởng (28, 29, 30, 31) gồm lại gọi là Cõi Vô Sắc Giới được pāli chú giải như vậy: Arūpassa bhavoti = Arūpaṃ: Nghĩa là cõi nào là chỗ sanh thứ vô sắc và phiến não vô sắc, chỗ đó – nơi ấy gọi là Cõi Vô Sắc (chữ Cõi nghĩa giống như chữ Giới).*

Về thời gian thọ mạng thiên của 4 Cõi trên như sau:

1. Cõi Không Vô Biên Xứ : 20.000 Đại kiếp.
2. Cõi Thức Vô Biên Xứ : 40.000 Đại kiếp.
3. Cõi Vô Sở Hữu Xứ : 60.000 Đại kiếp.
4. Cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ : 84.000 Đại kiếp.

-----XXX-----

## II. ĐIỀU PHÁP VÀ CHI PHÁP

- a. Người Đặng Mấy Cõi.
- b. Người Sử Dụng Mấy Tâm.
- c. Tâm Sanh Đặng Mấy Người.
- d. Cõi Đặng Mấy Tâm.
- e. Tâm Sanh Đặng Mấy Cõi.

### a) Người Đặng Mấy Cõi:

	12 HẠNG NGƯỜI:	Ở ĐẶNG MẤY CÕI:	Cộng Cõi:
1	Người Khổ	Địa ngục, Ngạ Quỷ, Atula, Bàn Sanh	4
2	Người Lạc Vô Nhân	Nhân Loại, Tứ Thiên Vương, Vô Tướng Thiên	3
3	Người Nhị Nhân	7 Cõi Vui Dục Giới (Nhân Loại, Tứ Đại Thiên Vương, Đạo Lợi, Dạ Ma, Đâu Xuất, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại).	7
4	Người Tam Nhân	21 Cõi Phạm Vui Hữu Tâm (đã trừ: 4 Cõi Khổ, Ngũ Tịnh Cư và Cõi Vô Tướng).	21
	• Người Tam Nhân Dục Giới	7 Cõi Vui Dục Giới	7
	• Người Tam Nhân Sắc Giới	10 Cõi Vui Sắc Giới Phạm Hữu Tâm (Phạm Chúng, Phạm Phụ, Đại Phạm, Thiếu Quang, Vô Lượng Quang, Biến Quang, Thiếu Tịnh, Vô Lượng Tịnh, Biến Tịnh và Quảng Quả Thiên).	10
	• Người Tam Nhân Vô Sắc Giới	4 Cõi Vô Sắc Giới (Không Vô Biên Xứ Thiên, Thức Vô Biên Xứ Thiên, Vô Sở Hữu Xứ Thiên, Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên).	4
5	Người Sơ Đạo	Sanh Đặng 17 Cõi: 7 Cõi Vui Dục Giới và 10 Cõi Sắc Giới Phạm Hữu Tâm.	17
6	Người Nhị Đạo	Sanh đặng 21 Cõi Phạm Vui Hữu Tâm	21
7	Người Tam Đạo		21
8	Người Tứ Đạo	26 Cõi Vui Hữu Tâm	26
9	Người Sơ Quả	Sanh đặng 21 Cõi Phạm Vui Hữu Tâm (Đã trừ 4 Cõi Khổ, Ngũ Tịnh Cư và Cõi Vô Tướng)	21
10	Người Nhị Quả		
11	Người Tam Quả	Sanh đặng 26 Cõi Vui Hữu Tâm (Đã trừ 4 Cõi Khổ và Cõi Vô Tướng)	26
12	Người Tứ Quả		26

**b) Người Sử Dụng Mấy Tâm:**

	<b>12 HANG NGƯỜI:</b>	<b>SỐ TÂM SỬ DỤNG:</b>	<b>Cộng:</b>
1	Người Khổ	12 thứ Tâm Bất Thiện, 17 Thứ Tâm Vô Nhân (đã trừ Tâm Tiểu Sinh), 8 thứ Tâm Đại Thiện	37
2	Người Lạc Vô Nhân	Số thứ Tâm như người Khổ cộng thêm 4 thứ Tâm Đại quả bất tương ứng	41
3	Người Nhị Nhân		
4	Người Tam Nhân	63 thứ Tâm Hiệp Thế (đã trừ 18 thứ Tâm Đồng Lực Tổ)	63
✓	Người Tam Nhân Cối Dục Giới	45 thứ Tâm Dục Giới (đã trừ Đồng Lực Tổ Dục Giới)	45
✓	Người Tam Nhân Cối Sắc Giới hữu tướng.	1 thứ Tâm Tái Tục Quả Sắc Giới, 8 thứ Tâm Tham, 2 thứ Tâm Si, 2 thứ Tâm Nhẫn thức, 2 thứ Tâm Nhĩ Thức, 3 thứ Tâm Ý Giới, 3 thứ Tâm Thẩm Tấn, 1 thứ Tâm Khai Ý môn, 8 thứ Tâm Đại Thiện hoặc 9 thứ tâm Thiện Đáo Đại.	39
✓	Người Tam Nhân Cối Vô Sắc Giới	Tâm Quả Vô Sắc (chỉ lấy 1 trong 4), Khai Ý Môn (1), Si (2), Tham (8), Đại Thiện (8) và Thiện Vô Sắc (4).	24
5	Người Sơ Đạo	Đắc trong 3 Sát Na tiểu của Tâm Sơ Đạo.	1
6	Người Nhị Đạo	Đắc trong 3 Sát Na tiểu của Tâm Nhị Đạo.	1
7	Người Tam Đạo	Đắc trong 3 Sát Na tiểu của Tâm Tam Đạo.	1
8	Người Tứ Đạo	Đắc trong 3 Sát Na tiểu của Tâm Tứ Đạo.	1
9	Người Sơ Quả	1 Tâm Tái Tục, 1 thứ Tâm Sơ hoặc Nhị Quả, 4 Tham B.T.Ư, Si Điều Cử, Sân (2), Đại Thiện (8), Đại Quả (8), hoặc Thiện Đáo Đại (9), Tâm Vô Nhân (17) (trừ Tiểu Sinh).	51
10	Người Nhị Quả		
11	Người Tam Quả	Tâm tái tục (1), Tâm Tam Quả (1), Tâm Tham B.T.Ư (4). Si Điều Cử (1), Đại Thiện (8), Đại Quả (8) hoặc Thiện Đáo Đại (9) và Tâm Vô Nhân (17) (Trừ Tiểu Sinh).	49
12	Người Tứ Quả	Tâm Hữu Phần, Tâm Tứ Quả (1), Tâm Vô Nhân (18), Đại Quả (8), Đại Tổ (8) hoặc Tổ Đáo Đại (9).	45

## c) Tâm Sanh Đặng Mấy Người:

	THỨ TÂM	NGƯỜI	Cộng:
1	Tâm Siêu Thế	Mỗi thứ Tâm sanh đặng 1 người	1
2	Tâm Tố Đồng Lực	Chỉ sanh cho Bạc Tứ Quả	1
3	Tâm Tham T.Ư và Si Hoài Nghi	Sanh Đặng 4 Phàm	4
4	Tâm Thiện Đáo Đại	Phàm Tam Nhân và 3 Quả Hữu Học	4
5	Tâm Tái tục Tam Nhân	Phàm Tam Nhân và 4 Quả	5
6	Tâm Sân	Sanh cho 4 Phàm và 2 Quả Thấp	6
7	Tâm Tham B.T.Ư, Si Diệu Cử và Đại Thiện	4 Phàm và 3 Quả Hữu Học	7
8	Đại Quả B.T.Ư	3 Phàm Vui và 4 Quả	7
9	Tâm Vô Nhân (17) (trừ Tiểu Sinh)	4 Phàm và 4 Quả	8



**d) Cối Đặng Mấy Tâm:**

	<b>CỐI</b>	<b>THỨ TÂM</b>	<b>Cộng</b>
1	4 Cối Khổ	12 thứ Tâm Bất Thiện, 8 thứ Đại Thiện, 17 Thứ Tâm Vô Nhân (đã trừ Tâm Tiểu Sinh).	37
2	7 Cối Vui Dục Giới	Tâm Dục Giới (54), Đồng Lực Kiên Cố (26 hoặc 58).	80 hoặc 112
3	3 Cối Sơ Thiên Sắc Giới	Tâm Tái Tục Sơ Thiên, Đồng Lực Kiên Cố (26 hoặc 58) và 38 thứ Tâm Dục Giới (đã trừ Sân, tỳ, thiệt, thân, đại quả).	65 hoặc 97
4	3 Cối Nhị, Tam Thiên Sắc Giới	2 Tâm Tái Tục Nhị, Tam Thiên, 18 Đồng Lực Đáo Đại, 38 thứ Tâm Dục Giới và 7 hoặc 35 Siêu Thế. (trừ Sân, Tỳ, Thiệt, Thân Thức, Đại Quả, 4 Đạo Sơ Thiên và Quả La Hán Sơ Thiên).	61 hoặc 93
5	3 Cối Tứ Thiên Sắc Giới	Đồng Lực Đáo Đại (18), Tâm Dục Giới (38), 5 hoặc 25 Tâm Siêu Thế, Tâm tái tục tứ thiên. (trừ Sân, Tỳ, Thiệt, Thân Thức, Đại Quả và Đạo Sơ, Nhị, Tam Thiên và Quả La Hán Sơ, Nhị, Tam Thiên).	59 hoặc 82
6	Cối Quảng Quả	Tâm Quả Ngũ Thiên Sắc Giới (1), Đồng Lực Đáo Đại (18), Tâm Dục Giới (38) và Tâm Siêu Thế (20). (trừ Tỳ, Thiệt, Thân Thức, Đại Quả, Đạo Sơ, Nhị, Tam, Tứ Thiên và Quả La Hán Sơ, Nhị, Tam, Tứ Thiên).	77
7	Cối Tịnh Cư	Tâm Quả Ngũ Thiên Sắc Giới, Đồng Lực Đáo Đại (18), Tâm Tam Quả Ngũ Thiên, Tâm Đạo Quả La Hán Ngũ Thiên (2), Tâm Dục Giới (33) (trừ Tham T.Ư, Si Hoài Nghi, Sân, Tỳ, Thiệt, Thân Thức, Đại Quả).	55
8	Cối Không Vô Biên Xứ	Tâm Quả Không Vô Biên, Tham, Si, Khai ý Môn, Đại Thiện, Đại Tố hoặc 8 Đồng Lực Vô Sắc và 7 thứ Tâm Ngũ Thiên Siêu Thế (trừ Sơ Đạo).	43
9	Cối Thức Vô Biên Xứ	Tâm Quả Thức Vô Biên, Tham, Si, Khai Ý Môn, Đại Thiện, Đại Tố hoặc 6 Đồng Lực Vô Sắc và 7 thứ Tâm Ngũ Thiên Siêu Thế (trừ Đồng Lực Không Vô Biên và Tâm Sơ Đạo Ngũ Thiên).	41
10	Cối Vô Sở Hữu Xứ	Tâm Quả Vô Sở Hữu Xứ, Tham (8), Si (2), Khai Ý Môn, Đại Thiện, Đại Tố hoặc 2 thứ Tâm Đồng Lực Vô Sở Hữu Xứ, 2 thứ Tâm Đồng Lực Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ và 7 thứ Tâm Ngũ Thiên Siêu Thế (trừ Sơ Đạo)	39
11	Cối Phi Tưởng, Phi Phi Tưởng Xứ	Tâm Quả Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, Tham, Si, Khai Ý Môn, Đại Thiện, Đại Tố, hoặc Tâm Đồng Lực Phi Tưởng Phi Phi Tưởng và Tâm Ngũ Thiên Siêu Thế (trừ Sơ Đạo)	37

**e) Tâm Sanh Đạng Mấy Cõi:**

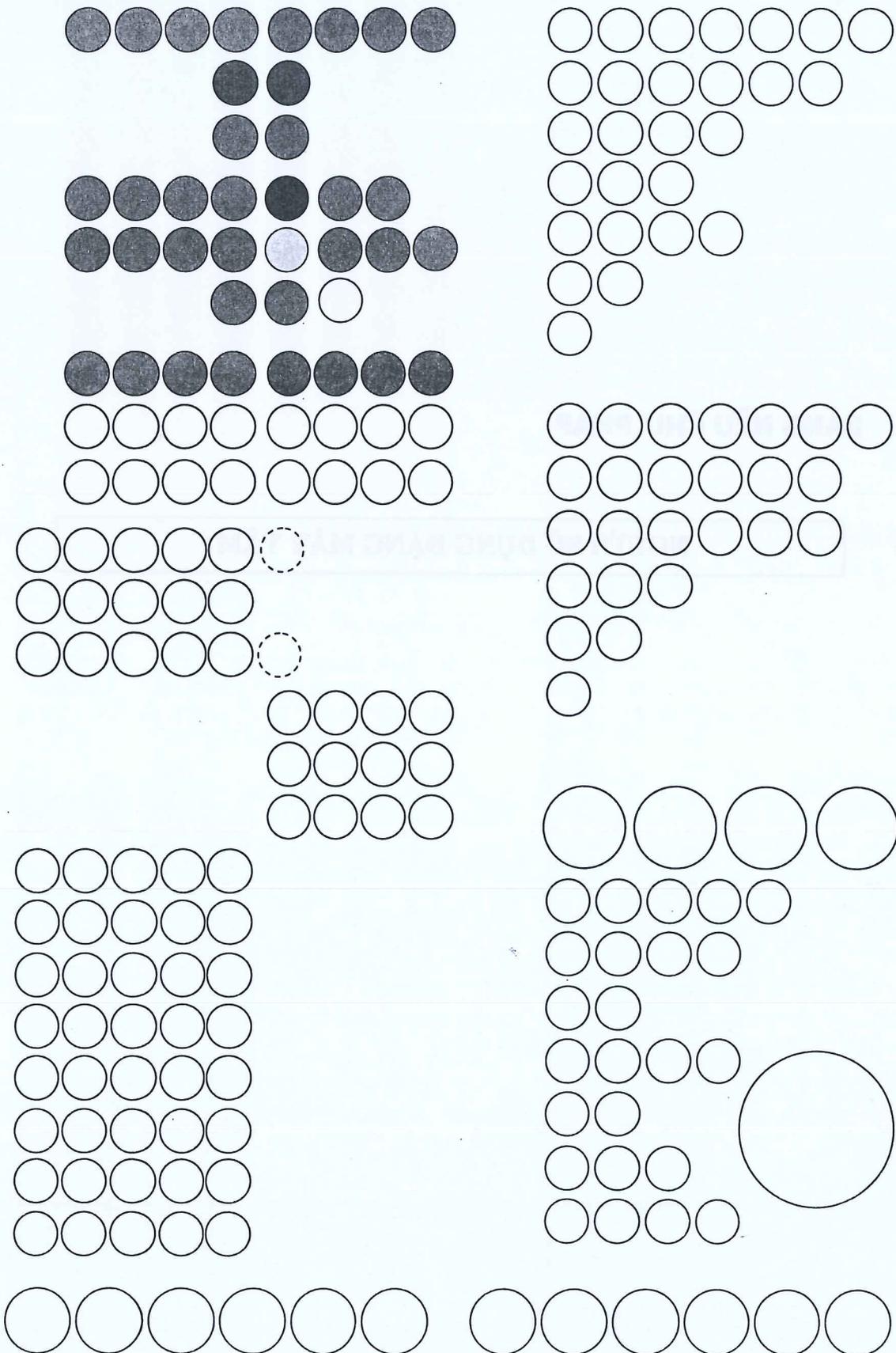
	<b>THỨ TÂM</b>	<b>CỐI</b>	<b>Cộng</b>
1	4 thứ Tâm Quả Vô Sắc	Mỗi Thứ Tâm sanh đạng 1 Cõi	1
2	Tâm Quả Sơ Thiên	3 Cõi Sơ Thiên	3
3	Tâm Quả Nhị & Tam Thiên	3 Cõi Nhị, Tam Thiên	3
4	Tâm Quả Tứ Thiên	3 Cõi Tứ Thiên	3
5	Tâm Quả Ngũ Thiên Sắc Giới	Ngũ Tịnh Cư và Quảng Quả	6
6	Đạo Quả không Thiên và 8 Đại Quả	7 Cõi Vui Dục Giới	7
7	4 thứ Tâm Đạo Sơ Thiên & Tâm Tứ Quả Sơ Thiên	7 Cõi Vui Dục Giới, 3 Cõi Sơ Thiên	10
8	Tỷ, Thiết, Thân Thức & Sân (2)	11 Cõi Dục Giới	11
9	8 Tâm Đạo Nhị, Tam Thiên & 2 Tâm Tứ Quả Nhị Tam Thiên	7 Cõi Vui Dục Giới, 3 Cõi Sơ Thiên, 3 Cõi Nhị, Tam Thiên	13
10	4 Tâm Đạo Tứ Thiên & Tâm Tứ Quả Tứ Thiên	7 Cõi Vui Dục Giới, 3 Cõi Sơ Thiên, 3 Cõi Nhị, Tam Thiên, 3 Cõi Tứ Thiên	16
11	Tâm Sơ Đạo Ngũ Thiên	7 Cõi Vui Dục Giới, 10 Cõi Phạm Sắc Giới Hữu Tướng	17
12	Tâm Sơ Quả (5), Tâm Nhị Quả (5) & Tâm Nhị Tam Đạo Ngũ Thiên	21 Cõi Phạm vui hữu Tâm	21
13	Đồng Lực Sắc giới và Tiểu Sinh	22 Cõi Vui Ngũ Uẩn (7 Cõi Vui Dục Giới + 15 Cõi Sắc Giới Hữu Tướng)	22
14	Đồng Lực Không Vô Biên (2)	22 Cõi Vui Ngũ Uẩn & Cõi Không Vô Biên	23
15	Đồng Lực Thức Vô Biên (2)	22 Cõi Vui Ngũ Uẩn, Cõi Không Vô Biên, Cõi Thức Vô Biên	24
16	Đồng Lực Vô Sở Hữu (2)	22 Cõi Vui Ngũ Uẩn, Cõi Không Vô Biên, Cõi Thức Vô Biên, Cõi Vô sở Hữu	25
17	Tâm Tham T.Ư & Si Hoài Nghi	25 Cõi Phạm Hữu Tâm	25
18	Đôi Nhãn Thức, Đôi Nhĩ Thức, Ý Giới (3), Tâm Thảm Tấn (3)	26 Cõi Ngũ Uẩn	26
19	Tâm Tổ Dục Giới (8), Tâm Tam Quả Hữu Thiên, Đồng Lực Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, Tâm Tứ Đạo và Tâm Tứ Quả Ngũ Thiên	26 Cõi Vui Hữu Tâm	26
20	Tâm Tham B.T.Ư, Si Điệu Cử, Khai Ý Môn, Đại Thiên (8)	30 Cõi Hữu Tâm	30

**III. BẢNG NÊU CHỮ PHÁP**

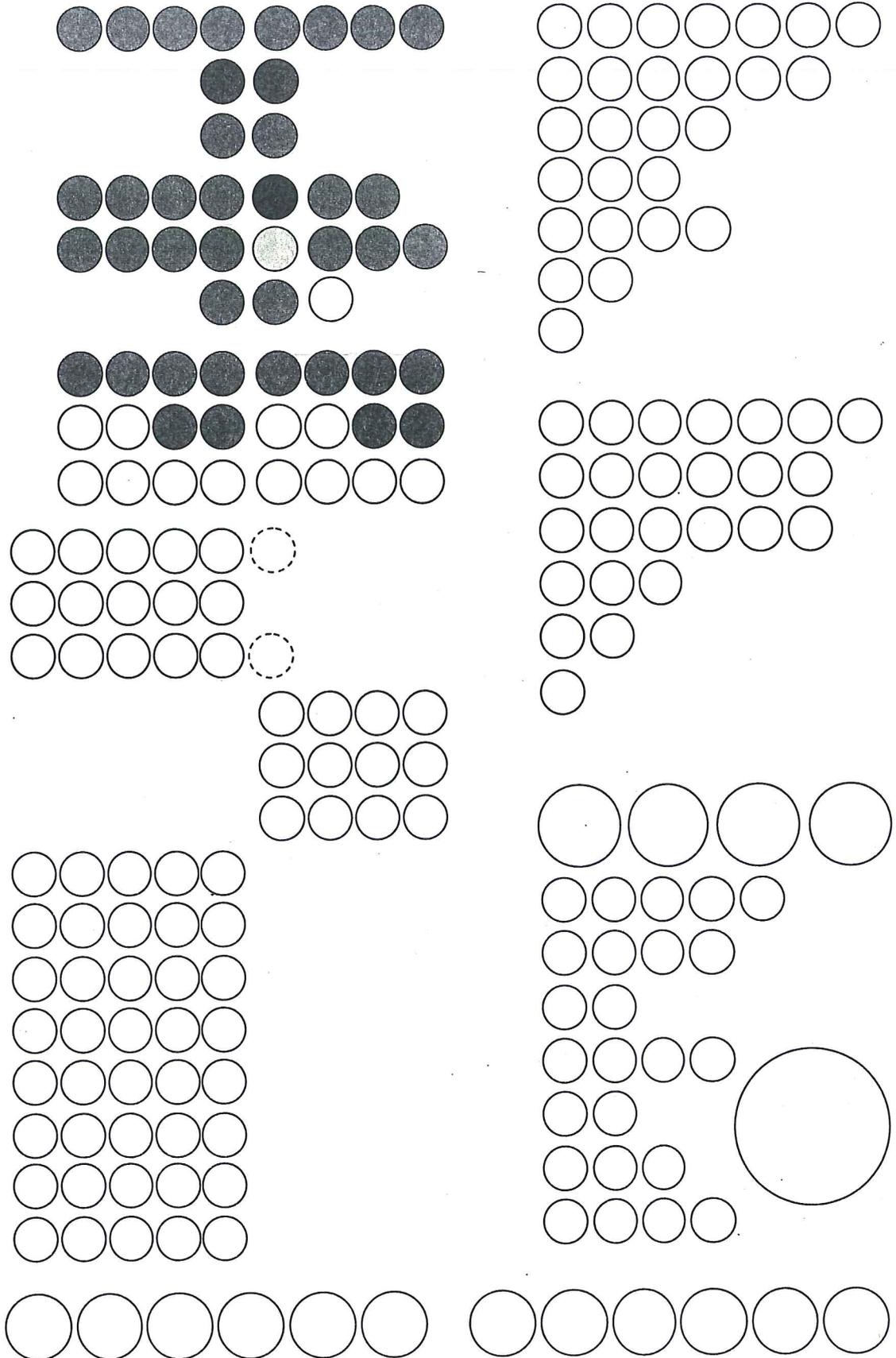
**NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẠNG MÁY TÂM**

**NGƯỜI SỬ DỤNG MÂY TÂM:**

1/. **Người Khổ:** Sử dụng dạng 37 thứ Tâm: 12 thứ Tâm Bất Thiện, 17 Thứ Tâm Vô Nhân (Đã trừ Tiểu Sinh), 8 thứ Tâm Đại Thiện

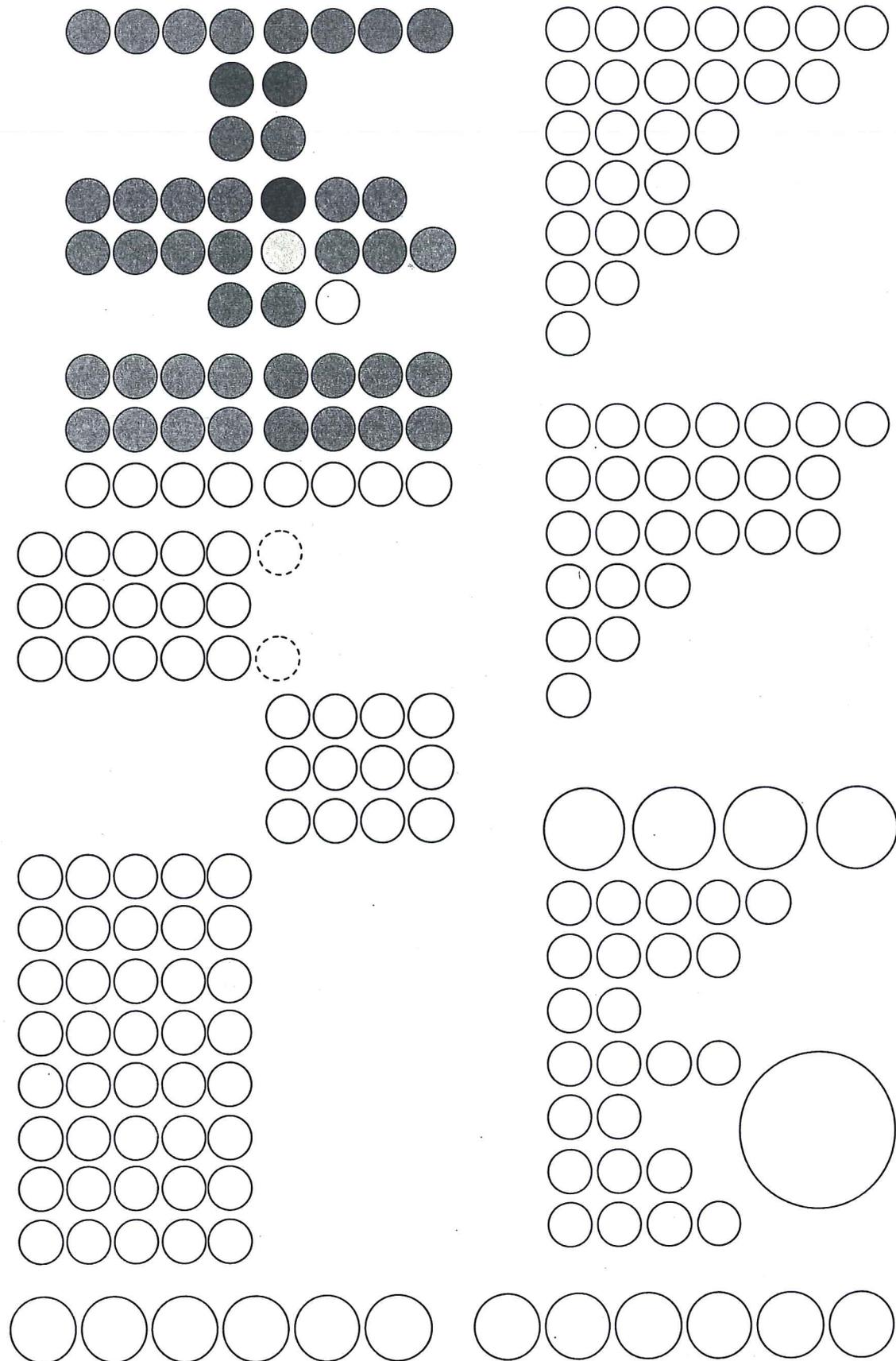


2/. Và 3/. Người Lạc Vô Nhân, Người Nhị Nhân - sử dụng dạng 41 thứ Tâm: 8 thứ Tâm Đại Thiện, 4 Thứ Tâm Đại Quả B.T.U và 29 thứ Tâm Vô Tình Hảo (Trừ Tiểu Sinh).

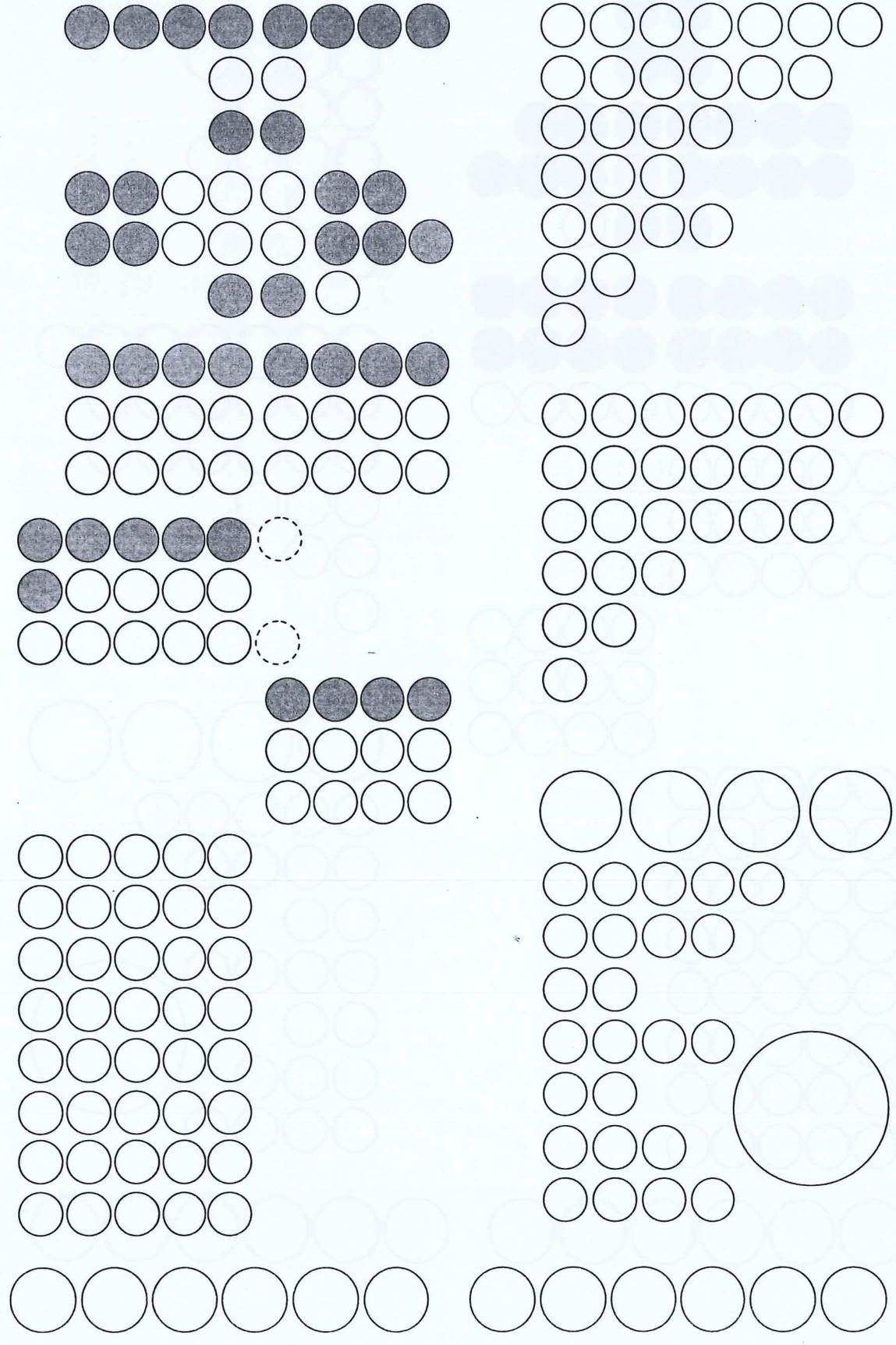




**Người Tam Nhân Cối Dục Giới:** Sử dụng dạng 45 thứ Tâm: 45 thứ Tâm Dục Giới (trừ Đồng Lục Tổ Dục Giới)



**Người Tam Nhân Cối Sắc Giới hữu tướng:** Sử dụng dạng 39 thứ Tâm: 1 thứ Tâm Tái Tục Quả Sắc Giới, 8 thứ Tâm Tham, 2 thứ Tâm Si, 2 thứ Tâm Nhẫn thức, 2 thứ Tâm Nhĩ Thức, 3 thứ Tâm Ý Giới, 3 thứ Tâm Thẩm Tấn, 1 thứ Tâm Khai Ý môn, 8 thứ Tâm Đại Thiện hoặc 9 Thiện Đáo Đại.

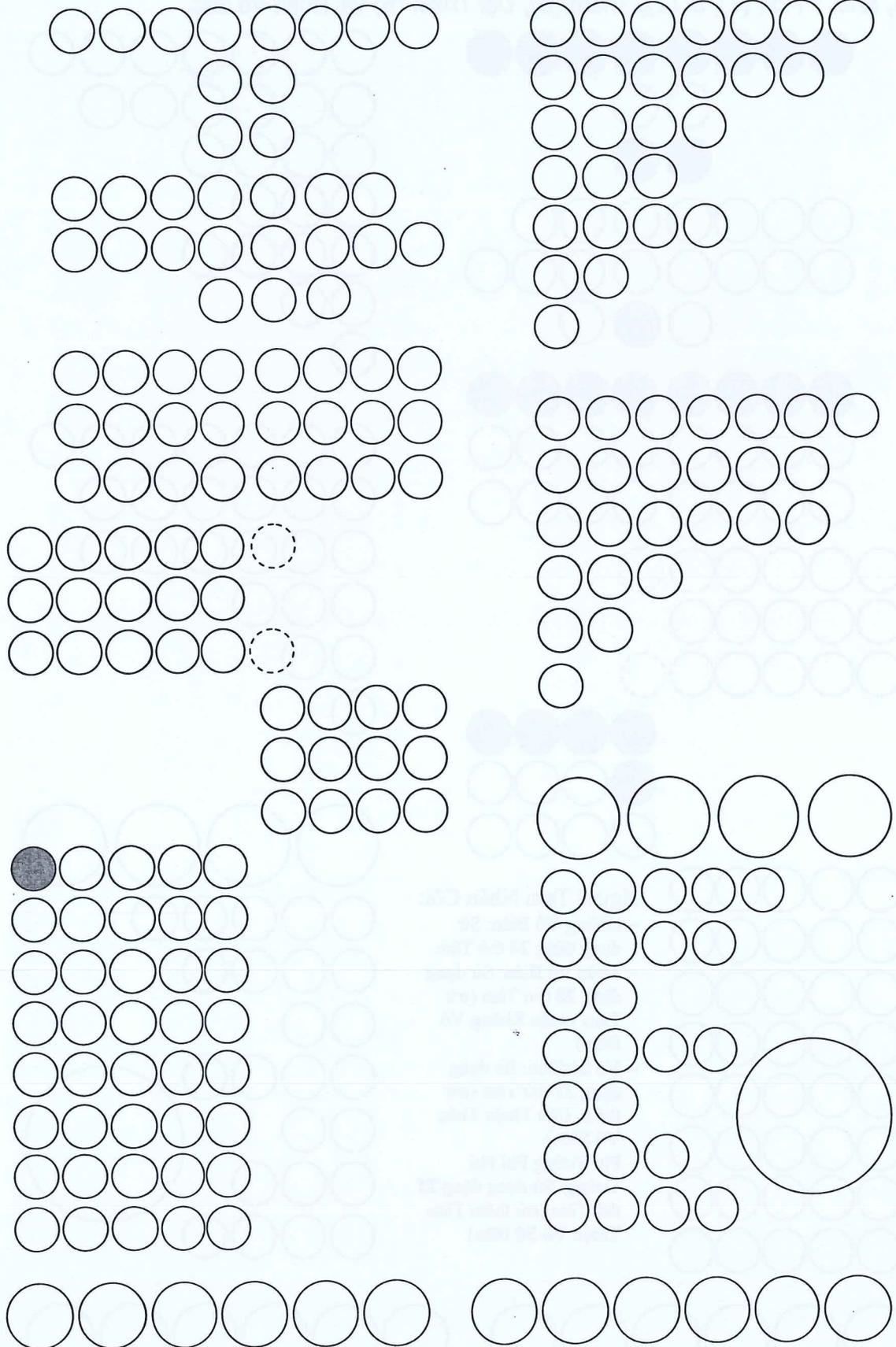


**Người Tam Nhân Cối Vô Sắc Giới** sử dụng dạng 24 thứ Tâm: Tâm Quả Vô Sắc (1), Khai Ý Môn (1), Si (2), Tham (8), Đại Thiện (8) và Thiện Vô Sắc.

**Người Tam Nhân Cối:**

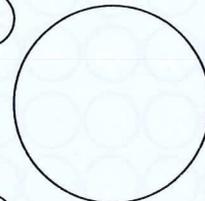
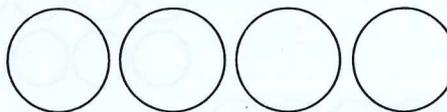
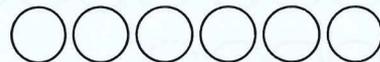
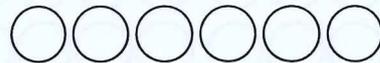
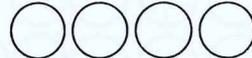
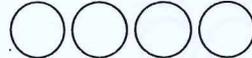
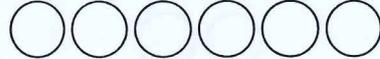
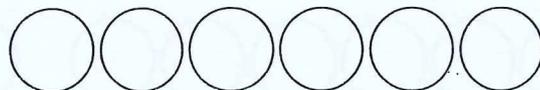
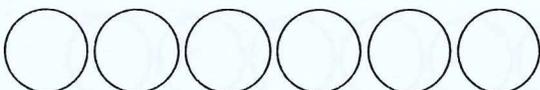
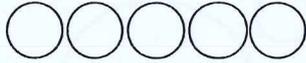
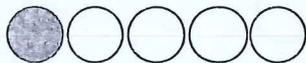
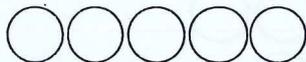
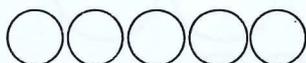
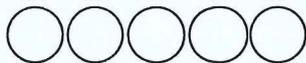
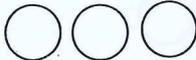
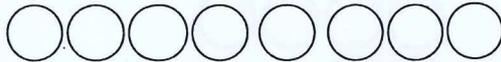
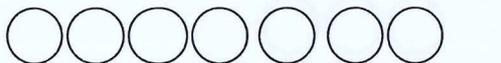
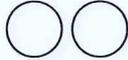
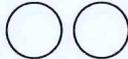
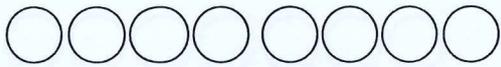
- Không Vô Biên: Sử dụng dạng 24 thứ Tâm
- Thức Vô Biên: Sử dụng dạng 23 thứ Tâm (trừ Tâm Thiện Không Vô Biên)
- Vô Sở Hữu: Sử dụng dạng 22 thứ Tâm (trừ thêm Tâm Thiện Thức Vô Biên)
- Phi Tướng Phi Phi Tướng: Sử dụng dạng 21 thứ Tâm (trừ thêm Tâm Thiện Vô Sở Hữu)

**5/. Người Sơ Đạo Đặc trong 3 Sát Na Tâm Sơ Đạo**

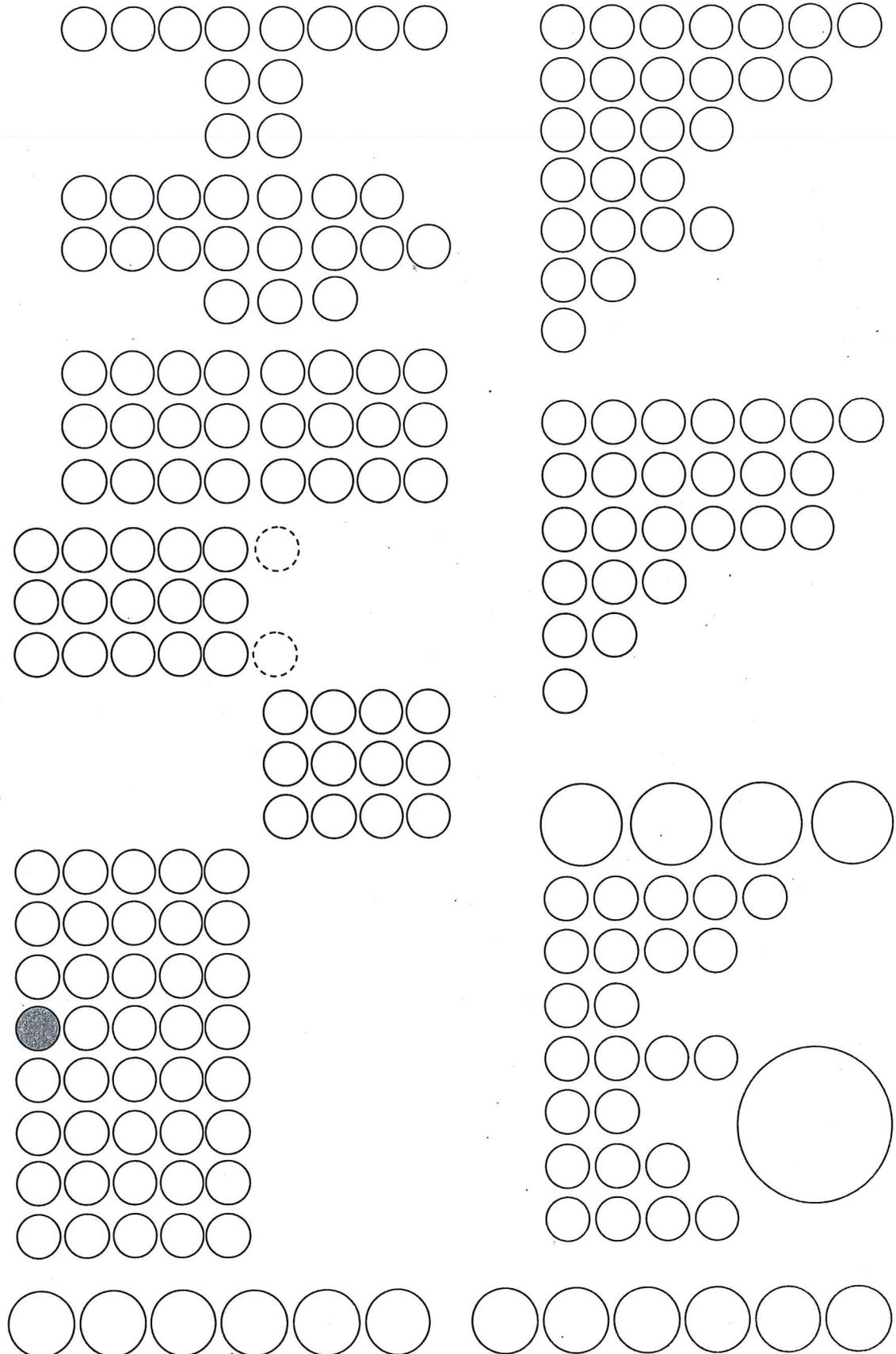




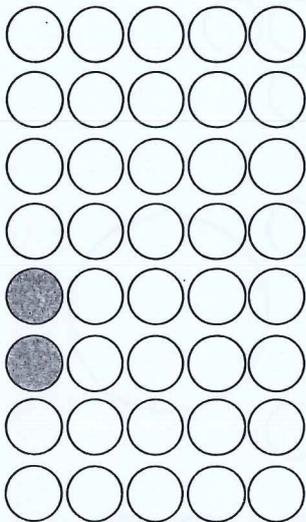
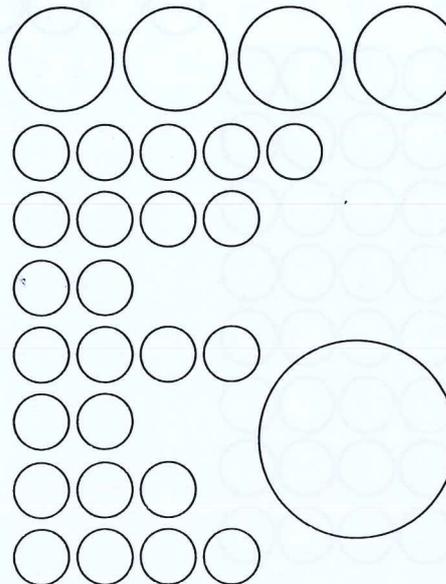
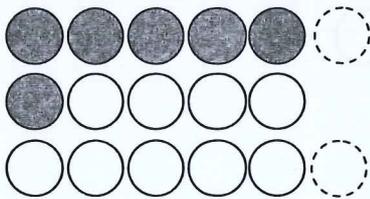
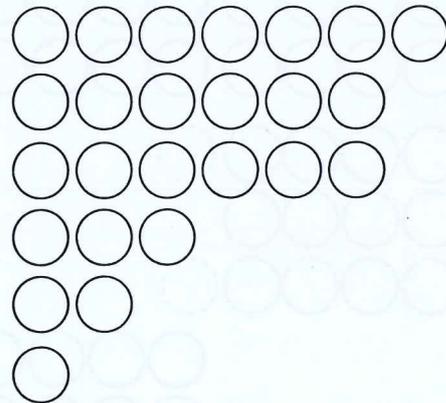
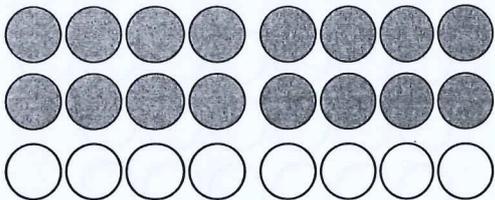
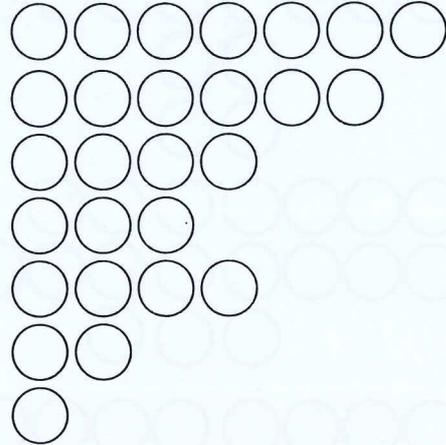
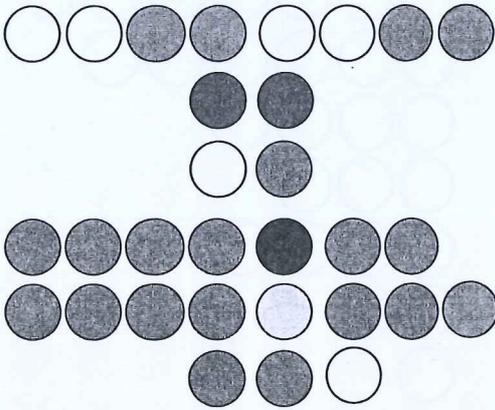
7/. Người Tam Đạo Đặc trong 3 Sát Na Tâm Tam Đạo



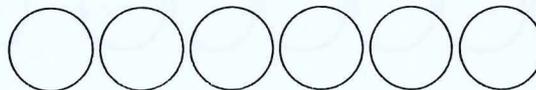
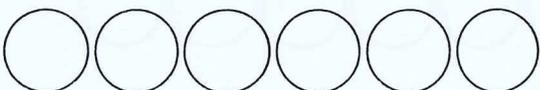
**8/. Người Tứ Đạo Đặc trong 3 Sát Na Tâm Tứ Đạo**



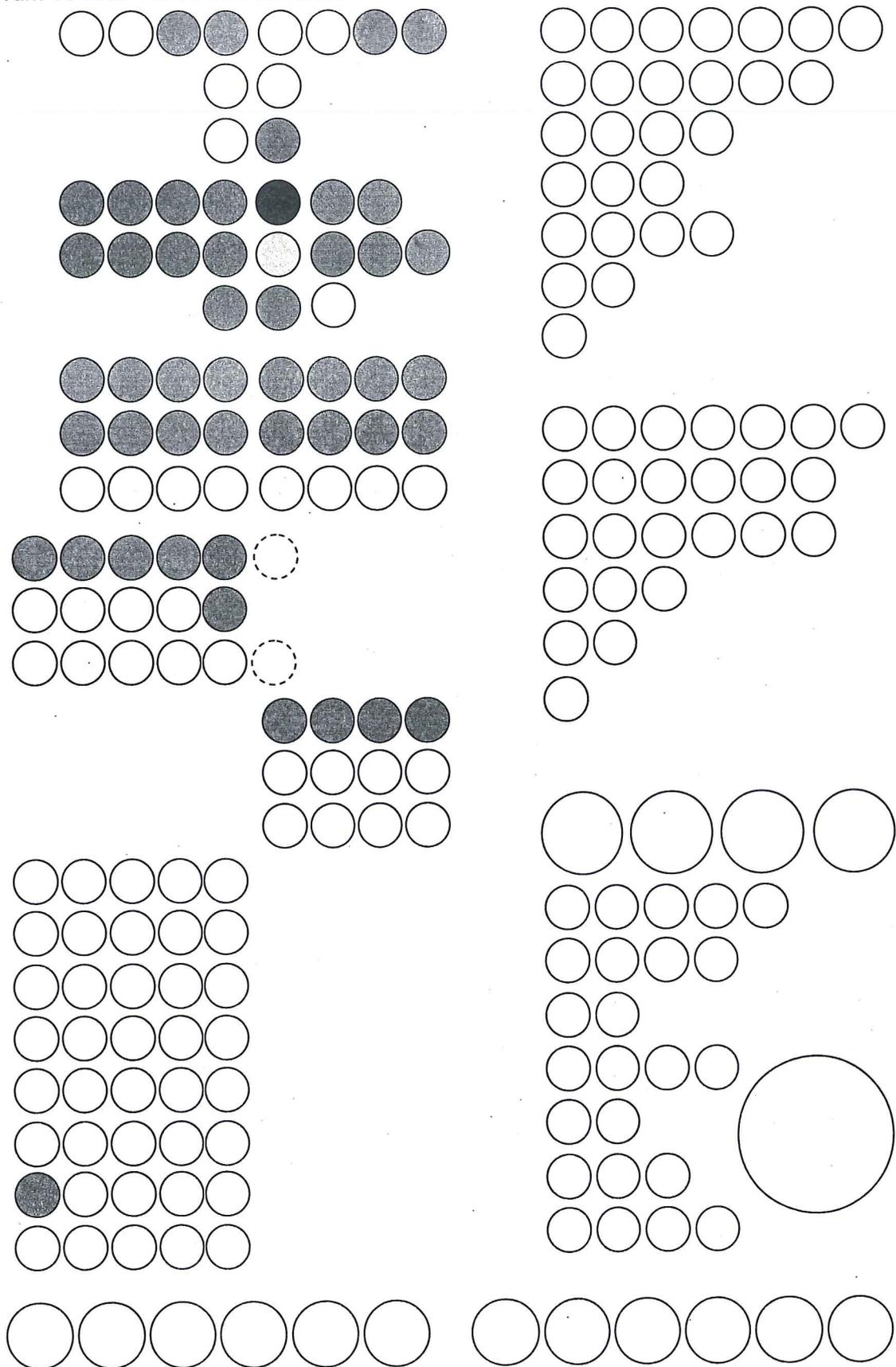
**9, 10/. Người Sơ Quả, Người Nhị Quả sử dụng đặng 51 thứ Tâm:** 1 Tâm Tái Tục, 1 thứ Tâm Sơ hoặc Nhị Quả, 4 Tham B.T.Ư, Si Điều Cử, Sân (2), Đại Thiện (8), Đại Quả (8), hoặc Thiện Đáo Đại (9), Tâm Vô Nhân (17) (trừ Tiểu Sinh).



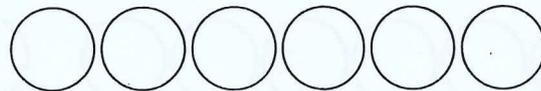
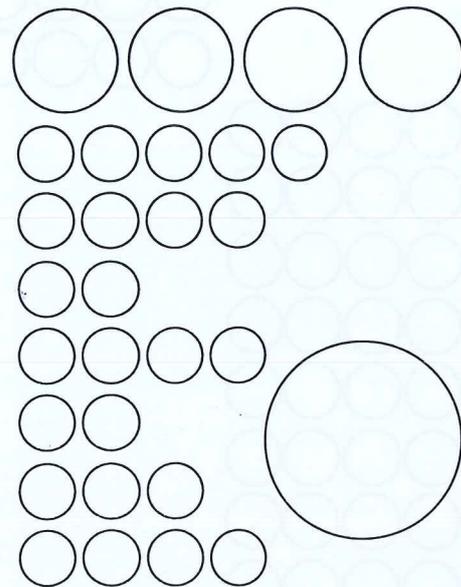
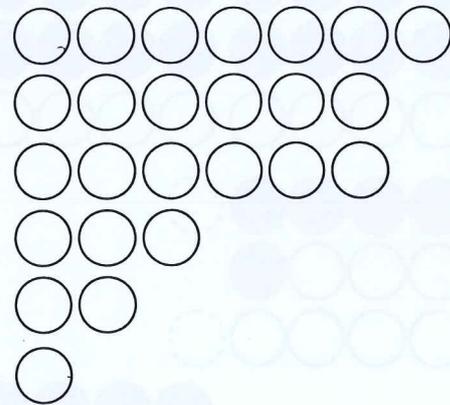
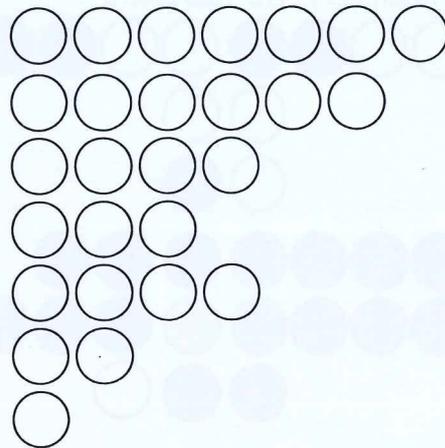
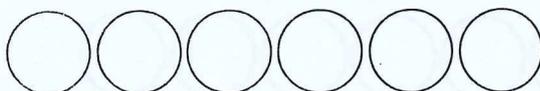
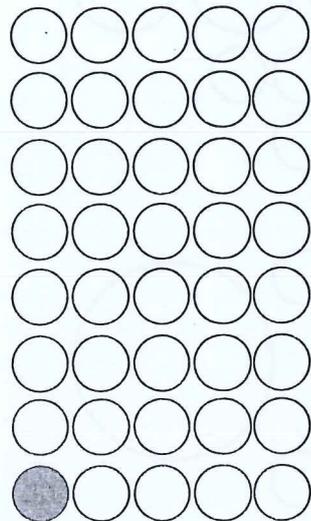
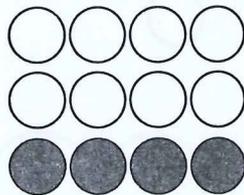
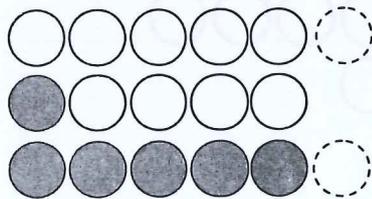
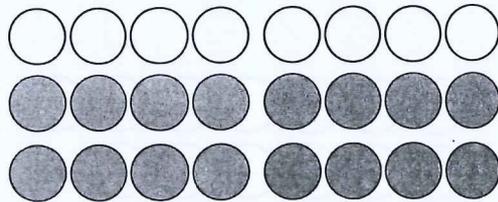
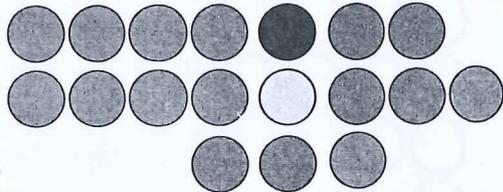
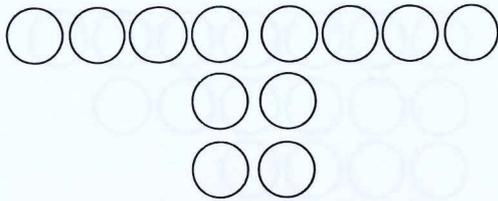
Người Sơ Quả và Người Nhị Quả sử dụng số Tâm giống nhau (51), chỉ thay đổi Tâm Tái Tục và Tâm chứng Đắc



**11/. Người Tam Quả sử dụng dạng 49:** Tâm tái tục (1), Tâm Tam Quả (1), Tâm Tham B.T.Ư (4), Si Điều Củ (1), Đại Thiện (8), Đại Quả (8) hoặc Thiện Đáo Đại (9) và Tâm Vô Nhân (17) (*Trừ Tiểu Sinh*).



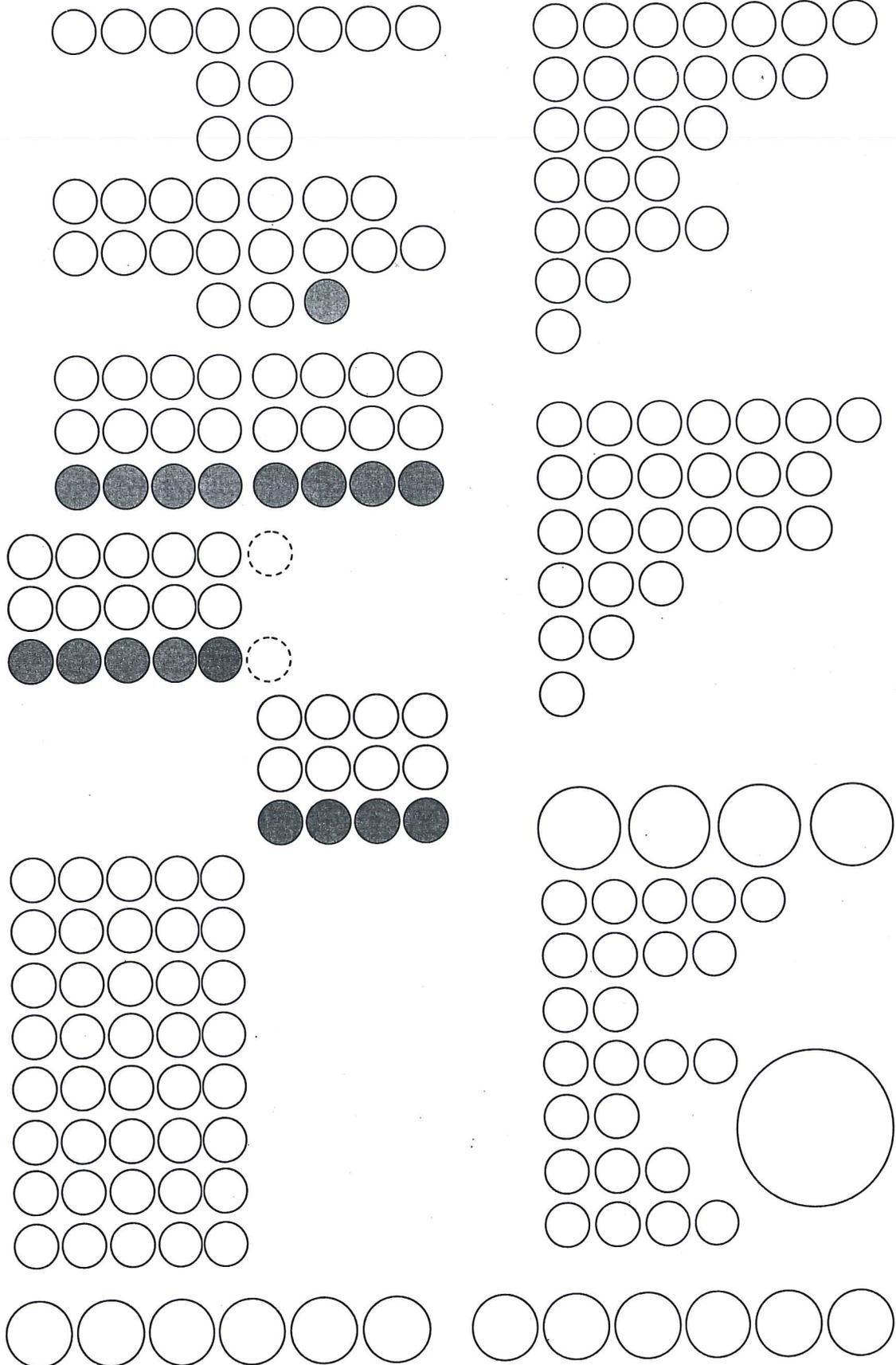
12/. **Người Tứ Quả sử dụng đặng 45 thứ Tâm:** Tâm Hữu Phần, Tâm Tứ Quả (1), Tâm Vô Nhân (18), Đại Quả (8), Đại Tố (8) hoặc Tố Đáo Đại (9).



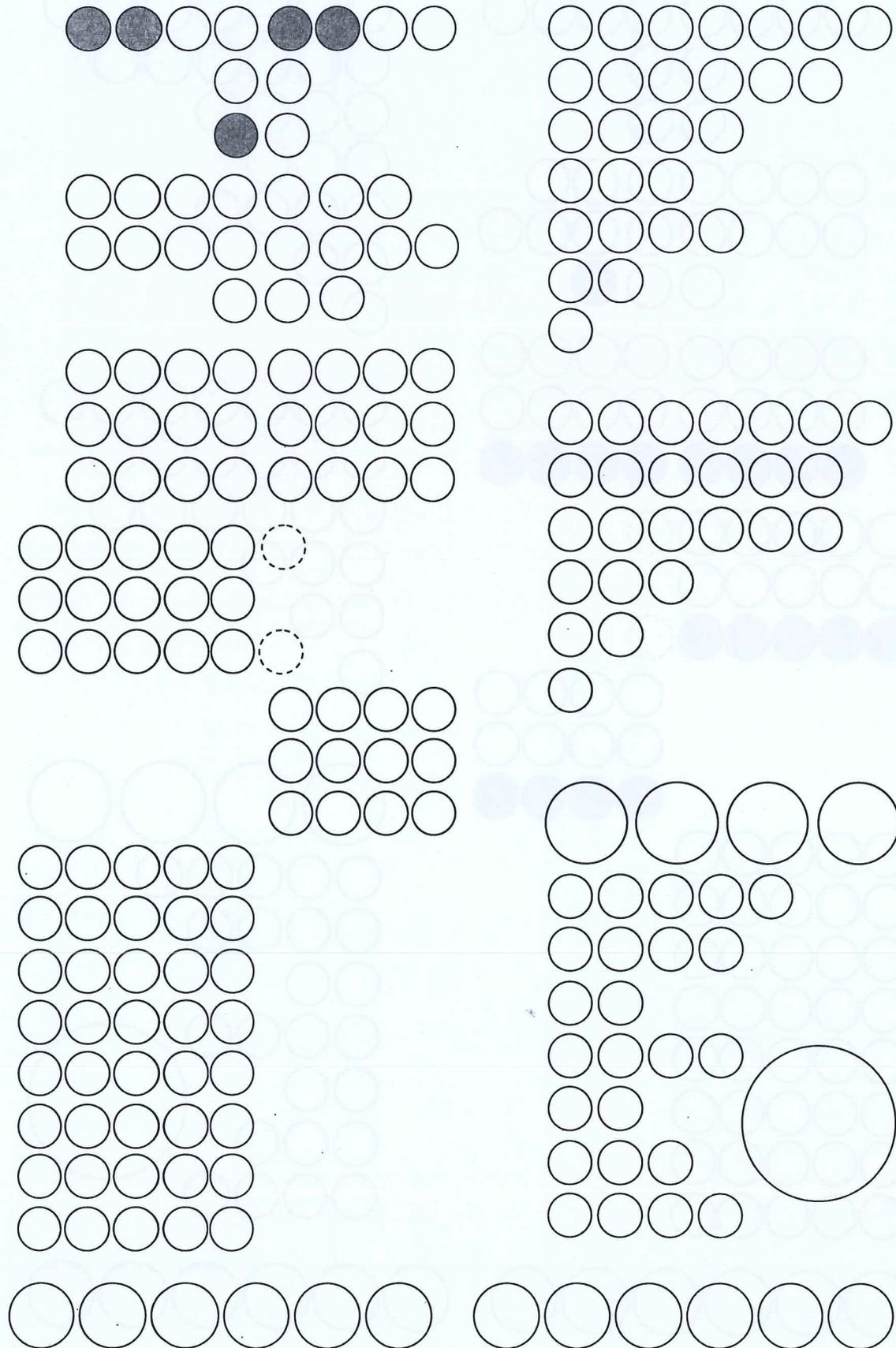
**TÂM SANH ĐỘNG MÂY NGƯỜI**



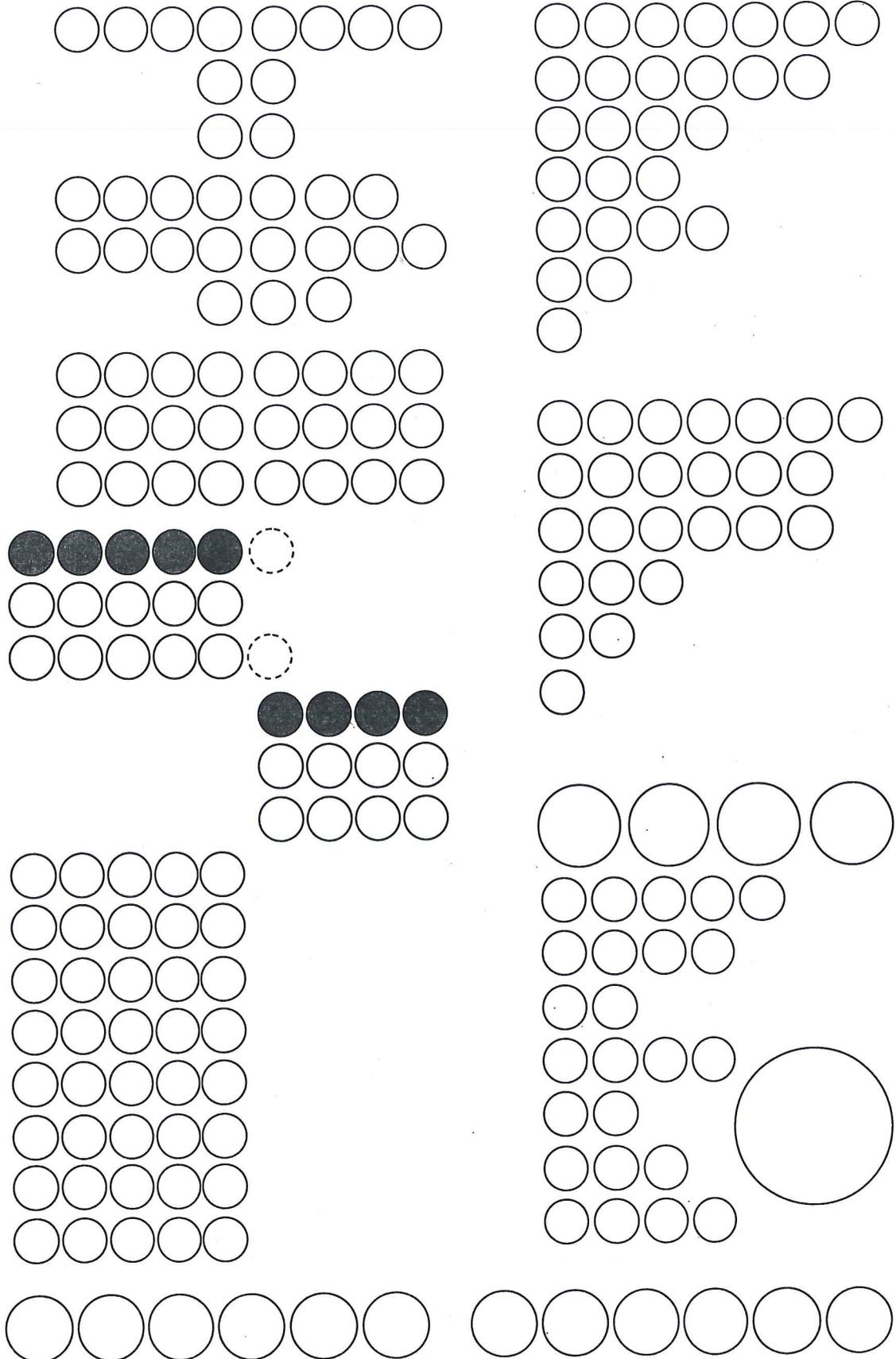
2/. Tâm Tổ Đồng Lực: Chỉ sanh cho Bạc Tứ Quả



3/. Tâm Tham Tương Ứng và Si Hoài Nghi - Người sử dụng đặng: 4 Phàm



**4/. Thiện Đáo Đại** - Người sử dụng đặng: Phàm Tam Nhân và 3 Quả Hữu Học



**5/. Tâm Tái Tục Tam Nhân:** Người sử dụng đặng: Phàm Tam Nhân và 4 Quả.

The image displays 15 dot patterns arranged in two columns. The left column contains 10 patterns, and the right column contains 5 patterns. The patterns are as follows:

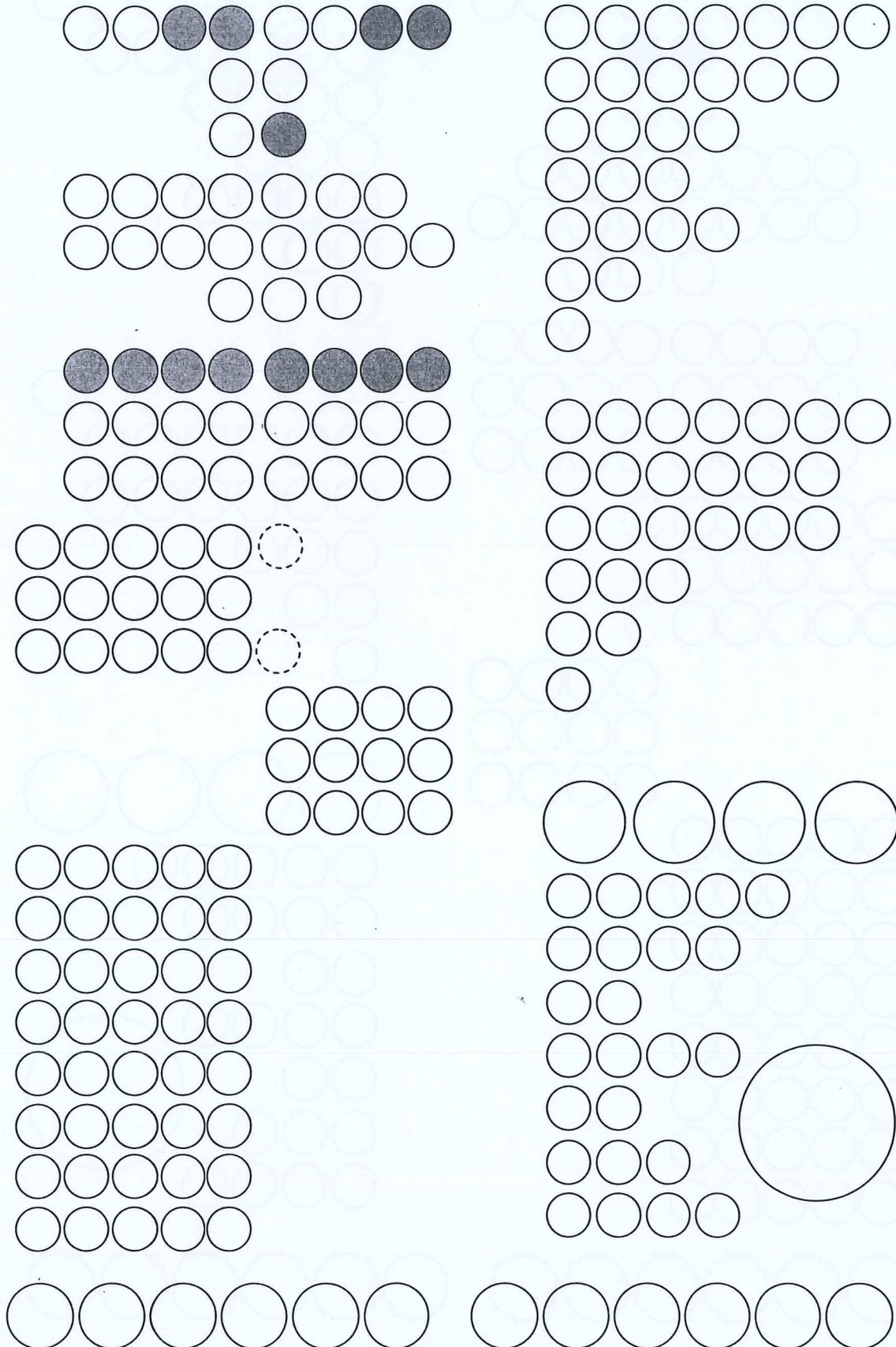
- Pattern 1 (Left):** A horizontal row of 8 circles.
- Pattern 2 (Left):** A horizontal row of 8 circles with 2 circles below it.
- Pattern 3 (Left):** A horizontal row of 8 circles with 2 circles below it.
- Pattern 4 (Left):** A horizontal row of 8 circles with 2 circles below it.
- Pattern 5 (Left):** A horizontal row of 8 circles with 2 circles below it.
- Pattern 6 (Left):** A horizontal row of 8 circles with 2 circles below it.
- Pattern 7 (Left):** A horizontal row of 8 circles with 2 circles below it.
- Pattern 8 (Left):** A horizontal row of 8 circles with 2 circles below it.
- Pattern 9 (Left):** A horizontal row of 8 circles with 2 circles below it.
- Pattern 10 (Left):** A horizontal row of 8 circles with 2 circles below it.
- Pattern 11 (Right):** A horizontal row of 8 circles with 2 circles below it.
- Pattern 12 (Right):** A horizontal row of 8 circles with 2 circles below it.
- Pattern 13 (Right):** A horizontal row of 8 circles with 2 circles below it.
- Pattern 14 (Right):** A horizontal row of 8 circles with 2 circles below it.
- Pattern 15 (Right):** A horizontal row of 8 circles with 2 circles below it.

Additional details: Patterns 6, 7, 8, and 9 in the left column have 2 circles shaded grey. Patterns 11, 12, 13, and 14 in the right column have 2 circles shaded grey. Pattern 10 in the left column has 2 dashed circles. Pattern 15 in the right column has a significantly larger circle on the right side.

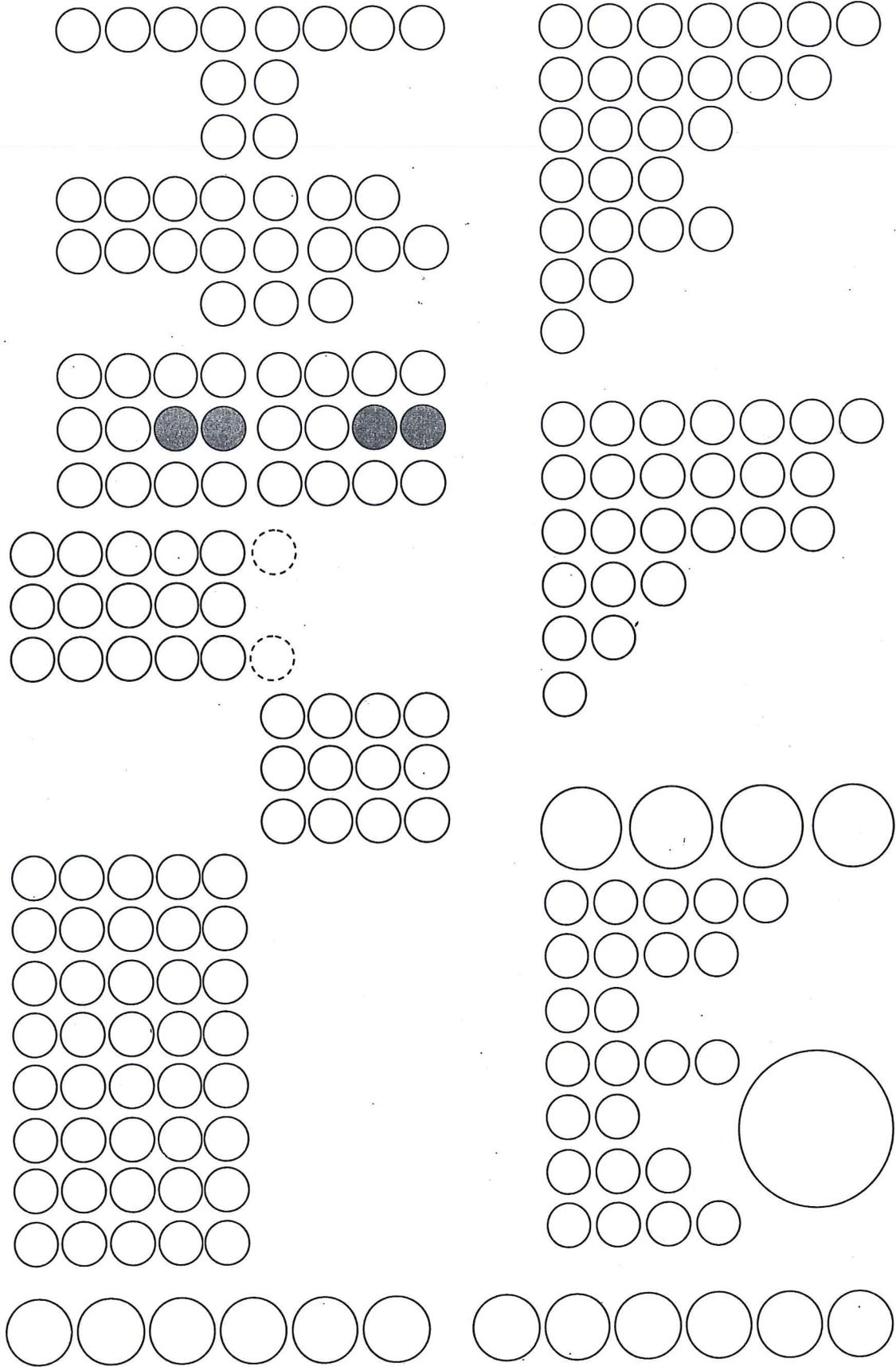
**6/. Tâm Sân:** Sanh cho 4 Phàm và 2 Quả Thấp

The diagrams are arranged in two columns. The left column contains 7 diagrams, and the right column contains 8 diagrams. The diagrams use circles of varying sizes and arrangements to represent different stages or types of mental states (Phàm and Quả Thấp) in Buddhist practice.

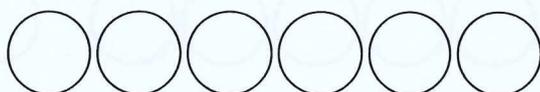
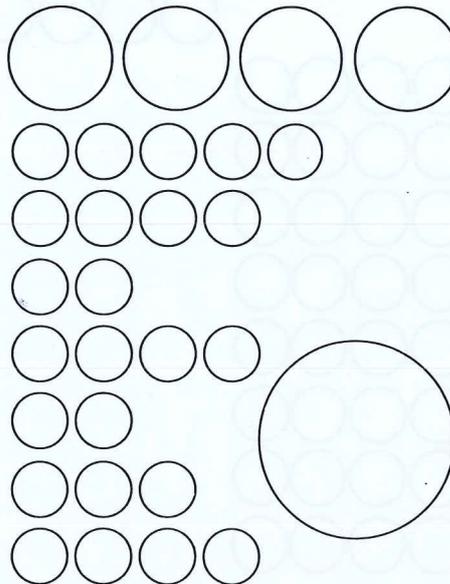
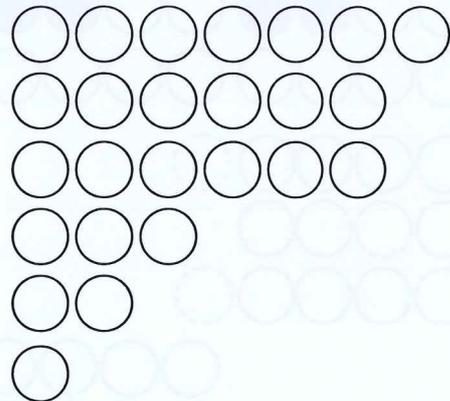
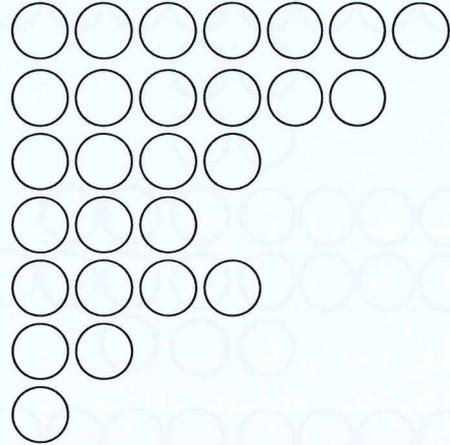
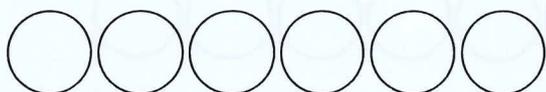
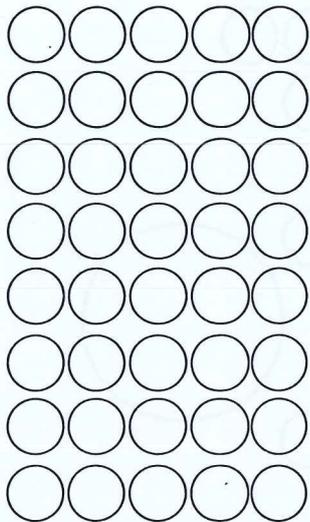
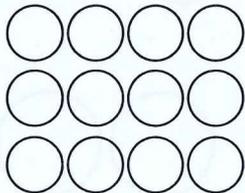
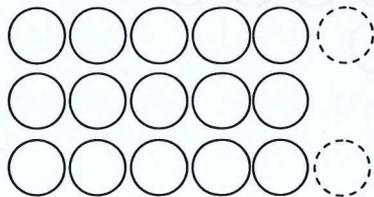
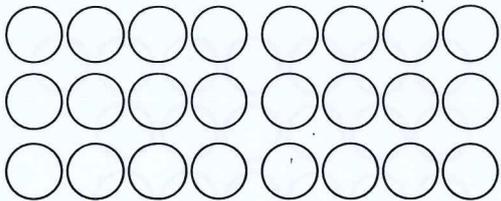
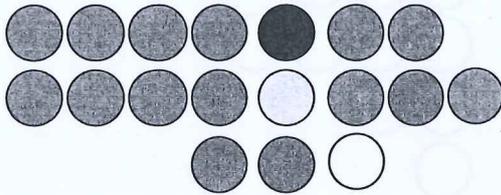
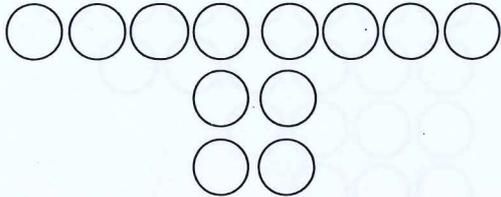
**7/. Tâm Tham B.T.Ư, Si Diệu Cử và Đại Thiện: Sanh cho 4 Phàm và 3 Quả Hữu Học**



8/. Đại Quả B.T.Ư: Sanh cho 3 Phàm Vui và 4 Quả

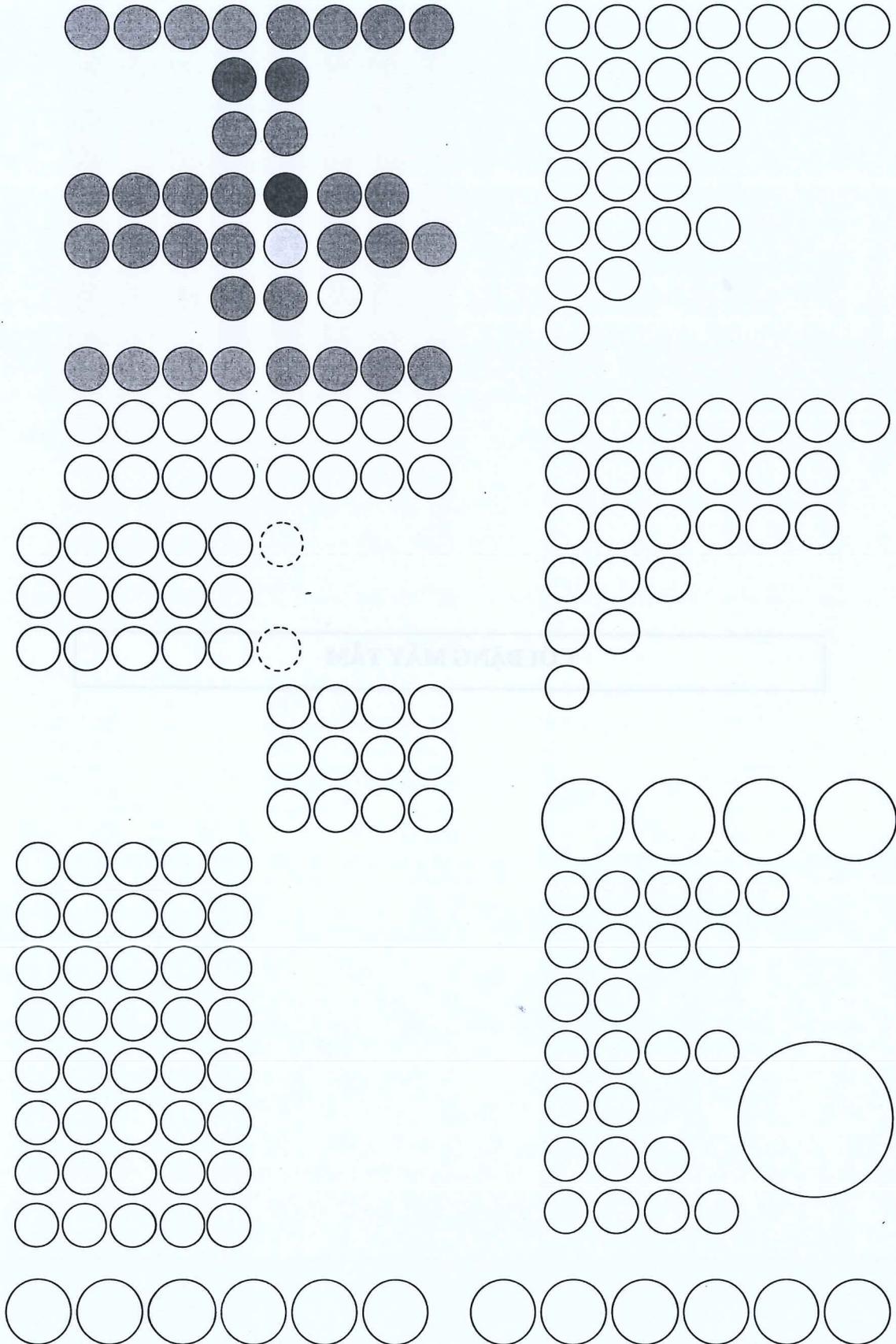


9/. Tâm Vô Nhân (17) (trừ Tiểu Sinh): Sanh cho 4 Phàm và 4 Quả

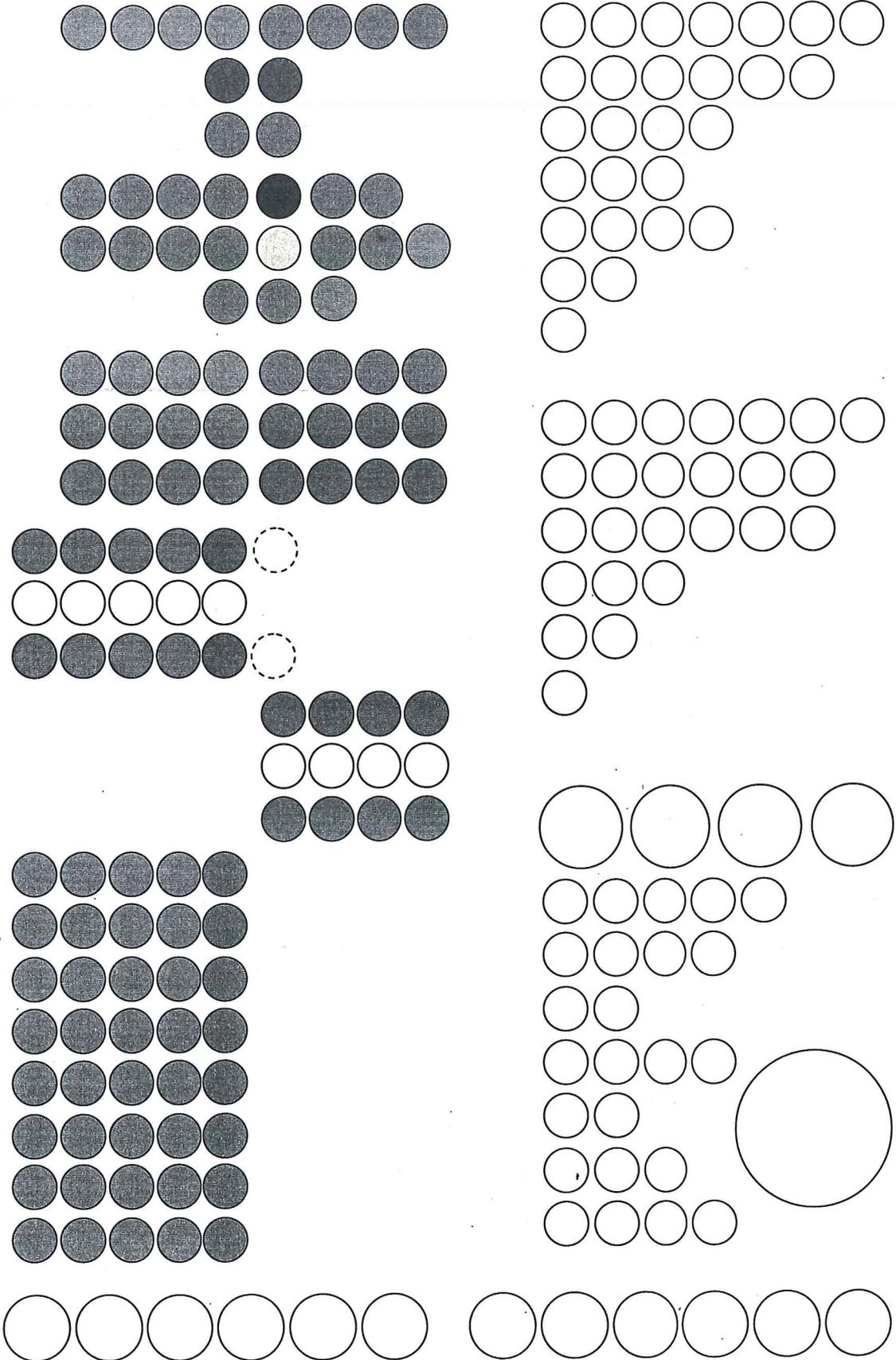


**CỐI ĐẠNG MÂY TÂM**

1/. 4 Cõi Khổ - dạng 37 thứ Tâm là: 12 thứ Tâm Bất Thiện, 8 thứ Đại Thiện, 17 Thứ Tâm Vô Nhân (đã trừ Tâm Tiểu Sinh).



2/. 7 Cối Vui Dục Giới dạng 112 thứ Tâm là: Tâm Dục Giới (54), Đồng Lực Kiên Cố (26 hoặc 58).





4/. 3 Cối Nhị, Tam Thiên Sắc Giới dạng 93 thứ Tâm:

2 Tâm Tái Tục Nhị,  
Tam Thiên, 18 Đồng  
Lực Đáo Đại, 38 thứ  
Tâm Dục Giới và 3  
hoặc 35 Siêu Thế.  
(trừ Sân, Tý, Thiệt,  
Thân Thức, Đại Quả,  
4 Đạo Sơ Thiên và  
Quả La Hán Sơ  
Thiên).

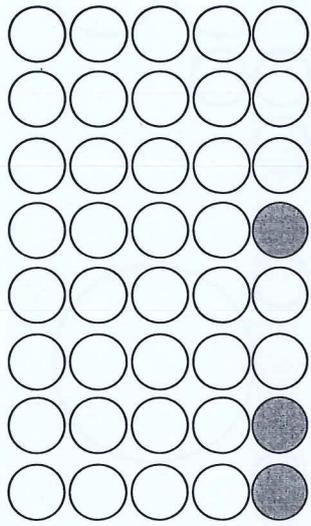
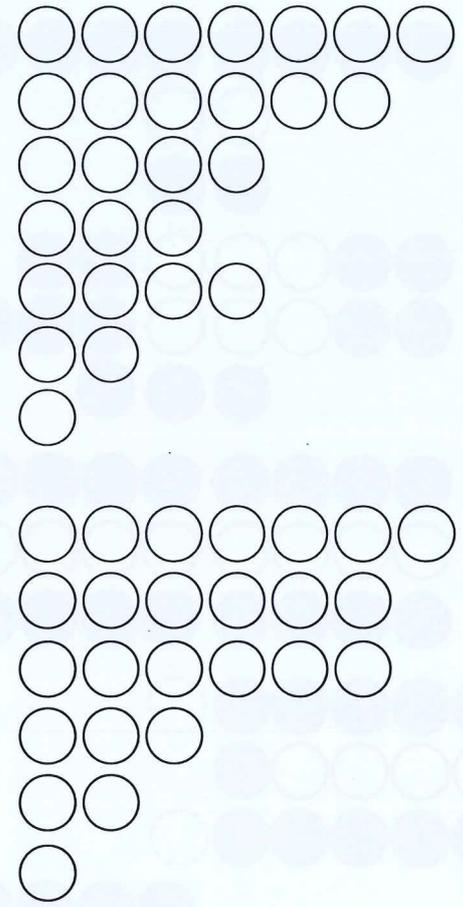
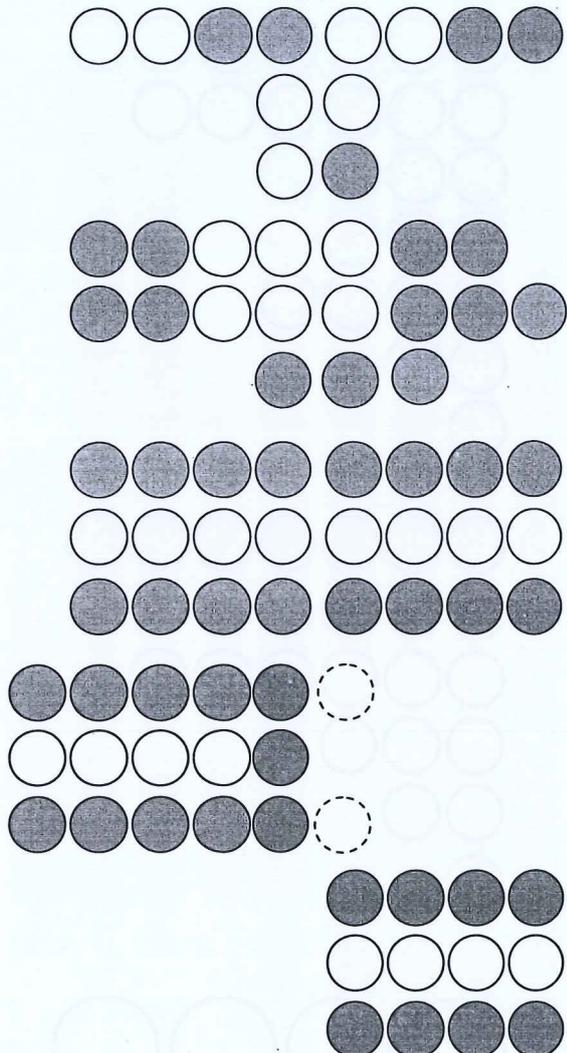
**5/. 3 Cõi Tứ Thiên Sắc Giới** dạng 82 thứ Tâm:

Đông Lực Đáo Đại (18), Tâm Dục Giới (38), 3 hoặc 25 Tâm Siêu Thế + Tâm Tái Tục Tứ Thiên. (trừ Sân, Tỷ Thiên Thân Thức, Đại Quả và Đạo Sơ, Nhị, Tam Thiên và Quả La Hán Sơ, nhị, Tam Thiên).

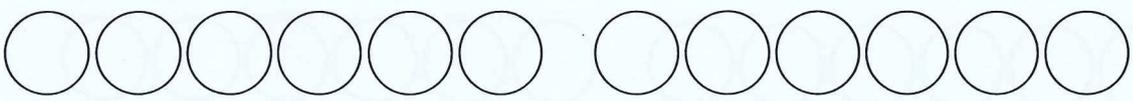
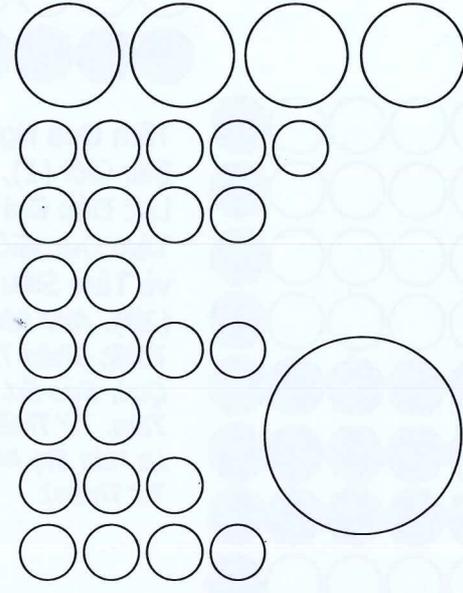
6/. Cõi Quảng Quả dạng 77 thứ Tâm:

Tâm Quả Ngũ Thiên  
Sắc Giới (1), Đồng  
Lực Đáo Đại (18),  
Tâm Dục Giới (38)  
và Tâm Siêu Thế  
(20). (trừ Sân, Tỳ,  
Thiệt, Thân Thức, Đại  
Quả, Đạo Sơ, Nhị,  
Tam, Tứ Thiên và Quả  
La Hán Sơ, Nhị, Tam,  
Tứ Thiên).

7/. Cối Tịnh Cư dạng 55 thứ Tâm:



Tâm Quả Ngũ Thiên  
 Sắc Giới, Đồng Lực  
 Đáo Đại (18), Tâm  
 Tam Quả Ngũ Thiên,  
 Tâm Đạo Quả La  
 Hán Ngũ Thiên (2),  
 Tâm Dục Giới (33)  
 (Trừ Tham T.Ư, Si  
 Hoài Nghi, Sân, Tỳ,  
 Thiệt, Thân Thức,  
 Đại Quả)



**8/. Cõi Không Vô Biên Xứ đặng 43 thứ Tâm:**

Tâm Quả Không Vô  
 Biên, Tham, Si, Khai  
 Ý Môn, Đại Thiện,  
 Đại Tố hoặc 8 Đồng  
 Lực Vô Sắc và 7 thứ  
 Tâm Ngũ Thiên Siêu  
 Thế (Trừ Sơ Đạo).

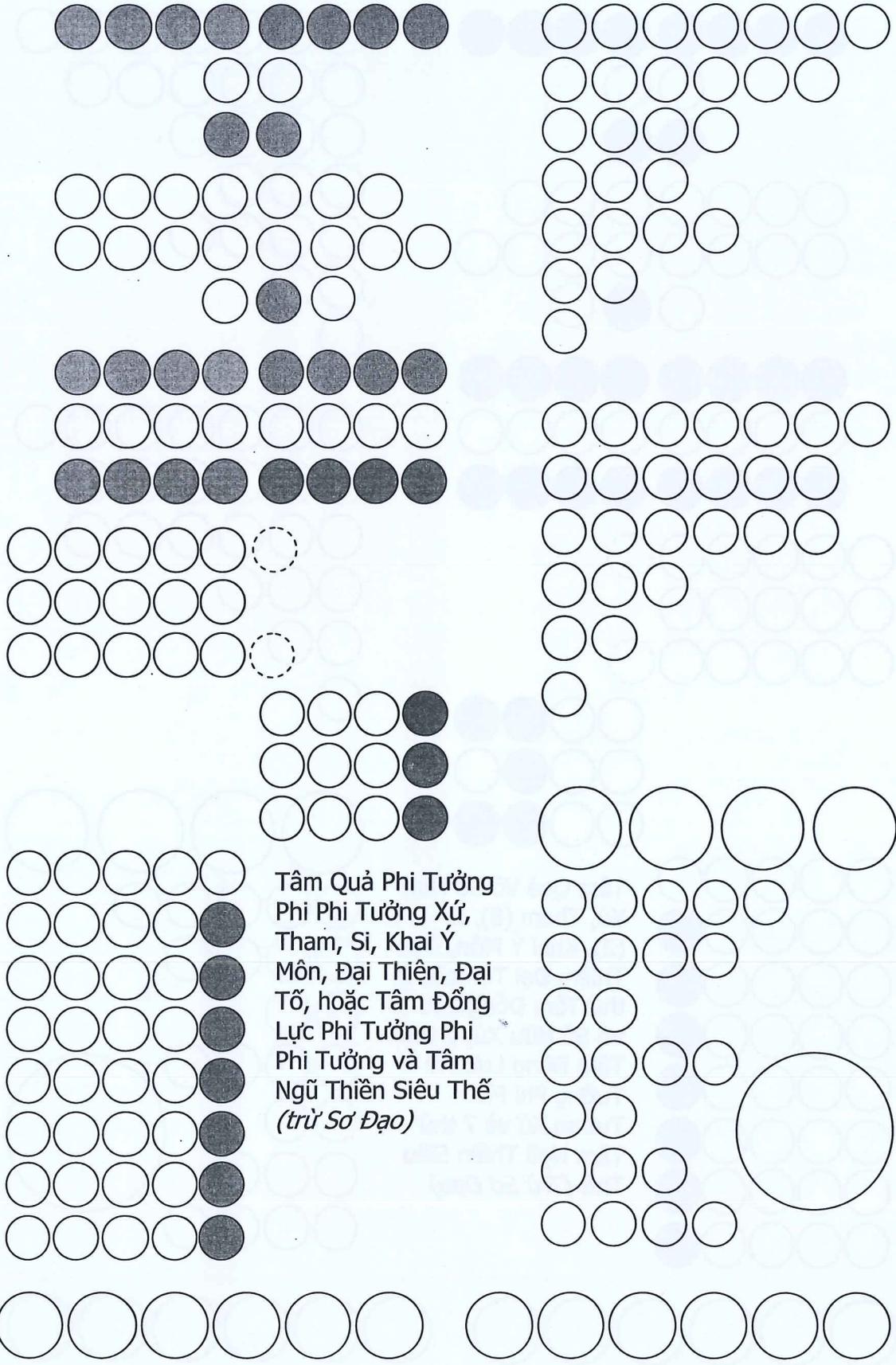
9/. Cối Thức Vô Biên Xứ dạng 41 thứ Tâm:

Tâm Quả Thức Vô Biên, Tham, Si, Khai Ý Môn, Đại Thiện, Đại Tố hoặc 6 Đồng Lực Vô Sắc và 7 thứ Tâm Ngũ Thiên Siêu Thế (trừ Đồng Lực Không Vô Biên và Tâm Sơ Đạo Ngũ Thiên).

**10/. Cối Vô Sở Hữu Xứ** dạng 39 thứ Tâm:

Tâm Quả Vô Sở Hữu Xứ, Tham (8), Si (2), Khai Ý Môn, Đại Thiện, Đại Tố hoặc 2 thứ Tâm Đồng Lực Vô Sở Hữu Xứ, 2 thứ Tâm Đồng Lực Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ và 7 thứ Tâm Ngũ Thiên Siêu Thế (*Trừ Sơ Đạo*)

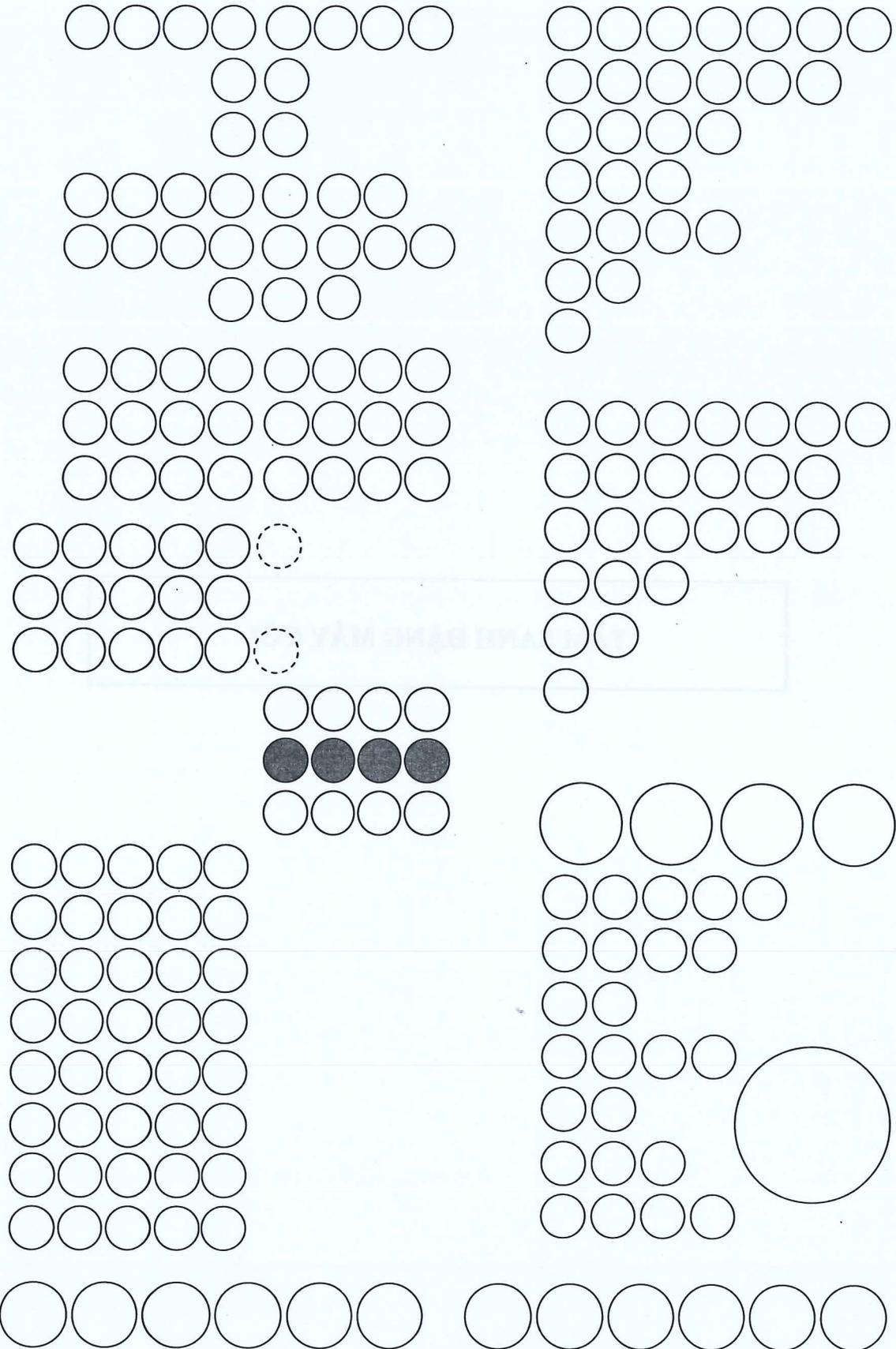
11/. Cối Phi Tường Phi Phi Tường Xứ dạng 37 thứ Tâm:



Tâm Quả Phi Tường  
Phi Phi Tường Xứ,  
Tham, Si, Khai Ý  
Môn, Đại Thiện, Đại  
Tổ, hoặc Tâm Đồng  
Lực Phi Tường Phi  
Phi Tường và Tâm  
Ngũ Thiên Siêu Thế  
(trừ Sơ Đạo)

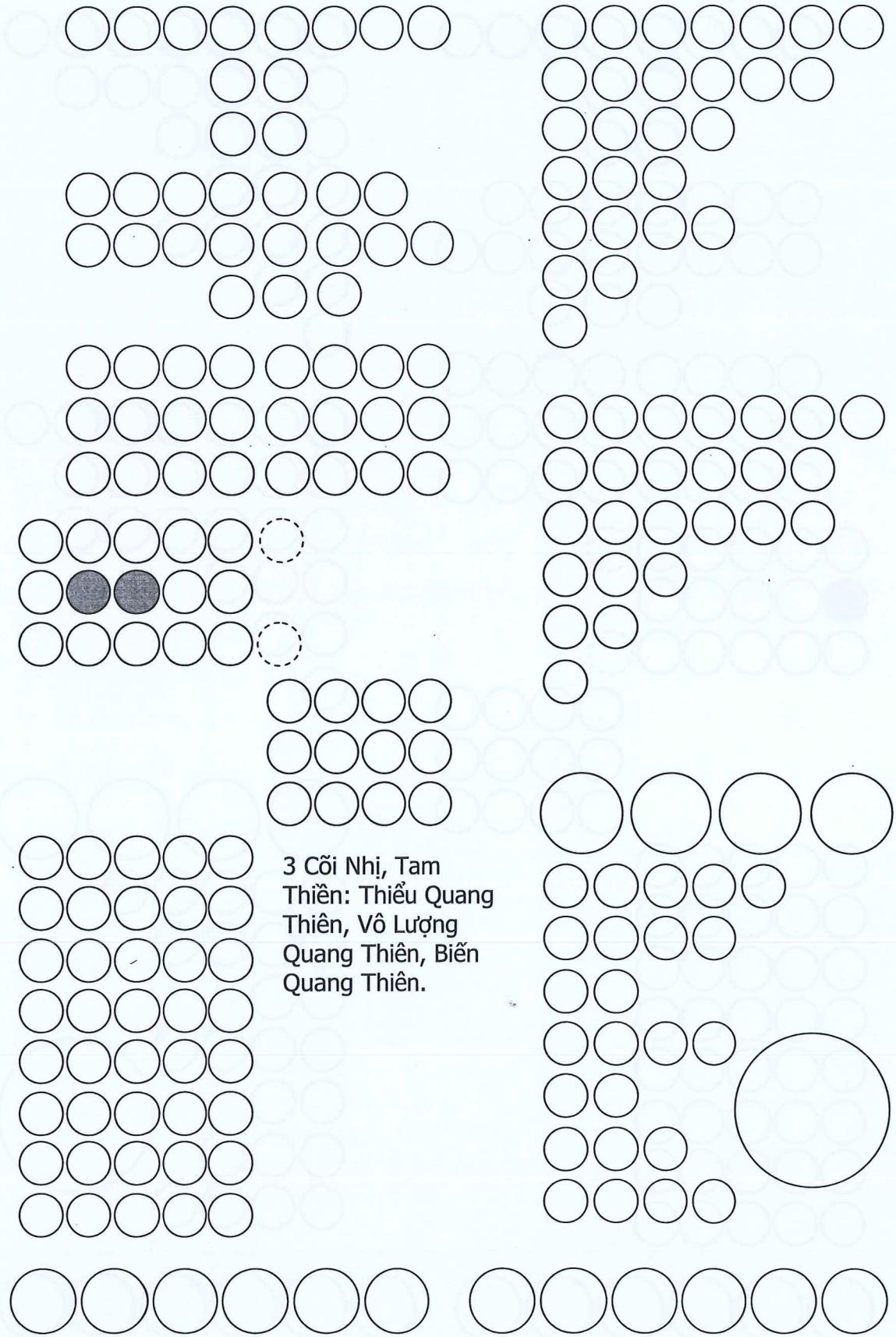
**TÂM SANH ĐẶNG MÁ Y CỠ**

1/. 4 thứ Tâm Quả Vô Sắc, Mỗi Thứ Tâm sanh đặng 1 Cõi





3/. Tâm Quả Nhị & Tam Thiên sanh đặng 3 Cõi Nhị, Tam Thiên



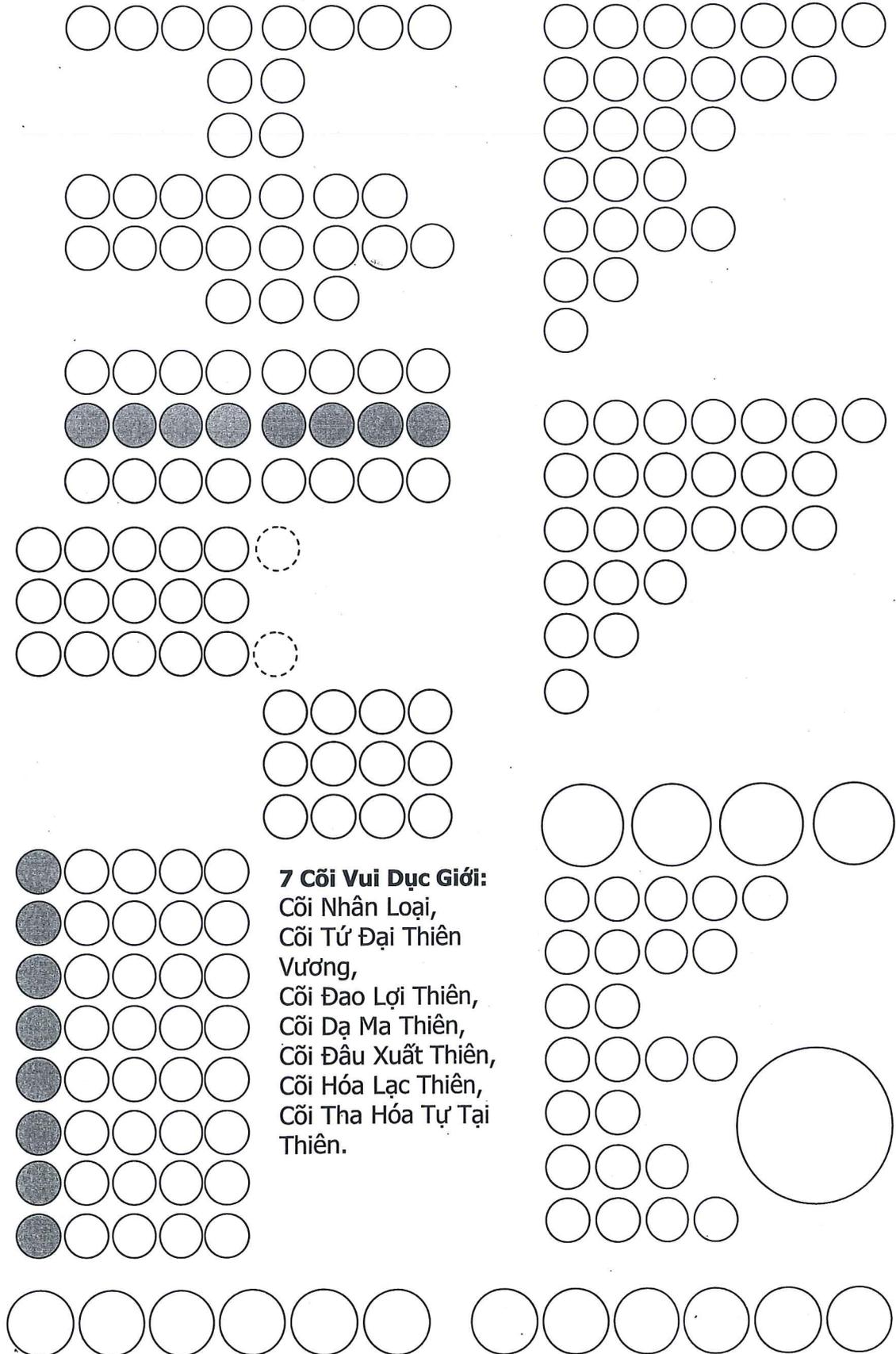
4/. Tâm Quả Tứ Thiên sanh đặng 3 Cõi Tứ Thiên

3 Cõi Tứ Thiên:  
Thiếu Tịnh Thiên,  
Vô Lượng Tịnh  
Thiên, Biến Tịnh  
Thiên.

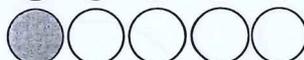
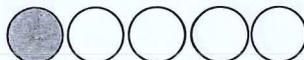
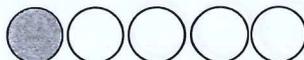
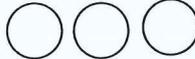
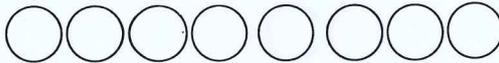
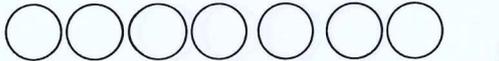
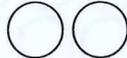
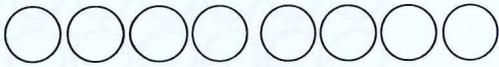
5/. Tâm Quả Ngũ Thiên Sắc Giới Sanh đặng 6 Cõi: Cõi Ngũ Tịnh Cư và Cõi Quảng Quả

6 Cõi: Cõi Ngũ Tịnh Cư: Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiên Kiến Thiên, Thiên Hiện Thiên và Sắc Cứu Cánh Thiên và Cõi Quảng Quả Thiên.

6/. Đạo Quả không Thiện và 8 Đại Quả sanh đặng 7 Cõi Vui Dục Giới



7/. 4 thứ Tâm Đạo Sơ Thiên & Tâm Tứ Quả Sơ Thiên sanh đặng 7 Cõi Vui Dục Giới, 3 Cõi Sơ Thiên = 10 Cõi.

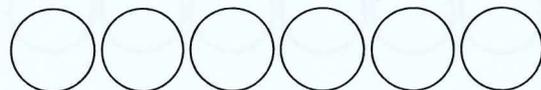
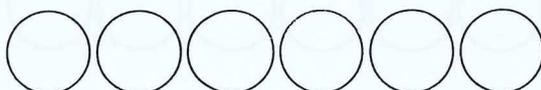
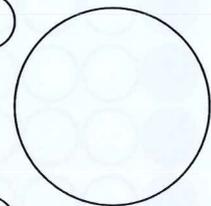
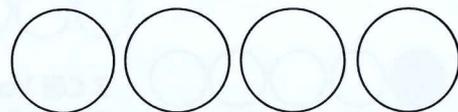
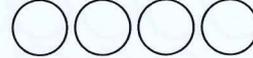
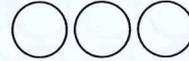
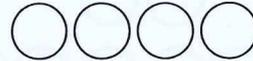
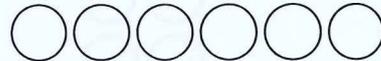
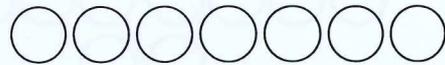


**7 Cõi Vui Dục Giới:**

Cõi Nhân Loại,  
Cõi Tứ Đại Thiên Vương,  
Cõi Đao Lợi Thiên, Cõi Dạ Ma Thiên, Cõi Đâu Xuất Thiên, Cõi Hóa Lạc Thiên, Cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên.

**3 Cõi Sơ Thiên:**

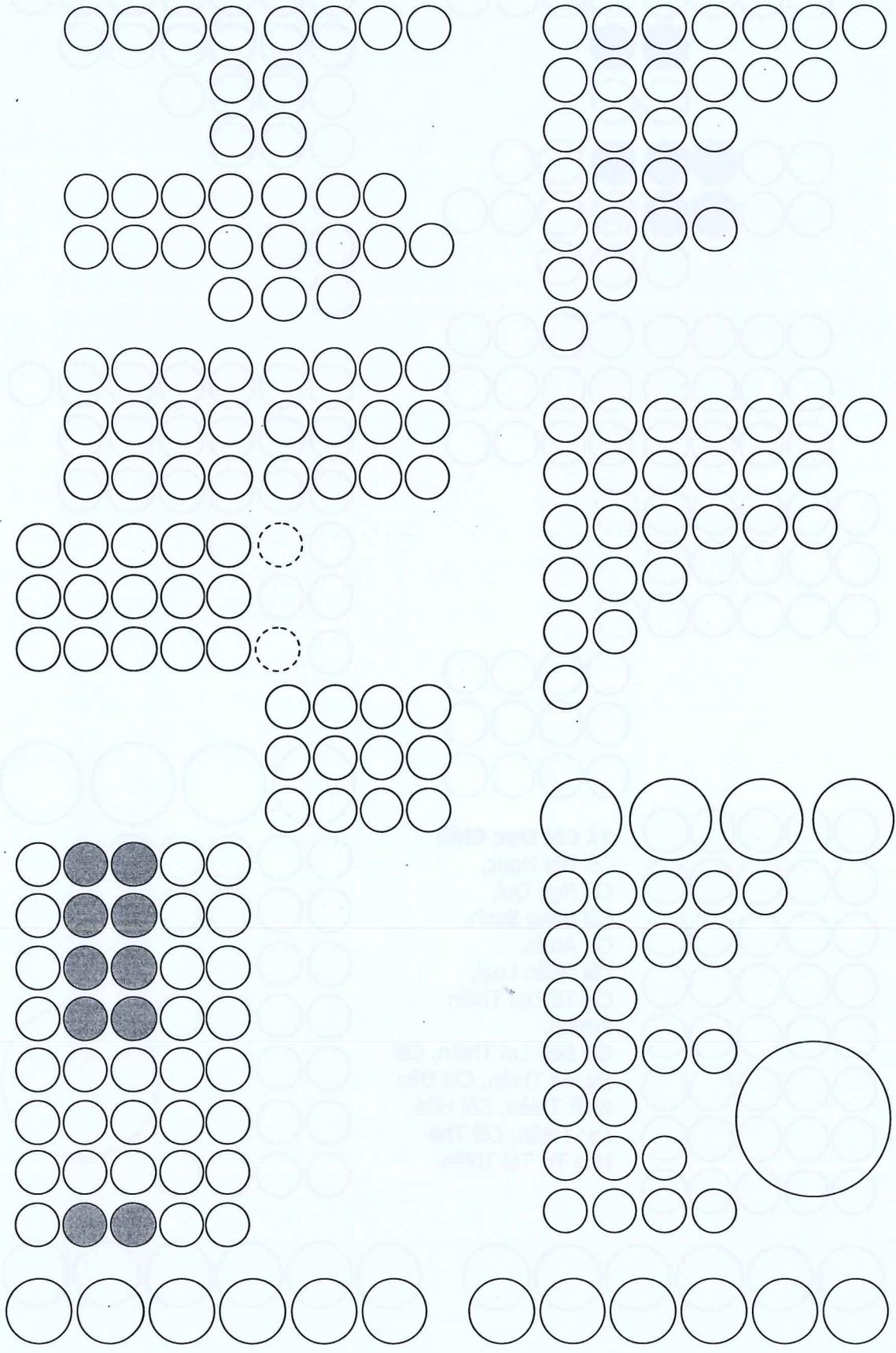
Phạm Chúng Thiên,  
Phạm Phụ Thiên, Đại Phạm Thiên



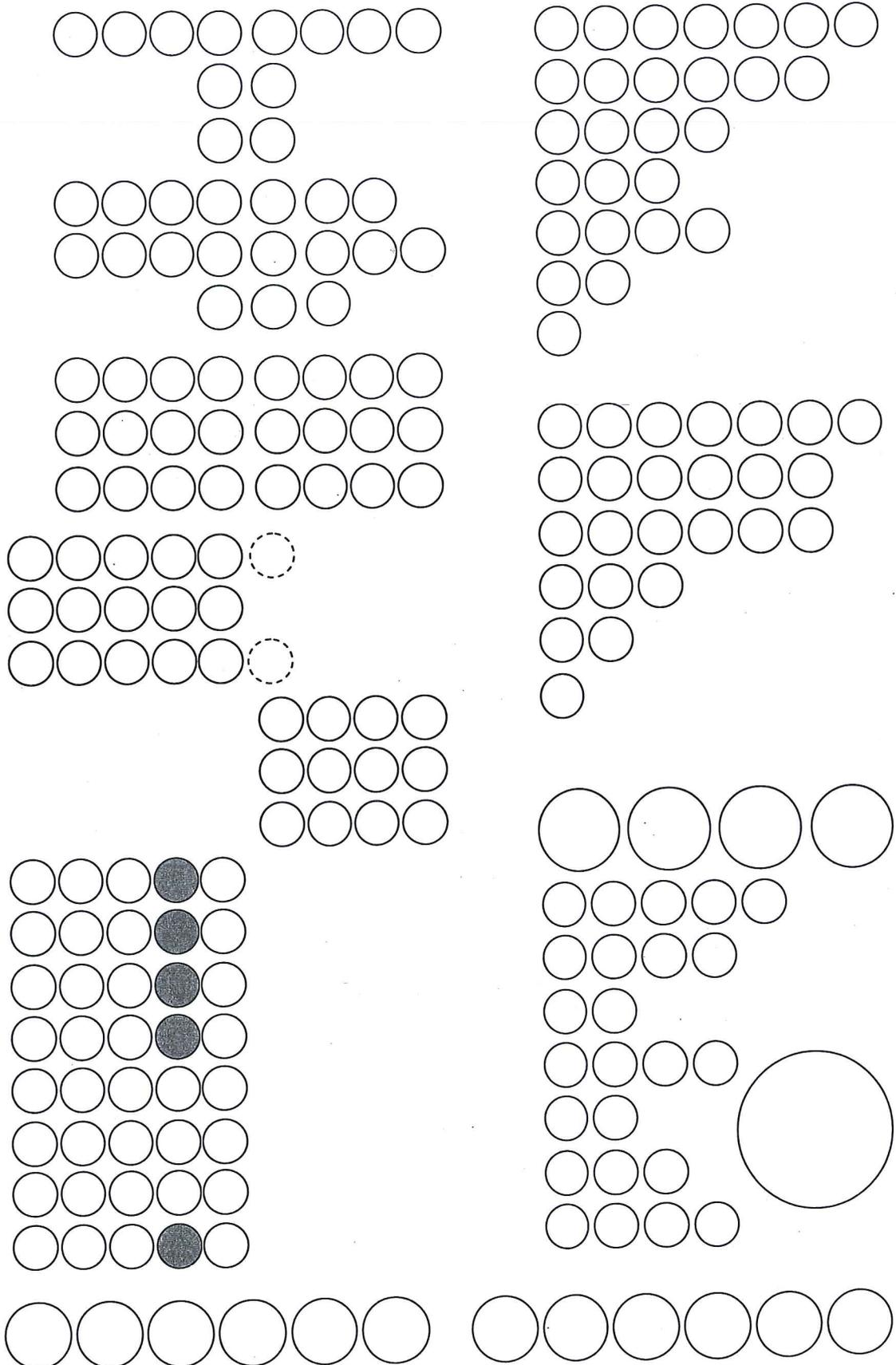
8/. Tỷ, Thiết, Thân Thúc & Sân (2) sanh đặng 11 Cối Dục Giới

**11 Cối Dục Giới:**  
 Cối Địa Ngục,  
 Cối Ngạ Quỷ,  
 Cối Bàn Sanh,  
 Cối Atula,  
 Cối Nhân Loại,  
 Cối Tứ Đại Thiên Vương,  
 Cối Đạo Lợi Thiên, Cối Dạ Ma Thiên, Cối Đâu Xuất Thiên, Cối Hóa Lạc Thiên, Cối Tha Hóa Tự Tại Thiên.

9/. 8 Tâm Đạo Nhị, Tam Thiên & 2 Tâm Tứ Quả Nhị Tam Thiên sanh đặng 7 Cối Vui Dục Giới, 3 Cối Sơ Thiên, 3 Cối Nhị Thiên = 13 Cối.

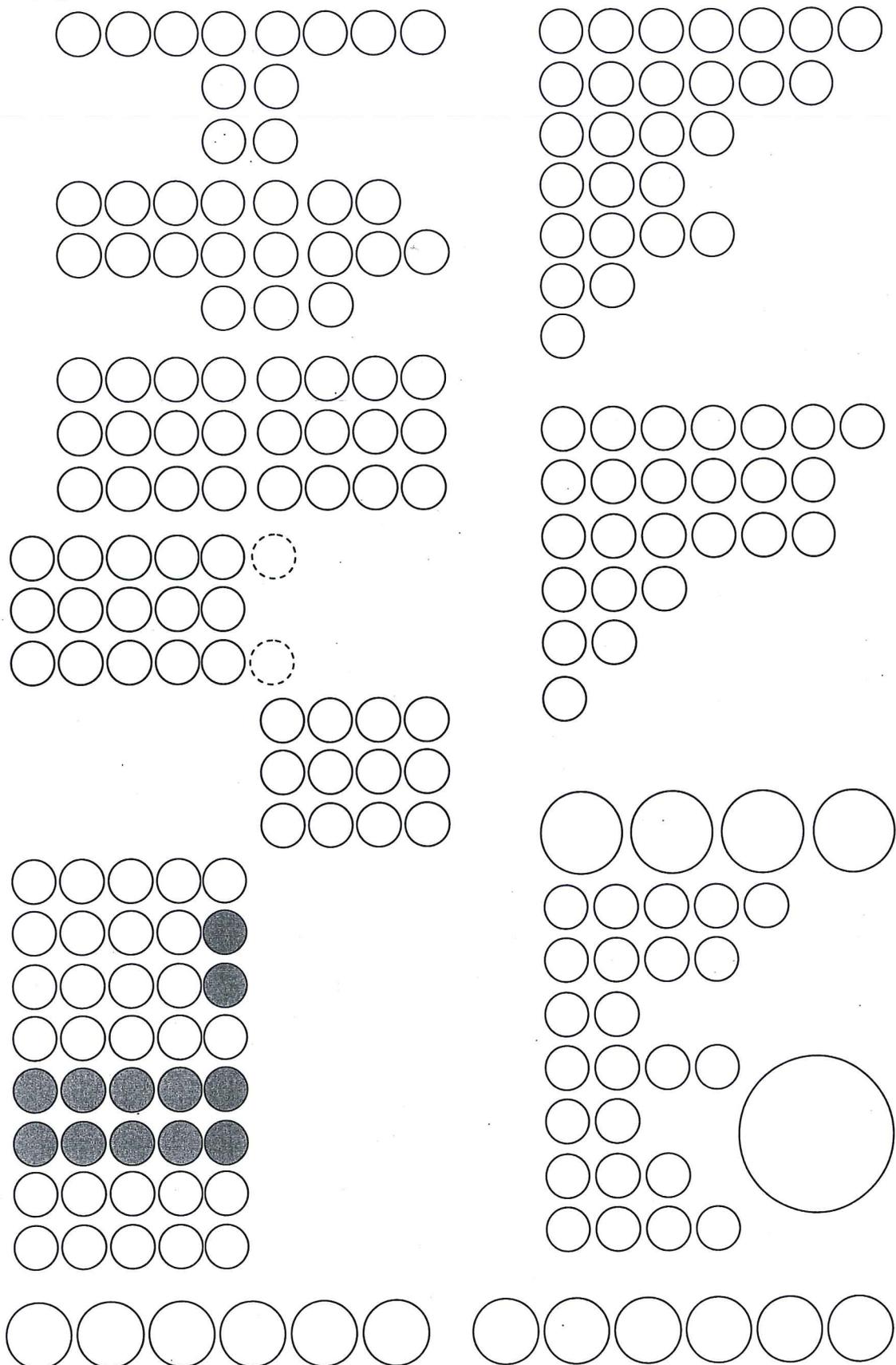


**10/.** 4 Tâm Đạo Tứ Thiên & Tâm Tứ Quả Tứ Thiên sanh đặng 7 Cối Vui Dục Giới,  
3 Cối Sơ Thiên, 3 Cối Nhị, Tam Thiên, 3 Cối Tứ Thiên = 16 Cối.



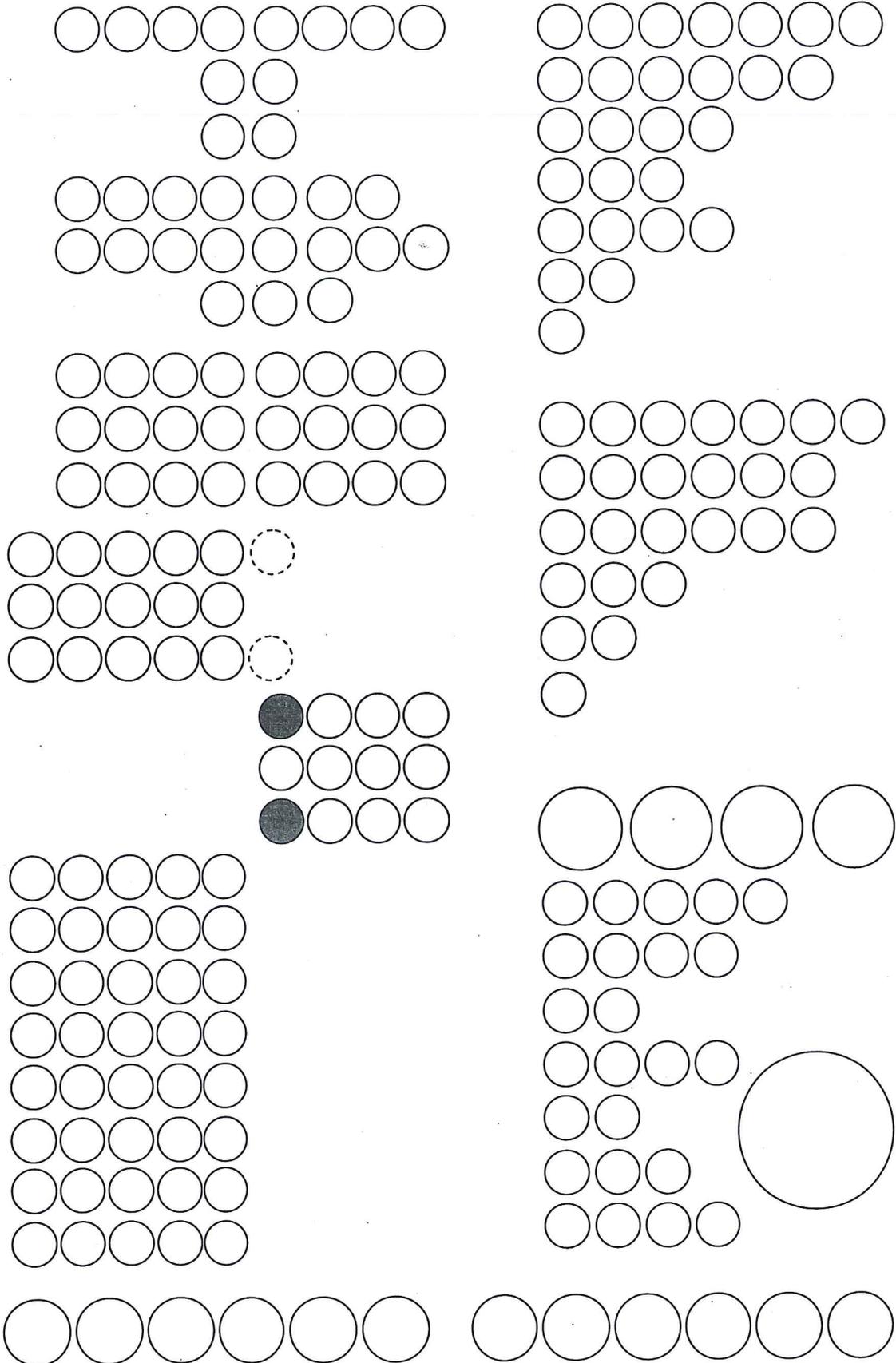


**12/.** Tâm Sơ Quả (5), Tâm Nhị Quả (5) & Tâm Nhị Tam Đạo Ngũ Thiên sanh  
đặng 21 Cõi Phạm vui hữu Tâm





14/. Đồng Lực Không Vô Biên (2) sanh dạng 22 Cối Vui Ngủ Uẩn & Cối Không Vô Biên = 23 Cối.



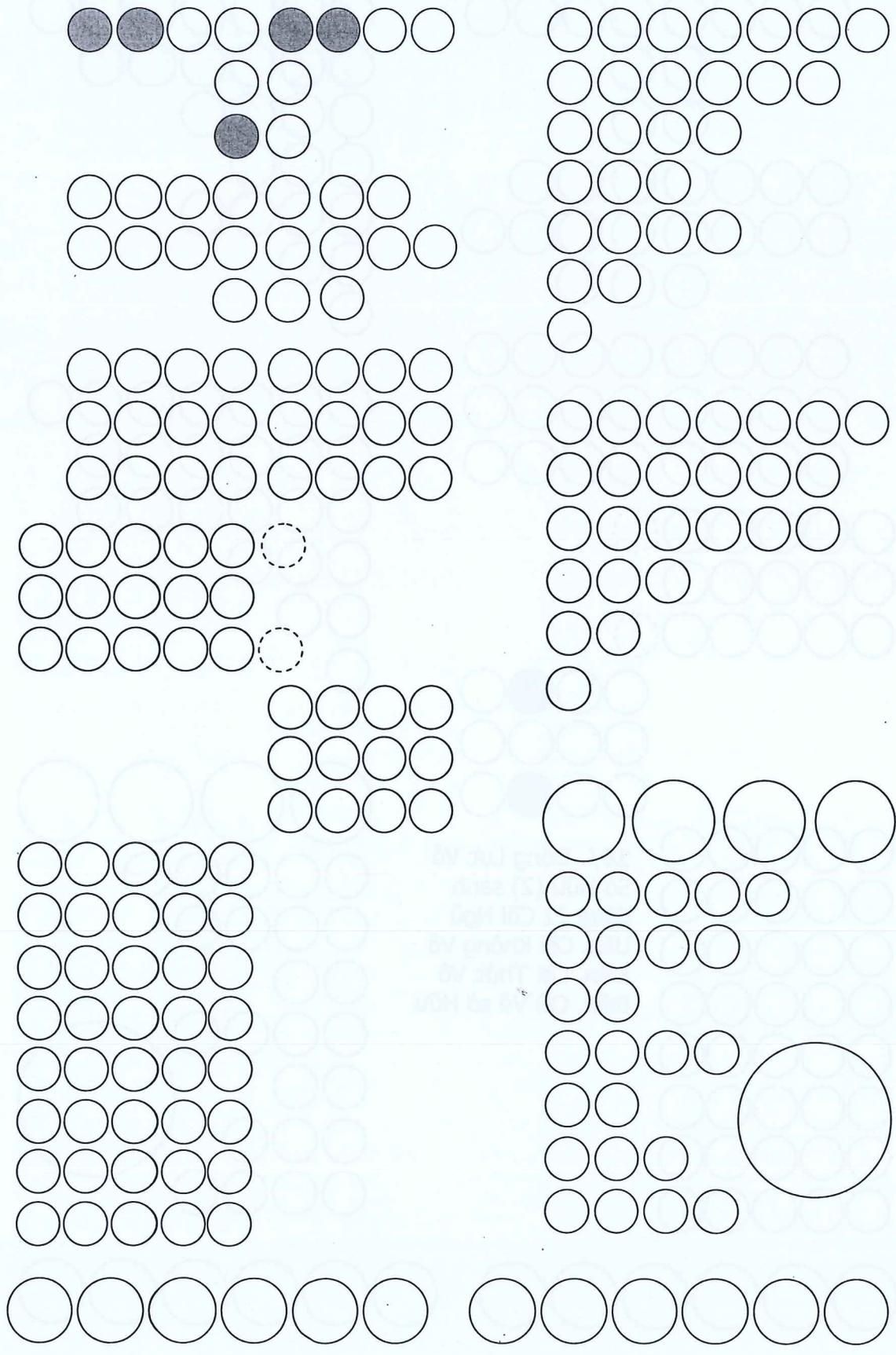
**15/.** Đồng Lực Thức Vô Biên (2) sanh đặng 22 Cối Vui Ngũ Uẩn + Cối Không Vô Biên + Cối Thức Vô Biên = 24 Cối.

**15/.** Đồng Lực Thức Vô Biên (2) sanh đặng 22 Cối Vui Ngũ Uẩn, Cối Không Vô Biên, Cối Thức Vô Biên

**16/.** Đồng Lực Vô Sở Hữu (2) sanh đặng 22 Cối Vui Ngũ Ẩn + Cối Không Vô Biên + Cối Thức Vô Biên + Cối Vô Sở Hữu = 25 Cối

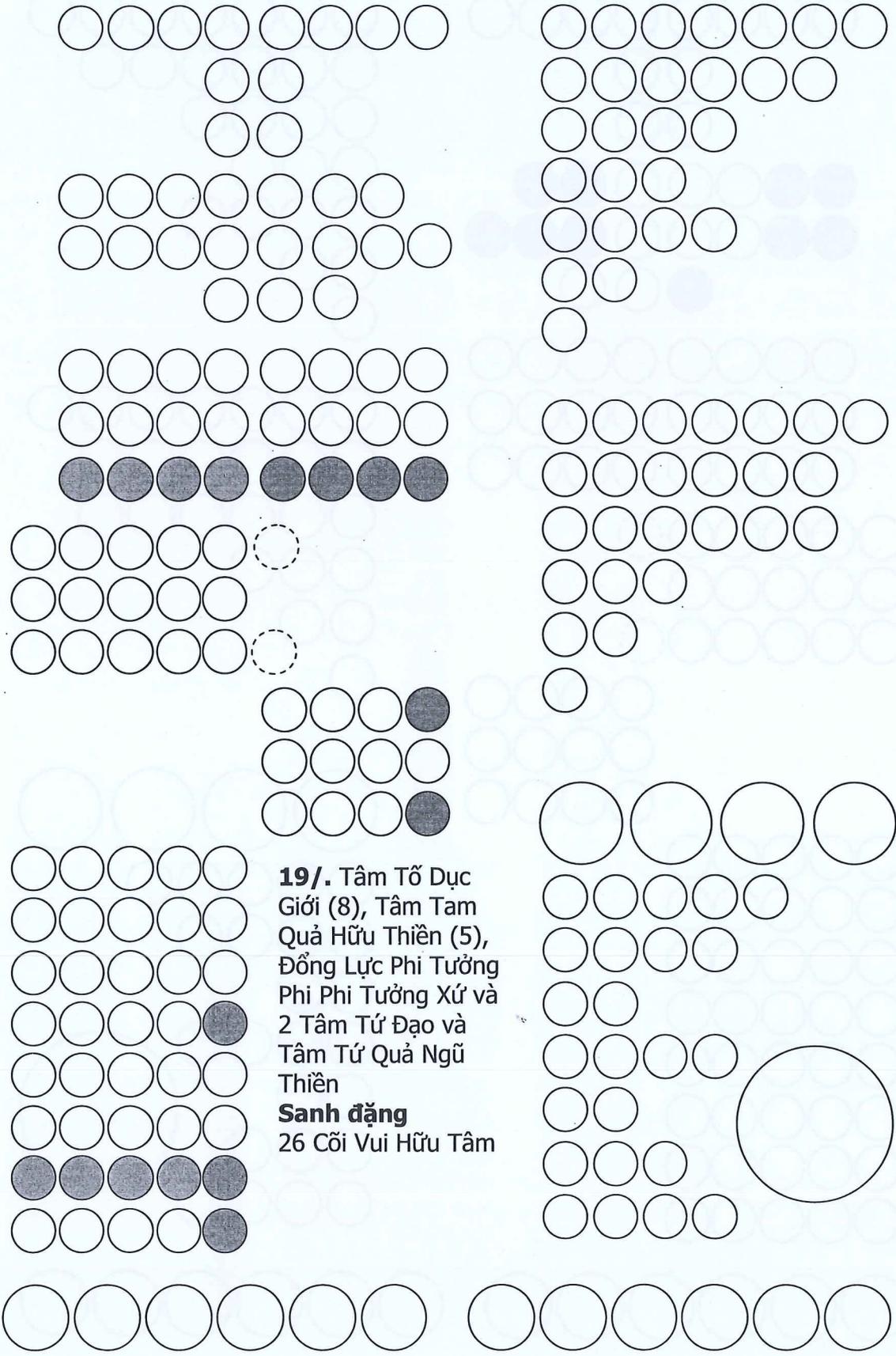
**16/.** Đồng Lực Vô Sở Hữu (2) sanh đặng 22 Cối Ngũ Ẩn, Cối Không Vô Biên, Cối Thức Vô Biên, Cối Vô sở Hữu

17/. Tâm Tham T.Ư & Si Hoài Nghi sanh đặng 25 Cõi Phàm Hữu Tâm



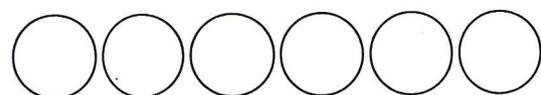
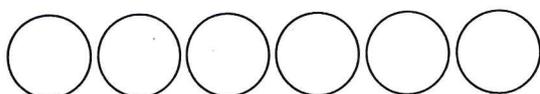
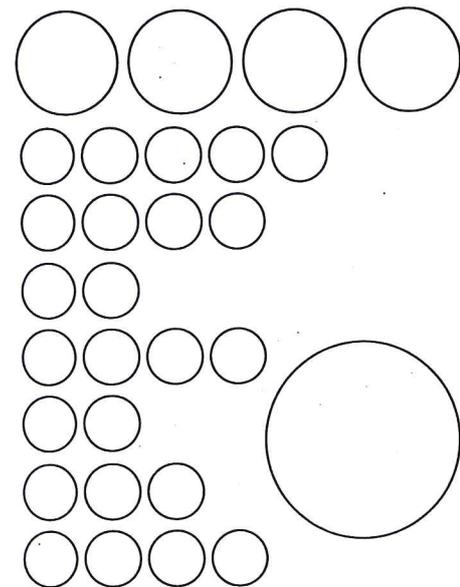
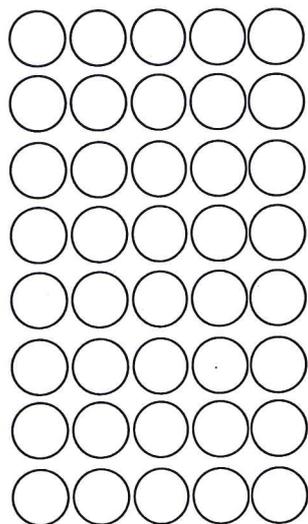
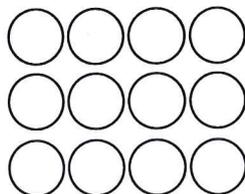
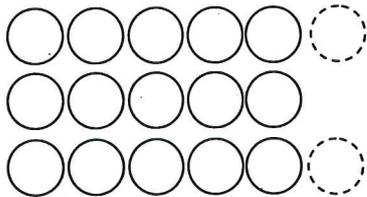
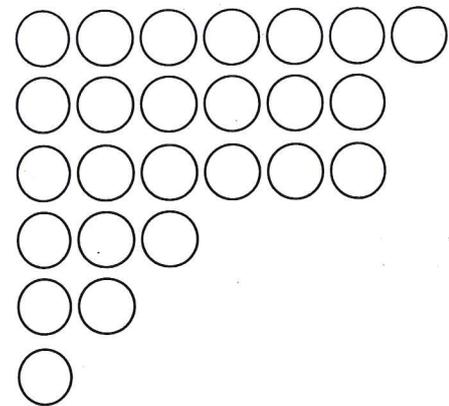
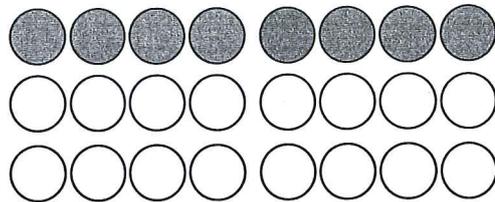
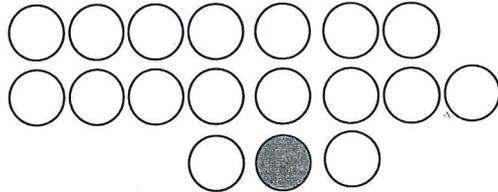
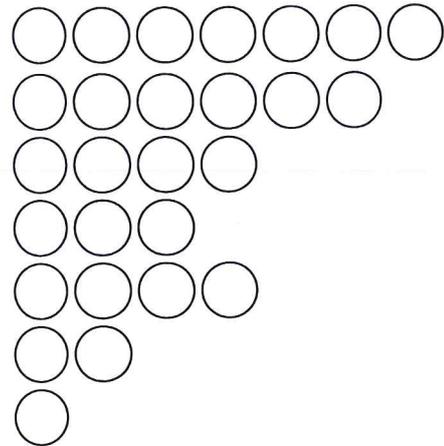
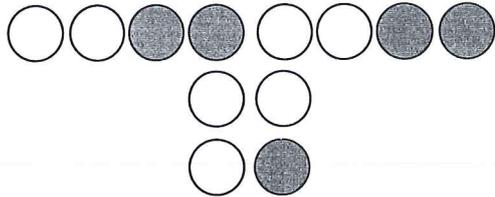


19/. Tâm Tố Dục Giới (8), Tâm Tam Quả Hữu Thiên (5), Đồng Lực Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ và 2 Tâm Tứ Đạo và Tâm Tứ Quả Ngũ Thiên **Sanh đặng** 26 Cõi Vui Hữu Tâm



19/. Tâm Tố Dục  
Giới (8), Tâm Tam  
Quả Hữu Thiên (5),  
Đồng Lực Phi Tướng  
Phi Phi Tướng Xứ và  
2 Tâm Tứ Đạo và  
Tâm Tứ Quả Ngũ  
Thiên  
**Sanh đặng**  
26 Cõi Vui Hữu Tâm

20/. Tâm Tham B.T.Ư, Sĩ Điều Cử, Khai Ý Môn, Đại Thiện (8)  
Sanh Đẳng 30 Cõi Hữu Tâm



**IV. BẢNG ĐỒ:****Người Nương Đặng Mấy Cõi – Cõi Có Đặng Mấy Người**

Người (Puggala) có 12  Cõi (Bhūmi) Có 31	Cõi Có Bao Nhiêu Người Nương Ở												
	1. NGƯỜI KHỔ	2. NGƯỜI LẠC	3. NGƯỜI NHỊ NHÂN	4. NGƯỜI TAM NHÂN	5. NGƯỜI SƠ ĐẠO	6. NGƯỜI NHỊ ĐẠO	7. NGƯỜI TAM ĐẠO	8. NGƯỜI TỬ ĐẠO	9. NGƯỜI SƠ QUẢ	10. NGƯỜI NHỊ QUẢ	11. NGƯỜI TAM QUẢ	12. NGƯỜI TỬ QUẢ	↓
01. CÔI ĐỊA NGỤC (ÂM NGỤC)	x												1
02. CÔI NGA QUÍ	x												1
03. CÔI BẢNG SANH	x												1
04. CÔI ATULA	x												1
05. CÔI NHÂN LOẠI		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	11
06. CÔI TỬ ĐẠO THIÊN VƯƠNG		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	11
07. CÔI ĐẠO LỢI THIÊN			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10
08. CÔI DẠ MA THIÊN			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10
09. CÔI ĐÀU SUẤT THIÊN			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10
10. CÔI HÓA LẠC THIÊN			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10
11. CÔI THA HÓA TỰ TẠI THIÊN			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10
12. CÔI PHẠM CHỨNG THIÊN				x	x	x	x	x	x	x	x	x	9
13. CÔI PHẠM PHỤ THIÊN				x	x	x	x	x	x	x	x	x	9
14. CÔI ĐẠI PHẠM THIÊN				x	x	x	x	x	x	x	x	x	9
15. CÔI THIẾU QUANG THIÊN				x	x	x	x	x	x	x	x	x	9
16. CÔI VÔ LƯỢNG QUANG THIÊN				x	x	x	x	x	x	x	x	x	9
17. CÔI BIẾN QUANG THIÊN				x	x	x	x	x	x	x	x	x	9
18. CÔI THIẾU TỊNH THIÊN				x	x	x	x	x	x	x	x	x	9
19. CÔI VÔ LƯỢNG TỊNH THIÊN				x	x	x	x	x	x	x	x	x	9
20. CÔI BIẾN TỊNH THIÊN				x	x	x	x	x	x	x	x	x	9
21. CÔI QUẢNG QUẢ THIÊN				x	x	x	x	x	x	x	x	x	9
22. CÔI VÔ TƯỚNG THIÊN		x											1
23. CÔI VÔ PHIÊN THIÊN								x			x	x	3
24. CÔI VÔ NHIỆT THIÊN								x			x	x	3
25. CÔI THIỆN KIẾN THIÊN								x			x	x	3
26. CÔI THIỆN HIỆN THIÊN								x			x	x	3
27. CÔI SẮC CỨU CÁNH THIÊN								x			x	x	3
28. CÔI KHÔNG VÔ BIÊN XỨ				x		x	x	x	x	x	x	x	8
29. CÔI THỨC VÔ BIÊN XỨ				x		x	x	x	x	x	x	x	8
30. CÔI VÔ SỞ HỮU XỨ				x		x	x	x	x	x	x	x	8
31. CÔI PHI TƯỚNG PPT XỨ				x		x	x	x	x	x	x	x	8
<b>Người Nương Đặng Mấy Cõi →</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>7</b>	<b>21</b>	<b>17</b>	<b>21</b>	<b>21</b>	<b>26</b>	<b>21</b>	<b>21</b>	<b>26</b>	<b>26</b>	<b>214</b>



## Người Sử Dụng bao Nhiêu Tâm Và Tâm Sanh Đặng Mấy Người

TÂM ↘ NGƯỜI ↙	TÂM BẤT THIỆN					TÂM VÔ NHÂN								TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO					
	Tham T.Ư	Tham B.T.Ư	Sân	SI H. Nghi	SI Diệu Cừ	Đôi Nhân Thử	Đôi Nhi Thử	Đôi Tỷ, thiết, Thân Thử	Ý Giới	Thâm Tán Quả Bất thiện	Thâm Tán Quả Thiện	Thâm Tán Hỷ Thọ	Tâm Khai Ý Môn	Tiểu Sinh	Đại Thiện T.Ư	Đại Thiện B.T.Ư	Đại Quả T.Ư	Đại Quả B.T.Ư	Tâm Đại Tố
1. KHỔ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	(x)	x	x	x		x	x			
2. LẠC VÔ NHÂN	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	(x)	x	x		x	x		x	
3. NHỊ NHÂN	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		(x)	
4. TAM NHÂN	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	(x)	x	
TAM NHÂN – Vui Dục Giới	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	(x)	x	
TAM NHÂN – Sắc Giới H.T	x	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x			
TAM NHÂN – Vô Sắc Giới	x	x		x	x							x			x	x			
5. SƠ ĐẠO																			
6. NHỊ ĐẠO																			
7. TAM ĐẠO																			
8. TỬ ĐẠO																			
9. SƠ QUẢ		x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	
10. NHỊ QUẢ		x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	
11. TAM QUẢ		x			x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	
12. TỬ QUẢ						x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x
<b>TÂM SANH ĐẶNG MẤY NGƯỜI →</b>	<b>4</b>	<b>7</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>1</b>	<b>7</b>	<b>7</b>	<b>5</b>	<b>7</b>	<b>1</b>

Xin xem tiếp trang kế bên





**BẢN ĐỒ CỠ ĐẠNG MÂY TÂM – TÂM ĐẠNG MÂY CỠ**

**Bản Đồ: Cối Đặng Mấy Tâm và Tâm Sanh Đặng Bao Nhiêu Cối**  
(liền kề 2 trang 296 và 297):

TÂM → CỐI ↓	TÂM BẤT THIÊN					TÂM VÔ NHÂN									TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO				
	Tham T.Ư	Tham B.T.Ư	Sân	SI Hoại Nghi	SI Điều Cừ	Đôi Nhân Thức	Đôi Nhĩ Thức	Đôi Tỷ, thiệt, Thân Thức	Ý Giới	Thâm Tấn Quả Bất Thiên	Thâm Tấn Quả Thiên	Thâm Tấn Hỷ Thọ	Tâm Khai Ý Môn	Tiểu Sinh	Đại Thiên T.Ư	Đại Thiên B.T.Ư	Đại Quả T.Ư	Đại Quả B.T.Ư	Tâm Đại Tố
01. CỐI ĐỊA NGỤC (ÂM NGỤC)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X			
02. CỐI NGA QUI	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X			
03. CỐI BẢNG SANH	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X			
04. CỐI ATULA	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X			
05. CỐI NHÂN LOẠI	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
06. CỐI TỬ ĐẠI THIÊN VƯƠNG	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
07. CỐI ĐẠO LỢI THIÊN	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
08. CỐI DẠ MA THIÊN	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
09. CỐI ĐẦU SUẤT THIÊN	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
10. CỐI HÓA LẠC THIÊN	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
11. CỐI THA HÓA TỰ TẠI THIÊN	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
12. CỐI PHẠM CHỦNG THIÊN	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X				X
13. CỐI PHẠM PHỤ THIÊN	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X				X
14. CỐI ĐẠI PHẠM THIÊN	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X				X
15. CỐI THIẾU QUANG THIÊN	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X				X
16. CỐI VÔ LƯỢNG QUANG THIÊN	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X				X
17. CỐI BIẾN QUANG THIÊN	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X				X
18. CỐI THIẾU TỊNH THIÊN	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X				X
19. CỐI VÔ LƯỢNG TỊNH THIÊN	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X				X
20. CỐI BIẾN TỊNH THIÊN	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X				X
21. CỐI QUANG QUẢ THIÊN	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X				X
22. CỐI VÔ TƯỚNG THIÊN																			
23. CỐI VÔ PHIÊN THIÊN		X			X	X	X		X	X	X	X	X	X	X				X
24. CỐI VÔ NHIỆT THIÊN		X			X	X	X		X	X	X	X	X	X	X				X
25. CỐI THIÊN KIẾN THIÊN		X			X	X	X		X	X	X	X	X	X	X				X
26. CỐI THIÊN HIỆN THIÊN		X			X	X	X		X	X	X	X	X	X	X				X
27. CỐI SẮC CỨU CẢNH THIÊN		X			X	X	X		X	X	X	X	X	X	X				X
28. CỐI KHÔNG VÔ BIÊN XỨ	X	X		X	X								X		X	X			X
29. CỐI THỨC VÔ BIÊN XỨ	X	X		X	X								X		X	X			X
30. CỐI VÔ SỞ HỮU XỨ	X	X		X	X								X		X	X			X
31. CỐI PHI TƯỚNG PPT XỨ	X	X		X	X								X		X	X			X
<b>TÂM ĐẶNG MẤY CỐI →</b>	<b>25</b>	<b>30</b>	<b>11</b>	<b>25</b>	<b>30</b>	<b>26</b>	<b>26</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>26</b>	<b>26</b>	<b>26</b>	<b>30</b>	<b>22</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>7</b>	<b>7</b>	<b>26</b>

Ghi Chú: Chữ TC nghĩa là Tính Cối



## V. PHÂN GIẢI:

Chúng ta nhận định tiến trình của chúng sanh luân chuyển trong tam giới, qua hành động, việc làm hay hành vi tạo tác để lại nghiệp + quả luân hồi (tác động do phiền não thúc đẩy đi đến cảnh giới khác, cõi khác). Trong sự luân chuyển ấy, chúng sanh phải đi theo mãnh lực của nghiệp (thiện, bất thiện).

Vì thế được phân ra nhiều dạng chúng sanh, nhiều nơi nương nhờ, tức là vì tất cả chúng sanh trong tam giới do trình độ hiểu biết, tư tưởng và căn cơ không đồng đều, nên mới chia thành 12 hạng người.

Những người này do sự chế định tướng trạng và sắp xếp theo thứ tự từ hạng thấp nhất là người khổ lên đến hạng người thanh tịnh thuộc Bạc Tứ Đạo và Tứ Quả. Cho nên tất cả chúng sanh tái tục nương sanh, nương nhờ, nương ở phân theo nghiệp quả tốt, xấu nên có mặt khắp trong 31 cõi.

Có *pāli* chú giải như sau:

- *Sukata dukkatakammavasena gantabbāti = Gati* : Chúng sanh tiến hành tái tục theo cõi do mãnh lực của nghiệp thiện và bất thiện. Cõi mà chúng sanh đi theo mãnh lực của nghiệp đã tạo phải nương nhờ. Với 2 cách:  
1 là cảnh giới của khổ, là nơi phát sanh khổ, tiến hành với khổ.  
2 là cảnh giới tốt đẹp, là nơi phát sanh an lạc, tiến hành với sự tốt cách vui.

Vậy, chúng ta sẽ tìm hiểu về Người & Cõi qua các phần như sau:

- Người đặng mấy Cõi, Cõi đặng mấy Người và lúc nương sanh nương ở sử dụng đặng mấy Tâm.
- Tâm sanh đặng mấy Người.
- Cõi đặng mấy Tâm, Tâm đặng mấy Cõi.

### A. NGƯỜI ĐẶNG MẤY CÕI, CÕI ĐẶNG MẤY NGƯỜI VÀ LÚC NƯƠNG SANH NƯƠNG Ở SỬ DỤNG ĐẶNG MẤY TÂM:

#### ❖ **Người khổ (*Duggatipuggala*) = Cõi khổ (*Duggatibhūmi*):**

Nương sanh, nương ở, nơi chốn không có sự vui, hạn chế tự do và hằng chịu khổ đau, như: Hình phạt, đói khát liên tục v.v... gọi là Cõi vô lạc (*Apāyabhūmi*), tức là Địa ngục, Bàn sanh, Ngạ quỷ và Atula (Ngạ quỷ hay Atula thuộc về địa ngục). Vì Atula không có phần riêng biệt. Những loài Ngạ quỷ và Địa ngục hung ác đều kêu là Atula thấp nên có thể tạm gọi là Địa Atula tức là quỷ dữ.

Chúng ta tìm hiểu cõi khổ và người nương ở các cõi ấy như thế nào?

Theo phạm ngữ *pāli Duggati* nếu chiết tự ra thì là: *Du + gati*. Chữ *Du* có nghĩa là không tốt, *Gati* có nghĩa là chỗ tái tục của chúng sanh, sanh đến cảnh giới khác ... từ *Gati* nơi đây như trong *Pannasa atthakathā* có chú giải như sau:

- *Dukkassa gati pativararanti = Dukkhati*: Nơi nào là chỗ nương, hay cảnh giới của khổ. Nên gọi là khổ cảnh tức cõi khổ, bởi do là nơi phát sanh nhiều hình phạt hứng chịu nhiều đau khổ.
- *Dukkheṇa gantabbāti = Dukkhati*: Cõi mà chúng sanh phải hứng chịu hay phải tiến hành với khổ gọi là cõi khổ.

Người khổ và Cõi khổ là sự liên quan không thể thiếu tức là người khổ thì phải ở cõi khổ hay cõi khổ thì có người khổ nương. Đồng thời do lúc tái tục bằng Tâm Thẩm tẫn quả bất thiện vô nhân nên đi đến những cảnh giới khổ,

hoặc trong đời sống bình nhật thì người khổ sẽ đặng 37 thứ tâm sanh theo cơ tánh của một người khổ - nói theo hẹp, tức là Địa ngục, Ngạ quỷ, Bàn sanh, Địa Atula nói theo rộng.

Vì người khổ tái tục do nghiệp bất thiện tạo, cho nên những loại tâm không thể sử dụng đặng như sau:

- Đại quả không thể sanh vào cơ tánh với người này.
- Đồng thời không phải người tam nhân nên Thiên Thiện cho đến Đạo Quả không sanh.
- Cũng không phải người Tứ Quả nên Tâm Tố Đồng Lực cũng đặng không sanh.
- Đối với Quả Đáo đại chỉ để riêng mỗi bậc đặc thiên, tức dành riêng mỗi người tái tục cõi ấy (cõi sắc, vô sắc).

Vậy, chỉ có 37 thứ tâm sanh nơi cơ tánh của người khổ mà thôi, đó là:

*12 thứ tâm bất thiện + 17 thứ tâm vô nhân (đã trừ tiểu sinh) + 8 thứ Tâm Đại Thiện.*

Có sự nghi vấn rằng: Người Địa Ngục và Ngạ Quỷ Tâm đại thiện làm sao sanh đặng? Ta thấy nếu có dịp may gặp trường hợp cảnh trợ, hoặc do suy nghĩ thì Tâm đại thiện cũng đặng sanh cho người Địa ngục và Ngạ quỷ, nhưng mà rất ít và hiếm lắm bởi 2 người khổ ấy ở các cõi khổ đó, khó có dịp, vì chịu hình phạt và chịu đói khát liên tục nối tiếp nhau.

Hoặc nên hiểu thêm như vậy: Cũng có những trường hợp đặc biệt mà Tâm Đại Thiện lại phát sanh cho Người Khổ như Ngạ Quỷ và Địa Ngục, như là: Ở cảnh Địa Ngục khi có Diêm chúa đi thăm xét hoặc quan sát cảnh ở Địa ngục và Ngạ Quỷ có thể ngay lúc gặp vị Diêm chúa mà Quỷ và Atula phát sanh Tâm vui mừng mát mẻ thân tâm, chính lúc đó Tâm Thiện phát sanh cho người khổ Địa Ngục và Atula.

Hay là như thân nhân của chúng sanh ở cảnh Ngạ Quỷ và Địa Ngục ở trên trần thế tạo nghiệp thiện như là Ấn tống kinh sách "đúng - trúng", thuyết pháp dạy đạo học hỏi giáo pháp cao siêu, cúng dường chư tăng, tạo lập chùa chiền, xây dựng tăng phòng học viện v.v.. Trong những khi tạo việc Thiện xong rồi, ngay lúc đó thân nhân của chúng sanh ở cảnh khổ hồi hướng phước báu đến thân nhân đã quá vãng, hồi hướng đến chư thiên, hồi hướng đến diêm vương do nhờ sự hồi hướng chư thiên Diêm vương, nên chư thiên Diêm vương thọ lãnh rồi nhắc lại cho thân nhân của những vị hồi hướng sống trong cảnh Ngạ quỷ hay Địa Ngục, đó chính do nhờ sự nhắc nhở của Diêm vương mà lúc đó người khổ hay người ở cõi Địa Ngục mới phát sanh Tâm Thiện.

Cho đến chư thiên nhờ sự hồi hướng phước, thụ hưởng rồi nhắc nhở cho những chúng sanh ở cảnh Atula lơ lửng trên không, lúc đó Atula ở trên không mới biết mà phát sanh tâm thiện.

Còn như chúng ta hồi hướng phước báu rồi mà lỡ thân nhân của chúng ta đang ở cảnh súc sanh thì súc sanh cũng được hưởng nhờ là khi nào vừa mãn kiếp súc sanh thì được chư Diêm vương nhắc nhở, do nghiệp thiện của thân nhân đã tạo nên súc sanh mãn kiếp tái tục vô cảnh người hoặc cảnh trời lục dục tùy theo phước lớn hay nhỏ.

Nên xem dẫn chứng trong kinh về sự tích ngạ quỷ được thân nhân làm phước hồi hướng nên được tái tục về nhân cảnh, đó là tích Vua Tần – Bà – Xa – la (đọc tích này trong kinh chuyện Ngạ Quỷ).

- ❖ **Người lạc vô nhân** (*Suggati ahetukapuggala*) = **Cõi Nhân Loại, Cõi Tứ Thiên Vương, Cõi Vô Tướng Thiên** (*Manussā bhūmi, Catamā-harajika bhūmi, Asaññā bhūmi*): Người Lạc Vô nhân (*Suggati ahetukapuggala*) hoặc gọi:
  - \* Người vui Vô Nhân Hữu Tướng (ở cõi Nhân loại, Cõi tứ Thiên Vương).
  - \* Người Vui Vô Nhân Vô Tướng (ở Cõi Vô Tướng).
- **Người Lạc Vô Nhân Hữu Tướng** tức là người tái tục bằng Tâm Thấm Tẩm Quả Thiện Vô Nhân, nương sanh nương ở Cõi Nhân Loại và Cõi Tứ Thiên Vương bậc thấp. Dạng chúng sanh này có những tật như sau:
  - 1 là Sanh Manh (*Jaccandha*) tức là đui từ khi tái tục (chú Giải Pāli: *Jātiyā andho = Jaccando*).
  - 2 là Sanh Lung (*Jaccabadhira*) tức là điếc từ khi tái tục (chú Giải Pāli: *Jātiyā badhiro = Jaccabadhiro*).
  - 3 là Sanh Vô Sắc Tỷ Thanh (*Jaccaghānaka*) tức là thiếu sắc Tỷ Thanh Triệt (chú Giải Pāli: *Jātiyā aghānako = Jaccaghānako*).
  - 4 là Sanh Á (*Jaccamūgha*) tức là bị tật câm từ khi tái tục (chú Giải Pāli: *Jātiyā mūgho = Jaccamūgho*).
  - 5 là Sanh Ngu (*Jaccajaḷa*) tức là khờ dại hóa thiếu Trí, hay là chậm chạp, ngu xuẩn, người ngu si (chú Giải Pāli: *Jātiyā jaḷo = Jaccajaḷo*).
  - 6 là Sanh Điên (*Jaccummattaka*) tức là rồ dại, loạn trí, điên cuồng từ khi tái tục. Cũng còn gọi là sanh điên nhưn (chú Giải Pāli: *Jātiyā ummattako = Jaccummattaco*).
  - 7 là Phi Nam Nữ (*Paṇḍaka*) tức là Người thiếu nam căn (sắc nam tính), nữ căn (sắc nữ tính) từ khi tái tục (chú Giải Pāli: *Paṇḍatisingavekallabhāvaṃ guccatīti = Paṇḍako*). Theo số giải thì Phi Nam Nữ (*Paṇḍaka*) có 5:
    - ✓ 1 là Sanh Bất Nam (*Āsittakapaṇḍaka*) là không có nam căn từ khi sanh là tương tự người Nam, mà tái tục thiếu trạng thái Nam, cũng gọi là lại đực.
    - ✓ 2 là Kiện Bất Nam (*Ussuyapaṇḍaka*) là người đàn âm hoặc người thiếu.
    - ✓ 3 là Đố Bất Nam (*Opakkamikapaṇḍaka*) là thấy người hành dâm có Tâm ghen, nam căn phát hiện.
    - ✓ 4 là Biến Bất Nam (*Pakkhapaṇḍaka*) là gặp người nữ hiện nam căn, gặp người nam hiện nữ căn.
    - ✓ 5 là Bán Bất Nam (*Napuṃsakapaṇḍaka*) là nửa thán có nam căn, nửa thán không.
  - 8 là Người Lưỡng Tính (*Ubhatobayañjana*) tức là người có cả nam, nữ 2 căn (người lưỡng căn, người nhị căn. Căn ở đây chỉ cho sắc nam tính và sắc nữ tính) (chú Giải Pāli: *Ubhato pavattaṃ bayañjanaṃ yassa atthīti = Ubhatobayañjana*).
  - 9 là Người Vô Nam Căn (*Napuṃsaka*) là những người không thể làm việc đầy đủ như Nam, tức người Nam (chú Giải Pāli: *Na paṃseti puriso viya na maddatīti = Napuṃsako*).
  - 10 là Người Sanh Khẩu Ngật (*Mamma*) tức là cà lăm từ khi tái tục (Mamma). Chữ cà lăm nghĩa là nói lấp bắp, lấp bắp, nói dạng ấp úng ...
  - 11 là Phi Hỷ Lạc Tu La (*Vinipātikā Asurā*) là Chư Thiên tội thấp nương ở trên mặt đất, nước hoặc cây cối v.v... (chú Giải Pāli: *Vinipātikā cate asurā*

*cāti = Vinipātikā asurā*). Nghĩa là Chư Thiên nào không vui, không tốt đẹp và thành Atula. Chư Thiên ấy thành vô hỷ lạc Tula, tức là Atula xấu xí, khổ sở, thường trú ngụ - ở trên mặt đất, nước, núi, cây, rừng, v.v...

- **Người Lạc Vô Nhân Vô Tướng** tức là Bạc Trời Vô Tướng và đồng thời cũng thuộc về người Lạc Vô Nhân. Vì các Bạc này tái tục bằng Sắc Mạng Quyền Duyên và các Pháp cấu sanh khác, do ở Cõi này Tâm không sanh, chỉ có sự hưởng lạc của quả phúc ngũ Thiền mà trước đã tu tập, không có sự vui của Tâm, nên chỉ có hình dạng giống búp bê. Do đó gọi là Người Lạc Vô Nhân Vô Tướng.<sup>1</sup>

Người Lạc hay người vui Vô Nhân hữu tướng nương cõi Người, Cõi Tứ Thiên Vương và đời sống bình nhật sử dụng đặng 41 thứ Tâm: 12 thứ tâm bất thiện + 17 thứ tâm vô nhân (đã trừ tiểu sinh) + 8 thứ tâm đại thiện và 4 thứ Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng.

- ❖ **Người Nhị Nhân (*Davīhetukapuggala*) = Cõi Nhân Loại, Cõi Tứ Thiên Vương, Cõi Đạo Lợi Thiên, Dạ Ma Thiên, Đâu Xuất Thiên, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên (*Manussā bhūmi, Catamā-harajika bhūmi, Tettimsā, Yāmā, Tusitā, Nimmānaratī, Paranimmitavasavatti*):**

Người Nhị Nhân tái tục bằng Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí sanh trong 7 Cõi Vui Dục Giới (*Kāmasugati Bhūmi*) và số Tâm sử dụng giống như người Lạc Vô Nhân (41 thứ Tâm).

Hai hạng người vừa nói trên (Người Lạc Vô nhân và Người Nhị Nhân), đặng Tâm nhiều hơn người Khổ 4 thứ là 4 Đại Quả Bất Tương Ứng, vì tái tục Tâm cao hơn.

Về mặt tuổi thọ của Người và Cõi vừa nêu, thì:

- 4 Cõi Ác thú, không có hạn định về số lượng tuổi thọ.
- Người Nhân Loại tuổi thấp nhất là 10 tuổi, tuổi cao nhất vô số tuổi (vô số lượng tuổi thọ).
- Cõi Tứ Thiên Vương sống - thọ mạng Thiên 500 tuổi tức 9 triệu năm theo nhân loại. (thời gian 1 ngày 1 đêm Cõi Tứ Thiên Vương bằng 50 năm Cõi nhân loại).
- Cõi Đạo Lợi Thiên sống - thọ mạng Thiên 1.000 tuổi tức 36 triệu năm theo nhân loại. (thời gian 1 ngày 1 đêm Cõi Đạo Lợi Thiên bằng 100 năm Cõi nhân loại).
- Cõi Yama Thiên sống - thọ mạng Thiên 2.000 tuổi tức 144 triệu năm theo nhân loại. (thời gian 1 ngày 1 đêm Cõi Yama bằng 200 năm Cõi nhân loại).
- Cõi Đâu Xuất Thiên sống - thọ mạng Thiên 4.000 tuổi tức 576 triệu năm theo nhân loại. (thời gian 1 ngày 1 đêm Cõi Đâu Xuất Thiên bằng 400 năm Cõi nhân loại).
- Cõi Hóa Lạc Thiên sống - thọ mạng Thiên 8.000 tuổi tức 2.304 triệu năm theo nhân loại. (thời gian 1 ngày 1 đêm Cõi Hóa Lạc Thiên bằng 800 năm Cõi nhân loại).
- Cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên sống - thọ mạng Thiên 16.000 tuổi tức 9.216 triệu năm theo nhân loại. (thời gian 1 ngày 1 đêm Cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên bằng 1.600 năm Cõi nhân loại).

<sup>1</sup> Theo Tập Chú Giải 2 của Cố Đại Trưởng Lão Tinh Sự - Mahāthero Santakicco.

❖ **Người Tam Nhơn** (*Tihetukapuggala*):

Gọi Người Tam Nhơn là Người có đầy đủ 3 nhân Thiện lúc tái tục (Vô tham, Vô Sân, Vô si), hoặc là dùng Tâm Đại quả tương ứng trí làm việc tái tục. Đây là hạng chúng sanh có điều kiện hơn người Lạc Vô Nhân, Nhị Nhân bởi có nhân vô si làm nền tảng, làm dịp giúp cho chúng Đắc Thiện và Đạo Quả. Còn trong đời sống thường thức là những người thông minh có trí tuệ v.v...

Người Tam Nhơn (*Tihetukapuggala*) nương sanh, nương ở:

➤ **7 Cõi Vui Giới**, sử dụng hay xài đặng 45 thứ Tâm dục Giới (trừ Tâm Tố Đồng lực).

➤ **10 Cõi Sắc Giới Phạm Hữu Tâm:**

Sơ Thiên: Phạm Chúng Thiên, Phạm Phụ Thiên, Đại Phạm Thiên = 3

Nhị, Tam Thiên: Thiếu Quang, Vô Lượng Quang, Biến Quang = 3

Tứ Thiên: Thiếu Tịnh, Vô Lượng Tịnh, Biến Tịnh = 3

Ngũ Thiên Quảng Quả: = 1

Xài đặng 39 thứ Tâm: 1 trong 5 Tâm Quả Sắc Giới, 8 thứ Tâm Tham, 2 thứ Tâm Si, Đôi Nhãn, Đôi Nhĩ, Đôi Tiếp thụ, 3 Thứ Tâm Thăm Tẩn, 2 thứ Khai Môn, 8 thứ Đại Thiện. Còn 9 thứ Tâm Thiện Đáo Đại tùy bậc Thiên, tính thêm.

**Lưu ý:** Chúng ta tìm hiểu lý do một số thứ Tâm không sanh đặng đối với Bạc Tam Nhơn ở Cõi Sắc Giới Phạm Hữu Tâm:

*Vì những Bạc Phạm Thiên Sắc Giới và Phạm Thiên Vô Sắc Giới do mãnh lực pháp hỷ (pīti) và quả của những nghiệp Thiện có ảnh hưởng rất mạnh cho nên Tâm Sân không thể sanh ở những Cõi đã kể trên.*

Còn về Tỳ, Thiệt, Thân Thức vì pháp bản thể thực tính của Cõi Sắc Giới nói chung (trừ Cõi Vô Tướng) do thiếu 3 Sắc Thanh Triệt: Tỳ Thanh, Thiệt Thanh, Thân Thanh này là thiếu nhơn tạo (*Upattihetu*) nên không sanh).

➤ **4 Cõi Vô Sắc:** Không Vô Biên, Thức Vô Biên, Vô Sở Hữu, Phi Tướng Phi Phi Tướng.

Người Tam Nhơn ở các cõi này được phân ra tùy theo Cõi, như là Cõi Không Vô Biên thì người nương sanh ở đây sử dụng đặng 24 thứ Tâm: 1 trong 4 thứ Tâm Quả Vô Sắc, Khai Ý Môn, Si, Tham, Đại Thiện và Thiện Vô Sắc (1 + 1 + 2 + 8 + 8 + 4 = 24). 3 Cõi còn lại bớt dần Tâm đồng lực thấp, tức là Cõi Thức Vô Biên người nương ở đây không sử dụng Đồng lực Không Vô Biên nên phải bớt 1 thứ Tâm còn 23, lần lượt Cõi Vô Sở Hữu bớt 1 thứ Đồng lực Thức Vô Biên còn 22 và cũng vậy Cõi Phi Tướng Phi Phi Tướng người sử dụng bớt 1 thứ Tâm Đồng lực Thức Vô Biên còn 21.

**Lưu ý:** Người Tam Nhơn sanh ở cõi Không Vô biên Xứ tái tục bằng Tâm Quả Không Vô Biên, vì chẳng có Thân sắc nên những Tâm nương vật nhất định không sanh được ở Cõi Vô Sắc.

Vì còn là phạm Tam Nhân mặc dù là ở Cõi Vô Sắc vẫn chưa Đắc Đạo Quả nên còn đủ Tham, Si. Trong đời sống bình nhật vị phạm thiên vô sắc vẫn dùng Tâm bắt Cảnh nương theo ý môn nên phải có lộ tâm, mà có lộ tâm sanh theo ý môn thì phải có thứ tâm Khai Ý Môn. Trong lúc bình nhật không an trụ vào

Thiền thì các vị trời này vẫn sử dụng Đại Thiện và đồng thời lúc nhập Thiền. Khi vào lộ nhập Thiền thì cần phải sử dụng Đồng lực Đại Thiện Tương Ứng Trí trợ giúp vào Đồng lực Thiền, nên Đại Thiện sanh đặng cõi vô sắc nói riêng, cõi hữu tâm nói chung. Còn Thiền Thiện Vô Sắc nếu có đắc Thiền nào thì tính thêm.

*Số lượng Thọ Mạng Thiên Sắc và Vô Sắc Giới:*

<b>8 Tầng Thiền :</b>	<b>Cõi Phân Theo 31 :</b>	<b>Thọ Mạng :</b>
Tầng Sơ Thiền: (Cõi Sơ Thiền)	1. Cõi Phạm Chúng Thiên	1/3 Đại Kiếp
	2. Cõi Phạm Phụ Thiên	1/2 Đại Kiếp
	3. Cõi Đại Phạm Thiên	1 Đại Kiếp
Tầng Nhị Thiền (Tính luôn Cõi Nhị, Tam Thiền):	1. Cõi Thiếu Quang Thiên	2 Đại Kiếp
	2. Cõi Vô Lượng Quang Thiên	4 Đại Kiếp
	3. Cõi Biến Quang Thiên	8 Đại Kiếp
Tầng Tam Thiền: (Cõi Tứ Thiền)	1. Cõi Thiếu Tịnh Thiên	16 Đại Kiếp
	2. Cõi Vô Lượng Tịnh Thiên	32 Đại Kiếp
	3. Cõi Biến Tịnh Thiên	64 Đại Kiếp
Tầng Tứ Thiền: (Cõi Ngũ Thiên Sắc Giới, gồm: 2 Cõi Phạm, 5 Cõi - Thánh)	1. Cõi Vô Tưởng Thiên	500 Đại Kiếp
	2. Cõi Quảng Quả Thiên	500 Đại Kiếp
	3. Cõi Vô Phiền Thiên	1000 Đại Kiếp
	4. Cõi Vô Nhiệt Thiên	2000 Đại Kiếp
	5. Cõi Thiện Kiến Thiên	4000 Đại Kiếp
	6. Cõi Thiện Hiện Thiên	8000 Đại Kiếp
	7. Cõi Sắc Cứu Cánh Thiên	16000 Đại Kiếp
Tầng Không Vô Biên (Ngũ Thiên Vô Sắc):	Cõi Không Vô Biên Xứ	20000 Đại Kiếp
Tầng Thức Vô Biên (Ngũ Thiên Vô Sắc):	Cõi Thức Vô Biên Xứ	40000 Đại Kiếp
Tầng Vô Sở Hữu (Ngũ Thiên Vô Sắc):	Cõi Vô Sở Hữu Xứ	60000 Đại Kiếp
Tầng Phi Tưởng Phi Phi Tưởng (Ngũ Thiên Vô Sắc):	Cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ	84000 Đại Kiếp

<b>BẢN ĐỒ TUỔI THỌ CỦA CÔI &amp; THỌ MẠNG</b>	<b>THỌ MẠNG</b>	<b>1 Ngày 1 Đêm So Với Thời Gian Nhân Loại Tính = Năm</b>	<b>1 Tháng So Với Thời Gian Nhân Loại Tính = Năm</b>	<b>1 Năm So Với Thời Gian Nhân Loại Tính = Năm</b>	<b>Thọ Mạng Thiên của các Côi, so với Thời Gian Nhân Loại tính = Năm</b>
Côi Khổ	Bất Định Thời Gian				
Côi Nhân Loại	10 Tuổi đến Vô Hạn Định				
Côi Tứ Thiên Vương	500	50	1500	18000	9 Triệu
Côi Dao Lợi	1000	100	3000	36000	36 Triệu
Côi Dạ Ma	2000	200	6000	72000	144 Triệu
Côi Đâu Suất	4000	400	12000	144000	576 Triệu
Côi Hóa Lạc	8000	800	24000	288000	2 Ti 304 Triệu
Côi Tha Hóa	16000	1600	48000	576000	9 Ti 216 Triệu
Phạm Chúng Thiên	1/3 Đại Kiếp				
Phạm Phụ Thiên	1/2 Đại Kiếp				
Đại Phạm Thiên	1 Đại Kiếp				
Thiếu Quang Thiên	2 Đại Kiếp				
Vô Lượng Quang Thiên	4 Đại Kiếp				
Biển Quang Thiên	8 Đại Kiếp				
Thiếu Tịnh Thiên	16 Đại Kiếp				
Vô Lượng Tịnh Thiên	32 Đại Kiếp				
Biển Tịnh Thiên	64 Đại Kiếp				
Quảng Quả Thiên	500 Đại Kiếp				
Vô Tướng Thiên	500 Đại Kiếp				
Vô Phiền Thiên	1000 Đại Kiếp				
Vô Nhiệt Thiên	2000 Đại Kiếp				
Thiện Kiến Thiên	4000 Đại Kiếp				
Thiện Hiện Thiên	8000 Đại Kiếp				
Sắc Cứu Cảnh	16000 Đại Kiếp				
Không Vô Biên	20000 Đại Kiếp				
Thức Vô Biên	40000 Đại Kiếp				
Vô Sở Hữu	60000 Đại Kiếp				
Phi Tướng PPT	84000 Đại Kiếp				

\* **1 Tiểu Kiếp** = Tuổi Thọ từ 10 tuổi đến vô số tuổi và Từ Vô Số Tuổi trở lại 10 tuổi (là 1 Tiểu Kiếp).  
\* **1 Trung Kiếp** = 15 Tiểu Kiếp (là 1 Trung Kiếp).  
\* **1 Đại Kiếp** = 20 Trung Kiếp  
Thành - Trụ - Hoại - Không  
Kiếp thành = Thí Dụ 1 cộng 140 số không (0).  
Thí Dụ: 1 Khối Vương có chiều dài mỗi cạnh là 16 km (16 x 16 x 16 = 4096 km khối) chứa đầy hạt mè. Cứ 100 năm vị Chư Thiên lấy 1 hạt cho đến khi hết hạt mè thì gọi là 1 thành kiếp.  
(Trụ - Hoại - Không cũng được tính như thế.)

**Lưu ý:** "Kappa" ở đây có nghĩa là Đại Kiếp, có 3 loại 2 cách nói về Kiếp là: Tiểu Kiếp, Trung Kiếp, Đại Kiếp.

Hay là: Trung Kiếp (*Antarakappa*). Vô lượng kiếp (*Asankhayyakappa*). Đại Kiếp (*Mahākappa*):

- Tiểu kiếp là một giảm một tăng (1 giảm = cứ 100 năm giảm 1 tuổi - tột cùng còn 10 tuổi thọ là hết thời kỳ giảm. 1 Tăng = 100 năm tăng 1 tuổi cho đến số và lượng là tột).
- Trung kiếp là mười lăm (15) tiểu kiếp cộng lại.
- Đại kiếp tức là bốn (4) cái trung kiếp "Thành - Trụ - Hoại - Không". Gọi là Đại kiếp của thế giới.

(Theo cách giải của Đại Trưởng Lão Tịnh Sự - tập chú giải 1 và kinh thẻ).

So sánh một cách khác giải về Kiếp (*Kappa*) – Cách tính là Trung kiếp, Vô lượng kiếp, Đại kiếp:

- Trung kiếp (*Antarakappa*) là tính Thọ Mạng của chúng sanh hay thời gian tuổi con người từ mười (10) tuổi đến vô số tuổi, rồi sứt xuống chỉ còn mười (10) tuổi.
- Vô lượng kiếp (*Asankhayyakappa*) về thời gian là hai mươi (20) trung kiếp cộng lại.
- Đại kiếp (*Mahākappa*) là chuỗi thời gian rất lâu, không thể tính bằng con số cụ thể, mà chỉ ước lượng, tức bốn (4) Vô Lượng Kiếp thành một (1) Đại Kiếp.

Đức Phật chỉ so sánh Đại Kiếp bằng hai (2) cách:

1. Là với lượng hạt cải hay hạt mè trong một (1) khoảng đất cao và dài 16 do tuần (mỗi do tuần dài 16 km), cứ 100 năm lấy ra 1 hạt, cho đến khi nào hết là 1 Đại kiếp.
2. Là 1 tảng đá vuông vút 16 do tuần, cứ mỗi trăm năm dùng một vải lụa thật mỏng lau một lần, cho đến khi nào tảng đá ấy mòn hết, là một Đại kiếp.

Hoặc có nơi nói về một Đại kiếp là một con số 1 với 140 con số 0.

- \* Tuổi Thọ hay Mạng Thiên của các Cõi Sắc Giới và Vô Sắc giới là tính theo Đại kiếp.

❖ **Người Sơ Đạo, Người Nhị Đạo, Người Tam Đạo, Người Tứ Đạo** (*Sotāpattimaggapuggala, Sakadāgāmicappuggala, Anāgāmicappuggala, Arahattamaggapuggala*) nói chung thì nương có các Cõi như là = 7 Cõi Vui Dục Giới, 10 Cõi Sắc Giới Phàm Hữu Tâm, Ngũ Tịnh Cư, Vô Sắc Giới. Nhưng chúng ta phải chiết báng Người Đạo phân theo từng phần để thích nghi, thích hợp từng Cõi, như sau:

- ✓ **Người Sơ Đạo:** Bảy Cõi Vui Dục Giới, mười Cõi Sắc Giới Phàm Hữu Tâm = *mười bảy Cõi Phàm Vui Ngũ Uẩn*. Người Sơ Đạo nương mười bảy Cõi Phàm Vui Ngũ Uẩn, chúng ta thấy không có nương được Cõi Vô Sắc, vậy tại sao trong khi ấy thì Phàm Tam Nhân nương đặng? Vì Người Sơ Đạo trước khi Tam Đạo sanh đều lấy Ngũ Thủ Uẩn làm Cảnh để tỏ ngộ Vô thường, Khổ, Vô ngã và sanh diệt.

Đây là nói từ khi Tuệ Phổ Thông sanh ... cho đến Hành Xả Tuệ, sự diễn tiến này nếu đầy đủ và không trở ngại thì lộ tâm Đạo sẽ sanh luôn đến Sơ, Nhị, Tam, Tứ đạo.

Ta thấy, ở Cõi vô sắc không có Thân Sắc tức không đủ yếu tố làm dịp triển khai và phát huy thực hiện Pháp Quán, nghĩa là phải lấy đủ năm uẩn làm cảnh quán xét như quán Thân trong thân, quán thân trên nội thân, quán thân trên nội và ngoại thân ... Thọ, Tâm, Pháp v.v... Đồng thời cần hội đủ niệm xứ tức là:

lấy Sắc uẩn làm cảnh niệm, lấy Thọ uẩn làm cảnh niệm, lấy Tướng uẩn làm cảnh niệm, lấy Hành uẩn làm cảnh niệm, lấy Thức uẩn làm cảnh niệm.

Vậy, yếu tố Sắc Uẩn trong giai đoạn ban đầu đặc sơ đạo, là rất cần thiết đối với Phàm tam nhân triển khai Pháp quán, tức đang xúc tiến Quán Niệm Xứ Nghiệp, mà thiếu đi sắc uẩn là thiếu phần nhận diện sanh diệt và phá bản ngã chấp **Thân Kiến**, đây là phiền não trói chặt cả Thân Sắc và Thân Danh bao gồm cả hiện tại và vị lai. Nếu chỉ phá Thân Danh thì ở cõi Vô Sắc sẽ thuận lợi, nhưng phá Thân Sắc thì Cõi Vô Sắc không đủ điều kiện (vì không có Sắc Uẩn sanh).

Chỉ trừ khi đã vượt qua giai đoạn này, nghĩa là đã đặc sơ đạo ở cõi vui khác sanh về đây thì khỏi cần Sắc Uẩn các Bạc Sơ Quả đủ sức tu tiến Đặc Nhị Đạo, Nhị Quả đặc Tam Đạo, Tam Quả đặc Tứ Đạo - Tứ Quả vì đã diệt Thân Kiến trong đó phá được Thân Sắc, nên không cần Sắc uẩn làm Cảnh.

Còn Người Tam Nhân sanh về cõi Vô Sắc là do đã đặc Thiên Vô sắc ở Cõi Phàm Vui khác, khi tái tục nhờ nghiệp Thiên Thiện trở quả nên tái tục về 1 trong 4 Cõi Vô Sắc Giới bằng 1 trong 4 thứ Tâm Quả Vô Sắc.

- ✓ **Người Nhị Đạo, Người Tam Đạo:** 17 Cõi Phàm Vui Ngũ Uẩn + 4 Cõi vô Sắc = 21 Cõi Phàm Vui Hữu Tâm.
- ✓ **Người Tứ Đạo:** 21 Cõi Phàm Vui Hữu Tâm + 5 Cõi Ngũ Tịnh Cư = 26 Cõi Vui Hữu Tâm.
- Người Đạo đây nói chung là 4 Đạo, được gọi theo "Đời chúng sanh - Lokasatta", tức 12 hạng người. Còn nói theo Bạc Thánh là:
  - ✓ Thánh Thất Lai Đạo, hoặc gọi các tên khác như: Thánh Sơ Đạo (gọi theo thứ tự), Thánh Nhập Lưu Đạo, Thánh Dự Lưu Đạo, Thánh Tu Đà Hườn Đạo.
  - ✓ Thánh Nhất Lai Đạo, hoặc gọi: Thánh Nhị Đạo, Thánh Tư Đà Hàm Đạo.
  - ✓ Thánh Bất Lai Đạo, hoặc gọi: Thánh Tam Đạo, Thánh A Na Hàm Đạo.
  - ✓ Thánh Vô Sanh Đạo, hoặc gọi: Thánh Tứ Đạo, Thánh Ứng Cúng Đạo, Thánh A La Hán Đạo, Thánh Vô Học Đạo.
 Người Đạo chánh thức chỉ ngay trong 3 sát na 1 cái Tâm Đạo sanh mà thôi, nên mỗi người Đạo chỉ được 1 thứ cái, tức 1 thứ Tâm Sơ Đạo, 1 Thứ Tâm Nhị Đạo, 1 Thứ Tâm Tam Đạo và 1 Thứ Tâm Tứ Đạo mà tùy theo Cõi v.v... .

#### 4 Người Quả hay 4 Bạc Thánh nương sanh, nương ở - Dục Giới Vui:

##### ❖ **Người Sơ Quả và Người Nhị Quả:**

Điều nên biết là khi nương sanh, ở Cõi Dục giới vui dạng số thứ Tâm chỉ khác với người Tam Nhân là thêm một thứ Tâm Sơ hoặc Nhị Quả tùy Bạc Thiên và bớt 5 thứ Tâm là: 4 thứ Tâm Tham tương ứng và Si Hoài nghi.

Bởi vì đặc Quả nên tính thêm Tâm Quả Siêu Thế, đoạn tận những Tâm bớt không còn sanh cho Bạc ấy nữa. Còn bớt ở đây là đã bị Sơ Nhị Đạo Siêu Thế đoạn tận tụyệt 5 thứ Tâm đã nêu.

❖ **Người Tam Quả:**

Người Tam Quả hay Thánh Bất Lai Quả sanh ở Cõi Vui Dục Giới chỉ khác với Người Sơ, Nhị Quả là bớt 2 thứ Tâm Sân và đổi Tâm Sơ, Nhị ra lấy Tâm Tam Quả nên ít hơn Sơ, Nhị Quả 2 thứ Tâm Sân, vì bậc này thành tựu từ người Tam Đạo, mà Bậc Tam Đạo đã sát trừ phiền não Sân tức 2 Tâm Sân và Pháp cấu sanh.

Hay nói cách khác, Người Tam Quả sử dụng ít hơn Sơ, Nhị Quả 2 thứ Tâm Sân, vì đã bị Tâm Đạo đoạn tận tuyệt.

❖ **Người Tứ Quả:**

Người Tứ Quả hay Thánh Vô Sanh ở Cõi Dục Giới vui đã đoạn tận hết phiền não tức hết Pháp Bất Thiện và đồng thời không còn xài Thiện, chỉ sử dụng toàn Tâm Tố, Quả Dục Giới và 1 Tâm tứ Quả tự chứng.

4 Người Quả hay 4 Bậc Thánh Quả nương sanh, nương ở - Cõi Sắc Giới Hữu Tướng:  
(Nương sanh, nương ở - 3 Quả Hữu Học, nương ở - Thánh Vô Học)

❖ **3 Quả Hữu Học (Sekkhā):**

Nương Cõi Sắc Giới xài đặng 45 thứ Tâm là: 4 thứ Tâm Tham bất tương ứng, Tâm Si điều cử, 8 thứ Tâm Đại Thiện, Đại Quả (8), 1 trong 5 thứ Tâm Quả Sắc Giới, tính 3 trong 15 thứ Tâm Quả hữu học, 11 thứ Tâm Vô Nhân (đã trừ Tỷ, Thiệt, Thân Thức và Tiểu Sinh).

Nếu đắc Thiền Bậc nào thì tính thêm Thiện Đáo Đại.

❖ **Người Tam Quả:**

Bậc Tam Quả ở Cõi Tịnh Cư Thiên lúc tái tục bằng Tâm Quả Ngũ Thiền Sắc Giới. Vì Bậc này đã đắc Tam Quả và có Ngũ Thiền đời trước, cho nên nhất định sanh về Cõi Thánh Cư (đây là nói trường hợp Bậc Tam Quả chưa Đắc Tứ Quả). Nếu chẳng như thế thì sanh về Cõi Sơ Thiên hoặc Nhị, Tam, Tứ, riêng trường hợp này là Bậc Thánh Tam Quả chỉ đắc các tầng Thiền thấp nên tùy thuộc vào Thiền nghiệp đã đắc mà sanh về cõi tương ứng. Như Bậc Tam Quả đắc Sơ Thiên đời trước tử - tái tục về Cõi Sơ Thiên, Bậc Tam Quả đắc Nhị Thiên đời trước tử - tái tục về Cõi Nhị Thiên v.v... .

Còn Tam Quả ở Cõi Quảng Quả Thiên, mặc dù cũng đắc Ngũ Thiền nhưng vì đắc Tam Quả sau khi sanh về cõi ấy, nên gọi Tam Quả ở Cõi Quảng Quả Thiên, vì còn là người Quảng Quả do sự sanh trước kia. Hay là Phạm Tam Nhân, Sơ, Nhị Quả có Ngũ Thiền sau khi tử - tái tục sanh về Quảng Quả Thiên và tại Cõi này các vị đó tu tiến (đủ căn lành) đắc Tam Quả, nên có trường hợp Tam Quả nương ở Cõi Quảng Quả Thiên là vậy.

**Lưu Ý:**

Bậc Tam Quả tức Thánh Bất Lai Quả cõi Sắc giới nói chung chỉ khác nhau sự tái tục mà thôi, chớ các thứ Tâm xài cũng đồng số.

❖ **Người Tứ Quả:**

Người Tứ Quả tức Bậc Thánh Vô Sanh ở Cõi Sắc Giới khác hơn ở Cõi Dục Giới là bớt Tỷ, Thiệt, Thân Thức, luôn 8 thứ Tâm Đại Quả mà thêm 1 Tâm Quả Sắc Giới và 1 Tâm Tứ quả có thiền (tùy bậc thiền).

4 Người Quả hay 4 Bậc Thánh Quả nương sanh nương ở - Cõi Vô Sắc Giới: (Nương sanh, nương ở - 3 Quả Hữu Học, nương ở - Thánh Vô Học)

Phần này là trình bày các Bậc Thánh Quả nương sanh nương ở 4 Cõi Vô Sắc, có các trường hợp như sau:

❖ **Người Sơ, Nhị, Tam Quả:**

Tức Bậc Quả hữu học, tái tục Tâm quả Không vô biên, vì không thân sắc nên chỉ dùng đặng những thứ Tâm có thể sanh Cõi Vô Sắc mà trừ những Tâm để riêng phần Đạo Quả La Hán và 3 Đạo thấp không còn sanh với những Bậc này.

Theo thứ lớp của các cõi trong Vô sắc giới, thì:

- Chỉ bớt 2 thêm 1, như Cõi Thức Vô Biên bớt 2 thứ: Tâm Thiện, Quả Không vô biên thêm vào Quả Thức vô biên.
- Cõi Vô Sở Hữu bớt 2 thứ: Tâm Thiện, Quả Thức vô biên thêm vào Quả Vô Sở Hữu.
- Cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng bớt 2 thứ: Tâm Thiện, Quả Vô Sở Hữu thêm vào Quả Phi Tưởng Phi Phi Tưởng.

Theo cách giải, lối văn Lục Bát của Cổ Đại Trưởng Lão Tịnh Sự như sau:

Cõi Vô Sắc Giới tử, luân

Tái tục đặng tám, Thiền từng chẳng lui.

\* Thiền từng chẳng lui có nghĩa là: Người bậc cao không tái tục bậc thấp được, là do Tâm bậc thấp không thể sanh cho bậc cao.

❖ **Người Tứ Quả:**

Người Tứ Quả hay Bậc thánh vô sanh ở Cõi Không Vô Biên thì tính thêm 1 thứ Tâm Tứ Quả và Tâm tái tục Cõi Không Vô Biên. Bậc này không còn xài Đại Thiện thì ắt hẳn sử dụng Đại Tố. Còn Tâm khai ý môn có tâm đồng lực tất phải có, hay là có Tâm khai Ý Môn mới có Tâm đồng lực (tiến trình trật tự thứ lớp của lộ Tâm – *Cittavithi*).

**Lưu Ý:**

Tâm tố Vô sắc tùy theo đặc Thiền mới tính thêm.

Trường hợp bớt Tâm Quả, Tâm tố thiền thấp, thêm Tâm Quả tái tục mỗi cõi đó mà thôi.

## B. TÂM SANH ĐẶNG MẤY NGƯỜI.

Phần này là đề cập đến những thứ Tâm thích hợp theo cơ tánh của 12 hạng người, tức là sẽ sanh theo từng hạng chúng sanh, như sau:

- Tâm Tiểu sinh, Tâm Đại Tố, Tâm Tố Đáo Đại và Tâm Tứ Quả chỉ sanh nơi cơ tánh hay sanh đặng cho người Tứ Quả, tức Bạc Vô Sanh Quả.
- Tâm Tam Quả sanh đặng cho người Tam Quả tức Bạc Bất Lai Quả.
- Tâm Nhị Quả sanh đặng cho người Nhị Quả tức Bạc Nhất Lai Quả.
- Tâm Sơ Quả sanh đặng cho người Sơ Quả tức Bạc Thất Lai Quả.
- Tâm Tứ Đạo sanh đặng cho người Tứ Đạo tức Bạc Vô Sanh Đạo.
- Tâm Tam Đạo sanh đặng cho người Tam Đạo tức Bạc Bất Lai Đạo.
- Tâm Nhị Đạo sanh đặng cho Người Nhị Đạo tức Bạc Nhất Lai Đạo.
- Tâm Sơ Đạo sanh đặng cho Người Sơ Đạo tức Bạc Thất Lai Đạo.
- 4 thứ Tâm Tham tương ứng Kiến và Tâm Si Hoài Nghi sanh đặng 4 người Phàm: Người Khổ, Người Lạc Vô Nhân, Người Nhị Nhân và Người Tam Nhân.
- Tâm Thiện Đáo Đại sanh 4 người là 1 người Phàm Tam Nhân và 3 Quả hữu học (Bất Lai, Nhất Lai và Thất Lai Quả).
- 4 thứ Tâm Đại Quả tương ứng và Tâm Quả Đáo Đại sanh đặng 5 người là 1 Phàm Tam Nhân và 4 Quả.
- 2 thứ Tâm Sân sanh đặng 6 người là: 4 Phàm và 2 Quả Thấp (Thất Lai, Nhất Lai Quả).
- 4 thứ Tâm Tham bất tương ứng, Tâm Si Điều Cử và Tâm Đại Thiện sanh đặng 7 người là: 4 Phàm và 3 Quả Hữu Học.
- 4 thứ Tâm Đại Quả bất tương ứng sanh đặng 7 người là 3 Phàm vui (Lạc Vô Nhân, Nhị Nhân, Tam Nhân) và 4 Quả.
- 15 thứ Tâm Quả Vô nhân và 2 thứ Tâm khai môn sanh đặng 8 người là 4 Phàm và 4 Quả.

### Lưu Ý:

Trên đây là kể theo 12 hạng người, còn kể rộng đến 214 người là cộng người ở đặng mấy Cõi. Như:

Người Khổ ở 4 Cõi Khổ	= 4
Người Lạc vô Nhân ở 3 Cõi: Nhân Loại, Tứ Thiên Vương, Vô Tướng	= 3
Người Nhị Nhân ở 7 Cõi Vui Dục Giới: Nhân Loại, Tứ Thiên Vương, Đạo Lợi, Da ma, Đấu Xuất, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại Thiên	= 7
Người Tam Nhân ở 21 Cõi Vui Hữu Tâm (đã trừ Cõi Khổ (4), Ngũ Tịnh Cư (5), Vô Tướng (1)).	= 21
v.v... .	...
Người Tứ Quả ở 26 Cõi Vui Hữu Tâm (đã trừ Cõi Khổ (4), Vô Tướng (1)).	= 26
<b>Cộng</b>	<b>= 214</b>

### C. CỐI ĐẶNG MÃY TÂM, TÂM ĐẶNG MÃY CỐI.

#### □ Nói Về Cối Khổ:

Nói về 4 Cối Phi Lạc (*Apāyabhūmi*) hay Cối Khổ, hoặc Cối Khổ Thú (Địa Ngục, Bàn Sanh, Ngạ Quỷ, Atula) tức là chốn nương sanh nương ở của Người Khổ, cũng là nơi mà chúng sanh đang thọ hưởng quả bất thiện, như: Hình phạt, đói khổ v.v... Người ở những cõi này đặng Tâm đồng nhau (37 thứ Tâm như đã nêu). Trừ Tâm Tiểu Sinh vì Tâm Tiểu Sinh chỉ sanh cho Bạc Tứ Quả mà thôi.

Còn ngoài ra do người khổ tái tục Tâm quá thấp (Tâm quả bất thiện vô nhân), nên không thể xài đặng Tâm cao. Chúng ta có thể hiểu như vậy: Như tiền ít mua chẳng đặng đồ tốt, ý nói đang thiếu phước do Quả bất thiện hiện bày nên không xử dụng các thứ Tâm tốt lành cao hơn, cho dù có xài Đại Thiện, nhưng rất hiếm và rất ít có dịp. Hoặc có thể hiểu móc thấp chọc (hái) không được trái cao, hay là đồ nhỏ không đặng đặng vật lớn.

#### □ Nói Về Cối Vui Dục Giới:

Phần nói về 7 Cối Vui Dục Giới rất đặng nhiều người, do đó sử dụng các thứ Tâm cũng nhiều, chỉ trừ Tâm Quả Đáo Đại mà thôi, vì những Tâm này tái tục thành người Sắc Giới và Người Vô Sắc Giới. Hay nói cách khác, trong Cối Vui Dục Giới, điểm lại ta thấy có một phần Người Khổ nương, Người Lạc, người Nhị Nhân, Người Tam Nhân cho đến Người Đạo và Người Quả thì tất nhiên phải có số thứ Tâm sanh theo từng cơ tánh của mỗi người nên thành nhiều. Vì vậy, Cối Vui Dục Giới rất đặng nhiều người và nhiều thứ Tâm (Người Khổ (Ngoài Người Địa Ngục), 3 Phàm, 4 Đạo, 4 Quả và số Tâm xài là 112 thứ).

#### □ Nói Về Cối Sắc Giới:

➤ Cối Sơ Thiên Sắc Giới sanh đặng 97 thứ Tâm: Tâm Tham (8) + Si (2) + Siêu Thế (40) + Đồng Lực Đáo Đại (18) + Tâm Quả Sơ Thiên (1) + Đồng Lực Dục Giới Tịnh Hào (16) + Tâm Vô Nhân (12), đã trừ Tỷ, Thiệt và Thân Thức. vì Cối Sắc Giới sắp lên không có Tỷ, Thiệt và Thân Thức do chẳng sanh Sắc Tỷ Thanh, Sắc Thiệt Thanh và Sắc Thân Thanh Triệt.

➤ 3 Cối Nhị, Tam Thiên Sắc Giới sanh đặng 93 thứ Tâm là: Ít hơn Cối Sơ Thiên 4 thứ Tâm. Nghĩa là bớt Tâm Đạo Sơ Thiên, Tâm Quả Sơ Thiên Sắc Giới và Tâm Tứ Quả Sơ Thiên. Hay là:

▪ Bớt Tâm Đạo Sơ Thiên, Tâm Quả Sơ Thiên Sắc Giới, Tâm Tứ Quả Sơ Thiên Thêm 2 Tâm Quả Nhị và Tam Thiên Sắc Giới, do đó nên ít hơn phần Cối Sơ Thiên Sắc Giới là 4 thứ Tâm.

➤ 3 Cối Tứ Thiên Sắc Giới sanh đặng 82 thứ Tâm là: Bớt 8 thứ Tâm Đạo Nhị, Tam Thiên, 2 Tâm Quả Nhị Tam Thiên Sắc Giới và 2 thứ Tâm Nhị Tam Quả La Hán. Thêm 1 Tâm Quả Tứ Thiên Sắc Giới, nên số thứ Tâm ít hơn 3 Cối Nhị Tam Thiên là 11.

- Ngũ Thiên Quảng Quả đặng 77 thứ Tâm là bớt Đạo Tứ Thiên, Quả và Tứ Thiên Tứ Quả mà thêm Tâm Quả Ngũ Thiên Sắc Giới, nên ít hơn Cõi Tứ Thiên 5 thứ Tâm.
- 5 Cõi Ngũ Tịnh Cư sanh đặng 55 thứ Tâm là: Tâm Tham B.T.Ư (4) + Tâm Si Diệu Cử (1) + Tâm Đồng Lực Dục Giới Tịnh Hào (16) + Tâm Đồng Lực Đáo Đại (18) + Tâm Quả Ngũ Thiên Sắc Giới (1) + Tâm Tam Quả và Đạo Quả La Hán Ngũ Thiên (2) + Tâm Vô Nhân (12) đã trừ Tỷ, Thiệt và Thân Thức.

**Lưu Ý:**

- Như phần trên đã trình bày do trong 15 Cõi Sắc Giới Hữu Tướng không có Sắc Tỷ, Thiệt và Thân Thanh Triệt nên 3 đôi thức Tỷ, Thiệt, Thân Thức không sanh.
- Do mãnh lực Thiền Nghiệp hay Tâm Thiền, Tâm Thiền Quả làm ý môn, như: Cửa nghiêm nhà yên tịnh thời kể thô tháo chẳng có dịp đến – Cho nên 2 thứ Tâm Sân không thể sanh cho Bạc người tái tục bằng quả Tâm Thiền.
- Còn Tâm hộ kiếp (*Bhavanga* – Hữu Phần) bằng Quả Thiền đối với Tâm khách quan hay Tâm lộ rất chặt chẽ, không chần chừ nên chẳng nhường Tâm Na Cảnh - cho nên Đại Quả chẳng sanh đặng. Riêng 4 thứ Tâm Quả Vô Sắc chỉ tái tục thành người Vô Sắc mà thôi.
- **Lý do** 3 Cõi Nhị Tam Thiên bớt số Tâm hay ít hơn Cõi Sơ Thiên 4 thứ Tâm là vì nếu người đắc Đạo tại Cõi Nhị Thiên là Bạc đã đặng Nhị Thiên, cho nên nếu đắc Đạo thì phải Đạo Nhị Thiên sắp lên. Tứ Quả Sơ Thiên chẳng phải đắc Cõi khác mà tái tục lại Cõi Nhị Thiên. Còn Tâm Quả Sơ Thiên không thể tái tục làm người Nhị Thiên được.

**Nói Về Cõi Không Vô Biên:**

Cõi Không Vô Biên Xứ chẳng có thân sắc cho nên những Tâm nương vật nhất định không sanh đặng ở Cõi Vô Sắc. Cõi này tính theo trên phương diện nhất định thì chỉ có 1 thứ Tâm là Tâm Quả Không Vô Biên. còn 42 thứ Tâm khác là: Tâm Tham (8) + Tâm Si (2) + Khai Ý Môn (1) + Đại Thiên (8) + Đại Tố (8) + Đồng Lực Vô Sắc (8) + Ngũ Thiên Siêu Thế (7) trừ Sơ Đạo. Sanh Cõi này (Không Vô Biên) và Cõi khác cũng đặng (Thức Vô Biên, Vô Sở Hữu, Phi Tướng Phi Phi Tướng).

**Nói về Cõi: Thức Vô Biên, Vô Sở Hữu, Phi Tướng Phi Phi Tướng:**

Các Cõi này Tâm sanh đặng tương tự Cõi Không Vô Biên, nhưng chỉ khác là đổi Tâm Tái Tục, như: Quả Thức Vô Biên, Quả Vô Sở Hữu, Quả Phi Tướng Phi Phi Tướng và đồng thời bớt Tâm Đồng Lực Thiên thấp hơn. Như: Cõi Thức Vô Biên bớt đôi đồng lực Không Vô Biên, Cõi Vô Sở Hữu bớt đôi đồng lực Thức Vô Biên và Cõi Phi Tướng Phi Phi Tướng bớt đôi đồng lực Vô Sở Hữu.

- \* Đạo - Quả không Thiên, tức là ám chỉ cho Bạc Tu Tiến Pháp Quán mà thành tựu Đạo Quả (Siêu Thế) chớ không có Thiên (không tu tiến Pháp Chỉ) trước đó. Nên gọi Bạc chứng đắc này là Thiên Khô, Tiến trình chỉ đắc ở Cõi Dục Giới Vui mà thôi.

## VI. KẾT LUẬN:

*Chúng ta đã tìm hiểu Người và Cõi qua 3 phần:*

- Người đặng mấy Cõi, Cõi đặng mấy Người và lúc nương sanh - nương ở sử dụng đặng mấy Tâm.
- Tâm sanh đặng mấy Người.
- Cõi đặng mấy Tâm, Tâm đặng mấy Cõi.

Bao gồm: Ý nghĩa, lý pháp, chi pháp và các phần cô đọng nhất là bản đồ sẽ giúp cho người học pháp tiện lợi nhận diện từng phần về Người và Cõi.

Trong đó:

### ❖ **NÓI VỀ NGƯỜI:**

➤ **Ý nghĩa – lý pháp** là trình bày nghĩa từ tất cả chúng sanh trong Tam giới, được phân ra có 12 hạng và nêu bày sự chế định thứ trạng, sắp xếp theo thứ tự: Người Khổ, Người Lạc, Người hữu nhân, Người Đạo và Người Quả. Bởi vì, những chúng sanh này vì trình độ hiểu biết và tư tưởng cùng căn cơ không đồng đều. Gọi người hay chúng sanh, hoặc loài hữu tình, loài có thức tánh bởi vì:

- **Người Khổ** những chúng sanh thiếu hạnh phúc hằng bị hứng chịu hình phạt khổ đau, như là:
  - Hằng bị mọi thống khổ bằng hình phạt, chẳng có sự vui, sự an. Đây là *người Địa Ngục (Niraya)*.
  - Chúng sanh hằng bị đói khát do quả nghiệp bòn xén, phi báng Tam Bảo, không tin pháp đúng và trúng ... Nên chẳng thọ hưởng được các thực phẩm Người Trời. Đây là *người Ngạ Quỷ (Peta)*.
  - Loại hạng chúng sanh đầu đuôi ngang nhau tức đi ngang, bò xuống, không đi thẳng như người nhân loại, cũng hằng chịu những nạn khổ như bị săn bắt, nuôi giết v.v... Đây là *người Bàn Sanh (Tiracchāna)*.
  - Còn dạng chúng sanh không có hoan lạc thường sử dụng Tâm Sân nên rất hung dữ, dữ tợn đây là hạng thọ nhận những quả khổ như ăn uống những vật nhơ nhớp v.v... Đây là *người Atula (Asura)*.

Bốn dạng người này thấp nhất và khổ nhất nương sanh, nương ở 4 cõi khổ thú, về tuổi thọ bất định thời gian. Trong đời sống bình nhật sử dụng 37 thứ Tâm.

- **Người Lạc** tức là những người đặng hạnh phúc hơn so với Người Khổ, bởi họ không đến nỗi chịu nhiều khổ đau như những người khổ. Tuy nhiên những dạng người lạc này có những tật như: Dui, điếc, thiếu tỷ thanh triệt, câm, ngu, điên, phi nam nữ, lưỡng tính, vô nam căn, sanh khẩu ngọt và phi hỷ lạc Atula từ khi tái tục.

Người Lạc còn gọi là người Lạc Vô Nhân, do lúc tái tục bằng Tâm Thâm Tấn Quả Thiện Vô Nhân. Người này cũng nương cõi nhân loại và trong đời sống bình nhật sử dụng 41 thứ Tâm.

Còn Người Lạc Vô Nhân theo dạng hóa sanh có 2 là: Chư Thiên tốt thấp cõi Tứ Thiên Vương tức Phi Hỷ Lạc Atula và người Lạc Cối Vô Tướng như đã giải phần định nghĩa.

- **Người Nhị Nhân** đây là những người khi tái tục bằng 4 thứ Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng không có Trí hợp tức là thiếu nhân vô si lúc tục sinh. Người này cũng nương cõi nhân loại và 6 cõi trời dục giới. Trong đời sống bình nhật sử dụng 41 thứ Tâm.
- **Người Tam Nhân** là Bạc tái tục bằng 1 trong 13 thứ Tâm (4 Đại Quả Tương Ứng và 9 Quả Đáo Đại), ở đây người Tam nhân phân ra ta thấy:
  - Tam Nhân Dục Giới tái tục bằng 4 Thứ Tâm Đại Quả tương ứng.
  - Tam Nhân Sắc Giới tái tục bằng 5 thứ Tâm Quả Sắc Giới.
  - Tam Nhân Vô Sắc Giới tái tục bằng 4 thứ Tâm Quả Vô Sắc Giới.
 Đây là dạng Người có Tâm lực, ý thức mạnh mẽ, sáng suốt có điều kiện, có dịp phát huy và triển khai tu tiến Thiên, Đạo Quả do tái tục với đầy đủ Trí Tuệ. Trong đời sống bình nhật tính chung người Tam Nhân nương 3 cõi (Dục Giới Vui, Sắc Giới Hữu Tướng, Vô Sắc Giới) sử dụng 63 thứ Tâm. Tính riêng Tam Nhân Dục giới xài đặng 45 thứ Tâm, Tam Nhân Sắc giới xài đặng 39 thứ Tâm và Tam Nhân Vô Sắc Giới sử dụng 24 Thứ Tâm. Nương đặng 21 Cõi Phàm Vui Hữu Tâm.

**Lưu ý:**

Người Lạc, người Nhị Nhân, người Tam Nhân tuổi thọ bất định thời gian, có khi 10 tuổi ... có khi vô số tuổi.

- **Người Đạo** là Tâm Đạo đang sanh còn. Bạc nào thì kể theo Bạc nấy trong 4 Đạo, tức là đang khi Đắc - Đạo Sơ, Nhị, Tam, Tứ. Tâm Đạo chỉ phát sanh một lần, mỗi bậc, khác với Tâm Quả Siêu Thế tái diễn rất nhiều. Người Đạo nương ở:
  - 17 Cõi phàm vui ngũ uẩn cho bậc Sơ Đạo.
  - 21 Cõi phàm vui hữu tâm cho bậc Nhị Đạo và Tam Đạo.
  - 26 Cõi vui hữu tâm cho bậc Tứ Đạo.
- **Người Sơ Quả** là được tính từ khi Tâm Sơ Quả siêu thế phát sanh lần thứ nhất cho đến sát na diệt của Tâm dữ tịnh của lộ đắc nhị Đạo. Bạc này nương 21 cõi phàm vui hữu tâm. Trong đời sống bình nhật tính chung sử dụng 51 thứ Tâm.
- **Người Nhị Quả** là bậc từ khi tâm Nhị quả phát sanh lần thứ nhất cho đến sát na diệt của Tâm dữ tịnh trong lộ Đắc tam Đạo. Và nương 21 cõi phàm vui hữu tâm. Sử dụng thứ Tâm như người Sơ Quả (chỉ khác Tâm tái tục và Tâm chứng Đắc).
- **Người Tam Quả** là bậc được tính từ khi Tâm Tam Quả phát sanh lần thứ nhất cho đến sát na diệt của Tâm dữ tịnh sanh trong lộ Đắc Tứ Đạo. Nương đặng 26 Cõi vui hữu Tâm. Sử dụng đặng 49 thứ Tâm tính chung.
- **Người Tứ Quả** là từ khi Tâm Tứ Quả phát sanh lần thứ nhất cho đến sát na diệt của Tâm Tử Níp Bàn. Bạc này còn đợc gọi là Bạc Vô Sanh. Bởi vì sau

cái sát na diệt của Tâm tử, Bạc ấy sẽ Níp Bàn luôn và không còn sanh lại nữa. Nương đặng 26 Cõi vui hữu Tâm và lúc bình nhật tính chung sử dụng 45 thứ Tâm.

### ❖ **NÓI VỀ CÔI:**

**Cõi** Là thuộc về chỗ, nơi hay phương diện nương sanh, nương ở, nương sống, nương còn. Nghĩa là chỗ nơi, nương hay là chỗ nương – nơi đó đặng sanh ra và nương ở v.v... Chỗ ấy gọi là Cõi (*Bhavanti sattā etthāti bhūmi*).

Như phần trên đã giải Cõi phân theo 3, 4, 9 và 31. Nhưng có thể tóm lược Cõi như sau:

- |  |       |
|--|-------|
| 1. Cõi Khổ thú ( <i>Apāyabhūmi</i> ), hoặc gọi là Cõi Khổ, Cõi Phi Lạc | có 04 |
| 2. Cõi Dục Lạc ( <i>Kāmasugatibhūmi</i> ), hoặc gọi Cõi Vui Dục        | có 07 |
| 3. Cõi Sắc Giới ( <i>Rūpāvacarabhūmi</i> ), Cõi Phạm Thiên Sắc         | có 16 |
| 4. Cõi Vô Sắc Giới ( <i>Arūpāvacarabhūmi</i> ), Cõi Phạm Thiên Vô Sắc  | có 04 |

Cộng lại: 31 Cõi

### **31 Cõi được kể thứ tự như sau:**

1. Cõi Địa Ngục hay Âm Ngục là chốn không có sự an vui. Chỉ có một người Khổ nương là người Địa Ngục.
2. Cõi Ngạ Quỷ là phần âm rất đói khát. Chỉ có một người Khổ nương là người Ngạ Quỷ.
3. Cõi Bàn sanh là nơi nương của các loài rất đa số đi lưng, nằm ngang, như là: Phi cầm, tẩu thú, thủy ngư v.v...Chỉ có một người Khổ nương là người Bàn sanh.
4. Cõi Atula tức Địa Ngục, Ngạ Quỷ và Chư Thiên hung dữ. Chỉ có một người Khổ nương là người Atula.  
✓ *Bốn Cõi vừa kể trên sanh đặng 37 thứ Tâm.*
5. Cõi Nhân loại tức Người sanh ở Tứ Đại Châu: Nam Thiên Bộ Châu, Bắc Câu Lưu Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Đông Thắng Thần Châu.
6. Cõi Tứ Thiên Vương tức Chư Thiên cõi thấp trong lục dục Thiên (có 4 vị Thiên Vương rất lớn cai quản).
7. Cõi Đạo Lợi Thiên tức nơi có 33 vị vua trời cai quản nhất là Đức Đế Thích chủ trị, cũng gọi là cõi *Ngọc Hoàng Đế Thích (Sakka)*.
8. Cõi Da Ma tức nơi có sự vui sướng xa lìa khó khăn.
9. Cõi Đâu Xuất Thiên tức nơi đặng đều hưởng vui mừng tự tài sản diễm lành.
10. Cõi Hóa lạc tức Cõi khi hưởng ngũ dục do tự hóa ra.
11. Cõi Tha Hóa Tự Tại nơi đây khác hơn cõi Hóa Lạc là khi hưởng ngũ dục có phần khác hóa ra, hưởng thông thả (không cần tự mình hóa ra).  
✓ *Từ số 6 đến số 11 là Lục Dục Thiên. Bảy Cõi vừa kể trên từ Cõi Nhân loại đến Cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên sanh đặng 112 thứ Tâm đã trừ 9 thứ Tâm Quả Đáo Đại và có 7 người nương. Trong đó, nương sanh - nương ở là 3 Phạm vui, 3 Thánh Hữu Học. Còn nương ở là Thánh Vô Học.*
12. Cõi Phạm Chúng tức Bạc thường dân ở Cõi Sơ Thiên. Nghĩa là Cõi Sơ Thiên Bạc hạ.
13. Cõi Phạm Phụ tức Bạc quan phò Đại Phạm. Nghĩa là Cõi Sơ Thiên Bạc trung.

14. Cõi Đại Phạm Thiên tức bậc vua Cõi Sơ Thiên. Nghĩa là Cõi Sơ Thiên Bậc thượng.
  - ✓ *3 Cõi này gom lại gọi chung là Cõi Sơ Thiên, thuộc Tầng Sơ Thiên sanh đặng 97 thứ Tâm và có 5 người nương sanh, nương ở cho Bậc đấng Sơ Thiên ở Cõi khác sanh về đây. Nương sanh là Phạm Tam Nhân, 3 Thánh Hữu Học. Nương ở là Thánh Vô Học.*
15. Cõi Thiếu Quang Thiên tức nơi nương sống của Phạm Thiên bậc có hào quang ít. Nghĩa là Cõi Nhị, Tam Thiên Bậc Hạ.
16. Cõi Vô Lượng Quang Thiên tức nơi nương sống của Phạm Thiên bậc có hào quang không lường. Nghĩa là Cõi Nhị, Tam Thiên Bậc Trung.
17. Cõi Biến Tịnh Thiên tức nơi nương sống của Phạm Thiên bậc có hào quang khắp hết châu thân. Nghĩa là Cõi Nhị, Tam Thiên Bậc Thượng
  - ✓ *3 Cõi này gom lại gọi chung là Cõi Nhị Tam Thiên, thuộc tầng Nhị Thiên, sanh đặng 93 thứ Tâm và có 5 người nương sanh, nương ở cho Bậc đấng Nhị, Tam Thiên ở Cõi khác sanh về đây. Nương sanh là Phạm Tam Nhân, 3 Thánh Hữu Học. Nương ở là Thánh Vô Học.*
18. Cõi Thiếu Tịnh Thiên tức nơi nương của Bậc Phạm Thiên có hào quang sáng trong mà ít. Nghĩa là Cõi Tứ Thiên bậc hạ.
19. Cõi Vô Lượng Tịnh Thiên tức Cõi Phạm Thiên Bậc hào quang sáng trong không lường, hay là Vị Phạm Thiên nào nương ở Cõi này, mà có hào quang rất nhiều đến không đo lường được. Nghĩa là Cõi Tứ Thiên bậc trung.
20. Cõi Biến Tịnh Thiên tức Bậc Phạm Thiên nương Cõi này hào quang sáng trong khắp cả châu thân, tức Cõi Phạm Thiên có hào quang trong ngần tốt đẹp tủa ra khắp cả thân thể. Nghĩa là Cõi Tứ Thiên bậc thượng.
  - ✓ *3 Cõi này gom lại gọi chung là Cõi Tứ Thiên, thuộc tầng Tam Thiên, sanh đặng 82 thứ Tâm và có 5 người nương sanh, nương ở cho Bậc đấng Tứ Thiên ở Cõi khác sanh về đây. Nương sanh là Phạm Tam Nhân, 3 Thánh Hữu Học. Nương ở là Thánh Vô Học.*
21. Cõi Quảng Quả Thiên tức nơi nương của Bậc Phạm Thiên có quả phúc rộng lớn, rất lớn. Nghĩa là Bậc Phạm Thiên Cõi Ngũ Thiên, mà thuộc tầng Tứ Thiên.
  - ✓ *3 Cõi này là Cõi Ngũ Thiên, sanh đặng 77 thứ Tâm và có 5 người nương sanh, nương ở cho Bậc đấng Ngũ Thiên ở Cõi khác sanh về đây. Nương sanh là Phạm Tam Nhân, 3 Thánh Hữu Học. Nương ở là Thánh Vô Học.*
22. Cõi Vô Tướng Thiên là nơi mà Bậc Phạm Thiên nương không có Tâm. Hay là, Bậc Phạm Thiên chỉ có Sắc Uẩn mà Tâm không sanh suốt thời gian thọ mạng (500 đại kiếp). Như đã trình bày phần trước thì Bậc Vô Tướng thuộc hạng người Lạc Vô Nhân (*Suttapitaka*). Cõi Vô Tướng Thiên cũng thuộc Cõi Ngũ Thiên – Tầng Tứ Thiên.
23. Cõi Vô Phiền Thiên là nơi nương của Thánh Tam Quả đã đắc Ngũ Thiên Sắc Giới, mà có **Tín Quyền mạnh** nương sanh, nương ở. Cõi này không suy sụp tài sản.
24. Cõi Vô Nhiệt Thiên là nơi nương của Thánh Tam Quả đã đắc Ngũ Thiên Sắc Giới, mà có **Tấn Quyền mạnh** nương sanh, nương ở. Cõi này không có sự nóng nảy của Tâm.
25. Cõi Thiện Kiến Thiên là nơi nương của Thánh Tam Quả đã đắc Ngũ Thiên Sắc Giới, mà có **Niệm Quyền mạnh** nương sanh, nương ở. Cõi này mà vị khác gặp Vị Phạm Thiên Thánh Tam Quả đó thì thấy có sự an vui.

26. Cõi Thiện Hiện Thiên là nơi nương của Thánh Tam Quả đã đắc Ngũ Thiên Sắc Giới, mà có **Định Quyền mạnh** nương sanh, nương ở. Cõi này là thấy vạn vật bằng cách rõ ràng, rất dễ dàng.
27. Cõi Sắc Cứu Cảnh Thiên là nơi nương của Thánh Tam Quả đã đắc Ngũ Thiên Sắc Giới, mà có **Trí Quyền mạnh** nương sanh, nương ở. Cõi này là có tài sản an vui chẳng phải nhỏ. Hay là các vị Phạm Thiên nương nơi này có tài sản an vui và đồng thời những phần nhỏ nhol không phát sanh đến vị Phạm Thiên ấy.
- ✓ *Cõi Ngũ Tịnh Cư hay Tịnh Cư Thiên hoặc Thánh Cư (5 Cõi: Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiên Kiến, Thiên Hiện, Sắc Cứu Cảnh) là nơi nương của 2 người – Bạc Tam Quả và Tứ Quả. Bạc Tam Quả nương sanh nương ở, Còn Bạc Tứ Quả chỉ nương ở không nương sanh.*
  - ✓ *Từ số 22 đến số 27 gom chung gọi là Thánh Cư Thiên, hay là Cõi Ngũ Tịnh Cư. Cũng là Bạc Phạm Thiên đắc Ngũ Thiên nhưng thuộc về Thánh. Tức nơi nương của Phạm Thiên đắc Ngũ Thiên và đồng thời là Thánh Tam Quả (hoặc đắc Tứ Đạo Quả tại đây). Sanh đặng 55 thứ Tâm.*
  - ✓ *Từ số 12 đến số 27 là 16 Cõi Sắc Giới, nghĩa là tứ Cõi Phạm Chúng Thiên cho đến Cõi Sắc Cứu Cảnh Thiên gọi là Cõi Phạm Thiên Sắc, sở dĩ được gọi như vậy là vì các Cõi này là nơi sanh Sắc vật chất và Sắc phiến não (Rūpassa Bhavoti: Rūpaṃ). Do người ở Cõi Sắc Giới này (Hữu Tướng) vẫn còn tái tục bằng những thứ Tâm Quả Sắc (Giới).*
- Cõi Sơ Thiên kể theo tầng Sơ Thiên.  
Cõi Nhị Thiên và Tam Thiên kể là tầng Nhị Thiên.  
Cõi Tứ Thiên kể là Tầng Tam Thiên .  
Cõi Ngũ Thiên kể là tầng Tứ Thiên
28. Cõi Không Vô Biên Xứ Thiên là Cõi quán Cảnh hư không, không cùng tột, mượn Cảnh mà đặt tên. Hoặc là Cõi làm vị trí cho Tâm Thiên Không Vô Biên phát sanh.
- ✓ *Cõi này là nơi nương của Phạm Tam Nhân, 3 Thánh Đạo (trừ sơ Đạo) và 4 Thánh Quả, riêng Bạc Tứ Quả chỉ nương ở chỗ không nương sanh. Vì sau khi tử ở Cõi Vui khác, vị ấy Níp Bàn không sanh trở lại nữa (Vô sanh). Còn khi nương ở ta lấy mốc thời gian là Tam Quả nương sanh, nương ở rồi từ nơi đây mà đắc chứng Tứ Quả, nên gọi là nương ở mà thôi. Cõi này sanh đặng 43 thứ Tâm.*
29. Cõi Thức Vô Biên Xứ Thiên là Cõi quán Tâm Không vô biên, cho rằng không cùng không tột. Hay là Cõi làm Cảnh cho Thiên Thức Vô Biên phát sanh.
- ✓ *Cõi này là nơi nương của Phạm Tam Nhân, 3 Thánh Đạo (trừ sơ Đạo) và 4 Thánh Quả, riêng Bạc Tứ Quả chỉ nương ở chỗ không nương sanh ... . Cõi này sanh đặng 41 thứ Tâm.*
30. Cõi Vô Sở Hữu Xứ Thiên là Người Cõi này nhận thấy cái quán tưởng của Thức Vô biên cho rằng không có chi cả, tất cả đều không. Hay là Cõi làm Cảnh cho Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ phát sanh.
- ✓ *Cõi này là nơi nương của Phạm Tam Nhân, 3 Thánh Đạo (trừ sơ Đạo) và 4 Thánh Quả, riêng Bạc Tứ Quả chỉ nương ở chỗ không nương sanh ... . Cõi này sanh đặng 39 thứ Tâm.*
31. Cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên là:
- Phủ nhận cái không đã nói - cũng là không.

- Chẳng phải có Tướng, Chẳng phải cái - chẳng phải có cái Tướng đó nữa.
- Cũng như không có – không không.
- ✓ *Cõi này là nơi nương của Phạm Tam Nhân, 3 Thánh Đạo (trừ sơ Đạo) và 4 Thánh Quả, riêng Bạc Tứ Quả chỉ nương ở chỗ không nương sanh ... . Cõi này sanh đặng 37 thứ Tâm.*
- ✓ *4 Cõi vừa kể trên gom lại là Cõi Vô Sắc Giới Thiên. Nghĩa là Cõi nào làm phát sanh Thức Vô Sắc và Phiền não Vô Sắc, nơi đó – Cõi ấy gọi là Cõi Vô Sắc (Arūpassa Bhavoti: Rūpaṃ).*

### **Nhận Định Và Tìm Hiểu Thêm - Nghĩa Lý Về Người Và Cõi:**

Do Nghiệp Thiện hay Bất Thiện từ đời quá khứ cho nên trong kiếp hiện tại chúng sanh tái sanh trở lại tùy theo nghiệp Thiện hay Bất Thiện của mình đã tạo ra trong tiền kiếp, như là:

- Do tạo ngũ nghịch tội, nên tái sanh vào Địa Ngục, gọi là Người Khổ Vô Nhân.
- Do hành động Bất Thiện bằng Tâm Tham quá mạnh nên tái sanh vào cảnh Ngạ Quỷ cũng gọi là Người khổ Vô Nhân.
- Do hành động Bất Thiện bằng Tâm Sân nên tái sanh vào Địa Ngục, đó là người khổ Vô Nhân.
- Hay do hành động bằng Tâm Si Hoài Nghi, không tin Tam Bảo, hiện tại, quá khứ hay vị lai nên kiếp này tái sanh làm súc sinh, đó cũng gọi là người khổ.

Nói tóm lại Địa Ngục, Ngạ quỷ, Súc Sanh, Atula gom lại gọi là Cõi Khổ Thú. Những người nương sanh nương ở tại cõi này gọi là Người Khổ.

Tại sao gọi là Người Khổ Vô Nhân là vì những hạng chúng sanh này sanh ra bằng Tâm Vô Nhân, ám chỉ sanh bằng tâm tục sinh khổ cảnh tức là Tâm Thảm Tấn Thọ Xả, tức là Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân.

#### **• Người Lạc Vô Nhân:**

- Người Lạc Vô Nhân là nhân loại mà khi tái tục vào thai mẹ có 1 trong 11 tật như là: Đui, điếc, câm, ngọng, khờ dại, điên, thiếu nam căn hoặc nữ căn hoặc có cả 2 căn.

Và, cũng có một số ít Chư Thiên ở tầng thấp nhất trong Cõi Tứ Thiên Vương khi hóa sanh có 1 trong 11 tật khổ trên, nhưng đây là kể những vị có tật mà thôi, chứ phần đông chư thiên ở Cõi Tứ Thiên Vương từ nhị nhân trở lên đến Tam quả.

Những hạng chúng sanh khi tái tục mà có những tật nói trên, mới gọi là vô nhân. Trái lại có những hạng chúng sanh nhị hoặc tam nhân lại bị một trong những tật kể trên, như là vị Đại Đức hộ mù mà quý vị đã có dịp đọc, thì là do nghiệp báo của vị đó đã tạo ra nhân này nên nay mặc dầu Đắc Quả mà vẫn phải thọ lãnh, thì đó không phải là Người vô Nhân mà là người Tam Nhân, nghĩa là khi sanh ra khỏi lòng mẹ đến khi lớn mới bị 1 trong 11 tật kia thì không phải là Vô Nhân, mà là Nhị Nhân hoặc Tam Nhân.

Người Lạc Vô Nhân tức là những chúng sanh khi tái tục bằng Tâm Thảm Tấn Quả Thiện Vô Nhân.

Bậc trời Vô Tướng cũng gọi là người Lạc Vô Nhân, nhưng Bậc trời Vô Tướng lại hóa sanh bằng sắc pháp, chứ không phải bằng Tâm Pháp.

Tại sao có những chúng sanh khi tái tục lại kiếp người lại sanh thành người Lạc Vô Nhân. Vì do nghiệp bất thiện từ đời quá khứ khi tạo ra có liên quan đến 1 trong

11 tật kể trên, nhưng cũng trong kiếp quá khứ do nhờ tạo được việc Thiện nhưng quá mỏng manh nghĩa là tạo việc Thiện bậc thấp là do dùng 1 trong 4 Tâm đại Quả Bất Tương ứng để tạo nghiệp Thiện, và khi hành động chỉ có hành động trong khi hiện tại tức là tư hiện nhưng lại thiếu tư tiền, tư hậu và thiếu luôn trí tuệ.

- **Người Nhị Nhân**

Là những hạng người khi tái tục bằng Tâm có hai nhân Vô Tham và Vô Sân tức là 1 trong 4 Tâm Đại Quả Bất tương ứng.

Do hành động từ đời quá khứ bằng Tâm Thiện nhưng lại có khi dùng trí tuệ để làm việc Thiện mà lại thiếu tư tiền và tư hậu. Hoặc khi làm việc thiện lại đủ cả tam tư là tư tiền, tư hiện và tư hậu nhưng lại thiếu trí tuệ. Vì Trí Tuệ là phần căn bản nên khi hành động mặc dầu có đủ tư mà thiếu trí nên chỉ cho quả bậc trung để khi tái tục lại kiếp người bằng Tâm Nhị Nhân.

Còn mặc dầu khi làm việc thiện có dùng trí nhưng lại thiếu tư cho nên cũng thanh kém, nên cũng thành nhị nhân.

- **Người Tam Nhân**

Tức là hạng chúng sanh khi tục sinh bằng Tâm Tam Nhân,

Do hành động thiện trong kiếp quá khứ, và trong lúc hành động đó lại dùng trí tuệ để suy tư nên tạo thành nghiệp thiện thù thắng cao nhất nên gọi là nghiệp thiện bậc thượng, để rồi khi trở lại kiếp người bằng Tâm Tam Nhân, tức là tục sinh bằng 1 trong 4 Tâm Đại Quả có trí tuệ.

Nhưng nếu kể rộng thì những Bậc trời Sắc giới và vô Sắc giới cũng là Tam Nhân.

- **Người Sơ Đạo**

Tức là người Đắc Đạo lần ban đầu, hay là nói Người Sơ Đạo thì chỉ được kể 3 sát na tiểu của Tâm Đạo mà thôi, tức chỉ kể sau khi Tâm Đạo phát sanh và hiện còn.

- **Người Sơ Quả**

Là người Đắc Quả đầu tiên.

Khi hành Tuệ Quán nếu vượt qua khỏi *Gotrabhūnāṇa* – gọi là Tuệ Chuyển Tộc (Biển Cấp Tuệ, cũng gọi là Tuệ Bỏ Bực) sau khi đến Tuệ này thì cảnh Níp Bàn hiện khởi, kể đến sát na Tâm đạo phát sanh rồi diệt và đồng thời Cảnh Níp Bàn cũng vừa dứt, thì lập tức Quả Tuệ (*Phalaṇāṇa*) phát sanh liên tiếp hai cái, hoặc 3 cái tức trong 6 hoặc 9 sát na tiểu rồi diệt (đây nói người Tuệ mạnh - Tuệ yếu, hay bậc lợi căn hoặc độn căn). Khi đó mới gọi là người Sơ Quả chính thức.

- **Người Nhị Đạo - Người Nhị Quả**

Tức là người Đắc Đạo siêu thế lần thứ 2. Nghĩa là Danh Sắc tiếp liền kề hay thành tựu liền sát na Đạo – Quả, đây là cách chỉ gọi là Người Nhị Quả. Tức người Đắc Quả siêu thế lần thứ 2.

Hay nói cách khác, sau khi thành vị thánh Sơ Quả, do nhận xét vô thường, khổ não và vô ngã vị đó tu tiến, tiến hành Tuệ Quán để vượt lên bậc cao hơn, khi qua khỏi Tuệ Chuyển Tộc cũng gọi là Tuệ Bỏ Bực (*Gotrabhūnāṇa*) thì Tuệ Nhị Đạo phát sanh liên tiếp 3 sát na tiểu rồi diệt, ngay trong lúc đó được gọi là Người Nhị Đạo.

Sau khi Tuệ Đạo vừa diệt (1 sát na đại) thì Tuệ Quả hiện khởi liên tiếp hai cái, hoặc 3 cái tức trong 6 hoặc 9 sát na tiểu rồi diệt (đây nói người Tuệ mạnh - Tuệ yếu, hay bậc lợi căn hoặc độn căn). Khi đó mới gọi là người Nhị Quả chính thức.

- **Người Tam Đạo - Người Tam Quả**

Được gọi là người Tam Đạo nghĩa là chỉ kể có 3 sát na tiểu khi Tâm Đạo phát sanh mà thôi. Nên nhận định về bậc thánh thứ 3 này là xuất phát từ bậc Thánh Nhị Quả, tức là sau khi nhận xét mọi sự vật đều là vô thường, vì sanh ra rồi diệt, diệt rồi sanh, mà nơi nào có sanh có diệt thì ngay nơi đó có khổ não. Cái gì sanh ra rồi diệt mà không tồn tại vững bền thì cái đó là vô ngã, cái đó chẳng phải trường tồn vĩnh cửu. Do nhận xét như thế vị thánh Nhị Quả tiếp tục tu tiến hành Tuệ Quán, để tiến lên bậc thánh Tam Quả.

Trong lúc tiến hành như thế, ngay giai đoạn đó sự chứng Đắc này diễn tiến theo quá trình là: Sau khi Tuệ Đạo vừa diệt (1 sát na đại) thì Tuệ Quả hiện khởi liên tiếp hai cái, hoặc 3 cái tức trong 6 hoặc 9 sát na tiểu rồi diệt (đây nói người Tuệ mạnh - Tuệ yếu, hay bậc lợi căn hoặc độn căn). Khi đó mới gọi là người Tam Quả chính thức.

- **Người Tứ Đạo – Người Tứ Quả**

Tức là Bậc Đắc Đạo lần thứ 4 và cũng là Người thành tựu Quả Siêu Thế cuối cùng tức Tứ Quả.

Hay nói cách khác, vị thánh Tam quả tiếp tục cuộc hành trình bằng cách tu tiến hành rất ráo Tuệ Quán rồi đặng tiến đến quả cao tột là quả thứ tư (Alahan Quả). Như Phật Ngài dạy (trong Bộ Phân Tích):

Phíc – Khú trong Phật Giáo tu tiến Đạo Quả tột tức theo Thiên Siêu Thế là nơi dẫn xuất ra khỏi khổ, đưa đến rất ráo đặng trừ các phiền não còn dư sót hầu chứng đắc Bậc Vô Sanh, vượt thoát tinh ly chư dục hoàn toàn, Bậc đạt nghĩa thanh tịnh đúng lý. Đã trải qua giai đoạn tu tiến tiến hành Sơ, Nhị, Tam, Tứ, Ngũ Thiên. Có Tâm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định. Có Tứ, Hỷ, Lạc, Định. Có Hỷ, Lạc, Định. Có Lạc, Định và Định, Xả sanh từ tịch tịnh mà hành nan đặc trì ... Hành dị đặc cấp. Chư pháp hiện khởi trên có trong khi nào, thì năm chi đạo là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định vẫn có trong khi ấy. Đây gọi là tiến hành diệt khổ.

Những pháp tương ứng ngoài ra với tiến hành diệt khổ.

Trên đây chỉ bày quá trình tu tập đạt đến quả cao tột, hay đưa đến thành tựu quả vị vô sanh, hoặc đắc ứng cúng quả. Mà trong lúc đó, sự tiến hành như thế, nghĩa là ngay giai đoạn chứng Đắc này được diễn tiến theo quá trình là: Sau khi Tuệ Tứ Đạo sanh rồi diệt (1 sát na đại) thì Tuệ Tứ Quả hiện khởi liên tiếp hai cái, hoặc 3 cái tức trong 6 hoặc 9 sát na tiểu rồi diệt (đây nói người Tuệ mạnh - Tuệ yếu, hay bậc lợi căn hoặc độn căn). Khi đó mới gọi là người Tứ Quả chính thức.

Trên đây là kể hẹp chỉ có 12 hạng người. Nhưng nếu kể rộng thì 12 hạng người ở Tam Giới tức là tính theo các tầng thiên, tất cả là 214 người (đã trình bày giảng trong phần phân giải).

Soạn xong ngày 15 / 3 / 2010

Thượng tuần tháng 2 năm Canh dần – Phật lịch 2553

## MỤC LỤC

Bài 16	<b>THỌ NHIỄP</b> ( <i>VEDANĀSAṄGAHA</i> )	TRANG 011
Bài 17	<b>SỰ NHIỄP</b> ( <i>KICCASAṄGAHA</i> )	027
Bài 18	<b>MÔN NHIỄP</b> ( <i>DVĀRASAṄGAHA</i> )	081
Bài 19	<b>VẬT NHIỄP</b> ( <i>VATTHUSAṄGAHA</i> )	099
Bài 20	<b>NHÂN – SỞ HỮU NHIỄP</b> ( <i>HETUCETASIKĀSAṄGAHA</i> )	111
Bài 21	<b>CẢNH NHIỄP</b> ( <i>ĀRAMMANASAṄGAHA</i> )	129
Bài 22	<b>NGƯỜI VÀ CỠI</b> ( <i>PUGGALA BHEDA BHŪMI</i> )	195

DANH SÁCH ẨM TỔNG

Chúng tôi xin thành Tâm Tri Ân Quý Thí Chủ (Có nêu tên dưới đây) đã đóng góp Công Sức, Tịnh Tài để Soạn Phẩm này được phổ biến đến Chư Vị thật học.

Đại Đức Thiện Minh  
 Đại Đức Phước Định  
 Đại Đức Bửu Ân  
 Sư Thiện Hạnh  
 Sư Thiện Hiến  
 Sư Thiện Siêu  
 Sư Thiện Ngọc  
 Sư Thiện Phước  
 Thiện Siêu  
 P.T Chùa Bửu Quang – Q. Thủ Đức - TPHCM  
 P.T Chùa Bửu Long – Q. 9 - TPHCM  
 Chú Tịnh Minh  
 Chú Thanh & GD  
 Nguyễn Huy Linh  
 Nguyễn Hoàng Phúc  
 Nguyễn Như Đạt  
 Nguyễn Phú Cường  
 Nguyễn Đoàn Minh Khương  
 Anh Sáu Liêm (Trần Thanh Liêm)  
 Thiện Siêu  
 Bùi Chí Thành  
 Cao Thùy Dương

Phật Tử Huỳnh Thị Cúc  
 Phật Tử Đoàn Thị Lê  
 Phật Tử Thích Nghe Pháp  
 Tu Nữ Quang Giới  
 Dương Thị Thanh (Hải Đăng)  
 Bạch Huệ (Huệ Trắng)  
 Diệu Thanh (Cô Thu)  
 Cô Viên Dung  
 Tu Nữ Quang Khanh  
 Tu Nữ Quang Mai  
 Tu Nữ Tịnh An - *Khema*  
 Tu Nữ Phước Vân  
 Tu Nữ Phước Thanh  
 Tu Nữ Quang Thiện  
 Như Ngọc (Cô Sương)  
 Như Tịnh (Cô Liên)  
 Diệu Pháp (Lê Thu Vân)  
 Cô Sương, Diễm Trang, Minh Nhật  
 Cô Liên  
 Cô Hoa  
 Cô Hương  
 Cô Tiến Hạnh  
 Trần Thị Hương  
 Quang Kiều  
 Nguyễn Thị Kim Loan  
 Hà Kim Ngọc (Quang Ngọc)  
 Huệ Phương và GD ông Nguyễn Việt Hùng  
 Trịnh Thị Hải (Trịnh Châu)  
 Nguyễn Đoàn Phước Minh  
 Tu Nữ Tâm Minh

# TỰ HỌC VI DIỆU PHÁP – TẬP 3

Đại Đức THIÊN MINH  
Cư Sĩ NGUYỄN ĐỨC TÀI  
Biên soạn

## NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi – Hoàn Kiếm – Hà Nội  
ĐT: 04-37822845 – Fax (04).37822841

Chịu trách nhiệm xuất bản: Nguyễn Công Oánh

Biên Tập: Nguyễn Tường Long.  
Sửa bản in: Cư Sĩ Nguyễn Đức Tài  
Trình bày: T.K Tăng Định, T.K Siêu Minh.  
Bìa và vi tính: Nhóm Học Viên Siêu Lý - Tổ Đình Bửu Quang.

ĐỐI TÁC LIÊN KẾT:

**THƯ VIỆN PHẬT GIÁO NGUYỄN THỦY**  
171 / 8 Quốc Lộ 1A – P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức - TP. HCM  
Phone: 7290248  
[www.phatgiaonguyenthuy.com](http://www.phatgiaonguyenthuy.com)

---

In lần thứ I, số lượng in: 1.000 cuốn, khổ 20 x 29 cm. Tại xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng  
Địa chỉ: 100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP.HCM. Điện thoại: 38555812  
Số xuất bản: 795-2010/CXB/05-128/TG  
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2010

# BẢNG NÊU CHI PHÁP

Nguyên tác: Đại Trưởng Lão Tịnh Sự - Mahā Thero Santakicco

## TÂM (121) - CITTA

CÂU HÀNH HỮY      CÂU HÀNH XÃ

TÂM THAM (8)	T. Ư TA VÔ ĐẢN	T. Ư TA HỮU ĐẢN	B. TƯ TA VÔ ĐẢN	B. TƯ TA HỮU ĐẢN	T. Ư TA VÔ ĐẢN	T. Ư TA HỮU ĐẢN	B. TƯ TA VÔ ĐẢN	B. TƯ TA HỮU ĐẢN
	T. Ư KHUẾ VÔ ĐẢN	T. Ư KHUẾ HỮU ĐẢN						
TÂM SÂN CÂU HÀNH ƯU (2)								
TÂM SI CÂU HÀNH XÃ (2)								
TÂM QUẢ BẤT THIÊN VÔ NHÂN (7)	NHÂN THỨC	NHĨ THỨC	TỠ THỨC	THIỆT THỨC	THÂN THỨC KHỔ	TIẾP THẦU	THẨM TÁN	
TÂM QUẢ THIÊN VÔ NHÂN (8)	NHÂN THỨC	NHĨ THỨC	TỠ THỨC	THIỆT THỨC	THÂN THỨC LẠC	TIẾP THẦU	THẨM TÁN XÃ	THẨM TÁN HỮY
TÂM TÔ VÔ NHÂN (3)								
TÂM ĐẠI THIÊN (8)	T. Ư TRÍ VÔ ĐẢN	T. Ư TRÍ HỮU ĐẢN	B. TƯ TRÍ VÔ ĐẢN	B. TƯ TRÍ HỮU ĐẢN	T. Ư TRÍ VÔ ĐẢN	T. Ư TRÍ HỮU ĐẢN	B. TƯ TRÍ VÔ ĐẢN	B. TƯ TRÍ HỮU ĐẢN
TÂM ĐẠI QUẢ (8)	T. Ư TRÍ VÔ ĐẢN	T. Ư TRÍ HỮU ĐẢN	B. TƯ TRÍ VÔ ĐẢN	B. TƯ TRÍ HỮU ĐẢN	T. Ư TRÍ VÔ ĐẢN	T. Ư TRÍ HỮU ĐẢN	B. TƯ TRÍ VÔ ĐẢN	B. TƯ TRÍ HỮU ĐẢN
TÂM ĐẠI TÔ (8)	T. Ư TRÍ VÔ ĐẢN	T. Ư TRÍ HỮU ĐẢN	B. TƯ TRÍ VÔ ĐẢN	B. TƯ TRÍ HỮU ĐẢN	T. Ư TRÍ VÔ ĐẢN	T. Ư TRÍ HỮU ĐẢN	B. TƯ TRÍ VÔ ĐẢN	B. TƯ TRÍ HỮU ĐẢN
TÂM THIÊN SẮC GIỚI (5)	SƠ THIÊN	NHỊ THIÊN	TAM THIÊN	TỨ THIÊN	NGŨ THIÊN	THÔNG THIÊN		
TÂM QUẢ SẮC GIỚI (5)	SƠ THIÊN	NHỊ THIÊN	TAM THIÊN	TỨ THIÊN	NGŨ THIÊN			
TÂM TÔ SẮC GIỚI (5)	SƠ THIÊN	NHỊ THIÊN	TAM THIÊN	TỨ THIÊN	NGŨ THIÊN	THÔNG TÔ		
TÂM THIÊN VÔ SẮC GIỚI (4)					KHÔNG VÔ BIẾN XỨ	THỨC VÔ BIẾN XỨ	VÔ SỞ HỮU XỨ	P.T.P.P TƯƠNG XỨ
TÂM QUẢ VÔ SẮC GIỚI (4)					KHÔNG VÔ BIẾN XỨ	THỨC VÔ BIẾN XỨ	VÔ SỞ HỮU XỨ	P.T.P.P TƯƠNG XỨ
TÂM TÔ VÔ SẮC GIỚI (4)					KHÔNG VÔ BIẾN XỨ	THỨC VÔ BIẾN XỨ	VÔ SỞ HỮU XỨ	P.T.P.P TƯƠNG XỨ
TÂM SƠ ĐẠO (5)	SƠ THIÊN	NHỊ THIÊN	TAM THIÊN	TỨ THIÊN	NGŨ THIÊN			
TÂM NHỊ ĐẠO (5)	SƠ THIÊN	NHỊ THIÊN	TAM THIÊN	TỨ THIÊN	NGŨ THIÊN			
TÂM TAM ĐẠO (5)	SƠ THIÊN	NHỊ THIÊN	TAM THIÊN	TỨ THIÊN	NGŨ THIÊN			
TÂM TỨ ĐẠO (5)	SƠ THIÊN	NHỊ THIÊN	TAM THIÊN	TỨ THIÊN	NGŨ THIÊN			
TÂM SƠ QUẢ (5)	SƠ THIÊN	NHỊ THIÊN	TAM THIÊN	TỨ THIÊN	NGŨ THIÊN			
TÂM NHỊ QUẢ (5)	SƠ THIÊN	NHỊ THIÊN	TAM THIÊN	TỨ THIÊN	NGŨ THIÊN			
TÂM TAM QUẢ (5)	SƠ THIÊN	NHỊ THIÊN	TAM THIÊN	TỨ THIÊN	NGŨ THIÊN			
TÂM TỨ QUẢ (5)	SƠ THIÊN	NHỊ THIÊN	TAM THIÊN	TỨ THIÊN	NGŨ THIÊN			

## SỞ HỮU TÂM (52) - CETASIKA

SỞ HỮU THAM (13)	XÚC	THỌ	TƯƠNG	TƯ	NHẤT HÀNH	MANG QUYỀN	TÁC Y	SỞ HỮU BIÊN HÀNH (7)
	TÂM	TỨ	THẮNG GIÁT	CĂN	HỮY	DỤC		SỞ HỮU BIỆT CẢNH (6)
SỞ HỮU SI (14)	SI	VÔ TÂM	VÔ Ý	ĐIỀU CỨ				SỞ HỮU SI PHẦN (4) (SH Bất Thiên B. Hành)
	THAM	TÀ KIẾN	Ngã MAN					SỞ HỮU THAM PHẦN (3)
SỞ HỮU BẤT THIÊN (14)	SÂN	TẬT	LẶN	HỐI				SỞ HỮU SÂN PHẦN (3)
	HÔN TRÂM	THUY MIÊN						SỞ HỮU HÔN PHẦN (2)
SỞ HỮU TỊNH HẢO (25)	HOÀI NGHI							SỞ HỮU NGHI PHẦN (1)
	TÍN	NIỆM	TÂM	ÚY	VÔ THAM	VÔ SÂN	TRUNG BÌNH	SỞ HỮU TỊNH HẢO BIÊN HÀNH (19)
TỊNH THÂN	TỊNH TÂM	KHINH THÂN	KHINH TÂM	NHU THÂN	NHU TÂM			
THÍCH THÂN	THÍCH TÂM	THUẬN THÂN	THUẬN TÂM	CHÁNH THÂN	CHÁNH TÂM			
Chánh Ngã	CHÁNH NGHIỆP	CHÁNH MANG					SỞ HỮU NGĂN TRỪ PHẦN (3)	
SỞ HỮU TỊNH HẢO (25)	BI	Tùy Hỷ						SỞ HỮU VÔ LƯỢNG PHẦN (2)
	Trí							SỞ HỮU TRÍ TUỆ

## SẮC PHÁP (28)



SẮC TỨ ĐẠI (4)	ĐẤT	NƯỚC	LỬA	GIÓ		
	NHÂN THANH	Nhĩ THANH	TỠ THANH	THIỆT THANH	THÂN THANH	SẮC THANH TRIỆT (5)
SẮC Y ĐẠI SINH (24)	CẢNH SẮC	CẢNH THÍNH	CẢNH KHÍ	CẢNH VỊ		SẮC CẢNH GIỚI (4)
	NAM TÍNH	NỮ TÍNH				SẮC TÍNH (2)
SẮC Y ĐẠI SINH (24)	Ý VẬT	MANG QUYỀN	VẬT THỰC	GIAO GIỚI		
	THÂN BIỂU TRI	KHẨU BIỂU TRI				SẮC BIỂU TRI (2)
SẮC Y ĐẠI SINH (24)	Nhẹ	MỀM	THÍCH SỰ			SẮC KỶ DỊ (3)
	TÍCH TRỨ	THỪA KẾ	LÃO MAI	VÔ THƯỜNG		SẮC TỨ TƯỢNG (4)

**NÍP BÀN (PHÁP VÔ VI)**

### PHÁP SIÊU LÝ (CHON ĐỀ)

### PHÁP CHẾ ĐỊNH (TỤC ĐỀ)

#### DANH CHẾ ĐỊNH

#### NGHĨA CHẾ ĐỊNH

- DANH CHON
- PHI DANH CHON
- DANH CHON PHI DANH CHON
- PHI DANH CHON DANH CHON
- DANH CHON DANH CHON
- PHI DANH CHON PHI DANH CHON
- HÌNH THỨC
- HIỆP THÀNH
- CHỨNG SANH
- PHƯƠNG HƯƠNG
- THỜI GIAN
- HƯ KHÔNG
- TIÊU BIỂU